

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM



VĂN KIẾN
ĐẠI HỘI ĐẢNG
THỜI KỲ ĐỔI MỚI
PHẦN II
(ĐẠI HỘI X, XI, XII)

ST

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

Chịu trách nhiệm xuất bản
GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP
PGS.TS. PHẠM MINH TUẤN

Chịu trách nhiệm nội dung
ỦY VIÊN HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP - XUẤT BẢN
ThS. PHẠM THỊ THINH

Biên tập nội dung:	ThS. PHẠM NGỌC BÍCH TS. HOÀNG MẠNH THẮNG ThS. NGUYỄN THANH HƯƠNG TRẦN PHAN BÍCH LIỄU
Trình bày bìa:	PHẠM THÚY LIỄU
Chế bản vi tính:	LÂM THỊ HƯƠNG
Đọc sách mẫu:	THANH HƯƠNG VIỆT HÀ

VĂN KIẾN
ĐẠI HỘI ĐẢNG
THỜI KỲ ĐỔI MỚI
PHẦN II
(ĐẠI HỘI X, XI, XII)

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM



VĂN KIẾN
ĐẠI HỘI ĐẢNG
THỜI KỲ ĐỔI MỚI
PHẦN II
(ĐẠI HỘI X, XI, XII)

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT
Hà Nội - 2019

CHÚ DẪN CỦA NHÀ XUẤT BẢN

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng diễn ra vào tháng 12-1986 là một sự kiện chính trị đặc biệt quan trọng của đất nước, đánh dấu bước ngoặt lịch sử trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, định hướng cho toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta phát huy sức mạnh đoàn kết dân tộc để tiến hành công cuộc đổi mới, toàn diện đất nước.

Sau hơn 30 năm đổi mới, từ năm 1986 đến nay, chúng ta đã đạt được nhiều thành tựu hết sức to lớn và có ý nghĩa lịch sử trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Trong đó phải kể đến sự thay đổi cơ bản và toàn diện nền kinh tế. Từ khi thực hiện công cuộc đổi mới, kinh tế Việt Nam đã chuyển mình mạnh mẽ, đưa nước ta thoát khỏi tình trạng khủng hoảng, tốc độ tăng trưởng cao, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được đẩy mạnh. Cơ cấu kinh tế của Việt Nam đã bước đầu chuyển dịch theo hướng hiện đại. Đời sống tinh thần và vật chất của người dân được cải thiện rõ rệt. An sinh xã hội và phúc lợi xã hội cơ bản được đảm bảo và phát triển khá đồng bộ. Bên cạnh đó, hệ thống chính trị và khối đại đoàn kết toàn dân tộc được củng cố và tăng cường, góp phần quan trọng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, phát triển văn hóa, xã hội. Quốc phòng, an ninh được giữ vững. Vị thế đất nước không ngừng được nâng cao trên trường quốc tế. Từ đó, sức mạnh tổng hợp quốc gia tăng lên nhanh chóng, tạo điều kiện thuận lợi cho nước ta tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới mà Đảng và Nhà nước ta đã khởi xướng theo chiều sâu.

Nhằm mục đích hệ thống hóa các văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng, đáp ứng nhu cầu học tập, tìm hiểu, nghiên cứu của các cấp, các ngành, các địa phương, của cán bộ, đảng viên và nhân dân, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật xuất bản cuốn ***Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới***. Cuốn sách được chia làm hai phần: Phần I (Đại hội VI, VII, VIII, IX); Phần II (Đại hội X, XI, XII), bao gồm các bài diễn văn khai mạc, báo cáo chính trị, nghị quyết, phương hướng và mục tiêu phát triển đất nước, Điều lệ Đảng và diễn văn bế mạc được trình bày trong các kỳ Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách cùng bạn đọc.

Tháng 6 năm 2019

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

VĂN KIẾN
ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC
LẦN THỨ X

DIỄN VĂN KHAI MẠC
ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC
LẦN THỨ X ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

(Do đồng chí Trần Đức Lương, Ủy viên
Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng
khóa IX, Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa
Việt Nam trình bày, ngày 18 tháng 4 năm 2006)

Thưa Đoàn Chủ tịch Đại hội,

Thưa các vị khách quý,

Thưa các đồng chí đại biểu Đại hội,

Hôm nay, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng Cộng sản Việt Nam long trọng khai mạc tại Thủ đô Hà Nội. Thay mặt Đoàn Chủ tịch, tôi xin nhiệt liệt chào mừng 1.176 đại biểu, được bầu ra từ đại hội đại biểu các cấp, đại diện cho trên 3,1 triệu đảng viên, tiêu biểu cho sức mạnh đoàn kết, ý chí và nguyện vọng của toàn Đảng, về dự Đại hội trong thời điểm lịch sử quan trọng của cách mạng và của dân tộc ta.

Đại hội chúng ta nồng nhiệt chào mừng các đồng chí nguyên Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, các đại biểu lão thành cách mạng, các đồng chí nguyên Phó Chủ tịch nước, Phó Thủ tướng Chính phủ, Phó Chủ tịch Quốc hội, các đồng chí nguyên là Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng các khóa,

các Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, các nhân sĩ, trí thức và đại diện thế hệ trẻ là khách mời của Đại hội.

Trong giờ phút trọng thể này, Đại hội chúng ta thành kính tưởng nhớ và bày tỏ lòng biết ơn vô hạn Chủ tịch Hồ Chí Minh, Người sáng lập và rèn luyện Đảng ta, lãnh tụ vĩ đại của Đảng và dân tộc ta, Anh hùng giải phóng dân tộc, Danh nhân văn hoá thế giới, chiến sĩ lỗi lạc của phong trào cộng sản quốc tế. Sự nghiệp cách mạng của Đảng và của nhân dân ta 76 năm qua đã khẳng định rằng, tư tưởng vĩ đại của Người cùng với chủ nghĩa Mác - Lênin mãi mãi là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động của Đảng và cách mạng Việt Nam, là tài sản tinh thần vô giá của Đảng và dân tộc ta. Tư tưởng đó đã dẫn dắt chúng ta trên mỗi chặng đường xây dựng và phát triển đất nước, là ngọn cờ thắng lợi của cách mạng Việt Nam, là sức mạnh tập hợp và đoàn kết toàn dân tộc trong sự nghiệp cách mạng của chúng ta hôm nay và mai sau.

Đại hội chúng ta thành kính tưởng nhớ các thế hệ cán bộ, chiến sĩ, đồng bào, đồng chí đã hy sinh vì sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc dưới sự lãnh đạo của Đảng. Đại hội bày tỏ lòng tiếc thương các đồng chí Ủy viên Trung ương Đảng khoá IX đã qua đời.

Đại hội nhiệt liệt hoan nghênh và trân trọng cảm ơn sự tham gia nhiệt tình và sự đóng góp quý báu, đầy trách nhiệm của các tổ chức đảng, của toàn thể đảng viên, của các đoàn thể chính trị xã hội các cấp, của các vị lão thành cách mạng, các nhân sĩ, trí thức, các nhà khoa học và đông đảo các tầng lớp nhân dân trong nước, đồng bào Việt Nam đang sinh sống ở nước ngoài, bạn bè quốc tế vào các văn kiện Đại hội lần thứ X của Đảng, góp phần quan trọng làm cho các văn kiện

trình Đại hội hôm nay thực sự là kết tinh của trí tuệ và sức sáng tạo của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta. Chúng ta nhiệt liệt hoan nghênh và biểu dương phong trào thi đua sôi nổi của các tầng lớp nhân dân, các ngành, các cấp, các địa phương và đơn vị lập những thành tích xuất sắc chào mừng Đại hội.

Thưa Đại hội,

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng Cộng sản Việt Nam diễn ra trong thời điểm lịch sử có ý nghĩa vô cùng quan trọng. Sự nghiệp đổi mới trên đất nước ta đã trải qua 20 năm. Toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta vừa kết thúc 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng, cũng là 5 năm đầu tiên của thế kỷ XXI. Trong 5 năm ấy, bên cạnh những thuận lợi cơ bản, nước ta cũng gặp không ít khó khăn, thách thức do những diễn biến phức tạp của tình hình thế giới, những khó khăn vốn có của nền kinh tế đang ở trình độ kém phát triển, thiên tai, dịch bệnh và những yếu kém chủ quan trong tổ chức và quản lý. Nhưng với sự nỗ lực vượt bậc của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta, 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng đã đạt được những thành tựu rất quan trọng. Nhìn khái quát cả 20 năm đổi mới, chúng ta thấy những thành tựu đạt được là to lớn và có ý nghĩa lịch sử, đã đưa lại cho đất nước ta một sự thay đổi cơ bản và toàn diện, làm cho thế và lực, uy tín quốc tế của nước ta tăng lên nhiều so với trước.

Trong những năm sắp tới, tình hình quốc tế sẽ có nhiều diễn biến nhanh chóng và phức tạp, khó lường. Sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của chúng ta có những thuận lợi và cơ hội lớn để tiến lên, đồng thời cũng gặp nhiều khó khăn, thách thức không thể xem thường.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng có nhiệm vụ nhìn thẳng vào sự thật để kiểm điểm, đánh giá khách quan, toàn diện thành tựu và những yếu kém, khuyết điểm, đồng thời rút ra được những bài học kinh nghiệm qua việc thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng, thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm (2001 - 2005), chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (2001 - 2010) và nhìn lại 20 năm đổi mới; từ đó tiếp tục phát triển và hoàn thiện đường lối, quan điểm, định ra phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ phát triển đất nước 5 năm tới (2006 - 2010); phương hướng, nhiệm vụ xây dựng Đảng; bổ sung, sửa đổi một số điểm trong Điều lệ Đảng; bầu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá X thực sự tiêu biểu về phẩm chất chính trị và đạo đức cách mạng, có đủ trí tuệ và năng lực lãnh đạo thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội X, đặc biệt là thực hiện nhiệm vụ xây dựng Đảng ta thực sự trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, gắn bó mật thiết với nhân dân, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng trong thời kỳ mới.

Thưa Đại hội,

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng nêu cao ý chí sắt đá của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta phấn đấu đưa nước ta sớm ra khỏi tình trạng kém phát triển và vươn lên trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Chúng ta nhất định làm hết sức mình cho việc nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, thực hiện bằng được mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”, vững bước

tiến lên chủ nghĩa xã hội, sánh vai cùng các nước tiên tiến trên thế giới.

Với niềm tin sâu sắc đó, thay mặt Đoàn Chủ tịch, tôi xin tuyên bố khai mạc Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X Đảng Cộng sản Việt Nam.

Chúc các đại biểu và các vị khách quý sức khỏe, hạnh phúc.

Chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

**NÂNG CAO NĂNG LỰC LÃNH ĐẠO
VÀ SỨC CHIẾN ĐẤU CỦA ĐẢNG,
PHÁT HUY SỨC MẠNH TOÀN DÂN TỘC,
ĐẨY MẠNH TOÀN DIỆN CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI,
SỚM ĐƯA NƯỚC TA RA KHỎI TÌNH TRẠNG
KÉM PHÁT TRIỂN**

(Báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá IX
về các Văn kiện Đại hội X của Đảng do đồng chí Tổng Bí thư
Nguyễn Đức Mạnh trình bày, ngày 18 tháng 4 năm 2006)

Thưa Đoàn Chủ tịch,

Thưa các vị khách quý,

Thưa các đồng chí đại biểu Đại hội,

Đại hội X của Đảng họp vào lúc toàn Đảng, toàn dân ta
kết thúc 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội IX và đã trải
qua 20 năm đổi mới.

Đại hội có nhiệm vụ kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết
Đại hội IX và quyết định phương hướng, nhiệm vụ phát
triển đất nước 5 năm tới. Chủ đề của Đại hội là: *Nâng cao
năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, phát huy sức
mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới,
sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển.*

Ban Chấp hành Trung ương xin trình Đại hội các văn
kiện: *Báo cáo chính trị; Báo cáo về phương hướng, nhiệm vụ*

phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006 - 2010; Báo cáo công tác xây dựng Đảng; Báo cáo về một số vấn đề về bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng và dự thảo Điều lệ Đảng (bổ sung, sửa đổi); Báo cáo về kết quả thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khoá VIII trên lĩnh vực đấu tranh phòng, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí trong nhiệm kỳ Đại hội IX và Báo cáo kiểm điểm sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá IX.

Trong quá trình chuẩn bị các văn kiện, đảng bộ các cấp, Quốc hội, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân, các tổ chức chính trị - xã hội, các đồng chí lão thành cách mạng, các nhà trí thức đã đóng góp nhiều ý kiến phong phú và sâu sắc. Sau khi dự thảo *Báo cáo chính trị* được công bố rộng rãi, đông đảo các tầng lớp nhân dân trong nước và đồng bào ta định cư ở nước ngoài đã sôi nổi đóng góp nhiều ý kiến quý báu, đầy tâm huyết, thể hiện tinh thần trách nhiệm với Đảng, với dân tộc, mong muốn Đảng ta ngày càng vững mạnh, đất nước ta ngày càng phát triển, Đại hội X đánh dấu bước phát triển về đường lối, chính sách, về tổ chức và nhân sự đáp ứng được đòi hỏi của cuộc sống. Các văn kiện trình Đại hội lần này là kết tinh trí tuệ của toàn Đảng, toàn dân ta.

Từ diễn đàn trọng thể này, Đại hội chúng ta nhiệt liệt hoan nghênh và bày tỏ lòng biết ơn chân thành về sự đóng góp xây dựng quý báu ấy của đồng chí, đồng bào!

Thưa các đồng chí,

Sau đây, thay mặt Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá IX, tôi xin trình bày những nội dung chủ yếu trong các văn kiện trình Đại hội.

I- ĐÁNH GIÁ 5 NĂM THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI IX CỦA ĐẢNG VÀ NHÌN LẠI 20 NĂM ĐỔI MỚI

Năm năm qua, bên cạnh những thuận lợi do tiến trình đổi mới tạo ra, nước ta cũng gặp không ít khó khăn, thách thức do những yếu kém vốn có của nền kinh tế trình độ thấp; thiên tai, dịch bệnh xảy ra ở nhiều nơi; tình hình thế giới và khu vực diễn biến hết sức phức tạp. Trong hoàn cảnh đó, toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta ra sức phấn đấu thực hiện Nghị quyết Đại hội IX và ***đã đạt những thành tựu rất quan trọng***:

Nền kinh tế đã vượt qua thời kỳ suy giảm, đạt tốc độ tăng trưởng khá cao, năm sau cao hơn năm trước, bình quân trong 5 năm (2001 - 2005) là 7,51% và phát triển tương đối toàn diện. Văn hoá và xã hội có tiến bộ trên nhiều mặt; việc gắn phát triển kinh tế với giải quyết các vấn đề xã hội có chuyển biến tốt, nhất là trong công cuộc xoá đói, giảm nghèo; đời sống các tầng lớp nhân dân được cải thiện. Chính trị - xã hội ổn định, quốc phòng và an ninh được tăng cường; quan hệ đối ngoại có bước phát triển mới. Việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa có tiến bộ trên cả ba lĩnh vực lập pháp, hành pháp và tư pháp. Sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc được phát huy. Công tác xây dựng Đảng đạt một số kết quả tích cực.

Đạt được những thành tựu trên là nhờ đường lối đúng đắn của Đảng; sự quản lý thống nhất theo pháp luật của Nhà nước, sự điều hành năng động của Chính phủ và sự nỗ lực của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân. Đó còn là do tác động tích cực của những cơ chế, chính sách đã ban hành; do kết quả đầu tư trong nhiều năm qua đã làm cho năng lực sản xuất của nhiều ngành và toàn bộ nền kinh tế tăng khá.

Nhân dịp này, Đại hội chúng ta nhiệt liệt biểu dương các ngành, các cấp, các cơ sở sản xuất, kinh doanh, các tầng lớp nhân dân đã lao động quên mình, góp phần đem lại những thành tựu rất quan trọng đó.

Bên cạnh thành tựu đạt được, chúng ta còn những **khuyết điểm và yếu kém**:

Tăng trưởng kinh tế chưa tương xứng với khả năng; chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế còn kém; cơ cấu kinh tế chuyển dịch chậm. Cơ chế, chính sách về văn hoá - xã hội chậm đổi mới; nhiều vấn đề xã hội bức xúc chưa được giải quyết tốt. Các lĩnh vực quốc phòng, an ninh, đối ngoại còn một số mặt hạn chế. Tổ chức và hoạt động của Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân còn một số khâu chậm đổi mới. Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng chưa đạt yêu cầu.

Có những khuyết điểm đó là do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan, chủ yếu là những nguyên nhân chủ quan như: tư duy của Đảng trên một số lĩnh vực chậm đổi mới; một số vấn đề ở tầm quan điểm, chủ trương lớn chậm làm rõ nên chưa đạt được sự thống nhất cao về nhận thức và thiếu dứt khoát trong hoạch định chính sách, chỉ đạo điều hành. Sự chỉ đạo tổ chức thực hiện chưa tốt, nhất là trong ba lĩnh vực: xây dựng đồng bộ thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; tạo bước chuyển mạnh về phát triển nguồn nhân lực; đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của hệ thống chính trị. Một bộ phận cán bộ, đảng viên, kể cả một số cán bộ chủ chốt các cấp yếu kém về phẩm chất, năng lực và tinh thần trách nhiệm, vừa thiếu tính tiên phong, gương mẫu, vừa không đủ trình độ, năng lực hoàn thành nhiệm vụ.

Những khuyết điểm nói trên, trước hết thuộc về trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương, trực tiếp là của Bộ Chính trị. Ban Chấp hành Trung ương xin tự phê bình nghiêm túc về những khuyết điểm của mình trước Đại hội và trước nhân dân.

Thưa các đồng chí,

Cùng với việc kiểm điểm 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội IX, chúng ta nhìn lại 20 năm đổi mới.

Hai mươi năm qua, với sự nỗ lực phấn đấu của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, *công cuộc đổi mới ở nước ta đã đạt những thành tựu to lớn và có ý nghĩa lịch sử.*

Đất nước đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, có sự thay đổi cơ bản và toàn diện. Kinh tế tăng trưởng khá nhanh; sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đang đầy mạnh. Đời sống nhân dân được cải thiện rõ rệt. Hệ thống chính trị và khối đại đoàn kết toàn dân tộc được củng cố và tăng cường. Chính trị - xã hội ổn định. Quốc phòng và an ninh được giữ vững. Vị thế nước ta trên trường quốc tế không ngừng nâng cao. Sức mạnh tổng hợp của quốc gia đã tăng lên rất nhiều, tạo ra thế và lực mới cho đất nước tiếp tục đi lên với triển vọng tốt đẹp.

Nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ngày càng sáng tỏ hơn; hệ thống quan điểm lý luận về công cuộc đổi mới, về xã hội xã hội chủ nghĩa và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam đã hình thành trên những nét cơ bản.

Xã hội xã hội chủ nghĩa mà Đảng, Nhà nước và nhân dân ta xây dựng là một xã hội dân giàu, nước mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh; do nhân dân làm chủ; có nền kinh tế

phát triển cao, dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất; có nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; con người được giải phóng khỏi áp bức, bất công, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, phát triển toàn diện; các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tương trợ, giúp nhau cùng tiến bộ; có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản; có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới.

Để đi lên chủ nghĩa xã hội, chúng ta phải phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá; xây dựng nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc làm nền tảng tinh thần của xã hội; xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc; xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh; bảo đảm vững chắc quốc phòng và an ninh quốc gia; chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế.

Thưa các đồng chí,

Ban Chấp hành Trung ương rất vui mừng báo cáo với Đại hội, trong quá trình thảo luận và đóng góp ý kiến vào các dự thảo văn kiện trình Đại hội lần này, trong Đảng và trong nhân dân đã có sự nhất trí cao với đánh giá tổng quát: những thành tựu đạt được trong 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội IX là *rất quan trọng*; những thành tựu của 20 năm đổi mới là *to lớn và có ý nghĩa lịch sử*.

Từ thực tiễn đổi mới, Đảng và Nhà nước ta càng tích lũy thêm nhiều kinh nghiệm lãnh đạo và quản lý. Có thể rút ra ***một số bài học lớn*** sau đây:

Một là, trong quá trình đổi mới phải kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

Hai là, đổi mới toàn diện, đồng bộ, có kế thừa, có bước đi, hình thức và cách làm phù hợp.

Ba là, đổi mới phải vì lợi ích của nhân dân, dựa vào nhân dân, phát huy vai trò chủ động, sáng tạo của nhân dân, xuất phát từ thực tiễn, nhạy bén với cái mới.

Bốn là, phát huy cao độ nội lực, đồng thời ra sức khai thác ngoại lực, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong điều kiện mới.

Năm là, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, không ngừng đổi mới tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị, xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền lực thuộc về nhân dân.

Thực tiễn chứng minh hùng hồn rằng, đường lối đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo thực hiện là hoàn toàn đúng đắn, sáng tạo, phù hợp với thực tiễn của đất nước và giai đoạn hiện nay. Tại Đại hội này, Đảng ta khẳng định “tiếp tục đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới”, một chủ trương được toàn dân ủng hộ và dư luận quốc tế đánh giá cao.

Qua tổng kết lý luận - thực tiễn 20 năm đổi mới, chúng ta càng thấy rõ giá trị định hướng và chỉ đạo có ý nghĩa to lớn của *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (năm 1991), đồng thời cũng thấy rõ thêm những vấn đề mới đặt ra cần được giải đáp. Sau Đại hội X, Đảng ta cần tiếp tục nghiên cứu, bổ sung và phát triển *Cương lĩnh*, làm nền tảng chính trị, tư tưởng cho mọi hoạt động của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta trong quá trình đưa nước ta đi lên chủ nghĩa xã hội.

II- MỤC TIÊU VÀ PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC 5 NĂM 2006 - 2010

Thưa các đồng chí,

Trong những năm sắp tới, *trên thế giới*, hoà bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn. Kinh tế thế giới và khu vực tiếp tục phục hồi và phát triển nhưng vẫn tiềm ẩn những yếu tố bất trắc khó lường. Toàn cầu hoá kinh tế tạo ra cơ hội nhưng cũng chứa đựng nhiều yếu tố bất bình đẳng, gây khó khăn, thách thức cho các quốc gia, nhất là các nước đang phát triển. Khoa học và công nghệ sẽ có những bước đột phá mới. Mặt khác, những cuộc chiến tranh cục bộ, xung đột vũ trang, xung đột dân tộc, tôn giáo, chạy đua vũ trang, hoạt động can thiệp, lật đổ, tranh chấp về lãnh thổ và tài nguyên thiên nhiên tiếp tục diễn ra ở nhiều nơi với tính chất ngày càng phức tạp. Đồng thời, nhiều vấn đề toàn cầu bức xúc đòi hỏi các quốc gia và các tổ chức quốc tế phải phối hợp giải quyết như khoảng cách chênh lệch giữa các nhóm nước giàu và nước nghèo ngày càng lớn; tình trạng môi trường tự nhiên bị huỷ hoại, khí hậu diễn biến ngày càng xấu...

Ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương nói chung và Đông Nam Á nói riêng, xu thế hoà bình, hợp tác và phát triển tiếp tục gia tăng, nhưng luôn tiềm ẩn những nhân tố gây mất ổn định.

Trong nước, những thành tựu 5 năm qua (2001 - 2005) và 20 năm đổi mới (1986 - 2006) tạo thêm nhiều thuận lợi cho đất nước ta đổi mới, phát triển kinh tế - xã hội với nhịp độ nhanh hơn, chất lượng cao hơn. Tuy nhiên, nước ta đang đứng trước nhiều thách thức lớn, đan xen nhau, tác động tổng hợp và diễn biến phức tạp, không thể coi thường bất cứ thách thức nào. Nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế so với

nhiều nước trong khu vực và trên thế giới vẫn tồn tại. Tình trạng suy thoái về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên gắn liền với tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí vẫn đang diễn ra nghiêm trọng chưa được ngăn chặn có hiệu quả. Những biểu hiện xa rời mục tiêu, lý tưởng của chủ nghĩa xã hội chưa được khắc phục. Các thế lực thù địch vẫn đang ráo riết thực hiện âm mưu “diễn biến hoà bình”, gây bạo loạn lật đổ, sử dụng các chiêu bài “dân chủ”, “nhân quyền”, “dân tộc”, “tôn giáo” hòng làm thay đổi chế độ chính trị ở nước ta.

Thưa các đồng chí,

Từ sự phân tích các mặt nêu trên, chúng ta khẳng định rằng: những năm tới, tuy khó khăn còn nhiều, nhưng *đất nước ta có cơ hội lớn để tiến lên. Đòi hỏi bức bách của toàn dân tộc ta lúc này là phải tranh thủ cơ hội, vượt qua thách thức, tiếp tục đổi mới mạnh mẽ, toàn diện và đồng bộ hơn, phát triển với tốc độ nhanh hơn và bền vững hơn.*

Năm năm 2006 - 2010 có ý nghĩa quyết định đối với việc hoàn thành *Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm đầu thế kỷ XXI.*

Mục tiêu và phương hướng tổng quát của 5 năm 2006 - 2010 là: *Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, huy động và sử dụng tốt mọi nguồn lực cho công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước; phát triển văn hoá; thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; tăng cường quốc phòng và an ninh, mở rộng quan hệ đối ngoại; chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế; giữ vững ổn định chính trị - xã hội; sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém*

phát triển; tạo nên tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

Sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển là mục tiêu trực tiếp của Đại hội X. Như chúng ta đều biết, Đại hội IX đã đề ra *Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2001 - 2010* nhằm “đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển”. Nay chúng ta nêu lên chữ *sớm* là thể hiện quyết tâm phấn đấu đạt mục tiêu chiến lược ấy *trước năm 2010*. Đây là điều mong ước thiết tha và là đòi hỏi bức xúc của toàn Đảng, toàn dân ta. Nêu “sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển” là thể hiện sự nhìn nhận nghiêm túc, khách quan về tình hình đất nước hiện nay, đồng thời cổ vũ nhân dân ta vươn lên với tinh thần tự tôn dân tộc và quyết tâm cao để đưa đất nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển, không chỉ ở mức thu nhập bình quân đầu người thấp mà còn ở những lĩnh vực khác như kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, chỉ số phát triển con người...

Việc thực hiện thắng lợi mục tiêu này sẽ đánh dấu một bước phát triển mới trên con đường đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Với quyết tâm cao, chúng ta đề ra những chỉ tiêu định hướng về phát triển kinh tế - xã hội chủ yếu, trong đó, quan trọng nhất là: *đến năm 2010*, tổng sản phẩm trong nước (GDP) gấp hơn 2,1 lần so với năm 2000; trong 5 năm 2006 - 2010, mức tăng trưởng GDP bình quân đạt 7,5 - 8%/năm, phấn đấu đạt trên 8%/năm. Cơ cấu ngành trong GDP: khu vực nông nghiệp khoảng 15 - 16%; công nghiệp và xây dựng 43 - 44%; dịch vụ 40 - 41%. Tạo việc làm cho 8 triệu lao động, tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị dưới 5%. Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn mới) giảm xuống còn 10 - 11%...

III- TIẾP TỤC HOÀN THIỆN THỂ CHẾ KINH TẾ
THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA.
ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HOÁ, HIỆN ĐẠI HOÁ
GẮN VỚI PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRI THỨC

Thưa các đồng chí,

Trong sự nghiệp xây dựng đất nước, Đảng và Nhà nước ta luôn coi phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm. Trong 5 năm tới, chúng ta chủ trương tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá gắn với phát triển kinh tế tri thức.

Để hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, điều cần thiết trước hết là nắm vững định hướng xã hội chủ nghĩa trong nền kinh tế thị trường ở nước ta. Đó là:

Thực hiện mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”; giải phóng mạnh mẽ và không ngừng phát triển sức sản xuất, nâng cao đời sống nhân dân. Phát triển nền kinh tế nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, trong đó, kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo; kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân. Thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách phát triển; thực hiện chế độ phân phối chủ yếu theo kết quả lao động, hiệu quả kinh tế, đồng thời theo mức đóng góp vốn cùng các nguồn lực khác và thông qua phúc lợi xã hội. Phát huy quyền làm chủ xã hội của nhân dân, bảo đảm vai trò quản lý, điều tiết nền kinh tế của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Về nội dung, cần tiến hành đồng thời cả ba mặt:

- *Nâng cao vai trò và hiệu lực quản lý của Nhà nước.*

Nhà nước tập trung làm tốt các chức năng: định hướng sự phát triển bằng các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và chính sách trên cơ sở tôn trọng và tuân thủ các nguyên tắc của thị trường; tạo môi trường pháp lý thuận lợi để phát huy các nguồn lực của xã hội cho phát triển; bảo đảm tính bền vững và tích cực của các cân đối kinh tế vĩ mô, hạn chế các rủi ro và tác động tiêu cực của kinh tế thị trường; thực hiện quản lý nhà nước bằng hệ thống pháp luật, giảm tối đa sự can thiệp hành chính vào hoạt động của thị trường và doanh nghiệp...

- *Phát triển đồng bộ và quản lý có hiệu quả sự vận hành các loại thị trường cơ bản theo cơ chế cạnh tranh lành mạnh.* Cùng với việc phát triển mạnh *thị trường hàng hoá, dịch vụ và thị trường sức lao động*, cần phát triển vững chắc *thị trường tài chính*, bao gồm thị trường vốn và thị trường tiền tệ theo hướng đồng bộ, có cơ cấu hoàn chỉnh; phát triển *thị trường bất động sản*, bao gồm thị trường quyền sử dụng đất và bất động sản gắn liền với đất, làm cho đất đai thực sự trở thành nguồn vốn cho phát triển, thị trường bất động sản trong nước có sức cạnh tranh so với thị trường khu vực; phát triển *thị trường khoa học và công nghệ* trên cơ sở đổi mới cơ chế, chính sách để phần lớn sản phẩm khoa học và công nghệ (trừ nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu phục vụ xây dựng đường lối, chiến lược, chính sách phát triển quốc phòng và an ninh) trở thành hàng hoá.

- *Phát triển mạnh các thành phần kinh tế, các loại hình tổ chức sản xuất, kinh doanh.* Các thành phần kinh tế: kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân (cá thể, tiểu chủ, tư bản tư nhân), kinh tế tư bản nhà nước, kinh tế có vốn

đầu tư nước ngoài hoạt động theo pháp luật đều là bộ phận hợp thành quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, bình đẳng trước pháp luật, cùng tồn tại và phát triển lâu dài, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh.

Chúng ta chủ trương xây dựng và thực hiện Chiến lược quốc gia về phát triển doanh nghiệp, xây dựng một hệ thống doanh nghiệp Việt Nam có sức cạnh tranh cao, chủ lực là một số tập đoàn kinh tế và công ty lớn dựa trên hình thức cổ phần. Cần tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước, trọng tâm là cổ phần hoá; đổi mới và phát triển các loại hình kinh tế tập thể; phát triển mạnh các hộ kinh doanh cá thể và các loại hình doanh nghiệp của tư nhân; thu hút mạnh nguồn lực của các nhà đầu tư nước ngoài.

Về **đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá gắn với phát triển kinh tế tri thức**, chúng ta tranh thủ các cơ hội thuận lợi do bối cảnh quốc tế tạo ra và tiềm năng, lợi thế của nước ta để rút ngắn quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa gắn với phát triển kinh tế tri thức. Phải coi kinh tế tri thức là yếu tố quan trọng của nền kinh tế và công nghiệp hoá, hiện đại hoá; phát triển mạnh các ngành kinh tế và các sản phẩm kinh tế có giá trị gia tăng cao dựa nhiều vào tri thức.

Chúng ta chủ trương **đẩy mạnh hơn nữa công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp và nông thôn, giải quyết đồng bộ các vấn đề nông nghiệp, nông thôn và nông dân**. Phải phát triển toàn diện nông nghiệp, chuyển dịch mạnh cơ cấu nông nghiệp và kinh tế nông thôn theo hướng tạo ra giá trị gia tăng ngày càng cao, gắn với công nghiệp chế biến và thị trường; thực hiện cơ khí hoá, điện khí hoá, thuỷ lợi hoá, đưa nhanh tiến bộ khoa học - kỹ thuật và công nghệ sinh học vào

sản xuất, nâng cao năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh, phù hợp với đặc điểm từng vùng, từng địa phương. Khẩn trương xây dựng các quy hoạch phát triển nông thôn và thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới; xây dựng các làng, xã, thôn, ấp, bản có cuộc sống no đủ, văn minh, môi trường lành mạnh; hình thành các khu dân cư đô thị hoá với kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ. Phát huy dân chủ ở nông thôn đi đôi với xây dựng nếp sống văn hoá, nâng cao trình độ dân trí; chuyển dịch cơ cấu lao động ở nông thôn theo hướng giảm nhanh tỷ trọng lao động làm nông nghiệp, tăng tỷ trọng lao động làm công nghiệp và dịch vụ. Tạo điều kiện để lao động nông thôn có việc làm trong và ngoài khu vực nông thôn, kể cả ở nước ngoài.

Trong việc *phát triển công nghiệp, xây dựng và dịch vụ*, chúng ta khuyến khích phát triển các ngành công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp chế tác, công nghiệp phân mềm và công nghiệp hỗ trợ có lợi thế cạnh tranh, tạo nhiều sản phẩm xuất khẩu và thu hút nhiều lao động; phát triển một số khu kinh tế mở và đặc khu kinh tế, nâng cao hiệu quả của các khu công nghiệp, khu chế xuất. Khuyến khích, tạo điều kiện để các thành phần kinh tế tham gia phát triển mạnh các ngành công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu; sản xuất tư liệu sản xuất quan trọng theo hướng hiện đại; ưu tiên thu hút đầu tư của các tập đoàn kinh tế và các công ty xuyên quốc gia. Khẩn trương thu hút vốn trong và ngoài nước đầu tư thực hiện một số dự án quan trọng về khai thác dầu khí, lọc dầu và hoá dầu, luyện kim, cơ khí chế tạo, hoá chất cơ bản, phân bón, vật liệu xây dựng, xây dựng các kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội. Tạo bước phát triển vượt bậc của các ngành dịch vụ, nhất là những ngành có chất lượng cao, tiềm năng lớn và có sức cạnh tranh; đưa tốc độ tăng trưởng của các ngành dịch vụ cao hơn tốc độ tăng GDP.

Chúng ta chủ trương *phát triển kinh tế vùng* thông qua các chính sách phù hợp tạo điều kiện cho các vùng trong cả nước cùng phát triển, đồng thời tạo sự liên kết giữa các vùng và nội vùng; *phát triển kinh tế biển* theo một chiến lược toàn diện, có trọng tâm, trọng điểm, sớm đưa nước ta trở thành một quốc gia mạnh về kinh tế biển trong khu vực, gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh và hợp tác quốc tế. *Chuyển dịch cơ cấu lao động, cơ cấu công nghệ*. Đến năm 2010, tỷ lệ lao động trong khu vực nông nghiệp còn dưới 50% lực lượng lao động xã hội.

Phát triển khoa học và công nghệ ở nước ta phải phù hợp xu thế phát triển nhảy vọt của cách mạng khoa học - công nghệ trên thế giới. Cố gắng đi ngay vào công nghệ hiện đại đối với một số lĩnh vực then chốt và từng bước mở rộng ra toàn bộ nền kinh tế. Chú trọng phát triển công nghệ cao để tạo đột phá và công nghệ dùng nhiều lao động để giải quyết việc làm.

Bảo vệ và sử dụng có hiệu quả tài nguyên quốc gia, *cải thiện môi trường tự nhiên*. Chủ động *phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn*.

IV- GIẢI QUYẾT TỐT CÁC VẤN ĐỀ XÃ HỘI, VĂN HOÁ, GIÁO DỤC, KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Thưa các đồng chí,

Từ thực tiễn xây dựng đất nước mấy chục năm qua, chúng ta nhận thức ngày càng sâu sắc rằng, xã hội, văn hoá là những lĩnh vực thể hiện rõ nhất bản chất của chế độ xã hội chủ nghĩa. Trong những năm tới, cần đưa việc giải quyết các vấn đề xã hội và phát triển văn hoá lên nhanh hơn nữa, tương xứng với nhịp độ phát triển kinh tế.

Về **xã hội**, chúng ta chủ trương kết hợp chặt chẽ, hợp lý các mục tiêu kinh tế với các mục tiêu xã hội trong phạm vi cả nước, ở từng lĩnh vực, địa phương; thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách phát triển, thực hiện tốt các chính sách xã hội trên cơ sở phát triển kinh tế, gắn quyền lợi với nghĩa vụ, cống hiến với hưởng thụ, tạo động lực mạnh mẽ hơn cho phát triển kinh tế - xã hội.

Chúng ta khuyến khích mọi người dân làm giàu theo pháp luật, đồng thời thực hiện có hiệu quả các chính sách xoá đói giảm nghèo, thực hiện tốt hơn công bằng xã hội. Đổi mới cơ chế quản lý và phương thức cung ứng các dịch vụ công cộng theo nguyên tắc Nhà nước tập trung đầu tư cho các chương trình mục tiêu quốc gia về vấn đề xã hội; đồng thời phát huy tiềm năng, trí tuệ và các nguồn lực trong nhân dân, của toàn xã hội. Xây dựng hệ thống an sinh xã hội đa dạng; phát triển mạnh hệ thống bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, bảo hộ lao động. Đổi mới và hoàn thiện hệ thống y tế theo hướng công bằng, hiệu quả và phát triển, tạo cơ hội cho mọi người dân được bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khoẻ. Xây dựng chiến lược quốc gia về nâng cao sức khoẻ, tầm vóc con người Việt Nam, tăng tuổi thọ và cải thiện chất lượng giống nòi. Thực hiện tốt các chính sách dân số và kế hoạch hoá gia đình, các chính sách ưu đãi xã hội.

Về **văn hoá**, chúng ta chủ trương tiếp tục phát triển sâu rộng và nâng cao chất lượng nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, gắn kết chặt chẽ và đồng bộ hơn với phát triển kinh tế - xã hội, làm cho văn hoá thấm sâu vào mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, tạo ra chất lượng mới của cuộc sống; xây dựng và hoàn thiện giá trị, nhân cách con người Việt Nam thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Ba lĩnh vực cần tập trung thực hiện bằng được là: xây dựng môi trường, lối sống và đời sống văn hoá của mọi người dân ở cơ sở, phát huy tinh thần tự nguyện, tính tự quản và năng lực làm chủ của nhân dân; khuyến khích sáng tạo văn học, nghệ thuật, tạo ra những tác phẩm, công trình có giá trị cao về tư tưởng và nghệ thuật; xây dựng và nâng cấp đồng bộ hệ thống thiết chế văn hoá, chú trọng các công trình văn hoá lớn, tiêu biểu.

Theo phương hướng ấy, cần tiếp tục đầu tư cho việc bảo tồn và tôn tạo các di tích lịch sử và di sản văn hoá; tạo điều kiện cho các lĩnh vực xuất bản, thông tin đại chúng phát triển; bảo đảm tự do dân chủ cho mọi hoạt động sáng tạo văn hoá, văn học, nghệ thuật đi đôi với phát huy trách nhiệm công dân của văn nghệ sĩ, chăm sóc các tài năng văn hoá, nghệ thuật; đổi mới nội dung và phương thức quản lý của Nhà nước về văn hoá...

Về **giáo dục và đào tạo**, chúng ta phấn đấu để lĩnh vực này cùng với khoa học và công nghệ thực sự là quốc sách hàng đầu, thông qua việc đổi mới toàn diện giáo dục và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, chấn hưng nền giáo dục Việt Nam. Những biện pháp cụ thể là: đổi mới cơ cấu tổ chức, nội dung, phương pháp dạy và học theo hướng “chuẩn hoá, hiện đại hoá, xã hội hoá”. Phát huy trí sáng tạo, khả năng vận dụng, thực hành của người học. Đề cao trách nhiệm của gia đình, nhà trường và xã hội. Chuyển dần mô hình giáo dục hiện nay sang mô hình giáo dục mở - mô hình xã hội học tập với hệ thống học tập suốt đời, đào tạo liên tục, liên thông giữa các bậc học, ngành học. Phát triển giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và hệ thống hướng nghiệp, dạy nghề. Đổi mới hệ thống giáo dục đại học và sau đại học; gắn đào tạo, nghiên cứu khoa học, công nghệ với sử dụng, trực

tiếp phục vụ chuyển đổi cơ cấu lao động. Đổi mới cơ chế quản lý giáo dục; thực hiện phân cấp, tạo động lực và sự chủ động của các cơ sở, các chủ thể tiến hành giáo dục. Nhà nước tăng đầu tư tập trung cho các mục tiêu ưu tiên, các chương trình quốc gia phát triển giáo dục, hỗ trợ các vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo; thực hiện miễn giảm việc đóng góp và cấp học bổng cho học sinh nghèo, các đối tượng chính sách, học sinh giỏi.

Về **khoa học và công nghệ**, chúng ta phấn đấu đến năm 2010, năng lực khoa học và công nghệ nước ta đạt trình độ của các nước tiên tiến trong khu vực trên một số lĩnh vực quan trọng.

Phát triển khoa học xã hội hướng vào việc tiếp tục góp phần làm sáng tỏ những nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, cung cấp luận cứ khoa học cho việc hoạch định đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. *Phát triển khoa học tự nhiên* theo hướng tập trung nghiên cứu cơ bản định hướng ứng dụng, đặc biệt các lĩnh vực Việt Nam có nhu cầu và thế mạnh. *Phát triển công nghệ*, đẩy mạnh có chọn lọc việc nhập công nghệ, mua sáng chế kết hợp với công nghệ nội sinh để nhanh chóng đổi mới và nâng cao trình độ công nghệ; phát triển công nghệ cao, nhất là công nghệ thông tin, công nghệ sinh học và công nghệ vật liệu mới.

Chúng ta chủ trương *đổi mới cơ chế quản lý khoa học và công nghệ* theo hướng Nhà nước đầu tư vào các chương trình nghiên cứu quốc gia đạt trình độ khu vực và thế giới, xây dựng tiềm lực khoa học và công nghệ của một số lĩnh vực trọng điểm. Đa dạng hoá các nguồn lực đầu tư, huy động các thành phần kinh tế tham gia và đẩy mạnh hội nhập quốc tế trong lĩnh vực khoa học và công nghệ. Có chính sách trọng

dụng nhân tài, các nhà khoa học đầu ngành, tổng công trình sư, kỹ sư trưởng, kỹ thuật viên lành nghề và công nhân kỹ thuật có tay nghề cao; thu hút các nhà khoa học, công nghệ giỏi ở trong nước, ngoài nước và trong cộng đồng người Việt Nam định cư ở nước ngoài.

V- TĂNG CƯỜNG QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH;
MỞ RỘNG QUAN HỆ ĐỐI NGOẠI, CHỦ ĐỘNG
VÀ TÍCH CỰC HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ

Thưa các đồng chí,

Về **quốc phòng và an ninh**, cần thực hiện mọi biện pháp cần thiết, có hiệu quả để xây dựng nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân vững mạnh toàn diện; bảo vệ vững chắc độc lập chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa; bảo vệ an ninh chính trị, an ninh kinh tế, văn hoá - tư tưởng và an ninh xã hội; duy trì trật tự, kỷ cương, an toàn xã hội; góp phần giữ vững ổn định chính trị của đất nước, ngăn chặn, đẩy lùi và làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, không để bị động, bất ngờ. Coi trọng nhiệm vụ bảo đảm an ninh chính trị nội bộ.

Chúng ta chủ trương kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường sức mạnh quốc phòng và an ninh trên cơ sở phát huy mọi tiềm năng của đất nước, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân kết hợp chặt chẽ với thế trận an ninh nhân dân; đẩy mạnh xây dựng các khu vực phòng thủ tỉnh, thành phố; tiếp tục phát triển các khu kinh tế - quốc phòng, xây dựng các khu quốc phòng - kinh tế. Xây dựng Quân đội nhân dân và Công an nhân dân cách mạng, chính quy,

tin cậy, từng bước hiện đại, là lực lượng nòng cốt của sức mạnh quốc phòng - an ninh; nâng cao chất lượng tổng hợp, sức chiến đấu để lực lượng vũ trang thực sự là lực lượng chính trị trong sạch, vững mạnh, tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, với Đảng, Nhà nước và nhân dân, luôn được nhân dân tin cậy, yêu mến.

Về **quan hệ đối ngoại**, chúng ta thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, hoà bình, hợp tác và phát triển; chính sách đối ngoại rộng mở, đa phương hoá, đa dạng hoá các quan hệ quốc tế. Việt Nam là bạn, đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, tham gia tích cực vào tiến trình hợp tác quốc tế và khu vực.

Nhiệm vụ của công tác đối ngoại là giữ vững môi trường hoà bình, tạo các điều kiện quốc tế thuận lợi cho công cuộc đổi mới, đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đồng thời góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Chúng ta chủ trương đưa các quan hệ quốc tế đã được thiết lập đi vào chiều sâu, ổn định, bền vững đồng thời phát triển quan hệ với tất cả các nước, các vùng lãnh thổ trên thế giới và các tổ chức quốc tế theo các nguyên tắc: tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nhau, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau; không dùng vũ lực hoặc đe dọa dùng vũ lực; giải quyết các bất đồng và tranh chấp thông qua thương lượng hoà bình; tôn trọng lẫn nhau, bình đẳng và cùng có lợi.

Tiếp tục củng cố và tăng cường quan hệ với các đảng cộng sản, công nhân, đảng cánh tả, các phong trào độc lập dân tộc,

cách mạng và tiến bộ trên thế giới; mở rộng quan hệ với các đảng cầm quyền. Phát triển công tác đối ngoại nhân dân theo phương châm “chủ động, linh hoạt, sáng tạo và hiệu quả”. Tăng cường vận động viện trợ và nâng cao hiệu quả hợp tác với các tổ chức phi chính phủ nước ngoài.

Đẩy mạnh hơn nữa hoạt động kinh tế đối ngoại, hội nhập kinh tế quốc tế sâu hơn và đầy đủ hơn với các thể chế kinh tế toàn cầu, khu vực và song phương, lấy phục vụ lợi ích đất nước làm mục tiêu cao nhất. Chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế theo lộ trình, phù hợp với chiến lược phát triển đất nước từ nay đến năm 2010 và tầm nhìn đến năm 2020; thực hiện cam kết với các nước về thương mại, đầu tư và các lĩnh vực khác; chuẩn bị tốt các điều kiện để ký kết và thực hiện các hiệp định thương mại tự do song phương và đa phương. Thúc đẩy quan hệ hợp tác toàn diện và có hiệu quả với các nước ASEAN, các nước châu Á - Thái Bình Dương; củng cố và phát triển quan hệ hợp tác song phương tin cậy với các đối tác chiến lược; khai thác có hiệu quả các cơ hội và giảm tối đa những thách thức, rủi ro khi nước ta là thành viên Tổ chức Thương mại thế giới (WTO).

VI- PHÁT HUY DÂN CHỦ VÀ SỨC MẠNH ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC; HOÀN THIỆN NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

Thưa các đồng chí,

Đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức, dưới sự lãnh đạo của Đảng là đường lối chiến lược nhất quán của cách mạng Việt Nam; là nguồn sức mạnh, động lực chủ yếu

và là nhân tố có ý nghĩa quyết định bảo đảm thắng lợi bền vững của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Đại đoàn kết toàn dân tộc cần lấy mục tiêu giữ vững độc lập, thống nhất của Tổ quốc, vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh làm điểm tương đồng để gắn bó đồng bào các dân tộc, các tôn giáo, các tầng lớp nhân dân ở trong nước và đồng bào ta định cư ở nước ngoài; xoá bỏ mọi mặc cảm, định kiến, phân biệt đối xử về quá khứ, thành phần giai cấp; tôn trọng những ý kiến khác nhau không trái với lợi ích của dân tộc; đề cao truyền thống nhân nghĩa, khoan dung, xây dựng tinh thần cởi mở, tin cậy lẫn nhau, giữ gìn sự ổn định chính trị và đồng thuận xã hội vì tương lai tươi sáng của dân tộc.

Đại đoàn kết là sự nghiệp của toàn dân tộc, của cả hệ thống chính trị mà hạt nhân lãnh đạo là các tổ chức đảng, được thực hiện bằng nhiều biện pháp, hình thức, trong đó các chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước có ý nghĩa quan trọng hàng đầu. Các chính sách và pháp luật của Nhà nước phải nhằm phát huy mạnh mẽ hơn nữa dân chủ (dân chủ đại diện, dân chủ trực tiếp và chế độ tự quản của cộng đồng dân cư), đồng thời giữ vững kỷ cương xã hội và đạo lý dân tộc.

Chúng ta cần tiếp tục đổi mới và hoàn thiện các chính sách cụ thể đối với các giai cấp, các tầng lớp, các dân tộc, các tôn giáo; chú trọng chính sách đối với giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, trí thức, doanh nhân, thế hệ trẻ, phụ nữ, cựu chiến binh, người cao tuổi, đồng bào định cư ở nước ngoài.

Đảng ta luôn coi *vấn đề dân tộc và đoàn kết các dân tộc* là vấn đề chiến lược, cơ bản, lâu dài của sự nghiệp cách mạng nước ta. Các dân tộc trong đại gia đình Việt Nam bình đẳng,

đoàn kết, tôn trọng và giúp đỡ nhau cùng tiến bộ; cùng nhau thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Chúng ta thực hiện nhất quán chính sách tôn trọng và bảo đảm *quyền tự do tín ngưỡng*, theo hoặc không theo tôn giáo của công dân, quyền sinh hoạt tôn giáo bình thường theo pháp luật. Đoàn kết đồng bào theo các tôn giáo khác nhau, đồng bào theo tôn giáo và đồng bào không theo tôn giáo. Đấu tranh ngăn chặn các hành vi lợi dụng các vấn đề dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo để hoạt động trái pháp luật, kích động, chia rẽ nhân dân, chia rẽ các dân tộc, tôn giáo, làm phương hại đến lợi ích chung của đất nước.

Thưa các đồng chí,

Thực hiện đại đoàn kết, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, vì thắng lợi của sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc là một nội dung trọng yếu trong chủ đề của Đại hội này, là quyết tâm không gì lay chuyển nổi của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta.

Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân có vai trò rất quan trọng trong việc tập hợp, vận động, đoàn kết rộng rãi các tầng lớp nhân dân; đại diện cho quyền lợi hợp pháp và nguyện vọng chính đáng của nhân dân; đưa các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, các chương trình kinh tế, văn hoá, xã hội, an ninh, quốc phòng thành hoạt động thực tiễn sinh động trong cuộc sống của nhân dân.

Nhà nước ban hành và bổ sung pháp luật để Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân thực hiện tốt vai trò giám sát và phản biện xã hội. Các cấp uỷ đảng và các cấp chính quyền tăng cường tiếp xúc, đối thoại trực tiếp với nhân dân; thường xuyên lắng nghe ý kiến của Mặt trận và các đoàn thể nhân dân phản ánh với Đảng, Nhà nước những vấn đề mà nhân

dân quan tâm, tham gia xây dựng chủ trương, chính sách, pháp luật sát hợp với cuộc sống. Thực hiện tốt *Quy chế dân chủ ở cơ sở* để Mặt trận, các đoàn thể và các tầng lớp nhân dân tham gia xây dựng Đảng, chính quyền và hệ thống chính trị. Về phần mình, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể và các hội quần chúng cần đổi mới mạnh mẽ và nâng cao chất lượng hoạt động, khắc phục cho được tình trạng hành chính hoá, phô trương, hình thức; làm tốt công tác dân vận theo phong cách *trọng dân, gần dân, hiểu dân, học dân và có trách nhiệm với dân, nghe dân nói, nói dân hiểu, làm dân tin*.

Dân chủ xã hội chủ nghĩa vừa là mục tiêu vừa là động lực của công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, thể hiện mối quan hệ gắn bó giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân. Nhà nước là đại diện quyền làm chủ của nhân dân, đồng thời là người tổ chức và thực hiện đường lối chính trị của Đảng. Mọi đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước đều phải phản ánh lợi ích của đại đa số nhân dân. Nhân dân không chỉ có quyền mà còn có trách nhiệm tham gia hoạch định và thi hành các chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

Chúng ta chủ trương xây dựng một xã hội dân chủ, trong đó cán bộ, đảng viên và công chức phải thực sự là công bộc của nhân dân, chịu sự giám sát của nhân dân.

Nhà nước ta là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Cần xây dựng cơ chế vận hành của Nhà nước, bảo đảm nguyên tắc tất cả quyền lực nhà nước đều thuộc về nhân dân. Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp giữa các cơ quan trong việc thực hiện quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp. Hoàn thiện hệ thống pháp luật, tăng tính cụ thể, khả thi của các quy định trong văn bản

pháp luật. Xây dựng và hoàn thiện thể chế giám sát, kiểm tra tính hợp hiến và hợp pháp trong các hoạt động và quyết định của các cơ quan công quyền.

Theo phương hướng đó, tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của Quốc hội, của Chính phủ, của các cơ quan tư pháp, đẩy mạnh cải cách hành chính và cải cách tư pháp, tăng cường hiệu lực và hiệu quả các hoạt động lập pháp, hành pháp và tư pháp. Nâng cao chất lượng hoạt động của hội đồng nhân dân và uỷ ban nhân dân các cấp.

Tích cực phòng ngừa và kiên quyết chống tham nhũng, lãng phí là đòi hỏi bức xúc của xã hội, là quyết tâm chính trị của Đảng ta, nhằm xây dựng một bộ máy lãnh đạo và quản lý trong sạch, vững mạnh, khắc phục một trong những nguy cơ lớn đe dọa sự sống còn của chế độ ta.

Năm năm qua, việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) và Kết luận của Hội nghị Trung ương 4 khoá IX trên lĩnh vực đấu tranh phòng và chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí... tuy đã đạt được một số kết quả, có tác dụng cảnh báo, răn đe, ngăn ngừa, kiểm chế nhất định nhưng vẫn chưa đạt yêu cầu đề ra, chưa ngăn chặn và đẩy lùi được các tệ nạn đó.

Sắp tới, phải thi hành một cách kiên quyết và đồng bộ hệ thống các biện pháp phòng, chống tham nhũng, lãng phí, bao gồm: bổ sung, hoàn thiện các quy định về quản lý kinh tế - tài chính, về thanh tra, kiểm tra; tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, sắp xếp, tổ chức bộ máy gọn nhẹ; bảo đảm công khai, minh bạch các hoạt động kinh tế, tài chính trong các cơ quan, đơn vị; tiếp tục đổi mới chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức. Khẩn trương và nghiêm chỉnh thực hiện *Luật phòng, chống tham nhũng, Luật thực hành tiết kiệm,*

chống lãng phí; bổ sung, sửa đổi Luật khiếu nại và tố cáo. Xử lý kiên quyết, kịp thời, công khai những người tham nhũng bất kể ở chức vụ nào, đương chức hay đã nghỉ hưu, tịch thu, sung công tài sản có nguồn gốc từ tham nhũng; những người bao che cho tham nhũng, hoặc lợi dụng việc tố cáo tham nhũng để vu khống, làm hại người khác, gây mất đoàn kết nội bộ; có cơ chế khuyến khích và bảo vệ những người tích cực đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực; biểu dương và nhân rộng những gương cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở; phát huy vai trò của cơ quan dân cử, của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và của nhân dân trong việc giám sát cán bộ, công chức và cơ quan công quyền; phát hiện, đấu tranh với các hành vi tham nhũng, lãng phí.

VII- ĐỔI MỚI, CHỈNH ĐỐN ĐẢNG, NÂNG CAO NĂNG LỰC LÃNH ĐẠO VÀ SỨC CHIẾN ĐẤU CỦA ĐẢNG; BỔ SUNG, SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ ĐẢNG

Thưa các đồng chí,

Năm năm qua, trong quá trình lãnh đạo toàn diện công cuộc đổi mới, Đảng ta đã kiên trì và nghiêm túc thực hiện nhiệm vụ then chốt về xây dựng Đảng trên cả ba mặt chính trị, tư tưởng và tổ chức, chú trọng cơ sở và địa bàn trọng yếu, nhờ đó đã đạt được một số kết quả tích cực. Tuy vậy, nhìn chung, cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, tự phê bình và phê bình trong các cơ quan, tổ chức đảng, đảng viên chưa đạt yêu cầu đề ra. Tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, phẩm chất đạo đức, lối sống, bệnh cơ hội, giáo điều, bảo thủ, chủ nghĩa cá nhân và tệ quan liêu,

tham nhũng, lãng phí trong một bộ phận không nhỏ cán bộ, công chức còn diễn ra nghiêm trọng. Nhiều tổ chức cơ sở đảng bị tê liệt, thiếu sức chiến đấu và không đủ năng lực lãnh đạo và chỉ đạo để giải quyết những vấn đề phức tạp nảy sinh. Công tác tư tưởng còn nhiều bất cập và thiếu tính thuyết phục, tính chiến đấu. Công tác lý luận chưa làm sáng tỏ được một số vấn đề quan trọng trong công cuộc đổi mới. Công tác tổ chức và cán bộ còn bộc lộ nhiều mặt yếu kém. Chất lượng và hiệu quả kiểm tra, giám sát chưa cao.

Trong những năm tới, chúng ta phải dành nhiều công sức tạo được chuyển biến rõ rệt về xây dựng Đảng, phát huy truyền thống cách mạng, bản chất giai cấp công nhân và tính tiên phong của Đảng; xây dựng Đảng ta thực sự trong sạch, vững mạnh cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức, đoàn kết nhất trí cao, gắn bó mật thiết với nhân dân, có phương thức lãnh đạo khoa học, có đội ngũ cán bộ, đảng viên đủ phẩm chất và năng lực. Đây là nhiệm vụ then chốt, có ý nghĩa sống còn đối với Đảng và sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta.

Trước hết, phải nâng cao bản lĩnh chính trị và trình độ trí tuệ của Đảng, kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, vận dụng và phát triển sáng tạo trong thực tiễn hoạt động của Đảng. Nâng cao chất lượng nghiên cứu lý luận và đổi mới công tác giáo dục lý luận chính trị, công tác tư tưởng trong Đảng, nhất là cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo và quản lý chủ chốt các cấp.

Hai là, kiện toàn và đổi mới hoạt động của tổ chức cơ sở đảng, nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên, làm cho mỗi tổ chức cơ sở đảng có trách nhiệm tổ chức và quy tụ được sức mạnh của toàn đơn vị hoàn thành nhiệm vụ chính trị

được giao, mỗi đảng viên thật sự tiên phong, gương mẫu, có phẩm chất, đạo đức cách mạng, có ý thức tổ chức kỷ luật và năng lực hoàn thành nhiệm vụ. Phải kiện toàn hệ thống tổ chức cơ sở đảng, thể chế hoá về mặt nhà nước vai trò, chức năng, nhiệm vụ của các loại hình tổ chức cơ sở đảng; gắn việc nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên với việc nâng cao chất lượng tổ chức cơ sở đảng.

Đảng ta chủ trương: đảng viên làm kinh tế tư nhân phải gương mẫu chấp hành pháp luật, chính sách của Nhà nước, nghiêm chỉnh chấp hành Điều lệ Đảng và quy định của Ban Chấp hành Trung ương. Những quy định ấy cần sớm được ban hành và chỉ đạo thực hiện, bảo đảm vừa phát huy khả năng làm kinh tế của đảng viên, vừa giữ được tư cách, phẩm chất đảng viên và bản chất của Đảng.

Ba là, thực hiện nghiêm túc nguyên tắc tập trung dân chủ trong Đảng; tăng cường quan hệ gắn bó giữa Đảng với nhân dân; nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát. Mọi cán bộ, đảng viên có quyền bàn bạc, tham gia quyết định công việc của Đảng, đồng thời có trách nhiệm thực hiện nghiêm chỉnh các nghị quyết của Đảng. Lãnh đạo các cấp phải lắng nghe ý kiến của cấp dưới, của đảng viên và nhân dân. Xây dựng quy chế ra quyết định của Đảng, bảo đảm phát huy trí tuệ tập thể; hoàn thiện quy chế kiểm tra, giám sát trong Đảng; kết hợp giám sát trong Đảng với giám sát của Nhà nước và giám sát của nhân dân.

Bốn là, đổi mới tổ chức, bộ máy và công tác cán bộ. Sắp xếp, đổi mới tổ chức, bộ máy của Đảng, đặc biệt là các ban đảng, đảng đoàn, ban cán sự đảng, đảng uỷ khối ở Trung ương và cấp uỷ các địa phương gắn với kiện toàn tổ chức bộ máy của cơ quan nhà nước, đổi mới tổ chức và hoạt động của

Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân, bảo đảm tinh gọn, hoạt động thiết thực, hiệu quả; khắc phục tình trạng chồng chéo, trùng lặp; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của các cơ quan và người đứng đầu không rõ. Xây dựng đội ngũ cán bộ đồng bộ, có cơ cấu hợp lý, chất lượng tốt, nhất là đội ngũ cán bộ lãnh đạo kế tiếp vững vàng. Có cơ chế, chính sách bảo đảm phát hiện, đánh giá, tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng, trọng dụng và đãi ngộ xứng đáng người có đức, có tài, dù là đảng viên hay người ngoài Đảng. Cụ thể hoá, thể chế hoá nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ đi đôi với phát huy trách nhiệm của các tổ chức và người đứng đầu tổ chức trong hệ thống chính trị về công tác cán bộ.

Năm là, đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, trong đó tập trung đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước. Đảng lãnh đạo Nhà nước bằng đường lối, quan điểm, các nghị quyết; lãnh đạo thể chế hoá, cụ thể hoá thành *Hiến pháp*, pháp luật; bố trí đúng cán bộ và thường xuyên kiểm tra việc tổ chức thực hiện. Đảng lãnh đạo nhưng không bao biện, làm thay Nhà nước; trái lại, phát huy mạnh mẽ vai trò chủ động, sáng tạo của Nhà nước trong quản lý đất nước và xã hội. Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân, tạo điều kiện để Mặt trận và các đoàn thể xác định đúng mục tiêu, phương hướng hoạt động; đồng thời phát huy tinh thần tự chủ, sáng tạo của Mặt trận và các đoàn thể trong xây dựng, đổi mới tổ chức và hoạt động của mình.

Về bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng, Ban Chấp hành Trung ương đề nghị kiên định các nguyên tắc cơ bản về Đảng và xây dựng Đảng theo chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng

Hồ Chí Minh, đồng thời tiếp thu kết quả tổng kết 20 năm đổi mới, các công trình nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn về xây dựng Đảng để xem xét, bổ sung, sửa đổi một số điểm cần thiết, chín muồi.

Trong các vấn đề đề nghị bổ sung, sửa đổi lần này, có ba vấn đề lớn là:

- Bổ sung cách diễn đạt về Đảng: “Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam; đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của dân tộc”.

- Bổ sung điều khoản “Bầu Ủy viên Trung ương dự khuyết” nhằm cả hai mục đích bồi dưỡng, đào tạo, tạo nguồn cán bộ cho Trung ương và thay thế Ủy viên Trung ương chính thức khi khuyết.

- Giao thêm chức năng giám sát cho cấp ủy đảng và ủy ban kiểm tra các cấp, coi kiểm tra, giám sát trước hết là nhiệm vụ của cấp ủy, gắn công tác kiểm tra với công tác giám sát, có giám sát mới phát hiện được các vấn đề mới, khắc phục được thiếu sót, khuyết điểm ngay từ lúc mới manh nha.

Thưa các đồng chí đại biểu Đại hội,

Đất nước ta ngày càng lớn mạnh. Thế giới đang thay đổi rất nhanh. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nước ta phải sớm trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Nhân dân ta xứng đáng được hưởng cuộc sống ngày càng ấm no, tự do, hạnh phúc.

Đại hội X của Đảng nêu cao ý chí sắt đá của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta, triệu người như một, năng động và sáng tạo, nắm bắt thời cơ, vượt qua thách thức, quyết tâm đổi

mới toàn diện và mạnh mẽ theo con đường xã hội chủ nghĩa, nhằm thực hiện bằng được mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”, sánh vai cùng các nước trên thế giới trong nhịp bước khẩn trương của thời đại.

**BẢN TRÌNH BÀY CỦA ĐOÀN CHỦ TỊCH
VỀ Ý KIẾN THẢO LUẬN CỦA CÁC ĐẠI BIỂU
ĐỐI VỚI CÁC VĂN KIỆN ĐẠI HỘI X
CỦA ĐẢNG**

(Do đồng chí Nguyễn Phú Trọng, Ủy viên Bộ Chính trị
Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX trình bày,
ngày 24 tháng 4 năm 2006)

*Kính thưa Đoàn Chủ tịch,
Thưa các đồng chí,*

Từ chiều 18 đến hết ngày 20-4-2006, Đại hội thảo luận phân văn kiện. Đã có 1.553 lượt ý kiến phát biểu ở đoàn và 29 ý kiến ở hội trường. Không khí thảo luận rất sôi nổi, liên tục và có tranh luận. Nội dung các ý kiến rất phong phú, thẳng thắn, tâm huyết.

Hầu hết các ý kiến nhất trí cao với nội dung các báo cáo, cho rằng các báo cáo được chuẩn bị công phu, dân chủ, nội dung thể hiện tính chiến đấu, tính tổng kết cao; kết cấu hợp lý, văn phong sáng sủa, ngắn gọn, dễ hiểu; sau khi tiếp thu ý kiến của đại hội đảng bộ các cấp, ý kiến của đảng viên, cán bộ và nhân dân, chất lượng các báo cáo được nâng lên rõ rệt, nhất là những nội dung lớn. Nhiều ý kiến cho rằng, việc công bố dự thảo Báo cáo chính trị để lấy ý kiến toàn Đảng, toàn dân trước Đại hội là một việc làm hay, rất đúng, làm cho

Báo cáo chính trị thực sự là kết quả đóng góp trí tuệ của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta.

Các ý kiến phát biểu tại Đại hội đã phân tích làm sáng tỏ, sâu sắc thêm và bổ sung nhiều nội dung quan trọng, cả trên quan điểm chung và trên từng lĩnh vực cụ thể. Một số ý kiến cho rằng cần xem lại một số nhận định, một số chi tiết để bảo đảm tính chính xác, thống nhất giữa các báo cáo, cũng như giữa các phần trong mỗi báo cáo, tránh mâu thuẫn, thiếu nhất quán.

Đoàn Chủ tịch đề nghị Đại hội cho tiếp thu những ý kiến hợp lý, xác đáng để hoàn chỉnh các văn kiện Đại hội, đồng thời để chỉ đạo trong hoạt động thực tiễn. Đối với một số vấn đề khó, còn có ý kiến khác nhau, xin cho ghi nhận để tiếp tục nghiên cứu kỹ hơn sau Đại hội X. Những kiến nghị sửa đổi một số từ ngữ, sắp xếp lại câu chữ hoặc chữa một số lỗi văn phạm, xin giao cho Bộ Chính trị khoá X chỉ đạo sửa chữa, hoàn thiện trước khi công bố chính thức.

Dưới đây, Đoàn Chủ tịch xin trình bày rõ thêm một số vấn đề lớn, quan trọng để Đại hội xem xét, quyết định:

1. Về chủ đề Đại hội X

Nhiều ý kiến nhất trí với chủ đề Đại hội, cho rằng chủ đề này đã thể hiện đầy đủ, ngắn gọn, súc tích và có tính khái quát cao, nêu rõ cả mục tiêu, động lực trước yêu cầu phát triển của cách mạng nước ta và của thời đại; khẳng định quyết tâm của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta trong nhiệm kỳ tới.

Tuy nhiên, có ý kiến cho rằng chủ đề nêu như hiện nay chưa đáp ứng được mong mỏi của đảng viên, nhân dân; chưa mạnh mẽ và chưa tạo ra được sức đột phá mới. Một số ý kiến đề nghị bổ sung, sửa đổi cụ thể như sau:

- Có ý kiến đề nghị bổ sung ý: “giữ vững bản chất cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh”, vì đây là vấn đề có tính nguyên tắc của Đảng.

- Ý kiến khác đề nghị thêm những cụm từ như: “theo định hướng xã hội chủ nghĩa”, “đại đoàn kết toàn dân tộc”, “đẩy mạnh chinh đồn, xây dựng Đảng”, “giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng”. Có ý kiến đề nghị nên nói “Nâng cao năng lực cầm quyền của Đảng”.

- Có ý kiến đề nghị phải nhấn mạnh vấn đề “nâng cao sức chiến đấu của Đảng”; ý kiến khác đề nghị bỏ bớt 4 từ “và sức chiến đấu”, vì “năng lực lãnh đạo” đã bao gồm cả “sức chiến đấu” rồi. Có ý kiến đề nghị viết “phát huy *cao độ* sức mạnh toàn dân tộc”, “*Tiếp tục* đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới”, “kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng”...

- Một số ý kiến đề nghị xem lại từ “sớm” trong “sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển”, vì từ này mới thể hiện định tính, chưa có định lượng, chưa biết “sớm” là như thế nào. Viết “sớm” có vẻ “mềm” quá, nên thay bằng từ “nhANH chóng” hoặc “quyết tâm”. Cụm từ “kém phát triển” có nghĩa tiêu cực, nên thay bằng cụm từ “đưa nước ta trở thành nước phát triển”, “đưa nước ta thành nước công nghiệp hoá, hiện đại hoá”.

Đoàn Chủ tịch xin có ý kiến như sau:

Chủ đề Đại hội là tư tưởng chỉ đạo định hướng hoạt động của Đảng, xác định nhiệm vụ trọng tâm trong mỗi thời kỳ nhất định. Vì vậy phải ngắn gọn, tập trung nêu bật những thành tố quan trọng nhất, những định hướng lớn nhất, có tính chỉ đạo tư tưởng và hành động của toàn Đảng, toàn dân ta những năm tới. Trong chủ đề, không thể đưa vào quá nhiều nội dung, vả lại, bổ sung bao nhiêu cũng không đủ,

càng làm phân tán chủ đề. Bốn thành tố của chủ đề Đại hội (cũng là tiêu đề của Báo cáo chính trị) hiện nay đã thể hiện được tinh thần đó:

- *Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng* là thành tố đầu tiên, có ý nghĩa hết sức quan trọng. Trong tình hình hiện nay, cơ hội và thách thức đan xen nhau, rất nhiều vấn đề mới đặt ra, hơn lúc nào hết chúng ta phải kiên định sự lãnh đạo của Đảng, chăm lo xây dựng Đảng, làm cho Đảng ta ngày càng giàu trí tuệ, trong sạch, vững mạnh. Những ý kiến thảo luận tại đại hội đảng bộ các cấp cũng như ý kiến đóng góp của cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân vừa qua bày tỏ sự quan tâm sâu sắc đến công tác xây dựng Đảng, mong muốn Đảng ta phải không ngừng nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu, chống cho được tham nhũng, tiêu cực, để lãnh đạo đất nước tiếp tục đi lên. Nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng là nâng cao năng lực hoạch định đường lối, chính sách; năng lực tổ chức chỉ đạo thực hiện; tổng kết lý luận - thực tiễn, tạo thống nhất nhận thức và hành động trong Đảng; lãnh đạo Mặt trận và các đoàn thể quần chúng, tăng cường mối quan hệ gắn bó mật thiết với nhân dân (nếu chỉ nói năng lực cầm quyền thì chưa bao quát được hết các lĩnh vực lãnh đạo của Đảng). Nâng cao sức chiến đấu của Đảng là làm cho từng cán bộ, đảng viên, từng tổ chức và cấp uỷ đảng, nói chung là toàn Đảng, phải có ý chí phấn đấu vươn lên, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao; thường xuyên rèn luyện phẩm chất, đạo đức, không nể nang, né tránh, “dĩ hoà vi quý”; kiên quyết đấu tranh với những hiện tượng tiêu cực, tham nhũng, suy thoái ở ngay trong bản thân mỗi đảng viên, ở trong tổ chức đảng, cơ quan nơi mình sinh hoạt, công tác, ở trong Đảng và trong xã hội, dũng cảm đấu tranh chống các tư tưởng, quan điểm và hành động sai trái, thù địch.

- *Phát huy sức mạnh toàn dân tộc* là thành tố thứ hai của chủ đề, chỉ rõ yêu cầu phải động viên đến cao độ sức mạnh của mọi tầng lớp nhân dân, của khối đại đoàn kết dân tộc, của đồng bào trong nước và người Việt Nam định cư ở nước ngoài, của mọi lĩnh vực hoạt động trên đất nước ta; giải phóng mọi tiềm năng, phát huy mọi nguồn lực, mọi thành phần kinh tế; phát huy sức mạnh của truyền thống, lịch sử, văn hoá dân tộc và ý chí kiên cường của người Việt Nam để thực hiện bằng được mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”.

- *Đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới* thể hiện yêu cầu tiếp tục đổi mới một cách mạnh mẽ và đồng bộ hơn trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội; từ tư duy, nhận thức đến hoạt động thực tiễn; từ kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội đến quốc phòng, an ninh, đối ngoại; từ hoạt động lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước đến hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân, các tổ chức chính trị - xã hội; từ hoạt động của cấp trung ương đến hoạt động của địa phương, cơ sở.

- *Sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển* là mục tiêu *trực tiếp* của nhiệm kỳ 2006 - 2010. Đại hội IX đã đề ra Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (2001 - 2010) nhằm “đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển”. Đại hội X nêu quyết tâm *sớm* đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển, hàm ý phấn đấu hoàn thành chiến lược nói trên *trước năm 2010*. Đây là điều mong mỏi thiết tha, là đòi hỏi bức xúc của toàn Đảng, toàn dân ta. Nêu “sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển” không có nghĩa tiêu cực, bi quan, trái lại, đã thể hiện sự nhìn nhận nghiêm túc, khách quan về tình hình đất nước hiện nay, cổ vũ nhân dân ta vươn lên với tinh thần tự tôn dân tộc và quyết tâm cao để đưa

đất nước thoát khỏi tình trạng kém phát triển, có nghĩa là thoát khỏi tình trạng thu nhập bình quân đầu người thấp, chỉ số phát triển con người thấp và tình trạng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội lạc hậu, thiếu thốn. Cũng cần nói thêm rằng, mục tiêu đó là có tính khả thi. Bởi vì theo tính toán của các cơ quan chức năng, nếu chúng ta thực hiện được mức tăng GDP 7,5 - 8%/năm thì đến năm 2009 nước ta sẽ đạt mức GDP bình quân đầu người trên 950USD, tức là đạt mục tiêu ra khỏi tình trạng nước đang phát triển có thu nhập thấp (theo quy chuẩn của Liên hợp quốc).

Vì vậy, Đoàn Chủ tịch xin kiến nghị:

Đại hội cho khẳng định chủ đề của Đại hội X là: “*Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển*” (Ban Chấp hành Trung ương khoá IX biểu quyết với tỉ lệ 90,7% tán thành).

2. Về đánh giá thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng và nhìn lại 20 năm đổi mới

Hầu hết các ý kiến đồng tình với đánh giá 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội IX và kết quả 20 năm đổi mới, cho rằng phần này viết sát, đúng, chặt chẽ, toàn diện, súc tích, phù hợp với thực tiễn đất nước.

Tuy nhiên, cũng có ý kiến đề nghị chỉ nên nhận định 5 năm qua “đã đạt được một số thành tựu quan trọng” và không nên nói thành tựu 20 năm đổi mới “có ý nghĩa lịch sử”, vì như thế là chủ quan, quá nhấn mạnh thành tích.

Một số ý kiến đề nghị trong đánh giá thực hiện Nghị quyết Đại hội IX, cần dựa vào các chỉ tiêu của Đại hội để

tránh cảm tính. Ví dụ chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế bình quân đã đạt kế hoạch 7,5%/năm, song vẫn nhận định là “chưa tương xứng với khả năng”. Nên xem lại nhận định “nền kinh tế đã vượt qua thời kỳ suy giảm”. Có ý kiến cho rằng, nông nghiệp, nông thôn và nông dân là vấn đề chiến lược của Đảng, nhưng văn kiện đề cập chưa sâu, chưa làm rõ những thành tựu cũng như yếu kém trong lĩnh vực này.

Về 20 năm đổi mới, một số ý kiến đề nghị cần nhấn mạnh mặt trái của cơ chế thị trường xâm nhập quá nhanh, nhưng các giải pháp khắc phục còn chắp vá, chưa theo kịp thực tế; đề nghị đánh giá rõ hơn 4 nguy cơ và dự báo hậu quả do các nguy cơ đó gây ra để có biện pháp khắc phục, đồng thời bổ sung thêm một nguy cơ nữa là phân hoá giàu - nghèo ngày càng lớn, dẫn đến nguy cơ gây mất ổn định xã hội. Cần bổ sung bài học chống quan liêu, tham nhũng, thoái hoá, biến chất của cán bộ, đảng viên, bài học về công tác cán bộ; về giữ vững ổn định chính trị, thực hiện dân chủ, v.v..

Đoàn Chủ tịch xin có ý kiến như sau:

- Trong nhiệm kỳ Trung ương khoá VIII (1996 - 2000), do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội ở Đông Nam Á và Đông Á (1997 - 1999), nền kinh tế nước ta suy giảm, chỉ đạt tốc độ tăng trưởng bình quân 7%/năm. Đến nhiệm kỳ Trung ương khoá IX, tổng sản phẩm trong nước (GDP) 5 năm (2001 - 2005) tăng bình quân 7,51%/năm. Năm 2005, mặc dù gặp nhiều khó khăn do thiên tai, dịch bệnh, giá xăng dầu thế giới biến động lớn, nền kinh tế nước ta vẫn có sự khởi sắc mới: tốc độ tăng trưởng là 8,4%/năm, đạt mức Quốc hội đề ra; tổng GDP ước đạt 838.000 tỉ đồng, thu nhập bình quân đầu người đạt hơn 10 triệu đồng (khoảng 640USD). Dư luận quốc tế cho rằng, mức tăng trưởng như vậy là khá cao trong

khu vực. Có tổ chức quốc tế đánh giá mức tăng trưởng của ta là “ngoạn mục”. Đặc biệt, Liên hợp quốc nhận xét Việt Nam đã đạt sớm trước 10 năm mục tiêu xoá đói giảm nghèo trong việc thực hiện “Mục tiêu Thiên niên kỷ” do Liên hợp quốc đề ra. Cuối năm 2005, tỷ lệ hộ nghèo ở nước ta còn 7% (theo chuẩn Việt Nam cho giai đoạn 2001 - 2005), kế hoạch là 10%.

Vì vậy, Báo cáo chính trị viết *“nền kinh tế đã vượt qua thời kỳ suy giảm, đạt tốc độ tăng trưởng khá cao và phát triển tương đối toàn diện”* là phù hợp.

- Công cuộc đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo chính thức được tính từ Đại hội VI (năm 1986), đến nay (năm 2006) vừa tròn 20 năm. Sau 20 năm, chúng ta có điều kiện nhìn lại đầy đủ hơn, toàn diện hơn quá trình đổi mới với tất cả những thành tựu và hạn chế. Vì vậy, Ban Chấp hành Trung ương khoá IX đã quyết định tiến hành tổng kết 20 năm đổi mới để rút ra những bài học kinh nghiệm, lý giải, kết luận một số vấn đề lý luận - thực tiễn nhằm đẩy mạnh công cuộc đổi mới. Báo cáo tổng kết 20 năm đổi mới đã cung cấp luận cứ khoa học cho việc soạn thảo các văn kiện Đại hội X của Đảng. Phần tổng kết, đánh giá 20 năm đổi mới đã được Ban Chấp hành Trung ương khoá IX thông qua và công bố rộng rãi.

Thực tế cho thấy, 20 năm đổi mới đã làm thay đổi bộ mặt đất nước và cải thiện rõ rệt đời sống nhân dân. Điều đó, mỗi chúng ta, mỗi người dân, mỗi gia đình Việt Nam đều cảm nhận được một cách sâu sắc. Dư luận thế giới thừa nhận và đánh giá cao thành tựu đổi mới của Việt Nam. Điều rất quan trọng là sau 20 năm đổi mới, Đảng ta đã có sự nhận thức đúng hơn, bổ sung, phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội trên một loạt vấn đề, đồng thời vận dụng sáng tạo, phù hợp thực tiễn Việt Nam.

Tư duy lý luận của Đảng có bước tiến mới. Đến nay, mặc dù còn không ít vấn đề phải tiếp tục nghiên cứu sâu hơn, nhưng qua 20 năm đổi mới, Đảng ta đã bước đầu hình thành được trên những nét cơ bản một hệ thống quan điểm lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, làm cơ sở khoa học cho đường lối của Đảng.

Vì vậy, Đoàn Chủ tịch xin kiến nghị:

Đại hội cho khẳng định: việc thực hiện Nghị quyết Đại hội IX *“đã đạt những thành tựu rất quan trọng”*. Công cuộc đổi mới ở nước ta *“đã đạt những thành tựu to lớn và có ý nghĩa lịch sử”* (Ban Chấp hành Trung ương khoá IX biểu quyết với 93,6% tán thành).

3. Về các “nguy cơ”

Một số ý kiến đề nghị cần nêu lại “bốn nguy cơ” mà Đại hội IX của Đảng đã nêu, vì các nguy cơ này hiện nay vẫn tồn tại và có mặt phát triển rất đáng lo ngại. Có ý kiến cho rằng, tham nhũng không còn là một nguy cơ mà đã là một thực tế, một quốc nạn; tụt hậu xa về kinh tế cũng không phải là một nguy cơ, mà là một thực tế; trong Đảng ta không có “nguy cơ chệch hướng”, nêu lên nguy cơ đó làm kìm hãm sự năng động, sáng tạo của cán bộ, đảng viên, gây tâm lý rụt rè, ngần ngại trong hoạt động thực tiễn vì sợ “chệch hướng”.

Đoàn Chủ tịch nhận thấy:

Các Đại hội gần đây của Đảng nêu “bốn nguy cơ” là hàm ý chỉ ra những thách thức, những vấn đề nếu không được giải quyết tốt thì có thể đe dọa sự sống còn của chế độ; và đó là thực tế khách quan. Đến nay những nguy cơ đó vẫn tồn tại, thậm chí có một số mặt gay gắt hơn. Nguy cơ “chệch hướng

xã hội chủ nghĩa” là có thật, chúng ta không được mơ hồ, mất cảnh giác. Tuy nhiên, để tránh gây tranh cãi không cần thiết về thế nào là nguy cơ, có mấy nguy cơ, Báo cáo chính trị không dùng cụm từ “bốn nguy cơ” mà nói thẳng nội hàm của các nguy cơ, các thách thức đối với nhân dân ta như sau:

“Nước ta đang đứng trước nhiều thách thức lớn, đan xen nhau, tác động tổng hợp và diễn biến phức tạp, không thể coi thường bất cứ thách thức nào. Nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế so với nhiều nước trong khu vực và trên thế giới vẫn tồn tại. Tình trạng suy thoái về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, gắn với tệ quan liêu tham nhũng, lãng phí là rất nghiêm trọng. Những biểu hiện xa rời mục tiêu của chủ nghĩa xã hội chưa được khắc phục. Các thế lực thù địch thực hiện âm mưu “diễn biến hoà bình”, gây bạo loạn lật đổ, sử dụng các chiêu bài “dân chủ”, “nhân quyền” hòng làm thay đổi chế độ chính trị ở nước ta”.

Đoàn Chủ tịch xin kiến nghị:

Đại hội cho giữ cách diễn đạt về các thách thức như trong Báo cáo chính trị.

4. Về chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế thời kỳ 2006 - 2010

Đa số ý kiến đồng ý chỉ tiêu nêu trong các báo cáo, cho là phù hợp, có cơ sở khoa học và có tính khả thi, đồng thời cũng thể hiện được quyết tâm phấn đấu cao. Tuy nhiên, một số ý kiến cho rằng không nên nêu tới 3 mức (7,5%, 8% và trên 8%/năm). Có ý kiến cho rằng, mức tăng trưởng 7,5 - 8% là thấp, không tích cực, không thu hẹp được khoảng cách với các nước trong khu vực, thực tế 5 năm qua (2001 - 2005) chúng ta đã đạt 7,5%/năm, có năm đạt trên 8%; do đó trong

5 năm tới phải đạt 8 - 8,5%/năm. Có ý kiến đề nghị phải đạt 9 - 10%/năm trở lên. Một số ý kiến đề nghị GDP năm 2010 theo giá so sánh phải gấp 2,5 lần năm 2000 (thay cho 2,1 lần trong dự thảo)...

Đoàn Chủ tịch xin có ý kiến như sau:

Chỉ tiêu tăng trưởng GDP trong 5 năm tới nêu trong Báo cáo là chỉ tiêu *định hướng* và đã được tính toán, cân nhắc kỹ về các yếu tố, cân đối các nguồn lực, vừa với tinh thần rất tích cực phấn đấu cao, vừa bảo đảm tính khả thi, vững chắc; vừa đáp ứng được mục tiêu tăng trưởng kinh tế, vừa phải bảo đảm thực hiện các mục tiêu về phát triển văn hoá - xã hội, bảo vệ môi trường, phát triển bền vững; tạo điều kiện cho sự phát triển trong thời kỳ trước mắt và cả cho giai đoạn tiếp theo.

Cách nêu như vậy cũng là không chốt cứng mà có độ linh hoạt cần thiết, vì bên cạnh các yếu tố nỗ lực chủ quan còn có những biến động khách quan khó lường như biến động giá cả và thị trường thế giới, cũng như điều kiện thời tiết bất lợi và dịch bệnh lớn có thể xảy ra đối với nước ta... Nếu chúng ta đạt được tốc độ tăng trưởng GDP ở mức 7,5 - 8% và phấn đấu đạt trên 8%/năm đi đôi với việc nâng cao chất lượng phát triển kinh tế - xã hội thì sẽ là thành tựu rất quan trọng.

Vì vậy, Đoàn Chủ tịch xin kiến nghị:

Đại hội cho giữ chỉ tiêu tăng trưởng GDP là “7,5 - 8%/năm và phấn đấu đạt trên 8%/năm” (Ban Chấp hành Trung ương khoá IX biểu quyết với 84,34% tán thành).

5. Về vấn đề kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

Đa số ý kiến đồng tình với những nội dung của phần này.

Tuy nhiên, cũng có ý kiến cho rằng, nội hàm “kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa” chưa rõ, thực tế nhiều người chỉ nói “kinh tế thị trường”. Có ý kiến đề nghị làm rõ hơn nội hàm của “định hướng xã hội chủ nghĩa trong phát triển kinh tế thị trường”.

Đoàn Chủ tịch có ý kiến như sau:

Nền kinh tế thị trường tồn tại trong nhiều chế độ xã hội khác nhau và việc xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa ở một nước trình độ kinh tế còn thấp kém như nước ta thì việc phát triển kinh tế thị trường là một yêu cầu khách quan. Kinh tế thị trường là một phương thức phát triển sức sản xuất để đi lên chủ nghĩa xã hội. Nhưng nền kinh tế thị trường mà chúng ta phát triển khác về bản chất so với nền kinh tế thị trường ở nhiều nước khác.

Từ tổng kết 20 năm đổi mới, chúng ta nhận thấy, chủ trương phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là đúng đắn, bước đầu mang lại những kết quả rõ rệt; đồng thời cũng đặt ra nhiều vấn đề rất mới cần tiếp tục nghiên cứu, tổng kết. Chúng ta hiểu rằng, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa có nghĩa: nền kinh tế đó phải tuân theo các nguyên tắc và quy luật phổ biến của kinh tế thị trường, đồng thời phải mang tính định hướng xã hội chủ nghĩa và tạo ra chất lượng mới của sự phát triển. Đó là nền kinh tế được xây dựng ở một chế độ xã hội do nhân dân làm chủ, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa quản lý, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, nhằm mục tiêu đi lên chủ nghĩa xã hội.

Đến nay, có thể sơ bộ nêu lên những nội dung cơ bản của định hướng xã hội chủ nghĩa trong nền kinh tế thị trường ở nước ta là:

- Nhằm mục tiêu thực hiện “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”; giải phóng mạnh mẽ và không ngừng phát triển sức sản xuất, nâng cao đời sống nhân dân.

- Phát triển nền kinh tế nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo; kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân.

- Thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách phát triển; hình thành cấu trúc kinh tế - xã hội phát triển ổn định, bền vững; thực hiện chế độ phân phối chủ yếu theo kết quả lao động, hiệu quả kinh tế, đồng thời theo mức đóng góp vốn cùng các nguồn lực khác và thông qua phúc lợi xã hội.

- Phát huy vai trò làm chủ xã hội của nhân dân, bảo đảm vai trò quản lý, điều tiết nền kinh tế của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Việc đưa ra mô hình kinh tế tổng quát của thời kỳ quá độ ở Việt Nam là nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là bước đột phá về lý luận - thực tiễn có tính sáng tạo của Đảng ta. Chúng ta không lựa chọn mô hình kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa, nhưng nền kinh tế thị trường của chúng ta cũng chưa phải là nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa đã hoàn chỉnh ngay từ đầu, mà còn phải trải qua một quá trình xây dựng rất lâu dài.

Kế tục tư duy của Đại hội IX, Báo cáo chính trị lần này đã làm sáng tỏ thêm một bước nội dung cơ bản của tính định hướng xã hội chủ nghĩa trong phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta và đã được đa số đồng tình. Tuy nhiên, đây là vấn đề rất mới, chưa có tiền lệ; sắp tới chúng ta cần tiếp tục đi sâu nghiên cứu và tổng kết để

nhận thức đầy đủ và sâu sắc hơn, giải đáp có sức thuyết phục hơn những vướng mắc trong thực tiễn.

Vì vậy, Đoàn Chủ tịch xin kiến nghị:

Đại hội cho khẳng định những nội dung về “*định hướng xã hội chủ nghĩa trong nền kinh tế thị trường ở nước ta*” trong Báo cáo chính trị.

6. Về những vấn đề xã hội bức xúc

Như trên đã trình bày, một trong những đặc trưng tính định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế thị trường ở nước ta là thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách phát triển. Vấn đề này được đông đảo cán bộ, đảng viên và nhân dân rất quan tâm. Trong đợt lấy ý kiến của nhân dân đóng góp cho dự thảo Báo cáo chính trị, rất nhiều ý kiến phát biểu về thực hiện công bằng xã hội, xoá đói giảm nghèo, giải quyết việc làm, giảm tốc độ tăng dân số, chăm lo đời sống nông dân, nhất là các vấn đề về giáo dục, y tế, chăm sóc sức khỏe, chính sách đối với những người có công, với thương binh, gia đình liệt sĩ, phòng, chống các tệ nạn xã hội... Đó là những vấn đề thiết thân đối với cuộc sống người dân, của mọi gia đình, mọi vùng trên đất nước ta. Hầu hết các ý kiến đồng tình việc gắn chiến lược phát triển kinh tế với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, tích cực xoá đói giảm nghèo, khuyến khích mọi người làm giàu chính đáng...

Tại Đại hội, một số ý kiến cho rằng, cần có những giải pháp quyết liệt và đồng bộ hơn để giải quyết các vấn đề xã hội bức xúc. Có ý kiến bản khoản việc thực hiện xã hội hoá cung ứng các dịch vụ công cộng, hình như Nhà nước muốn đẩy bớt những vấn đề xã hội về cho người dân phải tự

giải quyết. Như thế, khó mà thực hiện được công bằng xã hội, khó bảo đảm được định hướng xã hội chủ nghĩa.

Đoàn Chủ tịch xin báo cáo như sau:

Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước đã cố gắng giải quyết nhiều vấn đề xã hội bức xúc và thu được một số kết quả tích cực, nhất là về xoá đói giảm nghèo, tạo thêm nhiều việc làm mới, chăm sóc sức khoẻ của nhân dân... Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan, việc giải quyết những vấn đề xã hội bức xúc còn chậm và chưa mạnh mẽ. Điều chưa yên tâm nhất là, nhìn chung, đời sống nông dân còn nhiều khó khăn; đồng bào các vùng nghèo, vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số chưa được hưởng nhiều thành quả của đổi mới; tình trạng phân hoá giàu nghèo giữa thành thị và nông thôn ngày càng doãng ra.

Chúng ta cần nhấn mạnh tinh thần “tích cực và tập trung sức giải quyết các vấn đề xã hội bức xúc” và chủ trương của Đảng ta là: Nhà nước tiếp tục tăng nguồn lực, đầu tư tập trung cho các chương trình mục tiêu quốc gia về xoá đói giảm nghèo, giải quyết việc làm; về giáo dục, y tế, văn hoá, thể dục thể thao, dân số, gia đình, trẻ em...; quan tâm các vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; đồng thời, phát huy tiềm năng, trí tuệ và các nguồn lực vật chất trong nhân dân, của toàn xã hội để cùng Nhà nước giải quyết các vấn đề xã hội.

Hiện nay, biên chế khối sự nghiệp công ích ở nước ta từ cấp huyện trở lên là trên 1.250.000 người và khối hành chính trên 286.000 người. Phần lớn các đơn vị công ích hoạt động theo cơ chế sự nghiệp với nguồn kinh phí chủ yếu dựa vào ngân sách Nhà nước. Việc duy trì quá lâu cơ chế này dẫn tới tình trạng hoạt động sự nghiệp công bất cập, gặp rất nhiều

khó khăn và phát triển chậm hơn so với lĩnh vực kinh tế. Trong khi đó, nhu cầu của nhân dân về các lĩnh vực này tăng rất nhanh với đòi hỏi chất lượng cao hơn. Người sử dụng dịch vụ công cộng hiện nay, ngoài mức phí theo quy định, thường phải chi thêm nhiều khoản khác thiếu minh bạch, dẫn tới nhiều hiện tượng tiêu cực, trái đạo đức nghề nghiệp. Vì vậy, cần đổi mới cơ chế quản lý và cung ứng dịch vụ công cộng theo hướng: Chuyển các cơ sở đang hoạt động theo cơ chế sự nghiệp mang nặng tính hành chính bao cấp sang cơ chế tự chủ, không bao cấp tràn lan và không nhằm mục tiêu lợi nhuận. Phát triển mạnh các cơ sở ngoài công lập; khuyến khích đầu tư trong và ngoài nước phát triển các dịch vụ công cộng. Nhà nước cùng nhân dân tăng cường giám sát, thanh tra, kiểm tra các hoạt động này, bảo đảm đúng pháp luật, nhằm cung ứng các dịch vụ công cộng cho nhân dân có hiệu quả tốt hơn.

7. Về các thành phần kinh tế

Đảng ta đã nhiều lần khẳng định đường lối phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần với những hình thức tổ chức sản xuất kinh doanh đa dạng, đan xen, hỗn hợp. Các thành phần kinh tế kinh doanh theo pháp luật đều là bộ phận hợp thành quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, bình đẳng trước pháp luật, cùng phát triển lâu dài, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh. Thực tiễn đã chứng minh chủ trương đó là đúng và được sự đồng tình nhất trí rất cao trong Đảng và nhân dân. Tuy nhiên, khi xác định các thành phần kinh tế cụ thể và vai trò của từng thành phần thì còn có nhiều ý kiến khác nhau. Vấn đề này đã được thảo luận sôi nổi tại đại hội đảng bộ các cấp và có nhiều ý kiến đóng góp của nhân dân.

Tại Đại hội này, hầu hết các ý kiến của đại biểu nhất trí với việc xác định các thành phần kinh tế như nêu trong Báo cáo chính trị. Một số ý kiến khác đề nghị giữ nguyên như ở Đại hội IX.

Đa số ý kiến tán thành “kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo”. Có ý kiến đề nghị “kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo trong một số ngành, lĩnh vực chủ yếu”. Nhưng có ý kiến khác cho rằng, do phát triển nhiều thành phần kinh tế và đẩy mạnh cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước thì kinh tế nhà nước ngày càng bị thu hẹp, liệu có còn giữ vai trò chủ đạo được không? Có ý kiến băn khoăn về nội dung “kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân”. Có ý kiến cho rằng, phát triển kinh tế tư nhân là không sai, nhưng với chính sách như hiện nay, không có cơ chế kiểm soát chặt chẽ thì đáng lo ngại. Có ý kiến đề nghị không nên nêu thành phần kinh tế tư bản nhà nước.

Đoàn Chủ tịch xin có ý kiến như sau:

Việc phân định các thành phần kinh tế là vấn đề lớn, khó, hệ trọng và rất phức tạp, đã được Ban Chấp hành Trung ương khoá IX thảo luận, tranh luận nhiều lần với tinh thần trách nhiệm cao. Tiếp thu ý kiến của nhiều đồng chí, Ban Chấp hành Trung ương đã chỉ rõ định hướng cho việc xác định thành phần kinh tế là: Văn kiện Đại hội Đảng chỉ nên khẳng định những vấn đề nào đã rõ, đã chín muồi; còn vấn đề nào chưa đủ rõ thì cho tiếp tục nghiên cứu, tổng kết thực tiễn rồi bổ sung dần. Điều quan trọng là phải có chính sách khuyến khích mọi thành phần kinh tế cùng phát triển, không phân biệt đối xử, kỳ thị, định kiến đối với bất cứ thành phần kinh tế nào. Ban Chấp hành

Trung ương khoá IX đã biểu quyết nhất trí nêu phương án để trình với Đại hội về vấn đề thành phần kinh tế. Theo phương án này, ở nước ta hiện nay có các thành phần kinh tế như sau: kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân (cá thể, tiểu chủ, tư bản tư nhân), kinh tế tư bản nhà nước, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài. Trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân. Kinh tế tư nhân có vai trò quan trọng, là một trong những động lực của nền kinh tế. Doanh nghiệp cổ phần ngày càng phát triển, trở thành hình thức tổ chức sản xuất kinh doanh phổ biến, thúc đẩy xã hội hoá sản xuất kinh doanh và sở hữu. Còn vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước không phải thể hiện ở số lượng doanh nghiệp nhiều hay ít, tỉ trọng đóng góp vào GDP cao hay thấp mà ở chỗ, đó là lực lượng vật chất quan trọng để Nhà nước định hướng và điều tiết nền kinh tế, tạo môi trường và điều kiện thúc đẩy các thành phần kinh tế cùng phát triển.

Như thế, so với Đại hội IX, lần này vừa có kế thừa, vừa có bổ sung, phát triển thêm một số điểm cho phù hợp với tình hình mới (như: để chung kinh tế cá thể, tiểu chủ, tư bản tư nhân vào thành phần kinh tế tư nhân; khẳng định vai trò của kinh tế tư nhân, doanh nghiệp cổ phần; nhận thức sâu hơn nội hàm vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước,...). Đoàn Chủ tịch đề nghị Đại hội chấp nhận cho ghi như trong dự thảo.

8. Về công nghiệp hoá, hiện đại hoá

- Có ý kiến cho rằng khái niệm công nghiệp hoá, hiện đại hoá chưa rõ, chưa đưa ra được tiêu chí của một nước công nghiệp hoá để làm mục tiêu phấn đấu. Công nghiệp hoá phải

gắn với hiện đại hoá. Cần đặc biệt chú ý quy hoạch và đầu tư cho từng vùng và liên kết giữa các vùng, nhất là các vùng kinh tế trọng điểm. Cần có chính sách thu hút các nguồn lực, thúc đẩy công nghiệp hoá, hiện đại hoá các tỉnh miền núi, vùng sâu, vùng xa; có chính sách bảo vệ và sử dụng hiệu quả tài nguyên quốc gia, bảo vệ rừng; cải thiện, nâng cao đời sống người trồng rừng. Cần có cơ chế, chính sách tăng sức hấp dẫn thu hút đầu tư nước ngoài vào phát triển các lĩnh vực xây dựng và dịch vụ...

Đoàn Chủ tịch xin đề nghị:

Đại hội cho tiếp thu những ý kiến trên để bổ sung vào văn kiện và tiếp tục nghiên cứu sâu hơn để làm rõ những tiêu chí một nước công nghiệp theo hướng hiện đại trong quá trình xây dựng chiến lược phát triển đất nước giai đoạn 2010 - 2020.

- Có ý kiến cho rằng chưa nên gắn công nghiệp hoá, hiện đại hoá với phát triển kinh tế tri thức, vì 5 năm tới nước ta cơ bản vẫn là nước nông nghiệp. Ý kiến khác đề nghị nên đề cụm từ “từng bước” như dự thảo trước. Không nên coi kinh tế tri thức là “chiếc đũa thần”, quá chú trọng đầu tư vào kinh tế tri thức, vì nước ta chưa có khả năng. Muốn công nghiệp hoá, hiện đại hoá, phát triển kinh tế tri thức thì phải phát triển giáo dục và đào tạo.

Đoàn Chủ tịch xin có ý kiến như sau:

Báo cáo chính trị nêu vấn đề “Đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá gắn với phát triển kinh tế tri thức” là thể hiện bước tiến về nhận thức của Đảng ta, bắt kịp một xu hướng phát triển mới của thế giới, đồng thời đáp ứng đòi hỏi của công cuộc phát triển đất nước ta trong giai đoạn mới. Hiện nay, hầu hết các nước trên thế giới đều có chiến lược phát

triển kinh tế tri thức theo những cách thức phù hợp với điều kiện bên trong và xu thế chung của thời đại. Nước ta muốn thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá thì dứt khoát phải tận dụng những xu hướng và cơ hội do sự phát triển của khoa học và công nghệ hiện đại tạo ra. Phát triển kinh tế tri thức ở Việt Nam thực chất là thực hiện chiến lược công nghiệp hoá rút ngắn dựa trên tri thức, đẩy mạnh việc ứng dụng những thành tựu khoa học và công nghệ hiện đại ở tất cả các ngành, các lĩnh vực kinh tế, đặc biệt ở những ngành mũi nhọn, có lợi thế phát triển, làm tăng tỉ lệ giá trị gia tăng ở từng sản phẩm; giảm chi phí lao động và nguyên liệu, vật liệu; tăng chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh; đẩy nhanh chuyển dịch cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động xã hội theo hướng hiện đại.

Những năm gần đây, thực hiện chủ trương “từng bước phát triển kinh tế tri thức” của Đại hội IX, ở nước ta đã xuất hiện những nhân tố mới, những mô hình phát triển mới dựa vào tri thức. Thí dụ: Tổng Công ty Bưu chính - Viễn thông; những cánh đồng 600 triệu đồng ở xã Đoàn Thượng (Gia Lộc, Hải Dương); các cơ sở trồng hoa dựa trên công nghệ cao ở Đà Lạt (điển hình là Công ty HASFARM); những kết quả ứng dụng công nghệ mới trong các ngành thuỷ sản, công nghiệp đóng tàu biển; ở Viện Máy và Dụng cụ công nghiệp (IMI), ở một số trường đại học lớn, ở Công ty phát triển phụ gia và sản phẩm dầu mỡ (APP), ở Công ty cổ phần TRAPHACO...

Như vậy, chủ trương “Đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá gắn với phát triển kinh tế tri thức” là cần thiết và có tính khả thi. Có quyết tâm thực hiện chủ trương này, chúng ta mới có thể giải phóng và phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất, tạo nền tảng vật chất để đi lên.

Đoàn Chủ tịch xin đề nghị:

Đại hội cho giữ chủ trương trong Báo cáo chính trị: “Đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá gắn với phát triển kinh tế tri thức”.

- Về vấn đề *công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn và cải thiện đời sống nông dân*, một số ý kiến cho rằng, muốn đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, phải giải quyết đồng bộ các vấn đề nông nghiệp, nông thôn và nông dân. Những nội dung nêu trong Báo cáo chính trị chưa đủ rõ, chưa đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn nước ta hiện nay. Cần có quy hoạch phát triển vùng cụ thể hơn; có giải pháp mạnh hơn tạo việc làm cho nông dân vùng thiếu đất sản xuất, mở rộng ngành nghề, đào tạo nghề ở nông thôn; đẩy mạnh cơ giới hoá nông nghiệp. Nên có một bộ riêng chuyên lo về phát triển nông thôn.

Có ý kiến đề nghị cần có chính sách đầu tư phù hợp với từng vùng theo quy hoạch hợp lý; đẩy mạnh tiến trình xây dựng nông thôn mới. Quan tâm đẩy nhanh quá trình tích tụ, tập trung ruộng đất và tăng cường đầu tư cho nông nghiệp; cho thành lập hợp tác xã cổ phần ở nông thôn; cần hình thành các trung tâm giải quyết việc làm, xây dựng các khu đô thị ở nông thôn. Cần tổ chức lại sản xuất, phát triển các hình thức kinh tế trang trại, kinh tế hợp tác, hợp tác xã với quy mô thích hợp; quy hoạch cây trồng, vật nuôi phù hợp với sinh thái, đầu tư chuyển đổi cơ cấu sản xuất theo quy hoạch; có cơ chế, chính sách phù hợp để khuyến khích chuyển giao công nghệ; quan tâm hơn nữa đến chính sách xã hội, tạo điều kiện cho nông nghiệp, nông thôn phát triển bền vững.

Đoàn Chủ tịch xin kiến nghị:

Đại hội cho tiếp thu những ý kiến trên để bổ sung văn kiện và cụ thể hoá trong quá trình tổ chức thực hiện.

9. Về phát huy dân chủ, tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa

Một số ý kiến đề nghị Đảng và Nhà nước cần có cơ chế, chính sách cụ thể để phát huy dân chủ trong các lĩnh vực của đời sống xã hội và ở mọi ngành, mọi cấp, mọi tầng lớp dân cư, trong đó đặc biệt lưu ý phát huy dân chủ ở cơ sở. Có ý kiến đề nghị cần nhắc cụm từ “xây dựng một xã hội dân chủ...”, vì dễ gây sự hiểu lầm; nên viết rõ là “xây dựng một nền dân chủ xã hội chủ nghĩa”. Có ý kiến cho rằng phần xây dựng Nhà nước pháp quyền viết còn chung chung, chưa đủ rõ, chưa có nội dung mới. Nên xác định những nội dung, yêu cầu cơ bản của việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở nước ta trong thời gian tới (tiêu chí cơ bản của Nhà nước pháp quyền và Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa).

Đoàn Chủ tịch xin có ý kiến như sau:

Phát huy dân chủ là vấn đề có ý nghĩa chiến lược đối với tiến trình phát triển của nước ta. Trong những năm đổi mới, nước ta đã có bước tiến lớn về thực thi dân chủ. Đảng, Nhà nước rất quan tâm vấn đề này và đã có nhiều chủ trương, chính sách, quy chế để phát huy dân chủ. Trên thực tế, xã hội ta ngày càng dân chủ hơn: dân chủ về chính trị (sinh hoạt trong Đảng, trong các đoàn thể nhân dân ngày càng cởi mở hơn; hoạt động của Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp ngày càng thực chất hơn, nhân dân tham gia đóng góp vào việc hoạch định chủ trương, đường lối của Đảng, xây dựng luật pháp của Nhà nước, bầu cử Quốc hội, Hội đồng nhân dân

các cấp, thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật...); dân chủ về kinh tế (các thành phần kinh tế phát triển, mọi người được tự do kinh doanh, làm tất cả những gì pháp luật không cấm); dân chủ trong lĩnh vực văn hoá - xã hội (báo chí, các phương tiện truyền thông hoạt động rất sôi động; các cuộc hội thảo tranh luận thẳng thắn, sinh hoạt tôn giáo, lễ hội ngày càng phát triển...). Đó là điều không ai có thể phủ nhận. Ở đâu có dân chủ, ở đó có đoàn kết, đồng thuận, ổn định và phát triển. Tuy nhiên, tình trạng vi phạm dân chủ vẫn còn xảy ra ở nhiều nơi và lĩnh vực. Trong tình hình dân trí lên cao, đời sống mọi mặt của người dân được cải thiện, từ đó có những đòi hỏi dân chủ cao hơn là chính đáng. Mặt khác, có việc, có nơi lại có tình trạng dân chủ quá trớn, dân chủ không đi đôi với giữ kỷ cương, kỷ luật. Ta đang hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa nhằm xây dựng một Nhà nước thật sự dân chủ, của dân, do dân và vì dân, chịu sự giám sát của dân. Cán bộ, công chức phải là công bộc của dân, làm việc vì lợi ích của dân. Nhà nước phải quản lý mọi mặt đời sống xã hội bằng pháp luật. Mọi người, mọi tổ chức phải tôn trọng và làm theo pháp luật.

Vấn đề quan trọng sắp tới là Đảng phải chú ý phát huy dân chủ mạnh mẽ hơn nữa trên những cơ sở pháp lý minh bạch, bằng những thiết chế, cơ chế, chính sách rõ ràng. Đồng thời, phải đấu tranh với các quan điểm và hoạt động sai trái của các phần tử chống đối, thù địch lợi dụng vấn đề “dân chủ” hòng gây rối, đòi “đa nguyên, đa đảng”, thực chất là muốn xoá bỏ sự lãnh đạo của Đảng và chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

Đoàn Chủ tịch xin đề nghị:

Đại hội cho tiếp thu những ý kiến trên để làm rõ hơn

quan điểm và chính sách của Đảng ta về phát huy dân chủ, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

10. Về phòng, chống tham nhũng

Nhiều ý kiến cho rằng, chống tham nhũng, tiêu cực là vấn đề sống còn của Đảng ta, chế độ ta. Do vậy, văn kiện Đại hội phải thể hiện rõ quyết tâm chính trị cao của toàn Đảng đấu tranh đối với tệ nạn này. Đề nghị ngay đầu nhiệm kỳ, Ban Chấp hành Trung ương khoá X cần có nghị quyết về vấn đề này; có biện pháp và cơ chế cụ thể, rõ ràng và minh bạch về phòng, chống tham nhũng.

Có ý kiến cho rằng, vấn đề tham nhũng là thuộc tính của mọi nhà nước. Ở ta, tham nhũng không chỉ xảy ra ở PMU18 mà ở nhiều đơn vị và ngành khác, tồn tại từ lâu gần như đã thành cơ chế. Vì vậy, cả hệ thống chính trị phải tham gia đấu tranh một cách có hiệu quả.

Về các giải pháp chống tham nhũng, có ý kiến nêu rõ: đấu tranh chống tham nhũng là cuộc đấu tranh rất khó khăn, phức tạp, lâu dài, cho nên phải kiên trì và có bước đi thích hợp. Trước hết, phải có các biện pháp quyết liệt chống tham nhũng ở các cơ quan bảo vệ pháp luật, những cơ quan nhà nước liên quan đến đầu tư, cấp phát vốn, chi tiêu ngân sách. Phải xoá bỏ cơ chế “xin - cho”, nếu còn cơ chế này thì sẽ phát sinh tiêu cực. Phải xác định nguyên tắc phân bổ kinh phí chung cho các địa phương. Đồng thời phải cải cách thủ tục hành chính, phân cấp quản lý hợp lý. Trong lĩnh vực xây dựng cơ bản, phải chấn chỉnh từ khâu dự toán, thiết kế đến thi công.

Đoàn Chủ tịch nhận thấy:

Hiện nay, tình trạng tham nhũng đã xảy ra ở nhiều ngành, nhiều lĩnh vực, kể cả một số cơ quan bảo vệ pháp luật,

với tính chất rất nghiêm trọng. Vụ án tham nhũng điển hình ở PMU18 (Bộ Giao thông Vận tải) đang gây bất bình lớn trong Đảng và trong nhân dân.

Qua vụ án trên, chúng ta càng thấy được sự suy thoái nghiêm trọng về phẩm chất, đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên; sự sơ hở, lỏng lẻo về quản lý của Nhà nước và những yếu kém trong việc thực hiện các cơ chế, chính sách, nhất là cơ chế kiểm tra, thanh tra, giám sát; tính chiến đấu của các tổ chức đảng và đảng viên ở nhiều cơ quan, đơn vị rất yếu, thậm chí có nơi tê liệt. Qua vụ án, chúng ta rút ra những bài học đắt giá và đau xót về quản lý nhà nước, về công tác xây dựng Đảng; về lựa chọn, sử dụng, giám sát cán bộ; về sự bao che, nể nang đối với vụ việc tiêu cực; về những tai hại của bệnh quan liêu.

Đảng và Nhà nước ta không che giấu, né tránh khuyết điểm; trái lại, bày tỏ thái độ kiên quyết xử lý thích đáng những tổ chức và cá nhân sai phạm, hư hỏng, bất kể người đó là ai, ở cương vị nào, với cách làm bình tĩnh, hiệu quả, đúng pháp luật, không để lọt tội phạm nhưng cũng không để xảy ra oan sai. Thái độ đó được dư luận hoan nghênh.

Đại hội X thể hiện quyết tâm của Đảng ta kiên quyết phòng, chống tham nhũng, xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức thật sự trong sạch, vững mạnh, tạo ra một bước chuyển mới trong cuộc đấu tranh không khoan nhượng chống tệ tham nhũng ở nước ta, mà Ban Chấp hành Trung ương Đảng phải là những người gương mẫu, đi đầu trong cuộc đấu tranh gian khổ đó.

Đoàn Chủ tịch xin kiến nghị:

Đại hội cho tiếp thu tinh thần và những ý kiến nêu trên để chỉnh lý phần viết về đấu tranh phòng, chống tham nhũng

trong văn kiện Đại hội cho sát thực tế hơn, đồng thời sau Đại hội cần có ngay những chủ trương, biện pháp cụ thể để thể hiện rõ hơn quyết tâm của toàn Đảng, toàn dân ta trên lĩnh vực này.

11. Về tổ chức, bộ máy của hệ thống chính trị

Một số ý kiến cho rằng, tổ chức, bộ máy của hệ thống chính trị còn quá chồng chéo, trùng lặp nhau, kém hiệu quả. Các cơ quan của Đảng, Quốc hội, Chính phủ có xu hướng phình ra, thêm nhiều ban, vụ, cục, phòng, viện, trung tâm..., người đông mà kết quả ít, gây khó khăn cho nhau và cho việc điều hành đất nước. Một số ban Đảng làm trùng công việc của các bộ; một số ban Đảng ở địa phương đã giải thể, nhưng ở Trung ương thì vẫn giữ. Hoạt động của hệ thống ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng uỷ khối... chưa được tổng kết để rút kinh nghiệm. Đề nghị Ban Chấp hành Trung ương cần có văn bản quy định trách nhiệm của người đứng đầu trong công tác quản lý cán bộ, quản lý ngành. Đẩy mạnh hơn nữa việc thành lập tổ chức đảng trong các doanh nghiệp tư nhân và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Có ý kiến cho rằng, Trung ương không thực hiện nghiêm chỉnh Nghị quyết Trung ương 7 (khoá VIII) về kiện toàn tổ chức, bộ máy; không kiên quyết, còn nể nang, do dự.

Đoàn Chủ tịch nhận thấy:

Kiến toàn tổ chức, bộ máy của hệ thống chính trị là một trong những nội dung quan trọng của cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa nhằm giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, bản chất cách mạng của Nhà nước ta, mở rộng và phát

huy quyền làm chủ của nhân dân, củng cố mối quan hệ mật thiết giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân.

Trong những năm tới, cần sắp xếp, đổi mới tổ chức, bộ máy của Đảng, đặc biệt là các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng uỷ khối ở Trung ương và các địa phương gắn liền với kiện toàn tổ chức, bộ máy của cơ quan nhà nước, Mặt trận và các đoàn thể nhân dân, bảo đảm tinh gọn, khắc phục tình trạng chồng chéo, trùng lặp; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của cơ quan và người đứng đầu không rõ ràng. Tổ chức cơ quan tham mưu chuyên trách của Đảng phải có chất lượng cao, đồng thời phát huy vai trò của các tổ chức đảng và đội ngũ cán bộ, đảng viên hoạt động trong các cơ quan nhà nước, Mặt trận và các đoàn thể nhân dân.

Cải tiến lề lối làm việc, nâng cao chất lượng nghiên cứu, tham mưu, đề xuất, hướng dẫn, kiểm tra của các cơ quan tham mưu của Đảng các cấp. Tăng cường sự phối hợp giữa các ban cán sự đảng, đảng đoàn với cấp uỷ địa phương. Tích cực giảm biên chế hành chính, biên chế gián tiếp trong các cơ quan, đơn vị thuộc hệ thống chính trị và các doanh nghiệp nhà nước.

Đó là những nội dung đã được nêu trong Báo cáo chính trị. Xin đề nghị Đại hội cho khẳng định tinh thần đó.

12. Về bản chất của Đảng và cách diễn đạt về Đảng

Đa số ý kiến đồng ý: “Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam; đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của dân tộc”; cho rằng diễn đạt như thế là hợp lý, biện chứng, dễ hiểu và đúng với tình hình hiện nay.

Việc dùng từ “đồng thời” là theo đúng tư tưởng của Bác Hồ. Một số ý kiến khác lại đề nghị bỏ cụm từ “đồng thời” hoặc cả cụm từ “đồng thời là đội tiên phong”, vì cho rằng cụm từ này gây cảm giác không gắn kết. Có ý kiến đề nghị cần diễn giải rõ hơn về bản chất giai cấp công nhân của Đảng; đòi hỏi Đảng phải nâng cao trí tuệ, bản lĩnh để lãnh đạo dân tộc.

Một số ý kiến khác đề nghị giữ cách diễn đạt như Điều lệ Đảng hiện hành.

Đoàn Chủ tịch xin có ý kiến như sau:

Trước hết, cần khẳng định dứt khoát Đảng ta là Đảng của giai cấp công nhân, mang bản chất giai cấp công nhân. Trong quá trình phát triển, dù tên gọi thế nào (Đảng Cộng sản hay Đảng Lao động) thì Đảng ta luôn luôn mang bản chất giai cấp công nhân. Bản chất giai cấp công nhân của Đảng thể hiện ở chỗ: mục tiêu, lý tưởng của Đảng là chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản; nền tảng tư tưởng của Đảng là chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh; nguyên tắc tổ chức cơ bản của Đảng là tập trung dân chủ; Đảng liên hệ mật thiết với quần chúng; lấy phê bình và tự phê bình làm quy luật phát triển,...

Tuy nhiên, Đảng ta ra đời ở một nước thuộc địa, nửa phong kiến, nông nghiệp lạc hậu, giai cấp công nhân còn nhỏ bé. Đảng ta ra đời không chỉ là sự kết hợp chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân mà còn với phong trào yêu nước. Đây là đặc thù Việt Nam, là sáng tạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Chính Người đã nhiều lần nói rằng Đảng ta không chỉ là Đảng của giai cấp công nhân mà còn là Đảng của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam. Trong Báo cáo chính trị tại Đại hội II của Đảng (tháng 2-1951), Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ: *“Đảng Lao động Việt Nam phải là người lãnh*

*đạo sáng suốt, kiên quyết, trung thành của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, của nhân dân Việt Nam... Chính vì Đảng Lao động Việt Nam là Đảng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, cho nên nó phải là Đảng của dân tộc Việt Nam*¹. Đến tháng 1-1957, nói chuyện ở Trường cán bộ Công đoàn, Chủ tịch Hồ Chí Minh lại khẳng định: *“Đảng là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời cũng là đội tiên phong của dân tộc”*². Tháng 12-1961, nói chuyện với những cán bộ, đảng viên hoạt động lâu năm, Người nhắc lại: *“Đảng ta là Đảng của giai cấp, đồng thời cũng là của dân tộc”*³. Có lúc Người còn nói: *Đảng ta là con nòi của dân tộc*; lợi ích của giai cấp công nhân và của dân tộc là một.

Với tinh thần đó, Điều lệ Đảng thông qua tại Đại hội II của Đảng đã ghi: *“Đảng Lao động Việt Nam là Đảng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động Việt Nam”*.

Trên thực tế, Đảng ta ra đời, tồn tại và phát triển là vì lợi ích không chỉ của giai cấp công nhân mà còn vì lợi ích của nhân dân lao động, của toàn dân tộc. Ngoài lợi ích của giai cấp, của nhân dân, của dân tộc, Đảng ta không có lợi ích nào khác. Chính vì vậy mà Đảng ta được nhân dân thương yêu, cửu mang, đùm bọc, giúp đỡ, thừa nhận là Đảng của chính mình, trù mến gọi Đảng là “Đảng ta”. Đó là vinh dự, là niềm tự hào lớn, không phải đảng nào trên thế giới cũng có được.

Vả chăng, lãnh tụ của Đảng ta - Chủ tịch Hồ Chí Minh, không chỉ là lãnh tụ của Đảng mà còn là lãnh tụ vĩ đại của nhân dân, của dân tộc. Người đã giải quyết rất sáng tạo,

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, t.12, tr. 37-38.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, t.8, tr.295.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.10, tr.467.

thành công, nhuần nhuyễn vấn đề giai cấp và vấn đề dân tộc; đã giương cao ngọn cờ dân tộc và giai cấp để đưa cách mạng tiến lên. Người là một chiến sĩ cộng sản kiên cường, mẫu mực, đồng thời là một nhà yêu nước nhiệt thành, Anh hùng giải phóng dân tộc, Danh nhân văn hoá kiệt xuất.

Trong giai đoạn cách mạng hiện nay, khi chúng ta nêu cao tư tưởng đại đoàn kết dân tộc, phát huy sức mạnh tổng hợp của cả dân tộc để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, thì càng cần phải quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh trong việc diễn đạt bản chất của Đảng, nhất là trong điều kiện Đảng ta đã trở thành đảng cầm quyền lãnh đạo cả dân tộc, được toàn dân thừa nhận là đội tiên phong lãnh đạo của nhân dân.

Vì vậy, Đoàn Chủ tịch đề nghị:

Đại hội cho ghi trong Báo cáo chính trị và trong Điều lệ Đảng: *“Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam; đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của dân tộc”* (Ban Chấp hành Trung ương khoá IX biểu quyết với 78,7% số uỷ viên tán thành. Đại hội cấp tỉnh, thành phố có 72% số đại biểu tán thành).

Diễn đạt như thế vừa nói lên được bản chất giai cấp công nhân của Đảng theo chủ nghĩa Mác - Lênin, vừa nói lên được nét đặc thù của Đảng ta theo sự phát triển sáng tạo của tư tưởng Hồ Chí Minh, phù hợp với thực tế Việt Nam và đáp ứng được nguyện vọng, tình cảm của nhân dân.

Diễn đạt như thế hoàn toàn không phải là hạ thấp bản chất giai cấp của Đảng, trượt sang quan điểm “đảng toàn dân”, mà chính là hiểu bản chất giai cấp của Đảng một cách sâu sắc hơn, nhuần nhuyễn hơn. Điều đó đòi hỏi Đảng ta

chẳng những phải trung thành với giai cấp công nhân, nâng cao lập trường, tư tưởng của giai cấp công nhân, mà còn phải học tập, kế thừa, phát huy truyền thống dân tộc, tăng cường đoàn kết, tập hợp nhân dân, phấn đấu vì lợi ích của cả giai cấp và dân tộc.

13. Vấn đề đảng viên làm kinh tế tư nhân

Đa số ý kiến nhất trí cao đối với vấn đề đảng viên làm kinh tế tư nhân. Tuy nhiên, có một số ý kiến như sau:

- Có ý kiến cho rằng đảng viên được làm kinh tế tư nhân, nhưng phải gương mẫu chấp hành đường lối của Đảng. Ý kiến khác cho rằng, chỉ cần chấp hành pháp luật là đủ (như mọi công dân khác) và nhấn mạnh đảng viên phải đi đầu trong làm kinh tế tư nhân.

- Một số ý kiến đồng ý để đảng viên làm kinh tế tư nhân, nhưng phải có cơ chế kiểm tra, giám sát cụ thể để ngăn ngừa nguy cơ đảng viên thoái hoá, biến chất hoặc sa vào bóc lột (quan hệ chủ - thợ) làm mất tình đồng chí. Cần có quy định giới hạn cụ thể cho đảng viên làm kinh tế tư nhân và có sự giám sát của tổ chức đảng đối với đảng viên làm kinh tế tư nhân; những cán bộ đảng, chính quyền đương chức không được làm kinh tế tư nhân.

- Có ý kiến không đồng tình để đảng viên làm kinh tế tư nhân, vì như thế là trái với lập trường giai cấp công nhân, với nguyên tắc chủ nghĩa Mác - Lênin, là khuyến khích đảng viên “bóc lột”, đến lúc nào đó những đảng viên này sẽ xa rời lý tưởng của Đảng.

- Có ý kiến đề nghị Trung ương cần làm rõ cơ sở lý luận của vấn đề đảng viên làm kinh tế tư nhân, vì hiện nay các địa phương rất lúng túng trong việc giải thích chủ trương này. Có ý kiến nêu, vì sao trong dự thảo Báo cáo chính trị

trước đây ghi “đảng viên làm kinh tế tư nhân không giới hạn về quy mô”, nay đến Đại hội X lại bỏ cụm từ “không giới hạn về quy mô”?

Đoàn Chủ tịch xin có ý kiến như sau:

Đảng viên làm kinh tế tư nhân là một vấn đề cụ thể nhưng rất hệ trọng, vì nó liên quan đến quan điểm, đường lối cơ bản của Đảng, được đặt ra từ nhiều năm nay. Để chuẩn bị cho việc soạn thảo văn kiện Đại hội X lần này, Trung ương đã chỉ đạo Hội đồng Lý luận Trung ương và các cơ quan nghiên cứu khoa học nghiên cứu, tổng kết, hội thảo, trao đổi ý kiến với nhiều đồng chí lãnh đạo ở các địa phương. Riêng Ban Chấp hành Trung ương đã thảo luận qua 4 kỳ hội nghị. Vấn đề này cũng đã được thảo luận ở đại hội đảng bộ các cấp, được lấy ý kiến rộng rãi trong nhân dân và đã được đa số tán thành. Đó là một bước tiến quan trọng trong nhận thức của chúng ta sau 20 năm đổi mới. Tuy nhiên, như trên đã nói, đây là vấn đề rất hệ trọng, nhạy cảm, cho nên có những ý kiến khác nhau, thậm chí gay gắt là điều dễ hiểu. Sự lo lắng của một số đồng chí về sự tha hoá, biến chất của Đảng là chính đáng, rất cần lưu tâm.

Chúng ta nhận thức rằng, trong thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội, đất nước còn nghèo, phải tập trung phát triển lực lượng sản xuất, làm ra nhiều của cải cho xã hội. Muốn thế, phải huy động mọi nguồn lực, khai thác mọi tiềm năng, phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc, của mọi thành phần kinh tế, thực hiện khẩu hiệu “tất cả vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”. Đảng viên phải lãnh đạo và gương mẫu thực hiện chủ trương này, một mặt làm giàu cho bản thân và gia đình bằng lao động chính đáng của mình, mặt khác phải góp phần làm giàu cho xã hội,

cho đất nước. Trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa do Đảng Cộng sản lãnh đạo, chúng ta không xem kinh tế tư nhân là gắn với chủ nghĩa tư bản, mà lãnh đạo kinh tế tư nhân phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Vì vậy, đảng viên có thể làm kinh tế tư nhân trên cơ sở gương mẫu chấp hành luật pháp, chính sách của Nhà nước, nghiêm chỉnh chấp hành Điều lệ Đảng và quy định của Ban Chấp hành Trung ương.

Thực tế hiện nay số đảng viên làm chủ doanh nghiệp tư nhân ở nước ta còn ít, quy mô rất nhỏ bé. Phần đông họ là những cán bộ, đảng viên đã từng làm việc trong các cơ quan, doanh nghiệp nhà nước nay về hưu, về nghỉ mất sức, hoặc là bộ đội xuất ngũ, công an chuyển ngành, đã được Đảng và Nhà nước đào tạo, bồi dưỡng về chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ. Hầu hết đều gương mẫu chấp hành Điều lệ Đảng, pháp luật của Nhà nước. Nhìn chung, dư luận xã hội hiện nay chưa có băn khoăn nhiều về việc đảng viên làm chủ doanh nghiệp tư nhân. Vì những đảng viên đó đã giải quyết công ăn việc làm cho dân, đã làm tăng của cải cho xã hội, đã đóng góp cho ngân sách nhà nước, đã đối xử tốt với người lao động. Vả lại, theo luật pháp hiện hành, những cán bộ, đảng viên trong biên chế nhà nước, tại chức, tại ngũ không được làm chủ doanh nghiệp tư nhân, nên không đến nỗi quá lo về việc đảng viên là chủ doanh nghiệp tư nhân lợi dụng cương vị, chức quyền để thu vén cho doanh nghiệp tư nhân của mình (nếu có người làm chui, làm ngầm là họ vi phạm pháp luật). Chúng ta cho đảng viên làm kinh tế tư nhân, nhưng với những quy định bảo đảm vừa phát huy khả năng làm kinh tế của đảng viên vừa giữ được tư cách đảng viên, không làm biến chất Đảng. Đảng viên làm kinh tế tư nhân không chỉ làm theo pháp luật của Nhà nước như một công dân bình

thường, mà còn phải làm theo nghĩa vụ, trách nhiệm của đảng viên, phải chấp hành Điều lệ và những quy định cụ thể của Đảng.

Tại Hội nghị Trung ương 12, khoá IX, dự thảo Báo cáo chính trị ghi: “Đảng viên làm kinh tế tư nhân không giới hạn về quy mô...” là vì khi đó, phân định các thành phần kinh tế ở nước ta gồm: “kinh tế nhà nước; kinh tế tập thể; kinh tế cá thể, tiểu chủ; kinh tế tư bản tư nhân; kinh tế tư bản nhà nước; kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài”. Đến Hội nghị Trung ương 13, các thành phần kinh tế được phân định như sau: kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân (cá thể, tiểu chủ, tư bản tư nhân), kinh tế tư bản nhà nước, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài. Với cách phân định này, *kinh tế tư nhân* đã bao gồm cả kinh tế tư bản tư nhân, do đó, việc ghi “không giới hạn về quy mô” không còn cần thiết nữa.

Những quy định cụ thể đối với đảng viên làm kinh tế tư nhân sẽ do Ban Chấp hành Trung ương khoá X ban hành. Dự kiến những quy định đó có thể là:

- Đảng viên không thuộc phạm vi điều chỉnh của Pháp lệnh công chức và Luật phòng, chống tham nhũng; đảng viên không ở trong biên chế của hệ thống chính trị (Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội), không tại ngũ quân đội và công an.

- Phải trực tiếp tham gia lao động: lao động chân tay, lao động quản lý, lao động điều hành sản xuất, lao động kỹ thuật ở doanh nghiệp do đảng viên làm chủ.

- Gương mẫu chấp hành Điều lệ Đảng, các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; có quan hệ bình đẳng, thân ái, tôn trọng người lao động, thực hiện phân phối dân chủ, công bằng theo kết quả lao động và mức đóng góp vốn, thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội

đối với người lao động; tham gia các hoạt động công ích và xã hội.

- Tạo điều kiện cho các tổ chức đảng, đoàn thể trong doanh nghiệp của mình hoạt động thuận lợi.

- Giữ gìn phẩm chất, đạo đức, lối sống lành mạnh; giáo dục những người thân trong gia đình chấp hành tốt các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

- Khi có điều kiện, tiến hành cổ phần hoá doanh nghiệp của mình để công nhân mua cổ phần và tham gia quản lý doanh nghiệp.

- Chịu sự kiểm tra, giám sát và quản lý của tổ chức đảng nơi mình sinh hoạt và nơi cư trú.

Vì vậy, Đoàn Chủ tịch xin kiến nghị:

Đại hội cho khẳng định chủ trương: *“Đảng viên làm kinh tế tư nhân phải gương mẫu chấp hành pháp luật, chính sách của Nhà nước, nghiêm chỉnh chấp hành Điều lệ Đảng và quy định của Ban Chấp hành Trung ương”* (Ban Chấp hành Trung ương khoá IX biểu quyết với 88,35% số uỷ viên tán thành. Đại hội đảng bộ cấp tỉnh, thành phố có 85% số đại biểu tán thành).

14. Về một số vấn đề bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng

- *Về sinh hoạt định kỳ của đảng bộ:* Có ý kiến đề nghị nghiên cứu vấn đề này để quy định linh hoạt hơn; các doanh nghiệp thực hiện như dự thảo thì sẽ rất khó khăn.

Đoàn Chủ tịch cho rằng:

Việc quy định sinh hoạt định kỳ của đảng bộ mỗi năm hai lần là nhằm mục đích tăng cường vai trò kiểm tra của đảng bộ đối với hoạt động của cấp uỷ; tổ chức đảng và

đảng viên nắm được đầy đủ thông tin của đảng bộ để đóng góp xây dựng Đảng, nâng cao sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và đảng viên. Đây là nguyện vọng của đa số đảng viên, đã được đa số ý kiến tại đại hội đảng bộ các cấp đồng tình. Sau Đại hội, Bộ Chính trị khoá X sẽ quy định cụ thể, có sự vận dụng cho các đảng bộ cơ sở có tính đặc thù (quá đông đảng viên, hoạt động phân tán...) phù hợp với đặc điểm của mỗi đảng bộ.

Vì vậy, Đoàn Chủ tịch đề nghị Đại hội:

Cho giữ như dự thảo Điều lệ Đảng (bổ sung, sửa đổi).

- *Về đề nghị* bổ sung quy định: “Cấp trên cách một cấp của cấp ra quyết định kỷ luật là cấp giải quyết khiếu nại cuối cùng”. Nếu giữ như Điều lệ Đảng khoá IX thì khiếu nại dồn lên Trung ương, Bộ Chính trị giải quyết không xuể.

Đoàn Chủ tịch đề nghị:

Đại hội cho giữ như Điều lệ Đảng hiện hành, vì vấn đề này đã được đa số ý kiến tại đại hội đảng bộ các cấp nhất trí; có như vậy mới bảo đảm thực sự phát huy dân chủ trong Đảng.

- *Về đề nghị Đại hội bầu Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ủy ban Kiểm tra Trung ương:*

Đoàn Chủ tịch nhận thấy:

Việc Đại hội bầu Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ủy ban Kiểm tra Trung ương là vấn đề mới, hệ trọng, cần được nghiên cứu, cân nhắc kỹ. Nếu Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ủy ban Kiểm tra Trung ương đều do Đại hội bầu, thì có nghĩa: trách nhiệm, quyền hạn và mối quan hệ của các cơ quan này sẽ thay đổi, nhưng hiện nay chúng ta chưa

nguyên cứu, tổng kết đầy đủ. Khi cần bổ sung Ủy viên Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ủy ban Kiểm tra Trung ương do khuyết thì phải triệu tập Đại hội đại biểu toàn quốc.

Ngay chủ trương đại hội đảng bộ xã, phường, thị trấn bầu ban thường vụ, bí thư, phó bí thư, Ban Chấp hành Trung ương khoá IX đã thảo luận và tổ chức lấy ý kiến tại đại hội đảng bộ các cấp, tuy được đa số ý kiến đồng tình nhưng vẫn còn có không ít ý kiến đề nghị cần cân nhắc kỹ, làm thí điểm, tổng kết rút kinh nghiệm.

Vì vậy, Đoàn Chủ tịch xin đề nghị:

Đại hội giao cho Ban Chấp hành Trung ương khoá X chỉ đạo nghiên cứu kỹ vấn đề này để trình Đại hội XI.

15. Về báo cáo kiểm điểm sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương khoá IX

Trong quá trình thảo luận, hầu hết ý kiến đại biểu đồng tình với nội dung Báo cáo, cho rằng Ban Chấp hành Trung ương đã kiểm điểm sâu sắc, toàn diện, thể hiện được tinh thần tự phê bình và phê bình nghiêm túc trước Đảng và nhân dân.

Những ý kiến đóng góp của đại biểu vào Báo cáo kiểm điểm chủ yếu đề nghị thêm bớt, chỉnh sửa nội dung hoặc câu chữ để làm rõ hơn, sâu sắc hơn một số nhận định về ưu điểm, khuyết điểm trong lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư trong nhiệm kỳ qua.

Đoàn Chủ tịch xin đề nghị:

Đại hội giao cho Đoàn Chủ tịch chỉ đạo tiếp thu để chỉnh lý, hoàn chỉnh Báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành Trung ương khoá IX.

16. Về biểu quyết một số vấn đề trong các văn kiện trình Đại hội X

Vừa qua Đoàn Chủ tịch đã gửi xin ý kiến đại biểu về dự thảo Phiếu biểu quyết các văn kiện trình Đại hội X. Đoàn Chủ tịch đã nhận được 1.093 ý kiến của các đại biểu tham gia. Có 846 ý kiến (77,4%) hoàn toàn nhất trí với dự thảo; 247 ý kiến đề nghị sửa đổi, bổ sung một số điểm cụ thể trong các vấn đề dự kiến đưa ra biểu quyết. Đó hầu hết là những điểm đã được nêu ra ở đại hội các cấp và đã được Ban Chấp hành Trung ương khoá IX thảo luận, tiếp thu, chỉ đạo hoàn chỉnh văn kiện trình Đại hội.

Vì vậy, Đoàn Chủ tịch xin đề nghị:

Đại hội cho giữ như dự thảo Phiếu biểu quyết để lấy biểu quyết tại Đại hội.

Xin kính trình Đại hội xem xét, quyết định.

**NÂNG CAO NĂNG LỰC LÃNH ĐẠO
VÀ SỨC CHIẾN ĐẤU CỦA ĐẢNG,
PHÁT HUY SỨC MẠNH TOÀN DÂN TỘC,
ĐẨY MẠNH TOÀN DIỆN CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI,
SỚM ĐƯA NƯỚC TA RA KHỎI TÌNH TRẠNG
KÉM PHÁT TRIỂN**

(Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng
khoá IX tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng)

Đại hội X của Đảng họp vào lúc toàn Đảng, toàn dân ta kết thúc 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội IX và đã trải qua 20 năm đổi mới.

Đại hội có nhiệm vụ: kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2001 - 2005 và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2001 - 2010, nhìn lại 20 năm đổi mới; quyết định phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006 - 2010; kiểm điểm sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá IX, đề ra phương hướng, nhiệm vụ xây dựng Đảng; bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng; bầu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá X.

**I- KIỂM ĐIỂM 5 NĂM THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI IX
CỦA ĐẢNG VÀ NHÌN LẠI 20 NĂM ĐỔI MỚI**

Năm năm qua, bên cạnh những thuận lợi do tiến trình

đổi mới tạo ra, nước ta cũng gặp không ít khó khăn, thách thức do những yếu kém vốn có của nền kinh tế trình độ thấp; thiên tai, dịch bệnh xảy ra ở nhiều nơi; tình hình thế giới và khu vực diễn biến hết sức phức tạp, nhất là sau sự kiện ngày 11-9-2001 ở Mỹ; kinh tế thế giới và khu vực đan xen những biểu hiện suy thoái, phục hồi và phát triển, sự cạnh tranh và chính sách bảo hộ bất bình đẳng của một số nước... Trong hoàn cảnh đó, toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta ra sức phấn đấu thực hiện Nghị quyết Đại hội IX và ***đã đạt những thành tựu rất quan trọng:***

1. Nền kinh tế đã vượt qua thời kỳ suy giảm, đạt tốc độ tăng trưởng khá cao và phát triển tương đối toàn diện

Tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm sau tăng cao hơn năm trước, bình quân trong 5 năm 2001 - 2005 là 7,51%, đạt mức kế hoạch đề ra. Kinh tế vĩ mô tương đối ổn định, các quan hệ và cân đối chủ yếu trong nền kinh tế (tích lũy - tiêu dùng, thu - chi ngân sách,...) được cải thiện; việc huy động các nguồn nội lực cho phát triển có chuyển biến tích cực, tỷ lệ huy động GDP vào ngân sách nhà nước vượt dự kiến. Tổng vốn đầu tư vào nền kinh tế tăng nhanh đã làm tăng đáng kể năng lực sản xuất kinh doanh, tạo nhiều sản phẩm có sức cạnh tranh, hoàn thành và đưa vào sử dụng nhiều công trình lớn về kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, tăng cường tiềm lực và cơ sở vật chất - kỹ thuật của nền kinh tế.

Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Đến năm 2005, tỷ trọng giá trị nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp trong GDP còn 20,9% (kế hoạch 20 - 21%), công nghiệp và xây dựng 41% (kế hoạch 38 - 39%), dịch vụ 38,1% (kế hoạch 41 - 42%). Các thành phần kinh tế đều phát triển.

Hoạt động kinh tế đối ngoại và hội nhập kinh tế quốc tế có bước tiến mới rất quan trọng. Một số sản phẩm đã có sức cạnh tranh trên thị trường quốc tế. Xuất khẩu, nhập khẩu có tốc độ tăng trưởng khá, tổng kim ngạch xuất khẩu đạt hơn 50% GDP. Vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) liên tục tăng qua các năm. Đã có một số dự án đầu tư ra nước ngoài.

Thế chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa bước đầu được xây dựng. Thị trường hàng hoá phát triển tương đối nhanh; một số loại thị trường mới đã hình thành.

2. Văn hoá và xã hội có tiến bộ trên nhiều mặt; việc gắn phát triển kinh tế với giải quyết các vấn đề xã hội có chuyển biến tốt; đời sống các tầng lớp nhân dân được cải thiện

Giáo dục và đào tạo tiếp tục phát triển và được đầu tư nhiều hơn. Cơ sở vật chất được tăng cường. Quy mô đào tạo mở rộng, nhất là ở bậc trung học chuyên nghiệp và dạy nghề. Trình độ dân trí được nâng lên.

Khoa học và công nghệ góp phần tích cực vào việc hoạch định đường lối, chính sách, điều tra đánh giá tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ đa dạng sinh học, nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và quốc phòng, an ninh.

Công tác xoá đói giảm nghèo được đẩy mạnh bằng nhiều hình thức, biện pháp; đến cuối năm 2005, tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn Việt Nam cho giai đoạn 2001 - 2005) còn 7% (năm 2001 là 17,5%, kế hoạch là 10%). Đã kết hợp tốt các nguồn lực của Nhà nước và nhân dân, xây dựng nhiều công trình kết cấu hạ tầng kinh tế, văn hoá, xã hội cho các vùng nông thôn, miền núi, vùng dân tộc.

Trong 5 năm, tạo việc làm cho 7,5 triệu lao động. Thu nhập bình quân đầu người tăng từ 5,7 triệu đồng năm 2000 lên trên 10 triệu đồng năm 2005.

Công tác bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân đạt nhiều kết quả: mở rộng mạng lưới y tế, đặc biệt là y tế cơ sở; khống chế và đẩy lùi một số dịch bệnh nguy hiểm; tuổi thọ trung bình của dân số nước ta tăng từ 67,8 (năm 2000) lên 71,5 (năm 2005).

Hoạt động văn hoá, thông tin, báo chí, thể dục thể thao... có tiến bộ trên một số mặt. Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá”, các phong trào đền ơn đáp nghĩa, chăm sóc người có công, Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, thương binh, gia đình liệt sĩ, các hoạt động nhân đạo, từ thiện... thu hút sự tham gia rộng rãi của các tầng lớp nhân dân.

3. Chính trị - xã hội ổn định; quốc phòng và an ninh được tăng cường; quan hệ đối ngoại có bước phát triển mới

Độc lập chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, an ninh chính trị được giữ vững, trật tự an toàn xã hội được bảo đảm. Quân đội nhân dân và Công an nhân dân có nhiều thành tích trong xây dựng lực lượng, nâng cao tinh thần chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu. Việc kết hợp phát triển kinh tế với quốc phòng ở một số địa bàn có hiệu quả. Thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân được củng cố.

Hoạt động đối ngoại của Đảng, Nhà nước và nhân dân phát triển mạnh, góp phần giữ vững môi trường hoà bình, phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao uy tín của Việt Nam trong khu vực và trên thế giới. Đã giải quyết được một số

vấn đề về biên giới, lãnh thổ, vùng chồng lấn trên biển với một số quốc gia; chủ động và tích cực tham gia các diễn đàn thế giới; tổ chức thành công nhiều hội nghị quốc tế và khu vực tại Việt Nam.

4. Việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa có tiến bộ trên cả ba lĩnh vực lập pháp, hành pháp và tư pháp. Sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc được phát huy

Quốc hội có những đổi mới quan trọng trong công tác lập pháp, tiếp tục sửa đổi, bổ sung Hiến pháp và hệ thống pháp luật; cải tiến quy trình xây dựng luật, đã thông qua 58 luật và 43 pháp lệnh mới, tạo cơ sở pháp lý cho hoạt động quản lý nhà nước, vận hành nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đáp ứng nhu cầu hội nhập quốc tế.

Đã tăng cường một bước tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước; phân định cụ thể hơn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của Chính phủ, của các bộ, ngành và chính quyền địa phương các cấp, đồng thời thực hiện sự phân cấp nhiều hơn. Các hoạt động tư pháp và công tác cải cách tư pháp có những chuyển biến tích cực.

Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân ngày càng thiết thực. Việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở được mở rộng và có hiệu quả hơn, nhất là ở xã, phường. Công tác dân tộc, tôn giáo, vận động người Việt Nam ở nước ngoài có tiến bộ.

5. Công tác xây dựng Đảng đạt một số kết quả tích cực

Công tác giáo dục chính trị tư tưởng, công tác tổ chức và cán bộ, xây dựng tổ chức cơ sở đảng gắn với xây dựng hệ

thống chính trị ở cơ sở, phát triển Đảng, công tác kiểm tra có những chuyển biến mới. Đa số cán bộ, đảng viên phát huy vai trò tiên phong, năng động, sáng tạo, giữ gìn phẩm chất đạo đức.

Đạt được những thành tựu trên là nhờ đường lối đúng đắn của Đảng; sự quản lý thống nhất theo pháp luật của Nhà nước, điều hành năng động của Chính phủ và nỗ lực của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, của các ngành, các cấp, các cơ sở sản xuất kinh doanh. Đó còn là do tác động tích cực của những cơ chế, chính sách đã ban hành; do kết quả đầu tư trong nhiều năm qua đã làm cho năng lực sản xuất của nhiều ngành và toàn bộ nền kinh tế tăng khá.

Tuy nhiên, chúng ta còn những **khuyết điểm và yếu kém**:

1. Tăng trưởng kinh tế chưa tương xứng với khả năng; chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế còn kém; cơ cấu kinh tế chuyển dịch chậm

Các cân đối vĩ mô trong nền kinh tế chưa thật vững chắc, dễ bị ảnh hưởng bởi những biến động từ bên ngoài. Trình độ khoa học, công nghệ, năng suất lao động thấp; giá thành nhiều sản phẩm còn cao so với khu vực và thế giới. Nhiều nguồn lực và tiềm năng trong nước chưa được huy động và khai thác tốt. Đầu tư của Nhà nước dần trải, hiệu quả chưa cao, thất thoát nhiều. Lãng phí trong chi tiêu ngân sách nhà nước và tiêu dùng xã hội còn nghiêm trọng. Môi trường tự nhiên ở nhiều nơi bị huỷ hoại, ô nhiễm nặng.

Lĩnh vực dịch vụ phát triển chậm. Nội dung và các biện pháp công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp và nông thôn chưa cụ thể. Sắp xếp, đổi mới và nâng cao hiệu quả của doanh nghiệp nhà nước, nhất là cổ phần hoá, còn nhiều vướng mắc. Chất lượng nguồn nhân lực thấp, lao động chưa

qua đào tạo vẫn là phổ biến, lao động nông nghiệp còn chiếm tỷ lệ cao. Hoạt động kinh tế đối ngoại còn hạn chế. Nhiều doanh nghiệp chưa đủ sức vượt qua những khó khăn về cạnh tranh và thị trường.

Việc hoạch định và thực hiện các chủ trương, chính sách thúc đẩy phát triển và vận hành hệ thống thị trường chưa đồng bộ; một số nguyên tắc của thị trường bị vi phạm; tư duy bao cấp chưa được khắc phục triệt để.

2. Cơ chế, chính sách về văn hoá - xã hội chậm đổi mới; nhiều vấn đề xã hội bức xúc chưa được giải quyết tốt

Kết quả xoá đói giảm nghèo chưa thật vững chắc, nguy cơ tái nghèo còn lớn. Khoảng cách chênh lệch về thu nhập, mức sống giữa các tầng lớp nhân dân, giữa các vùng có xu hướng doãng ra. Nhu cầu về việc làm ở thành thị và nông thôn chưa được đáp ứng tốt.

Chất lượng giáo dục và đào tạo còn thấp. Khoa học và công nghệ chưa đáp ứng kịp yêu cầu của công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Trong một bộ phận báo chí, xuất bản, văn hoá, nghệ thuật, xu hướng xa rời tôn chỉ, mục đích, chạy theo lợi ích vật chất đơn thuần chưa được khắc phục. Quản lý nhà nước đối với một số lĩnh vực trong giáo dục, y tế, thể dục thể thao còn yếu kém.

Tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí vẫn nghiêm trọng. Tội phạm và một số tệ nạn xã hội có chiều hướng tăng. Tai nạn giao thông gây nhiều thiệt hại về người và của.

3. Các lĩnh vực quốc phòng, an ninh, đối ngoại còn một số mặt hạn chế

Sức mạnh tổng hợp và khả năng sẵn sàng chiến đấu của

các lực lượng vũ trang chưa được phát huy đầy đủ. Ở một số địa bàn, còn những yếu tố gây mất ổn định chính trị - xã hội.

Công tác nghiên cứu, dự báo chiến lược về quốc phòng, an ninh, đối ngoại chưa theo kịp diễn biến của tình hình. Sự phối hợp giữa an ninh, quốc phòng và đối ngoại trong việc giải quyết một số vấn đề cụ thể thiếu chặt chẽ.

4. Tổ chức và hoạt động của Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân còn một số khâu chậm đổi mới

Quốc hội còn lúng túng trong việc thực hiện chức năng giám sát. Bộ máy quản lý nhà nước các cấp, nhất là ở cơ sở còn yếu kém. Tình trạng nhùng nhể, cửa quyền, thiếu trách nhiệm ở một bộ phận công chức, nhất là ở các cơ quan trực tiếp giải quyết công việc của dân và doanh nghiệp, chậm được khắc phục. Mô hình tổ chức chính quyền địa phương, nhất là tổ chức hội đồng nhân dân, còn những điểm bất hợp lý. Cải cách hành chính chưa đạt yêu cầu. Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân ở nhiều nơi còn mang tính hành chính, hình thức. Dân chủ trong xã hội còn bị vi phạm. Kỷ cương, kỷ luật ở nhiều nơi không nghiêm.

5. Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng chưa đạt yêu cầu

Tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, bệnh cơ hội, chủ nghĩa cá nhân và tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí trong một bộ phận cán bộ, công chức diễn ra nghiêm trọng. Nhiều tổ chức cơ sở đảng thiếu sức chiến đấu và không đủ năng lực giải quyết những vấn đề phức tạp nảy sinh. Công tác tư tưởng còn thiếu tính thuyết phục. Công tác lý luận chưa làm sáng tỏ được một số vấn đề quan trọng

trong công cuộc đổi mới. Công tác tổ chức và cán bộ còn nhiều mặt yếu kém. Chất lượng và hiệu quả kiểm tra, giám sát chưa cao.

Những khuyết điểm và yếu kém nói trên do **nhieu nguyên nhân** khách quan và chủ quan, chủ yếu là những *nguyên nhân chủ quan*:

Tư duy của Đảng trên một số lĩnh vực chậm đổi mới. Một số vấn đề ở tầm quan điểm, chủ trương lớn chưa được làm rõ nên chưa đạt được sự thống nhất cao về nhận thức và thiếu dứt khoát trong hoạch định chính sách, chỉ đạo điều hành, như các vấn đề: sở hữu và thành phần kinh tế; cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước; xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ và hội nhập kinh tế quốc tế; đổi mới chính sách, cơ chế quản lý giáo dục, y tế, văn hoá; đổi mới tổ chức, phương thức hoạt động của hệ thống chính trị...

Sự chỉ đạo tổ chức thực hiện chưa tốt. Ba lĩnh vực được coi là ba khâu đột phá (xây dựng đồng bộ thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa mà trọng tâm là đổi mới cơ chế, chính sách; tạo bước chuyển mạnh về phát triển nguồn nhân lực; đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của hệ thống chính trị mà trọng tâm là cải cách hành chính) cũng như việc xây dựng một số công trình trọng điểm lớn của quốc gia chưa được chỉ đạo tập trung, thực hiện thiếu tinh thần trách nhiệm. Tình trạng nói nhiều làm ít, làm không đến nơi đến chốn hoặc không làm còn diễn ra ở nhiều nơi. Hiệu lực quản lý nhà nước còn thấp trên một số lĩnh vực như: quy hoạch, đất đai, xây dựng cơ bản, tài chính, ngân hàng, tài nguyên môi trường, sở hữu trí tuệ... Công tác kiểm tra, thanh tra còn thiếu hiệu lực.

Một bộ phận cán bộ, đảng viên, kể cả một số cán bộ chủ chốt, yếu kém về phẩm chất và năng lực, vừa thiếu tính

tiên phong, gương mẫu, vừa không đủ trình độ hoàn thành nhiệm vụ.

Những khuyết điểm nói trên, trước hết thuộc trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương, trực tiếp là của Bộ Chính trị. Ban Chấp hành Trung ương xin tự phê bình nghiêm túc về những khuyết điểm của mình trước Đại hội và trước nhân dân.

Cùng với việc kiểm điểm 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội IX, chúng ta ***nhìn lại 20 năm đổi mới***.

Hai mươi năm qua, với sự nỗ lực phấn đấu của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, công cuộc đổi mới ở nước ta đã đạt ***những thành tựu to lớn và có ý nghĩa lịch sử***.

Đất nước đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, có sự thay đổi cơ bản và toàn diện. Kinh tế tăng trưởng khá nhanh, sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được đẩy mạnh. Đời sống nhân dân được cải thiện rõ rệt. Hệ thống chính trị và khối đại đoàn kết toàn dân tộc được củng cố và tăng cường. Chính trị - xã hội ổn định. Quốc phòng và an ninh được giữ vững. Vị thế nước ta trên trường quốc tế không ngừng nâng cao. Sức mạnh tổng hợp của quốc gia đã tăng lên rất nhiều, tạo ra thế và lực mới cho đất nước tiếp tục đi lên với triển vọng tốt đẹp.

Những thành tựu đó chứng tỏ đường lối đổi mới của Đảng ta là đúng đắn, sáng tạo, phù hợp thực tiễn Việt Nam. Nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ngày càng sáng tỏ hơn; hệ thống quan điểm lý luận về công cuộc đổi mới, về xã hội xã hội chủ nghĩa và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam đã hình thành trên những nét cơ bản.

Xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là một xã hội dân giàu, nước mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh; do nhân dân làm chủ; có nền kinh tế phát triển cao, dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất; có nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; con người được giải phóng khỏi áp bức, bất công, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, phát triển toàn diện; các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tương trợ và giúp đỡ nhau cùng tiến bộ; có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản; có quan hệ hữu nghị và hợp tác với nhân dân các nước trên thế giới.

Để đi lên chủ nghĩa xã hội, chúng ta phải phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá; xây dựng nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc làm nền tảng tinh thần của xã hội; xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc; xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh; bảo đảm vững chắc quốc phòng và an ninh quốc gia; chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế.

Trong khi khẳng định những thành tựu nói trên, cần thấy rõ, cho đến nay *nước ta vẫn trong tình trạng kém phát triển*. Kinh tế còn lạc hậu so với nhiều nước trong khu vực và trên thế giới. Các lĩnh vực văn hoá, xã hội, xây dựng hệ thống chính trị, còn nhiều yếu kém. Lý luận chưa giải đáp được một số vấn đề của thực tiễn đổi mới và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta, đặc biệt là trong việc giải quyết các mối quan hệ

giữa tốc độ tăng trưởng và chất lượng phát triển; giữa tăng trưởng kinh tế và thực hiện công bằng xã hội; giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị; giữa đổi mới với ổn định và phát triển; giữa độc lập tự chủ và chủ động, tích cực hội nhập kinh tế quốc tế...

Từ thực tiễn 20 năm đổi mới, Đảng và Nhà nước ta càng tích lũy thêm nhiều kinh nghiệm lãnh đạo và quản lý. Có thể rút ra ***một số bài học lớn*** sau đây:

Một là, trong quá trình đổi mới phải kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Đổi mới không phải từ bỏ mục tiêu chủ nghĩa xã hội mà là làm cho chủ nghĩa xã hội được nhận thức đúng đắn hơn và được xây dựng có hiệu quả hơn. Đổi mới không phải xa rời mà là nhận thức đúng, vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, lấy đó làm nền tảng tư tưởng của Đảng và kim chỉ nam cho hành động cách mạng.

Hai là, đổi mới toàn diện, đồng bộ, có kế thừa, có bước đi, hình thức và cách làm phù hợp. Phải đổi mới từ nhận thức, tư duy đến hoạt động thực tiễn; từ kinh tế, chính trị, đối ngoại đến tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội; từ hoạt động lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước đến hoạt động cụ thể trong từng bộ phận của hệ thống chính trị. Đổi mới tất cả các mặt của đời sống xã hội nhưng phải có trọng tâm, trọng điểm, có những bước đi thích hợp; bảo đảm sự gắn kết chặt chẽ và đồng bộ giữa ba nhiệm vụ: phát triển kinh tế là trung tâm, xây dựng Đảng là then chốt và phát triển văn hoá - nền tảng tinh thần của xã hội.

Ba là, đổi mới phải vì lợi ích của nhân dân, dựa vào nhân dân, phát huy vai trò chủ động, sáng tạo của nhân dân, xuất

phát từ thực tiễn, nhạy bén với cái mới. Cách mạng là sự nghiệp của nhân dân, vì nhân dân và do nhân dân. Những ý kiến, nguyện vọng và sáng kiến của nhân dân có vai trò quan trọng trong việc hình thành đường lối đổi mới của Đảng. Dựa vào nhân dân, xuất phát từ thực tiễn và thường xuyên tổng kết thực tiễn, phát hiện nhân tố mới, từng bước tìm ra quy luật phát triển, đó là chìa khoá của thành công.

Bốn là, phát huy cao độ nội lực, đồng thời ra sức tranh thủ ngoại lực, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong điều kiện mới. Phát huy nội lực, xem đó là nhân tố quyết định đối với sự phát triển; đồng thời coi trọng huy động các nguồn ngoại lực, thông qua hội nhập và hợp tác quốc tế, tranh thủ các nguồn lực bên ngoài để phát huy nội lực mạnh hơn, nhằm tạo ra sức mạnh tổng hợp để phát triển đất nước nhanh và bền vững, trên cơ sở giữ vững độc lập dân tộc và định hướng xã hội chủ nghĩa.

Năm là, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, không ngừng đổi mới hệ thống chính trị, xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền lực thuộc về nhân dân. Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh là khâu then chốt, là nhân tố quyết định thắng lợi của sự nghiệp đổi mới. Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân là yêu cầu bức thiết của xã hội; Nhà nước phải thể chế hoá và tổ chức thực hiện có hiệu quả quyền công dân, quyền con người. Phát huy vai trò Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân trong việc tập hợp các tầng lớp nhân dân, phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc để thực hiện thành công sự nghiệp đổi mới.

Qua tổng kết lý luận - thực tiễn 20 năm đổi mới, chúng ta càng thấy rõ giá trị định hướng và chỉ đạo to lớn của *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (năm 1991), đồng thời cũng thấy rõ thêm những vấn đề mới đặt ra cần được giải đáp. Sau Đại hội X, Đảng ta cần tiếp tục nghiên cứu, bổ sung và phát triển *Cương lĩnh*, làm nền tảng chính trị, tư tưởng cho mọi hoạt động của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta trong quá trình đưa nước ta đi lên chủ nghĩa xã hội.

II- MỤC TIÊU VÀ PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC 5 NĂM 2006 - 2010

Dự báo tình hình những năm sắp tới:

Trên thế giới, hoà bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn. Kinh tế thế giới và khu vực tiếp tục phục hồi và phát triển nhưng vẫn tiềm ẩn những yếu tố bất trắc khó lường. Toàn cầu hoá kinh tế tạo ra cơ hội phát triển nhưng cũng chứa đựng nhiều yếu tố bất bình đẳng, gây khó khăn, thách thức lớn cho các quốc gia, nhất là các nước đang phát triển. Cạnh tranh kinh tế - thương mại, giành giật các nguồn tài nguyên, năng lượng, thị trường, nguồn vốn, công nghệ... giữa các nước ngày càng gay gắt. Khoa học và công nghệ sẽ có bước tiến nhảy vọt và những đột phá lớn.

Những cuộc chiến tranh cục bộ, xung đột vũ trang, xung đột dân tộc, tôn giáo, chạy đua vũ trang, hoạt động can thiệp, lật đổ, ly khai, hoạt động khủng bố, những tranh chấp về biên giới, lãnh thổ, biển đảo và các tài nguyên thiên nhiên tiếp tục diễn ra ở nhiều nơi với tính chất ngày càng phức tạp. Các mâu thuẫn lớn của thời đại vẫn rất gay gắt. Nhiều vấn đề

toàn cầu bức xúc đòi hỏi các quốc gia và các tổ chức quốc tế phối hợp giải quyết: khoảng cách chênh lệch giữa các nhóm nước giàu và nước nghèo ngày càng lớn; sự gia tăng dân số cùng với các luồng dân di cư; tình trạng khan hiếm nguồn năng lượng, cạn kiệt tài nguyên, môi trường tự nhiên bị huỷ hoại; khí hậu diễn biến ngày càng xấu, kèm theo những thiên tai khủng khiếp; các dịch bệnh lớn, các tội phạm xuyên quốc gia có chiều hướng tăng.

Ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương nói chung và Đông Nam Á nói riêng, xu thế hoà bình, hợp tác và phát triển tiếp tục gia tăng, nhưng luôn tiềm ẩn những nhân tố gây mất ổn định như: tranh chấp về ảnh hưởng và quyền lực, về biên giới, lãnh thổ, biển đảo, tài nguyên giữa các nước; những bất ổn về kinh tế, chính trị, xã hội ở một số nước...

Trong nước, những thành tựu 5 năm qua (2001 - 2005) và 20 năm đổi mới (1986 - 2006) làm cho thế và lực nước ta lớn mạnh lên nhiều so với trước. Việc mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế, chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, giữ vững môi trường hoà bình tạo thêm nhiều thuận lợi cho nhân dân ta đổi mới, phát triển kinh tế - xã hội với tốc độ nhanh hơn.

Tuy nhiên, nước ta đang đứng trước nhiều thách thức lớn, đan xen nhau, tác động tổng hợp và diễn biến phức tạp, không thể coi thường bất cứ thách thức nào. Nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế so với nhiều nước trong khu vực và trên thế giới vẫn tồn tại. Tình trạng suy thoái về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên gắn với tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí là nghiêm trọng. Những biểu hiện xa rời mục tiêu của chủ nghĩa xã hội chưa được khắc phục. Các thế lực thù địch vẫn tiếp tục thực hiện âm

mưu “diễn biến hoà bình”, gây bạo loạn lật đổ, sử dụng các chiêu bài “dân chủ”, “nhân quyền” hòng làm thay đổi chế độ chính trị ở nước ta.

Những năm tới, đất nước ta có cơ hội lớn để tiến lên, tuy khó khăn còn nhiều. Đòi hỏi bức bách của toàn dân tộc lúc này là phải *tranh thủ cơ hội, vượt qua thách thức, tiếp tục đổi mới mạnh mẽ, toàn diện và đồng bộ, phát triển nhanh và bền vững hơn.*

Mục tiêu và phương hướng tổng quát 5 năm 2006 - 2010:

Năm năm 2006 - 2010 có ý nghĩa quyết định đối với việc hoàn thành Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm đầu thế kỷ XXI do Đại hội IX của Đảng đề ra.

Mục tiêu và phương hướng tổng quát của 5 năm 2006 - 2010 là: *nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, huy động và sử dụng tốt mọi nguồn lực cho công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước; phát triển văn hoá; thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; tăng cường quốc phòng và an ninh, mở rộng quan hệ đối ngoại; chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế; giữ vững ổn định chính trị - xã hội; sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển; tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại.*

Phấn đấu tăng trưởng kinh tế với nhịp độ nhanh, chất lượng cao và bền vững hơn, gắn với phát triển con người. Đến năm 2010, tổng sản phẩm trong nước (GDP) gấp hơn 2,1 lần so với năm 2000. Trong 5 năm 2006 - 2010, mức tăng trưởng *GDP bình quân đạt 7,5 - 8%/năm, phấn đấu đạt trên 8%/năm.*

III- TIẾP TỤC HOÀN THIÊN THỂ CHẾ KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

1. Nắm vững định hướng xã hội chủ nghĩa trong nền kinh tế thị trường ở nước ta là:

Thực hiện mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”; giải phóng mạnh mẽ và không ngừng phát triển sức sản xuất, nâng cao đời sống nhân dân; đẩy mạnh xoá đói giảm nghèo, khuyến khích mọi người vươn lên làm giàu chính đáng, giúp đỡ người khác thoát nghèo và từng bước khá giả hơn.

Phát triển nền kinh tế nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo; kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân.

Thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách phát triển; tăng trưởng kinh tế đi đôi với phát triển văn hoá, y tế, giáo dục..., giải quyết tốt các vấn đề xã hội vì mục tiêu phát triển con người. Thực hiện chế độ phân phối chủ yếu theo kết quả lao động, hiệu quả kinh tế, đồng thời theo mức đóng góp vốn cùng các nguồn lực khác và thông qua phúc lợi xã hội.

Phát huy quyền làm chủ xã hội của nhân dân, bảo đảm vai trò quản lý, điều tiết nền kinh tế của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng.

2. Nâng cao vai trò và hiệu lực quản lý của Nhà nước

Nhà nước tập trung làm tốt các chức năng:

Định hướng sự phát triển bằng các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và cơ chế, chính sách trên cơ sở tôn trọng các

nguyên tắc của thị trường. Đổi mới căn bản công tác quy hoạch, kế hoạch phù hợp yêu cầu xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập kinh tế quốc tế, phát huy tối đa mọi lợi thế so sánh của quốc gia, vùng và địa phương, thu hút mọi nguồn lực tham gia phát triển kinh tế - xã hội.

Tạo môi trường pháp lý và cơ chế, chính sách thuận lợi để phát huy các nguồn lực của xã hội cho phát triển, các chủ thể hoạt động kinh doanh bình đẳng, cạnh tranh lành mạnh, công khai, minh bạch, có trật tự, kỷ cương.

Hỗ trợ phát triển, xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội quan trọng, hệ thống an sinh xã hội.

Bảo đảm tính bền vững và tích cực của các cân đối kinh tế vĩ mô, hạn chế các rủi ro và tác động tiêu cực của cơ chế thị trường.

Tác động đến thị trường chủ yếu thông qua cơ chế, chính sách và các công cụ kinh tế; đồng thời sử dụng kịp thời có hiệu quả một số biện pháp cần thiết khi thị trường trong nước hoạt động không có hiệu quả hoặc thị trường khu vực và thế giới có biến động lớn.

Thực hiện quản lý nhà nước bằng hệ thống pháp luật, giảm tối đa sự can thiệp hành chính vào hoạt động của thị trường và doanh nghiệp. Tách chức năng quản lý hành chính của Nhà nước khỏi chức năng quản lý kinh doanh của doanh nghiệp, xoá bỏ “chế độ chủ quản”; tách hệ thống cơ quan hành chính công khỏi hệ thống cơ quan sự nghiệp; phát triển mạnh các dịch vụ công cộng (giáo dục, khoa học và công nghệ, y tế, văn hoá, thể dục thể thao).

Tiếp tục đổi mới chính sách tài chính và tiền tệ, bảo đảm tính ổn định và sự phát triển bền vững của nền tài chính quốc gia.

Phân định rõ chức năng, mối quan hệ giữa Quốc hội, Chính phủ và các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong quản lý nhà nước về kinh tế và xã hội.

3. Phát triển đồng bộ và quản lý có hiệu quả sự vận hành các loại thị trường cơ bản theo cơ chế cạnh tranh lành mạnh

Phát triển *thị trường hàng hoá và dịch vụ*. Thu hẹp những lĩnh vực Nhà nước độc quyền kinh doanh, xoá bỏ độc quyền doanh nghiệp; tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý giá. Phát triển mạnh thương mại trong nước; tăng nhanh xuất khẩu, nhập khẩu. Đẩy mạnh tự do hoá thương mại phù hợp các cam kết hội nhập kinh tế quốc tế. Tạo bước phát triển mới, nhanh và toàn diện thị trường dịch vụ, nhất là những dịch vụ cao cấp, có hàm lượng trí tuệ cao, giá trị gia tăng lớn.

Phát triển vững chắc *thị trường tài chính* bao gồm thị trường vốn và thị trường tiền tệ theo hướng đồng bộ, có cơ cấu hoàn chỉnh. Mở rộng và nâng cao chất lượng hoạt động của thị trường vốn, thị trường chứng khoán. Huy động mọi nguồn vốn trong xã hội cho đầu tư phát triển. Hiện đại hoá và đa dạng hoá các hoạt động của thị trường tiền tệ. Xây dựng các ngân hàng thương mại nhà nước vững mạnh về mọi mặt. Mở cửa thị trường dịch vụ ngân hàng theo lộ trình hội nhập kinh tế quốc tế.

Phát triển *thị trường bất động sản*, bao gồm thị trường quyền sử dụng đất và bất động sản gắn liền với đất: bảo đảm quyền sử dụng đất chuyển thành hàng hoá một cách thuận lợi, làm cho đất đai thực sự trở thành nguồn vốn cho phát triển, thị trường bất động sản trong nước có sức cạnh tranh so với thị trường khu vực, có sức hấp dẫn các nhà đầu tư.

Thực hiện công khai, minh bạch và tăng cường tính pháp lý, kỷ luật, kỷ cương trong quản lý đất đai. Nhà nước điều tiết giá đất bằng quan hệ cung - cầu về đất đai và thông qua các chính sách về thuế có liên quan đến đất đai. Nhà nước vừa quản lý tốt thị trường bất động sản vừa là nhà đầu tư bất động sản lớn nhất. Hoàn thiện hệ thống luật pháp về kinh doanh bất động sản.

Phát triển *thị trường sức lao động* trong mọi khu vực kinh tế, tạo sự gắn kết cung - cầu lao động, phát huy tính tích cực của người lao động trong học nghề, tự tạo và tìm việc làm. Có chính sách ưu đãi các doanh nghiệp thu hút nhiều lao động, nhất là ở khu vực nông thôn. Đẩy mạnh xuất khẩu lao động, đặc biệt là xuất khẩu lao động đã qua đào tạo nghề, lao động nông nghiệp. Hoàn thiện cơ chế, chính sách tuyển chọn và sử dụng lao động trong khu vực kinh tế nhà nước và bộ máy công quyền. Đa dạng hoá các hình thức giao dịch việc làm; phát triển hệ thống thông tin về thị trường sức lao động trong nước và thế giới. Có chính sách nhập khẩu lao động có chất lượng cao trong lĩnh vực công nghệ và quản lý ở những ngành, nghề cần ưu tiên phát triển.

Xây dựng hệ thống luật pháp về lao động và thị trường sức lao động nhằm bảo đảm quyền lựa chọn chỗ làm việc và nơi cư trú của người lao động; thực hiện rộng rãi chế độ hợp đồng lao động; bảo đảm quyền lợi của cả người lao động và người sử dụng lao động.

Phát triển *thị trường khoa học và công nghệ* trên cơ sở đổi mới cơ chế, chính sách để phần lớn sản phẩm khoa học và công nghệ (trừ nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu phục vụ xây dựng đường lối, chiến lược, chính sách phát triển) trở thành hàng hoá. Thông tin rộng rãi và tạo môi trường cạnh tranh để các sản phẩm khoa học và công nghệ được mua bán thuận lợi

trên thị trường. Chuyển các tổ chức nghiên cứu và phát triển thuộc nhiều loại hình sở hữu sang hoạt động theo cơ chế doanh nghiệp.

4. Phát triển mạnh các thành phần kinh tế, các loại hình tổ chức sản xuất kinh doanh

Trên cơ sở ba chế độ sở hữu (toàn dân, tập thể, tư nhân), hình thành nhiều hình thức sở hữu và nhiều thành phần kinh tế: kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân (cá thể, tiểu chủ, tư bản tư nhân), kinh tế tư bản nhà nước, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài. Các thành phần kinh tế hoạt động theo pháp luật đều là bộ phận hợp thành quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, bình đẳng trước pháp luật, cùng phát triển lâu dài, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh. Kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, là lực lượng vật chất quan trọng để Nhà nước định hướng và điều tiết nền kinh tế, tạo môi trường và điều kiện thúc đẩy các thành phần kinh tế cùng phát triển. Kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân. Kinh tế tư nhân có vai trò quan trọng, là một trong những động lực của nền kinh tế.

Doanh nghiệp cổ phần ngày càng phát triển, trở thành hình thức tổ chức kinh tế phổ biến, thúc đẩy xã hội hoá sản xuất kinh doanh và sở hữu.

Xoá bỏ mọi sự phân biệt đối xử theo hình thức sở hữu; Nhà nước chỉ thực hiện sự ưu đãi hoặc hỗ trợ phát triển đối với một số ngành, lĩnh vực, sản phẩm; một số mục tiêu như xuất khẩu, tạo việc làm, xoá đói giảm nghèo, khắc phục rủi ro; một số địa bàn, các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Thực hiện Chiến lược quốc gia về phát triển doanh nghiệp. Xây dựng một hệ thống doanh nghiệp Việt Nam nhiều về số lượng, có sức cạnh tranh cao, có thương hiệu uy tín, trong đó chủ lực là một số tập đoàn kinh tế lớn dựa trên hình thức cổ phần. Nhà nước định hướng, tạo môi trường để phát triển có hiệu quả các doanh nghiệp theo cơ chế thị trường; bồi dưỡng, đào tạo và tôn vinh các doanh nhân có tài, có đức và thành đạt.

Tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước

Hoàn thiện cơ chế, chính sách để các doanh nghiệp nhà nước thực sự hoạt động trong môi trường cạnh tranh, công khai, minh bạch, nâng cao hiệu quả. Xoá bỏ độc quyền và đặc quyền sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước. Doanh nghiệp nhà nước có quyền tài sản, thực sự tự chủ, tự chịu trách nhiệm trên thị trường và trước pháp luật. Gắn trách nhiệm, quyền hạn và lợi ích của người quản lý doanh nghiệp với kết quả hoạt động của doanh nghiệp. Chăm lo đào tạo đội ngũ quản trị giỏi đáp ứng tốt yêu cầu quản lý công ty theo chế độ hiện đại.

Đẩy mạnh việc sắp xếp, đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước, trọng tâm là cổ phần hoá. Cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước, tập trung chủ yếu vào một số lĩnh vực kết cấu hạ tầng, sản xuất tư liệu sản xuất và dịch vụ quan trọng của nền kinh tế, vào một số lĩnh vực công ích. Đẩy mạnh và mở rộng diện cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước, kể cả các tổng công ty nhà nước. Việc xác định giá trị doanh nghiệp nhà nước được cổ phần hoá, kể cả giá trị quyền sử dụng đất, phải theo cơ chế thị trường. Đề phòng và khắc phục những lệch lạc, tiêu cực trong quá trình cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước.

Thúc đẩy việc hình thành một số tập đoàn kinh tế mạnh, tầm cỡ khu vực, có sự tham gia cổ phần của Nhà nước, của tư nhân trong và ngoài nước, các công ty bảo hiểm, các quỹ đầu tư..., trong đó Nhà nước giữ cổ phần chi phối.

Tiếp tục đổi mới và phát triển các loại hình kinh tế tập thể

Tổng kết thực tiễn, sớm có chính sách, cơ chế cụ thể khuyến khích phát triển mạnh hơn các loại hình kinh tế tập thể đa dạng về hình thức sở hữu và hình thức tổ chức sản xuất kinh doanh, bao gồm các tổ hợp tác, hợp tác xã kiểu mới. Chú trọng phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã cổ phần.

Khuyến khích việc tăng vốn góp và các nguồn vốn huy động từ thành viên để tăng nguồn vốn hoạt động của hợp tác xã, tăng vốn đầu tư phát triển, tăng tài sản và quỹ không chia trong hợp tác xã.

Hợp tác xã và các loại hình kinh tế hợp tác hoạt động theo các nguyên tắc: hợp tác tự nguyện; dân chủ, bình đẳng và công khai; tự chủ, tự chịu trách nhiệm và cùng có lợi; hợp tác và phát triển cộng đồng.

Phát triển mạnh các hộ kinh doanh cá thể và các loại hình doanh nghiệp của tư nhân

Mọi công dân có quyền tham gia các hoạt động đầu tư, kinh doanh với quyền sở hữu tài sản và quyền tự do kinh doanh được pháp luật bảo hộ; có quyền bình đẳng trong đầu tư, kinh doanh, tiếp cận các cơ hội, nguồn lực kinh doanh, thông tin và nhận thông tin.

Xoá bỏ mọi rào cản, tạo tâm lý xã hội và môi trường kinh doanh thuận lợi cho các loại hình doanh nghiệp của tư nhân phát triển không hạn chế quy mô trong mọi ngành nghề, lĩnh vực, kể cả các lĩnh vực sản xuất kinh doanh quan trọng của nền kinh tế mà pháp luật không cấm.

Thu hút mạnh nguồn lực của các nhà đầu tư nước ngoài

Cải thiện môi trường pháp lý và kinh tế, đa dạng hoá các hình thức và cơ chế để thu hút mạnh nguồn lực của các nhà đầu tư nước ngoài vào những ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh quan trọng.

IV- ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HOÁ, HIỆN ĐẠI HOÁ GẮN VỚI PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRI THỨC

Tranh thủ cơ hội thuận lợi do bối cảnh quốc tế tạo ra và tiềm năng, lợi thế của nước ta để rút ngắn quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa gắn với phát triển kinh tế tri thức, coi kinh tế tri thức là yếu tố quan trọng của nền kinh tế và công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Phát triển mạnh các ngành và sản phẩm kinh tế có giá trị gia tăng cao dựa nhiều vào tri thức; kết hợp việc sử dụng nguồn vốn tri thức của con người Việt Nam với tri thức mới nhất của nhân loại. Coi trọng cả số lượng và chất lượng tăng trưởng kinh tế trong mỗi bước phát triển của đất nước, ở từng vùng, từng địa phương, trong từng dự án kinh tế - xã hội.

Xây dựng cơ cấu kinh tế hiện đại và hợp lý theo ngành, lĩnh vực và lãnh thổ. Giảm chi phí trung gian, nâng cao năng suất lao động của tất cả các ngành, lĩnh vực, nhất là các ngành, lĩnh vực có sức cạnh tranh cao.

Đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp và nông thôn, giải quyết đồng bộ các vấn đề nông nghiệp, nông thôn và nông dân

Chuyển dịch mạnh cơ cấu nông nghiệp và kinh tế nông thôn theo hướng tạo ra giá trị gia tăng ngày càng cao, gắn với công nghiệp chế biến và thị trường; thực hiện cơ khí hoá,

điện khí hoá, thuỷ lợi hoá, đưa nhanh tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ sinh học vào sản xuất, nâng cao năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh, phù hợp đặc điểm từng vùng, từng địa phương. Tăng nhanh tỷ trọng giá trị sản phẩm và lao động các ngành công nghiệp và dịch vụ; giảm dần tỷ trọng sản phẩm và lao động nông nghiệp. Sớm khắc phục tình trạng manh mún về đất canh tác của các hộ nông dân, khuyến khích việc dồn điền đổi thửa, cho thuê, góp vốn cổ phần bằng đất; phát triển các khu nông nghiệp công nghệ cao, vùng trồng trọt và chăn nuôi tập trung, doanh nghiệp công nghiệp và dịch vụ gắn với hình thành các ngành nghề, làng nghề, hợp tác xã, trang trại, tạo ra những sản phẩm có thị trường và hiệu quả kinh tế cao.

Thực hiện tốt chương trình bảo vệ và phát triển rừng; đổi mới chính sách giao đất, giao rừng, bảo đảm cho người làm nghề rừng có cuộc sống ổn định và được cải thiện. Phát triển rừng nguyên liệu gắn với công nghiệp chế biến lâm sản có công nghệ hiện đại.

Phát triển đồng bộ và có hiệu quả nuôi trồng, đánh bắt, chế biến và bảo vệ nguồn lợi thuỷ sản. Coi trọng khâu sản xuất và cung cấp giống tốt, bảo vệ môi trường, mở rộng thị trường trong nước và xuất khẩu.

Tăng cường các hoạt động khuyến nông, khuyến công, khuyến lâm, khuyến ngư, công tác thú y, bảo vệ thực vật và các dịch vụ kỹ thuật khác ở nông thôn. Chuyển giao nhanh và ứng dụng khoa học, công nghệ, nhất là công nghệ sinh học vào sản xuất nông nghiệp; chú trọng các khâu giống, kỹ thuật canh tác, nuôi trồng, công nghệ sau thu hoạch và công nghệ chế biến.

Khẩn trương xây dựng các quy hoạch phát triển nông thôn. Thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới.

Xây dựng các làng, xã, ấp, bản có cuộc sống no đủ, văn minh, môi trường lành mạnh. Hình thành các khu dân cư đô thị hoá với kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ như: thủy lợi, giao thông, điện, nước sạch, cụm công nghiệp, trường học, trạm y tế, bưu điện, chợ. Phát huy dân chủ ở nông thôn đi đôi với xây dựng nếp sống văn hoá, nâng cao trình độ dân trí, bài trừ các tệ nạn xã hội, hủ tục, mê tín dị đoan; bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội.

Chú trọng dạy nghề, giải quyết việc làm cho nông dân, trước hết ở các vùng sử dụng đất nông nghiệp để xây dựng các cơ sở công nghiệp, dịch vụ, giao thông, các khu đô thị mới. Chuyển dịch cơ cấu lao động ở nông thôn theo hướng giảm nhanh tỷ trọng lao động làm nông nghiệp, tăng tỷ trọng lao động làm công nghiệp và dịch vụ. Tạo điều kiện để lao động nông thôn có việc làm trong và ngoài khu vực nông thôn, kể cả ở nước ngoài. Đầu tư mạnh hơn cho các chương trình xoá đói giảm nghèo, nhất là ở các vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Phát triển nhanh hơn công nghiệp, xây dựng và dịch vụ

Khuyến khích phát triển công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp chế tác, công nghiệp phần mềm và công nghiệp hỗ trợ có lợi thế cạnh tranh, tạo nhiều sản phẩm xuất khẩu và thu hút nhiều lao động; phát triển một số khu kinh tế mở và đặc khu kinh tế, nâng cao hiệu quả của các khu công nghiệp, khu chế xuất.

Khuyến khích, tạo điều kiện để các thành phần kinh tế tham gia phát triển mạnh các ngành công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu, sản xuất tư liệu sản xuất quan trọng theo hướng hiện đại; ưu tiên thu hút đầu tư của các tập đoàn kinh tế lớn nước ngoài và các công ty lớn xuyên quốc gia.

Khẩn trương thu hút vốn trong và ngoài nước để đầu tư thực hiện một số dự án quan trọng về khai thác dầu khí, lọc dầu và hoá dầu, luyện kim, cơ khí chế tạo, hoá chất cơ bản, phân bón, vật liệu xây dựng. Có chính sách hạn chế xuất khẩu tài nguyên thô. Thu hút những chuyên gia giỏi, cao cấp của nước ngoài và trong cộng đồng người Việt Nam định cư ở nước ngoài.

Trên cơ sở bổ sung và hoàn chỉnh quy hoạch, huy động các nguồn lực trong và ngoài nước để xây dựng đồng bộ kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là sân bay quốc tế, cảng biển, đường cao tốc, đường ven biển, đường đông tây, mạng lưới cung cấp điện, hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội ở các đô thị lớn, hệ thống thuỷ lợi, cấp thoát nước. Phát triển công nghiệp năng lượng đi đôi với công nghệ tiết kiệm năng lượng. Tăng nhanh năng lực và hiện đại hoá bưu chính - viễn thông.

Tạo bước phát triển vượt bậc của các ngành dịch vụ, nhất là những ngành có chất lượng cao, tiềm năng lớn và có sức cạnh tranh, đưa tốc độ tăng trưởng của các ngành dịch vụ cao hơn tốc độ tăng trưởng GDP. Phát triển mạnh và nâng cao chất lượng một số ngành: vận tải, thương mại, du lịch, tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, bưu chính - viễn thông, tư vấn...

Phát triển kinh tế vùng

Có cơ chế, chính sách phù hợp để các vùng trong cả nước cùng phát triển, đồng thời tạo sự liên kết giữa các vùng và nội vùng.

Thúc đẩy phát triển các vùng kinh tế trọng điểm, tạo động lực, tác động lan toả đến các vùng khác; đồng thời tạo điều kiện phát triển nhanh hơn cho các vùng kinh tế đang còn nhiều khó khăn, đặc biệt là các vùng biên giới, hải đảo, Tây Nguyên, Tây Nam, Tây Bắc.

Phát triển kinh tế biển

Xây dựng và thực hiện chiến lược phát triển kinh tế biển toàn diện, có trọng tâm, trọng điểm; sớm đưa nước ta trở thành quốc gia mạnh về kinh tế biển trong khu vực, gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh và hợp tác quốc tế. Phát triển hệ thống cảng biển, vận tải biển, khai thác và chế biến dầu khí, hải sản, dịch vụ biển; đẩy nhanh ngành công nghiệp đóng tàu biển và công nghiệp khai thác, chế biến hải sản. Phát triển mạnh, đi trước một bước một số vùng kinh tế ven biển và hải đảo.

Chuyển dịch cơ cấu lao động, cơ cấu công nghệ

Phát triển nguồn nhân lực, bảo đảm đến năm 2010 có nguồn nhân lực với cơ cấu đồng bộ và chất lượng cao; tỷ lệ lao động trong khu vực nông nghiệp còn dưới 50% lực lượng lao động xã hội.

Phát triển khoa học và công nghệ phù hợp xu thế phát triển nhảy vọt của cách mạng khoa học và công nghệ. Lựa chọn và đi ngay vào công nghệ hiện đại ở một số lĩnh vực then chốt. Chú trọng phát triển công nghệ cao để tạo đột phá và công nghệ sử dụng nhiều lao động để giải quyết việc làm.

Bảo vệ và sử dụng có hiệu quả tài nguyên quốc gia, cải thiện môi trường tự nhiên

Tăng cường quản lý tài nguyên quốc gia, nhất là các tài nguyên đất, nước, khoáng sản và rừng.

Ngăn chặn các hành vi huỷ hoại và gây ô nhiễm môi trường, khắc phục tình trạng xuống cấp môi trường ở các lưu vực sông, đô thị, khu công nghiệp, làng nghề, nơi đông dân cư và có nhiều hoạt động kinh tế. Từng bước sử dụng công nghệ sạch, năng lượng sạch.

Tích cực phục hồi môi trường và các hệ sinh thái bị phá huỷ. Tiếp tục phủ xanh đất trống, đồi núi trọc, bảo vệ đa dạng sinh học. Quan tâm đầu tư cho lĩnh vực môi trường, nhất là các hoạt động thu gom, tái chế và xử lý chất thải.

Hoàn chỉnh luật pháp, tăng cường quản lý nhà nước về bảo vệ và cải thiện môi trường tự nhiên.

Từng bước hiện đại hoá công tác nghiên cứu, dự báo khí tượng - thuỷ văn; chủ động phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn.

V- NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG, HIỆU QUẢ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO, KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ, PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC

Giáo dục và đào tạo cùng với khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu, là nền tảng và động lực thúc đẩy công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

1. Đổi mới toàn diện giáo dục và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao

Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện; đổi mới cơ cấu tổ chức, cơ chế quản lý, nội dung, phương pháp dạy và học; thực hiện “chuẩn hoá, hiện đại hoá, xã hội hoá”, chấn hưng nền giáo dục Việt Nam.

Chuyển dần mô hình giáo dục hiện nay sang mô hình giáo dục mở - mô hình xã hội học tập với hệ thống học tập suốt đời, đào tạo liên tục, liên thông giữa các bậc học, ngành học; xây dựng và phát triển hệ thống học tập cho mọi người và những hình thức học tập, thực hành linh hoạt, đáp ứng nhu cầu học tập thường xuyên; tạo nhiều khả năng, cơ hội

khác nhau cho người học, bảo đảm sự công bằng xã hội trong giáo dục.

Đổi mới mạnh mẽ giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông. Khắc phục điều chỉnh, khắc phục tình trạng quá tải và thực hiện nghiêm túc chương trình giáo dục và sách giáo khoa phổ thông bảo đảm tính khoa học, cơ bản, phù hợp tâm lý lứa tuổi và điều kiện cụ thể của Việt Nam. Kết hợp việc tổ chức phân ban với tự chọn ở trung học phổ thông trên cơ sở làm tốt công tác hướng nghiệp và phân luồng từ trung học cơ sở. Bảo đảm đúng tiến độ và chất lượng phổ cập giáo dục.

Phát triển mạnh hệ thống giáo dục nghề nghiệp, tăng nhanh quy mô đào tạo cao đẳng nghề, trung cấp nghề cho các khu công nghiệp, các vùng kinh tế động lực và cho việc xuất khẩu lao động. Mở rộng mạng lưới cơ sở dạy nghề, phát triển trung tâm dạy nghề quận, huyện. Tạo chuyển biến căn bản về chất lượng dạy nghề, tiếp cận với trình độ tiên tiến của khu vực và thế giới. Đẩy mạnh xã hội hoá, khuyến khích phát triển các hình thức dạy nghề đa dạng, linh hoạt: dạy nghề ngoài công lập, tại doanh nghiệp, tại làng nghề...; tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động học nghề, lập nghiệp. Tổ chức dạy nghề, chuyển giao kỹ thuật, công nghệ sản xuất phù hợp cho nông dân, đồng bào dân tộc thiểu số.

Đổi mới hệ thống giáo dục đại học và sau đại học, gắn đào tạo với sử dụng, trực tiếp phục vụ chuyển đổi cơ cấu lao động, phát triển nhanh nguồn nhân lực chất lượng cao, nhất là chuyên gia đầu ngành. Chú trọng phát hiện, bồi dưỡng, trọng dụng nhân tài; nhanh chóng xây dựng cơ cấu nguồn nhân lực hợp lý về ngành nghề, trình độ đào tạo, dân tộc, vùng miền...; có cơ chế và chính sách gắn kết có hiệu quả trường đại học với cơ sở nghiên cứu khoa học và doanh nghiệp để chuyển

giao kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ vào sản xuất kinh doanh. Xây dựng một số trường đại học trọng điểm đạt trình độ khu vực và quốc tế.

Bảo đảm đủ số lượng, nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên ở tất cả các cấp học, bậc học. Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương pháp giáo dục, phát huy tính tích cực, sáng tạo của người học, khắc phục lối truyền thụ một chiều. Hoàn thiện hệ thống đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục. Cải tiến nội dung và phương pháp thi cử nhằm đánh giá đúng trình độ tiếp thu tri thức, khả năng học tập. Khắc phục những mặt yếu kém và tiêu cực trong giáo dục.

Thực hiện xã hội hoá giáo dục. Huy động nguồn lực vật chất và trí tuệ của xã hội tham gia chăm lo sự nghiệp giáo dục. Phối hợp chặt chẽ giữa ngành giáo dục với các ban, ngành, các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp... để mở mang giáo dục, tạo điều kiện học tập cho mọi thành viên trong xã hội. Tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát các hoạt động giáo dục.

Đổi mới cơ chế quản lý giáo dục. Phân cấp, tạo động lực và sự chủ động của các cơ sở, các chủ thể tiến hành giáo dục. Nhà nước tăng đầu tư tập trung cho các mục tiêu ưu tiên, các chương trình quốc gia phát triển giáo dục, hỗ trợ các vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo; thực hiện việc miễn giảm đóng góp và cấp học bổng cho học sinh nghèo, các đối tượng chính sách, học sinh giỏi.

Tăng cường hợp tác quốc tế về giáo dục và đào tạo. Tiếp cận chuẩn mực giáo dục tiên tiến của thế giới phù hợp với yêu cầu phát triển của Việt Nam; tham gia đào tạo nhân lực khu vực và thế giới. Có cơ chế quản lý phù hợp đối với các trường do nước ngoài đầu tư hoặc liên kết đào tạo.

2. Nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động của khoa học và công nghệ

Phấn đấu đến năm 2010, năng lực khoa học và công nghệ nước ta đạt trình độ của các nước tiên tiến trong khu vực trên một số lĩnh vực quan trọng.

Phát triển khoa học xã hội, tiếp tục góp phần làm sáng tỏ những nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, giải đáp những vấn đề mới của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; bước đi công nghiệp hoá, hiện đại hoá; những nguyên tắc, nội dung cơ bản của phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, đổi mới hệ thống chính trị, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; phát triển con người; nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng trong giai đoạn mới,... Thường xuyên tổng kết thực tiễn để phát triển lý luận; dự báo tình hình và xu thế phát triển của thế giới, khu vực và trong nước; cung cấp luận cứ khoa học cho việc hoạch định đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Phát triển khoa học tự nhiên và khoa học công nghệ, tập trung nghiên cứu cơ bản định hướng ứng dụng, đặc biệt các lĩnh vực Việt Nam có nhu cầu và thế mạnh. Đẩy mạnh có chọn lọc việc nhập công nghệ, mua sáng chế kết hợp công nghệ nội sinh để nhanh chóng đổi mới và nâng cao trình độ công nghệ của các ngành có lợi thế cạnh tranh, có tỷ trọng lớn trong GDP, các ngành công nghiệp hỗ trợ và tạo nhiều việc làm cho xã hội; phát triển công nghệ cao, nhất là công nghệ thông tin, công nghệ sinh học và công nghệ vật liệu mới. Phát triển hệ thống thông tin quốc gia về nhân lực và công nghệ.

Đổi mới cơ chế quản lý khoa học và công nghệ theo hướng Nhà nước đầu tư vào các chương trình nghiên cứu quốc gia

đạt trình độ khu vực và thế giới, xây dựng tiềm lực khoa học và công nghệ của một số lĩnh vực trọng điểm. Đa dạng hoá các nguồn lực đầu tư cho khoa học và công nghệ, huy động các thành phần kinh tế tham gia các hoạt động khoa học, công nghệ. Đẩy mạnh hội nhập quốc tế trong lĩnh vực khoa học và công nghệ. Nâng cao chất lượng và khả năng thương mại của các sản phẩm khoa học và công nghệ; đẩy mạnh việc đổi mới công nghệ trong các doanh nghiệp.

Nhà nước khuyến khích các hoạt động sáng tạo, hoàn thiện và ứng dụng công nghệ mới, thông qua các chính sách hỗ trợ phát triển, công nhận và bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ. Có chính sách hấp dẫn để các công ty xuyên quốc gia đầu tư và chuyển giao công nghệ mới cho các doanh nghiệp Việt Nam. Chú trọng nhập khẩu công nghệ hiện đại; từng bước phát triển mạnh công nghệ trong nước.

Trọng dụng nhân tài, các nhà khoa học đầu ngành, tổng công trình sư, kỹ sư trưởng, kỹ thuật viên lành nghề và công nhân kỹ thuật có tay nghề cao. Có chính sách thu hút các nhà khoa học, công nghệ giỏi ở trong nước và ngoài nước, trong cộng đồng người Việt Nam định cư ở nước ngoài.

VI- THỰC HIỆN TIẾN BỘ VÀ CÔNG BẰNG XÃ HỘI NGAY TRONG TỪNG BƯỚC VÀ TỪNG CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN

Kết hợp các mục tiêu kinh tế với các mục tiêu xã hội trong phạm vi cả nước, ở từng lĩnh vực, địa phương; thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách phát triển, thực hiện tốt các chính sách xã hội trên cơ sở phát triển kinh tế, gắn quyền lợi và nghĩa vụ, cống hiến và hưởng thụ, tạo động lực mạnh mẽ và bền vững

hơn cho phát triển kinh tế - xã hội. Tập trung giải quyết những vấn đề xã hội bức xúc.

Khuyến khích mọi người làm giàu theo luật pháp, thực hiện có hiệu quả các chính sách xoá đói giảm nghèo. Tạo điều kiện và cơ hội tiếp cận bình đẳng các nguồn lực phát triển, hưởng thụ các dịch vụ xã hội cơ bản, vươn lên thoát đói nghèo vững chắc ở các vùng nghèo và các bộ phận dân cư nghèo. Khắc phục tư tưởng bao cấp, ỷ lại.

Xây dựng, hoàn chỉnh hệ thống chính sách bảo đảm cung ứng dịch vụ công cộng thiết yếu, bình đẳng cho mọi người dân về giáo dục và đào tạo, tạo việc làm, chăm sóc sức khoẻ, văn hoá - thông tin, thể dục thể thao...

Xây dựng hệ thống an sinh xã hội đa dạng; phát triển mạnh hệ thống bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, tiến tới bảo hiểm y tế toàn dân. Đa dạng hoá các loại hình cứu trợ xã hội, tạo việc làm, đẩy mạnh xuất khẩu lao động, hướng tới xuất khẩu lao động trình độ cao... Tiếp tục đổi mới chính sách tiền lương, chính sách phân phối thu nhập.

Phát triển hệ thống y tế công bằng và hiệu quả, bảo đảm mọi người dân được chăm sóc và bảo vệ sức khoẻ. Nhà nước tiếp tục tăng đầu tư để nâng cấp các cơ sở y tế, y tế dự phòng, xây dựng và hoàn thiện chính sách trợ cấp và bảo hiểm y tế cho người hưởng chính sách xã hội và người nghèo trong khám, chữa bệnh. Phát triển các dịch vụ y tế công nghệ cao và ngoài công lập.

Tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước trong lĩnh vực y tế. Có chiến lược, quy hoạch và cơ chế, chính sách hợp lý để phát triển hệ thống sản xuất, lưu thông, phân phối thuốc chữa bệnh; phát triển mạnh các ngành công nghiệp dược, thiết bị y tế đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu. Kết hợp y học hiện đại với y học cổ truyền.

Xây dựng chiến lược quốc gia về nâng cao sức khỏe, tầm vóc con người Việt Nam, tăng tuổi thọ và cải thiện chất lượng giống nòi. Tăng cường thể lực của thanh niên. Phát triển mạnh thể dục thể thao, kết hợp tốt thể thao phong trào và thể thao thành tích cao, dân tộc và hiện đại. Có chính sách và cơ chế phù hợp để phát hiện, bồi dưỡng và phát triển tài năng, đưa thể thao nước ta đạt vị trí cao của khu vực, từng bước tiếp cận với châu lục và thế giới ở những bộ môn Việt Nam có ưu thế...

Làm tốt công tác chăm sóc sức khỏe sinh sản. Thúc đẩy phong trào toàn xã hội chăm sóc, giáo dục, bảo vệ trẻ em, tạo điều kiện cho trẻ em được sống trong môi trường an toàn, lành mạnh, phát triển hài hòa về thể chất, trí tuệ và đạo đức; giảm nhanh tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng. Phòng chống HIV/AIDS bằng các biện pháp mạnh mẽ, kiên trì và có hiệu quả.

Thực hiện tốt các chính sách dân số và kế hoạch hoá gia đình. Giảm tốc độ tăng dân số. Tiếp tục duy trì kế hoạch giảm sinh và giữ mức sinh thay thế, bảo đảm quy mô và cơ cấu dân số hợp lý, nâng cao chất lượng dân số. Phát huy những giá trị truyền thống tốt đẹp của gia đình Việt Nam, thích ứng với những đòi hỏi của quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc, thật sự là tổ ấm của mỗi người, là tế bào lành mạnh của xã hội, là môi trường quan trọng hình thành, nuôi dưỡng và giáo dục nhân cách con người, bảo tồn và phát huy văn hoá truyền thống tốt đẹp, tạo nguồn nhân lực phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Chú trọng các chính sách ưu đãi xã hội. Vận động toàn dân tham gia các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, uống nước nhớ nguồn đối với các lão thành cách mạng, những người có công với nước, người hưởng chính sách xã hội. Chăm sóc đời sống

vật chất và tinh thần của người già, nhất là những người già cô đơn, không nơi nương tựa. Giúp đỡ nạn nhân chất độc da cam, người tàn tật, trẻ mồ côi, lang thang.

Đổi mới cơ chế quản lý và phương thức cung ứng các dịch vụ công cộng. Phát triển về quy mô gắn với chất lượng và hiệu quả các dịch vụ công cộng, nâng cao năng lực quản lý nhà nước, đổi mới cơ chế hoạt động của các đơn vị công lập và huy động mạnh mẽ mọi nguồn lực của xã hội. Nhà nước tiếp tục tăng nguồn lực, đầu tư tập trung cho các chương trình mục tiêu quốc gia về giáo dục, y tế, văn hoá, thể dục thể thao, dân số, gia đình, trẻ em...; quan tâm vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; đồng thời phát huy tiềm năng trí tuệ và các nguồn lực vật chất trong nhân dân, của toàn xã hội để cùng Nhà nước giải quyết các vấn đề xã hội và chăm lo phát triển các dịch vụ công cộng.

Từng bước chuyển các cơ sở công lập dịch vụ công cộng đang hoạt động theo cơ chế sự nghiệp mang nặng tính hành chính bao cấp sang cơ chế tự chủ, không bao cấp tràn lan và không vì mục tiêu lợi nhuận. Phát triển mạnh các cơ sở ngoài công lập với hai loại hình dân lập và tư nhân. Chuyển một số cơ sở thuộc loại hình công lập sang loại hình ngoài công lập. Khuyến khích đầu tư trong và ngoài nước phát triển các dịch vụ công cộng. Nhà nước cùng nhân dân tăng cường giám sát, thanh tra, kiểm tra các hoạt động dịch vụ công cộng.

Công khai mức phí tại các cơ sở dịch vụ công lập và ngoài công lập, chấm dứt các khoản thu, chi không minh bạch và sai quy định, bảo đảm người làm dịch vụ có chế độ thu nhập hợp lý, có lương tâm nghề nghiệp.

Thúc đẩy các cơ sở công lập và ngoài công lập về dịch vụ công cộng phát triển cả về quy mô và chất lượng, xây dựng một số cơ sở dịch vụ đạt trình độ tiên tiến trong khu vực.

VII- PHÁT TRIỂN VĂN HOÁ, NỀN TẢNG TINH THẦN CỦA XÃ HỘI

Tiếp tục phát triển sâu rộng và nâng cao chất lượng nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, gắn kết chặt chẽ và đồng bộ hơn với phát triển kinh tế - xã hội, làm cho văn hoá thấm sâu vào mọi lĩnh vực của đời sống xã hội.

Xây dựng và hoàn thiện giá trị, nhân cách con người Việt Nam, bảo vệ và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá, hội nhập kinh tế quốc tế. Bồi dưỡng các giá trị văn hoá trong thanh niên, học sinh, sinh viên, đặc biệt là lý tưởng sống, lối sống, năng lực trí tuệ, đạo đức và bản lĩnh văn hoá con người Việt Nam.

Phát huy tinh thần tự nguyện, tính tự quản và năng lực làm chủ của nhân dân trong đời sống văn hoá. Đa dạng hoá các hình thức hoạt động của phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá”. Phát huy tiềm năng, khuyến khích sáng tạo văn học, nghệ thuật, tạo ra những tác phẩm có giá trị cao về tư tưởng và nghệ thuật. Xây dựng và nâng cấp đồng bộ hệ thống thiết chế văn hoá, chú trọng công trình văn hoá lớn, tiêu biểu. Nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống nhà văn hoá, bảo tàng, nhà truyền thống, thư viện, phòng đọc, điểm bưu điện - văn hoá xã, khu vui chơi, giải trí... Bảo vệ và phát huy giá trị của tài liệu lưu trữ.

Tiếp tục đầu tư cho việc bảo tồn, tôn tạo các di tích lịch sử cách mạng, kháng chiến, các di sản văn hoá vật thể và phi vật thể của dân tộc, các giá trị văn hoá, nghệ thuật, ngôn ngữ, thuần phong mỹ tục của cộng đồng các dân tộc. Bảo tồn và phát huy văn hoá, văn nghệ dân gian. Kết hợp hài hoà việc bảo vệ, phát huy các di sản văn hoá với các hoạt động phát triển kinh tế, du lịch.

Tạo điều kiện cho các lĩnh vực xuất bản, thông tin đại chúng phát triển, nâng cao chất lượng tư tưởng và văn hoá, vươn lên hiện đại về mô hình, cơ cấu tổ chức và cơ sở vật chất - kỹ thuật; đồng thời xây dựng cơ chế quản lý phù hợp, chủ động, khoa học.

Bảo đảm tự do, dân chủ cho mọi hoạt động sáng tạo văn hoá, văn học, nghệ thuật đi đôi với phát huy trách nhiệm công dân của văn nghệ sĩ. Có chính sách trọng dụng các tài năng văn hoá, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của văn nghệ sĩ. Đẩy mạnh hoạt động lý luận - phê bình văn học, nghệ thuật. Đổi mới nội dung, phương thức hoạt động và cơ cấu tổ chức của các hội văn học, nghệ thuật từ trung ương đến địa phương.

Tăng cường quản lý của Nhà nước về văn hoá. Xây dựng cơ chế, chính sách, chế tài ổn định, phù hợp yêu cầu phát triển văn hoá trong thời kỳ mới. Tích cực mở rộng giao lưu và hợp tác quốc tế về văn hoá, chống sự xâm nhập của các loại văn hoá phẩm độc hại, lai căng...

Phát huy tính năng động, chủ động của các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân, các hội văn học, nghệ thuật, khoa học, báo chí, các hộ gia đình, cá nhân, các trí thức tham gia hoạt động trên các lĩnh vực văn hoá. Xây dựng và triển khai chương trình giáo dục văn hoá - thẩm mỹ, nếp sống văn minh, hiện đại trong nhân dân.

VIII- TĂNG CƯỜNG QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH, BẢO VỆ VỮNG CHẮC TỔ QUỐC VIỆT NAM XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

Xây dựng nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân vững mạnh toàn diện; bảo vệ vững chắc Tổ quốc, độc lập,

chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ; bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa; bảo vệ an ninh chính trị, an ninh kinh tế, an ninh tư tưởng văn hoá và an ninh xã hội; duy trì trật tự, kỷ cương, an toàn xã hội; giữ vững ổn định chính trị của đất nước, ngăn ngừa, đẩy lùi và làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động chống phá, thù địch, không để bị động, bất ngờ.

Tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng công tác giáo dục, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh cho cán bộ, công chức và cho toàn dân, có nội dung phù hợp với từng đối tượng và đưa vào chương trình chính khoá trong các nhà trường theo cấp học, bậc học. Chú trọng giáo dục thống nhất nhận thức về đối tượng và đối tác; nắm vững đường lối, quan điểm, yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới; nâng cao ý thức trách nhiệm và tinh thần cảnh giác trong thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh. Giữ vững an ninh nội địa; giải quyết kịp thời các mâu thuẫn, tranh chấp trong nhân dân; xây dựng “thế trận lòng dân” làm nền tảng phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc, trong đó Quân đội nhân dân và Công an nhân dân là nòng cốt. Kiên quyết làm thất bại mọi âm mưu và thủ đoạn “diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ. Coi trọng nhiệm vụ bảo đảm an ninh chính trị nội bộ, nâng cao khả năng tự bảo vệ của mỗi người, của từng tổ chức, cơ quan, đơn vị.

Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường sức mạnh quốc phòng và an ninh trên cơ sở phát huy mọi tiềm năng của đất nước. Xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân kết hợp chặt chẽ với thế trận an ninh nhân dân. Đẩy mạnh xây dựng các khu vực phòng thủ tỉnh, thành phố. Tiếp tục phát triển các khu kinh tế - quốc phòng, xây dựng các khu quốc phòng - kinh tế với mục tiêu tăng cường quốc phòng -

an ninh là chủ yếu, tập trung vào các địa bàn trọng điểm chiến lược và những khu vực nhạy cảm trên biên giới đất liền, biển đảo. Xây dựng công nghiệp quốc phòng trong hệ thống công nghiệp quốc gia dưới sự chỉ đạo, quản lý điều hành trực tiếp của Chính phủ, đầu tư có chọn lọc theo hướng hiện đại, vừa phục vụ quốc phòng vừa phục vụ dân sinh.

Xây dựng Quân đội nhân dân và Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại. Nâng cao chất lượng tổng hợp, sức chiến đấu để lực lượng vũ trang thật sự là lực lượng chính trị trong sạch, vững mạnh, tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, với Đảng, Nhà nước và nhân dân, được nhân dân tin cậy, yêu mến. Đổi mới tổ chức, nội dung, phương pháp huấn luyện, đào tạo đi đôi với cải tiến, đổi mới vũ khí, trang bị, phương tiện phù hợp với yêu cầu tác chiến mới; phát triển khoa học quân sự, khoa học công an, nghệ thuật chiến tranh nhân dân; cải tiến phương thức hoạt động của lực lượng chuyên trách, bán chuyên trách phối hợp với các tổ chức của nhân dân trong bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự an toàn xã hội.

Xây dựng, bổ sung cơ chế lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước đối với hoạt động quốc phòng, an ninh. Thực hiện chế độ một người chỉ huy gắn với thực hiện chế độ chính uỷ, chính trị viên, tăng cường công tác Đảng, công tác chính trị trong quân đội. Bổ sung quy chế phối hợp hoạt động giữa quốc phòng, an ninh, đối ngoại và các bộ, ngành có liên quan trong phân tích, dự báo tình hình và làm tham mưu đề xuất các giải pháp thực hiện. Bổ sung, xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật, các chính sách xã hội có quan hệ đến nhiệm vụ quốc phòng, an ninh. Khẩn trương chỉ đạo xây dựng và ban hành các chiến lược quốc gia: Chiến lược Quốc phòng, Chiến lược An ninh và các chiến lược chuyên ngành khác.

IX- MỞ RỘNG QUAN HỆ ĐỐI NGOẠI, CHỦ ĐỘNG VÀ TÍCH CỰC HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ

Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, hoà bình, hợp tác và phát triển; chính sách đối ngoại rộng mở, đa phương hoá, đa dạng hoá các quan hệ quốc tế. Chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, đồng thời mở rộng hợp tác quốc tế trên các lĩnh vực khác. Việt Nam là bạn, đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, tham gia tích cực vào tiến trình hợp tác quốc tế và khu vực.

Nhiệm vụ của công tác đối ngoại là giữ vững môi trường hoà bình, tạo các điều kiện quốc tế thuận lợi cho công cuộc đổi mới, đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đồng thời góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Đưa các quan hệ quốc tế đã được thiết lập vào chiều sâu, ổn định, bền vững. Phát triển quan hệ với tất cả các nước, các vùng lãnh thổ trên thế giới và các tổ chức quốc tế theo các nguyên tắc: tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau; không dùng vũ lực hoặc đe dọa dùng vũ lực; giải quyết các bất đồng và tranh chấp thông qua thương lượng hoà bình; tôn trọng lẫn nhau, bình đẳng và cùng có lợi.

Củng cố và tăng cường quan hệ với các đảng cộng sản, công nhân, đảng cánh tả, các phong trào độc lập dân tộc, cách mạng và tiến bộ trên thế giới. Tiếp tục mở rộng quan hệ với các đảng cầm quyền.

Phát triển công tác đối ngoại nhân dân theo phương châm “chủ động, linh hoạt, sáng tạo và hiệu quả”. Tích cực

tham gia các diễn đàn và hoạt động của nhân dân thế giới. Tăng cường vận động viện trợ và nâng cao hiệu quả hợp tác với các tổ chức phi chính phủ nước ngoài để phát triển kinh tế - xã hội.

Chủ động tham gia cuộc đấu tranh chung vì quyền con người. Sẵn sàng đối thoại với các nước, các tổ chức quốc tế và khu vực có liên quan về vấn đề nhân quyền. Kiên quyết làm thất bại các âm mưu, hành động xuyên tạc và lợi dụng các vấn đề “dân chủ”, “nhân quyền”, “dân tộc”, “tôn giáo” hòng can thiệp vào công việc nội bộ, xâm phạm độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, an ninh và ổn định chính trị của Việt Nam.

Đẩy mạnh hoạt động kinh tế đối ngoại, hội nhập sâu hơn và đầy đủ hơn với các thể chế kinh tế toàn cầu, khu vực và song phương, lấy phục vụ lợi ích đất nước làm mục tiêu cao nhất.

Chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế theo lộ trình, phù hợp với chiến lược phát triển đất nước từ nay đến năm 2010 và tầm nhìn đến năm 2020. Chuẩn bị tốt các điều kiện để ký kết các hiệp định thương mại tự do song phương và đa phương. Thúc đẩy quan hệ hợp tác toàn diện và có hiệu quả với các nước ASEAN, các nước châu Á - Thái Bình Dương... củng cố và phát triển quan hệ hợp tác song phương tin cậy với các đối tác chiến lược; khai thác có hiệu quả các cơ hội và giảm tối đa những thách thức, rủi ro khi nước ta là thành viên Tổ chức Thương mại thế giới (WTO).

Tiếp tục đổi mới thể chế kinh tế, rà soát lại các văn bản pháp quy, sửa đổi, bổ sung, hoàn chỉnh hệ thống pháp luật bảo đảm tính đồng bộ, nhất quán, ổn định và minh bạch. Cải thiện môi trường đầu tư; thu hút các nguồn vốn FDI, ODA, đầu tư gián tiếp, tín dụng thương mại và các nguồn vốn khác. Xác định đúng mục tiêu sử dụng và đẩy nhanh việc giải ngân nguồn vốn ODA, cải tiến phương thức quản lý,

nâng cao hiệu quả sử dụng và có kế hoạch trả nợ đúng hạn; duy trì tỷ lệ vay nợ nước ngoài hợp lý, an toàn.

Phát huy vai trò chủ thể và tính năng động của doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế trong hội nhập kinh tế quốc tế. Xúc tiến mạnh thương mại và đầu tư, phát triển thị trường mới, sản phẩm mới và thương hiệu mới. Khuyến khích các doanh nghiệp Việt Nam hợp tác liên doanh với doanh nghiệp nước ngoài và mạnh dạn đầu tư ra nước ngoài.

Đẩy mạnh công tác văn hoá - thông tin đối ngoại, góp phần tăng cường sự hợp tác, tình hữu nghị giữa nhân dân ta với nhân dân các nước.

Chăm lo đào tạo, bồi dưỡng, rèn luyện đội ngũ cán bộ làm công tác đối ngoại vững vàng về chính trị, có trình độ ngoại ngữ và năng lực nghiệp vụ cao, có đạo đức và phẩm chất tốt.

Tăng cường công tác nghiên cứu, dự báo, tham mưu về đối ngoại với sự tham gia và phát huy trí tuệ của các cơ quan nghiên cứu và các nhà khoa học.

Bảo đảm sự lãnh đạo thống nhất của Đảng, sự quản lý tập trung của Nhà nước đối với các hoạt động đối ngoại. Phối hợp chặt chẽ hoạt động đối ngoại của Đảng, ngoại giao Nhà nước và đối ngoại nhân dân; chính trị đối ngoại và kinh tế đối ngoại; đối ngoại, quốc phòng và an ninh; thông tin đối ngoại và thông tin trong nước.

X- PHÁT HUY SỨC MẠNH ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC, TIẾP TỤC ĐỔI MỚI PHƯƠNG THỨC HOẠT ĐỘNG CỦA MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM VÀ CÁC ĐOÀN THỂ NHÂN DÂN

Đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức, dưới

sự lãnh đạo của Đảng, là đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam; là nguồn sức mạnh, động lực chủ yếu và là nhân tố có ý nghĩa quyết định bảo đảm thắng lợi bền vững của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Lấy mục tiêu giữ vững độc lập, thống nhất của Tổ quốc, vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh làm điểm tương đồng để gắn bó đồng bào các dân tộc, các tôn giáo, các tầng lớp nhân dân ở trong nước và người Việt Nam định cư ở nước ngoài; xoá bỏ mọi mặc cảm, định kiến, phân biệt đối xử về quá khứ, thành phần giai cấp. Tôn trọng những ý kiến khác nhau không trái với lợi ích của dân tộc. Đề cao truyền thống nhân nghĩa, khoan dung, xây dựng tinh thần cởi mở, tin cậy lẫn nhau vì sự ổn định chính trị và đồng thuận xã hội.

Đại đoàn kết là sự nghiệp của toàn dân tộc, của cả hệ thống chính trị mà hạt nhân lãnh đạo là các tổ chức đảng, được thực hiện bằng nhiều biện pháp, hình thức, trong đó các chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước có ý nghĩa quan trọng hàng đầu.

Đảng thực hiện vai trò lãnh đạo của mình thông qua đường lối và chính sách, liên hệ mật thiết với nhân dân. Nhà nước không ngừng hoàn thiện hệ thống pháp luật và quản lý, tạo điều kiện để nhân dân được làm những việc mà pháp luật không cấm. Nhà nước và nhân dân cùng nỗ lực phấn đấu cho sự phát triển của đất nước, kết hợp hài hoà lợi ích cá nhân, lợi ích tập thể và lợi ích toàn xã hội.

Thực hiện đồng bộ các chính sách và luật pháp của Nhà nước nhằm phát huy dân chủ (dân chủ đại diện, dân chủ trực tiếp và chế độ tự quản của cộng đồng dân cư) và giữ vững kỷ cương trong xã hội. Tổ chức và động viên nhân dân tham gia các phong trào thi đua yêu nước, làm kinh tế giỏi,

phát triển kinh tế đi liền với phát triển văn hoá - xã hội; mỗi người, mỗi hộ đều phấn đấu làm giàu cho mình, cho cộng đồng và đất nước, thu nhập chính đáng, nâng cao đời sống. Chăm lo và bảo vệ lợi ích của các tầng lớp nhân dân, bảo đảm công bằng xã hội. Tôn trọng và phát huy vai trò gương mẫu, dẫn dắt của những người tiêu biểu, có uy tín trong cộng đồng dân cư, các dân tộc, các tôn giáo...

Đối với *giai cấp công nhân*, phát triển về số lượng, chất lượng và tổ chức; nâng cao giác ngộ và bản lĩnh chính trị, trình độ học vấn và nghề nghiệp, xứng đáng là lực lượng đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Giải quyết việc làm, giảm tối đa số công nhân thiếu việc làm và thất nghiệp. Thực hiện tốt chính sách và pháp luật về lao động, tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hộ lao động, chăm sóc, phục hồi sức khoẻ đối với công nhân; chính sách ưu đãi nhà ở đối với công nhân bậc cao. Xây dựng tổ chức, phát triển đoàn viên công đoàn, nghiệp đoàn đều khắp ở các cơ sở sản xuất kinh doanh thuộc các thành phần kinh tế. Thường xuyên chăm lo đời sống vật chất và tinh thần, bảo vệ quyền lợi chính đáng, hợp pháp của công nhân và những người lao động, chú trọng công nhân làm việc ở các khu công nghiệp và đô thị lớn. Chăm lo đào tạo cán bộ và kết nạp đảng viên từ những công nhân ưu tú.

Đối với *giai cấp nông dân*, phát huy vai trò quan trọng trong sự nghiệp đổi mới và công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn. Thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, đưa công nghệ tiên tiến vào nông nghiệp, nông thôn. Thực hiện tốt chính sách về ruộng đất. Tạo điều kiện thuận lợi để giúp nông dân chuyển sang làm công nghiệp và dịch vụ. Khuyến khích nông dân hợp tác với các doanh nghiệp, hợp tác xã, chủ trang trại để phát triển

sản xuất, ổn định và cải thiện đời sống. Tăng hiệu quả sử dụng đất, tiêu thụ nông sản hàng hoá. Hỗ trợ và khuyến khích nông dân học nghề, tiếp nhận và áp dụng thành tựu khoa học, công nghệ.

Đối với *trí thức*, phát huy trí tuệ và năng lực, mở rộng thông tin, phát huy dân chủ, trọng dụng nhân tài. Khuyến khích các trí thức, các nhà khoa học phát minh, sáng tạo. Bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, đãi ngộ xứng đáng những cống hiến của trí thức cho công cuộc phát triển đất nước. Coi trọng vai trò tư vấn, phản biện của các hội khoa học kỹ thuật, khoa học xã hội và văn học, nghệ thuật đối với các dự án phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội.

Đối với *doanh nhân*, tạo điều kiện phát huy tiềm năng và vai trò tích cực trong phát triển sản xuất kinh doanh; mở rộng đầu tư trong nước và ở nước ngoài; giải quyết việc làm cho người lao động; nâng cao chất lượng sản phẩm; tạo dựng và giữ gìn thương hiệu hàng hoá Việt Nam.

Đối với *thế hệ trẻ*, thường xuyên giáo dục chính trị, truyền thống, lý tưởng, đạo đức và lối sống; tạo điều kiện học tập, lao động, giải trí, phát triển thể lực, trí tuệ, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Khuyến khích thanh niên tự học, tự nâng cao tay nghề, tự tạo việc làm. Chú trọng bồi dưỡng nguồn cán bộ, đào tạo thanh niên trong lực lượng vũ trang có nghề khi hết thời hạn nghĩa vụ quân sự. Tạo cơ hội cho thanh niên có tài năng đi học ở nước ngoài về phục vụ đất nước. Thu hút rộng rãi thanh niên, thiếu niên và nhi đồng vào các tổ chức do Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh làm nòng cốt và phụ trách.

Đối với *phụ nữ*, nâng cao trình độ mọi mặt và đời sống vật chất, tinh thần, thực hiện bình đẳng giới. Tạo điều kiện để phụ nữ thực hiện tốt vai trò người công dân, người

lao động, người mẹ, người thầy đầu tiên của con người. Bồi dưỡng, đào tạo để phụ nữ tham gia ngày càng nhiều vào các hoạt động xã hội, các cơ quan lãnh đạo và quản lý ở các cấp. Chăm sóc và bảo vệ sức khoẻ bà mẹ, trẻ em. Bổ sung và hoàn chỉnh các chính sách về bảo hộ lao động, bảo hiểm xã hội, thai sản, chế độ đối với lao động nữ. Kiên quyết đấu tranh chống các tệ nạn xã hội, các hành vi bạo lực, xâm hại và xúc phạm nhân phẩm phụ nữ.

Đối với *cựu chiến binh*, phát huy truyền thống “bộ đội Cụ Hồ”, tích cực tham gia xây dựng và bảo vệ Đảng, chính quyền và chế độ xã hội chủ nghĩa. Động viên cựu chiến binh giúp nhau cải thiện đời sống, xoá đói giảm nghèo, góp phần giáo dục lòng yêu nước và chủ nghĩa anh hùng cách mạng cho thế hệ trẻ; thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở; đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí và các tệ nạn xã hội; tham gia xây dựng và củng cố cơ sở chính trị, xây dựng Đảng, chính quyền ở cơ sở trong sạch, vững mạnh.

Đối với *người cao tuổi*, chăm sóc sức khoẻ, tạo điều kiện để hưởng thụ văn hoá, được thông tin, sống vui, sống khoẻ, sống hạnh phúc. Phát huy trí tuệ, kinh nghiệm sống, lao động, chiến đấu của người cao tuổi trong xã hội và gia đình. Xây dựng gia đình “ông bà, cha mẹ mẫu mực, cháu con hiếu thảo”. Giúp đỡ người cao tuổi cô đơn không nơi nương tựa vượt qua khó khăn trong cuộc sống.

Vấn đề dân tộc và đoàn kết các dân tộc có vị trí chiến lược lâu dài trong sự nghiệp cách mạng nước ta. Các dân tộc trong đại gia đình Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp đỡ nhau cùng tiến bộ; cùng nhau thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Phát triển kinh tế,

chăm lo đời sống vật chất và tinh thần, xoá đói giảm nghèo, nâng cao trình độ dân trí, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá, tiếng nói, chữ viết và truyền thống tốt đẹp của các dân tộc. Thực hiện tốt chiến lược phát triển kinh tế - xã hội ở miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, vùng căn cứ cách mạng; làm tốt công tác định canh, định cư và xây dựng vùng kinh tế mới. Quy hoạch, phân bổ, sắp xếp lại dân cư, gắn phát triển kinh tế với bảo đảm an ninh, quốc phòng. củng cố và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị ở cơ sở vùng đồng bào dân tộc thiểu số; động viên, phát huy vai trò của những người tiêu biểu trong các dân tộc. Thực hiện chính sách ưu tiên trong đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, trí thức là người dân tộc thiểu số. Cán bộ công tác ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi phải gần gũi, hiểu phong tục tập quán, tiếng nói của đồng bào dân tộc, làm tốt công tác dân vận. Chống các biểu hiện kỳ thị, hẹp hòi, chia rẽ dân tộc.

Đồng bào *các tôn giáo* là bộ phận quan trọng của khối đại đoàn kết dân tộc. Thực hiện nhất quán chính sách tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, theo hoặc không theo tôn giáo của công dân, quyền sinh hoạt tôn giáo bình thường theo pháp luật. Đoàn kết đồng bào theo các tôn giáo khác nhau, đồng bào theo tôn giáo và đồng bào không theo tôn giáo. Phát huy những giá trị văn hoá, đạo đức tốt đẹp của các tôn giáo. Động viên, giúp đỡ đồng bào theo đạo và các chức sắc tôn giáo sống “tốt đời, đẹp đạo”. Các tổ chức tôn giáo hợp pháp hoạt động theo pháp luật và được pháp luật bảo hộ. Thực hiện tốt các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất, văn hoá của đồng bào các tôn giáo. Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ làm công tác tôn giáo. Đấu tranh ngăn chặn các hoạt động mê tín dị đoan, các hành vi lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo làm phương

hại đến lợi ích chung của đất nước, vi phạm quyền tự do tôn giáo của công dân.

Đồng bào định cư ở nước ngoài là bộ phận không tách rời và là một nguồn lực của cộng đồng dân tộc Việt Nam, là nhân tố quan trọng góp phần tăng cường quan hệ hợp tác, hữu nghị giữa nhân dân ta với nhân dân các nước. Nhà nước tạo điều kiện thuận lợi và hỗ trợ đồng bào ổn định cuộc sống, chấp hành tốt pháp luật các nước sở tại; bảo vệ quyền lợi chính đáng của đồng bào. Làm tốt công tác thông tin trong cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài về tình hình trong nước và các chủ trương, chính sách của Nhà nước. Có chính sách khuyến khích người Việt Nam, trí thức Việt Nam ở nước ngoài hướng về quê hương, góp phần xây dựng đất nước; khen thưởng những người có nhiều thành tích đóng góp cho Tổ quốc.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân có vai trò rất quan trọng trong việc tập hợp, vận động, đoàn kết rộng rãi các tầng lớp nhân dân; đại diện cho quyền và lợi ích hợp pháp của nhân dân; đưa các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, các chương trình kinh tế, văn hoá, xã hội, quốc phòng, an ninh vào cuộc sống, góp phần xây dựng sự đồng thuận trong xã hội.

Nhà nước ban hành cơ chế để Mặt trận và các đoàn thể nhân dân thực hiện tốt vai trò giám sát và phản biện xã hội. Các cấp uỷ đảng và cấp chính quyền có chế độ tiếp xúc, đối thoại trực tiếp với nhân dân; thường xuyên lắng nghe ý kiến của Mặt trận và các đoàn thể nhân dân phản ánh với Đảng, Nhà nước những vấn đề mà nhân dân quan tâm, tham gia xây dựng chủ trương, chính sách, pháp luật. Thực hiện tốt Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Quy chế dân chủ ở mọi cấp

để Mặt trận, các đoàn thể và các tầng lớp nhân dân tham gia xây dựng Đảng, chính quyền và hệ thống chính trị.

Đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận, các đoàn thể nhân dân và các hội quần chúng, khắc phục tình trạng hành chính hoá, phô trương, hình thức; làm tốt công tác dân vận theo phong cách *trọng dân, gần dân và có trách nhiệm với dân*.

XI- PHÁT HUY DÂN CHỦ, TIẾP TỤC XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIÊN NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

1. Phát huy dân chủ

Dân chủ xã hội chủ nghĩa vừa là mục tiêu vừa là động lực của công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, thể hiện mối quan hệ gắn bó giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân. Nhà nước đại diện quyền làm chủ của nhân dân, đồng thời là người tổ chức thực hiện đường lối chính trị của Đảng. Mọi đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước đều vì lợi ích của nhân dân, có sự tham gia ý kiến của nhân dân.

Xây dựng một xã hội dân chủ, trong đó cán bộ, đảng viên và công chức phải thực sự là công bộc của nhân dân. Xác định các hình thức tổ chức và có cơ chế để nhân dân thực hiện quyền dân chủ trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội. Đề cao trách nhiệm của các tổ chức Đảng, Nhà nước đối với nhân dân. Bộ máy nhà nước, các thiết chế khác trong hệ thống chính trị có nhiệm vụ đề xuất ý kiến với Đảng trong quá trình xây dựng, hoạch định và tổ chức thực hiện đường lối, chính sách của Đảng.

2. Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa

Xây dựng cơ chế vận hành của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, bảo đảm nguyên tắc tất cả quyền lực nhà nước đều thuộc về nhân dân; quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp giữa các cơ quan trong việc thực hiện quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp. Hoàn thiện hệ thống pháp luật, tăng tính cụ thể, khả thi của các quy định trong văn bản pháp luật. Xây dựng, hoàn thiện cơ chế kiểm tra, giám sát tính hợp hiến, hợp pháp trong các hoạt động và quyết định của các cơ quan công quyền.

Tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của Quốc hội. Hoàn thiện cơ chế bầu cử nhằm nâng cao chất lượng đại biểu Quốc hội; tăng hợp lý số lượng đại biểu chuyên trách, phát huy tốt hơn vai trò của đại biểu và đoàn đại biểu Quốc hội. Tổ chức lại một số Ủy ban của Quốc hội; nâng cao chất lượng hoạt động của Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội. Đổi mới hơn nữa quy trình xây dựng luật, giảm mạnh việc ban hành pháp lệnh. Thực hiện tốt hơn nhiệm vụ quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước và chức năng giám sát tối cao.

Đẩy mạnh cải cách hành chính, đổi mới tổ chức và hoạt động của Chính phủ theo hướng xây dựng hệ thống cơ quan hành pháp thống nhất, thông suốt, hiện đại. Luật hoá cơ cấu, tổ chức của Chính phủ; tổ chức bộ quản lý đa ngành, đa lĩnh vực, bảo đảm tinh gọn và hợp lý. Phân cấp mạnh, giao quyền chủ động hơn nữa cho chính quyền địa phương, nhất là trong việc quyết định về ngân sách, tài chính, đầu tư, nguồn nhân lực, thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với Trung ương.

Xây dựng hệ thống cơ quan tư pháp trong sạch, vững mạnh, dân chủ, nghiêm minh, bảo vệ công lý, quyền con người. Đẩy mạnh việc thực hiện Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020. Cải cách tư pháp khẩn trương, đồng bộ; lấy cải cách hoạt động xét xử làm trọng tâm; thực hiện cơ chế công tố gắn với hoạt động điều tra. Xây dựng cơ chế phán quyết về những vi phạm Hiến pháp trong hoạt động lập pháp, hành pháp và tư pháp.

Nâng cao chất lượng hoạt động của hội đồng nhân dân và uỷ ban nhân dân, bảo đảm quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm của chính quyền địa phương trong phạm vi được phân cấp. Phát huy vai trò giám sát của hội đồng nhân dân. Tổ chức hợp lý chính quyền địa phương, phân định lại thẩm quyền đối với chính quyền ở nông thôn, đô thị, hải đảo.

Thực hiện các giải pháp nhằm chấn chỉnh bộ máy và quy chế hoạt động của cơ quan, cán bộ, công chức. Cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức và đào tạo, bồi dưỡng theo yêu cầu nâng cao chất lượng cả về năng lực và phẩm chất đạo đức. Thực hiện chế độ trách nhiệm trong đề cử, bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo theo hướng cấp trưởng giới thiệu cấp phó, cấp sử dụng trực tiếp giới thiệu đề cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định. Có cơ chế kịp thời đưa ra khỏi bộ máy nhà nước những công chức không xứng đáng, kém phẩm chất và năng lực.

3. Tích cực phòng ngừa và kiên quyết chống tham nhũng, lãng phí

Toàn Đảng, toàn bộ hệ thống chính trị và toàn xã hội phải có quyết tâm chính trị cao đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí. Bổ sung, hoàn thiện các cơ chế, quy định về quản lý kinh tế - tài chính, quản lý tài sản công, ngân sách

nhà nước, các quỹ do nhân dân đóng góp và do nước ngoài viện trợ; về thanh tra, giám sát, kiểm tra, kiểm kê, kiểm soát. Đẩy mạnh cải cách hành chính; thực hiện cơ chế giám sát của nhân dân, thông qua các đại diện trực tiếp và gián tiếp, đối với đảng viên, công chức, cơ quan, đơn vị. Bảo đảm công khai, minh bạch các hoạt động kinh tế, tài chính trong các cơ quan hành chính, đơn vị cung ứng dịch vụ công và doanh nghiệp nhà nước. Tiếp tục đổi mới chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức.

Khẩn trương và nghiêm chỉnh thực hiện Luật phòng, chống tham nhũng, Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Bổ sung, hoàn thiện Luật khiếu nại và tố cáo.

Xử lý kiên quyết, kịp thời, công khai những người tham nhũng, bất kể ở chức vụ nào, đương chức hay đã nghỉ hưu, tịch thu, sung công tài sản có nguồn gốc từ tham nhũng; những người bao che cho tham nhũng, cố tình ngăn cản việc chống tham nhũng hoặc lợi dụng việc tố cáo tham nhũng để vu khống, làm hại người khác, gây mất đoàn kết nội bộ. Có cơ chế khuyến khích và bảo vệ những người tích cực đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực. Biểu dương và nhân rộng những gương cần kiệm liêm chính, chí công vô tư.

Hoàn thiện cơ chế dân chủ, thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở; phát huy vai trò của cơ quan dân cử, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân trong việc giám sát cán bộ, công chức và cơ quan công quyền, phát hiện, đấu tranh với các hiện tượng tham nhũng. Đẩy mạnh việc hợp tác quốc tế về phòng, chống tham nhũng.

Các cấp uỷ và tổ chức đảng, các cơ quan nhà nước, các đoàn thể nhân dân, cán bộ lãnh đạo, trước hết là cán bộ cấp cao, phải trực tiếp tham gia và đi đầu trong việc phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

XII- ĐỔI MỚI, CHỈNH ĐỐN ĐẢNG, NÂNG CAO NĂNG LỰC LÃNH ĐẠO VÀ SỨC CHIẾN ĐẤU CỦA ĐẢNG

Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam; đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của dân tộc.

Trong những năm tới, phải dành nhiều công sức tạo được chuyển biến rõ rệt về xây dựng Đảng, phát huy truyền thống cách mạng, bản chất giai cấp công nhân và tính tiên phong của Đảng; xây dựng Đảng thực sự trong sạch, vững mạnh cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức, đoàn kết nhất trí cao, gắn bó mật thiết với nhân dân, có phương thức lãnh đạo khoa học, có đội ngũ cán bộ, đảng viên đủ phẩm chất và năng lực. Đây là nhiệm vụ then chốt, có ý nghĩa sống còn đối với Đảng và sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta.

1. Nâng cao bản lĩnh chính trị và trình độ trí tuệ của Đảng

Kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong hoạt động của Đảng. Thường xuyên tổng kết thực tiễn, bổ sung, phát triển lý luận, giải quyết đúng đắn những vấn đề do cuộc sống đặt ra.

Nâng cao trình độ trí tuệ, chất lượng nghiên cứu lý luận của Đảng; tiếp tục làm sáng tỏ những vấn đề về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của nước ta; làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn đường lối, chính sách của Đảng trong thời kỳ mới.

Đổi mới công tác giáo dục lý luận chính trị, tư tưởng trong Đảng, trước hết cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo và quản lý chủ chốt các cấp; đổi mới nội dung, phương pháp học tập và giảng dạy trong hệ thống trường chính trị, nâng cao tính thiết thực và hiệu quả của chương trình.

Củng cố, nâng cao chất lượng các cơ quan chuyên ngành về công tác tư tưởng, lý luận. Tăng cường số lượng, chất lượng đội ngũ cán bộ tư tưởng, lý luận, nhất là cán bộ chủ chốt. Tiến hành đồng bộ công tác tư tưởng, công tác lý luận, gắn với công tác tổ chức - cán bộ và phát triển kinh tế; chống sự suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống. Kiên quyết đấu tranh bảo vệ đường lối, quan điểm của Đảng; phê phán, bác bỏ các quan điểm sai trái, thù địch.

2. Kiện toàn và đổi mới hoạt động của tổ chức cơ sở đảng, nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên

Mỗi tổ chức cơ sở đảng có trách nhiệm tổ chức và quy tụ sức mạnh của toàn đơn vị hoàn thành nhiệm vụ chính trị được giao; làm tốt công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, quản lý và giám sát đảng viên; đấu tranh chống những biểu hiện tiêu cực, suy thoái trong Đảng. Nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ đảng.

Kiện toàn hệ thống tổ chức cơ sở đảng. Xác định vị thế pháp lý, thể chế hoá về mặt nhà nước vai trò, chức năng, nhiệm vụ của các loại hình cơ sở. Chú ý xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong các doanh nghiệp cổ phần, doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, ở vùng sâu, vùng xa. Tập trung củng cố các cơ sở yếu kém.

Xây dựng đội ngũ đảng viên thật sự tiên phong, gương mẫu, có phẩm chất, đạo đức cách mạng, có ý thức tổ chức kỷ luật và năng lực hoàn thành nhiệm vụ; kiên định lập trường

giai cấp công nhân, phấn đấu cho mục tiêu lý tưởng của Đảng; năng động, sáng tạo, vững vàng trước mọi khó khăn, thử thách.

Đảng viên làm kinh tế tư nhân phải gương mẫu chấp hành pháp luật, chính sách của Nhà nước, nghiêm chỉnh chấp hành Điều lệ Đảng và quy định của Ban Chấp hành Trung ương.

Sớm có quy định và chỉ đạo thực hiện, bảo đảm vừa phát huy khả năng làm kinh tế của đảng viên, vừa giữ được tư cách đảng viên và bản chất của Đảng.

Phân công đảng viên đúng người, đúng việc, tạo điều kiện để đảng viên hoàn thành nhiệm vụ. Thường xuyên tự phê bình và phê bình trong sinh hoạt đảng. Động viên quần chúng giám sát, nhận xét, góp ý kiến với đảng viên. Kịp thời đưa ra khỏi Đảng những người không đủ tư cách.

Nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên gắn với việc nâng cao chất lượng tổ chức cơ sở đảng. Đẩy mạnh và bảo đảm chất lượng công tác phát triển Đảng. Chú trọng trẻ hoá và nâng cao trình độ của đảng viên; lấy đạo đức làm gốc, đồng thời bồi dưỡng về kiến thức, trí tuệ, năng lực để làm tròn nhiệm vụ người lãnh đạo, người đi tiên phong trong các lĩnh vực công tác được giao.

3. Thực hiện nghiêm túc nguyên tắc tập trung dân chủ trong Đảng; tăng cường quan hệ gắn bó giữa Đảng với nhân dân; nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát

Phát huy dân chủ đi đôi với giữ gìn kỷ luật trong Đảng. Mọi cán bộ, đảng viên có quyền tham gia quyết định công việc của Đảng; quyền được thông tin, thảo luận, tranh luận, nêu ý kiến riêng, bảo lưu ý kiến trong tổ chức; khi Đảng đã có nghị quyết thì phải nói và làm theo nghị quyết.

Lãnh đạo các cấp phải lắng nghe ý kiến của cấp dưới, của đảng viên và nhân dân. Xây dựng quy chế ra quyết định của Đảng, bảo đảm phát huy trí tuệ tập thể; có cơ chế để nhân dân bày tỏ ý kiến đối với những quyết định lớn, tham gia các công việc của Đảng; khắc phục lối làm việc quan liêu, xa dân.

Hoàn thiện quy chế bảo đảm quyền kiểm tra, giám sát của tập thể đối với cá nhân, của tổ chức đối với tổ chức, của cá nhân đối với cá nhân và tổ chức, kể cả đối với người lãnh đạo chủ chốt và tổ chức cấp trên. Kết hợp giám sát trong Đảng với giám sát của Nhà nước và giám sát của nhân dân.

Xây dựng quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân đối với việc hoạch định đường lối, chủ trương, chính sách, quyết định lớn của Đảng và việc tổ chức thực hiện, kể cả đối với công tác tổ chức và cán bộ.

Đổi mới phương pháp kiểm tra và bổ sung chức năng giám sát cho uỷ ban kiểm tra đảng các cấp. Tăng cường công tác kiểm tra, phòng ngừa. Xây dựng quy chế phối hợp công tác giữa Uỷ ban Kiểm tra của Đảng với Thanh tra của Chính phủ.

4. Đổi mới tổ chức, bộ máy và công tác cán bộ

Sắp xếp, đổi mới tổ chức, bộ máy của Đảng, đặc biệt là các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng uỷ khối ở Trung ương và các địa phương gắn với kiện toàn tổ chức, bộ máy của cơ quan nhà nước, Mặt trận và các đoàn thể nhân dân, bảo đảm tinh gọn, hoạt động thiết thực, hiệu quả. Khắc phục tình trạng chồng chéo, trùng lặp; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của cơ quan và người đứng đầu không rõ. Tổ chức các cơ quan tham mưu của Đảng có chất lượng cao, đồng thời phát huy vai trò của các tổ chức đảng và đội ngũ cán bộ,

đảng viên hoạt động trong các cơ quan nhà nước, Mặt trận và các đoàn thể nhân dân.

Cải tiến lề lối làm việc, nâng cao chất lượng nghiên cứu, đề xuất, tham mưu, hướng dẫn, kiểm tra của các cơ quan tham mưu của Đảng. Tăng cường sự phối hợp giữa các ban cán sự đảng, đảng đoàn với cấp uỷ địa phương.

Cán bộ phải là người có phẩm chất chính trị tốt, tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, với Đảng, hết lòng phấn đấu vì lợi ích của nhân dân, của dân tộc; có bản lĩnh chính trị vững vàng, không dao động trước những khó khăn, thử thách; có năng lực hoàn thành nhiệm vụ được giao; có nhân cách và lối sống mẫu mực, trong sáng; có ý thức tổ chức kỷ luật cao, tôn trọng tập thể, gắn bó với nhân dân.

Xây dựng đội ngũ cán bộ đồng bộ, có cơ cấu hợp lý, chất lượng tốt, xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo kế tiếp vững vàng. Chú ý đào tạo cán bộ nữ, cán bộ các dân tộc thiểu số, cán bộ xuất thân từ công nhân, chuyên gia trên các lĩnh vực; bồi dưỡng nhân tài theo định hướng quy hoạch. Đặc biệt quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo cấp cao.

Đổi mới mạnh mẽ công tác cán bộ, bảo đảm thật sự dân chủ, khoa học, công minh. Xây dựng và hoàn thiện chế độ bầu cử, cơ chế bổ nhiệm và miễn nhiệm cán bộ; mở rộng quyền đề cử và tự ứng cử, giới thiệu nhiều phương án nhân sự để lựa chọn.

Có cơ chế, chính sách phát hiện, tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng, trọng dụng và đãi ngộ xứng đáng người có đức, có tài; thay thế kịp thời những người kém năng lực và kém phẩm chất, có khuyết điểm nghiêm trọng.

Khắc phục những biểu hiện cá nhân, cục bộ, không công tâm, nể nang, tùy tiện trong công tác cán bộ.

Cụ thể hoá và thể chế hoá nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ, đi đôi với phát huy trách nhiệm của tổ chức và người đứng đầu của tổ chức trong hệ thống chính trị về công tác cán bộ.

5. Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng

Việc đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng phải đồng bộ với đổi mới tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị, đổi mới kinh tế; thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ trong tổ chức, sinh hoạt và hoạt động của Đảng.

Tập trung đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước. Đảng lãnh đạo Nhà nước bằng đường lối, quan điểm, các nghị quyết; lãnh đạo thể chế hoá, cụ thể hoá thành Hiến pháp, pháp luật, kế hoạch, các chương trình công tác lớn của Nhà nước; bố trí đúng cán bộ và thường xuyên kiểm tra việc tổ chức thực hiện.

Đảng lãnh đạo nhưng không bao biện, làm thay Nhà nước; trái lại, phát huy mạnh mẽ vai trò chủ động, sáng tạo của Nhà nước trong quản lý đất nước và xã hội.

Khẩn trương xây dựng, hoàn thiện hệ thống văn bản quy định cụ thể về nguyên tắc, nội dung và cơ chế Đảng lãnh đạo đối với Nhà nước trong từng lĩnh vực: lập pháp, hành pháp, tư pháp và từng cấp, từng loại hình tổ chức nhà nước.

Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân, tạo điều kiện để Mặt trận và các đoàn thể xác định đúng mục tiêu, phương hướng hoạt động; đồng thời, phát huy tinh thần tự chủ, sáng tạo trong xây dựng, đổi mới tổ chức và hoạt động của mình.

Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ trong hệ thống chính trị, thực hiện luân chuyển cán bộ, khắc phục tình trạng khép kín, cục bộ về cán bộ.

Tăng cường trách nhiệm của cán bộ, đảng viên là thủ trưởng cơ quan nhà nước. Cơ quan nào vi phạm chính sách, pháp luật, để xảy ra tình trạng tiêu cực, mất đoàn kết nội bộ thì người đứng đầu phải chịu trách nhiệm.

Đổi mới phương thức lãnh đạo gắn với đổi mới phong cách và lề lối làm việc thật sự dân chủ, thiết thực, nói đi đôi với làm.

*

* *

Đất nước ta ngày càng lớn mạnh. Thế giới đang thay đổi rất nhanh. Nước ta phải sớm trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Nhân dân ta phải được hưởng cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc.

Đại hội X của Đảng nêu cao ý chí sắt đá của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta, triệu người như một, năng động và sáng tạo, nắm bắt thời cơ, vượt qua thách thức, quyết tâm đổi mới toàn diện và mạnh mẽ theo con đường xã hội chủ nghĩa, nhằm thực hiện bằng được mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”, sánh vai cùng các nước trên thế giới trong nhịp bước khẩn trương của thời đại.

BÁO CÁO
CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
KHOÁ IX VỀ PHƯƠNG HƯỚNG,
NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ -
XÃ HỘI 5 NĂM 2006 - 2010 TẠI ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU
TOÀN QUỐC LẦN THỨ X CỦA ĐẢNG

Báo cáo này kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng về Phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2001 - 2005 và đề ra Phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006 - 2010 nhằm thực hiện thắng lợi Chiến lược 10 năm 2001 - 2010, xây dựng nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

Phần thứ nhất

Kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết Đại hội
Lần thứ IX của Đảng về Phương hướng,
Nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội
5 năm 2001 - 2005

Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2001 - 2005 được thực hiện trong tình hình chính trị, xã hội nước ta cơ bản ổn định, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc và thực lực

nền kinh tế tiếp tục được tăng cường, quan hệ quốc tế không ngừng mở rộng, những tác động tiêu cực của khủng hoảng kinh tế - tài chính khu vực năm 1997 đã được khắc phục.

Tuy nhiên, những diễn biến phức tạp của tình hình chính trị và an ninh quốc tế, sự phục hồi chậm của nền kinh tế thế giới và những biến động giá cả trên thị trường quốc tế, nạn dịch bệnh mới xuất hiện, những diễn biến bất thường về thời tiết và khí hậu, sự chống phá của các thế lực thù địch đã gây nhiều khó khăn cho việc thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội.

Trong bối cảnh đó, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta đã nỗ lực phấn đấu thực hiện các nhiệm vụ do Đại hội IX đề ra. Công cuộc phát triển kinh tế - xã hội đã đạt được *những thành tựu rất quan trọng* nhưng vẫn còn *dưới mức khả năng phát triển của đất nước*; hoạt động kinh tế, xã hội còn *nhiều yếu kém, bất cập*.

I- THÀNH TỰU

1. Nền kinh tế đạt tốc độ tăng trưởng khá cao, năm sau cao hơn năm trước

Tổng sản phẩm trong nước (GDP) 5 năm (2001 - 2005) tăng bình quân 7,51%/năm¹ (đạt kế hoạch). Năm 2005, GDP theo giá hiện hành đạt 838 nghìn tỉ đồng, bình quân đầu người trên 10 triệu đồng, tương đương khoảng 640USD².

1. Tốc độ tăng GDP năm 2001 là 6,9%, năm 2002 là 7,08%, năm 2003 là 7,34%, năm 2004 là 7,8%, năm 2005 là 8,43%.

2. Theo đánh giá của Ngân hàng Thế giới, năm 2004, mức thu nhập trung bình tính theo GDP của các nước thuộc nhóm thu nhập thấp là 530USD/người, trong khi của Việt Nam là 562USD/người.

Nông nghiệp tiếp tục phát triển khá; giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 5,4%/năm (kế hoạch 4,8%), giá trị tăng thêm tăng 3,8%/năm. Năng suất, sản lượng và hàm lượng công nghệ trong sản phẩm nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản tăng đáng kể; an ninh lương thực quốc gia được bảo đảm; một số sản phẩm xuất khẩu chiếm được vị trí cao trên thị trường thế giới¹. Trồng rừng, chăm sóc và bảo vệ rừng đã có bước tiến, độ che phủ rừng từ 33,7% năm 2000 tăng lên 37,4% năm 2005.

Kết cấu hạ tầng tiếp tục được đầu tư nhiều hơn. Bộ mặt nông thôn, đời sống nông dân, kể cả ở miền núi, vùng dân tộc thiểu số, có bước được cải thiện. Chương trình xây dựng cụm tuyến dân cư và nhà ở vượt lũ ở đồng bằng sông Cửu Long đạt được kết quả bước đầu.

Công nghiệp và xây dựng liên tục tăng trưởng cao, giá trị tăng thêm tăng 10,2%/năm. Công nghiệp có bước chuyển biến tích cực về cơ cấu sản xuất, chất lượng sản phẩm và sức cạnh tranh. Giá trị sản xuất công nghiệp tăng 16%/năm (kế hoạch 13,1%), cao hơn 1,9%/năm so với 5 năm trước. Cả nước đã có trên 100 khu công nghiệp, khu chế xuất, nhiều khu hoạt động có hiệu quả; tỷ lệ công nghiệp chế tác, cơ khí chế tạo và nội địa hoá sản phẩm tăng. Công nghiệp ở nông thôn và miền núi tăng trưởng cao hơn tốc độ trung bình của cả nước. Một số sản phẩm công nghiệp đã cạnh tranh được trên thị trường trong và ngoài nước. Ngành xây dựng tăng trưởng 10,7%/năm, năng lực xây dựng tăng khá nhanh và có bước tiến đáng kể theo hướng hiện đại; việc xây dựng đô thị, xây dựng nhà ở đạt

1. Năm 2005, Việt Nam đứng thứ hai trên thế giới về xuất khẩu gạo, cà phê và hạt điều; thứ tư về cao su; thứ nhất về hạt tiêu.

nhiều kết quả, hằng năm đưa thêm vào sử dụng khoảng 20 triệu m² nhà ở.

Dịch vụ có bước phát triển cả về quy mô, ngành nghề, thị trường và có tiến bộ về hiệu quả với sự tham gia của nhiều thành phần kinh tế. Giá trị sản xuất của các ngành dịch vụ tăng 7,6%/năm (kế hoạch 7,5%), giá trị tăng thêm tăng gần 7%/năm (kế hoạch 6,8%). Riêng năm 2005, giá trị tăng thêm tăng 8,5%, cao hơn mức tăng GDP.

Tổng mức lưu chuyển hàng hoá bán lẻ tăng 14,4%/năm (kế hoạch 11 - 12%). Ngành du lịch phát triển khá cả về lượng khách, loại hình và sản phẩm du lịch. Dịch vụ vận tải tăng nhanh, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu. Bưu chính - viễn thông phát triển nhanh theo hướng hiện đại, đến cuối năm 2005 đạt 19 máy điện thoại và 3,2 thuê bao Internet trên 100 dân, 100% xã có điện thoại, hầu hết các xã có điểm bưu điện - văn hoá hoặc điểm bưu điện. Các dịch vụ tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, kiểm toán, tư vấn, tin học, kỹ thuật, y tế, giáo dục, đào tạo, văn hoá... đều có bước phát triển.

2. Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá

Về cơ cấu ngành, tỷ trọng công nghiệp và xây dựng trong GDP tăng từ 36,7% năm 2000 lên 41% năm 2005 (kế hoạch 38 - 39%); tỷ trọng nông, lâm nghiệp và thủy sản giảm từ 24,5% xuống còn 20,9% (kế hoạch 20 - 21%); tỷ trọng dịch vụ ở mức 38,1% (kế hoạch 41 - 42%).

Trong từng ngành kinh tế đã có những chuyển dịch tích cực về cơ cấu sản xuất, cơ cấu công nghệ theo hướng tiến bộ, hiệu quả, gắn sản xuất với thị trường.

Cơ cấu kinh tế vùng đã có bước điều chỉnh theo hướng phát huy lợi thế so sánh của từng vùng; các vùng kinh tế

trọng điểm, khu công nghiệp, khu kinh tế và vùng chuyên môn hoá cây trồng, vật nuôi đang phát triển khá nhanh, đóng góp quan trọng vào sự tăng trưởng của nền kinh tế.

Cơ cấu lao động đã có sự chuyển đổi tích cực gắn liền với quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Tỷ trọng lao động của ngành công nghiệp và xây dựng trong tổng số lao động xã hội tăng từ 12,1% năm 2000 lên 17,9% năm 2005; lao động trong các ngành dịch vụ tăng từ 19,7% lên 25,3%; lao động trong các ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản giảm từ 68,2% xuống còn 56,8%. Tỷ trọng lao động đã qua đào tạo tăng từ 20% năm 2000 lên 25% năm 2005.

Cơ cấu thành phần kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng phát huy tiềm năng của các thành phần kinh tế và đan xen nhiều hình thức sở hữu. Khu vực kinh tế nhà nước đang được tổ chức lại, đổi mới và chiếm 38,4% GDP vào năm 2005, chi phối nhiều ngành kinh tế then chốt và tập trung hơn vào những lĩnh vực chủ yếu của nền kinh tế. Kinh tế dân doanh phát triển khá nhanh, hoạt động có hiệu quả trên nhiều lĩnh vực, chiếm 45,7% GDP, đóng góp quan trọng cho phát triển kinh tế - xã hội, nhất là giải quyết việc làm và cải thiện đời sống nhân dân; trong đó, kinh tế hợp tác và hợp tác xã phát triển khá đa dạng (đóng góp 6,8% GDP). Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài có tốc độ tăng trưởng tương đối cao, chiếm 15,9% GDP, là cầu nối quan trọng với thế giới về chuyển giao công nghệ, giao thương quốc tế.

3. Vốn đầu tư toàn xã hội tăng khá nhanh

Vốn đầu tư toàn xã hội tăng khá nhanh, vượt mức dự kiến trên 30% so với kế hoạch (gấp 2 lần so với 5 năm trước). Vốn đầu tư của dân tăng nhanh; tỷ lệ vốn đầu tư phát triển so với GDP tăng từ 35,4% năm 2001 lên 38,7% năm 2005; vốn đầu tư trong nước chiếm 72% tổng vốn đầu tư toàn xã hội.

Đầu tư đã tập trung hơn cho những mục tiêu quan trọng. Lĩnh vực kinh tế chiếm 70% tổng vốn đầu tư toàn xã hội (nông, lâm nghiệp và thủy sản trên 13%, công nghiệp và xây dựng trên 44%, giao thông, bưu điện trên 12%); lĩnh vực xã hội chiếm gần 27% (nhà ở, cấp thoát nước, công trình công cộng khác gần 14%, giáo dục, đào tạo trên 4%, y tế - xã hội trên 2%, văn hoá, thể thao trên 2%, khoa học và công nghệ trên 1%). Quy mô vốn đầu tư ở các vùng đều tăng; vùng nghèo, xã nghèo được Nhà nước quan tâm đầu tư nhiều hơn.

Vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước đã tập trung cho việc xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội, phát triển nguồn nhân lực, xoá đói, giảm nghèo, hỗ trợ các vùng khó khăn (đầu tư cho nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 22,2%, giao thông, bưu điện 27%, giáo dục, đào tạo 8,9%, y tế - xã hội 6,9%, văn hóa, thể thao 4,3%; khoa học và công nghệ 3,1%). Vốn đầu tư của doanh nghiệp tăng nhanh, không chỉ phát triển sản xuất công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ mà còn tham gia đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, xây dựng đô thị. Vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) tiếp tục được duy trì và tăng thêm, tạo nhiều công trình kết cấu hạ tầng và sản phẩm xuất khẩu.

Đầu tư đã làm tăng đáng kể năng lực sản xuất, kinh doanh, tạo nhiều sản phẩm có sức cạnh tranh, hoàn thành và đưa vào sử dụng nhiều công trình kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội, trong đó có nhiều công trình lớn, tăng cường tiềm lực và cơ sở vật chất - kỹ thuật của nền kinh tế.

4. Thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được xây dựng bước đầu, kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định

Hệ thống pháp luật, chính sách và cơ chế vận hành nền

kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được xây dựng tương đối đồng bộ; hoạt động của các loại hình doanh nghiệp và bộ máy quản lý nhà nước được đổi mới một bước quan trọng. Một số loại thị trường mới hình thành; các thị trường hàng hoá, dịch vụ, lao động, khoa học và công nghệ, tài chính, bất động sản có bước phát triển phù hợp với cơ chế mới.

Năm năm qua, đã giữ được các cân đối kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định, tạo môi trường và điều kiện cần thiết cho sự phát triển kinh tế.

Quỹ tiết kiệm tăng cao, bình quân khoảng 9%/năm, đồng thời, quỹ tiêu dùng tăng 7%/năm (tiêu dùng bình quân đầu người tăng gần 5,7%/năm); nhờ đó đã có thêm điều kiện vừa đẩy mạnh đầu tư phát triển, vừa cải thiện đời sống nhân dân.

Tiềm lực tài chính nhà nước ngày càng được tăng cường. Thu ngân sách tăng trên 19,1%/năm, tỷ lệ GDP huy động vào ngân sách bình quân hằng năm đạt 24,4%, vượt kế hoạch. Tổng chi ngân sách nhà nước tăng 19,4%/năm; chi đầu tư phát triển chiếm bình quân 28% tổng chi ngân sách; bội chi ngân sách hằng năm 4,85% GDP.

Chính sách tiền tệ được điều hành linh hoạt hơn, giá trị đồng tiền cơ bản ổn định; cán cân thanh toán quốc tế giữ được cân bằng, dự trữ ngoại tệ tăng dần, giảm được tỷ lệ nợ xấu trong tổng dư nợ tín dụng; nợ Chính phủ và nợ quốc gia vẫn trong giới hạn an toàn.

Ngân hàng nhà nước, hệ thống ngân hàng thương mại, Quỹ hỗ trợ phát triển và các quỹ đầu tư, ngân hàng chính sách, thị trường chứng khoán, hệ thống quỹ tín dụng nhân dân được chấn chỉnh, có bước phát triển, hiệu quả hoạt động tốt hơn.

Quan hệ cung cầu cơ bản là phù hợp, bảo đảm hàng hoá thiết yếu cho sản xuất và đời sống. Giá hàng tiêu dùng bình quân hàng năm tăng 5,1%, riêng năm 2004 tăng 9,5% và 2005 tăng 8,4%.

5. Hội nhập kinh tế quốc tế và kinh tế đối ngoại có bước tiến mới rất quan trọng

Quan hệ kinh tế giữa nước ta với các nước và các tổ chức quốc tế được mở rộng; việc thực hiện các cam kết về Khu vực mậu dịch tự do ASEAN (AFTA), Hiệp định thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ, đàm phán gia nhập Tổ chức thương mại thế giới (WTO) và thực hiện các hiệp định hợp tác đa phương, song phương khác đã góp phần tạo ra bước phát triển mới rất quan trọng về kinh tế đối ngoại, nhất là xuất khẩu.

Xuất khẩu, nhập khẩu tăng nhanh. Tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hoá 5 năm đạt gần 111 tỉ USD, tăng 17,5%/năm, (kế hoạch 16%/năm); năm 2005, xuất khẩu bình quân đầu người đạt 390USD¹, gấp đôi năm 2000. Xuất khẩu dịch vụ 5 năm đạt trên 21 tỉ USD, tăng 15,7%/năm, bằng 19% tổng kim ngạch xuất khẩu². Thị trường xuất khẩu được mở rộng sang một số nước và khu vực, nhất là Hoa Kỳ.

Tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hoá 5 năm là 130,2 tỉ USD, tăng 18,8%/năm. Tổng kim ngạch nhập khẩu dịch vụ 5 năm ước trên 21 tỉ USD, tăng 10,3%/năm. Nhập siêu hàng hoá 5 năm là 19,3 tỉ USD, bằng 17,4% tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hoá, tuy còn ở mức cao nhưng vẫn trong tầm kiểm soát

1. Năm 2004, bình quân xuất khẩu đầu người của 59 nước thu nhập thấp trên thế giới là 93 USD.

2. Mức trung bình của thế giới khoảng 20%.

và có xu hướng giảm dần trong 3 năm cuối của kế hoạch 5 năm, riêng năm 2005 là 14,4%¹.

Cơ cấu hàng xuất khẩu, nhập khẩu chuyển biến theo hướng tích cực. Trong tổng kim ngạch xuất khẩu, tỷ trọng hàng công nghiệp nặng và khoáng sản giảm từ 37,2% năm 2000 xuống còn 35,8% năm 2005; hàng nông, lâm nghiệp, thủy sản giảm từ 29% xuống còn 24,4%; hàng công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp tăng từ 33,9% lên 39,8%. Trong cơ cấu hàng nhập khẩu, năm 2005, nhóm máy móc, thiết bị và phụ tùng chiếm 32,5%; nhóm nguyên, nhiên, vật liệu chiếm 61,3%; nhóm hàng tiêu dùng chiếm 6,2%.

Vốn đầu tư từ nước ngoài tăng khá, cả vốn ODA và vốn FDI.

Việc ký kết các hiệp định về vốn ODA trong 5 năm qua được duy trì đều đặn với tổng giá trị đạt 11,2 tỉ USD; vốn giải ngân đạt 7,9 tỉ USD, tập trung chủ yếu vào xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội, đào tạo nguồn nhân lực, xoá đói, giảm nghèo, tăng cường thể chế và bảo vệ môi trường².

Vốn FDI có bước chuyển tích cực, tổng mức vốn đăng ký đạt 20,9 tỉ USD³, vượt trên 39% so với kế hoạch; tổng vốn thực hiện 14,3 tỉ USD, vượt 30% so với kế hoạch và tăng 13,6% so với 5 năm trước. Năm 2005, các doanh nghiệp FDI đóng góp 15,9% GDP, chiếm 31,2% tổng kim ngạch xuất khẩu (chiếm khoảng 50% nếu tính cả dầu khí), đóng góp

1. Nhìn chung, các nước đang phát triển đều có tỷ lệ nhập siêu cao trong thời kỳ công nghiệp hoá. Ví dụ trong giai đoạn 1980 - 1985, tỷ lệ nhập siêu so với tổng kim ngạch xuất khẩu của Hàn Quốc là 11% (năm cao nhất là 20%), của Thái Lan là 39%, của Philippin là 40%.

2. Từ năm 1993 đến năm 2005, tổng giá trị ODA cam kết là 32,5 tỉ USD, ký kết hiệp định là 24,7 tỉ và giải ngân được 15,8 tỉ USD.

3. Năm 2001, vốn FDI đăng ký mới và tăng thêm là 3,2 tỉ USD, năm 2002 là 3 tỉ, năm 2003 là 3,2 tỉ, năm 2004 là 4,5 tỉ, năm 2005 là 6,8 tỉ.

gần 10% tổng thu ngân sách nhà nước (tính cả dầu khí thì trên 36%), tạo việc làm cho khoảng 1 triệu lao động trực tiếp và hàng triệu lao động gián tiếp.

Các doanh nghiệp Việt Nam bước đầu đã có một số dự án đầu tư ra nước ngoài.

6. Giáo dục và đào tạo có bước phát triển khá

Cùng với củng cố kết quả xóa mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học, việc phổ cập giáo dục trung học cơ sở đã được triển khai tích cực, đến hết năm 2005 có 31 tỉnh đạt tiêu chuẩn phổ cập trung học cơ sở. Tỷ lệ học sinh trong độ tuổi đi học ở bậc tiểu học đạt 97,5%. Quy mô giáo dục tiếp tục được mở rộng và trình độ dân trí đã được nâng lên rõ rệt.

Số học sinh trung học chuyên nghiệp tăng 15,1%/năm và dạy nghề dài hạn tăng 12%/năm, sinh viên đại học và cao đẳng tăng 8,4%/năm. Các trường sư phạm từ trung ương đến địa phương tiếp tục được củng cố và phát triển. Chất lượng dạy nghề có chuyển biến tích cực. Bước đầu đã hình thành mạng lưới dạy nghề cho lao động nông thôn, thanh niên dân tộc thiểu số, người tàn tật, gắn dạy nghề với tạo việc làm, xoá đói, giảm nghèo.

Đổi mới giáo dục đang được triển khai từ giáo dục mầm non, phổ thông, dạy nghề đến cao đẳng, đại học. Việc xã hội hoá giáo dục và đào tạo đã đạt kết quả bước đầu. Nhiều trường dân lập, tư thục bậc đại học, trung học chuyên nghiệp, trung học phổ thông và dạy nghề đã được thành lập.

Đầu tư cho sự nghiệp giáo dục và đào tạo tăng lên đáng kể. Năm 2005, chi cho giáo dục và đào tạo chiếm khoảng 18% tổng chi ngân sách nhà nước; đã huy động được nhiều nguồn vốn khác để phát triển giáo dục thông qua phát hành công trái giáo dục, đóng góp của dân cư, của doanh nghiệp, vốn từ

nước ngoài. Cơ sở vật chất của ngành đã được tăng cường, đặc biệt là ở vùng núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

7. Khoa học và công nghệ có tiến bộ

Khoa học và công nghệ đã tập trung hơn vào nghiên cứu ứng dụng, phục vụ các yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Nhiều thành tựu khoa học công nghệ mới được ứng dụng trong các ngành xây dựng, công nghiệp, nông nghiệp,... đã tạo ra nhiều sản phẩm và dịch vụ mới có chất lượng cao, có sức cạnh tranh, phục vụ xuất khẩu và thay thế nhập khẩu.

Khoa học xã hội và nhân văn đã có tiến bộ trong việc điều tra, nghiên cứu, cung cấp tư liệu và luận cứ khoa học phục vụ hoạch định chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội và phát huy các giá trị văn hoá dân tộc.

Khoa học tự nhiên đã tăng cường các hoạt động điều tra, nghiên cứu, đánh giá tiềm năng tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ đa dạng sinh học và phòng, tránh thiên tai.

Bước đầu đổi mới cơ chế quản lý, đa dạng hoá phương thức giao nhiệm vụ nghiên cứu như đấu thầu cạnh tranh hoặc hỗ trợ một phần kinh phí nghiên cứu ứng dụng cho các doanh nghiệp, khuyến khích các doanh nghiệp liên kết hoặc ký hợp đồng với các tổ chức khoa học và công nghệ. Tiềm lực và trình độ khoa học, công nghệ trong nước đã có bước phát triển; hoạt động khoa học, công nghệ được mở rộng và nâng cao hiệu quả.

Công tác bảo vệ môi trường đạt được những kết quả bước đầu. Hoạt động điều tra cơ bản về môi trường được duy trì; việc ngăn ngừa và khắc phục ô nhiễm môi trường có tiến bộ; đã ban hành một số chính sách về bảo vệ môi trường. Lĩnh vực khí tượng, thuỷ văn đã được chú ý nhiều hơn, hiện đại hoá thêm một bước.

8. Văn hoá - xã hội có tiến bộ trên nhiều mặt, việc gắn kết giữa phát triển kinh tế với giải quyết các vấn đề xã hội có chuyển biến tích cực, chỉ số phát triển con người được nâng lên

Trong 5 năm, đã tạo việc làm cho 7,5 triệu lao động; các thành phần kinh tế ngoài nhà nước thu hút gần 91% lực lượng lao động xã hội và tạo 90% việc làm mới. Xuất khẩu lao động và chuyên gia bằng 2,3 lần so với 5 năm trước. Năm 2005, thất nghiệp ở thành thị giảm xuống còn 5,3%; thời gian sử dụng lao động ở nông thôn đạt 80,6%.

Thu nhập bình quân đầu người tăng từ 5,7 triệu đồng năm 2000 lên trên 10 triệu đồng năm 2005, tăng 12,1%/năm và chỉ số phát triển con người được nâng lên¹.

Công tác xoá đói, giảm nghèo được đẩy mạnh bằng nhiều hình thức, đã thu được nhiều kết quả tốt thông qua việc trợ giúp điều kiện sản xuất, tạo việc làm, cải thiện kết cấu hạ tầng, nhà ở, tạo cơ hội cho người nghèo tiếp cận với các dịch vụ xã hội cơ bản, tăng thu nhập, cải thiện đời sống; động viên các ngành, các cấp, các đoàn thể quần chúng và các tầng lớp dân cư tham gia. Đến cuối 2005, tỷ lệ hộ nghèo còn 7% (kế hoạch là 10%, theo chuẩn Việt Nam cho giai đoạn 2001 - 2005)².

1. Theo Báo cáo Phát triển con người năm 2005 của Liên hợp quốc, chỉ số phát triển con người của Việt Nam năm 2003 là 0,704, xếp thứ 108/177 nước, trong khi tại các nước kém phát triển, chỉ số này là 0,518; tại các nước có thu nhập trung bình là 0,774.

2. Kết quả điều tra mức sống dân cư do Tổng cục Thống kê thực hiện cho thấy, theo chuẩn quốc tế, tỷ lệ hộ nghèo của Việt Nam đã giảm từ 58% năm 1993 xuống còn 19,5% năm 2004. Theo đánh giá của Liên hợp quốc, Việt Nam đã về đích trước 10 năm so với mục tiêu xoá đói nghèo trong thực hiện Mục tiêu Thiên niên kỷ.

Công tác bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân được chú trọng. Hoạt động y tế dự phòng được đẩy mạnh hơn. Một số dịch bệnh mới như dịch viêm phổi cấp (SARS) được ngăn chặn, khắc phục nhanh. Mạng lưới y tế, đặc biệt là y tế cơ sở được củng cố và phát triển; hầu hết các xã, phường trong cả nước đều có trạm y tế, trên 65% trạm có bác sĩ. Một số cơ sở y tế chuyên ngành được nâng cấp, ứng dụng công nghệ tiên tiến. Thuốc sản xuất trong nước đã chiếm khoảng 45% thị phần thuốc chữa bệnh. Chế độ khám, chữa bệnh cho người nghèo, khám, chữa bệnh miễn phí cho trẻ em dưới 6 tuổi đang được triển khai thực hiện. Việc phòng, chống HIV/AIDS được đẩy mạnh hơn. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng giảm từ 33,4% năm 2000 xuống dưới 25% năm 2005, đạt kế hoạch; tỷ lệ tử vong của trẻ em dưới 1 tuổi còn 18‰ trẻ đẻ sống. Tuổi thọ bình quân của dân số nước ta từ 67,8 tuổi vào năm 2000 đã nâng lên 71,5 tuổi vào năm 2005.

Hoạt động văn hoá, thông tin phát triển đa dạng hơn, góp phần nâng cao đời sống văn hoá của nhân dân, làm tăng hiệu quả công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, phổ biến pháp luật; phong trào xây dựng đời sống văn hoá ở cơ sở phát triển sâu rộng hơn. Hoạt động báo chí, phát thanh, truyền hình được đổi mới về nội dung, tăng quy mô, mở rộng phạm vi tới vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và ra nước ngoài.

Hoạt động thể dục, thể thao tiếp tục phát triển theo chiều rộng và có bước nâng cao. Cơ sở vật chất - kỹ thuật của ngành thể thao đã được tăng cường đáng kể. Đã tổ chức thành công Đại hội thể thao Đông Nam Á lần thứ 22 và Đại hội thể thao của người khuyết tật Đông Nam Á lần thứ 2.

Việc chăm sóc người có công với cách mạng và trợ giúp người có đời sống khó khăn được duy trì và mở rộng. Đi đôi với mở rộng diện được hưởng chính sách trợ giúp của Nhà nước, phong trào “đền ơn đáp nghĩa, uống nước nhớ nguồn”, đã được các ngành, các cấp tổ chức, triển khai kịp thời, có hiệu quả và huy động được sự tham gia của đông đảo nhân dân.

Công tác phòng, chống tệ nạn xã hội được đẩy mạnh hơn. Nhiều địa phương đã có những giải pháp tốt phòng chống ma túy, tệ nạn mại dâm và ngăn chặn các hoạt động văn hoá không lành mạnh. Các hình thức cai nghiện và quản lý người sau cai nghiện có hiệu quả hơn.

9. Đại đoàn kết toàn dân tộc vì sự nghiệp phát triển đất nước tiếp tục được tăng cường

Sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc tiếp tục được phát huy, gắn với thực hiện tự do, dân chủ theo pháp luật đã động viên các tầng lớp nhân dân, các dân tộc, các tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài chung sức xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Các tổ chức chính trị - xã hội, nghề nghiệp, tôn giáo và các tổ chức xã hội khác có nhiều hình thức hoạt động đa dạng, phong phú đã góp phần tích cực vào phát triển kinh tế - xã hội.

Toàn xã hội đã phát huy tinh thần tương thân tương ái, ý thức cộng đồng, nhường cơm sẻ áo, tích cực tham gia khắc phục thiên tai, giúp đỡ người nghèo, người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, nạn nhân chất độc da cam... và chăm lo cải thiện đời sống của đồng bào dân tộc ở miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, hải đảo.

10. Chính trị - xã hội ổn định, quốc phòng, an ninh được tăng cường, quan hệ đối ngoại được mở rộng, tạo môi trường thuận lợi để phát triển kinh tế - xã hội

Cải cách hành chính có bước tiến mới, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước được tăng cường một bước; dân chủ trong xã hội tiếp tục được phát huy; an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được bảo đảm; độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ được giữ vững.

Tiềm lực quốc phòng, an ninh được tăng cường; đời sống vật chất, tinh thần và trang bị kỹ thuật của lực lượng vũ trang được cải thiện. Các tuyến phòng thủ, thế trận quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân được củng cố. Việc kết hợp giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh được thực hiện tốt hơn. Công tác bảo vệ an ninh chính trị và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội đạt được thành tựu quan trọng; đã phát hiện, ngăn chặn nhiều âm mưu phá hoại của các thế lực thù địch; kiềm chế được tội phạm hình sự; xử lý nghiêm tội tham nhũng.

Hoạt động chính trị đối ngoại không ngừng được mở rộng cả trong quan hệ nhà nước và quan hệ nhân dân; đạt được kết quả quan trọng trong việc thực hiện đường lối đối ngoại của Đảng và Nhà nước, nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

Công tác quốc phòng, an ninh và đối ngoại đã góp phần giữ vững ổn định chính trị, xã hội, tạo môi trường hoà bình, ổn định và điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Đạt được những thành tựu rất quan trọng trên là do:

Thứ nhất, Đảng ta có đường lối, chủ trương đúng đắn; Nghị quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng với tinh thần tiếp

tục đổi mới đã được cụ thể hoá phù hợp với thực tế trong các nghị quyết của Trung ương và được thể chế hoá theo hướng xây dựng đồng bộ nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Thứ hai, sự nỗ lực phấn đấu của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân; sự chỉ đạo, điều hành có hiệu quả của Chính phủ; sự năng động và quyết tâm của các ngành, các cấp, các doanh nghiệp khắc phục khó khăn để hoàn thành thắng lợi Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2001 - 2005.

Thứ ba, kết quả đầu tư của nhiều năm qua cùng với sự huy động ngày càng cao mọi nguồn lực cả trong và ngoài nước, đặc biệt là nguồn lực của dân vào công cuộc phát triển đất nước.

II- YẾU KÉM

1. Chất lượng phát triển kinh tế - xã hội và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế còn kém

Tốc độ tăng trưởng kinh tế 5 năm qua vẫn thấp hơn so với khả năng và thấp hơn nhiều nước trong khu vực ở thời kỳ đầu công nghiệp hoá. Quy mô nền kinh tế còn nhỏ, thu nhập bình quân đầu người thấp¹.

Tăng trưởng kinh tế chủ yếu dựa vào các nhân tố phát triển theo chiều rộng, vào những ngành và những sản phẩm

1. Theo đánh giá của Ngân hàng Thế giới, năm 2004, GDP và GDP bình quân đầu người của Trung Quốc là 1.677 tỉ USD và 1.290 USD/người; tương tự, con số này của Malaixia là 117 tỉ USD và 4.650 USD/người, của Philíppin là 97 tỉ USD và 1.170USD/người, của Thái Lan là 159 tỉ USD và 1.540 USD/người, của Việt Nam là 45 tỉ USD và 562 USD/người.

truyền thống, công nghệ thấp, tiêu hao vật chất cao, sử dụng nhiều tài nguyên, vốn và lao động. Năng suất lao động tăng chậm và còn thấp so với nhiều nước trong khu vực. Khả năng cạnh tranh của nền kinh tế còn kém, chi phí kinh doanh cao, chất lượng và hiệu quả còn thấp¹.

Chưa thực hiện thật tốt việc kết hợp tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội. Môi trường ở nhiều nơi bị ô nhiễm nặng, ảnh hưởng nghiêm trọng đến chất lượng cuộc sống.

Nguồn lực của đất nước chưa được sử dụng có hiệu quả cao, tài nguyên, đất đai và các nguồn vốn của Nhà nước còn bị lãng phí, thất thoát nghiêm trọng. Các nguồn lực trong dân còn nhiều tiềm năng chưa được phát huy.

2. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch chậm

Về chuyển dịch cơ cấu ngành: Mặc dù có tốc độ tăng cao trong những năm gần đây, nhưng tỷ trọng dịch vụ trong GDP còn thấp², các loại dịch vụ cao cấp, có giá trị tăng thêm lớn chưa phát triển mạnh. Trong nông nghiệp, sản xuất chưa gắn kết chặt chẽ và có hiệu quả cao với thị trường; việc đưa tiến bộ khoa học, công nghệ vào sản xuất còn chậm; công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp và nông thôn vẫn còn lúng túng. Trong công nghiệp, ít sản phẩm có hàm lượng công nghệ và

1. Theo Báo cáo cạnh tranh kinh tế toàn cầu năm 2004 của Diễn đàn kinh tế thế giới, chỉ số cạnh tranh toàn cầu của nước ta xếp thứ 77 trên 104 nước được khảo sát, trong đó, chỉ số cạnh tranh về môi trường kinh tế vĩ mô xếp thứ 58/104, về thể chế công xếp thứ 82/104, về công nghệ xếp thứ 92/104; chỉ số cạnh tranh về kinh doanh xếp thứ 90/104 nước.

2. Theo đánh giá của Ngân hàng Thế giới, năm 2004, tỷ trọng dịch vụ trong GDP của Philippin là 54%, của Thái Lan là 46%, của Malaixia là 42%, của Việt Nam là 38%.

tri thức cao; công nghiệp công nghệ cao phát triển chậm; một số sản phẩm công nghiệp có sản lượng lớn còn mang tính gia công, lắp ráp, giá trị nội địa tăng chậm; công nghiệp hỗ trợ kém phát triển; tốc độ đổi mới công nghệ còn chậm¹.

Các vùng kinh tế trọng điểm chưa phát huy được các thế mạnh để đi nhanh hơn vào cơ cấu kinh tế hiện đại. Chính sách hỗ trợ các vùng kém phát triển chưa đáp ứng được yêu cầu. Sự liên kết vùng chưa được quan tâm đúng mức, hiệu quả thấp.

Các thành phần kinh tế phát triển chưa tương xứng với tiềm năng. Chưa tạo được đầy đủ môi trường hợp tác, cạnh tranh bình đẳng giữa các thành phần kinh tế; chưa khai thác tốt các nguồn lực trong nước và của người Việt Nam ở nước ngoài để đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh. Việc sắp xếp, đổi mới, phát triển doanh nghiệp nhà nước còn chậm, hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước còn thấp. Kinh tế tư nhân chưa được tạo đủ điều kiện thuận lợi để phát triển, quy mô còn nhỏ, sức cạnh tranh còn yếu và chưa được quản lý tốt. Kinh tế tập thể kém hấp dẫn và phát triển chậm, còn nhiều lúng túng. Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài phát triển chưa tương xứng với tiềm năng, việc thu hút đầu tư nước ngoài còn kém so với một số nước trong khu vực.

Tỷ trọng lao động trong nông nghiệp còn cao. Lao động thiếu việc làm và không có việc làm còn nhiều. Tỷ lệ lao động qua đào tạo rất thấp.

Cơ cấu đầu tư chưa thật hợp lý, chưa hướng mạnh vào đầu tư chiều sâu, vào các ngành có giá trị tăng thêm cao và

1. Theo báo cáo của Ngân hàng Thế giới, năm 2003, tỷ lệ hàng xuất khẩu công nghệ cao trong tổng xuất khẩu hàng chế tác của Malaixia chiếm 58%, Thái Lan chiếm 30%, Trung Quốc 27%, của Việt Nam là 2%.

tạo nhiều việc làm. Đầu tư từ ngân sách nhà nước và đầu tư của doanh nghiệp nhà nước còn dãn trải, thất thoát, hiệu quả thấp. Một số công trình lớn, quan trọng cấp quốc gia không hoàn thành theo kế hoạch. Năng lực sản xuất của một số ngành và sản phẩm quan trọng, thiết yếu tăng chậm.

Công tác quy hoạch chất lượng thấp, quản lý còn kém và chưa phù hợp với cơ chế thị trường.

3. Kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội chưa đáp ứng yêu cầu phát triển

Tuy đã có cố gắng đầu tư, song kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội vẫn còn lạc hậu, thiếu đồng bộ, chưa đáp ứng được yêu cầu, hạn chế sự phát triển kinh tế - xã hội.

Hệ thống đường bộ chưa hoàn chỉnh, chất lượng thấp, nhiều nơi còn bị tắc nghẽn; chưa bảo đảm giao thông thông suốt trong mùa mưa ở các khu vực thường bị ngập lụt và miền núi. Hệ thống cảng biển, đường sắt, hàng không còn bất cập về năng lực vận chuyển, khả năng kho bãi, về thông tin, quản lý; chi phí dịch vụ vận tải còn cao.

Hệ thống thủy lợi chưa đáp ứng yêu cầu phát triển nông nghiệp và nông thôn; các hồ chứa nước ở khu vực miền Trung, Tây Nguyên và miền núi chưa được đầu tư hoàn chỉnh; chất lượng một số công trình thấp, hiệu quả sử dụng kém. Các công trình thủy lợi tập trung nhiều cho sản xuất lúa, chưa phục vụ tốt cho phát triển cây công nghiệp và nuôi trồng thủy sản. Hệ thống thủy lợi ở đồng bằng sông Cửu Long đầu tư thiếu đồng bộ, còn nhiều yếu kém, bất cập. Quản lý nguồn nước còn bị buông lỏng.

Hệ thống điện vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu cả về nguồn điện, lưới điện và chất lượng; tỷ lệ tổn thất còn cao. Một số công trình điện không hoàn thành đúng kế hoạch, gây

thiếu điện trong thời gian cao điểm và khi có hạn hán nghiêm trọng.

Hạ tầng bưu chính, viễn thông thiếu đồng bộ; chất lượng dịch vụ còn thấp; giá dịch vụ còn cao; hoạt động bưu chính - viễn thông ở vùng sâu, vùng xa chưa đáp ứng yêu cầu.

Kết cấu hạ tầng đô thị phát triển chậm, chất lượng quy hoạch đô thị thấp, quản lý đô thị kém. Hệ thống cấp nước kém phát triển, thiết bị xử lý nước lạc hậu, chất lượng nước kém; hệ thống phân phối nước và nguồn nước nhiều nơi chưa được đầu tư đồng bộ. Hệ thống xử lý chất thải sinh hoạt và chất thải công nghiệp vừa thiếu, vừa kém chất lượng; chưa ngăn chặn được tình trạng ô nhiễm môi trường ngày càng nghiêm trọng.

Hạ tầng cho giáo dục, y tế, văn hoá, thể dục, thể thao còn thiếu, chưa đồng bộ và chất lượng thấp.

4. Thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa còn nhiều hạn chế; các cân đối vĩ mô chưa thật vững chắc

Việc xây dựng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa còn nhiều vướng mắc và chưa thật đồng bộ. Thị trường tài chính, thị trường bất động sản, thị trường khoa học và công nghệ phát triển chậm, chưa đáp ứng kịp yêu cầu. Quản lý nhà nước đối với từng loại thị trường còn nhiều bất cập. Một số nguyên tắc của thị trường bị vi phạm.

An ninh năng lượng, cán cân thương mại, cán cân vãng lai và thanh toán quốc tế, dự trữ quốc gia, cân đối ngân sách chưa đủ vững chắc để đối phó khi các tình huống biến động lớn, đột xuất xảy ra.

Thu ngân sách còn phụ thuộc nhiều vào nguồn thu từ thuế nhập khẩu và dầu thô. Hoạt động của hệ thống ngân

hàng còn nhiều yếu kém, chất lượng tín dụng thấp, nợ xấu còn cao.

Trong tình hình giá cả thế giới có nhiều biến động, công tác quản lý giá cả thị trường, lưu thông tiền tệ có mặt chưa phù hợp, lúng túng, dễ xảy ra đầu cơ gây đột biến giá một số mặt hàng thiết yếu, bất lợi cho hoạt động kinh doanh và đời sống.

5. Hội nhập kinh tế quốc tế và hoạt động kinh tế đối ngoại còn nhiều hạn chế

Thiếu lộ trình thật chủ động trong hội nhập kinh tế quốc tế; chưa gắn kết chặt chẽ tiến trình hội nhập với việc hoàn thiện pháp luật, thể chế, chính sách và cải cách cơ cấu kinh tế; việc nâng cao sức cạnh tranh của hàng hoá, của doanh nghiệp và của nền kinh tế chưa theo kịp yêu cầu hội nhập.

Tỷ lệ hàng xuất khẩu qua chế biến, chế tác sâu còn thấp. Quy mô xuất khẩu còn nhỏ¹. Nhập siêu còn lớn.

Môi trường đầu tư kém hấp dẫn so với một số nước xung quanh. Chưa thu hút được nhiều vốn đầu tư và công nghệ tiên tiến của các tập đoàn kinh tế lớn; chưa chủ động khai thác vốn đầu tư gián tiếp quốc tế.

Việc giải ngân vốn ODA còn chậm. Chiến lược vay và trả nợ nước ngoài chưa được chuẩn bị thật tốt.

6. Chất lượng giáo dục và đào tạo còn thấp, nhiều vấn đề hạn chế, yếu kém chậm được khắc phục

Chất lượng giáo dục còn nhiều yếu kém; khả năng chủ

1. Theo Báo cáo phát triển thế giới năm 2006 của Ngân hàng Thế giới, năm 2004, xuất khẩu bình quân đầu người của nước ta chỉ bằng gần 20% của Thái Lan, bằng 6% của Malaixia; bằng 70% của Trung Quốc và mới bằng 22% mức bình quân của thế giới.

động, sáng tạo của học sinh, sinh viên ít được bồi dưỡng, năng lực thực hành của học sinh, sinh viên còn yếu. Chương trình, phương pháp dạy và học còn lạc hậu, nặng nề, chưa thật phù hợp.

Phát triển giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học chưa cân đối với giáo dục trung học phổ thông. Đào tạo nghề còn thiếu về số lượng và yếu về chất lượng.

Việc xã hội hoá giáo dục được thực hiện chậm, thiếu đồng bộ. Công tác giáo dục và đào tạo ở vùng sâu, vùng xa còn nhiều khó khăn, chất lượng thấp; chưa quan tâm đúng mức phát triển giáo dục và đào tạo ở đồng bằng sông Cửu Long, để giáo dục và đào tạo của vùng này tụt hậu kéo dài so với các vùng khác trong cả nước.

Công tác quản lý giáo dục, đào tạo chậm đổi mới và còn nhiều bất cập. Thanh tra giáo dục còn nhiều yếu kém; những hiện tượng tiêu cực, như bệnh thành tích, thiếu trung thực trong đánh giá kết quả giáo dục, trong học tập, tuyển sinh, thi cử, cấp bằng và tình trạng học thêm, dạy thêm tràn lan kéo dài, chậm được khắc phục.

7. Khoa học và công nghệ chưa đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội

Cơ chế quản lý khoa học và công nghệ, kể cả khoa học tự nhiên và khoa học xã hội chậm đổi mới; chưa có chính sách và biện pháp tốt để huy động các nguồn lực và sử dụng có hiệu quả nguồn lực nhà nước đầu tư cho khoa học và công nghệ; thiếu cơ chế gắn kết nghiên cứu khoa học và công nghệ với đào tạo nhân lực, nhất là ở bậc đại học và với hoạt động sản xuất, kinh doanh; chưa phát huy tác dụng tích cực đối với phát triển kinh tế - xã hội.

Thị trường khoa học và công nghệ chậm được hình thành, hiệu quả ứng dụng các công trình nghiên cứu khoa học thấp; thiếu chính sách và biện pháp thúc đẩy các doanh nghiệp quan tâm đầu tư nghiên cứu và đổi mới công nghệ để nâng cao năng suất, chất lượng và khả năng cạnh tranh.

Trình độ công nghệ trong nhiều ngành còn lạc hậu; việc chuyển giao công nghệ còn rất chậm. Cơ sở vật chất - kỹ thuật của các tổ chức nghiên cứu khoa học và công nghệ còn thiếu, lạc hậu, chưa đồng bộ và sử dụng kém hiệu quả.

Đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học còn hạn chế về trình độ, bất hợp lý về cơ cấu; thiếu cán bộ đầu ngành và các tập thể khoa học và công nghệ mạnh. Quyền sở hữu trí tuệ chưa được coi trọng đúng mức và còn bị xâm phạm.

8. Lĩnh vực văn hoá, xã hội còn nhiều vấn đề bức xúc chậm được giải quyết

Việc xây dựng *nếp sống văn hoá* chưa được coi trọng đúng mức. Tình trạng suy thoái, xuống cấp về đạo đức, lối sống, sự gia tăng tệ nạn xã hội và tội phạm đáng lo ngại, nhất là trong lớp trẻ. Quản lý nhà nước về văn hoá còn nhiều sơ hở, yếu kém. Đấu tranh ngăn ngừa văn hoá phẩm độc hại chưa được chú ý đầy đủ, còn nhiều khuyết điểm, bất cập.

Thành tựu xoá đói, giảm nghèo chưa thật vững chắc. Số hộ nghèo và tái nghèo ở một số vùng còn lớn, tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn mới còn cao. Đời sống nhân dân vùng sâu, vùng xa, vùng thường bị thiên tai còn nhiều khó khăn; nhiều vùng dân tộc thiểu số có tỷ lệ hộ nghèo cao hơn so với bình quân cả nước. Một số chính sách trợ giúp người nghèo, hộ nghèo, vùng nghèo chưa được tổ chức thực hiện tốt.

Công tác bảo vệ và chăm sóc sức khoẻ nhân dân còn nhiều bất cập. Hệ thống y tế chậm đổi mới, chất lượng dịch

vụ y tế chưa đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng của nhân dân; điều kiện chăm sóc y tế cho người nghèo, vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số còn nhiều hạn chế. Bệnh dịch HIV/AIDS tiếp tục gia tăng. Đầu tư của Nhà nước và huy động nguồn lực xã hội cho phát triển y tế chưa đáp ứng yêu cầu và hiệu quả chưa cao. Quản lý hoạt động khám, chữa bệnh và hành nghề y, dược tư nhân kém hiệu quả. Năng lực sản xuất và cung ứng thuốc còn yếu; quản lý thị trường thuốc chữa bệnh có nhiều thiếu sót. Vệ sinh môi trường, an toàn thực phẩm chưa được kiểm soát chặt chẽ. Chính sách đào tạo và sử dụng cán bộ y tế còn nhiều bất cập; đội ngũ cán bộ y tế thiếu và yếu, cơ cấu bất hợp lý; những việc làm vi phạm đạo đức nghề nghiệp chậm được khắc phục.

Một số tệ nạn xã hội chưa được ngăn chặn có hiệu quả. Cuộc đấu tranh chống các thói hư, tật xấu thiếu các biện pháp đồng bộ và chưa tạo được chuyển biến rõ nét; tệ ma túy, mại dâm còn diễn biến phức tạp.

Tội phạm có tổ chức và tội phạm liên quan đến ma túy có chiều hướng gia tăng.

Việc bảo đảm *trật tự, an toàn giao thông* chưa tốt, thiếu đồng bộ, tai nạn giao thông vẫn còn nghiêm trọng, ý thức chấp hành pháp luật giao thông trong xã hội rất kém, quản lý nhà nước còn nhiều bất cập.

9. Bộ máy nhà nước chậm đổi mới, chưa theo kịp yêu cầu của công cuộc phát triển kinh tế, xã hội

Những yếu kém của bộ máy quản lý nhà nước và công tác cán bộ chậm được khắc phục. Cải cách hành chính chưa đạt yêu cầu, chưa gắn với xây dựng và chỉnh đốn Đảng, với đổi mới phương thức và nâng cao hiệu quả hoạt động của Quốc hội, chưa phối hợp chặt chẽ với cải cách và đổi mới hoạt động

tư pháp. Cải cách tư pháp chưa theo kịp yêu cầu phát triển. Năng lực và phẩm chất của nhiều cán bộ, công chức còn yếu, một bộ phận không nhỏ thoái hoá, biến chất. Dân chủ ở nhiều nơi bị vi phạm, kỷ cương phép nước chưa nghiêm. Quan liêu, tham nhũng, lãng phí còn nghiêm trọng, đặc biệt là tình trạng nhũng nhiễu, cửa quyền, thiếu trách nhiệm của bộ phận không nhỏ cán bộ, công chức, nhất là ở các cơ quan giải quyết công việc cho dân và doanh nghiệp. Bộ máy chính quyền cơ sở nhiều nơi yếu kém.

Những thành tựu đạt được trong công tác bảo vệ an ninh, trật tự chưa thật vững chắc. Việc đấu tranh chống âm mưu phá hoại của các thế lực thù địch có lúc còn thiếu chủ động, chưa kịp thời. Chất lượng các tuyến phòng thủ, thế trận quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân ở một số nơi chưa đạt yêu cầu.

Công tác đối ngoại còn có việc thiếu chiều sâu và chưa thật chủ động; công tác tuyên truyền đối ngoại còn kém; quản lý nhà nước về công tác đối ngoại chưa chặt chẽ.

Các yếu kém và bất cập về kinh tế, xã hội do nhiều nguyên nhân, trong đó **nguyên nhân chủ quan** là chủ yếu:

Thứ nhất, chậm đổi mới tư duy, trước hết là tư duy kinh tế; chậm xây dựng đồng bộ thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Thứ hai, chính sách và giải pháp chưa đủ mạnh để huy động và sử dụng được tốt nhất các nguồn lực, cả nội lực và ngoại lực vào công cuộc phát triển kinh tế - xã hội.

Thứ ba, cải cách hành chính còn chậm và kém hiệu quả; công tác tổ chức, cán bộ chậm đổi mới, chưa đáp ứng yêu cầu.

Thứ tư, chỉ đạo và tổ chức thực hiện vẫn là một khâu yếu nhất.

III- ĐÁNH GIÁ TỔNG QUÁT VÀ NHỮNG BÀI HỌC KINH NGHIỆM

1. Đánh giá tổng quát

Năm năm qua, đất nước ta đã vượt qua nhiều khó khăn, thách thức, ***đạt được những thành tựu rất quan trọng*** trong việc thực hiện Chiến lược 10 năm phát triển kinh tế - xã hội. Kinh tế tiếp tục tăng trưởng khá nhanh. Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được xây dựng bước đầu. Hội nhập kinh tế quốc tế và kinh tế đối ngoại có bước tiến mới rất quan trọng. Tiềm lực kinh tế, cơ sở vật chất - kỹ thuật được tăng cường đáng kể; khả năng độc lập tự chủ của nền kinh tế được nâng lên. Văn hoá - xã hội có tiến bộ trên nhiều mặt. Đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được cải thiện; xoá đói, giảm nghèo đạt kết quả nổi bật. Chính trị - xã hội ổn định. Độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và an ninh quốc gia được giữ vững. Thế và lực của đất nước vững mạnh thêm, vị thế quốc tế của nước ta được nâng lên rõ rệt.

Tuy nhiên, những thành tựu đã đạt được trong 5 năm qua còn *dưới mức khả năng phát triển của đất nước*, hoạt động kinh tế - xã hội còn *nhiều yếu kém, bất cập*; việc huy động và sử dụng các nguồn lực, cả nội lực và ngoại lực, vào công cuộc phát triển kinh tế - xã hội còn kém hiệu quả và chưa tương xứng với tiềm năng, hạn chế sự phát triển. Trình độ phát triển kinh tế và công nghệ vẫn tụt hậu so với nhiều nước xung quanh. Sức cạnh tranh của nền kinh tế, chất lượng và tính bền vững của sự phát triển còn kém. Kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội chưa đáp ứng kịp yêu cầu phát triển. Hội nhập kinh tế

quốc tế còn hạn chế. Văn hoá - xã hội phát triển chưa ngang tầm và còn nhiều vấn đề bức xúc. Bộ máy nhà nước và đội ngũ cán bộ, công chức đổi mới chậm; quan liêu, tham nhũng, lãng phí chưa bị đẩy lùi. Sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc chưa được phát huy thật tốt. Thực trạng trên đề lại nhiệm vụ nặng nề cho 5 năm 2006 - 2010.

2. Bài học kinh nghiệm

Từ thực tiễn 5 năm qua, có thể rút ra **mấy bài học kinh nghiệm** lớn và cũng là **tư tưởng chỉ đạo** về phát triển kinh tế - xã hội trong 5 năm tới là:

2.1. Bài học về phát triển nhanh và bền vững

Phát triển nhanh phải đi đôi với nâng cao tính bền vững, hai mặt tác động lẫn nhau, được thể hiện ở cả tầm vĩ mô và vi mô, ở cả tầm ngắn hạn và dài hạn. Tăng trưởng về số lượng phải đi liền với nâng cao chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Trong khi khai thác các yếu tố phát triển theo chiều rộng, phải đặc biệt coi trọng các yếu tố phát triển theo chiều sâu, phát triển kinh tế tri thức. Phải gắn tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hoá, phát triển toàn diện con người, thực hiện dân chủ, tiến bộ và công bằng xã hội, tạo nhiều việc làm, cải thiện đời sống, khuyến khích làm giàu hợp pháp đi đôi với xoá đói, giảm nghèo. Từng bước thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các vùng. Phải rất coi trọng bảo vệ và cải thiện môi trường ngay trong từng bước phát triển.

Phát triển kinh tế phải đi đôi với việc bảo đảm ổn định chính trị - xã hội, coi đây là tiền đề, điều kiện để phát triển nhanh và bền vững.

2.2. Bài học về huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, nhất là nội lực

Nội lực có vai trò quyết định đối với sự phát triển. Có phát huy được nội lực mới thu hút và sử dụng có hiệu quả ngoại lực. Nội lực được tăng cường mới bảo đảm được độc lập tự chủ về kinh tế và thực hiện hội nhập kinh tế quốc tế thành công. Phát huy nội lực trước hết là phát huy nguồn lực con người, nguồn lực của toàn dân tộc, khai thác có hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên và sử dụng tốt nhất các nguồn lực của Nhà nước. Điều có ý nghĩa quyết định là phải có chính sách phù hợp để phát huy tối đa khả năng về vật chất, trí tuệ và tinh thần của mọi người dân, của các thành phần kinh tế, đặc biệt là kinh tế tư nhân - một nguồn lực giàu tiềm năng của dân tộc ta - để góp phần quan trọng giải quyết việc làm, đẩy nhanh và nâng cao hiệu quả phát triển kinh tế - xã hội.

Ngoại lực có vai trò quan trọng đối với sự phát triển. Kết hợp tốt nội lực và ngoại lực sẽ tạo thành sức mạnh tổng hợp xây dựng đất nước. Ngoại lực, bao gồm cả vốn, tri thức, công nghệ, kỹ năng quản lý và thị trường... bổ sung cho nội lực, tạo thêm điều kiện để huy động và sử dụng nội lực có hiệu quả cao hơn. Trong bối cảnh toàn cầu hoá và hội nhập kinh tế quốc tế, ngoại lực càng trở nên quan trọng. Một nước đang phát triển ở trình độ thấp như nước ta, muốn vươn lên để theo kịp các nước, không thể coi nhẹ việc thu hút và sử dụng tốt nhất ngoại lực. Muốn phát huy tốt ngoại lực, phải có một chiến lược phù hợp và môi trường đầu tư, kinh doanh lành mạnh, trước hết là có một hệ thống thể chế, chính sách đồng bộ, một nền hành chính minh bạch, hiệu lực, hiệu quả.

2.3. Bài học về hội nhập kinh tế quốc tế và xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ

Hội nhập kinh tế quốc tế là yêu cầu khách quan, phải chủ động, có lộ trình phù hợp với bước đi tích cực, vững chắc, không do dự chần chừ, nhưng cũng không được nóng vội, giản đơn.

Phải tích cực mở rộng thị trường bên ngoài để đẩy mạnh xuất khẩu, đồng thời phải chủ động mở cửa thị trường trong nước, kể cả thị trường dịch vụ, để thu hút mạnh vốn đầu tư, công nghệ và kỹ năng quản lý tiên tiến, nâng cao hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế.

Trong tiến trình mở cửa, hội nhập với nền kinh tế thế giới, phải biết phát huy lợi thế so sánh, tạo môi trường cạnh tranh để phát triển. Đồng thời, để phát triển bền vững, bảo đảm sự ổn định, tăng khả năng độc lập tự chủ của đất nước, nhất thiết phải tăng cường tiềm lực và bảo đảm an ninh kinh tế, đi đôi với củng cố quốc phòng, an ninh. Về an ninh kinh tế, phải giữ vững các cân đối vĩ mô; ngoài an ninh lương thực và an ninh năng lượng, cần tăng nhanh dự trữ ngoại tệ, kiểm soát chặt chẽ nợ nước ngoài; phát huy cao nhất các nguồn lực để xây dựng nhanh kết cấu hạ tầng và phát triển có hiệu quả một số ngành và sản phẩm thiết yếu.

2.4. Bài học về phát triển kinh tế thị trường đồng thời với chăm lo ngày càng tốt hơn phúc lợi xã hội

Giai đoạn phát triển mới của đất nước đòi hỏi công cuộc đổi mới phải đi vào chiều sâu và toàn diện hơn, phải dứt khoát hình thành nhanh và đồng bộ các yếu tố của kinh tế thị trường và hệ thống thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, thực hiện đầy đủ các nguyên tắc của thị trường. Đồng thời, càng đi vào kinh tế thị trường, càng phải chăm lo tốt hơn

phúc lợi xã hội, giải quyết việc làm, xoá đói, giảm nghèo, phát triển giáo dục, văn hoá, chăm sóc sức khoẻ nhân dân. Phải đề cao vai trò, trách nhiệm của Nhà nước và sự đóng góp của toàn xã hội để thực hiện tốt yêu cầu này, đầu tư nhiều hơn cho lĩnh vực văn hoá, xã hội, thực hiện tốt hơn yêu cầu gắn kết giữa phát triển kinh tế với phát triển văn hoá, xã hội.

2.5. Bài học về công tác tổ chức thực hiện và tuyển chọn, bố trí đúng cán bộ

Bước tiến của công cuộc đổi mới và phát triển kinh tế - xã hội phụ thuộc một phần rất quan trọng vào ý chí và năng lực tổ chức thực hiện, trong đó, nhân tố con người - cán bộ, công chức, nhất là đội ngũ cán bộ chủ chốt của hệ thống công quyền và của doanh nghiệp - có vai trò quyết định.

Phải tuyển chọn và bố trí đúng cán bộ đáp ứng được yêu cầu công việc; phải giao nhiệm vụ rõ ràng và quyền hạn tương xứng cho người đứng đầu từng tổ chức, từng đơn vị, kể cả quyền hạn về tổ chức bộ máy và nhân sự; đồng thời phải yêu cầu rất cao về trách nhiệm đối với cán bộ, nhất là người đứng đầu, khi không hoàn thành được nhiệm vụ, công việc trì trệ hoặc có sai phạm, khuyết điểm phải xử lý nghiêm minh kịp thời, kể cả thay thế. Phải có quy chế cụ thể về công tác cán bộ để đáp ứng được yêu cầu này.

Phần thứ hai

**PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN
KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM 2006 - 2010**

Nước ta bước vào thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006 - 2010 trong bối cảnh có nhiều thời cơ, thuận lợi và khó khăn, thách thức đều lớn, đan xen nhau.

Trên thế giới, hoà bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế chủ đạo; toàn cầu hoá và hội nhập kinh tế quốc tế đang được đẩy nhanh; đầu tư, lưu chuyển hàng hoá, dịch vụ, lao động và vốn ngày càng mở rộng. Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ, nhất là công nghệ thông tin và công nghệ sinh học, tiếp tục phát triển mạnh theo chiều sâu, tác động rộng lớn đến cơ cấu và sự phát triển của kinh tế thế giới, mở ra triển vọng mới cho mỗi nền kinh tế tham gia phân công lao động toàn cầu. Kinh tế châu Á - Thái Bình Dương tiếp tục phát triển năng động, hợp tác trong khu vực ngày càng mở rộng tạo thêm điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của mỗi quốc gia.

Tuy nhiên, tình hình thế giới và khu vực vẫn chứa đựng nhiều yếu tố phức tạp, khó lường; các tranh chấp, xung đột cục bộ, cùng với hoạt động khủng bố quốc tế có thể gây mất ổn định ở khu vực và nhiều nơi trên thế giới. Các nước lớn cạnh tranh quyết liệt vì lợi ích kinh tế và tìm cách áp đặt các rào cản trong thương mại với các nước nghèo và đang phát triển. Thị trường tài chính, tiền tệ và giá cả thế giới còn diễn biến phức tạp. Các vấn đề mang tính toàn cầu như dịch bệnh, ô nhiễm môi trường, khan hiếm các nguồn năng lượng và nguyên, vật liệu, khoảng cách giàu nghèo... sẽ càng trở nên gay gắt hơn.

Ở trong nước, chúng ta có được thuận lợi rất cơ bản là những thành tựu to lớn và những bài học kinh nghiệm quan trọng sau 20 năm đổi mới, nhưng cũng còn nhiều yếu kém, đặc biệt là nền kinh tế đang ở trình độ phát triển thấp, quy mô nhỏ, sức cạnh tranh yếu, còn tụt hậu khá xa so với nhiều nước trong khu vực, chưa vượt ra khỏi nhóm các nước đang phát triển có thu nhập thấp; trong khi yêu cầu về phát triển

nhANH và bền vững rất cấp bách, yêu cầu về hội nhập với nền kinh tế khu vực và thế giới ngày càng khẩn trương và sâu rộng hơn.

Những đặc điểm tình hình nêu trên đặt ra cho công cuộc phát triển kinh tế - xã hội của nước ta trong 5 năm tới nhiệm vụ rất nặng nề, đòi hỏi toàn Đảng, toàn dân, toàn quân phải có quyết tâm rất cao, với các giải pháp thật quyết liệt mới có thể thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ mà Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2001 - 2010 đã đề ra.

I- MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM 2006 - 2010

1. Mục tiêu tổng quát

Đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế, đạt được bước chuyển biến quan trọng về nâng cao hiệu quả và tính bền vững của sự phát triển, sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển. Cải thiện rõ rệt đời sống vật chất, văn hoá và tinh thần của nhân dân. Đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá và phát triển kinh tế tri thức, tạo nền tảng để đưa nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020. Giữ vững ổn định chính trị và trật tự, an toàn xã hội. Bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và an ninh quốc gia. Nâng cao vị thế của Việt Nam trong khu vực và trên trường quốc tế.

2. Các nhiệm vụ chủ yếu

1) Giải phóng và phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất, phát huy mọi tiềm năng và nguồn lực, tạo bước đột phá về xây dựng kết cấu hạ tầng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế,

nâng cao chất lượng và sức cạnh tranh, tăng tốc độ tăng trưởng kinh tế, sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng của nước đang phát triển có thu nhập thấp¹.

2) Chuyển mạnh sang kinh tế thị trường, thực hiện các nguyên tắc của thị trường, hình thành đồng bộ và hoàn thiện các loại thị trường và thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa phù hợp với đặc điểm của nước ta.

3) Chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, mở rộng kinh tế đối ngoại gắn với nâng cao khả năng độc lập tự chủ của nền kinh tế.

4) Phát triển mạnh khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và phát triển kinh tế tri thức.

5) Tạo chuyển biến mạnh trong việc xây dựng văn hoá, đạo đức và lối sống; kiểm chế tốc độ tăng dân số, nâng cao thể chất và sức khoẻ nhân dân; bảo vệ và cải thiện môi trường.

6) Thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, giải quyết việc làm, khuyến khích làm giàu hợp pháp, xoá đói, giảm nghèo, phát triển hệ thống an sinh xã hội; đẩy lùi các tệ nạn xã hội.

7) Tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc, phát huy dân chủ, nâng cao hiệu lực của Nhà nước pháp quyền xã hội

1. Theo dự báo năm 2004 của Ngân hàng Thế giới thì ngưỡng nước có thu nhập thấp năm 2010 có thể nâng lên khoảng 950 USD/người. Như vậy, nếu Việt Nam đạt kế hoạch tăng GDP 7,5 - 8%/năm thì đến năm 2009, mức GDP bình quân đầu người dự kiến đạt trên 950 USD, đến năm 2010 đạt 1.050 - 1.100 USD, Việt Nam sẽ vượt ngưỡng nước có thu nhập thấp. Nếu phấn đấu đạt tốc độ tăng GDP cao hơn 8%/năm thì mốc thời gian đạt được chỉ tiêu này còn sớm hơn nữa.

chủ nghĩa, tạo bước chuyển rõ rệt về cải cách hành chính, ngăn chặn và đẩy lùi tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí.

8) Tăng cường quốc phòng, an ninh, ổn định chính trị - xã hội, mở rộng quan hệ đối ngoại, giữ vững môi trường hoà bình và ổn định, tạo thuận lợi cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

3. Các chỉ tiêu định hướng về phát triển kinh tế - xã hội chủ yếu

3.1. Về kinh tế

Tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước (GDP) bình quân trong 5 năm 2006 - 2010 đạt 7,5 - 8%/năm và phấn đấu đạt trên 8%/năm; GDP năm 2010 theo giá so sánh gấp hơn 2,1 lần năm 2000. GDP bình quân đầu người theo giá hiện hành đạt khoảng 1.050 - 1.100 USD.

Cơ cấu ngành trong GDP năm 2010: khu vực nông nghiệp khoảng 15 - 16%, công nghiệp và xây dựng 43 - 44%, dịch vụ 40 - 41%.

Tổng kim ngạch xuất khẩu tăng 16%/năm.

Năm 2010: tỷ lệ huy động GDP vào ngân sách đạt 21 - 22%.

Vốn đầu tư toàn xã hội đạt khoảng 40% GDP.

Mật độ điện thoại đạt 35 máy/100 dân, mật độ Internet đạt 12,6 thuê bao/100 dân.

3.2. Về xã hội

Năm 2010, tốc độ phát triển dân số khoảng 1,14%.

Lao động nông nghiệp năm 2010 chiếm dưới 50% lao động xã hội.

Trong 5 năm, tạo việc làm cho trên 8 triệu lao động; tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị dưới 5% vào năm 2010.

Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn mới) giảm xuống còn 10 - 11% vào năm 2010¹.

Năm 2010:

Hoàn thành phổ cập giáo dục trung học cơ sở; đạt 200 sinh viên đại học và cao đẳng/10.000 dân; lao động đã qua đào tạo chiếm 40% tổng lao động xã hội.

Tỷ lệ bác sĩ đạt 7 người/10.000 dân.

Tỷ lệ tử vong trẻ em dưới 1 tuổi là 16‰ trẻ đẻ sống; tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng dưới 5 tuổi giảm xuống dưới 20%, tỷ lệ tử vong bà mẹ liên quan đến thai sản dưới 60/100.000 trẻ đẻ sống.

Tuổi thọ bình quân của dân số Việt Nam đạt 72 tuổi.

3.3. Về môi trường

Năm 2010:

Đưa tỷ lệ che phủ rừng lên 42 – 43%.

95% dân cư thành thị và 75% dân cư ở nông thôn được sử dụng nước sạch.

100% các cơ sở sản xuất mới xây dựng phải áp dụng công nghệ sạch hoặc được trang bị các thiết bị giảm ô nhiễm, xử lý chất thải; trên 50% các cơ sở sản xuất, kinh doanh đạt tiêu chuẩn về môi trường; 100% số đô thị loại 3 trở lên, 50% số đô thị loại 4 và tất cả các khu công nghiệp, khu chế xuất có hệ thống xử lý nước thải; 90% chất thải rắn thông thường, 80% chất thải nguy hại, 100% chất thải y tế được thu gom và xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường.

1. Theo chuẩn mới, tỷ lệ hộ nghèo năm 2005 khoảng 22%.

II- ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NGÀNH, LĨNH VỰC VÀ VÙNG

1. Về kinh tế

1.1. Tạo chuyển biến mạnh mẽ trong sản xuất nông nghiệp, kinh tế nông thôn và nâng cao đời sống nhân dân

Hiện nay và trong nhiều năm tới, vấn đề nông nghiệp, nông dân và nông thôn có tầm chiến lược đặc biệt quan trọng. Phải luôn luôn coi trọng đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn hướng tới xây dựng một nền nông nghiệp hàng hoá lớn, đa dạng, phát triển nhanh và bền vững, có năng suất, chất lượng và khả năng cạnh tranh cao; tạo điều kiện từng bước hình thành nền nông nghiệp sạch; phấn đấu giá trị tăng thêm trong nông, lâm nghiệp và thuỷ sản tăng 3 - 3,2%/năm. Tốc độ phát triển công nghiệp và dịch vụ ở nông thôn không thấp hơn mức bình quân của cả nước. Gắn phát triển kinh tế với xây dựng nông thôn mới, giải quyết tốt hơn mối quan hệ giữa nông thôn và thành thị, giữa các vùng miền, góp phần giữ vững ổn định chính trị - xã hội.

Thúc đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp và kinh tế nông thôn, chuyển mạnh sang sản xuất các loại sản phẩm có thị trường và hiệu quả kinh tế cao; đẩy mạnh thâm canh các loại cây trồng trên cơ sở áp dụng các quy trình sản xuất đồng bộ và tiên tiến; quy hoạch diện tích sản xuất lương thực ổn định; bảo đảm vững chắc an ninh lương thực; phát triển mạnh chăn nuôi theo hướng quy mô lớn, an toàn dịch bệnh và bền vững về môi trường. Xây dựng các vùng sản xuất nông sản hàng hoá tập trung gắn với việc chuyển giao công nghệ sản xuất, chế biến và bảo quản.

Phát huy lợi thế khí hậu nhiệt đới, tiếp tục thực hiện có hiệu quả chương trình bảo vệ và phát triển rừng. Nâng cao

chất lượng rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, phát triển mạnh việc trồng mới và khai thác bền vững rừng sản xuất để nâng cao khả năng đáp ứng nhu cầu trước mắt và lâu dài về nguyên liệu gỗ cho chế biến hàng tiêu dùng và xuất khẩu; bảo đảm lợi ích thoả đáng của người được giao kinh doanh, chăm sóc và bảo vệ rừng.

Phát triển nuôi trồng thủy sản theo hướng sản xuất hàng hoá lớn đi đôi với bảo vệ môi trường sinh thái; chuyển đổi cơ cấu khai thác qua việc lựa chọn ngư trường, loại hình nghề nghiệp và sản phẩm để nâng cao giá trị hàng hoá, sử dụng hợp lý nguồn lợi, giảm chi phí, nâng cao sức cạnh tranh, bảo đảm tăng trưởng bền vững.

Quy hoạch và có chính sách phát triển nghề làm muối và cải thiện đời sống diêm dân.

Đẩy mạnh phát triển công nghiệp và dịch vụ ở nông thôn, nhất là những ngành, nghề sử dụng nhiều lao động, coi đây là hướng chính để tạo ra nhiều việc làm mới, góp phần tăng nhanh thu nhập cho nông dân. Phát triển mạnh công nghệ bảo quản, chế biến, giảm tổn thất sau thu hoạch, đồng thời nâng cao giá trị tăng thêm cho các loại nông, lâm, thủy sản, nhất là sản phẩm xuất khẩu chủ lực.

Đẩy mạnh nghiên cứu và chuyển giao khoa học, công nghệ, nhất là giống và kỹ thuật sản xuất; tăng cường hệ thống khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, thú y, bảo vệ thực vật và các dịch vụ kỹ thuật khác ở nông thôn, tạo sự đột phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả trong nông, lâm, ngư nghiệp. Triển khai đến cơ sở chương trình ứng dụng công nghệ sinh học, nâng cao chất lượng giống cây trồng, vật nuôi, kể cả giống thủy sản. Chú ý áp dụng công nghệ cao để sản xuất nông sản, thực phẩm sạch theo tiêu chuẩn quốc tế và xây dựng các khu nông nghiệp công nghệ cao. Nâng cao khả

năng phòng ngừa và khắc phục dịch bệnh đối với cây trồng, vật nuôi. Xây dựng cơ chế bảo hiểm nông sản để chủ động bù đắp thiệt hại khi bị thiên tai hoặc khi giá cả biến động bất lợi, nhất là đối với lương thực.

Tạo điều kiện thuận lợi hơn để giúp nông dân chuyển sang làm ngành, nghề ngoài nông nghiệp và dịch vụ. Khuyến khích để các doanh nghiệp và hợp tác xã đầu tư phát triển công nghiệp và dịch vụ ở nông thôn. Chú trọng phát triển kinh tế trang trại, các loại hình kinh tế hợp tác; đẩy nhanh việc sắp xếp lại và đổi mới quản lý các nông, lâm trường; phát triển mạnh các loại hình doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa; phát triển bền vững các làng nghề. Tạo mọi thuận lợi cho kinh tế hộ phát triển. Khuyến khích nông dân đóng góp quyền sử dụng đất và lao động của mình với các doanh nghiệp, hợp tác xã, các chủ trang trại để phát triển sản xuất hàng hoá, ổn định và cải thiện đời sống. Khuyến khích hơn nữa đầu tư nước ngoài vào nông nghiệp, nông thôn.

Tăng đầu tư từ ngân sách nhà nước và đa dạng hoá các nguồn vốn để phát triển mạnh kết cấu hạ tầng nông thôn; thúc đẩy cơ giới hoá, hiện đại hoá nông thôn. Ưu tiên nâng cấp và xây dựng mới các hệ thống thuỷ lợi đồng bộ, đi đôi với đổi mới quản lý để khai thác có hiệu quả các công trình đã đưa vào sử dụng, đáp ứng nhu cầu về nước cho nông nghiệp, nuôi trồng thuỷ sản, cho công nghiệp, dịch vụ và nước cho sinh hoạt ở nông thôn. củng cố hệ thống hồ, đập, đê, kè ven sông, ven biển; nâng cấp các hệ thống cảnh báo, chủ động phòng, chống lụt, bão và giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai, bảo vệ môi trường nước. Đẩy nhanh việc đầu tư xây dựng để hoàn thành chương trình cụm tuyến dân cư vùng ngập lũ ở đồng bằng

sông Cửu Long. Tiếp tục đầu tư phát triển giao thông nông thôn, bảo đảm các xã đều có đường ô tô tới khu trung tâm, từng bước phát triển đường ô tô tới thôn, bản, ấp; phấn đấu đến năm 2010, trên 90% hộ dân cư nông thôn có điện sinh hoạt, 75% dân cư nông thôn có nước sạch.

Chú trọng đào tạo nghề, tạo việc làm cho nông dân và cho lao động nông thôn, nhất là ở các vùng nhà nước thu hồi đất để xây dựng kết cấu hạ tầng và phát triển các cơ sở phi nông nghiệp. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu lao động ở nông thôn, giảm nhanh tỷ trọng lao động làm nông nghiệp, tăng tỷ trọng lao động làm công nghiệp và dịch vụ. Tạo điều kiện cho lao động nông thôn có việc làm cả trong công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ, tại chỗ và ngoài nông thôn, kể cả ở nước ngoài. Nhà nước đầu tư nhiều hơn và phát huy khả năng trợ giúp của xã hội để thực hiện tốt xoá đói, giảm nghèo ở nông thôn, đặc biệt ở các vùng sâu, vùng xa. Giải quyết ổn định lương thực cho các hộ nghèo, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số, gắn với việc giao khoán rừng.

Xây dựng hoàn chỉnh các quy hoạch phát triển nông nghiệp và nông thôn. Thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới nhằm xây dựng các làng, xã, ấp, bản có cuộc sống no ấm, văn minh, sạch đẹp, gắn với việc hình thành các khu dân cư đô thị hoá. Phát huy dân chủ, xây dựng nếp sống văn hoá, bài trừ các tệ nạn xã hội ở nông thôn.

1.2. Phát triển nhanh hơn công nghiệp và xây dựng theo hướng nâng cao chất lượng, sức cạnh tranh và hiện đại hoá

Phát huy sức mạnh của các thành phần kinh tế, đa dạng hoá hình thức sở hữu và quy mô để phát triển công nghiệp và xây dựng với cơ cấu ngành, nghề phù hợp. Nâng cao chất

lượng, sức cạnh tranh, hàm lượng khoa học công nghệ và tỷ trọng giá trị tăng thêm, giá trị nội địa trong sản phẩm công nghiệp. Phát triển công nghiệp và xây dựng gắn với phát triển dịch vụ, phát triển đô thị và bảo vệ môi trường. Phấn đấu đạt tốc độ tăng giá trị tăng thêm trong công nghiệp và xây dựng 10 - 10,2%/năm.

Phát triển đồng bộ công nghiệp chế biến, chế tác, công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp sản xuất tư liệu sản xuất quan trọng, công nghiệp quốc phòng, góp phần xây dựng nền tảng cho một nước công nghiệp và nâng cao khả năng tự chủ của nền kinh tế. Xây dựng và thực hiện tốt chương trình phát triển công nghiệp phục vụ công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn.

Tập trung nguồn lực phát triển mạnh và nâng cao chất lượng các ngành công nghiệp có lợi thế cạnh tranh, tạo ra sản phẩm xuất khẩu và thu hút nhiều lao động, như: chế biến nông, lâm, thủy sản; may mặc, giày dép, đồ nhựa, đồ gỗ gia dụng; cơ khí đóng tàu, công nghiệp chế tạo thiết bị đồng bộ, thiết bị điện, thiết bị xây dựng, máy nông nghiệp, phương tiện giao thông, sản xuất và lắp ráp cơ - điện tử; công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp công nghệ thông tin, sản xuất phần mềm. Nâng tỷ trọng sản phẩm công nghiệp xuất khẩu đã qua chế biến. Chú trọng phát triển công nghiệp năng lượng đi đôi với áp dụng công nghệ tiết kiệm năng lượng; công nghiệp vật liệu và công nghệ tiết kiệm nguyên, vật liệu; công nghiệp dược và các chế phẩm sinh học; công nghiệp bảo vệ môi trường.

Việc phát triển các ngành công nghiệp sản xuất tư liệu sản xuất quan trọng chủ yếu là dựa vào nguồn lực của các thành phần kinh tế, kể cả đầu tư trực tiếp của nước ngoài. Căn cứ vào nguồn lực và hiệu quả, Nhà nước tập trung đầu

tư hoặc hỗ trợ đầu tư để phát triển những sản phẩm quan trọng của nền kinh tế, như: lọc hoá dầu, khai thác quặng và luyện thép, phân bón, hoá chất, xi măng, khai thác bô xít và sản xuất alumin, bột giấy gắn với trồng rừng và một số sản phẩm cơ khí chế tạo.

Hoàn chỉnh quy hoạch phát triển các khu, cụm, điểm công nghiệp trên cả nước; hình thành các vùng công nghiệp trọng điểm; gắn việc phát triển sản xuất với bảo đảm các điều kiện sinh hoạt cho người lao động. Chuyển các cơ sở công nghiệp trong nội thành, nội thị, gần khu đông dân cư không bảo đảm tiêu chuẩn môi trường vào các khu công nghiệp tập trung hoặc các vùng ít dân cư.

Huy động các nguồn lực (nhà nước, doanh nghiệp, nhân dân, cộng đồng) để xoá nhà ở dột nát, nhà ở tạm bợ cho người nghèo; phát triển nhanh quỹ nhà để đáp ứng cơ bản nhu cầu nhà ở cho công chức, viên chức, người lao động, sinh viên, học sinh, nhất là công nhân các khu công nghiệp, khu chế xuất.

Tăng cường hợp tác liên kết, đưa ngành công nghiệp và xây dựng nước ta hội nhập với khu vực và quốc tế, trước hết thông qua việc thu hút mạnh đầu tư và công nghệ nguồn của các công ty đa quốc gia tham gia phát triển công nghiệp và xây dựng ở Việt Nam.

1.3. Xây dựng đồng bộ kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội theo hướng hiện đại

Trên cơ sở bổ sung, hoàn chỉnh quy hoạch, Nhà nước ưu tiên ngân sách và huy động các nguồn lực khác để đẩy nhanh việc xây dựng đồng bộ kết cấu hạ tầng trong từng vùng và trên cả nước, xem đây là một khâu đột phá để phát triển đất nước hiện nay và chuẩn bị cho bước tiếp theo. Khuyến khích, tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế, kể cả doanh nghiệp

có vốn đầu tư nước ngoài tham gia phát triển lĩnh vực này. Chú trọng các công trình quan trọng, thiết yếu, phát huy nhanh tác dụng. Khắc phục nhanh tình trạng đầu tư dàn trải, thất thoát, lãng phí, kém chất lượng.

Tập trung các nguồn lực để ưu tiên đầu tư hoàn chỉnh cơ bản hệ thống giao thông đường bộ, đường sông, đường sắt, đường biển, đường hàng không đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Cải tạo, nâng cấp và xây dựng mới các công trình thuỷ lợi có nhu cầu cấp bách, gắn với phát triển thuỷ điện.

Phát triển nhanh nguồn điện với cơ cấu hợp lý, hoàn chỉnh hệ thống truyền tải, bảo đảm sự vận hành an toàn, hiệu quả, đáp ứng đủ điện cho yêu cầu phát triển, cả ở khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo. Nhà nước tập trung đầu tư và khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư vào ngành điện trên nguyên tắc cạnh tranh lành mạnh và thực hiện cơ chế thị trường về giá bán điện, đồng thời có chính sách trợ giúp hợp lý các hộ nghèo.

Tăng nhanh năng lực và hiện đại hoá bưu chính - viễn thông; đẩy mạnh phát triển kết cấu hạ tầng thông tin hiện đại, đồng bộ và ổn định; bảo đảm cạnh tranh bình đẳng trong dịch vụ thông tin.

Rà soát, bổ sung và nâng cao chất lượng quy hoạch phát triển đô thị, từng bước hình thành hệ thống đô thị phù hợp trên địa bàn cả nước; đặc biệt chú trọng phát triển các đô thị nhỏ và vừa, hạn chế tập trung dân cư vào một số ít thành phố lớn. Xây dựng đồng bộ và từng bước hiện đại hoá hệ thống kết cấu hạ tầng đô thị, chú trọng hoàn thiện mạng lưới giao thông, hệ thống cấp nước sinh hoạt, cung cấp đủ nước sạch và giải quyết cơ bản vấn đề thoát nước và xử lý chất

thải ở các đô thị, các khu công nghiệp. Quản lý chặt chẽ việc thực hiện quy hoạch và các quy chế về đô thị.

Nhà nước tăng tỷ trọng đầu tư từ ngân sách cho phát triển kết cấu hạ tầng xã hội, nhất là giáo dục, y tế.

1.4. Tạo bước phát triển vượt bậc của khu vực dịch vụ

Phát triển nhanh khu vực dịch vụ đáp ứng yêu cầu và phù hợp với tiềm năng còn rất lớn của nước ta và xu hướng phát triển chung của thế giới; tận dụng tốt thời cơ hội nhập kinh tế quốc tế để tạo bước phát triển vượt bậc của khu vực dịch vụ, đưa tốc độ tăng trưởng khu vực dịch vụ cao hơn tốc độ tăng GDP, phấn đấu đạt 7,7 - 8,2%/năm.

Ưu tiên phát triển các ngành dịch vụ có tiềm năng lớn và sức cạnh tranh cao. Tiếp tục mở rộng và nâng cao chất lượng các ngành dịch vụ truyền thống, như vận tải, thương mại, du lịch, ngân hàng, bưu chính - viễn thông. Phát triển mạnh các dịch vụ phục vụ sản xuất và đời sống ở nông thôn. Mở rộng các dịch vụ mới, nhất là những dịch vụ cao cấp, dịch vụ có hàm lượng trí tuệ cao, dịch vụ hỗ trợ kinh doanh. Phát triển nhanh hơn dịch vụ vận tải, tạo lập và phát triển mạnh vận tải đa phương thức và dịch vụ hỗ trợ các phương thức vận tải. Tiếp tục phát triển mạnh thương mại trong nước trên tất cả các vùng và gia tăng nhanh xuất khẩu. Khuyến khích đầu tư phát triển và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động du lịch, đa dạng hoá sản phẩm và các loại hình du lịch. Hiện đại hoá và mở rộng các dịch vụ tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán theo kịp yêu cầu phát triển thị trường tài chính, tiền tệ và hội nhập kinh tế quốc tế. Phát triển các dịch vụ pháp luật, kiểm toán, bảo hiểm, khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo, y tế, văn hoá, thông tin, thể thao; tăng số lượng và nâng cao chất lượng dịch vụ việc làm, an sinh xã hội.

Nhà nước kiểm soát chặt chẽ độc quyền và tạo môi trường thuận lợi cho các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế tham gia và cạnh tranh bình đẳng trên thị trường dịch vụ.

Đổi mới căn bản cơ chế quản lý và phương thức cung ứng dịch vụ công cộng¹ là khâu đột phá quan trọng để phát triển nhanh và có hiệu quả các lĩnh vực văn hoá - xã hội.

Trong điều kiện xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập kinh tế quốc tế, phải luôn coi trọng yêu cầu nâng cao các phúc lợi xã hội cơ bản của nhân dân, đặc biệt là đối với người nghèo, vùng nghèo, các đối tượng chính sách; đồng thời không xem nhẹ việc đáp ứng những nhu cầu của bộ phận ngày càng đông dân cư có thu nhập cao hơn. Nhà nước tăng đầu tư từ ngân sách tiếp tục phát triển cơ sở vật chất - kỹ thuật để nâng cao phúc lợi chung cho toàn xã hội và bảo đảm cung ứng các dịch vụ xã hội cơ bản, trước hết là về y tế, giáo dục cho người nghèo, vùng nghèo, các đối tượng chính sách; tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển các cơ sở dịch vụ tư nhân và cơ sở có vốn đầu tư nước ngoài.

Đổi mới cơ chế hoạt động của các đơn vị công lập cung ứng dịch vụ công cộng theo hướng tự chủ, tự chịu trách nhiệm, thực hiện hạch toán thu - chi không vì lợi nhuận; Nhà nước không bao cấp tràn lan.

Dịch vụ công cộng liên quan trực tiếp đến đời sống của nhân dân và là yếu tố quan trọng góp phần ổn định xã hội. Vì vậy, việc chuyển đổi phương thức cung ứng các loại dịch vụ này cần được thực hiện một cách tích cực, nhưng phải có lộ trình và kế hoạch đồng bộ.

1. Dịch vụ công cộng nêu ở đây chủ yếu bao gồm: giáo dục và đào tạo; y tế; khoa học và công nghệ; văn hoá; thể dục, thể thao.

1.5. Tạo bước ngoặt về hội nhập kinh tế quốc tế và hoạt động kinh tế đối ngoại

Thực hiện tốt đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước; chủ động, tích cực hội nhập kinh tế sâu hơn, đầy đủ hơn với khu vực và thế giới. Thực hiện có hiệu quả các cam kết với các nước, các tổ chức quốc tế về thương mại, đầu tư, dịch vụ và các lĩnh vực khác. Thực hiện các cam kết của Khu vực mậu dịch tự do ASEAN và tích cực tham gia quá trình xây dựng Cộng đồng kinh tế ASEAN. Chuẩn bị tốt các điều kiện để thực hiện các cam kết sau khi nước ta gia nhập WTO.

Khẩn trương đổi mới thể chế kinh tế, hoàn chỉnh hệ thống pháp luật bảo đảm lợi ích quốc gia và phù hợp với các quy định, thông lệ quốc tế. Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, chú trọng cải cách hành chính, đào tạo nguồn nhân lực, tạo lập những điều kiện thuận lợi hơn nữa để thu hút mạnh các nguồn vốn quốc tế, như vốn ODA, vốn đầu tư trực tiếp, gián tiếp dưới nhiều hình thức, tín dụng thương mại và các nguồn vốn quốc tế khác.

Tăng cường thu hút vốn đầu tư nước ngoài, phấn đấu đạt trên 1/3 tổng nguồn vốn đầu tư phát triển toàn xã hội trong 5 năm. Mở rộng lĩnh vực, địa bàn và hình thức thu hút FDI, hướng vào những thị trường giàu tiềm năng và các tập đoàn kinh tế hàng đầu thế giới, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về số lượng và chất lượng, hiệu quả nguồn FDI. Tiếp tục tranh thủ nguồn vốn ODA, đẩy nhanh tốc độ giải ngân, nâng cao hiệu quả sử dụng và có kế hoạch đảm bảo trả nợ. Từng bước mở rộng đầu tư gián tiếp của nước ngoài và có chính sách hiệu quả hơn để thu hút mạnh kiều hối vào phát triển kinh tế - xã hội. Tạo điều kiện thuận lợi và có cơ chế khuyến khích các hoạt động đầu tư ra nước ngoài của doanh nghiệp Việt Nam.

Đẩy mạnh xuất khẩu, chủ động về nhập khẩu, kiểm chế và thu hẹp dần nhập siêu. Tăng nhanh tỷ trọng xuất khẩu các sản phẩm chế biến có giá trị tăng thêm cao, giàu hàm lượng công nghệ, có sức cạnh tranh, tạo thêm các sản phẩm xuất khẩu chủ lực mới, hạn chế và tiến tới chấm dứt xuất khẩu tài nguyên thiên nhiên và nông sản chưa qua chế biến. Củng cố và mở rộng thị trường xuất khẩu, tạo thị trường ổn định cho các mặt hàng có khả năng cạnh tranh; tăng thêm thị phần ở các thị trường lớn và khai mở các thị trường còn nhiều tiềm năng. Phấn đấu đưa tổng kim ngạch xuất khẩu 5 năm tới lên hơn hai lần 5 năm trước.

Phát huy tính năng động của doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế trong hội nhập kinh tế quốc tế. Từng doanh nghiệp phải khẩn trương đổi mới từ tư duy đến phong cách quản lý, đổi mới thiết bị, công nghệ, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư, giảm chi phí để tăng sức cạnh tranh. Xúc tiến mạnh thương mại và đầu tư, phát triển thị trường mới, sản phẩm mới và thương hiệu mới. Khuyến khích các doanh nghiệp Việt Nam hợp tác, liên doanh với các doanh nghiệp nước ngoài và mạnh dạn đầu tư ra nước ngoài.

2. Về giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ

2.1. Tạo được chuyển biến cơ bản về phát triển giáo dục và đào tạo

Đổi mới tư duy giáo dục một cách nhất quán, từ mục tiêu, chương trình, nội dung, phương pháp đến cơ cấu và hệ thống tổ chức, cơ chế quản lý để tạo được chuyển biến cơ bản và toàn diện của nền giáo dục nước nhà, tiếp cận với trình độ giáo dục của khu vực và thế giới; khắc phục cách đổi mới chấp vá, thiếu tầm nhìn tổng thể, thiếu kế hoạch đồng bộ. Phấn đấu xây dựng nền giáo dục hiện đại, của dân, do dân và

vì dân, bảo đảm công bằng về cơ hội học tập cho mọi người, tạo điều kiện để toàn xã hội học tập và học tập suốt đời, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Ưu tiên hàng đầu cho việc nâng cao chất lượng dạy và học. Đổi mới chương trình, nội dung, phương pháp dạy và học, nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và tăng cường cơ sở vật chất của nhà trường, phát huy khả năng sáng tạo và độc lập suy nghĩ của học sinh, sinh viên. Coi trọng bồi dưỡng cho học sinh, sinh viên khát vọng mãnh liệt xây dựng đất nước giàu mạnh, gắn liền lập nghiệp bản thân với tương lai của cộng đồng, của dân tộc, trau dồi cho học sinh, sinh viên bản lĩnh, phẩm chất và lối sống của thế hệ trẻ Việt Nam hiện đại. Triển khai thực hiện hệ thống kiểm định khách quan, trung thực chất lượng giáo dục, đào tạo.

Hoàn chỉnh và ổn định lâu dài hệ thống giáo dục quốc dân; chú trọng phân luồng đào tạo sau trung học cơ sở; bảo đảm liên thông giữa các cấp đào tạo. Đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục đại học, tạo chuyển biến mạnh mẽ về chất lượng đào tạo. Xúc tiến xây dựng một số trường đại học của Việt Nam đạt đẳng cấp quốc tế, đào tạo nhân tài cho đất nước.

Mở rộng quy mô dạy nghề và trung học chuyên nghiệp, bảo đảm tốc độ tăng nhanh hơn đào tạo đại học, cao đẳng. Quy mô tuyển sinh dạy nghề dài hạn tăng 17%/năm và trung học chuyên nghiệp tăng 15%/năm. Tăng nhanh tỷ lệ học sinh tốt nghiệp phổ thông được học tiếp lên đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, học nghề. Phát triển rộng khắp và nâng cao chất lượng các trung tâm giáo dục cộng đồng. Tích cực triển khai hình thức giáo dục từ xa.

Đẩy mạnh xã hội hoá giáo dục và đào tạo. Rà soát, sắp xếp lại mạng lưới các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề. Đổi mới cơ chế quản lý, nâng cao

chất lượng các trường công lập; bổ sung chính sách ưu đãi để phát triển các trường ngoài công lập và các trung tâm giáo dục cộng đồng. Có lộ trình cụ thể cho việc chuyển một số cơ sở giáo dục, đào tạo công lập sang dân lập, tư thục; xoá bỏ hệ bán công. Khuyến khích thành lập mới và phát triển các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, dạy nghề ngoài công lập, kể cả trường do nước ngoài đầu tư.

Sửa đổi chế độ học phí đi đôi với đổi mới cơ chế tài chính trong giáo dục và đào tạo theo hướng xác định đầy đủ chi phí dạy và học, chia sẻ hợp lý trách nhiệm chi trả giữa Nhà nước, xã hội và người học. Thực hiện miễn, giảm học phí và cấp học bổng cho học sinh nghèo, học sinh thuộc diện chính sách và học sinh giỏi.

Ưu tiên đầu tư phát triển giáo dục và đào tạo ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Tiếp tục hoàn chỉnh hệ thống trường lớp, cơ sở vật chất - kỹ thuật các cấp học, mở thêm các trường nội trú, bán trú và có chính sách bảo đảm đủ giáo viên cho các vùng này. Phấn đấu đưa các chỉ số phát triển giáo dục và đào tạo ở đồng bằng sông Cửu Long lên ngang bằng trình độ bình quân chung của cả nước.

Đổi mới và nâng cao năng lực quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo; Nhà nước thực hiện đúng chức năng định hướng phát triển, tạo lập khung pháp lý và kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực thi pháp luật, tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh trong giáo dục và đào tạo; chống bệnh thành tích. Đổi mới tổ chức và hoạt động, đề cao và bảo đảm quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của nhà trường, nhất là trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề. Tập trung khắc phục những tiêu cực trong dạy thêm, học thêm, thi cử, tuyển sinh, đánh giá kết quả học tập và cấp chứng chỉ, văn bằng.

Tăng cường hợp tác quốc tế về giáo dục, đào tạo; từng bước xây dựng nền giáo dục hiện đại, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

2.2. Phát triển mạnh và nâng cao hiệu quả hoạt động khoa học và công nghệ

Phát triển mạnh, kết hợp chặt giữa hoạt động khoa học và công nghệ với giáo dục và đào tạo để thực sự phát huy vai trò quốc sách hàng đầu, tạo động lực đẩy nhanh công nghiệp hoá, hiện đại hoá và phát triển kinh tế tri thức. Thống nhất định hướng giữa phát triển khoa học và công nghệ với chấn hưng giáo dục và đào tạo, phát huy quan hệ tương tác thúc đẩy lẫn nhau giữa hai lĩnh vực quốc sách hàng đầu này.

Đẩy mạnh nghiên cứu và ứng dụng thành tựu khoa học và công nghệ, tạo bước đột phá về năng suất, chất lượng và hiệu quả trong từng ngành, từng lĩnh vực của nền kinh tế. Tăng nhanh năng lực khoa học và công nghệ nội sinh đi đôi với tăng cường tiếp thu, làm chủ, ứng dụng thành tựu khoa học và công nghệ thế giới. Nâng cao chất lượng và tính thương mại của các sản phẩm khoa học và công nghệ; nâng cao ý thức chấp hành và hiệu lực thực thi tốt pháp luật về sở hữu trí tuệ. Cùng với việc đẩy mạnh xã hội hoá hoạt động khoa học và công nghệ, Nhà nước tập trung đầu tư vào các chương trình nghiên cứu quốc gia, phấn đấu đạt trình độ khu vực và thế giới; xây dựng tiềm lực khoa học và công nghệ cho một số lĩnh vực trọng điểm, công nghệ cao. Chú trọng công tác đào tạo, bổ sung cơ chế, chính sách sử dụng, đãi ngộ cán bộ khoa học.

Đổi mới tổ chức, xây dựng quy chế liên kết giữa khoa học, công nghệ với giáo dục và đào tạo, giữa nghiên cứu và giảng dạy với sản xuất, kinh doanh. Xây dựng quy chế về nghiên

cứu khoa học trong các trường đại học và về công tác giảng dạy, đào tạo của các viện nghiên cứu khoa học, công nghệ. Có chính sách khuyến khích và hỗ trợ các doanh nghiệp đổi mới và chuyển giao công nghệ, nghiên cứu và ứng dụng thành tựu khoa học và công nghệ vào sản xuất và đời sống. Phát triển quan hệ liên kết, đặt hàng giữa các đơn vị sản xuất, kinh doanh, các tổ chức và cá nhân có nhu cầu với các cơ sở nghiên cứu khoa học, công nghệ. Khuyến khích và hỗ trợ các doanh nghiệp, trước hết là các tổng công ty lớn, triển khai các hoạt động nghiên cứu khoa học, công nghệ.

Đổi mới cơ bản cơ chế quản lý khoa học và công nghệ, đặc biệt là cơ chế tài chính phù hợp với đặc thù sáng tạo và khả năng rủi ro của hoạt động khoa học và công nghệ. Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các tổ chức khoa học và công nghệ công lập. Chuyển các tổ chức nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ sang hoạt động theo cơ chế doanh nghiệp dưới các hình thức phù hợp; khuyến khích phát triển các doanh nghiệp khoa học và công nghệ thuộc mọi thành phần kinh tế.

Thực hiện chính sách trọng dụng nhân tài, các nhà khoa học đầu ngành, tổng công trình sư, kỹ sư trưởng, kỹ thuật viên lành nghề và công nhân kỹ thuật có tay nghề cao.

Đẩy mạnh hợp tác quốc tế, chuyển giao công nghệ, khuyến khích tổ chức, cá nhân nước ngoài đầu tư về khoa học và công nghệ, thu hút chuyên gia, đặc biệt là chuyên gia giỏi người Việt Nam định cư ở nước ngoài tham gia giảng dạy, phát triển khoa học và công nghệ tại Việt Nam.

3. Về văn hoá, xã hội

3.1. Phát triển văn hoá - nền tảng tinh thần của xã hội

Đẩy mạnh việc thực hiện nhiệm vụ phát triển văn hoá đã

được xác định trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2001 - 2010 là “làm cho văn hoá thấm sâu vào từng khu dân cư, từng gia đình, từng người, hoàn thiện hệ giá trị mới của con người Việt Nam, kế thừa các giá trị truyền thống của dân tộc và tiếp thu tinh hoa văn hoá của loài người, tăng sức đề kháng chống văn hoá đồi trụy, độc hại. Nâng cao tính văn hoá trong mọi hoạt động kinh tế, chính trị, xã hội và sinh hoạt của nhân dân”.

Xây dựng nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, đáp ứng yêu cầu phát triển của xã hội và con người trong điều kiện đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập kinh tế quốc tế. Bảo đảm sự gắn kết giữa nhiệm vụ phát triển kinh tế là trung tâm, xây dựng Đảng là then chốt với phát triển văn hoá - nền tảng tinh thần của xã hội. Đặc biệt coi trọng nâng cao văn hoá lãnh đạo và quản lý, văn hoá trong kinh doanh và văn hoá trong nhân cách của thanh niên, thiếu niên; chống những hiện tượng phản văn hoá, phi văn hoá.

Đẩy mạnh việc xây dựng đời sống văn hoá đại chúng và môi trường văn hoá lành mạnh. Bồi dưỡng các tài năng văn hoá, khuyến khích sáng tạo nhiều tác phẩm văn học, nghệ thuật tiêu biểu có giá trị cao về tư tưởng và nghệ thuật, tương xứng với sự nghiệp giữ nước và dựng nước, đổi mới và phát triển của dân tộc. Nâng cao chất lượng và mở rộng diện phổ biến các sản phẩm văn hoá đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hoá ngày càng cao và đa dạng của các tầng lớp nhân dân.

Phát triển mạnh và nâng cao chất lượng các hoạt động thông tin, báo chí, phát thanh, truyền hình, xuất bản và phát hành sách trên tất cả các vùng, chú ý nhiều hơn đến vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Xúc tiến xã hội hoá các hoạt động văn hoá, nghệ thuật,

thông tin với bước đi thích hợp cho từng loại hình, từng vùng. Huy động các nguồn lực và sức sáng tạo trong xã hội để đầu tư xây dựng các công trình và thiết chế văn hoá, tổ chức các hoạt động văn hoá, khuyến khích các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình, đoàn thể tham gia hoạt động văn hoá, nghệ thuật, quản lý và bảo vệ di tích, di sản văn hoá.

Mở rộng giao lưu văn hoá, thông tin với thế giới.

Đổi mới và tăng cường quản lý nhà nước trong lĩnh vực văn hoá - thông tin. Sắp xếp lại hệ thống báo chí.

3.2. Về kiểm chế tốc độ tăng dân số, chuyển dịch cơ cấu lao động, giải quyết việc làm và an sinh xã hội

Tiếp tục kiểm chế tốc độ tăng dân số, phấn đấu đạt chỉ tiêu về dân số trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2001 - 2010. Chú trọng nâng cao chất lượng dân số và phân bố dân cư hợp lý giữa các vùng; xây dựng các quy hoạch và chính sách thích hợp nhằm đáp ứng xu thế chuyển dịch cơ cấu dân số ở nông thôn và thành thị. Đưa công tác dân số, gia đình và trẻ em ở các cấp đi vào nền nếp, vào từng gia đình, có chiều sâu và mang tính bền vững.

Chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng giảm tỷ trọng lao động nông, lâm, ngư nghiệp xuống dưới 50% vào năm 2010. Tăng tỷ trọng lao động công nghiệp, xây dựng và đặc biệt là lao động ở khu vực dịch vụ trong tổng lao động xã hội.

Ưu tiên dành vốn đầu tư của Nhà nước và huy động vốn của toàn xã hội để giải quyết việc làm, giảm tỷ lệ thất nghiệp. Khuyến khích người lao động tự tạo việc làm, phát triển nhanh các loại hình doanh nghiệp để thu hút nhiều lao động. Chú trọng đào tạo nghề, tạo việc làm cho nông dân, nhất là những nơi đất nông nghiệp bị chuyển đổi do đô thị hoá và công nghiệp hoá. Phát triển các dịch vụ phục

vụ đời sống của người lao động ở các khu công nghiệp. Tiếp tục thực hiện chương trình xuất khẩu lao động, tăng tỷ lệ lao động xuất khẩu đã qua đào tạo, quản lý chặt chẽ và bảo vệ quyền lợi chính đáng của người lao động.

Tiếp tục hoàn chỉnh thể chế thị trường lao động, bảo đảm hài hoà lợi ích của người lao động và người sử dụng lao động. Đổi mới hệ thống bảo hiểm xã hội, đa dạng hoá hình thức bảo hiểm và phù hợp với kinh tế thị trường; xây dựng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, thực hiện tốt chế độ bảo hộ lao động, an toàn lao động và vệ sinh lao động.

Thực hiện tốt các chính sách ưu đãi người có công với nước; vận động toàn xã hội tham gia các hoạt động đền ơn, đáp nghĩa; nâng cao mức sống về vật chất, tinh thần của người có công ngang bằng hoặc cao hơn mức sống trung bình của dân cư. Trợ giúp nạn nhân chất độc da cam, người già cô đơn, trẻ mồ côi, người tàn tật, tạo thuận lợi để họ hoà nhập với cộng đồng. Đổi mới nhận thức, cách làm, huy động sức mạnh toàn xã hội để ngăn chặn, đẩy lùi và khắc phục các tệ nạn xã hội.

3.3. Tiếp tục đẩy mạnh xoá đói, giảm nghèo

Đa dạng hoá các nguồn lực và phương thức thực hiện xoá đói, giảm nghèo theo hướng phát huy cao độ nội lực và kết hợp sử dụng có hiệu quả sự trợ giúp của quốc tế. Nhà nước tập trung đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội và trợ giúp về điều kiện sản xuất, nâng cao kiến thức để người nghèo, hộ nghèo, vùng nghèo tự vươn lên thoát nghèo và cải thiện mức sống một cách bền vững; kết hợp chính sách của Nhà nước với sự giúp đỡ trực tiếp và có hiệu quả của toàn xã hội, của những người khá giả cho người nghèo, hộ nghèo, nhất là đối với những vùng đặc biệt khó khăn. Ngăn chặn tình trạng tái nghèo.

Đẩy mạnh việc thực hiện chính sách đặc biệt về trợ giúp đầu tư phát triển sản xuất, nhất là đất sản xuất; trợ giúp đất ở, nhà ở, nước sạch, đào tạo nghề và tạo việc làm cho đồng bào dân tộc thiểu số nghèo. Có chính sách khuyến khích mạnh các doanh nghiệp, trước hết là các doanh nghiệp nhỏ và vừa, các hộ giàu đầu tư vốn phát triển sản xuất ở nông thôn, nhất là nông thôn vùng núi. Phát huy hơn nữa vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân tham gia công cuộc xoá đói, giảm nghèo.

3.4. Đổi mới và nâng cao chất lượng công tác bảo vệ và chăm sóc sức khoẻ nhân dân

Đổi mới và nâng cao chất lượng công tác bảo vệ, chăm sóc sức khoẻ nhân dân đáp ứng yêu cầu của chiến lược phát triển con người.

Tăng đầu tư của Nhà nước và tạo chuyển biến mạnh mẽ trong việc nâng cấp mạng lưới y tế cơ sở, y tế dự phòng, các bệnh viện đa khoa tuyến tỉnh, huyện, các trung tâm y tế vùng, các cơ sở y tế chuyên sâu; đồng thời, có chính sách trợ giúp các đối tượng chính sách, người nghèo, người có thu nhập thấp được tiếp cận dịch vụ y tế.

Phát triển hệ thống y tế dự phòng. Thực hiện tốt phong trào vệ sinh, phòng bệnh và các biện pháp kiểm soát vệ sinh, an toàn thực phẩm; nâng cao năng lực giám sát, phát hiện và khống chế dịch bệnh, đặc biệt là HIV/AIDS và các dịch bệnh mới phát sinh. Trang bị kiến thức và kỹ năng để mỗi người dân có khả năng chủ động phòng bệnh và rèn luyện nâng cao sức khoẻ.

Khuyến khích phát triển các cơ sở y tế thuộc nhiều hình thức sở hữu, kể cả đầu tư nước ngoài. Bố trí mạng lưới bệnh viện theo địa bàn dân cư, tạo thuận lợi cho người dân khám,

chữa bệnh không lệ thuộc vào địa giới hành chính nơi cư trú. Mở rộng các hình thức dịch vụ chăm sóc sức khỏe tại nhà, bác sĩ gia đình, chăm sóc người già cô đơn, người tàn tật.

Hoàn thiện và củng cố mạng lưới y học cổ truyền. Vận động, khuyến khích và hướng dẫn nhân dân nuôi, trồng và sử dụng các loại cây và các con vật làm thuốc chữa bệnh.

Đổi mới quản lý các bệnh viện công lập, nâng cao tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của bệnh viện; thí điểm và chuyển dần các bệnh viện công lập, trước hết là bệnh viện lớn, bệnh viện chuyên khoa sang hoạt động theo cơ chế hạch toán không vì lợi nhuận.

Sửa đổi chế độ viện phí theo nguyên tắc xác định đầy đủ chi phí khám, chữa bệnh và chia sẻ hợp lý trách nhiệm chi trả giữa Nhà nước, xã hội và người bệnh; Nhà nước trợ giúp một phần hoặc toàn bộ viện phí cho người nghèo và các đối tượng chính sách chủ yếu thông qua bảo hiểm y tế; thực hiện tốt việc khám, chữa bệnh miễn phí cho trẻ em dưới 6 tuổi.

Phát triển và nâng cao chất lượng bảo hiểm y tế; xây dựng và thực hiện tốt lộ trình tiến tới bảo hiểm y tế toàn dân; phát triển mạnh các loại hình bảo hiểm y tế tự nguyện, bảo hiểm y tế cộng đồng. Mở rộng diện các cơ sở y tế công lập và ngoài công lập khám, chữa bệnh theo bảo hiểm y tế. Hạn chế và giảm dần hình thức thanh toán viện phí trực tiếp từ người bệnh. Đổi mới phương thức thanh toán viện phí qua quỹ bảo hiểm y tế.

Phát triển mạnh công nghiệp dược, nâng cao năng lực sản xuất thuốc trong nước. Củng cố mạng lưới cung ứng và kiểm soát thị trường thuốc phòng và chữa bệnh. Đẩy mạnh nghiên cứu và sản xuất vắc xin, sinh phẩm dùng cho người. Phát triển công nghiệp sản xuất trang bị, thiết bị y tế theo hướng hiện

đại. Tiếp cận và ứng dụng thành tựu khoa học và công nghệ, đặc biệt là công nghệ sinh học và công nghệ thông tin.

Phát huy vai trò và hiệu quả của chương trình kết hợp quân - dân y trong bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân và các lực lượng vũ trang, nhất là ở các vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo.

Kết hợp chặt chẽ các ngành y tế, thể dục, thể thao, giáo dục, lực lượng vũ trang, các đoàn thể nhân dân trong việc xây dựng và thực hiện chương trình nâng cao năng lực thể chất và tầm vóc con người Việt Nam, đặc biệt là thiếu niên, thanh niên.

3.5. Phát triển thể dục, thể thao

Đẩy mạnh các hoạt động thể dục, thể thao cả về quy mô và chất lượng. Khuyến khích và tạo điều kiện để toàn xã hội tham gia hoạt động và phát triển sự nghiệp thể dục, thể thao.

Phát triển mạnh thể thao quần chúng, thể thao nghiệp dư, trước hết là trong thanh niên, thiếu niên. Làm tốt công tác giáo dục thể chất trong trường học. Mở rộng quá trình chuyên nghiệp hoá thể thao thành tích cao. Đổi mới và tăng cường hệ thống đào tạo vận động viên trẻ.

Từng bước chuyển các đơn vị sự nghiệp thể dục, thể thao công lập sang áp dụng chế độ tự chủ tài chính, tiến tới tự chủ, tự chịu trách nhiệm toàn diện như các tổ chức cung ứng dịch vụ công cộng khác. Khuyến khích các doanh nghiệp ngoài công lập đầu tư và kinh doanh cơ sở luyện tập, thi đấu thể thao.

Phân định rõ trách nhiệm giữa cơ quan quản lý hành chính nhà nước và các tổ chức liên đoàn, hiệp hội thể thao.

Chuyển giao hoạt động tác nghiệp về thể thao cho các tổ chức xã hội và các cơ sở ngoài công lập thực hiện.

4. Về tăng cường bảo vệ, cải thiện môi trường, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên

Coi trọng việc thực hiện mục tiêu và nhiệm vụ bảo vệ môi trường trong mọi hoạt động kinh tế, xã hội. Thực hiện tốt Chương trình nghị sự XXI¹.

Áp dụng các biện pháp mạnh mẽ để ngăn chặn các hành vi huỷ hoại hoặc gây ô nhiễm môi trường, từng bước khắc phục tình trạng xuống cấp, cải thiện chất lượng môi trường, đặc biệt tập trung khắc phục nạn cháy rừng, ô nhiễm ở các lưu vực sông, các đô thị và khu công nghiệp, các làng nghề, nơi có đông dân cư và nhiều hoạt động kinh tế.

Xử lý tốt mối quan hệ giữa tăng dân số, phát triển kinh tế và đô thị hoá với bảo vệ môi trường, bảo đảm phát triển bền vững.

Tăng cường quản lý, bảo đảm khai thác tài nguyên hợp lý và tiết kiệm; xây dựng và thực hiện nghiêm các quy định về

1. Tháng 9 năm 2000, cùng với 189 vị đứng đầu Nhà nước và Chính phủ các quốc gia thành viên Liên hợp quốc, Việt Nam cam kết thực hiện **Tuyên bố Thiên niên kỷ** hay là **Chương trình nghị sự XXI** (viết tắt bằng tiếng Anh là MDG). MDG có 8 mục tiêu cụ thể: (1) *Xoá bỏ tình trạng nghèo cùng cực*; (2) *Đạt phổ cập giáo dục tiểu học*; (3) *Tăng cường bình đẳng nam nữ và nâng cao vị thế cho phụ nữ*; (4) *Giảm tỷ lệ tử vong ở trẻ em*; (5) *Tăng cường sức khoẻ bà mẹ*; (6) *Phòng chống HIV/AIDS, sốt rét và các bệnh khác*; (7) *Bảo đảm bền vững về môi trường*; (8) *Thiết lập quan hệ đối tác toàn cầu vì phát triển*. Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 153/2004/QĐ-TTg về Định hướng chiến lược phát triển bền vững ở Việt Nam, trong đó có chủ trương, biện pháp thực hiện tám mục tiêu trên đây của MDG và tháng 9-2005 đã quyết định thành lập Hội đồng quốc gia về phát triển bền vững.

phục hồi môi trường các khu khai thác khoáng sản và các hệ sinh thái đã bị xâm phạm, bảo đảm cân bằng sinh thái.

Nhà nước tăng cường đầu tư và đổi mới chính sách để thu hút đầu tư của xã hội vào lĩnh vực môi trường; trước hết là các hoạt động thu gom, xử lý và tái chế chất thải. Phát triển và ứng dụng công nghệ sạch hoặc công nghệ ít gây ô nhiễm môi trường.

Hoàn chỉnh pháp luật, tăng cường quản lý nhà nước đi đôi với nâng cao ý thức và trách nhiệm của mọi người dân, của toàn xã hội đối với việc phòng ngừa ô nhiễm, bảo vệ và cải thiện môi trường. Thực hiện nguyên tắc người gây ra ô nhiễm phải xử lý ô nhiễm hoặc phải chi trả cho việc xử lý ô nhiễm.

Từng bước hiện đại hóa công tác nghiên cứu, dự báo khí tượng - thủy văn; chủ động phòng, chống thiên tai, tìm kiếm, cứu nạn.

Mở rộng hợp tác quốc tế về bảo vệ môi trường và quản lý tài nguyên thiên nhiên; chú trọng lĩnh vực quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên nước.

5. Về định hướng và chính sách phát triển vùng

Tiếp tục thực hiện các định hướng phát triển vùng của Chiến lược 10 năm 2001 - 2010 và các nghị quyết của Bộ Chính trị khoá IX về phát triển các vùng.

Bằng chính sách thích hợp tạo điều kiện cho tất cả các vùng trong cả nước phát triển nhanh hơn trên cơ sở phát huy lợi thế so sánh, hình thành cơ cấu kinh tế hợp lý của mỗi vùng và liên vùng; đồng thời, tạo ra sự liên kết giữa các vùng nhằm đem lại hiệu quả cao, phát triển nhanh và ổn định, có sức cạnh tranh, khắc phục tình trạng chia cắt, khép kín theo địa giới hành chính.

Xây dựng ba vùng kinh tế trọng điểm ở miền Bắc, miền Trung và miền Nam thành những trung tâm công nghiệp lớn có công nghệ cao, trung tâm tài chính, ngân hàng, viễn thông, đào tạo và y tế chất lượng cao, trung tâm dịch vụ vận tải và giao thương quốc tế. Phát huy thế mạnh của mỗi vùng trọng điểm để các vùng này đóng góp ngày càng lớn cho sự phát triển chung của cả nước và trợ giúp các vùng khó khăn, có năng lực hội nhập kinh tế quốc tế với quy mô lớn và trình độ cao.

Có chính sách trợ giúp nhiều hơn về nguồn lực để phát triển các vùng khó khăn, nhất là các vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Bổ sung chính sách khuyến khích các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế và doanh nghiệp nước ngoài đến đầu tư, kinh doanh tại các vùng khó khăn.

Phát triển mạnh kinh tế biển vừa toàn diện, vừa có trọng tâm, trọng điểm với những ngành có lợi thế so sánh để đưa nước ta trở thành quốc gia mạnh về kinh tế biển gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh và hợp tác quốc tế. Hoàn chỉnh quy hoạch và phát triển có hiệu quả hệ thống cảng biển và vận tải biển, khai thác và chế biến dầu khí, khai thác và chế biến hải sản, phát triển du lịch biển, đảo. Đẩy mạnh phát triển ngành công nghiệp đóng tàu và phát triển các ngành công nghiệp, dịch vụ bổ trợ. Hình thành một số hành lang kinh tế ven biển. Nhanh chóng phát triển kinh tế - xã hội ở các hải đảo gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh.

Vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung cần chú trọng tăng cường các biện pháp hữu hiệu để phòng, chống thiên tai; xây dựng cơ cấu kinh tế hợp lý, khai thác cảng biển, vận tải biển, công nghiệp chế biến xuất khẩu, lọc hoá dầu, sản xuất vật liệu xây dựng, thuỷ điện, du lịch, nuôi

trồng và đánh bắt thủy sản, trồng cây công nghiệp; phát triển có hiệu quả các khu kinh tế, khu công nghiệp ven biển gắn với các cảng biển, các đô thị mới và các tuyến hành lang Đông - Tây.

Vùng trung du, miền núi Bắc Bộ và vùng Tây Nguyên cần tập trung mọi nỗ lực phát triển kinh tế nhanh và bền vững, gắn chặt với việc bảo đảm an ninh, quốc phòng. Phát triển mạnh thủy điện, công nghiệp khai khoáng, sản xuất vật liệu xây dựng và khai thác có hiệu quả quỹ đất trồng cây công nghiệp, cây ăn quả xuất khẩu và trồng rừng nguyên liệu gắn với công nghiệp chế biến có công nghệ hiện đại. Phát triển du lịch sinh thái và văn hóa dân tộc. Chú trọng mở rộng quan hệ thương mại với các nước láng giềng. Phát triển hài hòa giữa các tiểu vùng, giữa các tầng lớp dân cư và giữa đồng bào các dân tộc.

Vùng đồng bằng sông Hồng và vùng đồng bằng sông Cửu Long cần tập trung đầu tư trước hết là phát triển kết cấu hạ tầng để khai thác tốt hơn các lợi thế về đất, nước, lao động làm gia tăng nhanh giá trị sản phẩm nông nghiệp và nâng cao chất lượng phát triển nông nghiệp, thủy sản với công nghệ tiên tiến, tỷ suất hàng hóa cao, góp phần chủ yếu bảo đảm vững chắc an ninh lương thực quốc gia; đồng thời phát triển mạnh công nghiệp chế biến, chế tác, sản xuất hàng tiêu dùng và phát triển mạnh dịch vụ với chất lượng ngày càng cao, tạo nhiều việc làm mới.

Tập trung xây dựng và phát huy vai trò của thành phố Hà Nội là trung tâm kinh tế lớn đặc biệt của phía Bắc và cả nước. Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh trở thành trung tâm lớn về tài chính, ngân hàng, viễn thông, công nghiệp công nghệ cao, thương mại, du lịch, đào tạo, y tế chất lượng cao của phía Nam và cả nước; tiếp tục đầu tư xây dựng để

phát huy vai trò quan trọng của các thành phố biển Hải Phòng, Đà Nẵng; phát huy lợi thế là cố đô và di sản văn hoá thế giới để phát triển thành phố Huế thành một trung tâm lớn về du lịch và dịch vụ; xây dựng thành phố Cần Thơ sớm trở thành trung tâm của vùng đồng bằng sông Cửu Long.

6. Về kết hợp kinh tế - xã hội với quốc phòng, an ninh

Kết hợp kinh tế - xã hội với quốc phòng, an ninh theo phương châm phát triển kinh tế - xã hội là nền tảng để bảo vệ Tổ quốc; ổn định chính trị, củng cố quốc phòng, an ninh vững mạnh là điều kiện để phát triển kinh tế - xã hội. Thực hiện tốt đường lối đối ngoại, tăng cường hợp tác quốc tế, tranh thủ mọi cơ hội củng cố hoà bình, ổn định để đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội và giữ vững chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, đặc biệt là vùng biển, đảo. Sự kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng, an ninh phải được thực hiện ngay trên từng địa bàn lãnh thổ, từ công tác quy hoạch, xây dựng kế hoạch và hình thành các dự án đầu tư phát triển. Xây dựng tỉnh, huyện thành khu vực phòng thủ vững chắc.

Bố trí thế trận quốc phòng, an ninh phù hợp với tình hình mới và kết hợp chặt chẽ với phát triển kinh tế - xã hội. Phát huy các nguồn lực, lồng ghép các chương trình, các dự án để xây dựng các khu kinh tế - quốc phòng ở vùng biên giới, hải đảo. Rà soát quy hoạch và điều chỉnh đất quốc phòng, an ninh đáp ứng yêu cầu về bố trí chiến lược quốc phòng, dành thêm đất cho phát triển kinh tế - xã hội. Có chính sách đặc biệt phát triển kinh tế, nâng cao đời sống nhân dân tại các khu vực có yêu cầu đặc thù về quốc phòng, an ninh.

Tiếp tục sắp xếp và nâng cao khả năng bảo đảm của công nghiệp quốc phòng; tập trung đầu tư vào những khâu đặc thù phục vụ quốc phòng, an ninh mà công nghiệp dân sinh không có khả năng bảo đảm. Mở rộng phương thức huy động vốn xây dựng công nghiệp quốc phòng. Có chính sách khuyến khích các nhà máy công nghiệp quốc phòng sản xuất các sản phẩm dân dụng để tăng thêm năng lực phát triển.

Bảo đảm tốt hơn đời sống vật chất, tinh thần của lực lượng vũ trang. Đáp ứng tốt hơn nhu cầu về vũ khí, trang bị, phương tiện kỹ thuật, nghiệp vụ có trình độ công nghệ cao để tăng cường khả năng sẵn sàng chiến đấu của quân đội, khả năng chủ động ứng phó của lực lượng công an trong mọi tình huống. Đầu tư cho khoa học và công nghệ quốc phòng, an ninh, đồng thời có chính sách thích đáng để động viên tiềm lực khoa học và công nghệ quốc gia phục vụ quốc phòng, an ninh.

Nâng cao hiệu lực quản lý của Nhà nước đối với sự nghiệp quốc phòng, bảo vệ an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội. Ngăn chặn kịp thời, đấu tranh có hiệu quả với hoạt động của các thế lực thù địch. Hoàn chỉnh hệ thống pháp luật và thực hiện tốt Chương trình quốc gia phòng, chống tội phạm.

III- CÁC CHÍNH SÁCH VÀ GIẢI PHÁP

1. Chính sách phát huy các nguồn lực

1.1. Thực hiện nhất quán các chính sách tạo môi trường thuận lợi cho hoạt động đầu tư, kinh doanh và phát triển mạnh mẽ các loại hình doanh nghiệp

Bảo đảm cho mọi công dân quyền tự do đầu tư, kinh doanh trong những lĩnh vực, ngành nghề, địa bàn mà pháp luật không cấm, quyền bất khả xâm phạm về quyền sở hữu

tài sản hợp pháp, quyền bình đẳng trong đầu tư, kinh doanh, tiếp cận các cơ hội và các nguồn lực phát triển, trong cung cấp và tiếp nhận thông tin. Việc hình thành và phát triển hệ thống doanh nghiệp Việt Nam lớn mạnh, có sức cạnh tranh cao là một nhiệm vụ chiến lược của Nhà nước và toàn xã hội.

Nhà nước định hướng, tạo môi trường để các doanh nghiệp phát triển và hoạt động có hiệu quả theo cơ chế thị trường. Hỗ trợ sự phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa. Xây dựng một số tập đoàn kinh tế, tổng công ty lớn, đa sở hữu, tạo sức mạnh cho đất nước trong hội nhập kinh tế quốc tế. Thu hút ngày càng nhiều tập đoàn kinh tế lớn của các nước đến đầu tư, kinh doanh tại Việt Nam.

Khuyến khích phát triển mạnh hình thức kinh tế đa sở hữu mà chủ yếu là các doanh nghiệp cổ phần thông qua việc đẩy mạnh cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước và phát triển các doanh nghiệp cổ phần mới, để hình thức kinh tế này trở thành phổ biến, chiếm tỷ trọng ngày càng cao trong nền kinh tế nước ta.

Thực hiện chính sách ưu đãi hoặc hỗ trợ có điều kiện, có thời hạn đối với một số ngành, sản phẩm thiết yếu, một số mục tiêu, địa bàn, doanh nghiệp nhỏ và vừa, không phân biệt thành phần kinh tế và phù hợp với các cam kết quốc tế của nước ta. Thực hiện có hiệu quả Luật doanh nghiệp, Luật đầu tư và các luật mới được ban hành, thấu suốt quan điểm đổi mới, bảo đảm thật sự bình đẳng và tạo thêm thuận lợi đối với mọi loại hình tổ chức sản xuất, kinh doanh và đầu tư thuộc mọi thành phần kinh tế, cả trong và ngoài nước.

Chính phủ, các tổ chức chính trị - xã hội, các hiệp hội nghề nghiệp chủ động xây dựng và tích cực triển khai thực hiện chương trình hỗ trợ doanh nghiệp, đặc biệt là về đào tạo cán bộ quản trị và đào tạo nghề cho lao động; về cung cấp

thông tin, xúc tiến thương mại, xây dựng thương hiệu, xử lý rủi ro trong kinh doanh, bảo vệ lợi ích chính đáng của các doanh nghiệp. Thực sự tôn vinh các doanh nhân có tài và thành đạt, đóng góp nhiều cho xã hội.

1.2. Tiếp tục đẩy mạnh sắp xếp, đổi mới, nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của doanh nghiệp nhà nước

Khẩn trương hoàn thành kế hoạch sắp xếp, đổi mới và phát triển doanh nghiệp nhà nước theo hướng hình thành loại hình công ty nhà nước đa sở hữu, chủ yếu là các công ty cổ phần. Thúc đẩy việc hình thành một số tập đoàn kinh tế và tổng công ty nhà nước mạnh, hoạt động đa ngành, đa lĩnh vực, trong đó có ngành chính; có nhiều chủ sở hữu, sở hữu nhà nước giữ vai trò chi phối.

Đẩy mạnh và mở rộng diện cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước, kể cả các tổng công ty, nhằm tạo động lực mạnh mẽ và cơ chế quản lý năng động, để vốn nhà nước được sử dụng có hiệu quả và ngày càng tăng lên, đồng thời thu hút mạnh các nguồn lực trong, ngoài nước cho phát triển. Thực hiện nguyên tắc thị trường trong việc cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước.

Nhà nước giữ cổ phần chi phối đối với các tổng công ty, công ty cổ phần hoạt động trong những ngành, những lĩnh vực thiết yếu bảo đảm những cân đối lớn của nền kinh tế; chỉ giữ 100% vốn nhà nước trong các doanh nghiệp hoạt động bảo đảm an ninh, quốc phòng và những doanh nghiệp sản xuất, cung ứng dịch vụ công ích thiết yếu mà chưa cổ phần hoá được. Chuyển các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước sang hình thức công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn một hoặc nhiều thành viên mà chủ sở hữu là Nhà nước.

Đối với những tổng công ty lớn chưa cổ phần hoá toàn bộ

tổng công ty, thực hiện cổ phần hoá hầu hết các doanh nghiệp thành viên và chuyển các doanh nghiệp thành viên còn lại sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần hoặc công ty trách nhiệm hữu hạn một hoặc nhiều thành viên mà chủ sở hữu là Nhà nước; đồng thời, chuyển các tổng công ty này sang hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con. Tổ chức lại hội đồng quản trị để thực sự là đại diện trực tiếp của chủ sở hữu tại tổng công ty.

Đặt các doanh nghiệp có vốn nhà nước vào môi trường hợp tác và cạnh tranh bình đẳng với các doanh nghiệp khác để nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh. Thu hẹp tối đa diện Nhà nước độc quyền kinh doanh, xoá bỏ đặc quyền kinh doanh của doanh nghiệp. Có cơ chế giám sát và chính sách điều tiết đối với những doanh nghiệp chưa xoá bỏ được vị thế độc quyền kinh doanh. Chỉ thành lập mới doanh nghiệp nhà nước khi hội đủ các điều kiện và trong những lĩnh vực sản xuất, cung ứng những sản phẩm, dịch vụ thật cần thiết cho phát triển kinh tế - xã hội và chủ yếu dưới hình thức công ty cổ phần.

Xác định rõ quyền tài sản, quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong kinh doanh của doanh nghiệp. Gắn trách nhiệm và lợi ích của người quản lý doanh nghiệp với kết quả hoạt động của doanh nghiệp. Thực hiện quy chế hội đồng quản trị tuyển chọn, ký hợp đồng thuê giám đốc điều hành doanh nghiệp.

Lành mạnh hoá tình hình tài chính và lao động của doanh nghiệp nhà nước; kiên quyết xử lý những doanh nghiệp nhà nước kinh doanh thua lỗ theo quy định của pháp luật.

Thực hiện cơ chế Nhà nước đầu tư vốn cho doanh nghiệp thông qua công ty đầu tư tài chính nhà nước; các doanh nghiệp nhà nước huy động thêm vốn trên thị trường, nhất là thị trường chứng khoán để phát triển kinh doanh.

Công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước thực hiện chức năng đầu tư vốn cho doanh nghiệp nhà nước và làm đại diện chủ sở hữu phần vốn nhà nước tại các công ty, tổng công ty nhà nước đã cổ phần hoá và các doanh nghiệp nhà nước độc lập chuyển thành công ty trách nhiệm hữu hạn một chủ sở hữu là Nhà nước.

Quy định rõ chức năng, quyền hạn, trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước và của đại diện chủ sở hữu đối với doanh nghiệp nhà nước. Thu hẹp và tiến tới không còn chức năng của các bộ, uỷ ban nhân dân các tỉnh, thành phố làm đại diện chủ sở hữu đối với doanh nghiệp nhà nước.

Quy định rõ chức năng, quyền hạn, trách nhiệm của cơ quan quản lý hành chính nhà nước và của đại diện chủ sở hữu đối với doanh nghiệp nhà nước.

1.3. Tiếp tục đổi mới, tạo động lực phát triển có hiệu quả các loại hình kinh tế tập thể

Tiếp tục đổi mới chính sách để khuyến khích, thúc đẩy phát triển mạnh các loại hình kinh tế tập thể với những hình thức hợp tác đa dạng, tự nguyện, đáp ứng nhu cầu của các thành viên, phù hợp với trình độ phát triển của các ngành, nghề, trên các địa bàn.

Tiếp tục nghiên cứu xây dựng mô hình hợp tác xã kiểu mới trên cơ sở tổng kết các đơn vị làm tốt để tăng sức hấp dẫn, tạo động lực cho kinh tế tập thể, nhất là đối với nông nghiệp, tiểu, thủ công nghiệp. Đa dạng hoá hình thức sở hữu trong kinh tế tập thể (có sở hữu pháp nhân, thể nhân). Phát triển các loại hình doanh nghiệp trong hợp tác xã và các hình thức liên hiệp hợp tác xã.

Có cơ chế để hợp tác xã phát huy quyền sử dụng tư liệu sản xuất chung tại cơ sở; tách bạch giữa quyền này với

quyền sở hữu của các xã viên. Khuyến khích huy động cổ phần và nguồn vốn góp của xã viên để không ngừng tăng thêm vốn đầu tư phát triển hợp tác xã. Khuyến khích tăng tài sản và quỹ không chia của hợp tác xã. Giải thể hoặc chuyển các hợp tác xã chỉ còn là hình thức sang các loại hình tổ chức sản xuất, kinh doanh phù hợp với quy định của pháp luật.

1.4. Tiếp tục phát triển mạnh các hộ kinh doanh cá thể và các loại hình doanh nghiệp của tư nhân

Tạo điều kiện thuận lợi cho các loại hình kinh tế tư nhân đầu tư phát triển theo quy định của pháp luật, không hạn chế về quy mô, ngành nghề, lĩnh vực, địa bàn. Xoá bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử; bảo đảm thực sự bình đẳng, tạo thuận lợi để các doanh nghiệp tư nhân, nhất là các doanh nghiệp nhỏ và vừa, các hộ kinh doanh được tiếp cận các nguồn vốn tại các tổ chức tín dụng của Nhà nước, kể cả quỹ hỗ trợ phát triển; được đáp ứng thuận lợi nhu cầu sử dụng đất làm mặt bằng sản xuất, kinh doanh. Khuyến khích phát triển các doanh nghiệp lớn của tư nhân, các tập đoàn kinh tế tư nhân có nhiều chủ sở hữu với hình thức công ty cổ phần. Tổng kết và có chính sách, giải pháp thúc đẩy kinh tế trang trại phát triển.

Khuyến khích tư nhân mua cổ phần của các doanh nghiệp nhà nước, tham gia đầu tư vào các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh quan trọng của nền kinh tế. Khuyến khích các doanh nghiệp tư nhân lớn bán cổ phần cho người lao động.

Bảo vệ tài sản hợp pháp của công dân và doanh nghiệp. Loại bỏ các quy định pháp luật không phù hợp về việc khám xét nơi ở và làm việc, tịch thu hoặc tạm giữ tài sản của công

dân và doanh nghiệp. Các cơ quan có thẩm quyền phải đền bù thích đáng cho công dân và doanh nghiệp về những thiệt hại cả danh dự và vật chất do những quyết định trái pháp luật gây ra.

1.5. Thu hút mạnh nguồn lực của các nhà đầu tư nước ngoài

Các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài là một bộ phận quan trọng của nền kinh tế Việt Nam, được đối xử bình đẳng như doanh nghiệp Việt Nam trong kinh doanh. Tạo điều kiện cho đầu tư nước ngoài tham gia nhiều hơn vào phát triển các ngành, các vùng lãnh thổ phù hợp với các cam kết quốc tế của nước ta.

Đa dạng hoá hình thức và cơ chế đầu tư để thu hút mạnh nguồn lực của các nhà đầu tư nước ngoài, gồm cả đầu tư trực tiếp và gián tiếp, vào các ngành, các lĩnh vực quan trọng của nền kinh tế, nhất là các lĩnh vực công nghệ cao, công nghệ nguồn, xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội.

Bảo đảm tính thống nhất, ổn định, minh bạch và ngày càng hấp dẫn trong chính sách đầu tư nước ngoài. Đổi mới phương thức quản lý nhà nước và cải tiến mạnh mẽ thủ tục đầu tư, thực hiện đúng theo các quy định của Luật đầu tư và phù hợp với lộ trình thực hiện các cam kết quốc tế của nước ta.

1.6. Đổi mới chính sách đầu tư

Đổi mới chính sách và cải thiện môi trường đầu tư, xoá bỏ các hình thức phân biệt đối xử trong tiếp cận các cơ hội đầu tư để khai thác và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn từ các thành phần kinh tế trong nước và thu hút vốn đầu tư trực tiếp và gián tiếp từ nước ngoài.

Hoàn thiện thể chế, tăng cường hiệu lực quản lý để bảo đảm đầu tư của Nhà nước có hiệu quả, khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải, thất thoát, lãng phí. Vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước tập trung cho kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội, phát triển văn hoá, giáo dục, khoa học - công nghệ, y tế và trợ giúp vùng khó khăn. Vốn tín dụng ưu đãi của Nhà nước dành ưu tiên cho việc xây dựng các cơ sở thuộc kết cấu hạ tầng có thu hồi vốn và hỗ trợ đầu tư một số dự án quan trọng của nền kinh tế. Đầu tư của doanh nghiệp nhà nước hướng vào nâng cao năng lực sản xuất, đổi mới thiết bị, hiện đại hoá công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm. Vốn của khu vực dân doanh được khuyến khích đầu tư vào các lĩnh vực tạo nhiều sản phẩm xuất khẩu và việc làm. Khuyến khích người Việt Nam định cư ở nước ngoài chuyển vốn và công nghệ về nước tham gia đầu tư.

Tiếp tục tranh thủ nguồn vốn ODA. Đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn các công trình, các dự án đã được ký kết; xây dựng Chiến lược thu hút và sử dụng vốn ODA, tập trung vào lĩnh vực kết cấu hạ tầng kỹ thuật ở các trung tâm kinh tế và các vùng có điều kiện kinh tế, xã hội khó khăn.

Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư trực tiếp của nước ngoài, tạo lợi thế so sánh để thu hút nhiều doanh nghiệp lớn, các tập đoàn kinh tế hàng đầu thế giới đầu tư cho sản phẩm xuất khẩu và công nghệ cao, tạo sự chuyển biến tích cực về chất lượng, số lượng và hiệu quả đầu tư nước ngoài.

Đơn giản hoá thủ tục cấp phép đầu tư đối với đầu tư nước ngoài; thu hẹp các lĩnh vực không cho phép đầu tư và những lĩnh vực đầu tư có điều kiện, mở rộng lĩnh vực đăng ký đầu tư. Tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư nước ngoài đầu tư phát triển các lĩnh vực dịch vụ theo các cam kết quốc tế của nước ta.

2. Phát triển đồng bộ các loại thị trường và tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

2.1. Phát triển đồng bộ các loại thị trường

Tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật về kinh tế thị trường, tạo lập đồng bộ và vận hành thông suốt các loại thị trường, để các giao dịch thị trường diễn ra phù hợp với các nguyên tắc của thị trường. Hoàn thiện hệ thống quy tắc vận hành của các tổ chức tham gia thị trường đáp ứng yêu cầu của kinh tế thị trường và thông lệ quốc tế. Điều chỉnh mạnh chức năng, nhiệm vụ và tổ chức bộ máy của Nhà nước, tăng cường vai trò điều tiết vĩ mô nền kinh tế, tạo môi trường kinh doanh và hỗ trợ doanh nghiệp phát triển, không can thiệp trực tiếp vào sản xuất, kinh doanh.

Phát triển *thị trường hàng hoá, dịch vụ* theo hướng đẩy mạnh tự do hoá thương mại và đầu tư phù hợp với các cam kết song phương, đa phương của nước ta và theo thông lệ quốc tế; tạo bước phát triển mới, nhanh và toàn diện thị trường dịch vụ; thúc đẩy cạnh tranh, kiểm soát độc quyền, bảo vệ lợi ích người tiêu dùng; tôn trọng quyền định giá và cạnh tranh về giá cả của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật; thực hiện quản lý nhà nước về giá đối với một số hàng hoá, dịch vụ độc quyền phù hợp với cơ chế thị trường và nguyên tắc của hội nhập kinh tế quốc tế.

Phát triển *thị trường tài chính* đồng bộ và có cơ cấu hoàn chỉnh; tăng nhanh quy mô và mở rộng phạm vi hoạt động; vận hành an toàn, được quản lý, giám sát hiệu quả. Khuyến khích mở rộng các dịch vụ hỗ trợ phát triển thị trường tài chính; bảo vệ lợi ích hợp pháp của mọi đối tượng tham gia thị trường.

Phát triển mạnh thị trường vốn theo hướng phát triển vững mạnh hệ thống ngân hàng thương mại thuộc các thành phần kinh tế, phát huy vai trò của các ngân hàng trong việc huy động và cho vay vốn đầu tư; đồng thời thực hiện các biện pháp đồng bộ để phát triển nhanh thị trường chứng khoán thành một kênh huy động vốn dài hạn quan trọng trong nền kinh tế. Khuyến khích các công ty cổ phần thuộc mọi thành phần kinh tế, kể cả các doanh nghiệp FDI, niêm yết cổ phiếu và huy động vốn qua thị trường chứng khoán. Hình thành đồng bộ thể chế về thị trường chứng khoán; tăng cường hỗ trợ của Nhà nước về kết cấu hạ tầng kỹ thuật, đào tạo nguồn nhân lực, phổ cập kiến thức, tạo điều kiện thuận lợi cho công chúng tham gia thị trường này.

Phát triển thị trường tiền tệ, hiện đại hoá và đa dạng hoá các hình thức hoạt động; hoàn thiện hệ thống luật pháp, nâng cao sức cạnh tranh, năng lực quản trị của các ngân hàng; xoá bỏ các phân biệt đối xử trong tiếp cận nguồn vốn và tham gia thị trường, tạo môi trường bình đẳng trên thị trường tiền tệ; tăng cường liên kết giữa thị trường tiền tệ với thị trường vốn.

Phát triển *thị trường bất động sản* trên cơ sở thực hiện Luật đất đai, Luật xây dựng, Luật nhà ở và Luật về kinh doanh bất động sản...; hoàn thiện việc phân loại, đánh giá đất đai và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; làm cho quyền sử dụng đất chuyển thành hàng hoá một cách thuận lợi, đất đai trở thành nguồn vốn quan trọng cho phát triển.

Giá bất động sản được hình thành theo nguyên tắc thị trường. Nhà nước tác động đến giá đất trên thị trường bằng các chính sách kinh tế vĩ mô trên cơ sở quan hệ cung - cầu về đất đai. Tăng cường các biện pháp chống đầu cơ, hạn chế việc giao dịch không theo quy định của pháp luật. Xây dựng

hệ thống đăng ký, thông tin bất động sản. Phát triển nhanh các dịch vụ thị trường bất động sản.

Hoàn chỉnh hệ thống pháp luật, tạo môi trường thông suốt để phát triển *thị trường lao động*, gắn kết cung - cầu lao động. Đa dạng hoá các hình thức giao dịch việc làm, bảo đảm quyền của người lao động lựa chọn chỗ làm việc. Thực hiện rộng rãi chế độ hợp đồng lao động; bảo đảm quyền lợi hợp pháp của cả người lao động và người sử dụng lao động; thực hiện chế độ bảo hiểm và trợ cấp thất nghiệp. Tăng cường hệ thống thông tin, thống kê thị trường lao động. Đẩy mạnh xuất khẩu lao động và tăng cường quản lý nhà nước đối với hoạt động này.

Phát triển *thị trường khoa học, công nghệ*, thực hiện tốt Luật sở hữu trí tuệ và Luật chuyển giao công nghệ. Đổi mới quản lý nhà nước đối với thị trường khoa học, công nghệ; khuyến khích, hỗ trợ các hoạt động khoa học và công nghệ theo cơ chế thị trường; bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ đối với các công trình khoa học và hoạt động sáng tạo. Khuyến khích các hoạt động tư vấn, dịch vụ ứng dụng công nghệ mới và chuyển giao công nghệ. Tạo môi trường mua bán thuận lợi các sản phẩm khoa học và công nghệ. Có chính sách nhập khẩu lao động có chất lượng cao trong lĩnh vực công nghệ và quản lý.

2.2. Chính sách tài chính, tiền tệ và tín dụng

Chính sách tài chính:

Xây dựng đồng bộ thể chế tài chính phù hợp với kinh tế thị trường. Đổi mới chính sách quản lý tài chính để giải phóng và phân bổ hợp lý, có hiệu quả các nguồn lực; phát triển nền tài chính quốc gia vững mạnh; bảo đảm an ninh tài chính quốc gia, nâng cao vị thế và uy tín quốc tế của tài chính Việt Nam.

Hoàn thiện hệ thống pháp luật về thuế theo nguyên tắc công bằng, thống nhất và đồng bộ, bảo đảm môi trường thuận lợi, khuyến khích phát triển sản xuất, kinh doanh. Điều chỉnh chính sách thuế theo hướng giảm và ổn định thuế suất, mở rộng đối tượng thu, điều tiết hợp lý thu nhập, không lồng ghép chính sách xã hội trong chính sách thuế. Từng bước thực hiện phương pháp tính thuế, quản lý thu thuế, xử lý các vi phạm về thuế theo thông lệ quốc tế; hiện đại hoá công tác quản lý hành chính thuế và phát triển dịch vụ tư vấn thuế.

Đổi mới chính sách phân phối tài chính và cơ chế kết hợp nguồn lực nhà nước với các nguồn lực khác nhằm thúc đẩy tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng xoá bao cấp bất hợp lý từ ngân sách nhà nước; tăng tỷ trọng ngân sách đầu tư cho phát triển nguồn nhân lực và cho các lĩnh vực văn hoá, xã hội; bảo đảm nguồn lực cho hoạt động của bộ máy quản lý nhà nước và quốc phòng, an ninh. Kết hợp sử dụng có hiệu quả nguồn lực của Nhà nước với thu hút có hiệu quả các nguồn vốn khác nhằm phát triển mạnh mẽ kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội. Sử dụng nguồn thu từ xổ số kiến thiết để đầu tư các công trình phúc lợi về giáo dục, y tế; việc phân bổ đầu tư đối với từng công trình cụ thể do Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố quyết định; không đưa nguồn thu này thành một nguồn thu thường xuyên, ổn định của ngân sách nhà nước.

Đổi mới cơ chế quản lý ngân sách theo kết quả thực hiện các công việc được ngân sách cấp kinh phí. Xây dựng kế hoạch tài chính trung hạn để tạo cơ sở nâng cao chất lượng dự toán ngân sách. Tăng cường phân cấp quản lý ngân sách, bảo đảm tính thống nhất về thể chế của ngân sách nhà nước và vai trò chủ đạo của ngân sách trung ương. Phát huy vai

trò của Quốc hội và hội đồng nhân dân các cấp trong việc quyết định và giám sát ngân sách. Nâng cao tính minh bạch, dân chủ và công khai trong quản lý ngân sách nhà nước. Xây dựng thể chế giám sát tài chính đồng bộ; hiện đại hoá công nghệ giám sát. Chuẩn mực hoá hệ thống kế toán, kiểm toán phù hợp với thông lệ quốc tế. Thực hiện kiểm toán bắt buộc đối với tất cả các cấp ngân sách, các đơn vị sử dụng vốn, tài sản và ngân sách nhà nước.

Đổi mới căn bản chính sách tài chính đối với doanh nghiệp nhà nước; kiên quyết xoá bỏ tình trạng bao cấp đối với sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước. Tiếp tục hoàn thiện cơ chế tự chủ tài chính của các đơn vị cung ứng dịch vụ công cộng công lập.

Ban hành Luật quản lý tài sản nhà nước nhằm quản lý, sử dụng có hiệu quả nhà, đất và các tài sản khác của Nhà nước.

Tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật về dự trữ nhà nước; xây dựng lực lượng dự trữ nhà nước vững mạnh với cơ cấu hợp lý, có khả năng chủ động tham gia phòng, chống và khắc phục hậu quả thiên tai và những biến cố bất thường xảy ra.

Chủ động mở rộng hoạt động tài chính đối ngoại và hội nhập quốc tế về tài chính; thực hiện đa dạng hoá nguồn vốn, đa phương hoá quan hệ đối tác; tăng dự trữ ngoại tệ của quốc gia. Hoàn thiện cơ chế vay và trả nợ nước ngoài, gắn với nghĩa vụ và trách nhiệm trong việc huy động, quản lý, sử dụng và trả nợ. Quản lý chặt chẽ nợ Chính phủ và nợ quốc gia trong giới hạn an toàn; nâng cao hiệu quả Quỹ tích lũy trả nợ. Thí điểm việc phát hành trái phiếu của một số doanh nghiệp lớn ra thị trường vốn quốc tế.

Chính sách tiền tệ và tín dụng:

Mục tiêu của chính sách tiền tệ trong 5 năm tới là ổn

định giá trị đồng tiền, kiểm soát lạm phát, góp phần tăng trưởng kinh tế và bảo đảm an ninh hệ thống các ngân hàng và tổ chức tín dụng. Kết hợp chặt chẽ chính sách tiền tệ với chính sách tài khoá để ổn định kinh tế vĩ mô, tăng dự trữ ngoại tệ, khuyến khích doanh nghiệp và nhân dân tiết kiệm, đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh.

Xây dựng và thực thi chính sách tiền tệ *theo nguyên tắc thị trường*, khẩn trương thực hiện đầy đủ các chuẩn mực và thông lệ quốc tế về hoạt động ngân hàng, mở rộng nhanh các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt và thanh toán qua ngân hàng; nâng dần và tiến tới thực hiện đầy đủ tính chuyển đổi của đồng tiền Việt Nam. Thực hiện *chính sách lãi suất thả lỏng* theo nguyên tắc thị trường và đi tới loại bỏ quy định hành chính đối với lãi suất ngoại tệ.

Tiếp tục thực hiện *chính sách tỷ giá hối đoái* linh hoạt theo nguyên tắc thị trường với biên độ được mở rộng hơn phù hợp với mức độ mở cửa thị trường tài chính và năng lực kiểm soát của Ngân hàng Nhà nước, tiến tới thực hiện cơ chế tỷ giá hối đoái thả nổi có kiểm soát. Đổi mới *chính sách quản lý ngoại hối*, tự do hoá giao dịch vãng lai, từng bước mở cửa các giao dịch vốn; thu hẹp và tiến tới xoá bỏ tình trạng sử dụng ngoại tệ làm phương tiện thanh toán trên lãnh thổ Việt Nam.

Sửa đổi Luật Ngân hàng Nhà nước, nâng cao trách nhiệm và quyền hạn của Ngân hàng Nhà nước trong việc hoạch định và thực thi chính sách tiền tệ trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Cải cách hệ thống thanh tra, giám sát hoạt động của các tổ chức tín dụng và toàn bộ thị trường tiền tệ; đồng thời, phát triển hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam đa dạng về sở hữu và loại hình tổ chức, áp dụng đầy đủ các thiết chế và chuẩn mực

quốc tế về quản trị ngân hàng. Đẩy nhanh tiến độ cổ phần hoá các ngân hàng thương mại nhà nước. Nâng cao chất lượng tín dụng, khả năng sinh lời, xử lý nhanh nợ đọng, giảm tỷ lệ nợ xấu xuống mức an toàn; tăng vốn tự có của các ngân hàng thương mại đạt chuẩn mực quốc tế. Tạo điều kiện thuận lợi cho dân cư và doanh nghiệp tiếp cận với các sản phẩm và tiện ích ngân hàng.

Xây dựng các ngân hàng thương mại nhà nước lớn mạnh về mọi mặt, đủ sức làm nòng cốt trong hệ thống ngân hàng thương mại trong cơ chế thị trường. Hoàn thiện tổ chức bộ máy và cơ chế hoạt động của các ngân hàng chính sách phù hợp với các thông lệ quốc tế, đáp ứng tốt nhất yêu cầu phát triển của đất nước, thực hiện các chính sách xã hội, xoá đói, giảm nghèo; tiếp tục tách tín dụng ưu đãi khỏi các ngân hàng thương mại quốc doanh.

Phát triển hệ thống quỹ tín dụng nhân dân thực sự trở thành tổ chức tín dụng hợp tác độc lập, dựa trên nguyên tắc tự nguyện, tự chủ, tự chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động. Tiếp tục đổi mới hoạt động của hệ thống quỹ tín dụng nhân dân, bảo đảm an toàn và hiệu quả.

Thực hiện mở cửa thị trường dịch vụ ngân hàng theo lộ trình hội nhập quốc tế, bảo đảm quyền kinh doanh của các ngân hàng và tổ chức tài chính nước ngoài trong lĩnh vực ngân hàng phù hợp với các cam kết quốc tế của nước ta.

Hình thành môi trường pháp luật về tiền tệ, tín dụng minh bạch và công khai. Loại bỏ các hình thức bảo hộ, bao cấp, ưu đãi và phân biệt đối xử giữa các tổ chức tín dụng. Nâng cao hiệu lực thi hành pháp luật và ngăn chặn việc hình sự hoá các quan hệ dân sự, kinh tế trong lĩnh vực ngân hàng.

2.3. Đổi mới và nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quy hoạch, kế hoạch

Ban hành và thực thi Luật kế hoạch hoá phát triển kinh tế - xã hội. Đổi mới mạnh mẽ, nâng cao chất lượng hoạt động nghiên cứu chiến lược, công tác quy hoạch, kế hoạch, đặc biệt coi trọng các chỉ tiêu và biện pháp về chất lượng phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội và môi trường. Đổi mới nội dung, phương pháp, quy trình xây dựng, thông qua và phê duyệt, triển khai thực hiện quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội phù hợp với yêu cầu của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập kinh tế quốc tế; phát huy tối đa mọi lợi thế so sánh và nguồn lực của quốc gia, của mỗi vùng và mỗi địa phương. Gắn kết giữa chiến lược, quy hoạch với kế hoạch; nâng cao tính khoa học, công khai, minh bạch, bảo đảm cho chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, thực sự là công cụ điều hành có hiệu quả của Nhà nước, thu hút được sự quan tâm của các nhà đầu tư và nhân dân.

Tăng cường chất lượng dự báo và các nghiên cứu về thị trường trong các dự án quy hoạch. Quy hoạch không gian, quy hoạch phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội phải đi trước một bước và là quy hoạch có tính bắt buộc. Tăng cường công tác quy hoạch đất đai, quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị. Khắc phục tình trạng chồng chéo và mâu thuẫn giữa quy hoạch ngành và quy hoạch lãnh thổ. Đối với các quy hoạch mang tính hướng dẫn như quy hoạch phát triển các ngành sản xuất, kinh doanh, quy hoạch các sản phẩm chủ yếu, phải coi trọng dự báo và phải điều chỉnh linh hoạt theo yêu cầu của thị trường. Công tác quy hoạch phải đồng bộ từ quy hoạch tổng thể đến quy hoạch cụ thể; thu hút những chuyên gia giỏi, kể cả chuyên gia nước ngoài trong việc xây

dựng, thẩm định quy hoạch. Tăng cường quản lý thực hiện quy hoạch.

Các kế hoạch 5 năm và hàng năm phải cụ thể hoá chiến lược, quy hoạch phát triển, các cam kết quốc tế, khai thác và phát huy các nguồn lực, thể hiện rõ nét hơn tính định hướng, phân biệt rõ phần kế hoạch có tính bắt buộc như kế hoạch đầu tư bằng vốn nhà nước, dự toán ngân sách..., với phần kế hoạch mang tính dự báo, hướng dẫn. Phát huy tác dụng và hiệu lực của kế hoạch cả ở cấp trung ương và cấp địa phương; tăng cường các biện pháp kiểm tra, giám sát, tổ chức thực hiện kế hoạch, nhất là đối với phần kế hoạch có tính bắt buộc.

Đổi mới công tác thống kê, nâng cao chất lượng và tính kịp thời của các số liệu thống kê nhằm đáp ứng tốt hơn việc xây dựng chính sách, điều hành nền kinh tế, nhất là các số liệu về chất lượng tăng trưởng, về lao động, việc làm, môi trường, đầu tư, về số lượng và chất lượng dịch vụ công...

3. Đẩy mạnh cải cách hành chính công, nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước về kinh tế, xã hội

Đẩy nhanh công cuộc xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trên các mặt: hệ thống thể chế, chức năng, nhiệm vụ; tổ chức bộ máy; cán bộ, công chức; phương thức hoạt động. Định rõ những việc Nhà nước phải làm và bảo đảm đủ các điều kiện để làm tốt; khắc phục tình trạng buông lỏng hoặc làm thay, chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ giữa các cơ quan của Đảng và cơ quan nhà nước; hiện đại hoá nền hành chính nhà nước.

Nâng cao hiệu quả hoạt động của Quốc hội, tiếp tục cải cách tư pháp một cách thực chất và toàn diện.

Điều chỉnh chức năng của Chính phủ đúng với vai trò là

cơ quan hành chính nhà nước cao nhất. Xác định rõ phạm vi và nội dung quản lý nhà nước về kinh tế, xã hội phù hợp với yêu cầu phát triển; Chính phủ tập trung vào việc hoạch định thể chế, chính sách, xây dựng giải pháp, cải cách thủ tục hành chính, tạo lập môi trường pháp lý thuận lợi cho các hoạt động kinh tế, xã hội; nâng cao năng lực và hiệu quả chỉ đạo thực hiện, kiểm tra, thanh tra thực hiện thể chế; xác định rõ phạm vi và nội dung quản lý nhà nước về kinh tế, xã hội của cơ quan công quyền các cấp.

Cơ cấu lại bộ máy Chính phủ theo hướng giảm các đầu mối, phù hợp với yêu cầu đổi mới chức năng, nhiệm vụ. Cơ cấu lại các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước các cấp, giảm cấp phó, bỏ các cấp trung gian; giảm bộ phận phục vụ trong cơ quan hành chính, chuyển sang hình thức hợp đồng dịch vụ; phân cấp mạnh cho cấp dưới gắn với hướng dẫn và thực hiện thanh tra, kiểm tra của cấp trên.

Điều chỉnh cơ cấu chính quyền địa phương cho phù hợp với những thay đổi chức năng, nhiệm vụ. Phân biệt rõ những khác biệt giữa chính quyền nông thôn và chính quyền đô thị để tổ chức bộ máy phù hợp. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng và kiểm tra hoạt động của bộ máy chính quyền cơ sở.

Đổi mới chính sách cán bộ và công tác quản lý cán bộ, xây dựng chế độ công vụ rõ ràng, minh bạch, đội ngũ cán bộ, công chức có đủ phẩm chất và năng lực gắn với chế độ hưởng thụ thoả đáng và công bằng. Thực hiện đầy đủ nguyên tắc công khai, minh bạch, dân chủ và phục vụ dân đối với các cơ quan và công chức nhà nước.

Nghiên cứu áp dụng cơ chế thủ trưởng cơ quan hành chính cấp trên bổ nhiệm chức danh người đứng đầu cơ quan hành chính cấp dưới. Tách các hoạt động công quyền với các hoạt động cung ứng dịch vụ công cộng để các tổ chức cung

ứng dịch vụ công cộng thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, nhân sự và tài chính.

Phát huy sự đa dạng về tổ chức và đổi mới phương thức hoạt động của các tổ chức đoàn thể, các tổ chức phi chính phủ trong việc tham gia xây dựng và thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước, khắc phục tình trạng hành chính hoá các tổ chức quần chúng. Ban hành Luật về hội; phát triển nhiều hình thức tự quản của dân hoạt động theo pháp luật.

4. Thực hiện đồng bộ, kiên quyết các giải pháp để phòng, chống tham nhũng trong bộ máy nhà nước

Phải kiên trì thực hiện tốt vừa xây, vừa chống trong phòng, chống tham nhũng. Khẩn trương xây dựng và thực hiện kiên quyết hệ thống pháp luật đồng bộ về phòng ngừa, phát hiện và xử lý những người có hành vi tham nhũng.

Tiếp tục hoàn thiện thể chế để thực hiện đầy đủ nguyên tắc Nhà nước quản lý nền kinh tế bằng pháp luật. Khẩn trương rà soát để giảm đến mức thấp nhất quan hệ “xin - cho”. Thực hiện công khai, minh bạch trong mua sắm công và đầu tư xây dựng cơ bản, trong quản lý tài chính và ngân sách nhà nước, huy động và sử dụng các khoản đóng góp của nhân dân; quản lý doanh nghiệp nhà nước; quản lý và sử dụng đất, tài sản công; công tác cán bộ.

Tiếp tục cải cách mạnh mẽ thủ tục hành chính, phân cấp và làm rõ quyền hạn, trách nhiệm của từng cấp, từng ngành, từng đơn vị và người đứng đầu cơ quan; thu gọn đầu mối trong việc giải quyết mọi công việc hành chính với dân và doanh nghiệp; công khai các quy định về thủ tục hành chính để dân biết, thực hiện và giám sát. Tiếp tục đổi mới chế độ

tiền lương đối với cán bộ, công chức; có quy định về kiểm soát, giám sát thu nhập của cán bộ, công chức.

Xử lý nghiêm minh, kịp thời, công khai cán bộ, công chức tham nhũng, không phân biệt chức vụ và địa vị xã hội còn đương chức hay đã nghỉ việc. Thiết lập cơ chế khuyến khích, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của những người phát hiện và đấu tranh chống tham nhũng; đồng thời xử lý nghiêm những người bao che tham nhũng, ngăn cản việc chống tham nhũng, hoặc lợi dụng việc tố cáo tham nhũng để vu khống, ám hại người khác. Đẩy mạnh phối hợp và hợp tác quốc tế về phòng, chống tham nhũng.

Tập trung làm tốt các việc sau đây:

- Điều tra, xử lý nghiêm minh, kịp thời, công khai các vụ tham nhũng đã được phát hiện; ban hành và thực hiện quy định để xử lý thích đáng, đúng pháp luật người đứng đầu cơ quan, đơn vị nơi xảy ra tham nhũng, gây hậu quả nghiêm trọng.

- Khẩn trương triển khai thực hiện đồng bộ Luật phòng, chống tham nhũng, Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Bổ sung, hoàn thiện Luật khiếu nại và tố cáo. Ban hành các quy định cụ thể về thu, chi ngân sách. Thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở, bảo đảm công khai, minh bạch các hoạt động kinh tế, tài chính trong các cơ quan hành chính, đơn vị cung ứng dịch vụ công và doanh nghiệp nhà nước.

- Sớm hình thành và triển khai có hiệu quả hoạt động của Ban Chỉ đạo phòng, chống tham nhũng ở Trung ương. Các ngành, các cấp, các cơ quan, đơn vị phải xây dựng chương trình hành động phòng, chống tham nhũng; nói đi đôi với làm, làm kiên quyết, triệt để. Tập trung chỉ đạo, kiểm tra, thanh tra phòng, chống tham nhũng trong một số lĩnh vực trọng điểm, như: quản lý đất đai; đầu tư xây dựng cơ bản; quản lý tài chính

trong doanh nghiệp nhà nước; thu, chi ngân sách nhà nước, quản lý tài sản công; công tác quy hoạch; tuyển dụng, đề bạt, bố trí cán bộ.

*

* *

Toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta đoàn kết nhất trí, chung sức, chung lòng, tranh thủ thời cơ, vượt qua thách thức, nêu cao ý chí và quyết tâm tiếp tục đổi mới, hình thành đồng bộ nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tích cực và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, phát huy cao nhất các nguồn lực, đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế và nâng cao chất lượng phát triển, phấn đấu thực hiện thắng lợi kế hoạch 5 năm 2006 - 2010, đưa đất nước ta vững bước tiến lên trên con đường công nghiệp hoá, hiện đại hoá, thực hiện dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

BÁO CÁO

CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG

KHOÁ IX VỀ CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG

TẠI ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ X

CỦA ĐẢNG

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng đánh dấu thời điểm có ý nghĩa trọng đại. Bước vào giai đoạn mới, bên cạnh những cơ hội lớn, đất nước ta và Đảng ta cũng đối mặt với những thách thức rất gay gắt. Trước tình hình đó, xây dựng Đảng với vai trò là nhiệm vụ then chốt càng có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, là vấn đề sống còn đối với sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta.

Báo cáo công tác xây dựng Đảng kiểm điểm, đánh giá 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội IX, đồng thời đánh giá khái quát về tình hình Đảng và công tác xây dựng Đảng qua 20 năm đổi mới, xác định mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp của nhiệm kỳ tới.

Phần thứ nhất

CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG 5 NĂM QUA VÀ NHỮNG BÀI HỌC KINH NGHIỆM QUA 20 NĂM ĐỔI MỚI

1. Khái quát một số nét về tình hình Đảng

Trước những khó khăn, thử thách lớn ở trong nước,

những biến động bất lợi trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, trước sự chống phá của các thế lực thù địch, Đảng ta đã giữ vững bản chất cách mạng của giai cấp công nhân, kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động của Đảng; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; kiên trì đường lối đổi mới; tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng.

Đảng có bước phát triển về tư duy, đã đề ra và lãnh đạo thực hiện đường lối đổi mới đúng đắn, xác định phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm, xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt, phát triển văn hóa - nền tảng tinh thần của xã hội. Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị đã cụ thể hóa và phát triển Cương lĩnh, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, các nghị quyết Đại hội; nhận thức sâu sắc hơn về chủ trương phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, hội nhập kinh tế quốc tế, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Nhiều chủ trương, chính sách đúng đắn, hợp lòng dân của Đảng đã đi vào cuộc sống và phát huy tác dụng. Đảng và Nhà nước tích lũy thêm được nhiều kinh nghiệm lãnh đạo và quản lý đất nước trong điều kiện mới.

Việc thực hiện dân chủ trong Đảng và trong xã hội, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, thực hiện chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc có tiến bộ. Cán bộ, đảng viên và nhân dân tin tưởng vào công cuộc đổi mới và sự lãnh đạo của Đảng. Đa số cán bộ, đảng viên phát huy được vai trò tiên phong, năng động, sáng tạo trong công tác, lao động, rèn luyện phẩm chất, năng lực, có bước trưởng thành, đóng vai trò nòng cốt trong công cuộc đổi mới, góp phần xứng đáng vào thành quả chung của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Việc thực hiện tự phê bình và phê bình, đẩy mạnh đấu tranh chống tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, xử lý nghiêm những cán bộ, đảng viên vi phạm pháp luật nghiêm trọng được nhân dân đồng tình. Đảng lãnh đạo xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa có tiến bộ trên cả ba lĩnh vực lập pháp, hành pháp và tư pháp. Vai trò của Mặt trận và các đoàn thể nhân dân được nâng lên. Quy chế dân chủ ở cơ sở bước đầu được thực hiện có hiệu quả. Quan hệ gắn bó giữa Đảng và nhân dân được tiếp tục phát huy; nhân dân hăng hái tham gia xây dựng và thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Bên cạnh những ưu điểm cơ bản đó, cần thẳng thắn và nghiêm túc nhận rõ những khuyết điểm, yếu kém của Đảng. Nổi lên là năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng còn nhiều mặt chưa đáp ứng yêu cầu của tình hình mới; chậm làm sáng tỏ nhiều vấn đề lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, về sự lãnh đạo của Đảng và công tác xây dựng Đảng; chậm cụ thể hóa, thể chế hóa một số quan điểm lớn, đúng đắn về sự lãnh đạo của Đảng và công tác xây dựng Đảng đã đề ra trong Cương lĩnh và các Nghị quyết Đại hội Đảng; tổ chức thực hiện vẫn là khâu yếu.

Dân chủ trong Đảng và trong xã hội còn bị vi phạm. Kỷ cương, kỷ luật ở nhiều cấp, nhiều lĩnh vực không nghiêm. Sự đoàn kết, nhất trí ở không ít cấp ủy còn yếu. Quan hệ giữa Đảng và nhân dân có lúc, có nơi bị xói mòn do những hạn chế, yếu kém trong công tác tư tưởng chính trị, công tác vận động quần chúng, công tác tổ chức cán bộ, công tác quản lý nhà nước và những khó khăn phát sinh trong quá trình chuyển đổi cơ chế quản lý kinh tế - xã hội.

Không ít tổ chức đảng yếu kém, nhất là ở cơ sở, không làm tròn vai trò hạt nhân chính trị và nền tảng của Đảng,

không đủ sức giải quyết những vấn đề phức tạp nảy sinh từ cơ sở, thậm chí có những tổ chức cơ sở đảng tê liệt, mất sức chiến đấu. Một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, kể cả một số cán bộ chủ chốt các cấp, yếu kém cả về phẩm chất và năng lực; thiếu tính chiến đấu và tinh thần bảo vệ quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, giảm sút lòng tin, phai nhạt lý tưởng; một số ít có biểu hiện bất mãn, mất lòng tin, nói và làm trái với quan điểm, đường lối của Đảng, vi phạm nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, vi phạm pháp luật của Nhà nước. Bệnh cơ hội, chủ nghĩa cá nhân trong một bộ phận cán bộ, đảng viên có chiều hướng gia tăng; vẫn còn tình trạng “chạy chức”, “chạy quyền”, “chạy tội”, “chạy bằng cấp”. Thoái hóa, biến chất về chính trị, tư tưởng, về đạo đức, lối sống; tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí, sách nhiễu dân trong một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên diễn ra nghiêm trọng, kéo dài chưa được ngăn chặn, đẩy lùi, nhất là trong các cơ quan công quyền, các lĩnh vực xây dựng cơ bản, quản lý đất đai, quản lý doanh nghiệp nhà nước và quản lý tài chính, làm giảm lòng tin của nhân dân đối với Đảng. Đó là một nguy cơ lớn liên quan đến sự sống còn của Đảng, của chế độ.

2. Công tác xây dựng Đảng

Ưu điểm:

Đảng đã kiên trì và nghiêm túc thực hiện nhiệm vụ then chốt về xây dựng Đảng trên cả ba mặt chính trị, tư tưởng và tổ chức.

Công tác xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng được coi trọng. Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX về nhiệm vụ chủ yếu của công tác tư tưởng, lý luận trong tình hình mới, đáp ứng yêu cầu thực tiễn, đang đi vào cuộc sống. Đã coi trọng và

đẩy mạnh hơn công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn, làm sáng tỏ hơn một số vấn đề lý luận do thực tiễn công cuộc đổi mới đặt ra. Đã từng bước đổi mới công tác giáo dục tư tưởng chính trị, nghiên cứu, học tập các nghị quyết của Đảng, tuyên truyền, giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Coi trọng hơn công tác tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nêu gương người tốt việc tốt, phê phán những biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân, tư tưởng cơ hội, lối sống thực dụng. Công tác tư tưởng đã góp phần nâng cao nhận thức, tính tích cực của cán bộ, đảng viên, nâng cao lòng tin của nhân dân vào đường lối đổi mới, tạo sự nhất trí trong Đảng và sự đồng thuận trong xã hội, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế, giữ vững ổn định chính trị - xã hội.

Đảng đã quan tâm xây dựng, kiện toàn hệ thống tổ chức. Từng bước sắp xếp tổ chức, bộ máy, biên chế cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận và các đoàn thể nhân dân; điều chỉnh, bổ sung và quy định cụ thể hợp lý hơn chức năng, nhiệm vụ, phương thức hoạt động và lề lối làm việc của mỗi tổ chức. Tăng cường tính chủ động, sáng tạo, tự chịu trách nhiệm của mỗi cấp.

Đã tập trung chỉ đạo xây dựng, củng cố tổ chức cơ sở đảng. Xác định chức năng, nhiệm vụ các loại hình tổ chức cơ sở đảng phù hợp hơn trong điều kiện hoạt động mới. Kiện toàn tổ chức cơ sở đảng ở nông thôn và một bộ phận doanh nghiệp; chú ý hơn xây dựng tổ chức cơ sở đảng ở vùng sâu, vùng xa, bước đầu xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong các công ty cổ phần, doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Việc xây dựng, củng cố tổ chức cơ sở đảng gắn với xây dựng hệ thống chính trị cơ sở bước đầu tạo nên một số chuyển biến tích cực, xuất hiện những mô hình tốt và kinh nghiệm mới.

Công tác phát triển đảng viên được quan tâm chỉ đạo và đạt được một số kết quả, nhất là ở những vùng trọng yếu, những nơi có ít hoặc chưa có đảng viên. Số lượng đảng viên mới kết nạp hàng năm đều tăng; tỷ lệ đảng viên mới kết nạp là đoàn viên thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, là nữ, người dân tộc thiểu số, trí thức ngày càng tăng, góp phần thay đổi cơ cấu đội ngũ đảng viên theo hướng tích cực.

Công tác cán bộ có một số đổi mới về nội dung và cách làm. Đã giữ vững và thực hiện quan điểm Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ, thực hiện tốt hơn nguyên tắc tập trung dân chủ, coi trọng hơn việc phát huy vai trò, trách nhiệm của các tổ chức trong hệ thống chính trị và người đứng đầu các tổ chức; bước đầu tổ chức để nhân dân tham gia ý kiến vào công tác cán bộ, nhất là ở cơ sở. Tiếp tục cụ thể hóa một bước và xác định một số giải pháp thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 khóa VIII về “Chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”. Triển khai tương đối đồng bộ các khâu công tác cán bộ: đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển, bố trí, sử dụng và thực hiện chính sách cán bộ. Công tác luân chuyển và quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý bước đầu có chuyển biến tiến bộ, góp phần đào tạo, bồi dưỡng, tạo nguồn cán bộ và khắc phục một bước tình trạng hẫng hụt về cán bộ.

Công tác bảo vệ chính trị nội bộ được các cấp ủy, tổ chức đảng quan tâm chỉ đạo, góp phần bảo vệ Đảng về chính trị, tư tưởng và tổ chức; đã làm rõ và kết luận nhiều trường hợp về lịch sử chính trị của cán bộ, đảng viên, góp phần nâng cao chất lượng công tác bố trí, sử dụng cán bộ, kết nạp người vào Đảng.

Việc tiếp tục thực hiện cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII và

Kết luận Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa IX về đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí đã đạt một số kết quả nhất định.

Ban Chấp hành Trung ương và các cấp ủy đã quan tâm hơn việc kiểm tra chấp hành đường lối, chủ trương, Điều lệ Đảng và công tác cán bộ; xây dựng chương trình kiểm tra và thực hiện kiểm tra theo chương trình, tập trung vào những vấn đề trọng tâm, trọng điểm, những lĩnh vực, địa bàn có vấn đề phức tạp. Việc xử lý nghiêm hơn đối với một số cán bộ, đảng viên có sai lầm, kể cả cán bộ cao cấp, có tác dụng giáo dục, răn đe, được nhân dân đồng tình.

Đảng đã từng bước cụ thể hóa và thể chế hóa các quan điểm của Cương lĩnh về phương thức lãnh đạo của Đảng, phát huy tốt hơn vai trò của các cơ quan nhà nước, Mặt trận và các đoàn thể nhân dân, khắc phục dần khuynh hướng Đảng bao biện làm thay, cũng như buông lỏng, xem nhẹ vai trò lãnh đạo của Đảng. Dân chủ trong Đảng, trong quan hệ giữa Đảng với Nhà nước, trong tổ chức và hoạt động của Nhà nước và dân chủ trong xã hội có tiến bộ.

Khuyết điểm, yếu kém:

Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, tự phê bình và phê bình trong các cấp ủy, tổ chức đảng, đảng viên chưa đạt yêu cầu đề ra, chưa tạo được chuyển biến cơ bản, chưa góp phần tích cực ngăn chặn và đẩy lùi tệ tham nhũng, lãng phí, quan liêu. Một số cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp chưa nêu gương, chưa làm tròn trách nhiệm trong đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu. Việc xử lý kỷ luật đối với những người đứng đầu để xảy ra tham nhũng, lãng phí ở ngành, địa phương, đơn vị chưa kịp thời, kiên quyết.

Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng còn nhiều hạn chế, thiếu sót; tính định hướng, tính chiến đấu, tính thuyết phục

và hiệu quả chưa cao; thiếu chủ động và sắc bén trong đấu tranh chống âm mưu “diễn biến hòa bình”, chống tuyên truyền phản động của các thế lực thù địch, bác bỏ các quan điểm sai trái; thiếu những hình thức, biện pháp cụ thể, có sức thuyết phục để xây dựng, củng cố niềm tin, giải đáp những băn khoăn, vướng mắc, những vấn đề phức tạp và những mâu thuẫn mới nảy sinh trong quá trình đổi mới; chưa làm tốt chức năng dự báo tình hình, chuẩn bị tư tưởng cho cán bộ, đảng viên chủ động đi vào kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế với khu vực và thế giới. Công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống còn chung chung, kém hiệu quả. Công tác nghiên cứu lý luận còn yếu, chưa theo kịp yêu cầu của công cuộc đổi mới. Trong chỉ đạo, quản lý cũng như hoạt động của báo chí, xuất bản, văn hóa, nghệ thuật còn nhiều yếu kém, khuyết điểm chậm được khắc phục, nhất là chưa ngăn chặn có hiệu quả khuynh hướng xa rời tôn chỉ mục đích, chạy theo thị hiếu thấp kém, vì lợi ích vật chất cá nhân, cục bộ.

Công tác tổ chức trên một số mặt còn yếu; chưa thực hiện đầy đủ các nguyên tắc tổ chức, hoạt động của Đảng. Chậm xây dựng, hoàn thiện tổ chức và cơ chế giám sát trong Đảng và trong hệ thống chính trị, giám sát của nhân dân đối với hoạt động của Đảng, Nhà nước và cán bộ, đảng viên. Còn thiếu những quy chế cụ thể bảo đảm phát huy dân chủ, thực hiện đúng đắn nguyên tắc tập trung dân chủ. Một số cấp ủy, tổ chức đảng và cán bộ lãnh đạo thiếu tôn trọng và phát huy quyền của đảng viên, ít lắng nghe ý kiến cấp dưới; cán bộ lãnh đạo ở một số nơi gia trưởng, độc đoán, chuyên quyền, mất dân chủ hoặc dân chủ hình thức.

Nhìn chung, việc xây dựng, kiện toàn hệ thống tổ chức chưa đạt yêu cầu tinh gọn, hiệu quả; bộ máy còn chồng chéo,

chồng chéo, quan liêu, trách nhiệm không rõ, hiệu lực, hiệu quả thấp. Mỗi quan hệ về trách nhiệm giữa tập thể và cá nhân, nhất là người đứng đầu chưa được quy định cụ thể; chưa phát huy đúng mức vai trò của cá nhân và tập thể, khó đánh giá được kết quả công tác và quy rõ trách nhiệm cá nhân khi có sai phạm.

Tổ chức cơ sở đảng chưa được quan tâm chỉ đạo đúng mức. Một số thôn bản ở vùng sâu, vùng xa chưa có tổ chức đảng và đảng viên. Một số loại hình tổ chức cơ sở đảng trong doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, cơ quan hành chính, sự nghiệp còn lúng túng về tổ chức và phương thức hoạt động. Không ít cơ sở đảng yếu kém, năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu thấp; sinh hoạt đảng và quản lý đảng viên lỏng lẻo, nội dung sinh hoạt nghèo nàn; tự phê bình và phê bình yếu. Việc đánh giá tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên không ít trường hợp chưa đúng thực chất, còn hình thức.

Nhiều khuyết điểm, yếu kém trong công tác cán bộ chậm được khắc phục, nhất là việc quản lý, giáo dục, rèn luyện cán bộ về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, thực hành dân chủ và chế độ trách nhiệm trong công tác. Chậm đổi mới cơ chế, phương pháp và quy trình đánh giá, bổ nhiệm, miễn nhiệm, từ chức đối với cán bộ. Chưa kiên quyết và thiếu những quy chế có hiệu lực để sắp xếp, bố trí lại đội ngũ cán bộ, thay thế kịp thời những cán bộ yếu kém về phẩm chất và năng lực, để công việc trì trệ; hầu như chỉ khi cán bộ bị kỷ luật hoặc vi phạm pháp luật mới thay thế được. Chưa có chính sách đủ hiệu lực khơi dậy tài năng và thu hút nhân tài vào các lĩnh vực quan trọng. Chậm khắc phục tình trạng cục bộ, khép kín, hẫng hụt cán bộ ở các địa phương, ngành.

Công tác bảo vệ chính trị nội bộ còn nhiều hạn chế, nhất là trong việc xem xét, giải quyết những vấn đề chính trị hiện nay; chậm bổ sung và sửa đổi một số điểm không còn phù hợp trong Quy định 75-QĐ/TW; tổ chức bộ máy và cán bộ làm công tác bảo vệ chính trị nội bộ chậm được kiện toàn. Nhiều cấp ủy, tổ chức đảng chưa quan tâm chỉ đạo đúng mức công tác này.

Công tác kiểm tra trong Đảng còn yếu, chất lượng và hiệu quả kiểm tra chưa cao; nhiều khuyết điểm, sai lầm của đảng viên và tổ chức đảng chậm được phát hiện và khắc phục; chưa coi trọng kiểm tra phòng ngừa, phát huy nhân tố tích cực. Nhiều cấp ủy, tổ chức đảng chưa làm tốt công tác kiểm tra và thi hành kỷ luật trong Đảng. Công tác giám sát trong Đảng và giám sát của nhân dân đối với các hoạt động của Đảng, Nhà nước, cán bộ, đảng viên chưa được quan tâm, chưa đáp ứng yêu cầu công tác xây dựng Đảng trong tình hình mới.

Việc đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng còn chậm và lúng túng. Chậm nghiên cứu và ban hành những quy định cụ thể về phương thức Đảng lãnh đạo Nhà nước; chậm xây dựng các cơ chế phối hợp giữa các tổ chức trong hệ thống chính trị. Thiếu những quy định cụ thể bảo đảm thực hiện đúng đắn nguyên tắc tập trung dân chủ, phát huy dân chủ trong Đảng. Chưa thực sự coi trọng đổi mới phong cách, lề lối làm việc, thực hiện nói đi đôi với làm; tình trạng nói nhiều làm ít, né tránh, đùn đẩy trách nhiệm còn diễn ra ở nhiều nơi.

Những thành tựu và yếu kém trong 20 năm thực hiện đường lối đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc gắn liền với vai trò, trách nhiệm lãnh đạo của Đảng và những ưu điểm, khuyết điểm trong công tác xây dựng Đảng.

Công cuộc đổi mới trong 20 năm qua đã đạt được những

thành tựu to lớn và có ý nghĩa lịch sử; đường lối đổi mới của Đảng là đúng đắn, sáng tạo, phù hợp với thực tiễn Việt Nam; Đảng luôn luôn giữ vững bản chất cách mạng và khoa học, trung thành với giai cấp và dân tộc, kiên định, vững vàng trước mọi thách thức, sáng suốt lãnh đạo đưa sự nghiệp cách mạng của dân tộc ta tiến lên. Qua đó, Đảng ngày càng tích lũy thêm được nhiều kinh nghiệm; nhận thức ngày càng sâu sắc hơn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Bên cạnh những ưu điểm, công tác xây dựng Đảng còn nhiều yếu kém, khuyết điểm, chưa theo kịp với đòi hỏi của tình hình mới; nổi lên là sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên diễn ra nghiêm trọng; tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí chưa được ngăn chặn, đẩy lùi, làm giảm lòng tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân.

Nguyên nhân:

Những khuyết điểm, yếu kém nói trên có những nguyên nhân khách quan và chủ quan:

Về khách quan, những diễn biến nhanh chóng và phức tạp của tình hình thế giới; sự tấn công rất thâm độc của các thế lực thù địch, nhất là trên lĩnh vực tư tưởng chính trị; những mặt trái của kinh tế thị trường, của quá trình hội nhập quốc tế... đã tác động nhiều mặt đến công tác xây dựng Đảng và đội ngũ cán bộ, đảng viên. Xây dựng Đảng trong điều kiện phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, hội nhập quốc tế, xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, mở rộng và phát huy dân chủ... là những vấn đề mới, khó khăn, phức tạp cả về lý luận và thực tiễn, đòi hỏi phải vừa làm vừa tổng kết kinh nghiệm, hoàn thiện và phát triển đường lối.

Về chủ quan, chậm đổi mới tư duy về công tác xây dựng Đảng trong điều kiện mới. Nhận thức chưa đầy đủ và sâu sắc, có mặt chưa rõ, chưa thống nhất một số vấn đề quan trọng ở tầm quan điểm, chủ trương; chưa cụ thể hóa và tổ chức thực hiện kịp thời, đồng bộ một số quan điểm lớn, đúng đắn về xây dựng Đảng đã đề ra trong Cương lĩnh và các nghị quyết của Đảng. Việc đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng còn chậm, chưa đồng bộ với đổi mới tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị, đổi mới kinh tế.

Việc tổ chức thực hiện các nghị quyết, chủ trương về xây dựng Đảng chưa nghiêm, còn thiếu các biện pháp cụ thể, khả thi. Nhiều tổ chức, cấp ủy đảng và bí thư cấp ủy chưa đầu tư đúng mức thời gian, công sức cho công tác xây dựng Đảng. Công tác kiểm tra còn nhiều hạn chế cả về tổ chức và hoạt động; chưa có cơ chế giám sát trong Đảng và giám sát của nhân dân đối với hoạt động của Đảng. Lãnh đạo, chỉ đạo kiện toàn tổ chức, đổi mới công tác cán bộ thiếu kiên quyết, hiệu quả thấp, chưa đáp ứng yêu cầu. Chưa quan tâm đúng mức đến công tác bảo vệ Đảng, bảo vệ tổ chức và cán bộ, đảng viên trong tình hình mới.

Một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, kể cả một số cán bộ chủ chốt các cấp, thiếu ý thức tu dưỡng rèn luyện về phẩm chất đạo đức và năng lực, chạy theo chủ nghĩa cá nhân, không hoàn thành nhiệm vụ nhưng chưa được xử lý kịp thời, kiên quyết.

3. Bài học kinh nghiệm chủ yếu qua 20 năm đổi mới

Từ thực tiễn xây dựng Đảng những năm đổi mới, có thể khái quát một số bài học kinh nghiệm chủ yếu sau đây:

Một là, phải kiên trì đường lối đổi mới, đổi mới toàn diện, có nguyên tắc và sáng tạo; trong quá trình đổi mới, phải luôn

luôn giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, không đa nguyên, đa đảng.

Hai là, Đảng phải được xây dựng vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu, đổi mới công tác xây dựng Đảng. Phát huy dân chủ trong Đảng, thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ, giữ vững kỷ cương, kỷ luật; thường xuyên tự phê bình và phê bình, nói thẳng, nói thật; giữ gìn và tăng cường sự đoàn kết thống nhất trong Đảng, đấu tranh kiên quyết đối với những phần tử cơ hội. Xây dựng hệ thống tổ chức bộ máy trong sạch, vững mạnh, tinh gọn, thẩm quyền, trách nhiệm rõ ràng, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả. Coi trọng xây dựng tổ chức cơ sở đảng.

Ba là, Đảng phải chăm lo xây dựng, rèn luyện đội ngũ cán bộ, đảng viên có đủ bản lĩnh chính trị, phẩm chất, trí tuệ và năng lực hoạt động thực tiễn để hoàn thành nhiệm vụ. Phải tạo sự chuyển biến thực sự và đồng bộ trong công tác cán bộ trên tất cả các khâu đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển, bố trí, sử dụng và chính sách. Đặc biệt coi trọng xây dựng đội ngũ cán bộ chủ chốt, trọng dụng nhân tài.

Bốn là, Đảng phải gắn bó mật thiết với nhân dân, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng. Phải xây dựng các thiết chế mở rộng và phát huy dân chủ, bảo đảm các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đều có sự tham gia xây dựng của nhân dân, phản ánh ý chí, lợi ích của nhân dân, của quốc gia, dân tộc. Cán bộ, đảng viên và công chức phải thật sự là công bộc của nhân dân.

Năm là, Đảng phải tăng cường và nâng cao chất lượng, hiệu quả của công tác kiểm tra, giám sát. Thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đảng để phát huy ưu điểm, phòng ngừa và khắc phục kịp thời sai lầm, khuyết điểm; kiểm tra, giám sát công tác, năng lực và phẩm chất của cán bộ, đảng viên, xây dựng tổ chức đảng, cơ quan nhà nước và cán bộ, đảng viên ngày càng trong sạch, vững mạnh. Phát huy vai trò giám sát của nhân dân, của Mặt trận, các đoàn thể và của các cơ quan thông tin đại chúng.

Sáu là, Đảng phải đổi mới và hoàn thiện phương thức lãnh đạo, nhất là phương thức lãnh đạo Nhà nước, bảo đảm nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, phát huy hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước, tính tích cực, chủ động, sáng tạo của Mặt trận, các đoàn thể nhân dân. Phải xây dựng hệ thống các quy chế về sự lãnh đạo của Đảng ở các ngành, các cấp. Đảng hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật, không làm thay công việc của các tổ chức khác trong hệ thống chính trị.

Phần thứ hai

PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP XÂY DỰNG ĐẢNG TRONG NHIỆM KỲ TỚI

I- PHƯƠNG HƯỚNG VÀ MỤC TIÊU

Phương hướng và mục tiêu tổng quát của công tác xây dựng Đảng trong nhiệm kỳ tới là: *tiếp tục tự đổi mới, tự chỉnh đốn Đảng, tăng cường bản chất giai cấp công nhân và tính tiên phong, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng; xây dựng Đảng thực sự trong sạch, vững mạnh về*

chính trị, tư tưởng, tổ chức, có bản lĩnh chính trị vững vàng, có đạo đức cách mạng trong sáng, có tầm trí tuệ cao, có phương thức lãnh đạo khoa học, luôn gắn bó với nhân dân.
Cụ thể là:

- Nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền, hoạch định đường lối, chủ trương, chính sách; tổ chức thực hiện sáng tạo, có hiệu quả đường lối.

- Coi trọng công tác tư tưởng, công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn, xây dựng nền tảng tư tưởng, lý luận vững chắc cho sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, giữ vững mục tiêu lý tưởng, giữ vững niềm tin, bảo đảm thống nhất giữa nhận thức và hành động.

- Tăng cường giáo dục, rèn luyện đạo đức, lối sống, nâng cao tính tiên phong gương mẫu, phẩm chất và năng lực đội ngũ cán bộ, đảng viên, đề ra và thực hiện các biện pháp có hiệu lực chống tư tưởng cơ hội, thực dụng, chủ nghĩa cá nhân; ngăn chặn, đẩy lùi tệ tham nhũng, lãng phí, quan liêu và những biểu hiện tiêu cực khác.

- Thực hiện đúng các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng; xây dựng, kiện toàn hệ thống tổ chức, làm rõ chức năng, nhiệm vụ, mối quan hệ, thẩm quyền, trách nhiệm của mỗi tổ chức, bảo đảm bộ máy tinh gọn, có hiệu lực, hiệu quả. Đặc biệt chú trọng nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng; gắn xây dựng tổ chức cơ sở đảng với xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở; nâng cao chất lượng sinh hoạt Đảng.

- Tiếp tục đổi mới đồng bộ các khâu của công tác cán bộ, tạo chuyển biến cơ bản, vững chắc trong công tác cán bộ; xây dựng đội ngũ cán bộ, đặc biệt là cán bộ cấp chiến lược, người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, thật sự vì Đảng, vì dân, có bản lĩnh và trí tuệ, đi đầu trong công tác và gương mẫu trong đạo

đức lối sống, bảo đảm tính kế thừa và phát triển; xây dựng và thực hiện chính sách phát triển nhân tài đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

- Đổi mới và nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát trong Đảng và trong cả hệ thống chính trị. Kiểm tra nhận thức, năng lực lãnh đạo, xây dựng và tổ chức thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước; kiểm tra phẩm chất chính trị và đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên. Xây dựng các quy chế và biện pháp thực hiện sự giám sát của nhân dân đối với hoạt động của Đảng, Nhà nước và cán bộ, đảng viên.

- Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, bảo đảm vừa nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng, vừa phát huy tính chủ động, sáng tạo, tinh thần trách nhiệm của Nhà nước, Mặt trận, các đoàn thể nhân dân và người đứng đầu; khắc phục khuynh hướng buông lỏng lãnh đạo hoặc bao biện làm thay; phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị.

II- NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP LỚN

1. Tăng cường xây dựng Đảng về chính trị, hoàn thiện đường lối đổi mới và nâng cao năng lực tổ chức thực hiện

Cụ thể hóa, pháp luật hóa và tổ chức thực hiện Cương lĩnh, đường lối chính trị, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ Tổ quốc, gắn kết chặt chẽ và đồng bộ các nhiệm vụ phát triển kinh tế là trung tâm, xây dựng Đảng là then chốt và phát triển văn hóa - nền tảng tinh thần của xã hội.

Đảng phải nắm vững, vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kế thừa và phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc; tiếp thu tinh hoa

văn hóa của nhân loại, tri thức mới của thời đại, nâng cao năng lực trí tuệ; phải xuất phát từ thực tiễn của đất nước; tiếp tục đổi mới mạnh mẽ tư duy lý luận, kiên định về nguyên tắc, chiến lược, linh hoạt, sáng tạo về sách lược, phương pháp; chống giáo điều, bảo thủ, trì trệ hoặc đổi mới vô nguyên tắc, chủ quan, nóng vội.

Phát huy quyền làm chủ của nhân dân, tổ chức để nhân dân tham gia xây dựng đường lối, chủ trương, quyết sách quan trọng của Đảng, Nhà nước. Coi trọng nâng cao hiệu quả tổ chức thực hiện đường lối, chủ trương; tăng cường kiểm tra, giám sát; thường xuyên bám sát và kịp thời tổng kết thực tiễn, phát hiện, ủng hộ và nhân rộng những nhân tố mới, qua thực tiễn làm sáng tỏ những vấn đề mới, bổ sung, hoàn thiện và phát triển đường lối.

Xúc tiến nghiên cứu bổ sung, phát triển Cương lĩnh của Đảng phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong thời kỳ mới.

2. Tăng cường công tác tư tưởng; rèn luyện phẩm chất, đạo đức cách mạng

Tăng cường công tác tư tưởng:

Chủ động hơn trong công tác tư tưởng. Nghiên cứu xây dựng chiến lược công tác tư tưởng trong tình hình mới.

Đổi mới mạnh mẽ nội dung, hình thức, biện pháp giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; tuyên truyền sâu rộng đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; bồi dưỡng lòng yêu nước, yêu nhân dân, lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, tăng cường giáo dục phẩm chất đạo đức cách mạng trong toàn Đảng, toàn dân, đặc biệt là đối với thế hệ trẻ. Chăm lo củng cố sự đoàn kết, thống nhất và tình đồng chí trong Đảng, sự đồng

thuận trong xã hội; thực hành dân chủ rộng rãi, thường xuyên tự phê bình và phê bình.

Công tác tư tưởng cần nâng cao tính chiến đấu và sức thuyết phục. Bám sát thực tiễn, lắng nghe tâm tư, nguyện vọng và những vướng mắc trong tư tưởng của cán bộ, đảng viên và nhân dân để giải đáp sát thực, kịp thời; đấu tranh khắc phục những biểu hiện phai nhạt lý tưởng, cơ hội, chạy theo lợi ích cá nhân; chủ động và kiên quyết phê phán những quan điểm sai trái, bác bỏ những luận điệu phản động, góp phần làm thất bại mọi mưu toan “diễn biến hòa bình”, bạo loạn, lật đổ của các thế lực thù địch.

Tiếp tục đổi mới tư duy, tăng cường tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận, kịp thời làm sáng tỏ hơn những vấn đề bức xúc về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta; về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; về Đảng cầm quyền và công tác xây dựng Đảng; về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; về tổ chức và hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể nhân dân... Chú trọng nâng cao tính khoa học, tính thực tiễn và sự mạnh dạn khám phá, sáng tạo trong công tác nghiên cứu khoa học, nghiên cứu lý luận. Sớm xây dựng và ban hành quy chế dân chủ trong nghiên cứu lý luận.

Tiếp tục cụ thể hóa chiến lược phát triển văn hóa, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, tiếp thu những thành tựu và tinh hoa văn hóa của nhân loại, hoàn thiện hệ thống giá trị của con người Việt Nam trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế; gắn kết chặt chẽ và đồng bộ hơn phát triển kinh tế - xã hội với phát triển văn hóa, làm cho văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần của xã hội.

Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giảng dạy và học tập lý luận, công tác thông tin, tuyên truyền, cổ động, báo chí, xuất bản, văn hóa nghệ thuật, nắm bắt và định hướng dư luận xã hội; tăng cường tuyên truyền đối ngoại, đặc biệt là về những vấn đề chính trị nhạy cảm như dân tộc, tôn giáo, nhân quyền... Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng về chính trị, tư tưởng và tổ chức trong các cơ quan báo chí. Khắc phục những biểu hiện lệch lạc trong hoạt động báo chí, xuất bản, văn hóa, văn nghệ, nhất là xa rời tôn chỉ, mục đích, chạy theo thị hiếu thấp kém, vì lợi ích vật chất cá nhân, cục bộ.

Kiên toàn tổ chức, nâng cao phẩm chất và năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác tư tưởng, lý luận, nhất là cán bộ chủ chốt, từng bước hiện đại hóa điều kiện, phương tiện công tác tư tưởng - văn hóa.

Rèn luyện phẩm chất đạo đức cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân:

Đặc biệt quan tâm giáo dục, rèn luyện cán bộ, đảng viên để mỗi cán bộ, đảng viên thực sự là tấm gương sáng về phẩm chất, đạo đức, lối sống, hết lòng vì nhân dân, vì sự nghiệp cách mạng.

Cán bộ, đảng viên phải nâng cao tinh thần trách nhiệm trước Đảng và nhân dân, thật sự tiên phong, gương mẫu, đi đầu trong mọi công việc; xử lý hài hòa các lợi ích, đặt lợi ích của Tổ quốc, của nhân dân lên trên hết. Tạo điều kiện để đảng viên công tác, lao động có năng suất, chất lượng, hiệu quả, bảo đảm đời sống và đóng góp vào sự phát triển chung của đất nước.

Học tập, quán triệt, làm theo tư tưởng và tấm gương đạo đức của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đổi mới nội dung và hình thức sinh hoạt đảng bộ, chi bộ; thường xuyên lấy ý kiến nhận

xét của nhân dân về tư cách, đạo đức của cán bộ, đảng viên. Coi trọng công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật nghiêm những cán bộ, đảng viên vi phạm những quy định về trách nhiệm, phẩm chất, đạo đức, lối sống.

3. Đẩy mạnh cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí

Đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí là một nhiệm vụ trọng tâm của công tác xây dựng Đảng, nhiệm vụ trực tiếp, thường xuyên của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội. Các cấp ủy và tổ chức đảng phải nhận thức sâu sắc tính cấp thiết, lâu dài, phức tạp và khó khăn của cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí; có quyết tâm chính trị cao, đấu tranh kiên quyết, kiên trì, liên tục, có hiệu quả từ Trung ương đến cơ sở, trong Đảng, Nhà nước và toàn xã hội; có hệ thống giải pháp đồng bộ, cụ thể và có hiệu lực về tuyên truyền, giáo dục và hành chính, về kinh tế, tài chính và pháp luật, về thanh tra, kiểm tra và giám sát, về chế độ chính sách đãi ngộ và kỷ luật Đảng; sử dụng sức mạnh tổng hợp của tổ chức Đảng, bộ máy nhà nước, Mặt trận, các đoàn thể, nhân dân và các phương tiện thông tin đại chúng.

Các cấp ủy và tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên, trước hết là cán bộ lãnh đạo cấp cao phải thực sự tiên phong, gương mẫu đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

Đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII, bổ sung thêm những yêu cầu, biện pháp mới phù hợp, đưa cuộc vận động đi vào chiều sâu.

Coi trọng giáo dục chính trị tư tưởng, tự tu dưỡng, rèn luyện của cán bộ, đảng viên; công tác quản lý cán bộ, đảng viên của tổ chức đảng; đẩy mạnh đấu tranh tự phê bình và

phê bình, mở rộng dân chủ, công khai. Biểu dương và nhân rộng những tấm gương cần kiệm, liêm chính, chí công vô tư.

Hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật, nhất là về kinh tế, tài chính; về cơ chế, giải pháp phòng ngừa; cơ chế giám sát, phản biện của Mặt trận và các đoàn thể nhân dân. Đẩy mạnh cải cách hành chính nhà nước. Xác định rõ chế độ trách nhiệm của tổ chức và cá nhân, nhất là người đứng đầu trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

Tăng cường chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy công tác kiểm tra và kỷ luật của Đảng; củng cố, kiện toàn, nâng cao hiệu lực của hệ thống thanh tra các cấp, các cơ quan bảo vệ pháp luật và sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan có liên quan.

Xây dựng hệ thống chính sách phân phối thu nhập xã hội và chế độ đãi ngộ công bằng, hợp lý bảo đảm đời sống của cán bộ, công chức. Công khai hóa các chế độ, chính sách để cán bộ, đảng viên và nhân dân giám sát, kiểm tra.

Xây dựng thiết chế khuyến khích, bảo vệ cán bộ, đảng viên và nhân dân tham gia giám sát, phát hiện, đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí.

Xử lý kịp thời, nghiêm minh, công khai theo kỷ luật Đảng và pháp luật của Nhà nước đối với những cán bộ, công chức tham nhũng, bao che cho tham nhũng, gây thiệt hại về tài sản của Nhà nước, của nhân dân, dù người đó ở chức vụ nào, đương chức hay đã nghỉ hưu. Tịch thu tài sản có nguồn gốc từ tham nhũng.

Cấp ủy, tổ chức đảng các cấp, các ngành, cơ quan, đơn vị phải lãnh đạo chặt chẽ cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, không để những phần tử xấu, các thế lực thù địch lợi dụng cuộc đấu tranh này kích động, gây rối.

Thành lập các ban chỉ đạo phòng, chống tham nhũng trung ương và địa phương đủ mạnh, có thực quyền, hoạt động có hiệu quả. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế về phòng, chống tham nhũng.

4. Đổi mới, kiện toàn tổ chức, bộ máy của Đảng và của hệ thống chính trị

Tiếp tục hoàn thiện, cụ thể hóa, quy chế hóa nguyên tắc tập trung dân chủ và các nguyên tắc tổ chức, hoạt động của Đảng. Hoàn thiện quy chế, quy trình về công tác tổ chức bảo đảm mở rộng và phát huy dân chủ trong Đảng.

Tiếp tục đổi mới, kiện toàn tổ chức bộ máy của Đảng và của cả hệ thống chính trị; xác định rõ hơn chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu bộ máy, cơ chế vận hành, lề lối làm việc.

Tiếp tục sắp xếp, kiện toàn tổ chức, bộ máy của Đảng ở Trung ương và các địa phương, gắn với kiện toàn tổ chức, tinh giản biên chế của cơ quan nhà nước, Mặt trận và các đoàn thể nhân dân theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 7 khóa VIII, bảo đảm tinh gọn, hoạt động thiết thực, hiệu quả, phù hợp với điều kiện một đảng cầm quyền. Tổ chức cơ quan tham mưu chuyên trách của Đảng tinh gọn, có chất lượng cao đồng thời phát huy vai trò của các tổ chức đảng và đội ngũ cán bộ, đảng viên, hoạt động trong các cơ quan nhà nước, Mặt trận và các đoàn thể nhân dân.

Cải tiến lề lối làm việc, nâng cao chất lượng nghiên cứu, đề xuất, tham mưu, hướng dẫn, kiểm tra của các cơ quan tham mưu của Đảng các cấp. Tăng cường sự phối hợp giữa các ban cán sự đảng, đảng đoàn với cấp ủy địa phương.

Tổng kết về tổ chức và hoạt động của ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy khối cả về lý luận và thực tiễn, trên cơ sở

đó Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị sẽ xem xét, quyết định về mô hình và phương thức hoạt động của các tổ chức này.

Sắp xếp, củng cố tổ chức cơ sở đảng phù hợp với mô hình sản xuất kinh doanh mới ở các tổng công ty, các loại hình doanh nghiệp; bảo đảm hiệu quả lãnh đạo của tổ chức đảng.

Tiếp tục kiện toàn tổ chức, đổi mới phương thức và nâng cao hiệu quả hoạt động của Quốc hội, của Hội đồng dân tộc và các ủy ban của Quốc hội, nâng cao chất lượng đại biểu Quốc hội, tăng hợp lý số lượng đại biểu Quốc hội chuyên trách, thực hiện tốt hơn các chức năng lập pháp, giám sát tối cao và quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước.

Kiến toàn tổ chức, bộ máy của Chính phủ theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, xây dựng bộ đa ngành, đa lĩnh vực, tập trung làm nhiệm vụ quản lý nhà nước, bỏ chế độ chủ quản đối với doanh nghiệp. Xây dựng nền hành chính nhà nước dân chủ, trong sạch, vững mạnh, từng bước hiện đại. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, coi đây là nhiệm vụ thường xuyên của tất cả các tổ chức trong hệ thống chính trị.

Tiếp tục thực hiện cải cách tư pháp, xây dựng nền tư pháp trong sạch, vững mạnh, dân chủ, nghiêm minh, bảo vệ công lý, quyền con người. Kiện toàn các cơ quan tư pháp theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu lực và hiệu quả, gọn đầu mối, lấy cải cách tổ chức và hoạt động xét xử làm trung tâm.

Nâng cao chất lượng hoạt động của hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân các cấp, bảo đảm thực hiện đúng thẩm quyền và tự chịu trách nhiệm trong phạm vi được phân cấp.

Sắp xếp tổ chức, bộ máy Mặt trận và các đoàn thể nhân dân theo hướng tinh gọn ở cấp Trung ương, tỉnh, huyện. Tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận và

các đoàn thể nhân dân phù hợp với chức năng, tôn chỉ, mục đích hoạt động của từng tổ chức; hướng về cơ sở; khắc phục tình trạng hành chính hóa, xa dân, phô trương, hình thức.

5. Tiếp tục đổi mới công tác cán bộ, công tác bảo vệ chính trị nội bộ

Tiếp tục đổi mới công tác cán bộ:

Mục tiêu chung là xây dựng đội ngũ cán bộ có bản lĩnh chính trị vững vàng, có đạo đức, lối sống lành mạnh, không quan liêu, tham nhũng, lãng phí, kiên quyết đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí; có tư duy đổi mới, sáng tạo, có kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu của thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa; có tinh thần đoàn kết, hợp tác, ý thức tổ chức, kỷ luật cao và phong cách làm việc khoa học, tôn trọng tập thể, gần bó với nhân dân, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm. Đội ngũ cán bộ phải đồng bộ, có tính kế thừa và phát triển, có số lượng và cơ cấu hợp lý.

Nhiệm vụ quan trọng nhất là xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, trước hết là cán bộ lãnh đạo cấp chiến lược và người đứng đầu tổ chức các cấp, các ngành của hệ thống chính trị. Đây là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân, trước hết là của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, cần có kế hoạch chu đáo, giải pháp đồng bộ, cụ thể, có hiệu lực để thực hiện. Quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ dân tộc thiểu số, cán bộ xuất thân từ công nhân, con em những gia đình có công với cách mạng.

Quán triệt và thực hiện đúng nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ, đồng thời đề cao trách nhiệm của các tổ chức trong hệ thống chính trị và người đứng đầu tổ chức. Cấp ủy, tổ chức đảng có

thẩm quyền phải chủ trì và chịu trách nhiệm về công tác tổ chức cán bộ theo đúng nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể quyết định; xác định rõ trách nhiệm của tập thể và trách nhiệm cá nhân, nhất là trách nhiệm của người đứng đầu trong công tác cán bộ. Có chính sách, quy chế tôn vinh những người có công; bố trí, sử dụng đúng những người có năng lực, hết lòng vì dân, vì nước; khuyến khích những người năng động, sáng tạo, có sáng kiến, có ý tưởng mới.

Mở rộng và phát huy dân chủ, thực hiện công khai, minh bạch trong công tác cán bộ. Các cấp ủy cần coi trọng việc đánh giá cán bộ; căn cứ vào tiêu chuẩn, sự tín nhiệm, xem xét giới thiệu để bầu cử hoặc bổ nhiệm những người thực sự có đức, có tài, có tâm huyết với đất nước vào các chức vụ trong cơ quan nhà nước các cấp, không phân biệt người ngoài Đảng hay trong Đảng; khắc phục những biểu hiện cá nhân, cục bộ, thiếu dân chủ, không công tâm, nể nang, tùy tiện trong công tác cán bộ.

Đổi mới và hoàn thiện chế độ bầu cử, thực hiện bầu cử có số dư, mở rộng quyền tiến cử và tự ứng cử, giới thiệu nhiều phương án nhân sự trong bầu cử và bổ nhiệm cán bộ. Thực hiện tốt các cơ chế tuyển chọn, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, quản lý, giám sát cán bộ sau bầu cử, bổ nhiệm; các quy định về quyền hạn, trách nhiệm của người đứng đầu, của các thành viên trong tập thể lãnh đạo, của cơ quan sử dụng cán bộ và cơ quan tham mưu trong công tác cán bộ. Đổi mới và thực hiện tốt chế độ bỏ phiếu tín nhiệm, cho từ chức, thôi chức, miễn chức và cách chức đối với những cán bộ phạm khuyết điểm hoặc không hoàn thành nhiệm vụ; thực hiện cơ chế đảng viên và nhân dân tham gia giám sát cán bộ và công tác cán bộ. Mở rộng phân cấp quản lý đi đôi với tăng cường kiểm tra công tác cán bộ.

Đổi mới mạnh mẽ, triển khai đồng bộ các khâu: đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển, bố trí, sử dụng, xây dựng và thực hiện chính sách cán bộ. Đánh giá cán bộ phải công khai, minh bạch, khách quan, toàn diện và công tâm, lấy hiệu quả hoàn thành nhiệm vụ chính trị làm thước đo phẩm chất và năng lực cán bộ. Đánh giá cán bộ lãnh đạo phải căn cứ vào hiệu quả công tác, khả năng đoàn kết, quy tụ, phát huy sức mạnh của tập thể, tạo ra sự tiến bộ và kết quả cụ thể trong ngành, lĩnh vực, địa phương, đơn vị mình phụ trách; không tham nhũng, lãng phí, quan liêu và kiên quyết chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu. Không bỏ nhiệm, đề bạt những người không đủ phẩm chất và năng lực; khoan dung những người thành thật nhận và sửa chữa sai lầm, khuyết điểm. Tiếp tục cải cách chế độ tiền lương; thực hiện tốt chính sách đối với cán bộ lão thành cách mạng, cán bộ tiền khởi nghĩa, cán bộ hưu trí.

Xây dựng và thực hiện chính sách phát triển và trọng dụng nhân tài, thu hút nhân tài vào những lĩnh vực quan trọng, không phân biệt người trong Đảng hay ngoài Đảng. Tăng cường nguồn đầu tư của Nhà nước và toàn xã hội vào phát hiện, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng nhân tài, trước hết trên ba lĩnh vực: lãnh đạo - quản lý, sản xuất - kinh doanh và khoa học - công nghệ; có chính sách phát triển nhân tài trong lĩnh vực văn học, nghệ thuật và các lĩnh vực khác; tiếp tục thực hiện chủ trương, chính sách khuyến khích đưa cán bộ, học sinh, sinh viên có đạo đức và triển vọng đi đào tạo ở nước ngoài, làm tốt công tác quản lý, giáo dục và sử dụng sau đào tạo; thu hút, sử dụng tốt tài năng người Việt Nam định cư ở nước ngoài và chuyên gia giỏi ở nước ngoài.

Ban Chấp hành Trung ương cần có hội nghị chuyên đề bàn về công tác xây dựng Đảng, về cán bộ và công tác cán bộ trong thời kỳ mới.

Làm tốt công tác bảo vệ chính trị nội bộ:

Hết sức chú trọng công tác bảo vệ Đảng cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Bảo vệ chính trị nội bộ là trách nhiệm của toàn Đảng, trước hết là của các cấp ủy đảng. Bảo vệ chính trị nội bộ phải trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, bảo vệ *Cương lĩnh*, đường lối, chủ trương, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, bảo vệ sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng, bảo vệ cán bộ, đảng viên. Mỗi cán bộ, đảng viên phải trung thành, trung thực với Đảng, không giấu giếm, khai man lịch sử chính trị bản thân và gia đình. Các cấp ủy, tổ chức đảng, nhất là cấp cơ sở phải nắm chắc và quản lý chặt chẽ cán bộ, đảng viên cả về phẩm chất chính trị và đạo đức lối sống. coi trọng việc nắm chắc tình hình cán bộ, nhất là những vấn đề chính trị hiện hành. Kiên quyết đấu tranh chống những biểu hiện lệch lạc, trái với đường lối, quan điểm, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; dựa vào nhân dân, đề cao cảnh giác, đập tan mọi âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch phá hoại nội bộ Đảng.

Củng cố, kiện toàn cơ quan tham mưu của Đảng về công tác bảo vệ chính trị nội bộ, làm rõ chức năng, nhiệm vụ, tăng cường cán bộ có chất lượng, xây dựng quy chế phối hợp chặt chẽ giữa cơ quan bảo vệ chính trị nội bộ với các cơ quan liên quan.

Tổng kết việc thực hiện Quy định 75-QĐ/TW, bổ sung, sửa đổi cho phù hợp với thực tiễn.

6. Xây dựng và củng cố tổ chức cơ sở đảng; nâng cao chất lượng đảng viên

Xây dựng, củng cố tổ chức cơ sở đảng:

Với vị trí là nền tảng của Đảng, là hạt nhân chính trị ở cơ sở, vai trò của tổ chức cơ sở đảng rất quan trọng. Phải dồn sức xây dựng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng, làm cho tổ chức này thực sự trong sạch, vững mạnh; làm tốt công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, quản lý, giám sát đảng viên về năng lực hoàn thành nhiệm vụ và phẩm chất đạo đức, lối sống; đấu tranh chống những biểu hiện tiêu cực trong Đảng. Phải đổi mới mạnh mẽ công tác xây dựng cơ sở, lấy chuyển biến từ cơ sở làm mục tiêu và thước đo kết quả tổng hợp của công tác xây dựng Đảng, cần thực hiện tốt những chủ trương đã đề ra, trọng tâm là:

Tiếp tục hoàn thiện và thực hiện tốt các quy định về chức năng, nhiệm vụ, phương thức hoạt động của các loại hình tổ chức cơ sở đảng, chú trọng các loại hình mới như tổ chức cơ sở đảng trong các công ty cổ phần, doanh nghiệp tư nhân và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Tiếp tục đổi mới nội dung và phương pháp để đánh giá đúng chất lượng tổ chức cơ sở đảng và đảng viên.

Thực hiện tốt nguyên tắc dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng từ cơ sở. Có cơ chế để nhân dân tham gia ý kiến vào việc xây dựng các nghị quyết của đảng bộ, chi bộ, các quyết định của tổ chức đảng, chính quyền cơ sở trực tiếp liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của nhân dân; vào việc bố trí cán bộ chủ chốt của hệ thống chính trị cơ sở; để nhân dân tham gia giám sát tổ chức đảng, chính quyền và cán bộ, đảng viên. Tổ chức đảng, đảng viên phải giữ mối liên hệ mật thiết với nhân dân ở nơi công tác và nơi cư trú.

Thực hiện đồng bộ các biện pháp củng cố tổ chức cơ sở đảng, chú trọng những địa bàn xung yếu, vùng sâu, vùng xa, ở các đảng bộ, chi bộ yếu kém; nâng cao tính chiến đấu, tính giáo dục, đề cao tự phê bình và phê bình trong sinh hoạt đảng; kiện toàn đội ngũ cấp ủy, bí thư chi bộ; bồi dưỡng, tạo nguồn, thực hiện việc tiêu chuẩn hóa cán bộ, công chức cơ sở; đề cao trách nhiệm quản lý, kiểm tra, giám sát đảng viên của chi bộ. Đảng viên có cương vị càng cao càng phải gương mẫu chấp hành sự quản lý của chi bộ.

Kiện toàn tổ chức, nâng cao chất lượng hoạt động của các trường chính trị tỉnh, các trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp huyện và các trường dân tộc nội trú để đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức ở cơ sở.

Nâng cao chất lượng đảng viên:

Cần nhấn mạnh các yêu cầu sau đây đối với đảng viên:

Về tư tưởng chính trị, tuyệt đối trung thành với sự nghiệp cách mạng của Đảng, của dân tộc, tích cực thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị được giao. Có bản lĩnh chính trị vững vàng, không dao động trước những khó khăn, thách thức. Có ý thức giữ vững và nêu cao vai trò lãnh đạo của Đảng.

Về trình độ năng lực, có hiểu biết cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đủ sức hoàn thành tốt nhiệm vụ. Có năng lực vận động và lãnh đạo quần chúng tổ chức thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng.

Về phẩm chất, đạo đức, lối sống, có tinh thần trách nhiệm cao, gương mẫu, đi đầu trong công tác; xử lý hài hòa các lợi ích, đặt lợi ích của Đảng, của Tổ quốc lên trên hết. Liên hệ mật thiết với nhân dân, tôn trọng và bảo vệ quyền làm chủ của

nhân dân. Có lối sống trong sạch, lành mạnh, có kỷ cương, kỷ luật. Không quan liêu, tham nhũng, lãng phí và kiên quyết đấu tranh phòng, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí và các tiêu cực khác.

Chú trọng và tăng cường công tác phát triển Đảng, sớm khắc phục tình trạng một số cơ sở, địa bàn chưa có đảng viên, tổ chức đảng. Việc kết nạp đảng viên phải coi trọng chất lượng, tiêu chuẩn, đặc biệt tiêu chuẩn giác ngộ lý tưởng của Đảng, đạo đức lối sống, năng lực hoàn thành nhiệm vụ; trọng tâm phát triển hướng vào thế hệ trẻ, công nhân, nông dân, trí thức, quân nhân, cán bộ, con em các gia đình có công với cách mạng. Coi trọng giáo dục, rèn luyện đảng viên dự bị, đảng viên trẻ.

Thường xuyên sàng lọc đảng viên, kiên quyết đưa những người không đủ tiêu chuẩn ra khỏi Đảng bằng các hình thức thích hợp. Khai trừ những đảng viên thoái hóa về chính trị, tư tưởng, đạo đức lối sống, tham nhũng, lãng phí, quan liêu, cố tình vi phạm kỷ luật Đảng và pháp luật của Nhà nước. Vận động ra Đảng hoặc xóa tên khỏi danh sách đảng viên đối với những đảng viên phai nhạt lý tưởng, giảm sút ý chí phấn đấu, không làm tròn nhiệm vụ đảng viên, đã được tổ chức đảng giúp đỡ mà không tiến bộ.

Đảng viên làm kinh tế tư nhân phải gương mẫu chấp hành pháp luật, chính sách của Nhà nước, nghiêm chỉnh chấp hành Điều lệ Đảng và quy định của Ban Chấp hành Trung ương.

7. Đổi mới và tăng cường công tác kiểm tra, giám sát

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát với nhận thức và yêu cầu mới: công tác kiểm tra, giám sát phải góp phần phát hiện và khắc phục được những khuyết điểm, thiếu sót khi

mới mạnh nha; bên cạnh việc tiếp tục thực hiện kiểm tra tổ chức và cá nhân đảng viên có dấu hiệu vi phạm, phải tăng cường chủ động giám sát, kiểm tra về phẩm chất đạo đức và kết quả thực hiện nhiệm vụ của tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên, về nhận thức và chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và việc chấp hành Điều lệ Đảng. Coi trọng kiểm tra, phát hiện nhân tố tích cực.

Bổ sung chức năng giám sát, tăng thẩm quyền và trách nhiệm xem xét kỷ luật của cấp ủy và ủy ban kiểm tra các cấp. Ủy ban kiểm tra các cấp có quyền yêu cầu các cấp ủy, tổ chức đảng và đảng viên giải trình về các vấn đề thuộc thẩm quyền và trách nhiệm kiểm tra, giám sát được giao.

Kiện toàn hệ thống ủy ban kiểm tra các cấp, hoàn thiện quy chế phối hợp giữa ủy ban kiểm tra đảng với các tổ chức đảng và các cơ quan bảo vệ pháp luật trong việc xem xét khiếu nại, tố cáo và xử lý kỷ luật đối với cán bộ, đảng viên.

Xây dựng quy chế tiếp nhận, xử lý ý kiến của Mặt trận, các đoàn thể và của nhân dân nhận xét, phê bình tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên.

Kiện toàn tổ chức, tăng cường cán bộ có chất lượng, cải thiện điều kiện, phương tiện làm việc của ủy ban kiểm tra các cấp.

8. Xây dựng và tăng cường mối quan hệ gắn bó giữa Đảng với nhân dân

Phải quán triệt và thực hiện tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh và những quan điểm của Đảng về mối quan hệ giữa Đảng với nhân dân: thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức; phát huy quyền làm chủ của nhân

dân, dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng; Đảng lãnh đạo và Nhà nước quản lý là để bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân. Cán bộ, đảng viên vừa là người lãnh đạo, vừa là công bộc của nhân dân. Hoạt động của Đảng và Nhà nước phải chịu sự giám sát của nhân dân. Sự tin tưởng, ủng hộ, giúp đỡ của nhân dân là cội nguồn của sức mạnh, là cái gốc của thắng lợi, là tài sản quý báu của Đảng.

Đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, hoàn thiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng cho phù hợp với yêu cầu phát triển của đất nước; kết hợp hài hòa sự phát triển kinh tế với bảo đảm sự tiến bộ và công bằng xã hội trên phạm vi cả nước cũng như ở từng lĩnh vực, từng địa phương, từng chính sách phát triển.

Chăm lo thực hiện chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc, xử lý đúng đắn, kịp thời các mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân. Điều hòa hợp lý lợi ích xã hội của các tầng lớp dân cư, các vùng, miền, lĩnh vực; chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, nhất là bộ phận có nhiều khó khăn trong công nhân, nông dân, đồng bào các dân tộc thiểu số, ở vùng sâu, vùng xa.

Hoàn thiện những thiết chế thực hiện dân chủ hóa đời sống xã hội, bảo đảm và phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Thực hiện có hiệu quả Quy chế dân chủ ở cơ sở; tiếp tục đổi mới, hoàn thiện chế độ dân chủ trực tiếp và dân chủ đại diện.

Tăng cường xây dựng giai cấp công nhân có giác ngộ và bản lĩnh chính trị, có trình độ học vấn và nghề nghiệp ngày càng cao trong quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Phát huy vai trò của giai cấp nông dân trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn.

Phát huy trí tuệ và năng lực của đội ngũ trí thức, trọng dụng nhân tài.

Tạo điều kiện và phát huy tiềm năng, vai trò của doanh nhân, của người Việt Nam ở nước ngoài trong việc phát triển sản xuất, kinh doanh, góp phần xây dựng và bảo vệ đất nước.

Phát huy vai trò và tạo điều kiện thuận lợi để Mặt trận và các đoàn thể nhân dân tham gia xây dựng đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước, thực hiện vai trò giám sát và phản biện xã hội.

Tăng cường các hoạt động nhân đạo, từ thiện, tương thân, tương ái và công tác vận động đồng bào ta định cư ở nước ngoài.

9. Đổi mới và hoàn thiện phương thức lãnh đạo của Đảng

Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng phải đồng bộ với đổi mới tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị, đổi mới kinh tế.

Nghiên cứu, tổng kết, tiếp tục làm rõ quan điểm về Đảng lãnh đạo và Đảng cầm quyền làm cơ sở đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng một cách cơ bản, toàn diện.

Cụ thể hóa Cương lĩnh, Hiến pháp và Điều lệ Đảng về phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị và toàn xã hội; xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, mối quan hệ giữa Đảng với Nhà nước, Mặt trận và các đoàn thể nhân dân.

Vấn đề quyết định trong đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng là thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ, thực hành và mở rộng dân chủ trong tổ chức và hoạt động của Đảng.

Khâu mấu chốt là đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước ở các cấp từ Trung ương đến cơ sở;

xây dựng hệ thống các quy chế về sự lãnh đạo của Đảng ở các cấp, các ngành theo tinh thần: Đảng lãnh đạo Nhà nước bằng Cương lĩnh, đường lối, quan điểm, chủ trương, các nghị quyết, nguyên tắc giải quyết các vấn đề lớn, có ý nghĩa chính trị quan trọng. Phát huy mạnh mẽ vai trò chủ động, sáng tạo và tinh thần trách nhiệm của Nhà nước trong quản lý đất nước và xã hội theo pháp luật.

Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước trong việc thể chế hóa, cụ thể hóa đường lối, quan điểm, chủ trương, chính sách lớn của Đảng thành Hiến pháp, pháp luật, kế hoạch, các chương trình mục tiêu lớn của Nhà nước. Đảng lãnh đạo nhưng không làm thay Nhà nước và các tổ chức trong hệ thống chính trị. Đề phòng và khắc phục khuynh hướng tổ chức đảng buông lỏng sự lãnh đạo hoặc bao biện làm thay cũng như khuynh hướng các cơ quan nhà nước thụ động, né tránh trách nhiệm, việc gì cũng xin ý kiến cấp ủy Đảng.

Đảng tập trung lãnh đạo xây dựng Nhà nước thực sự trong sạch, vững mạnh, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả. Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ của hệ thống chính trị, có phân công, phân cấp hợp lý, tôn trọng, phát huy vai trò, trách nhiệm của các cơ quan và người đứng đầu các tổ chức trong công tác cán bộ.

Đảng kết hợp chặt chẽ việc lãnh đạo và kiểm tra bộ máy nhà nước thông qua tổ chức đảng và cá nhân đảng viên hoạt động trong cơ quan nhà nước.

Đối với Quốc hội, xây dựng cơ chế, quy chế cụ thể giải quyết tốt hơn mối quan hệ giữa vai trò lãnh đạo về quan điểm, phương hướng, chủ trương, nguyên tắc, giải pháp lớn của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư

(đối với những vấn đề kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng, đối ngoại trọng đại của đất nước) với thẩm quyền quyết định của Quốc hội trên những vấn đề này theo Hiến pháp và Luật tổ chức, hoạt động của Quốc hội.

Đối với Chính phủ, xác định rõ hơn thẩm quyền quyết định của Chính phủ. Xác định rõ những loại việc ở tầm Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư trực tiếp quyết định; những loại việc Bộ Chính trị, Ban Bí thư cho ý kiến định hướng; những loại việc Chính phủ chủ động quyết định theo thẩm quyền.

Đối với các cơ quan tư pháp, Đảng lãnh đạo công tác tư pháp, lãnh đạo công tác đào tạo, bồi dưỡng, quản lý và sử dụng đội ngũ cán bộ tư pháp, tôn trọng nguyên tắc: “Khi xét xử thẩm phán và hội thẩm độc lập và chỉ tuân theo pháp luật”. Nâng cao vai trò, trách nhiệm của các cấp ủy đảng, ban cán sự đảng của các cơ quan tư pháp theo quy định của Đảng. Đề cao trách nhiệm của cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân.

Đối với lĩnh vực quốc phòng, an ninh, Đảng lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt các lĩnh vực này về quan điểm, đường lối, chủ trương, chính sách, xây dựng các lực lượng vũ trang nhân dân trong sạch, vững mạnh, có bản lĩnh chính trị vững vàng, sẵn sàng chiến đấu trong mọi tình huống; đồng thời phát huy trách nhiệm quản lý của Nhà nước đối với các cơ quan này.

Đối với chính quyền địa phương, định rõ những loại việc ban chấp hành đảng bộ, ban thường vụ cho ý kiến trước khi Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân quyết định thực hiện; những loại việc do ban chấp hành, ban thường vụ cho ý kiến định hướng, hội đồng nhân dân quyết định; những loại việc

do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân quyết định theo thẩm quyền. Sự lãnh đạo của cấp ủy đảng là định hướng và bảo đảm để Hội đồng nhân dân quyết định các nhiệm vụ kinh tế - xã hội ở địa phương, tạo điều kiện cho Ủy ban nhân dân, người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước địa phương quản lý, điều hành và tổ chức thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ đề ra.

Đối với Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân, tăng cường và đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng trong việc xây dựng, ban hành cơ chế, chính sách, tạo điều kiện cho các tổ chức này hoạt động đúng định hướng chính trị, đúng pháp luật và có hiệu quả. Phát huy tinh thần tự chủ, sáng tạo của Mặt trận và các đoàn thể nhân dân trong việc kiện toàn tổ chức và đổi mới hoạt động của mình. Có cơ chế, chính sách lãnh đạo và quản lý phù hợp với từng loại hội. Tiếp tục luật hóa các hoạt động của các đoàn thể nhân dân và các hội.

Tiếp tục đổi mới phong cách, lề lối làm việc của Đảng theo hướng thực sự dân chủ, kỷ cương, thiết thực, sâu sát cơ sở, sâu sát quần chúng; làm việc có chương trình, kế hoạch, có trọng tâm, trọng điểm, nói đi đôi với làm. Đổi mới cách ra nghị quyết, văn kiện và báo cáo phải ngắn gọn, thiết thực, cụ thể; đổi mới và nâng cao chất lượng, hiệu quả của hội nghị. Cấp ủy dành nhiều thời gian tổ chức, chỉ đạo, kiểm tra, tổng kết việc thực hiện nghị quyết; chỉ đạo hoạt động của Nhà nước, Mặt trận và các đoàn thể nhân dân.

Xây dựng và thực hiện chế độ báo cáo xin ý kiến. Đảng ủy cơ sở định kỳ 6 tháng một lần phải báo cáo về hoạt động của mình trước hội nghị toàn thể đảng viên trong đảng bộ. Ban thường vụ cấp ủy tỉnh, huyện và tương

đương phải báo cáo, xin ý kiến ban chấp hành cùng cấp về hoạt động của mình giữa hai kỳ họp ban chấp hành. Bộ Chính trị, Ban Bí thư phải báo cáo, xin ý kiến Ban Chấp hành Trung ương về hoạt động của mình giữa hai kỳ họp Ban Chấp hành Trung ương.

ĐIỀU LỆ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

(Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X
thông qua ngày 25 tháng 4 năm 2006)

ĐẢNG VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ XÂY DỰNG ĐẢNG

Đảng Cộng sản Việt Nam do đồng chí Hồ Chí Minh sáng lập và rèn luyện, đã lãnh đạo nhân dân tiến hành Cách mạng Tháng Tám thành công, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà (nay là nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam), đánh thắng các cuộc chiến tranh xâm lược, xoá bỏ chế độ thực dân phong kiến, hoàn thành sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, tiến hành công cuộc đổi mới, xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc nền độc lập của Tổ quốc.

Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam; đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động và của dân tộc.

Mục đích của Đảng là xây dựng nước Việt Nam độc lập, dân chủ, giàu mạnh, xã hội công bằng, văn minh, không còn người bóc lột người, thực hiện thành công chủ nghĩa xã hội và cuối cùng là chủ nghĩa cộng sản.

Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động, phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa trí tuệ của nhân loại, nắm vững quy luật khách quan, xu thế thời đại và thực tiễn của đất nước để đề ra Cương lĩnh chính trị, đường lối cách mạng đúng đắn, phù hợp với nguyện vọng của nhân dân.

Đảng là một tổ chức chặt chẽ, thống nhất ý chí và hành động, lấy tập trung dân chủ làm nguyên tắc tổ chức cơ bản, thực hiện tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, thương yêu đồng chí, kỷ luật nghiêm minh, đồng thời thực hiện các nguyên tắc: tự phê bình và phê bình, đoàn kết trên cơ sở Cương lĩnh chính trị và Điều lệ Đảng, giữ mối liên hệ mật thiết với nhân dân, Đảng hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật.

Đảng Cộng sản Việt Nam là đảng cầm quyền, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, chịu sự giám sát của nhân dân; dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng; đoàn kết và lãnh đạo nhân dân tiến hành sự nghiệp cách mạng. Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị, đồng thời là một bộ phận của hệ thống ấy. Đảng lãnh đạo, tôn trọng và phát huy vai trò của Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội.

Đảng kết hợp chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế trong sáng của giai cấp công nhân, góp phần tích cực vào sự nghiệp hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội của nhân dân thế giới.

Đảng Cộng sản Việt Nam được xây dựng vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn, không ngừng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ,

đảng viên, sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo cách mạng của Đảng.

Chương I **ĐẢNG VIÊN**

Điều 1:

1. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam là chiến sĩ cách mạng trong đội tiên phong của giai cấp công nhân Việt Nam, suốt đời phấn đấu cho mục đích, lý tưởng của Đảng, đặt lợi ích của Tổ quốc, của giai cấp công nhân và nhân dân lao động lên trên lợi ích cá nhân; chấp hành nghiêm chỉnh Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, các nghị quyết của Đảng và pháp luật của Nhà nước; có lao động, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; có đạo đức và lối sống lành mạnh; gắn bó mật thiết với nhân dân; phục tùng tổ chức, kỷ luật của Đảng, giữ gìn đoàn kết thống nhất trong Đảng.

2. Công dân Việt Nam từ mười tám tuổi trở lên; thừa nhận và tự nguyện: thực hiện Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, tiêu chuẩn và nhiệm vụ đảng viên, hoạt động trong một tổ chức cơ sở đảng; qua thực tiễn chứng tỏ là người ưu tú, được nhân dân tín nhiệm, đều có thể được xét để kết nạp vào Đảng.

Điều 2:

Đảng viên có nhiệm vụ:

1. Tuyệt đối trung thành với mục đích lý tưởng cách mạng của Đảng, chấp hành nghiêm chỉnh Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, pháp luật của Nhà nước; hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; phục tùng tuyệt đối sự phân công và điều động của Đảng.

2. Không ngừng học tập, rèn luyện, nâng cao trình độ kiến thức, năng lực công tác, phẩm chất chính trị, đạo đức cách mạng, có lối sống lành mạnh; đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, cơ hội, cục bộ, quan liêu, tham nhũng, lãng phí và các biểu hiện tiêu cực khác.

3. Liên hệ chặt chẽ với nhân dân, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần và bảo vệ quyền lợi chính đáng của nhân dân; tích cực tham gia công tác quần chúng, công tác xã hội nơi làm việc và nơi ở; tuyên truyền vận động gia đình và nhân dân thực hiện đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

4. Tham gia xây dựng, bảo vệ đường lối, chính sách và tổ chức của Đảng; phục tùng kỷ luật, giữ gìn đoàn kết thống nhất trong Đảng; thường xuyên tự phê bình và phê bình, trung thực với Đảng; làm công tác phát triển đảng viên; sinh hoạt đảng và đóng đảng phí đúng quy định.

Điều 3:

Đảng viên có quyền:

1. Được thông tin và thảo luận các vấn đề về Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng; biểu quyết công việc của Đảng.

2. Ứng cử, đề cử và bầu cử cơ quan lãnh đạo các cấp của Đảng theo quy định của Ban Chấp hành Trung ương.

3. Phê bình, chất vấn về hoạt động của tổ chức đảng và đảng viên ở mọi cấp trong phạm vi tổ chức; báo cáo, kiến nghị với các cơ quan có trách nhiệm và yêu cầu được trả lời.

4. Trình bày ý kiến khi tổ chức đảng nhận xét, quyết định công tác hoặc thi hành kỷ luật đối với mình.

Đảng viên dự bị có các quyền trên đây, trừ quyền biểu quyết, ứng cử và bầu cử cơ quan lãnh đạo của Đảng.

Điều 4:

Thủ tục kết nạp đảng viên (kể cả kết nạp lại):

1. Người vào Đảng phải:

- Có đơn tự nguyện xin vào Đảng;
- Báo cáo trung thực lý lịch với chi bộ;
- Được hai đảng viên chính thức giới thiệu.

Nơi có tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, người vào Đảng trong độ tuổi thanh niên phải là đoàn viên, được ban chấp hành đoàn cơ sở và một đảng viên chính thức giới thiệu.

Ở các cơ quan, doanh nghiệp nơi không có tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, người vào Đảng phải là đoàn viên công đoàn, được ban chấp hành công đoàn cơ sở và một đảng viên chính thức giới thiệu.

2. Người giới thiệu phải:

- Là đảng viên chính thức và cùng công tác với người vào Đảng ít nhất một năm;

- Báo cáo với chi bộ về lý lịch, phẩm chất, năng lực của người vào Đảng và chịu trách nhiệm về sự giới thiệu của mình. Có điều gì chưa rõ thì báo cáo để chi bộ và cấp trên xem xét.

3. Trách nhiệm của chi bộ và cấp uỷ:

- Trước khi chi bộ xét và đề nghị kết nạp, chi uỷ kiểm tra lại điều kiện của người vào Đảng và lấy ý kiến nhận xét của tổ chức đoàn thể nơi người đó sinh hoạt.

Vấn đề lịch sử chính trị của người vào Đảng phải thực hiện theo quy định của Ban Chấp hành Trung ương.

- Chi bộ xét và đề nghị kết nạp từng người một, khi được ít nhất hai phần ba số đảng viên chính thức trong chi bộ tán thành thì đề nghị lên cấp uỷ cấp trên; khi có quyết định của cấp uỷ cấp trên, chi bộ tổ chức lễ kết nạp từng người một.

- Đảng uỷ cơ sở xét, nếu được ít nhất hai phần ba số cấp uỷ viên tán thành kết nạp thì đề nghị lên cấp uỷ cấp trên trực tiếp.

- Ban thường vụ cấp uỷ cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng hoặc cấp uỷ cơ sở được uỷ quyền xét, quyết định kết nạp từng người một.

4. Nơi chưa có đảng viên hoặc có đảng viên nhưng chưa đủ điều kiện giới thiệu thì cấp uỷ cấp trên trực tiếp cử đảng viên về làm công tác tuyên truyền, xem xét, giới thiệu kết nạp vào Đảng. Trường hợp đặc biệt do Ban Chấp hành Trung ương quy định.

Điều 5:

1. Người được kết nạp vào Đảng phải trải qua thời kỳ dự bị mười hai tháng, tính từ ngày chi bộ tổ chức lễ kết nạp. Trong thời kỳ dự bị, chi bộ tiếp tục giáo dục, rèn luyện và phân công đảng viên chính thức giúp đảng viên đó tiến bộ.

2. Khi hết thời kỳ dự bị, chi bộ xét công nhận đảng viên chính thức từng người một và biểu quyết như khi xét kết nạp; nếu không đủ tư cách đảng viên thì đề nghị lên cấp uỷ có thẩm quyền quyết định xoá tên trong danh sách đảng viên dự bị.

3. Nghị quyết của chi bộ về đề nghị công nhận đảng viên chính thức phải được cấp uỷ có thẩm quyền quyết định.

4. Tuổi đảng của đảng viên tính từ ngày ghi trong quyết định công nhận đảng viên chính thức.

Điều 6:

Việc phát và quản lý thẻ đảng viên, quản lý hồ sơ đảng viên và thủ tục chuyển sinh hoạt đảng do Ban Chấp hành Trung ương quy định.

Điều 7:

Đảng viên tuổi cao, sức yếu, tự nguyện xin giảm, miễn công tác và sinh hoạt đảng do chi bộ xem xét, quyết định.

Điều 8:

1. Đảng viên bỏ sinh hoạt chi bộ hoặc không đóng đảng phí ba tháng trong năm mà không có lý do chính đáng; đảng viên giảm sút ý chí phấn đấu, không làm nhiệm vụ đảng viên, đã được chi bộ giáo dục mà không tiến bộ thì chi bộ xem xét, đề nghị lên cấp có thẩm quyền xoá tên trong danh sách đảng viên.

2. Các trường hợp trên nếu đảng viên có khiếu nại thì chi bộ báo cáo cấp uỷ có thẩm quyền xem xét.

3. Đảng viên xin ra khỏi Đảng do chi bộ xem xét, đề nghị cấp có thẩm quyền chuẩn y kết nạp quyết định.

Chương II

NGUYÊN TẮC TỔ CHỨC VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA ĐẢNG

Điều 9:

Đảng Cộng sản Việt Nam tổ chức theo nguyên tắc tập trung dân chủ. Nội dung cơ bản của nguyên tắc đó là:

1. Cơ quan lãnh đạo các cấp của Đảng do bầu cử lập ra, thực hiện tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách.

2. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Đảng là Đại hội đại biểu toàn quốc. Cơ quan lãnh đạo ở mỗi cấp là đại hội đại biểu hoặc đại hội đảng viên. Giữa hai kỳ đại hội, cơ quan lãnh đạo của Đảng là Ban Chấp hành Trung ương, ở mỗi cấp là ban chấp hành đảng bộ, chi bộ (gọi tắt là cấp uỷ).

3. Cấp uỷ các cấp báo cáo và chịu trách nhiệm về hoạt động của mình trước đại hội cùng cấp, trước cấp uỷ cấp trên và cấp dưới; định kỳ thông báo tình hình hoạt động của mình đến các tổ chức đảng trực thuộc, thực hiện tự phê bình và phê bình.

4. Tổ chức đảng và đảng viên phải chấp hành nghị quyết của Đảng. Thiếu số phục tùng đa số, cấp dưới phục tùng cấp trên, cá nhân phục tùng tổ chức, các tổ chức trong toàn Đảng phục tùng Đại hội đại biểu toàn quốc và Ban Chấp hành Trung ương.

5. Nghị quyết của các cơ quan lãnh đạo của Đảng chỉ có giá trị thi hành khi có hơn một nửa số thành viên trong cơ quan đó tán thành. Trước khi biểu quyết, mỗi thành viên được phát biểu ý kiến của mình. Đảng viên có ý kiến thuộc về thiểu số được quyền bảo lưu và báo cáo lên cấp uỷ cấp trên cho đến Đại hội đại biểu toàn quốc, song phải chấp hành nghiêm chỉnh nghị quyết, không được truyền bá ý kiến trái với nghị quyết của Đảng. Cấp uỷ có thẩm quyền nghiên cứu xem xét ý kiến đó; không phân biệt đối xử với đảng viên có ý kiến thuộc về thiểu số.

6. Tổ chức đảng quyết định các vấn đề thuộc phạm vi quyền hạn của mình, song không được trái với nguyên tắc, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và nghị quyết của cấp trên.

Điều 10:

1. Hệ thống tổ chức của Đảng được lập tương ứng với hệ thống tổ chức hành chính của Nhà nước.

2. Tổ chức cơ sở đảng được lập tại đơn vị cơ sở hành chính, sự nghiệp, kinh tế hoặc công tác, đặt dưới sự lãnh đạo của cấp uỷ huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh.

Tổ chức đảng trong Quân đội nhân dân Việt Nam và Công an nhân dân Việt Nam theo quy định tại Chương VI. Việc lập tổ chức đảng ở những nơi có đặc điểm riêng theo quy định của Ban Chấp hành Trung ương.

3. Cấp uỷ cấp trên trực tiếp quyết định lập hoặc giải thể đảng bộ, chi bộ trực thuộc.

Điều 11:

1. Cấp uỷ triệu tập đại hội khi hết nhiệm kỳ, thông báo trước cho cấp dưới về thời gian và nội dung đại hội.

2. Cấp uỷ triệu tập đại hội quyết định số lượng đại biểu và phân bổ cho các đảng bộ trực thuộc căn cứ vào số lượng đảng viên, số lượng đảng bộ trực thuộc, vị trí quan trọng của từng đảng bộ, theo hướng dẫn của Ban Chấp hành Trung ương.

3. Đại biểu dự đại hội gồm các uỷ viên ban chấp hành cấp triệu tập đại hội và đại biểu do đại hội cấp dưới bầu.

4. Việc chỉ định đại biểu chỉ thực hiện đối với tổ chức đảng hoạt động trong điều kiện đặc biệt không thể mở đại hội để bầu cử được, theo quy định của Ban Chấp hành Trung ương.

5. Đại biểu dự đại hội phải được đại hội thẩm tra tư cách và biểu quyết công nhận. Cấp uỷ triệu tập đại hội không được bác bỏ tư cách đại biểu do đại hội cấp dưới bầu, trừ trường hợp đại biểu đang bị đình chỉ sinh hoạt đảng, đình chỉ sinh hoạt cấp uỷ, bị khởi tố, truy tố, tạm giam.

6. Đại hội chỉ hợp lệ khi có ít nhất hai phần ba số đại biểu hoặc đảng viên được triệu tập tham dự và có ít nhất hai phần ba số tổ chức đảng trực thuộc có đại biểu tham dự.

7. Đại hội bầu đoàn chủ tịch (chủ tịch) để điều hành công việc của đại hội.

Điều 12:

1. Cấp uỷ viên phải có đủ tiêu chuẩn về phẩm chất chính trị, đạo đức cách mạng, lối sống lành mạnh; chấp hành nghiêm chỉnh nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng, kỷ luật của Đảng và pháp luật của Nhà nước; có kiến thức và năng lực tham gia lãnh đạo tập thể, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; đoàn kết cán bộ, đảng viên, được quần chúng tín nhiệm.

2. Số lượng Uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương do Đại hội đại biểu toàn quốc quyết định; số lượng cấp uỷ viên cấp nào do đại hội cấp đó quyết định, theo hướng dẫn của Ban Chấp hành Trung ương. Cấp uỷ các cấp cần được đổi mới, bảo đảm tính kế thừa và phát triển qua mỗi lần đại hội.

3. Đoàn chủ tịch (chủ tịch) hướng dẫn bầu cử:

- Đại biểu có quyền nhận xét, chất vấn về người ứng cử và người được đề cử;

- Danh sách bầu cử do đại hội thảo luận và biểu quyết thông qua;

- Bầu cử bằng phiếu kín;

- Người trúng cử phải được số phiếu bầu quá một nửa so với tổng số đại biểu được triệu tập hoặc so với tổng số đảng viên chính thức của đảng bộ, chi bộ.

Trường hợp số người có số phiếu quá một nửa nhiều hơn số lượng cần bầu thì lấy số người có số phiếu cao hơn; nếu ở cuối danh sách trúng cử có nhiều người ngang phiếu nhau và nhiều hơn số lượng cần bầu thì bầu lại số người ngang phiếu đó để lấy người có số phiếu cao hơn, không cần phải quá một nửa. Trường hợp bầu lại mà số phiếu vẫn ngang nhau, có bầu nữa hay không do đại hội quyết định.

Nếu bầu một lần mà chưa đủ số lượng quy định, có bầu thêm nữa hay không do đại hội quyết định.

Điều 13:

1. Cấp uỷ khoá mới nhận sự bàn giao từ cấp uỷ khoá trước, điều hành công việc ngay sau khi được bầu và được công nhận chính thức khi có quyết định chuẩn y của cấp uỷ cấp trên trực tiếp.

2. Việc bổ sung cấp uỷ viên thiếu do cấp uỷ đề nghị, cấp uỷ cấp trên trực tiếp quyết định; số lượng cấp uỷ viên sau khi bổ sung không vượt quá tổng số cấp uỷ viên mà đại hội đã quyết định. Khi thật cần thiết, cấp uỷ cấp trên trực tiếp chỉ định tăng thêm một số cấp uỷ viên cấp dưới.

3. Khi thật cần thiết, cấp uỷ cấp trên có quyền điều động một số cấp uỷ viên cấp dưới, nhưng không quá một phần ba tổng số cấp uỷ viên do đại hội đã bầu.

4. Cấp uỷ viên xin rút khỏi cấp uỷ, do cấp uỷ xem xét đề nghị lên cấp uỷ cấp trên trực tiếp quyết định; đối với Ủy viên Trung ương, do Ban Chấp hành Trung ương quyết định. Cấp uỷ viên đương nhiệm ở đảng bộ từ cấp tỉnh trở xuống, khi có quyết định nghỉ công tác để nghỉ hưu hoặc chuyển công tác đến đơn vị khác ngoài đảng bộ thì thôi tham gia các cấp uỷ đương nhiệm ở đảng bộ đó.

Đối với Ủy viên Trung ương khi có quyết định thôi giữ chức vụ trong các cơ quan đảng, nhà nước, đoàn thể để nghỉ hưu thì thôi tham gia Ban Chấp hành Trung ương đương nhiệm.

5. Đối với tổ chức đảng mới thành lập, cấp uỷ cấp trên trực tiếp chỉ định cấp uỷ lâm thời; chậm nhất trong vòng một năm kể từ ngày có quyết định chỉ định, tổ chức đảng đó phải tiến hành đại hội; nếu kéo dài thêm thời gian phải được cấp uỷ cấp trên trực tiếp đồng ý.

6. Đối với tổ chức đảng không thể mở đại hội được, cấp uỷ cấp trên trực tiếp chỉ định cấp uỷ của tổ chức đảng đó.

Điều 14:

1. Cấp uỷ mỗi cấp lập các cơ quan tham mưu giúp việc theo hướng dẫn của Ban Chấp hành Trung ương.

2. Khi cần, cấp uỷ lập tiểu ban, hội đồng, tổ công tác và giải thể khi hoàn thành nhiệm vụ.

Chương III

CƠ QUAN LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG Ở CẤP TRUNG ƯƠNG

Điều 15:

1. Đại hội đại biểu toàn quốc do Ban Chấp hành Trung ương triệu tập thường lệ năm năm một lần; có thể triệu tập sớm hoặc muộn hơn, nhưng không quá một năm.

2. Đại hội đánh giá kết quả thực hiện nghị quyết của nhiệm kỳ vừa qua; quyết định đường lối, chính sách của Đảng nhiệm kỳ tới; bổ sung, sửa đổi Cương lĩnh chính trị và Điều lệ Đảng khi cần; bầu Ban Chấp hành Trung ương. Số lượng Uỷ viên Trung ương chính thức và Uỷ viên Trung ương dự khuyết do Đại hội quyết định.

Ban Chấp hành Trung ương xem xét việc chuyển Uỷ viên Trung ương dự khuyết có đủ điều kiện để thay thế Uỷ viên Trung ương chính thức khi khuyết.

3. Khi Ban Chấp hành Trung ương xét thấy cần hoặc khi có hơn một nửa số cấp uỷ trực thuộc yêu cầu thì Ban Chấp hành Trung ương triệu tập Đại hội đại biểu toàn quốc bất thường. Đại biểu dự Đại hội bất thường là các Uỷ viên Trung ương đương nhiệm, đại biểu đã dự Đại hội đại biểu toàn quốc đầu nhiệm kỳ, đủ tư cách.

Điều 16:

1. Ban Chấp hành Trung ương tổ chức chỉ đạo thực hiện Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, các nghị quyết của Đại hội; quyết định những chủ trương, chính sách về đối nội, đối ngoại, công tác quần chúng và công tác xây dựng Đảng; chuẩn bị Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng nhiệm kỳ tiếp theo, Đại hội đại biểu toàn quốc bất thường (nếu có).

2. Ban Chấp hành Trung ương họp thường lệ sáu tháng một lần; họp bất thường khi cần.

Điều 17:

1. Ban Chấp hành Trung ương bầu Bộ Chính trị; bầu Tổng Bí thư trong số Ủy viên Bộ Chính trị; thành lập Ban Bí thư gồm Tổng Bí thư, một số Ủy viên Bộ Chính trị do Bộ Chính trị phân công và một số Ủy viên Ban Bí thư do Ban Chấp hành Trung ương bầu trong số Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương; bầu Ủy ban Kiểm tra Trung ương; bầu Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương trong số Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

Số lượng Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư và Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương do Ban Chấp hành Trung ương quyết định.

Đồng chí Tổng Bí thư giữ chức vụ Tổng Bí thư không quá hai nhiệm kỳ liên tiếp.

2. Bộ Chính trị lãnh đạo và kiểm tra việc thực hiện nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc, nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương; quyết định những vấn đề về chủ trương, chính sách, tổ chức, cán bộ; quyết định triệu tập và chuẩn bị nội dung các kỳ họp của Ban Chấp hành Trung ương; báo cáo

công việc đã làm trước hội nghị Ban Chấp hành Trung ương hoặc theo yêu cầu của Ban Chấp hành Trung ương.

3. Ban Bí thư lãnh đạo công việc hằng ngày của Đảng: chỉ đạo công tác xây dựng Đảng và công tác quần chúng; kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng về kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại; chỉ đạo sự phối hợp hoạt động giữa các tổ chức trong hệ thống chính trị; quyết định một số vấn đề về tổ chức, cán bộ và một số vấn đề khác theo sự phân công của Ban Chấp hành Trung ương; chỉ đạo hoặc kiểm tra việc chuẩn bị các vấn đề đưa ra Bộ Chính trị thảo luận và quyết định.

Chương IV

CƠ QUAN LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG Ở CÁC CẤP ĐỊA PHƯƠNG

Điều 18:

1. Đại hội đại biểu đảng bộ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, đảng bộ huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh do cấp uỷ cùng cấp triệu tập thường lệ năm năm một lần; có thể triệu tập sớm hoặc muộn hơn, nhưng không quá một năm.

2. Đại hội thảo luận văn kiện của cấp uỷ cấp trên; đánh giá kết quả thực hiện nghị quyết nhiệm kỳ vừa qua; quyết định nhiệm vụ nhiệm kỳ tới; bầu cấp uỷ; bầu đại biểu đi dự đại hội cấp trên.

3. Khi cấp uỷ xét thấy cần hoặc khi có trên một nửa số cấp uỷ trực thuộc yêu cầu và được cấp uỷ cấp trên trực tiếp đồng ý thì triệu tập đại hội đại biểu bất thường.

Đại biểu dự đại hội đại biểu bất thường là các cấp uỷ viên đương nhiệm, đại biểu đã dự đại hội đại biểu đảng bộ đầu nhiệm kỳ, đang sinh hoạt tại đảng bộ, đủ tư cách.

Điều 19:

1. Cấp uỷ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi tắt là tỉnh uỷ, thành uỷ), cấp uỷ huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh (gọi tắt là huyện uỷ, quận uỷ, thị uỷ, thành uỷ) lãnh đạo thực hiện nghị quyết đại hội đại biểu; nghị quyết, chỉ thị của cấp trên.

2. Hội nghị tỉnh uỷ, thành uỷ, huyện uỷ, quận uỷ, thị uỷ do ban thường vụ triệu tập thường lệ ba tháng một lần; họp bất thường khi cần.

Điều 20:

1. Hội nghị tỉnh uỷ, thành uỷ, huyện uỷ, quận uỷ, thị uỷ bầu ban thường vụ; bầu bí thư và phó bí thư trong số uỷ viên thường vụ; bầu uỷ ban kiểm tra; bầu chủ nhiệm uỷ ban kiểm tra trong số uỷ viên uỷ ban kiểm tra.

2. Số lượng uỷ viên ban thường vụ và uỷ viên uỷ ban kiểm tra do cấp uỷ quyết định theo hướng dẫn của Ban Chấp hành Trung ương.

3. Ban thường vụ lãnh đạo và kiểm tra việc thực hiện nghị quyết của đại hội đại biểu, nghị quyết, chỉ thị của cấp uỷ cùng cấp và cấp trên; quyết định những vấn đề về chủ trương, tổ chức, cán bộ; quyết định triệu tập và chuẩn bị nội dung các kỳ họp của cấp uỷ.

4. Thường trực cấp uỷ gồm bí thư, các phó bí thư, chỉ đạo kiểm tra thực hiện nghị quyết, chỉ thị của cấp uỷ, của ban thường vụ và cấp uỷ cấp trên; giải quyết công việc hàng ngày

của đảng bộ; quyết định triệu tập và chuẩn bị nội dung các kỳ họp của ban thường vụ.

Chương V

TỔ CHỨC CƠ SỞ ĐẢNG

Điều 21:

1. Tổ chức cơ sở đảng (chi bộ cơ sở, đảng bộ cơ sở) là nền tảng của Đảng, là hạt nhân chính trị ở cơ sở.

2. Ở xã, phường, thị trấn, cơ quan, hợp tác xã, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp, đơn vị cơ sở trong quân đội, công an và các đơn vị cơ sở khác có từ ba đảng viên chính thức trở lên, lập tổ chức cơ sở đảng; nếu chưa đủ ba đảng viên chính thức thì cấp uỷ cấp trên trực tiếp giới thiệu đảng viên sinh hoạt ở tổ chức cơ sở đảng thích hợp.

3. Tổ chức cơ sở đảng dưới ba mươi đảng viên, lập chi bộ cơ sở, có các tổ đảng trực thuộc.

4. Tổ chức cơ sở đảng có từ ba mươi đảng viên trở lên, lập đảng bộ cơ sở, có các chi bộ trực thuộc đảng uỷ.

5. Những trường hợp sau đây, cấp uỷ cấp dưới phải báo cáo và được cấp uỷ cấp trên trực tiếp đồng ý mới được thực hiện:

- Lập đảng bộ cơ sở trong đơn vị cơ sở chưa đủ ba mươi đảng viên.

- Lập chi bộ trực thuộc đảng uỷ cơ sở có hơn ba mươi đảng viên.

- Lập đảng bộ bộ phận trực thuộc đảng uỷ cơ sở.

Điều 22:

1. Đại hội đại biểu hoặc đại hội đảng viên của tổ chức cơ sở đảng do cấp uỷ cơ sở triệu tập năm năm một lần; có thể triệu tập sớm hoặc muộn hơn nhưng không quá một năm.

2. Đại hội thảo luận văn kiện của cấp trên; đánh giá kết quả thực hiện nghị quyết nhiệm kỳ vừa qua; quyết định nhiệm vụ nhiệm kỳ tới; bầu cấp ủy; bầu đại biểu đi dự đại hội đảng bộ cấp trên.

3. Khi cấp ủy xét thấy cần hoặc khi có trên một nửa số tổ chức đảng trực thuộc yêu cầu và được cấp ủy cấp trên trực tiếp đồng ý thì triệu tập đại hội đại biểu hoặc đại hội đảng viên bất thường.

Đại biểu dự đại hội đại biểu bất thường là các cấp ủy viên đương nhiệm, đại biểu đã dự đại hội đại biểu đảng bộ đầu nhiệm kỳ, đang sinh hoạt tại đảng bộ, đủ tư cách. Dự đại hội đảng viên bất thường là những đảng viên của đảng bộ đó.

4. Đảng ủy, chi ủy cơ sở họp thường lệ mỗi tháng một lần; họp bất thường khi cần.

5. Đảng ủy cơ sở có từ chín ủy viên trở lên bầu ban thường vụ; bầu bí thư, phó bí thư trong số ủy viên thường vụ; dưới chín ủy viên chỉ bầu bí thư, phó bí thư.

6. Đảng bộ cơ sở họp thường lệ mỗi năm hai lần; họp bất thường khi cần. Chi bộ cơ sở họp thường lệ mỗi tháng một lần; họp bất thường khi cần.

Điều 23:

Tổ chức cơ sở đảng có nhiệm vụ:

1. Chấp hành đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; đề ra chủ trương, nhiệm vụ chính trị của đảng bộ, chi bộ và lãnh đạo thực hiện có hiệu quả.

2. Xây dựng đảng bộ, chi bộ trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức; thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ; nâng cao chất lượng sinh hoạt đảng, thực hiện tự phê bình và phê bình, giữ gìn kỷ luật và tăng cường

đoàn kết thống nhất trong Đảng; thường xuyên giáo dục, rèn luyện và quản lý cán bộ, đảng viên, nâng cao phẩm chất đạo đức cách mạng, tinh chiến đấu, trình độ kiến thức, năng lực công tác; làm công tác phát triển đảng viên.

3. Lãnh đạo xây dựng chính quyền, các tổ chức kinh tế, hành chính, sự nghiệp, quốc phòng, an ninh và các đoàn thể chính trị - xã hội trong sạch, vững mạnh; chấp hành đúng pháp luật và phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

4. Liên hệ mật thiết với nhân dân, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần và bảo vệ lợi ích chính đáng của nhân dân; lãnh đạo nhân dân tham gia xây dựng và thực hiện đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

5. Kiểm tra việc thực hiện, bảo đảm các nghị quyết, chỉ thị của Đảng và pháp luật của Nhà nước được chấp hành nghiêm chỉnh; kiểm tra tổ chức đảng và đảng viên chấp hành Điều lệ Đảng.

Đảng uỷ cơ sở nếu được cấp uỷ cấp trên trực tiếp uỷ quyền thì được quyết định kết nạp và khai trừ đảng viên.

Điều 24:

1. Chi bộ trực thuộc đảng uỷ cơ sở được tổ chức theo nơi làm việc hoặc nơi ở của đảng viên; mỗi chi bộ ít nhất có ba đảng viên chính thức. Chi bộ đông đảng viên có thể chia thành nhiều tổ đảng; tổ đảng bầu tổ trưởng, nếu cần thì bầu tổ phó; tổ đảng hoạt động dưới sự chỉ đạo của chi uỷ.

2. Chi bộ lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị của đơn vị; giáo dục, quản lý và phân công công tác cho đảng viên; làm công tác vận động quần chúng và công tác phát triển đảng viên; kiểm tra, thi hành kỷ luật đảng viên; thu, nộp đảng phí. Chi bộ, chi uỷ họp thường lệ mỗi tháng một lần.

3. Đại hội chi bộ do chi uỷ triệu tập năm năm hai lần; nơi chưa có chi uỷ thì do bí thư chi bộ triệu tập. Khi được đảng uỷ cơ sở đồng ý có thể triệu tập sớm hoặc muộn hơn, nhưng không quá sáu tháng.

4. Chi bộ có dưới chín đảng viên chính thức, bầu bí thư chi bộ; nếu cần, bầu phó bí thư. Chi bộ có chín đảng viên chính thức trở lên, bầu chi uỷ, bầu bí thư và phó bí thư chi bộ trong số chi uỷ viên.

Chương VI

TỔ CHỨC ĐẢNG TRONG QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM VÀ CÔNG AN NHÂN DÂN VIỆT NAM

Điều 25:

1. Đảng lãnh đạo Quân đội nhân dân Việt Nam và Công an nhân dân Việt Nam tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt; xây dựng Quân đội và Công an trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, tuyệt đối trung thành với Đảng, với Tổ quốc, hết lòng, hết sức phục vụ nhân dân, là lực lượng nòng cốt cùng toàn dân bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, giữ gìn an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, tham gia xây dựng đất nước.

2. Tổ chức đảng trong Quân đội nhân dân Việt Nam và Công an nhân dân Việt Nam hoạt động theo Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

3. Các ban của cấp uỷ đảng theo chức năng giúp cấp uỷ hướng dẫn, kiểm tra công tác xây dựng Đảng và công tác quần chúng trong Quân đội nhân dân Việt Nam và Công an nhân dân Việt Nam.

Điều 26:

1. Đảng uỷ Quân sự Trung ương (gọi tắt là Quân uỷ Trung ương) do Bộ Chính trị chỉ định, gồm một số Uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương công tác trong Quân đội và một số Uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương công tác ngoài Quân đội, đặt dưới sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Trung ương mà thường xuyên là Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

2. Quân uỷ Trung ương nghiên cứu đề xuất để Ban Chấp hành Trung ương quyết định những vấn đề về đường lối, nhiệm vụ quân sự và quốc phòng; lãnh đạo mọi mặt trong Quân đội.

3. Tổng cục Chính trị đảm nhiệm công tác đảng, công tác chính trị trong toàn quân, hoạt động dưới sự lãnh đạo của Ban Bí thư và trực tiếp, thường xuyên của Quân uỷ Trung ương. Ở mỗi cấp có cơ quan chính trị và cán bộ chính trị đảm nhiệm công tác đảng, công tác chính trị dưới sự lãnh đạo của cấp uỷ đảng cùng cấp và sự chỉ đạo của cơ quan chính trị cấp trên.

Điều 27:

1. Cấp uỷ đảng trong bộ đội chủ lực và bộ đội biên phòng ở cấp nào do đại hội cấp đó bầu, lãnh đạo các đơn vị thuộc cấp mình về mọi mặt; trường hợp đặc biệt do cấp uỷ cấp trên chỉ định.

2. Đảng uỷ quân khu gồm các đồng chí công tác trong đảng bộ quân khu do đại hội cùng cấp bầu và các đồng chí bí thư tỉnh, thành uỷ trên địa bàn quân khu được chỉ định tham gia; lãnh đạo thực hiện nghị quyết của cấp trên, nhiệm vụ xây dựng nền quốc phòng toàn dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; phối hợp với cấp uỷ địa phương thực hiện đường lối, chính sách của Đảng trong quân khu.

3. Tổ chức đảng quân sự địa phương ở cấp nào đặt dưới sự lãnh đạo của cấp uỷ địa phương cấp đó về mọi mặt, đồng thời chấp hành nghị quyết của đảng uỷ quân sự cấp trên về nhiệm vụ quốc phòng toàn dân và công tác quân sự địa phương. Cơ quan chính trị cấp trên phối hợp với cấp uỷ địa phương chỉ đạo công tác đảng, công tác chính trị và công tác quần chúng trong lực lượng vũ trang địa phương.

4. Đảng uỷ quân sự tỉnh, thành, huyện, quận, thị xã gồm các đồng chí công tác trong đảng bộ quân sự địa phương do đại hội cùng cấp bầu, đồng chí bí thư cấp uỷ địa phương và một số đồng chí ngoài đảng bộ quân sự địa phương được chỉ định tham gia theo quy định của Ban Chấp hành Trung ương.

Điều 28:

1. Đảng uỷ Công an Trung ương do Bộ Chính trị chỉ định gồm một số Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương công tác trong Công an nhân dân và một số Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương công tác ngoài Công an nhân dân, một số đồng chí công tác thuộc Đảng bộ Công an Trung ương, đặt dưới sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Trung ương mà thường xuyên là Bộ Chính trị, Ban Bí thư. Đảng uỷ Công an Trung ương nghiên cứu đề xuất để Ban Chấp hành Trung ương quyết định những vấn đề về đường lối, chính sách, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; lãnh đạo mọi mặt công tác trong công an.

2. Cấp uỷ công an cấp nào do đại hội cấp đó bầu, trường hợp thật cần thiết do cấp uỷ cấp trên chỉ định. Cấp uỷ lãnh đạo các đơn vị thuộc cấp mình về mọi mặt.

3. Tổng cục Xây dựng lực lượng Công an nhân dân đảm nhiệm công tác đảng, công tác chính trị và công tác quần

chúng trong các đơn vị thuộc đảng bộ công an, hoạt động dưới sự lãnh đạo của Đảng uỷ Công an Trung ương; phối hợp với cấp uỷ địa phương chỉ đạo công tác đảng, công tác chính trị và công tác quần chúng trong lực lượng công an địa phương.

4. Cơ quan xây dựng lực lượng công an mỗi cấp đảm nhiệm công tác đảng, công tác chính trị, công tác quần chúng trong đảng bộ, hoạt động dưới sự lãnh đạo của cấp uỷ đảng cùng cấp và sự chỉ đạo của cơ quan xây dựng lực lượng cấp trên.

Điều 29:

1. Tổ chức đảng Công an nhân dân địa phương cấp nào đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp về mọi mặt của cấp uỷ cấp đó, đồng thời chấp hành nghị quyết của đảng uỷ công an cấp trên về giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; lãnh đạo xây dựng lực lượng Công an nhân dân ở địa phương và xây dựng đảng bộ trong sạch, vững mạnh.

2. Đảng uỷ công an tỉnh, thành, huyện, quận, thị xã do đại hội đảng bộ cùng cấp bầu.

Chương VII

CÔNG TÁC KIỂM TRA, GIÁM SÁT CỦA ĐẢNG VÀ ỦY BAN KIỂM TRA CÁC CẤP

Điều 30:

1. Kiểm tra, giám sát là những chức năng lãnh đạo của Đảng. Tổ chức đảng phải tiến hành công tác kiểm tra, giám sát. Tổ chức đảng và đảng viên chịu sự kiểm tra, giám sát của Đảng.

2. Các cấp uỷ đảng lãnh đạo công tác kiểm tra, giám sát và tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát các tổ chức

đảng và đảng viên chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị của Đảng.

Điều 31:

1. Ủy ban kiểm tra các cấp do cấp ủy cùng cấp bầu, gồm một số đồng chí trong cấp ủy và một số đồng chí ngoài cấp ủy.

2. Các thành viên ủy ban kiểm tra và chủ nhiệm, phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra cấp dưới phải được cấp ủy cấp trên trực tiếp chuẩn y, nếu điều động chủ nhiệm ủy ban kiểm tra sang công tác khác phải được cấp ủy cấp trên trực tiếp đồng ý.

3. Ủy ban kiểm tra làm việc theo chế độ tập thể, dưới sự lãnh đạo của cấp ủy cùng cấp và sự chỉ đạo, kiểm tra của ủy ban kiểm tra cấp trên.

Điều 32:

Ủy ban kiểm tra các cấp có nhiệm vụ:

1. Kiểm tra đảng viên, kể cả cấp ủy viên cùng cấp khi có dấu hiệu vi phạm tiêu chuẩn đảng viên, tiêu chuẩn cấp ủy viên và trong việc thực hiện nhiệm vụ đảng viên.

2. Kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới khi có dấu hiệu vi phạm trong việc chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, các nguyên tắc tổ chức của Đảng; kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra và thi hành kỷ luật trong Đảng.

3. Giám sát cấp ủy viên cùng cấp, cán bộ diện cấp ủy cùng cấp quản lý và tổ chức đảng cấp dưới về việc thực hiện chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, nghị quyết của cấp ủy và đạo đức, lối sống theo quy định của Ban Chấp hành Trung ương.

4. Xem xét, kết luận những trường hợp vi phạm kỷ luật, quyết định hoặc đề nghị cấp ủy thi hành kỷ luật.

5. Giải quyết tố cáo đối với tổ chức đảng và đảng viên; giải quyết khiếu nại về kỷ luật Đảng.

6. Kiểm tra tài chính của cấp uỷ cấp dưới và của cơ quan tài chính cấp uỷ cùng cấp.

Điều 33:

Ủy ban kiểm tra có quyền yêu cầu tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên báo cáo, cung cấp tài liệu về những vấn đề liên quan đến nội dung kiểm tra.

Chương VIII

KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT

Điều 34:

Tổ chức đảng và đảng viên có thành tích được khen thưởng theo quy định của Ban Chấp hành Trung ương.

Điều 35:

1. Tổ chức đảng và đảng viên vi phạm kỷ luật phải xử lý công minh, chính xác, kịp thời.

2. Hình thức kỷ luật:

- Đối với tổ chức đảng: khiển trách, cảnh cáo, giải tán;
- Đối với đảng viên chính thức: khiển trách, cảnh cáo, cách chức, khai trừ;
- Đối với đảng viên dự bị: khiển trách, cảnh cáo.

Điều 36:

Thẩm quyền thi hành kỷ luật đảng viên vi phạm:

1. Chi bộ quyết định khiển trách, cảnh cáo đảng viên trong chi bộ (kể cả cấp uỷ viên các cấp, đảng viên thuộc diện

cấp uỷ cấp trên quản lý) vi phạm phẩm chất chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, sinh hoạt đảng, thực hiện nhiệm vụ đảng viên (trừ nhiệm vụ do cấp trên giao).

Đảng uỷ cơ sở quyết định khiển trách, cảnh cáo đảng viên trong đảng bộ, cách chức cấp uỷ viên cấp dưới.

Đảng uỷ cơ sở được uỷ quyền quyết định kết nạp đảng viên thì có quyền quyết định khai trừ đảng viên, nhưng không phải là cấp uỷ viên cùng cấp và đảng viên là cán bộ thuộc diện cấp uỷ cấp trên quản lý.

2. Cấp uỷ tỉnh, thành, huyện, quận và tương đương quyết định các hình thức kỷ luật đảng viên; quyết định khiển trách, cảnh cáo cấp uỷ viên cùng cấp.

Ban thường vụ cấp uỷ quyết định các hình thức kỷ luật đảng viên; quyết định khiển trách, cảnh cáo đảng viên là cán bộ thuộc diện cấp uỷ cấp trên quản lý nhưng không phải là cấp uỷ viên cùng cấp và cấp trên.

3. Ban Chấp hành Trung ương quyết định các hình thức kỷ luật đảng viên, kể cả Uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương, Uỷ viên Ban Bí thư, Uỷ viên Bộ Chính trị.

Bộ Chính trị, Ban Bí thư quyết định các hình thức kỷ luật đảng viên, kể cả đảng viên là cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý, nhưng không phải là Uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương.

4. Uỷ ban kiểm tra từ cấp huyện, quận và tương đương trở lên quyết định các hình thức kỷ luật đảng viên, nhưng không phải là cấp uỷ viên cùng cấp; quyết định khiển trách, cảnh cáo đảng viên là cán bộ thuộc diện cấp uỷ cùng cấp quản lý và cấp uỷ viên cấp dưới trực tiếp.

5. Cấp uỷ và uỷ ban kiểm tra cấp trên có quyền chuẩn y, thay đổi hoặc xoá bỏ hình thức kỷ luật do cấp dưới quyết định.

6. Đảng viên giữ nhiều chức vụ bị kỷ luật cách chức thì tùy mức độ, tính chất vi phạm mà cách một hay nhiều chức vụ.

Điều 37:

Thẩm quyền thi hành kỷ luật tổ chức đảng vi phạm:

1. Cấp uỷ cấp trên trực tiếp quyết định khiển trách, cảnh cáo tổ chức đảng cấp dưới.

2. Kỷ luật giải tán một tổ chức đảng do cấp uỷ cấp trên trực tiếp đề nghị, cấp uỷ cấp trên cách một cấp quyết định. Quyết định này phải báo cáo lên cấp uỷ cấp trên trực tiếp và Uỷ ban Kiểm tra Trung ương.

3. Chỉ giải tán một tổ chức đảng khi tổ chức đó phạm một trong các trường hợp: có hành động chống đường lối, chính sách của Đảng; vi phạm đặc biệt nghiêm trọng nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng hoặc pháp luật của Nhà nước.

Điều 38:

1. Tổ chức đảng và đảng viên vi phạm không thuộc thẩm quyền quyết định kỷ luật của cấp mình thì đề nghị lên cấp có thẩm quyền quyết định.

2. Trường hợp tổ chức đảng cấp dưới không xử lý hoặc xử lý không đúng mức đối với tổ chức đảng và đảng viên vi phạm thì cấp uỷ hoặc uỷ ban kiểm tra cấp trên quyết định các hình thức kỷ luật theo thẩm quyền, đồng thời xem xét trách nhiệm của tổ chức đảng đó.

3. Kỷ luật giải tán một tổ chức đảng và khai trừ đảng viên phải được ít nhất hai phần ba số thành viên của tổ chức đảng cấp dưới đề nghị và do tổ chức đảng có thẩm quyền quyết định.

Điều 39:

1. Đảng viên vi phạm phải kiểm điểm trước chi bộ, tự nhận hình thức kỷ luật; nếu từ chối kiểm điểm hoặc bị tạm giam, tổ chức đảng vẫn tiến hành xem xét kỷ luật. Trường hợp cần thiết, cấp uỷ và uỷ ban kiểm tra cấp có thẩm quyền trực tiếp xem xét kỷ luật.

2. Tổ chức đảng vi phạm phải kiểm điểm, tự nhận hình thức kỷ luật và báo cáo lên cấp uỷ cấp trên quyết định.

3. Trước khi quyết định kỷ luật, đại diện tổ chức đảng có thẩm quyền nghe đảng viên vi phạm hoặc đại diện tổ chức đảng vi phạm trình bày ý kiến.

4. Quyết định của cấp dưới về kỷ luật tổ chức đảng và đảng viên vi phạm phải báo cáo lên cấp uỷ, uỷ ban kiểm tra cấp trên trực tiếp; nếu đảng viên vi phạm tham gia nhiều cơ quan lãnh đạo của Đảng thì phải báo cáo đến các cơ quan lãnh đạo cấp trên mà đảng viên đó là thành viên.

5. Quyết định của cấp trên về kỷ luật tổ chức đảng và đảng viên vi phạm phải được thông báo đến cấp dưới, nơi có tổ chức đảng và đảng viên vi phạm; trường hợp cần thông báo rộng hơn thì do cấp uỷ có thẩm quyền quyết định.

6. Kỷ luật tổ chức đảng và đảng viên vi phạm có hiệu lực ngay sau khi công bố quyết định.

7. Tổ chức đảng, đảng viên không đồng ý với quyết định kỷ luật thì trong vòng một tháng, kể từ ngày nhận quyết định, có quyền khiếu nại với cấp uỷ hoặc uỷ ban kiểm tra cấp trên cho đến Ban Chấp hành Trung ương. Việc giải quyết khiếu nại kỷ luật, thực hiện theo quy định của Ban Chấp hành Trung ương.

8. Khi nhận khiếu nại kỷ luật, cấp uỷ hoặc uỷ ban kiểm tra thông báo cho tổ chức đảng hoặc đảng viên khiếu nại biết;

chậm nhất ba tháng đối với cấp tỉnh, thành phố, huyện, quận và tương đương, sáu tháng đối với cấp Trung ương, kể từ ngày nhận được khiếu nại, phải xem xét, giải quyết, trả lời cho tổ chức đảng và đảng viên khiếu nại biết.

9. Trong khi chờ giải quyết khiếu nại, tổ chức đảng và đảng viên bị kỷ luật phải chấp hành nghiêm chỉnh quyết định kỷ luật.

Điều 40:

1. Đảng viên bị hình phạt tù cải tạo không giam giữ trở lên phải khai trừ ra khỏi Đảng.

2. Tổ chức đảng bị kỷ luật giải tán, cấp uỷ cấp trên trực tiếp lập tổ chức đảng mới hoặc giới thiệu sinh hoạt đảng cho số đảng viên còn lại.

3. Đảng viên bị kỷ luật cách chức, trong vòng một năm, kể từ ngày có quyết định, không được bầu vào cấp uỷ, không được bổ nhiệm vào các chức vụ tương đương và cao hơn.

4. Việc đình chỉ sinh hoạt đảng của đảng viên, đình chỉ sinh hoạt cấp uỷ của cấp uỷ viên, đình chỉ hoạt động của tổ chức đảng phải được cấp uỷ hoặc uỷ ban kiểm tra có thẩm quyền quyết định theo quy định của Ban Chấp hành Trung ương.

Chương IX

ĐẢNG LÃNH ĐẠO NHÀ NƯỚC VÀ ĐOÀN THỂ CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI

Điều 41:

1. Đảng lãnh đạo Nhà nước và đoàn thể chính trị - xã hội bằng Cương lĩnh chính trị, chiến lược, chính sách, chủ trương; bằng công tác tư tưởng, tổ chức, cán bộ và kiểm tra, giám sát việc thực hiện.

2. Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ, đi đôi với phát huy trách nhiệm của các tổ chức và người đứng đầu các tổ chức trong hệ thống chính trị về công tác cán bộ.

3. Đảng giới thiệu cán bộ đủ tiêu chuẩn để ứng cử hoặc bổ nhiệm vào cơ quan nhà nước và đoàn thể chính trị - xã hội.

4. Tổ chức đảng và đảng viên công tác trong cơ quan nhà nước và đoàn thể chính trị - xã hội phải chấp hành nghiêm chỉnh nghị quyết, chỉ thị của Đảng; tổ chức đảng lãnh đạo việc cụ thể hoá thành các văn bản luật pháp của Nhà nước, chủ trương của đoàn thể; lãnh đạo thực hiện có hiệu quả.

Điều 42:

1. Trong cơ quan lãnh đạo của Nhà nước và đoàn thể chính trị - xã hội cấp Trung ương và cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, do bầu cử lập ra, cấp uỷ cùng cấp lập đảng đoàn gồm một số đảng viên công tác trong tổ chức đó. Nơi không lập đảng đoàn thì tổ chức cơ sở đảng trong cơ quan đó thực hiện chức năng lãnh đạo theo quy định của Ban Chấp hành Trung ương.

2. Đảng đoàn do cấp uỷ cùng cấp chỉ định; có bí thư, nếu cần, có phó bí thư. Đảng đoàn làm việc theo chế độ tập thể và chịu trách nhiệm trước cấp uỷ.

3. Đảng đoàn lãnh đạo, thuyết phục các thành viên trong tổ chức thực hiện đường lối, chính sách của Đảng; liên hệ mật thiết với nhân dân; đề xuất với cấp uỷ về phương hướng, nhiệm vụ, tổ chức, cán bộ và quyết định theo thẩm quyền; kiểm tra việc chấp hành đường lối, chính sách của Đảng.

4. Khi cần, đảng đoàn triệu tập các đảng viên trong tổ chức để thảo luận chủ trương của cấp uỷ và bàn biện pháp thực hiện.

Điều 43:

1. Trong cơ quan hành pháp, tư pháp cấp Trung ương và cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, cấp uỷ cùng cấp lập ban cán sự đảng gồm một số đảng viên công tác trong tổ chức đó. Nơi không lập ban cán sự đảng thì tổ chức cơ sở đảng trong cơ quan đó thực hiện chức năng lãnh đạo theo quy định của Ban Chấp hành Trung ương.

2. Ban cán sự đảng do cấp uỷ cùng cấp chỉ định; có bí thư, nếu cần, có phó bí thư. Ban cán sự đảng làm việc theo chế độ tập thể và chịu trách nhiệm trước cấp uỷ.

3. Ban cán sự đảng lãnh đạo quán triệt và tổ chức thực hiện đường lối, chính sách của Đảng; đề xuất với cấp uỷ về phương hướng, nhiệm vụ, tổ chức, cán bộ và quyết định theo thẩm quyền; kiểm tra việc chấp hành đường lối, chính sách của Đảng.

Chương X

**ĐẢNG LÃNH ĐẠO ĐOÀN THANH NIÊN
CỘNG SẢN HỒ CHÍ MINH**

Điều 44:

1. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh là đội dự bị tin cậy của Đảng, thường xuyên bổ sung lực lượng trẻ cho Đảng, kế tục sự nghiệp cách mạng vẻ vang của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh; là lực lượng nòng cốt trong phong trào thanh niên; là trường học xã hội chủ nghĩa; đại diện quyền lợi của thanh niên; phụ trách Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh.

2. Cấp uỷ đảng lãnh đạo trực tiếp tổ chức đoàn cùng cấp về phương hướng, nhiệm vụ, tư tưởng, tổ chức, cán bộ.

Điều 45:

Đảng viên còn trong độ tuổi đoàn phải sinh hoạt và công tác trong tổ chức đoàn.

Chương XI

TÀI CHÍNH CỦA ĐẢNG

Điều 46:

1. Tài chính của Đảng gồm đảng phí do đảng viên đóng, từ ngân sách nhà nước và các khoản thu khác.

2. Ban Chấp hành Trung ương quy định thống nhất nguyên tắc, chế độ quản lý tài chính, tài sản của Đảng, mức đóng đảng phí của đảng viên.

3. Hằng năm, cấp uỷ nghe báo cáo và quyết định nhiệm vụ tài chính của cấp mình.

Chương XII

CHẤP HÀNH ĐIỀU LỆ ĐẢNG

Điều 47:

Tổ chức đảng và đảng viên phải chấp hành nghiêm chỉnh Điều lệ Đảng.

Điều 48:

Chỉ Đại hội đại biểu toàn quốc mới có quyền sửa đổi Điều lệ Đảng.

NGHỊ QUYẾT

ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ X

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X Đảng Cộng sản Việt Nam họp từ ngày 18-4-2006 đến ngày 25-4-2006 tại Thủ đô Hà Nội.

QUYẾT NGHỊ

1. Thông qua Báo cáo Chính trị, Báo cáo về phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006 - 2010 và Báo cáo về công tác xây dựng Đảng của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX trình Đại hội; giao Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X căn cứ vào kết quả biểu quyết và những kết luận của Đại hội để hoàn chỉnh và chính thức ban hành.

2. Thông qua toàn văn Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam đã được bổ sung, sửa đổi.

3. Giao Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X và các cấp ủy, tổ chức đảng xây dựng chương trình và kế hoạch hành động cụ thể để tổ chức thực hiện thắng lợi đường lối và những chủ trương đã nêu trong các văn kiện Đại hội.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X Đảng Cộng sản Việt Nam kêu gọi toàn Đảng, toàn dân, toàn quân nêu cao chủ

nghĩa anh hùng cách mạng, phát huy truyền thống vẻ vang của toàn Đảng, toàn dân tộc, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, năng động và sáng tạo, nắm bắt thời cơ, vượt qua thách thức, quyết tâm thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội X của Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển, thực hiện “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”.

Hà Nội, ngày 25 tháng 4 năm 2006

**ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC
LẦN THỨ X ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

DIỄN VĂN BẾ MẠC
ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ X
ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

(Do đồng chí Nông Đức Mạnh, Tổng Bí thư
Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá X trình bày,
ngày 25 tháng 4 năm 2006)

Thưa Đoàn Chủ tịch Đại hội,
Thưa các đồng chí, các vị khách quý,
Thưa các đồng chí đại biểu Đại hội

Sau những ngày làm việc tích cực, nghiêm túc, với tinh thần trách nhiệm cao trước Đảng và nhân dân, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng đã hoàn thành toàn bộ chương trình đề ra.

Đại hội đã thảo luận và thông qua các văn kiện quan trọng: Báo cáo chính trị; Báo cáo phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006 - 2010; Báo cáo công tác xây dựng Đảng và Điều lệ Đảng (bổ sung, sửa đổi).

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Trung ương gồm những đồng chí tiêu biểu cho 3,1 triệu đảng viên, có đủ tiêu chuẩn, phẩm chất và năng lực để gánh vác những trọng trách do Đảng và nhân dân giao phó.

Thưa các đồng chí,

Các văn kiện được thông qua tại Đại hội lần này là kết

tinh trí tuệ và ý chí của toàn Đảng, toàn dân ta, là sự tổng kết sâu sắc thực tiễn và lý luận 20 năm đổi mới để tiếp tục hoàn thiện và phát triển đường lối, quan điểm đổi mới trong giai đoạn cách mạng hiện nay của nước ta.

Đại hội biểu thị quyết tâm to lớn của Đảng ta, trong những năm tới, lãnh đạo toàn Đảng, toàn dân và toàn quân phấn đấu “nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển”, tạo nền tảng đến năm 2020, nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Nhằm mục tiêu cao cả đó, Đại hội đã thông qua những quyết sách quan trọng trên tất cả các lĩnh vực cơ bản và trọng yếu của sự nghiệp phát triển đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; thông qua những nhiệm vụ to lớn nhằm tiếp tục đổi mới, chỉnh đốn Đảng, nâng cao tầm trí tuệ, bản lĩnh chính trị và đạo đức, xây dựng Đảng ta thực sự trong sạch, vững mạnh cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức, đoàn kết nhất trí cao, gắn bó mật thiết với nhân dân, có phương thức lãnh đạo khoa học, có đội ngũ cán bộ đủ phẩm chất và năng lực. Chúng ta đặc biệt coi trọng các biện pháp có hiệu quả nhằm phát huy cao nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, xây dựng sự vững mạnh của toàn bộ hệ thống chính trị, đẩy mạnh đồng bộ cuộc đấu tranh phòng ngừa và chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu, kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi các tệ nạn này, làm lành mạnh tổ chức và bộ máy của chúng ta. Chúng ta nhất quyết tạo nên một sự chuyển biến rõ rệt và đạt tới chất lượng cao hơn trong việc thực hiện nhiệm vụ then chốt xây dựng Đảng, làm cho Đảng ta luôn xứng đáng là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc

Việt Nam, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của dân tộc.

Với những kết quả nêu trên, chúng ta vui mừng báo cáo với toàn Đảng, toàn dân: Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng Cộng sản Việt Nam đã thành công tốt đẹp.

Thưa các đồng chí,

Tại Đại hội X của Đảng, nhiều đồng chí trong Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khoá IX không tái ứng cử vào Ban Chấp hành Trung ương khoá X, tạo điều kiện để trẻ hoá cơ quan lãnh đạo của Đảng trong nhiệm kỳ mới. Đại hội đánh giá cao những cống hiến vừa qua của các đồng chí. Xin chúc các đồng chí mạnh khoẻ, hạnh phúc và tiếp tục đóng góp năng lực, trí tuệ, kinh nghiệm của mình cho sự nghiệp của Đảng, của nhân dân.

Ban Chấp hành Trung ương khoá X được Đại hội bầu, trao cho trọng trách trước Đảng, trước nhân dân, nguyện đem hết sức mình, đồng tâm hiệp lực, phấn đấu không ngừng nâng cao bản lĩnh, trí tuệ, phẩm chất đạo đức, cùng toàn Đảng, toàn dân, toàn quân quyết tâm thực hiện thắng lợi Nghị quyết của Đại hội.

Đại hội nhiệt liệt hoan nghênh và chân thành cảm ơn các đồng chí lão thành cách mạng, các Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, các nhân sĩ, trí thức, các vị chức sắc tôn giáo, đồng bào, chiến sĩ cả nước và cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài, với tình cảm và ý thức trách nhiệm trước Đảng và trước dân tộc, đã tâm huyết, chân thành, thẳng thắn đóng góp trí tuệ xây dựng các văn kiện Đại hội, ra sức thi đua lập nhiều thành tích chào mừng Đại hội và đã gửi đến Đại hội nhiều thư, điện chúc mừng nồng nhiệt.

Đại hội chân thành cảm ơn các đảng cộng sản và công

nhân, các đảng cầm quyền của các nước, các tổ chức quốc tế đã gửi điện chúc mừng đến Đại hội, biểu thị những tình cảm đoàn kết hữu nghị tốt đẹp đối với Đảng ta và nhân dân ta.

Đại hội chân thành cảm ơn các cơ quan thông tấn, báo chí trong và ngoài nước đã đến dự và đưa tin kịp thời về Đại hội.

Đại hội biểu dương và cảm ơn toàn thể cán bộ, chiến sĩ, công nhân, viên chức đã tận tụy làm tốt công tác phục vụ Đại hội, góp phần tích cực vào thành công của Đại hội.

Thư các đồng chí,

Thành công của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng cổ vũ mạnh mẽ toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta tiến lên tranh thủ cơ hội, vượt qua thách thức, tiếp tục đổi mới mạnh mẽ, toàn diện và đồng bộ hơn, phát triển với tốc độ nhanh hơn và bền vững hơn. Ngay sau Đại hội, các tổ chức đảng phải tổ chức tốt việc nghiên cứu, quán triệt sâu sắc đường lối, quan điểm mà Đại hội đã thông qua, tổ chức tuyên truyền rộng rãi trong toàn Đảng, toàn dân về kết quả của Đại hội và có kế hoạch cụ thể để đưa Nghị quyết vào cuộc sống, biến Nghị quyết thành hành động cách mạng của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân; tạo sự chuyển biến mạnh mẽ và có hiệu quả cao trong mọi lĩnh vực ngay từ những tháng đầu, năm đầu của kế hoạch 5 năm (2006 - 2010).

Đại hội kêu gọi toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, đồng bào ta ở trong cũng như ở ngoài nước, tiếp tục phát huy truyền thống vẻ vang của Đảng, của dân tộc, nêu cao tinh thần yêu nước, ý chí tự cường, ra sức thi đua thực hiện thắng lợi Nghị quyết của Đại hội, sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển và tiến mạnh trên con đường công nghiệp hoá, hiện đại hoá vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Với niềm tin tưởng sâu sắc vào tương lai của đất nước, tôi xin long trọng tuyên bố bế mạc Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Đảng Cộng sản Việt Nam quang vinh muôn năm!

Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam muôn năm!

Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại sống mãi trong sự nghiệp của chúng ta!

VĂN KIẾN
ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC
LẦN THỨ XI

**DIỄN VĂN KHAI MẠC
ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC
LẦN THỨ XI ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

(Do đồng chí Nguyễn Minh Triết, Ủy viên
Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá X,
Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
trình bày, ngày 12 tháng 1 năm 2011)

Thưa Đoàn Chủ tịch Đại hội,

Thưa các vị khách quý,

Thưa các đồng chí đại biểu Đại hội,

Hôm nay, trong những ngày đầu tiên của năm 2011, khi đất nước, dân tộc và Đảng ta bước vào thập niên thứ hai của thế kỷ XXI với nhiều cơ hội lớn và thách thức mới, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng Cộng sản Việt Nam khai mạc trọng thể tại Hà Nội - Thủ đô văn hiến và Anh hùng vừa kỷ niệm 1.000 năm tuổi. Thay mặt Đoàn Chủ tịch, với tình cảm trân trọng và tình đồng chí thân thiết nhất, tôi xin nhiệt liệt chào mừng 1.377 đại biểu, những đại biểu tiêu biểu cho trí tuệ, sự thống nhất ý chí và sức mạnh đoàn kết của toàn Đảng, đại diện cho trên 3,6 triệu đảng viên về dự Đại hội trong thời điểm lịch sử rất quan trọng và nhiều ý nghĩa của đất nước và dân tộc.

Trong giờ phút trọng thể này, với lòng biết ơn vô hạn, Đại

hội chúng ta thành kính tưởng nhớ Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, người sáng lập, lãnh đạo và rèn luyện Đảng ta, Anh hùng giải phóng dân tộc, Danh nhân văn hoá thế giới, người chiến sĩ lỗi lạc của phong trào giải phóng của các dân tộc thuộc địa và bị áp bức trên toàn thế giới. Thực tiễn và thắng lợi của sự nghiệp cách mạng nước ta hơn 80 năm qua đã khẳng định, tư tưởng vĩ đại của Người, cùng với chủ nghĩa Mác - Lênin, mãi mãi là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động của Đảng và cách mạng Việt Nam, là tài sản tinh thần vô cùng to lớn và quý giá của Đảng và dân tộc ta, đã dẫn dắt chúng ta đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác, là ngọn cờ tập hợp và đoàn kết toàn dân tộc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc thân yêu của chúng ta, hôm nay và mai sau.

Đại hội chúng ta bày tỏ lòng biết ơn vô hạn đối với các thế hệ cách mạng tiền bối, với đồng bào, chiến sĩ, đồng chí đã cống hiến, hy sinh vì sự nghiệp cao cả giải phóng dân tộc, bảo vệ và xây dựng đất nước, để hôm nay chúng ta có một đất nước thống nhất, hoà bình, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Đại hội chúng ta nồng nhiệt chào mừng sự có mặt của các đồng chí nguyên là lãnh đạo Đảng, Nhà nước và Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đại biểu lão thành cách mạng, các đồng chí nguyên Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá II, III, IV và V, các Mẹ Việt Nam Anh hùng, các nhân sĩ, trí thức, văn nghệ sĩ, chức sắc tôn giáo và đại diện thế hệ trẻ là khách mời của Đại hội. Sự có mặt của các đồng chí, các vị khách quý là niềm vui, niềm tự hào của chúng ta. Đại hội kính chúc các đồng chí khoẻ mạnh, hạnh phúc.

Đại hội chúng ta nhiệt liệt hoan nghênh và chào mừng các vị đại sứ, đại biện, trưởng đại diện các tổ chức quốc tế tại Việt Nam đã đến dự phiên khai mạc trọng thể này.

Đại hội nhiệt liệt hoan nghênh, đánh giá cao và trân trọng biểu dương các phong trào thi đua yêu nước của tất cả các tầng lớp nhân dân, các cấp, các ngành, các địa phương và các đơn vị đã lập nhiều thành tích xuất sắc không chỉ có ý nghĩa chào mừng Đại hội, mà đã góp phần thiết thực cho thành công của Đại hội, cho việc hoàn thành thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ của năm 2010 và kế hoạch 5 năm (2006 - 2010).

Đại hội nhiệt liệt hoan nghênh và chân thành cảm ơn sự tham gia nhiệt tình, đầy trách nhiệm và những đóng góp quý báu của các tổ chức đảng, của toàn thể đảng viên, của các đoàn thể chính trị các cấp, của các vị lão thành cách mạng, trí thức, nhân sĩ, các nhà khoa học và đông đảo đồng bào ở trong nước và ngoài nước vào các dự thảo văn kiện và vào các công việc chuẩn bị Đại hội lần thứ XI của Đảng.

Thưa các đồng chí,

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng ta diễn ra trong một thời điểm có ý nghĩa rất quan trọng. Sự nghiệp đổi mới toàn diện đất nước đã trải qua 25 năm. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội đã được thực hiện 20 năm. Năm năm qua (2006 - 2010), trong bối cảnh tình hình quốc tế và trong nước có nhiều khó khăn, thách thức gay gắt, đặc biệt là ảnh hưởng bất lợi của cuộc khủng hoảng tài chính, suy thoái kinh tế toàn cầu, toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta đã nỗ lực phấn đấu đạt được những thành tựu quan trọng, đáng tự hào. Kết quả trong 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội X đã góp phần quan trọng vào việc thực hiện thắng lợi Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (2001 - 2010) và 20 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Những thành tựu đạt được trong 20 năm qua là to lớn và có ý nghĩa lịch sử. Chúng ta đã thực hiện thành công chặng đường đầu của công cuộc đổi mới, đưa đất nước ra khỏi tình trạng kém phát triển, đời sống nhân dân có nhiều thay đổi tích cực, sức mạnh quốc gia về mọi mặt được tăng cường, độc lập, tự chủ và chế độ xã hội chủ nghĩa được giữ vững, vị thế và uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế được nâng cao, tạo tiền đề để nước ta tiếp tục phát triển mạnh mẽ và bền vững hơn trong giai đoạn mới. Tuy nhiên, nước ta vẫn đang đứng trước nhiều thách thức lớn, đan xen nhau và diễn biến phức tạp, không thể xem thường.

Trong những năm tới, tình hình quốc tế sẽ tiếp tục có nhiều diễn biến nhanh chóng, phức tạp và khó lường với những tác động to lớn và sâu rộng, vừa tạo ra thời cơ, vừa đặt ra những thách thức ngày càng gay gắt đối với tất cả các quốc gia, nhất là các nước chậm phát triển hoặc đang phát triển, trong đó có Việt Nam của chúng ta.

Trong bối cảnh đó, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng có trách nhiệm lịch sử to lớn trước toàn dân tộc. Chúng ta cần nhìn thẳng vào sự thật, nói đúng sự thật, đề cao tinh thần tự phê bình nghiêm túc, để kiểm điểm, đánh giá khách quan, toàn diện những thành tựu và yếu kém, khuyết điểm, đồng thời rút ra những bài học kinh nghiệm qua việc thực hiện Nghị quyết Đại hội X của Đảng, thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm (2006 - 2010), tổng kết Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (2001 - 2010) và 20 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Trên cơ sở đó, Đại hội quyết định bổ sung, phát triển Cương lĩnh năm 1991; xác định Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (2011 - 2020); đề ra phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ 5 năm (2011 - 2015).

Về xây dựng Đảng, Đại hội có trọng trách kiểm điểm sâu sắc, toàn diện công tác xây dựng Đảng và sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá X; xác định phương hướng, nhiệm vụ xây dựng Đảng trong thời kỳ mới; bổ sung, sửa đổi một số điểm trong Điều lệ Đảng; bầu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XI gồm những đồng chí thực sự tiêu biểu về phẩm chất chính trị, đạo đức cách mạng, năng lực lãnh đạo, bản lĩnh và trí tuệ đủ sức đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của sự nghiệp đổi mới, đủ sức lãnh đạo hoàn thành những nhiệm vụ to lớn, nặng nề trong những năm tới.

Thưa các đồng chí,

Với những nhiệm vụ nêu trên, Đại hội lần thứ XI của Đảng có ý nghĩa trọng đại, định hướng và động viên, cổ vũ toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta tiếp tục phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Chúng ta nguyện làm hết sức mình, phát huy cao độ trí tuệ, ý thức trách nhiệm và sự đoàn kết, thống nhất cao để hoàn thành tốt nhất những nhiệm vụ của Đại hội, mở ra một thời kỳ phát triển mới của đất nước, thực hiện bằng được mục tiêu cao cả, xây dựng đất nước ta dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Với niềm tin sâu sắc đó, thay mặt Đoàn Chủ tịch Đại hội, tôi xin tuyên bố khai mạc Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Kính chúc các đồng chí đại biểu và các vị khách quý sức khoẻ, hạnh phúc.

Chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

**TIẾP TỤC NÂNG CAO NĂNG LỰC LÃNH ĐẠO
VÀ SỨC CHIẾN ĐẤU CỦA ĐẢNG,
PHÁT HUY SỨC MẠNH TOÀN DÂN TỘC,
ĐẨY MẠNH TOÀN DIỆN CÔNG CUỘC
ĐỔI MỚI, TẠO NỀN TẢNG ĐỂ ĐẾN NĂM 2020
NƯỚC TA CƠ BẢN TRỞ THÀNH NƯỚC
CÔNG NGHIỆP THEO HƯỚNG HIỆN ĐẠI**

(Báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá X về
các Văn kiện Đại hội XI của Đảng do đồng chí Tổng Bí thư
Nông Đức Mạnh trình bày,
ngày 12 tháng 1 năm 2011)

Thưa Đoàn Chủ tịch,

Thưa các vị khách quý,

Thưa các đồng chí đại biểu Đại hội,

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng được tổ chức vào lúc toàn Đảng, toàn dân ta kết thúc thắng lợi 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội X, 10 năm thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001 - 2010, 20 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (1991 - 2011) và 25 năm đổi mới. Đại hội có nhiệm vụ bổ sung, phát triển Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Cương lĩnh năm 1991), quyết định Chiến lược phát triển

kinh tế - xã hội 10 năm (2011 - 2020), kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết Đại hội X và quyết định phương hướng, nhiệm vụ của Đảng, của đất nước trong 5 năm tới. Chủ đề của Đại hội là: *Tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, tạo nên tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại*. Ban Chấp hành Trung ương xin trình Đại hội các văn kiện: *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011); Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020; Báo cáo chính trị; Báo cáo một số vấn đề về bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng và Báo cáo kiểm điểm sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá X*.

Trong quá trình chuẩn bị Đại hội, các dự thảo văn kiện Đại hội đã được thảo luận, góp ý tại đại hội đảng bộ các cấp, được công bố rộng rãi để lấy ý kiến các đại biểu Quốc hội, các thành viên, hội viên của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân, các đồng chí lão thành cách mạng, các nhân sĩ, trí thức, đông đảo các tầng lớp nhân dân trong nước, đồng bào ta định cư ở nước ngoài và đã nhận được rất nhiều ý kiến đóng góp quý báu, đầy tâm huyết, thể hiện tinh thần trách nhiệm cao với Đảng, với đất nước, mong muốn Đảng ta ngày càng vững mạnh, đất nước ta ngày càng phát triển. Ban Chấp hành Trung ương đã tiếp thu tối đa những ý kiến hợp lý, xác đáng để bổ sung, hoàn chỉnh làm cho các văn kiện trình Đại hội thật sự là kết tinh trí tuệ của toàn Đảng, toàn dân, đồng thời để chỉ đạo trong hoạt động thực tiễn.

Từ diễn đàn trọng thể này, Đại hội chúng ta nhiệt liệt hoan nghênh và chân thành cảm ơn sự đóng góp quý báu của đồng chí, đồng bào!

Thưa các đồng chí,

Sau đây, thay mặt Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá X, tôi xin trình bày những nội dung chủ yếu trong các văn kiện trình Đại hội.

I- ĐÁNH GIÁ 5 NĂM THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI X CỦA ĐẢNG; NHÌN LẠI 10 NĂM
THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN KINH TẾ -
XÃ HỘI 2001 - 2010; 20 NĂM THỰC HIỆN
CƯƠNG LĨNH NĂM 1991

Năm năm qua, thực hiện Nghị quyết Đại hội X của Đảng, bên cạnh những thuận lợi do tiến trình đổi mới và hội nhập quốc tế đem lại, đất nước ta cũng gặp nhiều khó khăn, thách thức do những yếu kém vốn có của nền kinh tế; thiên tai, dịch bệnh, diễn biến phức tạp của tình hình thế giới và khu vực, tác động của cuộc khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu; các hoạt động chống phá, kích động bạo loạn, “diễn biến hoà bình” của các thế lực thù địch. Trong bối cảnh đó, toàn Đảng, toàn dân ta đã nỗ lực phấn đấu vượt qua khó khăn, thách thức, ***đạt được những thành tựu quan trọng trong việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ Đại hội X đề ra.*** Nổi bật là:

Nền kinh tế vượt qua nhiều khó khăn, thách thức, cơ bản giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, duy trì được tốc độ tăng trưởng khá, các ngành đều có bước phát triển, tiềm lực và quy mô nền kinh tế tăng lên; giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, văn hoá và các lĩnh vực xã hội có tiến bộ; bảo vệ tài nguyên, môi trường được chú trọng hơn; đời sống các tầng lớp nhân dân được cải thiện; chính trị - xã hội ổn định;

quốc phòng, an ninh được tăng cường; độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ được giữ vững; hoạt động đối ngoại, hội nhập quốc tế được mở rộng, vị thế, uy tín quốc tế của nước ta được nâng cao; phát huy dân chủ có tiến bộ, khối đại đoàn kết toàn dân tộc tiếp tục được củng cố; xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa được đẩy mạnh, hiệu lực, hiệu quả hoạt động được nâng lên; công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng được tăng cường, đạt một số kết quả tích cực. Cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” đạt được một số kết quả bước đầu. Đa số cán bộ, đảng viên và nhân dân phấn khởi, tin tưởng vào Đảng, Nhà nước, vào công cuộc đổi mới và triển vọng phát triển của đất nước.

Tuy nhiên, một số chỉ tiêu, nhiệm vụ Đại hội X đề ra chưa đạt được. Kinh tế phát triển chưa bền vững, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh thấp; chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá còn chậm; các cân đối vĩ mô chưa thật vững chắc; chế độ phân phối còn nhiều bất hợp lý. Những hạn chế, yếu kém trong các lĩnh vực giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, văn hoá, xã hội, bảo vệ môi trường chậm được khắc phục; tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí, tội phạm, tệ nạn xã hội, suy thoái đạo đức, lối sống... chưa được ngăn chặn, đẩy lùi. Thể chế kinh tế thị trường, chất lượng nguồn nhân lực, kết cấu hạ tầng vẫn là những điểm yếu cản trở sự phát triển. Nền dân chủ xã hội chủ nghĩa và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc chưa được phát huy đầy đủ. Một số mặt công tác xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân chuyển biến chậm. Còn tiềm ẩn những yếu tố gây mất ổn định chính trị - xã hội.

Những hạn chế, yếu kém nói trên có nguyên nhân khách quan, nhưng chủ yếu là do nguyên nhân chủ quan: Công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn nhìn chung vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu. Nhận thức trên một số vấn đề cụ thể của công cuộc đổi mới còn hạn chế, thiếu thống nhất. Năng lực, phẩm chất của một bộ phận cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức còn hạn chế. Công tác dự báo trong nhiều lĩnh vực còn yếu. Sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng, quản lý, điều hành của Nhà nước trên một số lĩnh vực và một số vấn đề lớn chưa tập trung, kiên quyết, dứt điểm; kỷ luật, kỷ cương không nghiêm. Tổ chức thực hiện vẫn là khâu yếu.

Thưa các đồng chí,

Tuy còn nhiều hạn chế, yếu kém, nhưng kết quả đạt được trong 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội X đã góp phần quan trọng vào việc thực hiện thắng lợi Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (2001 - 2010) và Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội trong 20 năm qua.

Mười năm thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001 - 2010 là giai đoạn đất nước ta đã tranh thủ thời cơ, thuận lợi, vượt qua nhiều khó khăn, thách thức, nhất là tác động tiêu cực của hai cuộc khủng hoảng tài chính - kinh tế khu vực và toàn cầu, đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế, ***đạt được những thành tựu to lớn, rất quan trọng, nhiều mục tiêu chủ yếu của Chiến lược 2001 - 2010 đã được thực hiện.*** Kinh tế tăng trưởng nhanh, đạt tốc độ bình quân 7,26%/năm. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực. Thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa tiếp tục được hoàn thiện. Tổng sản

phẩm trong nước (GDP) năm 2010 theo giá thực tế gấp 3,26 lần so với năm 2000; thu ngân sách, kim ngạch xuất khẩu tăng gấp 5 lần so với năm 2000; GDP bình quân đầu người năm 2010 đạt 1.168USD. Các lĩnh vực văn hoá, xã hội đạt thành tựu quan trọng trên nhiều mặt, chính trị - xã hội ổn định, quốc phòng, an ninh được tăng cường. Công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế được đẩy mạnh.

Sau 20 năm thực hiện Cương lĩnh, chúng ta đã giành được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử. Đất nước thực hiện thành công bước đầu công cuộc đổi mới, ra khỏi tình trạng kém phát triển; đời sống nhân dân được cải thiện rõ rệt. Hệ thống chính trị và khối đại đoàn kết toàn dân tộc được củng cố, tăng cường. Độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ và chế độ xã hội chủ nghĩa được giữ vững, vị thế và uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế được nâng cao. Sức mạnh tổng hợp của đất nước đã tăng lên rất nhiều, tạo tiền đề để nước ta tiếp tục phát triển mạnh mẽ hơn theo con đường xã hội chủ nghĩa.

Từ thực tiễn lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Nghị quyết Đại hội X, có thể rút ra một số kinh nghiệm:

Một là: Trong bất kỳ điều kiện và tình huống nào, phải kiên trì thực hiện đường lối và mục tiêu đổi mới, kiên định và vận dụng sáng tạo, phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Đổi mới toàn diện, đồng bộ với bước đi thích hợp. Tích cực, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế phải gắn với xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, giữ vững truyền thống và bản sắc văn hoá dân tộc. Mở rộng, phát huy dân chủ phải gắn với tăng cường kỷ luật, kỷ cương.

Hai là: Phải thật sự coi trọng chất lượng, hiệu quả tăng trưởng và phát triển bền vững. Tăng cường huy động phải

gắn với sử dụng có hiệu quả các nguồn lực trong và ngoài nước. Phát triển lực lượng sản xuất phải đồng thời với xây dựng, hoàn thiện quan hệ sản xuất, củng cố và tăng cường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Ba là: Phải coi trọng kết hợp chặt chẽ giữa tăng trưởng kinh tế với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; gắn phát triển kinh tế với phát triển văn hoá, củng cố quốc phòng, an ninh, tăng cường quan hệ đối ngoại, thực hiện tốt hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Bốn là: Đặc biệt chăm lo củng cố, xây dựng Đảng cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, có năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu cao. Nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước, chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân.

Năm là: Trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo phải rất nhạy bén, kiên quyết, sáng tạo, bám sát thực tiễn đất nước, kịp thời đề ra các giải pháp phù hợp với tình hình mới; tăng cường công tác tuyên truyền tạo sự đồng thuận cao, phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị, của toàn xã hội.

II- VỀ THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở NƯỚC TA

Thưa các đồng chí,

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội được Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng thông qua (năm 1991), có giá trị định hướng và chỉ đạo to lớn đối với sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta trong suốt hai thập kỷ qua. Những thành tựu to lớn và có ý nghĩa lịch sử của đất nước ta 20 năm qua đã chứng tỏ sự đúng đắn và ý nghĩa quan trọng của Cương lĩnh năm 1991. Tuy nhiên,

từ khi Cương lĩnh năm 1991 ra đời đến nay, tình hình thế giới và trong nước đã có những biến đổi to lớn và sâu sắc. Nhiều vấn đề mới nảy sinh từng bước được Đảng ta nhận thức và giải quyết có hiệu quả; nhiều vấn đề liên quan đến Cương lĩnh đã có nhận thức mới, sâu sắc hơn; quan niệm về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta ngày càng rõ hơn; đồng thời cũng thấy rõ thêm những vấn đề mới đặt ra cần được giải đáp.

Triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội X về việc “Tiếp tục nghiên cứu, bổ sung, phát triển Cương lĩnh, làm nền tảng chính trị, tư tưởng cho mọi hoạt động của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta trong quá trình đưa nước ta lên chủ nghĩa xã hội”, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá X đã xác định: Việc bổ sung, phát triển Cương lĩnh phải được thực hiện trên cơ sở kế thừa những quan điểm, tư tưởng của Cương lĩnh năm 1991 vẫn còn nguyên giá trị, bám sát thực tiễn của đất nước và thời đại; bổ sung những vấn đề đã được các đại hội, Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị (từ khoá VII đến khoá X) kết luận, những nội dung đã rõ, được thực tiễn chứng minh là đúng; chỉ điều chỉnh những nội dung đến nay không còn phù hợp.

Dự thảo Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) đã tổng kết những thắng lợi vĩ đại và những bài học kinh nghiệm lớn của cách mạng nước ta hơn 80 năm qua dưới sự lãnh đạo của Đảng, phân tích sâu sắc bối cảnh quốc tế, những đặc điểm trong giai đoạn hiện nay của thời đại; khẳng định cuộc đấu tranh của nhân dân các nước vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ, phát triển và tiến bộ xã hội dù gặp nhiều khó khăn, thách thức, nhưng sẽ có bước tiến mới; theo tiến hoá của lịch sử, loài người nhất định sẽ tiến tới chủ nghĩa xã hội. Dự thảo Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) chỉ rõ: Đi lên chủ

nghĩa xã hội là khát vọng của nhân dân ta, là sự lựa chọn đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh, phù hợp với xu thế phát triển của lịch sử. *Xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là một xã hội: Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; do nhân dân làm chủ; có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu; có nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện; các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển; có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo; có quan hệ hữu nghị và hợp tác với nhân dân các nước trên thế giới.* Dự thảo Cương lĩnh đã xác định xây dựng chủ nghĩa xã hội là quá trình cách mạng sâu sắc, triệt để, đấu tranh phức tạp giữa cái cũ và cái mới nhằm tạo ra sự biến đổi về chất trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, nhất thiết phải trải qua một thời kỳ quá độ lâu dài với nhiều bước phát triển, nhiều hình thức tổ chức kinh tế, xã hội đan xen.

Mục tiêu tổng quát khi kết thúc thời kỳ quá độ ở nước ta là xây dựng được về cơ bản nền tảng kinh tế của chủ nghĩa xã hội với kiến trúc thượng tầng về chính trị, tư tưởng, văn hoá phù hợp, tạo cơ sở để nước ta trở thành một nước xã hội chủ nghĩa ngày càng phồn vinh, hạnh phúc. Từ nay đến giữa thế kỷ XXI, toàn Đảng, toàn dân ta phải ra sức phấn đấu xây dựng nước ta trở thành một nước công nghiệp hiện đại, theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Để thực hiện thành công các mục tiêu trên, Dự thảo Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) chỉ rõ: Toàn Đảng, toàn dân ta cần quán triệt và thực hiện tốt 8 phương hướng cơ bản: Một là, đẩy mạnh công

nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên, môi trường. *Hai là*, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. *Ba là*, xây dựng nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; xây dựng con người, nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội. *Bốn là*, bảo đảm vững chắc quốc phòng và an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội. *Năm là*, thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hoà bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế. *Sáu là*, xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc, tăng cường và mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất. *Bảy là*, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. *Tám là*, xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh.

Trong quá trình thực hiện các phương hướng cơ bản đó, phải đặc biệt chú trọng nắm vững và giải quyết tốt *các mối quan hệ lớn*: Quan hệ giữa đổi mới, ổn định và phát triển; giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị; giữa kinh tế thị trường và định hướng xã hội chủ nghĩa; giữa phát triển lực lượng sản xuất và xây dựng, hoàn thiện từng bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa; giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hoá, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; giữa xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa; giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế; giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ;... Không phiến diện, cực đoan, duy ý chí.

So với Cương lĩnh năm 1991, Dự thảo Cương lĩnh lần này đã bổ sung, phát triển nhiều nội dung quan trọng về những định hướng lớn phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, về hệ thống chính trị và vai trò lãnh đạo của Đảng.

III- QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC
PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 2011 - 2020
VÀ PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC
5 NĂM 2011 - 2015

Thưa các đồng chí,

Nước ta bước vào thời kỳ chiến lược mới trong bối cảnh thế giới đang thay đổi rất nhanh, phức tạp, khó lường. Hoà bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn, nhưng xung đột sắc tộc, tôn giáo, chiến tranh cục bộ, can thiệp, lật đổ, khủng bố vẫn diễn ra gay gắt; các yếu tố đe dọa an ninh phi truyền thống, tội phạm công nghệ cao tiếp tục gia tăng. Những vấn đề toàn cầu như an ninh tài chính, an ninh năng lượng, an ninh lương thực, biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh... sẽ tiếp tục diễn biến phức tạp. Toàn cầu hoá và cách mạng khoa học - công nghệ phát triển mạnh mẽ, thúc đẩy quá trình hình thành xã hội thông tin và kinh tế tri thức. Kinh tế thế giới mặc dù có dấu hiệu phục hồi sau khủng hoảng nhưng vẫn còn nhiều khó khăn, bất ổn; quá trình cấu trúc lại nền kinh tế và điều chỉnh các thể chế tài chính diễn ra mạnh mẽ ở các nước. Cạnh tranh kinh tế thương mại, giành giật các nguồn tài nguyên, năng lượng, thị trường, công nghệ, nguồn vốn, nguồn nhân lực chất lượng cao... giữa các nước ngày càng gay gắt. Cuộc đấu tranh của nhân dân các nước trên thế giới vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân sinh, dân chủ và tiến bộ xã hội tiếp tục phát triển. Cuộc đấu tranh giai cấp và dân tộc vẫn diễn biến phức tạp. Khu vực châu Á - Thái Bình Dương, trong đó có khu vực Đông Nam Á, là khu vực phát triển năng động nhưng vẫn tồn tại nhiều nhân tố gây mất ổn định; tranh chấp lãnh thổ, biển đảo ngày càng gay gắt. ASEAN tuy còn

nhiều khó khăn, thách thức nhưng tiếp tục giữ vai trò quan trọng trong khu vực.

Ở trong nước, những thành tựu, kinh nghiệm của 25 năm đổi mới đã tạo cho đất nước thế và lực, sức mạnh tổng hợp lớn hơn nhiều so với trước. Những năm tới là giai đoạn kinh tế nước ta phục hồi, lấy lại đà tăng trưởng sau thời kỳ suy giảm, cấu trúc lại nền kinh tế để phát triển nhanh và bền vững; khắc phục những hạn chế, yếu kém trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị. Tuy nhiên, nước ta vẫn đứng trước nhiều thách thức lớn, đan xen nhau, tác động tổng hợp và diễn biến phức tạp. Nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế so với nhiều nước trong khu vực và trên thế giới vẫn tồn tại. Tình trạng suy thoái về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí còn nghiêm trọng. Những biểu hiện xa rời mục tiêu của chủ nghĩa xã hội, “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” có diễn biến phức tạp. Các thế lực thù địch tiếp tục thực hiện âm mưu “diễn biến hoà bình”, gây bạo loạn lật đổ, sử dụng các chiêu bài “dân chủ”, “nhân quyền” hòng làm thay đổi chế độ chính trị ở nước ta.

Tình hình và bối cảnh nêu trên sẽ tạo ra cả những thời cơ và thách thức đan xen đối với quá trình phát triển đất nước.

Trên cơ sở những quan điểm cơ bản và định hướng lớn của Cương lĩnh, xuất phát từ yêu cầu và dự báo tình hình thực tế của đất nước trong thời gian tới, **Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020** được xác định là *Chiến lược tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá và phát triển nhanh, bền vững; phát huy sức mạnh toàn dân tộc, xây dựng nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo định hướng xã hội chủ nghĩa*.

Để thực hiện được tư tưởng chỉ đạo đó, Chiến lược phát

triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020 đã đề ra **5 quan điểm phát triển**: (1) Phát triển nhanh gắn liền với phát triển bền vững, phát triển bền vững là yêu cầu xuyên suốt trong Chiến lược. (2) Đổi mới đồng bộ, phù hợp về kinh tế và chính trị vì mục tiêu xây dựng nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. (3) Mở rộng dân chủ, phát huy tối đa nhân tố con người, coi con người là chủ thể, nguồn lực chủ yếu và là mục tiêu của sự phát triển. (4) Phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất với trình độ khoa học, công nghệ ngày càng cao; đồng thời hoàn thiện quan hệ sản xuất trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. (5) Kiên trì xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ ngày càng cao trong điều kiện hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng.

Mục tiêu tổng quát của Chiến lược là: *Phấn đấu đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại; chính trị - xã hội ổn định, dân chủ, kỷ cương, đồng thuận; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng lên rõ rệt; độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ được giữ vững; vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế tiếp tục được nâng lên; tạo tiền đề vững chắc để phát triển cao hơn trong giai đoạn sau.*

Phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trong nước (GDP) bình quân 7 - 8%/năm. GDP năm 2020 theo giá so sánh bằng khoảng 2,2 lần so với năm 2010; GDP bình quân đầu người theo giá thực tế đạt khoảng 3.000USD. Giá trị sản phẩm công nghệ cao và sản phẩm ứng dụng công nghệ cao đạt khoảng 45% trong tổng GDP. Giá trị sản phẩm công nghiệp chế tạo chiếm khoảng 40% trong tổng giá trị sản xuất công nghiệp. Yếu tố năng suất tổng hợp đóng góp vào tăng trưởng đạt khoảng 35%; chỉ số phát triển con người (HDI)

đạt nhóm trung bình cao của thế giới; tuổi thọ bình quân đạt 75 tuổi; lao động qua đào tạo đạt trên 70%; tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân 1,5 - 2%/năm. Đến năm 2020, có một số lĩnh vực khoa học, công nghệ, giáo dục, y tế đạt trình độ tiên tiến, hiện đại; cải thiện chất lượng môi trường; chủ động ứng phó có hiệu quả với biến đổi khí hậu, nhất là nước biển dâng...

Chiến lược xác định **3 khâu đột phá**: (1) Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, trọng tâm là tạo lập môi trường cạnh tranh bình đẳng và cải cách hành chính. (2) Phát triển nhanh nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, tập trung vào việc đổi mới căn bản và toàn diện nền giáo dục quốc dân; gắn kết chặt chẽ phát triển nguồn nhân lực với phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ. (3) Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ với một số công trình hiện đại, tập trung vào hệ thống giao thông và hạ tầng đô thị lớn.

Năm năm 2011 - 2015 là bước rất quan trọng trong việc thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020. **Mục tiêu tổng quát** trong 5 năm tới là: *Tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng; đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới; xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; phát huy dân chủ và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc; phát triển kinh tế nhanh, bền vững; nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân; giữ vững ổn định chính trị - xã hội; tăng cường hoạt động đối ngoại; bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ; tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại.*

Để đạt được mục tiêu trên, trong 5 năm tới, chúng ta phải phấn đấu thực hiện được **các chỉ tiêu chủ yếu**: Tốc độ

tăng trưởng kinh tế bình quân 5 năm: 7,0 - 7,5%. Năm 2015, GDP bình quân đầu người khoảng 2.000USD; cơ cấu GDP: nông nghiệp 17 - 18%, công nghiệp và xây dựng 41 - 42%, dịch vụ 41 - 42%; tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 55%. Kim ngạch xuất khẩu tăng bình quân 12%/năm, giảm nhập siêu, phấn đấu đến năm 2020 cân bằng được xuất nhập khẩu; giảm mức bội chi ngân sách xuống 4,5% GDP vào năm 2015. Giải quyết việc làm cho 8 triệu lao động. Tốc độ tăng dân số đến năm 2015 khoảng 1%. Tuổi thọ trung bình năm 2015 đạt 74 tuổi. Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân 2%/năm. Tỷ lệ che phủ rừng năm 2015 đạt 42 - 43%...

IV- TIẾP TỤC HOÀN THIỆN THỂ CHẾ KINH TẾ
THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA;
ĐỔI MỚI MÔ HÌNH TĂNG TRƯỞNG VÀ CƠ CẤU KINH TẾ;
ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HOÁ, HIỆN ĐẠI HOÁ,
PHÁT TRIỂN NHANH, BỀN VỮNG NỀN KINH TẾ

Thưa các đồng chí,

Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là tiền đề quan trọng thúc đẩy quá trình cơ cấu lại nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng, ổn định kinh tế vĩ mô, là một trong ba đột phá chiến lược trong 10 năm tới. *Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta* là nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản; vừa vận động theo những quy luật của kinh tế thị trường, vừa được dẫn dắt, chi phối bởi các nguyên tắc và bản chất của chủ nghĩa xã hội; trong đó, cơ chế thị trường được vận dụng đầy đủ, linh hoạt để phát huy mạnh mẽ, có hiệu quả mọi nguồn lực nhằm

phát triển nhanh và bền vững nền kinh tế; khuyến khích làm giàu hợp pháp đi đôi với xoá đói, giảm nghèo, thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Các thành phần kinh tế hoạt động theo pháp luật đều là bộ phận quan trọng của nền kinh tế, bình đẳng trước pháp luật, cùng phát triển lâu dài, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh; trong đó, *kinh tế nhà nước* giữ vai trò chủ đạo. Chủ động, tích cực hội nhập quốc tế, đồng thời giữ vững, tăng cường tính độc lập, tự chủ của nền kinh tế; phát triển kinh tế đi đôi với phát triển văn hoá, xã hội, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách phát triển; thực hiện chế độ phân phối chủ yếu theo kết quả lao động, hiệu quả kinh tế, đồng thời theo mức đóng góp vốn cùng các nguồn lực khác và phân phối thông qua hệ thống an sinh xã hội, phúc lợi xã hội. Bảo đảm vai trò quản lý, điều tiết nền kinh tế của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa bằng pháp luật, cơ chế, chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và các nguồn lực kinh tế.

Để thực hiện các định hướng trên, cần phải: (1) *Phát triển mạnh các hình thức sở hữu, các thành phần kinh tế, các loại hình doanh nghiệp*. Hoàn thiện luật pháp, cơ chế, chính sách về sở hữu toàn dân mà Nhà nước là đại diện đối với đất đai, tài nguyên, vốn và các tài sản công để các nguồn lực này được quản lý, sử dụng có hiệu quả. Đẩy mạnh đổi mới, cổ phần hoá, nâng cao hiệu quả của doanh nghiệp nhà nước; xây dựng một số tập đoàn kinh tế mạnh, đa sở hữu, trong đó sở hữu nhà nước giữ vai trò chi phối. Cơ cấu lại ngành nghề kinh doanh của các tập đoàn kinh tế và tổng công ty nhà nước để doanh nghiệp nhà nước thực sự trở thành nòng cốt của kinh tế nhà nước. Phát triển mạnh kinh tế tập thể mà nòng cốt là hợp tác xã. Khuyến khích phát triển mạnh kinh tế

tư nhân, loại hình doanh nghiệp sở hữu hỗn hợp theo quy hoạch và quy định của pháp luật. Thu hút đầu tư nước ngoài có công nghệ hiện đại, thân thiện môi trường. (2) *Phát triển đồng bộ các yếu tố thị trường và các loại thị trường*. Phát triển đa dạng, đồng bộ, ngày càng văn minh, hiện đại các thị trường hàng hoá, dịch vụ. Phát triển vững chắc thị trường tài chính với cơ cấu hoàn chỉnh, vận hành an toàn, được quản lý, giám sát hiệu quả. Phát triển và kiểm soát có hiệu quả thị trường chứng khoán. Phát triển lành mạnh thị trường bất động sản, tập trung vào đổi mới, hoàn thiện các thể chế về quyền sử dụng đất. Phát triển mạnh thị trường khoa học và công nghệ gắn với việc bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ; thị trường lao động gắn với tăng cường quản lý nhà nước... (3) *Nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng, hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước đối với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa*. Tiếp tục đổi mới tư duy kinh tế, nâng cao năng lực lãnh đạo kinh tế của các tổ chức đảng, chất lượng tham mưu trong việc xây dựng, lãnh đạo và kiểm tra việc thực hiện các chủ trương, đường lối về phát triển kinh tế - xã hội; đổi mới và nâng cao vai trò và hiệu lực quản lý kinh tế của Nhà nước. Hoàn thiện hệ thống pháp luật bảo đảm cạnh tranh bình đẳng, minh bạch của doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế. Đổi mới công tác quy hoạch, kế hoạch, quản lý kinh tế phù hợp với cơ chế thị trường. Tiếp tục hoàn thiện các chính sách thuế, cơ chế quản lý giá, chính sách tiền lương, tiền công; chính sách động viên, phân phối và sử dụng ngân sách nhà nước hợp lý, hiệu quả.

Đổi mới mô hình tăng trưởng và cơ cấu lại nền kinh tế; đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, phát triển nhanh, bền vững. Đổi mới mô hình tăng trưởng và cơ cấu lại nền kinh tế từ chủ yếu phát triển theo chiều rộng sang

phát triển hợp lý giữa chiều rộng và chiều sâu; vừa mở rộng quy mô, vừa chú trọng nâng cao chất lượng, hiệu quả, tính bền vững; từ tăng trưởng chủ yếu dựa vào tăng vốn đầu tư, khai thác tài nguyên và sử dụng lao động giá rẻ sang tăng trưởng chủ yếu do áp dụng tiến bộ khoa học, công nghệ, nguồn nhân lực chất lượng cao, nâng cao năng suất lao động và chất lượng sản phẩm, phát triển công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ công nghệ cao, có giá trị gia tăng và sức cạnh tranh lớn gắn với phát triển kinh tế tri thức; gắn kết chặt chẽ phát triển kinh tế với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường...

Theo định hướng đó cần phải: *Một là*, phát triển mạnh công nghiệp và xây dựng theo hướng hiện đại, tiếp tục tạo nền tảng cho một nước công nghiệp và nâng cao khả năng độc lập, tự chủ của nền kinh tế. Ưu tiên phát triển các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh thuộc các ngành công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp cơ khí, chế biến, công nghiệp năng lượng, luyện kim, hoá chất, công nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông. Phát triển mạnh công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp phục vụ nông nghiệp, nông thôn. *Hai là*, phát triển nông nghiệp toàn diện, hiệu quả, bền vững theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá, phát huy ưu thế của nền nông nghiệp nhiệt đới gắn với giải quyết tốt các vấn đề nông dân, nông thôn. Khuyến khích tập trung ruộng đất, áp dụng tiến bộ khoa học, công nghệ, phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hoá lớn, có năng suất, chất lượng, hiệu quả cao. Gắn sản xuất với chế biến và tiêu thụ, mở rộng xuất khẩu. Xây dựng nông thôn mới theo hướng văn minh, giàu đẹp, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nông dân. *Ba là*, phát triển mạnh các ngành dịch vụ, nhất là các dịch vụ có giá trị gia tăng cao, tiềm năng lớn và có sức cạnh tranh

như các dịch vụ tài chính, ngân hàng, thương mại, du lịch, viễn thông, vận tải, y tế, giáo dục, khoa học, công nghệ. Hình thành một số trung tâm dịch vụ lớn ở các vùng, trong đó có trung tâm có tầm cỡ khu vực và quốc tế. *Bốn là*, tập trung xây dựng, tạo bước đột phá về kết cấu hạ tầng. Hoàn thiện quy hoạch hệ thống kết cấu hạ tầng cả nước. Tập trung các nguồn lực xây dựng, hoàn thiện hệ thống giao thông thiết yếu. Hiện đại hoá một số sân bay, cảng biển quan trọng. Phát triển đồng bộ, từng bước hiện đại hệ thống thuỷ lợi; xây dựng, củng cố hệ thống đê biển, các công trình ngăn, xả lũ, hệ thống cung cấp nước sạch, các công trình xử lý nước thải, bảo vệ môi trường. *Năm là*, phát triển hài hoà giữa các vùng đô thị và nông thôn. Đẩy mạnh phát triển các vùng kinh tế trọng điểm tạo động lực cho nền kinh tế, đồng thời hỗ trợ phát triển các vùng còn nhiều khó khăn. Hình thành hệ thống đô thị phân bố hợp lý ở các vùng; phát triển hài hoà giữa thành thị và nông thôn.

V- PHÁT TRIỂN VĂN HOÁ, GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO,
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ; BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG;
THỰC HIỆN TIẾN BỘ, CÔNG BẰNG XÃ HỘI
TRONG TỪNG BƯỚC VÀ TỪNG CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN

Thưa các đồng chí,

Phát triển văn hoá, xã hội hài hoà với phát triển kinh tế, bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội trong từng bước và từng chính sách phát triển là thể hiện rõ nhất tính ưu việt của chế độ ta. Tăng đầu tư của Nhà nước, đồng thời tăng cường huy động các nguồn lực xã hội cho phát triển văn hoá, xây dựng nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, vừa kế thừa, phát huy những truyền thống văn hoá

tốt đẹp của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, vừa tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại để văn hoá thực sự là nền tảng tinh thần của xã hội. Xây dựng con người Việt Nam giàu lòng yêu nước, có ý thức làm chủ, trách nhiệm công dân, có tri thức, sức khoẻ, lao động giỏi, sống có văn hoá, nghĩa tình, có tinh thần quốc tế chân chính; xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc; thực hiện bình đẳng giới, chăm sóc và bảo vệ trẻ em. Tiếp tục củng cố và xây dựng môi trường văn hoá lành mạnh, đưa phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá” đi vào chiều sâu, thiết thực, hiệu quả. Phát triển mạnh sự nghiệp văn học, nghệ thuật, hệ thống thông tin đại chúng; bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hoá truyền thống, cách mạng; mở rộng và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế về văn hoá.

Phát triển, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao là một trong những yếu tố quyết định sự phát triển nhanh, bền vững đất nước. Đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục theo hướng chuẩn hoá, hiện đại hoá, xã hội hoá; đổi mới chương trình, nội dung, phương pháp dạy và học; đổi mới cơ chế quản lý giáo dục, phát triển đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục, đào tạo. Tập trung nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo, coi trọng giáo dục đạo đức, lối sống, năng lực sáng tạo, kỹ năng thực hành. Đẩy mạnh đào tạo nghề đáp ứng nhu cầu phát triển của đất nước. Xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, kết hợp chặt chẽ giữa nhà trường với gia đình và xã hội; xây dựng xã hội học tập, tạo cơ hội và điều kiện cho mọi công dân được học tập suốt đời.

Phát triển mạnh khoa học và công nghệ làm động lực nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, phát triển nhanh, bền vững nền kinh tế. Đổi mới mạnh mẽ, đồng bộ tổ

chức, cơ chế quản lý, chính sách phát triển khoa học và công nghệ; gắn các mục tiêu, nhiệm vụ khoa học, công nghệ với mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội. Hướng hoạt động khoa học và công nghệ vào phục vụ đổi mới mô hình tăng trưởng và cơ cấu lại nền kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, phát triển kinh tế tri thức. Phát triển, nâng cao năng lực khoa học, công nghệ có trọng tâm, trọng điểm, đồng bộ về cơ sở vật chất và nguồn nhân lực. Tăng đầu tư nhà nước cho các trọng điểm quốc gia, đồng thời đẩy mạnh xã hội hoá, huy động các nguồn lực xã hội cho phát triển khoa học, công nghệ. Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ trong nước và tiếp thu, sử dụng có hiệu quả các thành tựu khoa học và công nghệ hiện đại trên thế giới.

Bảo vệ môi trường là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, toàn xã hội và của mọi công dân. Kết hợp chặt chẽ giữa kiểm soát, ngăn ngừa, khắc phục ô nhiễm với khôi phục và bảo vệ môi trường sinh thái. Phát triển năng lượng sạch, sản xuất sạch, tiêu dùng sạch. Đẩy mạnh công tác nghiên cứu, dự báo và ứng phó với sự biến đổi khí hậu, các thảm họa thiên nhiên. Tăng cường quản lý, bảo vệ và sử dụng hợp lý, có hiệu quả tài nguyên quốc gia.

Thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội trong từng bước và từng chính sách phát triển là một chủ trương lớn, nhất quán của Đảng và Nhà nước ta, thể hiện bản chất tốt đẹp của chế độ xã hội chủ nghĩa. Tập trung giải quyết tốt *chính sách lao động, việc làm và thu nhập*; khắc phục những bất hợp lý về tiền lương, tiền công, trợ cấp xã hội phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của đất nước. *Bảo đảm an sinh xã hội*; tiếp tục sửa đổi, hoàn thiện hệ thống bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, trợ giúp và cứu trợ xã

hội đa dạng, linh hoạt, có khả năng bảo vệ, giúp đỡ mọi thành viên trong xã hội, nhất là những đối tượng yếu thế, dễ bị tổn thương. Tập trung triển khai có hiệu quả chương trình xoá đói, giảm nghèo, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn; huy động mọi nguồn lực xã hội cùng Nhà nước chăm lo tốt hơn đời sống vật chất và tinh thần cho những người và gia đình có công với cách mạng. Nâng cao chất lượng *chăm sóc sức khoẻ nhân dân và công tác dân số, kế hoạch hoá gia đình, bảo vệ và chăm sóc sức khoẻ bà mẹ, trẻ em*; quan tâm phát triển y tế dự phòng, củng cố mạng lưới y tế cơ sở, nâng cao năng lực của bệnh viện tuyến huyện và tuyến tỉnh, hiện đại hoá một số bệnh viện đầu ngành; thực hiện nghiêm chính sách và pháp luật về dân số, duy trì mức sinh hợp lý, gia đình ít con và đảm bảo tỷ lệ cân bằng giới tính khi sinh; bảo đảm quyền cơ bản của trẻ em, tạo môi trường lành mạnh để trẻ em được phát triển toàn diện về thể chất, trí tuệ. Phát triển mạnh phong trào thể dục, thể thao đại chúng, tập trung hơn cho phát triển thể thao thành tích cao. *Đấu tranh phòng, chống có hiệu quả các tệ nạn xã hội và tai nạn giao thông.*

VI- TĂNG CƯỜNG QUỐC PHÒNG - AN NINH; MỞ RỘNG HOẠT ĐỘNG ĐỐI NGOẠI; CHỦ ĐỘNG VÀ TÍCH CỰC HỘI NHẬP QUỐC TẾ

Thưa các đồng chí,

Thực hiện tốt mục tiêu, nhiệm vụ **quốc phòng - an ninh** là bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa, giữ vững hoà bình, ổn định chính trị và an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội; chủ động đấu

tranh, làm thất bại mọi âm mưu và hành động chống phá của các thế lực thù địch đối với sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta.

Tăng cường quốc phòng, an ninh là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên của Đảng, Nhà nước và của toàn dân, trong đó Quân đội nhân dân, Công an nhân dân là lực lượng nòng cốt. Xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân vững chắc. Phát triển đường lối, nghệ thuật quân sự chiến tranh nhân dân và lý luận khoa học an ninh nhân dân; kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng - an ninh, quốc phòng - an ninh với kinh tế. Xây dựng Quân đội nhân dân và Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, với Đảng, Nhà nước và nhân dân, có số lượng hợp lý, có sức chiến đấu cao, lực lượng dự bị động viên hùng hậu, dân quân tự vệ rộng khắp. Xây dựng nền công nghiệp quốc phòng, an ninh, bảo đảm cho các lực lượng vũ trang được trang bị cơ sở vật chất - kỹ thuật từng bước hiện đại.

Tăng cường sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng, sự quản lý của Nhà nước đối với Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và sự nghiệp quốc phòng, an ninh. Tiếp tục hoàn thiện các chiến lược quốc phòng, an ninh và hệ thống cơ chế, chính sách về quốc phòng, an ninh trong điều kiện mới. Chủ động, tăng cường hợp tác quốc tế về quốc phòng, an ninh.

Tiếp tục thực hiện tốt chủ trương: **Mở rộng hoạt động đối ngoại, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế.** Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hoá, đa dạng hoá quan hệ, giữ vững môi trường hoà bình, ổn định cho sự phát triển, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, nâng cao vị thế

đất nước; góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới. Tiếp tục đưa các quan hệ quốc tế của đất nước đi vào chiều sâu trên cơ sở giữ vững độc lập, tự chủ, phát huy tối đa nội lực và bản sắc dân tộc; chủ động ngăn ngừa và giảm thiểu tác động tiêu cực của quá trình hội nhập quốc tế. Tham gia các cơ chế hợp tác chính trị, an ninh, kinh tế song phương và đa phương vì lợi ích quốc gia trên cơ sở tôn trọng các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế, Hiến chương Liên hợp quốc. củng cố, phát triển quan hệ hợp tác, hữu nghị truyền thống với các nước láng giềng. Chủ động, tích cực và có trách nhiệm cùng các nước xây dựng cộng đồng ASEAN vững mạnh; tăng cường quan hệ với các đối tác trong khuôn khổ hợp tác ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Phát triển quan hệ với các đảng cộng sản, công nhân, đảng cánh tả, đảng cầm quyền và các chính đảng khác trên cơ sở bảo đảm lợi ích, độc lập, tự chủ của đất nước. Phối hợp chặt chẽ hoạt động đối ngoại của Đảng, ngoại giao của Nhà nước, đối ngoại nhân dân; đối ngoại, quốc phòng và an ninh; chính trị đối ngoại, kinh tế và văn hoá đối ngoại.

VII- PHÁT HUY DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ SỨC MẠNH ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC

Thưa các đồng chí,

Dân chủ xã hội chủ nghĩa là bản chất của chế độ ta, vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển đất nước. Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân; mọi đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đều vì lợi ích của nhân dân; cán bộ, công chức

phải hoàn thành tốt chức trách, nhiệm vụ được giao, tôn trọng nhân dân, tận tụy phục vụ nhân dân. Có cơ chế cụ thể để nhân dân thực hiện trên thực tế quyền làm chủ trực tiếp và quyền làm chủ thông qua các cơ quan đại diện của mình. Phát huy dân chủ phải đi liền với tăng cường pháp chế, đề cao trách nhiệm công dân, giữ vững kỷ luật, kỷ cương xã hội; phê phán và nghiêm trị những hành vi vi phạm quyền làm chủ của nhân dân, những hành vi lợi dụng dân chủ làm tổn hại đến lợi ích quốc gia, dân tộc, gây mất an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

Đại đoàn kết toàn dân tộc là đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam; là nguồn sức mạnh, động lực chủ yếu và là nhân tố có ý nghĩa quyết định bảo đảm thắng lợi của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Lấy mục tiêu xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, độc lập, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh làm điểm tương đồng; xoá bỏ mặc cảm, định kiến về quá khứ, thành phần giai cấp, chấp nhận những điểm khác nhau không trái với lợi ích chung của dân tộc; đề cao tinh thần dân tộc, truyền thống nhân nghĩa, khoan dung... để tập hợp, đoàn kết mọi người vào mặt trận chung, tăng cường đồng thuận xã hội.

Quan tâm giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng, phát triển *giai cấp công nhân* cả về số lượng và chất lượng; nâng cao bản lĩnh chính trị, trình độ học vấn, chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, tác phong công nghiệp, kỷ luật lao động; đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế; bảo vệ quyền lợi, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của công nhân. Xây dựng, phát huy vai trò của *giai cấp nông dân*; nâng cao trình độ giác ngộ giai cấp, tạo điều kiện hỗ trợ, khuyến khích nông dân học nghề, chuyển dịch cơ cấu

lao động, tiếp nhận và áp dụng tiến bộ khoa học, công nghệ; nâng cao chất lượng cuộc sống để giai cấp nông dân thực sự là chủ thể của quá trình phát triển nông nghiệp, nông thôn và xây dựng nông thôn mới. Xây dựng *đội ngũ trí thức* lớn mạnh, có chất lượng cao; tôn trọng, phát huy tự do tư tưởng trong hoạt động nghiên cứu, sáng tạo; coi trọng vai trò tư vấn, phản biện của các cơ quan khoa học trong việc hoạch định đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước; gắn bó mật thiết giữa Đảng, Nhà nước với trí thức, giữa trí thức với Đảng, Nhà nước. Có chính sách trọng dụng trí thức, đặc biệt đối với nhân tài của đất nước. Tạo điều kiện xây dựng, phát triển *đội ngũ doanh nhân* lớn mạnh, có đạo đức và trách nhiệm xã hội cao; phát huy tiềm năng và vai trò tích cực của đội ngũ doanh nhân trong phát triển sản xuất kinh doanh, tạo việc làm, thu nhập cho người lao động, nâng cao chất lượng sản phẩm, tạo dựng và giữ gìn thương hiệu hàng hoá Việt Nam. Làm tốt công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, truyền thống, lý tưởng, đạo đức và lối sống, tạo điều kiện học tập, lao động, giải trí, phát triển thể lực, trí tuệ cho *thế hệ trẻ*; khuyến khích, cổ vũ thanh niên nuôi dưỡng ước mơ, hoài bão lớn, xung kích, sáng tạo, làm chủ khoa học, công nghệ hiện đại; hình thành một lớp thanh niên ưu tú trên mọi lĩnh vực, kế tục trung thành và xuất sắc sự nghiệp cách mạng của Đảng, của dân tộc. Nâng cao trình độ mọi mặt và đời sống vật chất, tinh thần của *phụ nữ*, tạo điều kiện để phụ nữ thực hiện tốt vai trò của mình trong gia đình và xã hội; kiên quyết đấu tranh chống các tệ nạn xã hội và các hành vi bạo lực, xâm hại và xúc phạm nhân phẩm phụ nữ. Phát huy truyền thống Bộ đội Cụ Hồ, tích cực tham gia xây dựng và bảo vệ Đảng, Nhà nước, bảo vệ nhân dân, giáo dục lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa anh hùng cách

mạng cho thế hệ trẻ của *cựu chiến binh*. Quan tâm chăm sóc sức khoẻ, tạo điều kiện để *người cao tuổi* sống vui, sống khoẻ, sống hạnh phúc; phát huy trí tuệ, kinh nghiệm sống trong xã hội và gia đình.

Các *dân tộc* trong đại gia đình Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng, giúp đỡ nhau cùng tiến bộ, thực hiện thắng lợi sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tiếp tục hoàn thiện chính sách, pháp luật về *tín ngưỡng, tôn giáo* phù hợp với quan điểm của Đảng trong giai đoạn mới của đất nước; tôn trọng những giá trị đạo đức, văn hoá tốt đẹp của các tôn giáo; động viên chức sắc, tín đồ, các tổ chức tôn giáo sống tốt đời, đẹp đạo, tham gia đóng góp tích cực cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. *Đồng bào định cư ở nước ngoài* là một bộ phận không thể tách rời của cộng đồng dân tộc Việt Nam; Nhà nước ban hành các cơ chế, chính sách để hỗ trợ, giúp đỡ đồng bào ổn định cuộc sống, phát triển kinh tế, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc, hướng về Tổ quốc. *Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân* tiếp tục tăng cường tổ chức, đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, tập hợp, đoàn kết nhân dân, thực hiện dân chủ, tổ chức các phong trào thi đua yêu nước, phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, tăng cường quốc phòng, an ninh, giám sát và phản biện xã hội, tham gia xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước.

VIII- ĐẨY MẠNH XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Thưa các đồng chí,

Nhà nước ta là **Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa** của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, do Đảng lãnh đạo. Nhà nước chăm lo, phục vụ nhân dân, bảo vệ các

quyền và lợi ích chính đáng của nhân dân. Tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước theo nguyên tắc tập trung dân chủ. Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp. Đẩy mạnh xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, tập trung vào ba nội dung lớn:

(1) *Tiếp tục đổi mới tổ chức, hoạt động của bộ máy nhà nước.* Đổi mới tổ chức và hoạt động của *Quốc hội*, bảo đảm cho Quốc hội thực sự là cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất. Nâng cao chất lượng đại biểu Quốc hội, tăng hợp lý số lượng đại biểu Quốc hội chuyên trách; có cơ chế để đại biểu Quốc hội gắn bó chặt chẽ và có trách nhiệm với cử tri. Cải tiến, nâng cao hoạt động của Hội đồng Dân tộc và các uỷ ban của Quốc hội. Đổi mới, nâng cao chất lượng các kỳ họp của Quốc hội, chất lượng công tác xây dựng pháp luật; thực hiện tốt hơn nhiệm vụ quyết định và giám sát các vấn đề quan trọng của đất nước.

Tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của *Chính phủ* theo hướng xây dựng nền hành chính thống nhất, thông suốt, trong sạch, vững mạnh, tổ chức tinh gọn, hợp lý; xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm, tổ chức của các bộ, cơ quan ngang bộ. Thực hiện phân cấp hợp lý cho chính quyền địa phương đi đôi với tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát của Trung ương. Nâng cao năng lực dự báo, chất lượng xây dựng và tổ chức thực hiện thể chế, các chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quản lý và sử dụng có hiệu quả tài sản quốc gia, hệ thống kết cấu hạ tầng, bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội của chính quyền các cấp. Tiếp tục đẩy

manh cải cách hành chính, bãi bỏ các thủ tục hành chính gây phiền hà cho tổ chức và công dân...

Đẩy mạnh việc thực hiện *Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*, xây dựng hệ thống tư pháp trong sạch, vững mạnh, bảo vệ công lý, tôn trọng và bảo vệ quyền con người. Hoàn thiện chính sách, pháp luật về hình sự, dân sự, thủ tục tố tụng tư pháp. Đổi mới hệ thống tổ chức toà án theo thẩm quyền xét xử, mở rộng thẩm quyền xét xử đối với các khiếu kiện hành chính; viện kiểm sát được tổ chức phù hợp với hệ thống tổ chức toà án, bảo đảm các điều kiện để thực hiện có hiệu quả chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp. Kiện toàn tổ chức và nâng cao chất lượng hoạt động của cơ quan điều tra, các tổ chức hỗ trợ tư pháp. Tăng cường cơ chế giám sát, bảo đảm sự tham gia giám sát của nhân dân đối với hoạt động tư pháp.

Tiếp tục đổi mới tổ chức, hoạt động của *chính quyền địa phương*, nâng cao chất lượng hoạt động của hội đồng nhân dân và uỷ ban nhân dân các cấp; tiếp tục thực hiện thí điểm chủ trương không tổ chức Hội đồng nhân dân huyện, quận, phường; nghiên cứu về tổ chức chính quyền đô thị, hải đảo.

(2) *Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức trong sạch, có năng lực đáp ứng yêu cầu của tình hình mới*. Phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, trách nhiệm và quyền hạn của mỗi cán bộ, công chức; tăng cường tính công khai, minh bạch, trách nhiệm của hoạt động công vụ. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức cả về bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, năng lực công tác; có chính sách đãi ngộ, động viên, khuyến khích cán bộ, công chức hoàn thành nhiệm vụ và có cơ chế loại bỏ, bãi miễn những người không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm kỷ luật, mất uy tín với nhân dân.

(3) *Tích cực phòng ngừa và kiên quyết đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, thực hành tiết kiệm.* Tiếp tục hoàn thiện thể chế và đẩy mạnh cải cách hành chính phục vụ phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tập trung vào các lĩnh vực dễ xảy ra tham nhũng, lãng phí; thực hiện chế độ công khai, minh bạch về kinh tế, tài chính trong các cơ quan hành chính, đơn vị cung ứng dịch vụ công, doanh nghiệp nhà nước, các dự án đầu tư, xây dựng cơ bản, mua sắm từ ngân sách nhà nước, quản lý, sử dụng đất đai, tài sản công; thực hiện có hiệu quả việc kê khai và công khai tài sản, thu nhập của cán bộ, công chức theo quy định; xác định rõ trách nhiệm người đứng đầu khi để cơ quan, đơn vị xảy ra tham nhũng, lãng phí; xử lý đúng pháp luật, kịp thời, công khai cán bộ tham nhũng, tịch thu sung công tài sản tham nhũng và có nguồn gốc từ tham nhũng; có cơ chế khuyến khích và bảo vệ người đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; tổng kết, đánh giá cơ chế, mô hình tổ chức cơ quan phòng, chống tham nhũng để có chủ trương, giải pháp phù hợp.

IX- XÂY DỰNG ĐẢNG TRONG SẠCH, VỮNG MẠNH, NÂNG CAO NĂNG LỰC LÃNH ĐẠO VÀ SỨC CHIẾN ĐẤU CỦA ĐẢNG; BỔ SUNG, SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ ĐẢNG

Thưa các đồng chí,

Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam; đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của dân tộc. Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động, lấy tập trung dân chủ làm nguyên tắc tổ chức cơ bản. Đảng Cộng sản

Việt Nam là đảng cầm quyền, lãnh đạo Nhà nước và xã hội; Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị, đồng thời là bộ phận của hệ thống ấy; Đảng gắn bó mật thiết với nhân dân, chịu sự giám sát của nhân dân, hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật. Giữ vững bản chất và tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, xây dựng Đảng thực sự trong sạch, vững mạnh cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng là nhiệm vụ then chốt, có ý nghĩa sống còn đối với Đảng và sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta hiện nay.

Trước hết, phải tăng cường xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng; nâng cao bản lĩnh chính trị và trình độ trí tuệ của Đảng. Đảng phải kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn, làm sáng tỏ một số vấn đề về đảng cầm quyền, về chủ nghĩa xã hội, con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta; nâng cao tính chiến đấu, tính thuyết phục, hiệu quả công tác tư tưởng, đổi mới công tác giáo dục lý luận chính trị trong Đảng, nhất là cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp. Đưa việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh trở thành nhiệm vụ thường xuyên của cán bộ, đảng viên, tổ chức đảng. Mỗi cán bộ, đảng viên phải không ngừng tu dưỡng, rèn luyện về bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, lối sống; kiên quyết đấu tranh làm thất bại âm mưu, hoạt động “diễn biến hoà bình” của các thế lực thù địch; phê phán, đẩy lùi những biểu hiện “tự diễn biến”. Giữ gìn sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng.

Hai là, tiếp tục đổi mới, kiện toàn tổ chức, bộ máy của Đảng và hệ thống chính trị; nâng cao chất lượng đảng viên. Xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Đảng

và hệ thống chính trị; tổng kết việc sáp nhập một số ban, bộ, ngành để có chủ trương phù hợp. Kiện toàn, nâng cao chất lượng các cơ quan tham mưu của Đảng, nhất là ở cấp chiến lược; đổi mới mô hình tổ chức và phương thức hoạt động của các đảng đoàn, ban cán sự đảng; tập trung củng cố, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức cơ sở đảng, trước hết ở các tổ chức cơ sở đảng còn yếu kém. Phát huy dân chủ, nâng cao chất lượng tự phê bình và phê bình trong sinh hoạt của các cấp uỷ, tổ chức đảng. Đổi mới, tăng cường công tác quản lý, phát triển đảng viên, bảo đảm chất lượng đảng viên theo yêu cầu của Điều lệ Đảng; phát huy tính tiên phong, gương mẫu, chủ động, sáng tạo của đội ngũ đảng viên trong thực hiện nhiệm vụ được giao. Tiếp tục thực hiện chủ trương đảng viên làm kinh tế tư nhân; thực hiện thí điểm việc kết nạp những người là chủ doanh nghiệp tư nhân đủ tiêu chuẩn vào Đảng.

Ba là, tiếp tục đổi mới mạnh mẽ, đồng bộ công tác cán bộ; thực hiện tốt Chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá; coi trọng công tác bảo vệ chính trị nội bộ. Tập trung vào đổi mới tư duy, cách làm, khắc phục những yếu kém trong từng khâu của công tác cán bộ. Làm tốt công tác quy hoạch và tạo nguồn cán bộ, chú ý cán bộ trẻ, nữ, dân tộc thiểu số, chuyên gia trên các lĩnh vực; xây dựng quy hoạch cán bộ cấp chiến lược. Trọng dụng người có đức, có tài. Nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ. Đánh giá và sử dụng đúng cán bộ trên cơ sở những tiêu chuẩn, quy trình đã được quy định, lấy hiệu quả công tác và sự tín nhiệm của nhân dân làm thước đo chủ yếu. Có chế tài xử lý nghiêm những trường hợp chạy chức, chạy quyền, chạy chỗ, chạy tội, chạy tuổi, chạy bằng cấp, chạy huân chương. Kịp thời thay thế cán bộ yếu kém về phẩm chất, năng lực,

không hoàn thành nhiệm vụ, giảm sút uy tín, vi phạm pháp luật, chính sách của Nhà nước, kỷ luật của Đảng. Thực hiện tốt chính sách đối với cán bộ. Coi trọng công tác bảo vệ chính trị nội bộ, chú trọng những vấn đề chính trị hiện nay.

Bốn là, đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, công tác dân vận của Đảng. Nâng cao trách nhiệm của các cấp uỷ, tổ chức đảng trong việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát theo Điều lệ Đảng. Tập trung kiểm tra, giám sát việc chấp hành chủ trương, đường lối, nghị quyết, chỉ thị, quy định của Đảng, luật pháp, chính sách của Nhà nước, việc chấp hành nguyên tắc tập trung dân chủ, quy chế làm việc, chế độ công tác, thực hiện dân chủ trong Đảng, giữ gìn đoàn kết nội bộ; thực hành tiết kiệm, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, rèn luyện phẩm chất, đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên; việc điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án; việc quy hoạch, luân chuyển, đề bạt, sử dụng cán bộ và thực hiện chính sách cán bộ. Chú trọng kiểm tra, giám sát người đứng đầu tổ chức đảng, nhà nước, mặt trận và các đoàn thể trong thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao; phát hiện, xử lý kịp thời, nghiêm minh các sai phạm; tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong Đảng.

Đổi mới, nâng cao chất lượng công tác dân vận của Đảng, tăng cường công tác tuyên truyền, vận động, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, gắn bó chặt chẽ với nhân dân, giải quyết kịp thời những vướng mắc, bảo vệ quyền, lợi ích của nhân dân, dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng.

Năm là, tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng. Tập trung rà soát, bổ sung, điều chỉnh, ban hành mới, đồng bộ các quy chế, quy định, quy trình công tác của các cấp uỷ, tổ chức đảng; quy chế về quan hệ lãnh đạo của cấp uỷ, tổ chức đảng đối với hoạt động của hệ thống chính trị. Khắc

phục tình trạng bao biện, làm thay hoặc buông lỏng lãnh đạo của Đảng với các cơ quan nhà nước. Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội. Đổi mới cách ra nghị quyết, tập trung vào lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện, kiểm tra, sơ kết, tổng kết việc thực hiện nghị quyết của Đảng; đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính trong Đảng.

Về bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng, Ban Chấp hành Trung ương đề nghị kiên định các nguyên tắc cơ bản về Đảng, xây dựng Đảng trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh; đồng thời xem xét những vấn đề đã chín muồi, đã rõ, căn cứ kết quả tổng kết 20 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, một số nghị quyết Trung ương về xây dựng Đảng, quy định về thi hành Điều lệ Đảng để bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng.

Những điểm chủ yếu đề nghị bổ sung, sửa đổi trong Điều lệ Đảng lần này là: Một số vấn đề về tiêu chuẩn đảng viên; giới thiệu người vào Đảng; quy định những điều đảng viên không được làm và quy định việc thí điểm một số chủ trương mới ghi trong Điều lệ; về tính tuổi Đảng; về thành lập tổ chức cơ sở đảng; về chức năng, nhiệm vụ của đảng đoàn, ban cán sự đảng; về nhiệm kỳ của đại hội đảng ở những nơi thành lập mới, chia tách, hợp nhất; về thẩm quyền kỷ luật đảng viên và các hình thức kỷ luật trong Đảng; về giải quyết khiếu nại kỷ luật đối với đảng viên, tổ chức đảng và một số vấn đề liên quan đến tổ chức đảng, công tác đảng trong Quân đội nhân dân và Công an nhân dân.

Thưa các vị khách quý,

Thưa các đồng chí đại biểu Đại hội,

Đất nước ta đã vượt qua những khó khăn, thách thức to

lớn, ngày càng lớn mạnh và đang vững bước đi lên. Tình hình thế giới thay đổi nhanh chóng, tạo cho nước ta nhiều thời cơ nhưng cũng đặt ra nhiều thách thức mới. Đại hội XI của Đảng khẳng định ý chí của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta, triệu người như một, năng động, sáng tạo, tận dụng thời cơ, vượt qua thách thức, tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, phát triển đất nước nhanh, bền vững, quyết tâm thực hiện thắng lợi mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Xin trân trọng cảm ơn!

BÁO CÁO
TIẾP THU GIẢI TRÌNH CỦA ĐOÀN CHỦ TỊCH
VỀ Ý KIẾN THẢO LUẬN CỦA CÁC ĐẠI BIỂU
ĐỐI VỚI CÁC VĂN KIẾN ĐẠI HỘI XI
CỦA ĐẢNG

(Do đồng chí Trương Tấn Sang, Ủy viên Bộ Chính trị,
Thường trực Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa X trình bày,
ngày 18 tháng 1 năm 2011)

*Kính thưa Đoàn Chủ tịch,
Thưa các đồng chí,*

Từ chiều ngày 12-1 đến hết ngày 14-1-2011, Đại hội thảo luận phân văn kiện. Đã có 1.402 lượt ý kiến phát biểu ở đoàn và 27 ý kiến ở hội trường. Không khí thảo luận sôi nổi, có trao đổi, tranh luận. Nội dung các ý kiến rất phong phú, thẳng thắn, tâm huyết.

Hầu hết các ý kiến đồng tình với các văn kiện trình Đại hội và cho rằng, nội dung các văn kiện trình Đại hội XI đề cập đến những vấn đề quan trọng của Đảng, của đất nước; các văn kiện đã được chuẩn bị công phu, kỹ lưỡng, khoa học và nghiêm túc, có sự đổi mới cả về nội dung và cách thể hiện; đã nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng thực tế tình hình của đất nước và của Đảng, có tính tổng kết và

khái quát cao; đã tiếp thu nghiêm túc, có chọn lọc ý kiến của đại hội đảng bộ các cấp, góp ý của các tổ chức và nhân dân; có nhiều điểm mới so với các văn kiện gửi đại hội đảng các cấp và công bố lấy ý kiến nhân dân, chất lượng được nâng lên; đã đạt được sự thống nhất cao trong những vấn đề lớn cả về lý luận và thực tiễn.

Tuy nhiên, một số ý kiến cho rằng, giữa các văn kiện chưa có sự trùng khớp về một số nội dung, chưa thể hiện rõ tinh thần đổi mới mạnh mẽ, toàn diện, sâu sắc; một số chủ trương và giải pháp chưa cụ thể, sát thực và tính khả thi chưa cao; chưa tập trung giải quyết những vấn đề vướng mắc trong thực tiễn, những vấn đề bức xúc của xã hội, của nhân dân. Một số ý kiến cho rằng, cần xem lại một số nhận định, khái niệm và một số chi tiết cụ thể để bảo đảm tính chính xác, thống nhất giữa các báo cáo, cũng như giữa các phần trong mỗi báo cáo. Các ý kiến phát biểu tại Đại hội đã phân tích làm sáng tỏ, sâu sắc thêm và bổ sung nhiều nội dung quan trọng, cả trong quan điểm chung và trong từng lĩnh vực cụ thể.

Đoàn Chủ tịch đề nghị Đại hội cho tiếp thu những ý kiến hợp lý, xác đáng để hoàn chỉnh các văn kiện Đại hội, đồng thời để chỉ đạo trong hoạt động thực tiễn sắp tới. Đối với một số vấn đề khó, còn có ý kiến khác nhau, xin cho ghi nhận để tiếp tục nghiên cứu kỹ hơn sau Đại hội XI. Những kiến nghị sửa đổi một số từ ngữ, sắp xếp lại câu chữ hoặc chữa một số lỗi văn bản, xin giao cho Bộ Chính trị khoá XI chỉ đạo sửa chữa, hoàn thiện trước khi công bố chính thức.

Dưới đây, Đoàn Chủ tịch xin trình bày rõ thêm một số vấn đề lớn, quan trọng trong các văn kiện để Đại hội xem xét, quyết định.

I- VỀ CHỦ ĐỀ ĐẠI HỘI XI

Hầu hết ý kiến nhất trí với chủ đề Đại hội, nhưng có ý kiến băn khoăn chủ đề của Đại hội XI căn bản giống chủ đề Đại hội X (chỉ khác nhau ở thành tố thứ tư).

Đoàn Chủ tịch xin có ý kiến như sau:

Chủ đề Đại hội là tư tưởng chỉ đạo định hướng hoạt động của Đảng, xác định nhiệm vụ trọng tâm trong mỗi thời kỳ nhất định. Chủ đề Đại hội (cũng là tiêu đề của Báo cáo chính trị) hiện nay gồm bốn thành tố, vừa kế thừa, vừa phát triển chủ đề của Đại hội X, vừa thể hiện tập trung, cô đọng nhất mục tiêu, nhiệm vụ, động lực của cách mạng nước ta trong những năm tới.

- *Tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng* là thành tố đầu tiên, có ý nghĩa hết sức quan trọng, đáp ứng yêu cầu cấp bách hiện nay. Dự thảo Cương lĩnh (bổ sung, phát triển) đã khẳng định bài học “Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam”. Đại hội X của Đảng xác định “Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng”. Thực hiện Nghị quyết Đại hội X, việc củng cố, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng, chất lượng đội ngũ đảng viên đạt một số kết quả; chú trọng hơn việc xây dựng, củng cố tổ chức cơ sở đảng ở những vùng, lĩnh vực trọng yếu, có nhiều khó khăn. Bên cạnh đó, không ít tổ chức đảng năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu còn thấp; công tác quản lý đảng viên chưa chặt chẽ, sinh hoạt đảng chưa nền nếp, nội dung nghèo nàn, tự phê bình và phê bình yếu. Trong những năm tới, cơ hội và thách thức đan xen nhau, công cuộc đổi mới đặt ra nhiều vấn đề phải giải quyết. Cần tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, quyết tâm tạo ra sự

chuyển biến thật sự rõ rệt trên những vấn đề này nói riêng, công tác xây dựng Đảng nói chung.

- *Tiếp tục phát huy sức mạnh toàn dân tộc.* Dự thảo Cương lĩnh (bổ sung, phát triển) tiếp tục khẳng định bài học kinh nghiệm lớn “sự nghiệp cách mạng là của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân” và bài học về đại đoàn kết. Đại hội X xác định “phát huy sức mạnh toàn dân tộc”. Thực hiện Nghị quyết Đại hội X, việc phát huy sức mạnh toàn dân tộc đã đạt được những thành tựu đáng kể, nhưng chưa đầy đủ và vẫn còn không ít hạn chế, yếu kém. Trong những năm tới đòi hỏi tiếp tục phát huy sức mạnh của mọi tầng lớp nhân dân, của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, của mọi lĩnh vực hoạt động trong đất nước ta; giải phóng mọi tiềm năng, phát huy mọi nguồn lực, mọi thành phần kinh tế; phát huy sức mạnh của truyền thống lịch sử, văn hoá dân tộc và ý chí kiên cường của người Việt Nam.

- *Tiếp tục đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới.* Đại hội X đã chỉ rõ yêu cầu “đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới” là đổi mới một cách mạnh mẽ, toàn diện và đồng bộ trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội; từ nhận thức, tư tưởng đến hoạt động thực tiễn; từ hoạt động lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước đến hoạt động trong từng bộ phận của hệ thống chính trị; từ hoạt động của cấp trung ương đến hoạt động của địa phương và cơ sở. Công cuộc đổi mới 25 năm qua đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử, đồng thời cũng đang đòi hỏi phải đổi mới toàn diện hơn nữa. Vì thế, trong 5 năm tới phải tiếp tục đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới.

- *Tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại* là thành tố chỉ rõ mục tiêu trực tiếp của Đại hội XI. Thực hiện Nghị quyết Đại hội X,

nước ta đã ra khỏi tình trạng kém phát triển, bước vào nhóm nước đang phát triển có thu nhập trung bình. Các Đại hội VIII, IX, X và dự thảo Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020 nhất quán xác định mục tiêu phấn đấu để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

Vì vậy, Đoàn Chủ tịch xin kiến nghị Đại hội cho khẳng định chủ đề của Đại hội XI là: *“Tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại”*.

II- VỀ DỰ THẢO CƯƠNG LĨNH (BỔ SUNG, PHÁT TRIỂN)

1. Về tên gọi của Cương lĩnh

Đa số ý kiến đồng ý tên gọi của Cương lĩnh như Dự thảo. Nhiều ý kiến đề nghị bổ sung thêm cụm từ “và bảo vệ” để tên của Cương lĩnh là: *“Cương lĩnh xây dựng và bảo vệ đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội”*.

Đoàn Chủ tịch xin có ý kiến như sau:

Tên gọi của Cương lĩnh (bổ sung, phát triển) đã được Trung ương thảo luận tại Hội nghị Trung ương 10, 11, 12 và đến Hội nghị Trung ương 14 đã được biểu quyết với 59,49% ý kiến tán thành giữ tên gọi của Cương lĩnh năm 1991, chỉ thêm cụm từ *“bổ sung, phát triển năm 2011”*. Đa số ý kiến của đại hội đảng các cấp, của đại biểu Quốc hội, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân, cán bộ, đảng viên và nhân dân nhất trí với tên gọi này.

Ở thời điểm xây dựng và ban hành Cương lĩnh năm 1991, tình hình trong nước và quốc tế cũng đã đòi hỏi phải hết sức coi trọng nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc. Tên của Cương lĩnh năm 1991, tuy không có từ “bảo vệ”, nhưng trong nội dung Cương lĩnh đã nêu đầy đủ các yêu cầu, phương hướng, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc với hàm nghĩa: xây dựng về kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội, xây dựng Đảng và cả hệ thống chính trị, tạo ra sức mạnh tổng hợp của đất nước để bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Ở đây tuyệt nhiên không có ý mơ hồ, chủ quan, mất cảnh giác. Cương lĩnh năm 1991 đã khẳng định: *“Xây dựng chủ nghĩa xã hội, bảo vệ Tổ quốc vẫn là hai nhiệm vụ chiến lược có quan hệ hữu cơ với nhau”*; chỉ rõ một trong bảy phương hướng cơ bản *“xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc là hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam”*. *“Trong khi đặt lên hàng đầu nhiệm vụ xây dựng đất nước, nhân dân ta luôn luôn nâng cao cảnh giác, củng cố quốc phòng, bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ Tổ quốc và các thành quả cách mạng”*. Đồng thời, có một mục riêng nói rõ nhiệm vụ của quốc phòng - an ninh: *“Củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh quốc gia là nhiệm vụ trọng yếu thường xuyên của toàn dân và của Nhà nước... Phát triển kinh tế - xã hội đi đôi với tăng cường tiềm lực quốc phòng - an ninh. Kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng - an ninh, quốc phòng - an ninh với kinh tế trong các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội... Xây dựng các lực lượng vũ trang nhân dân... theo hướng cách mạng, chính quy, từng bước hiện đại, tinh nhuệ...”*.

Trên thực tế, trong suốt thời gian qua, Đảng, Nhà nước và nhân dân ta luôn coi trọng thực hiện cả hai nhiệm vụ chiến lược: xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; không phải vì trong tên gọi của Cương lĩnh không có từ “bảo vệ” mà dẫn đến chủ quan, lơ

lỏng, coi nhẹ nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc. Hai mươi năm qua, quốc phòng - an ninh được giữ vững. Dự thảo Báo cáo chính trị trình Đại hội XI cũng khẳng định những thành tựu quan trọng trong thực hiện nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc: quốc phòng, an ninh được tăng cường; độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, chế độ xã hội chủ nghĩa, an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội được giữ vững; thế trận quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân được củng cố; tiềm lực an ninh, quốc phòng được tăng cường...

Dự thảo Cương lĩnh (bổ sung, phát triển) giữ tên gọi của Cương lĩnh năm 1991; những quan điểm cơ bản về nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong Cương lĩnh năm 1991 được bổ sung, phát triển, làm rõ thêm để phù hợp với tình hình mới.

Nếu bổ sung thêm cụm từ “bảo vệ” thì sẽ làm nổi rõ cả “xây dựng” và “bảo vệ”, tránh gây hiểu lầm chỉ nói đến “xây dựng” mà không quan tâm đến “bảo vệ”. Tuy nhiên, cũng có thể dẫn đến một hiểu lầm khác là: Có phải tên gọi Cương lĩnh năm 1991 chỉ nói đến “xây dựng” là vừa qua mất cảnh giác, chưa nhận thức đúng tầm về nhiệm vụ “bảo vệ”, nay phải bổ sung? Hoặc suy diễn: Phải chăng đó là sửa về nhận thức, hay do tình hình mới đòi hỏi sắp tới phải tăng cường thêm về quốc phòng, an ninh? Đây là một vấn đề hết sức nhạy cảm, nhất là trong quan hệ đối ngoại, cần được cân nhắc kỹ.

Đoàn Chủ tịch xin đề nghị Đại hội cho biểu quyết để lựa chọn một trong hai phương án:

Phương án 1: Giữ tên gọi như Dự thảo: “Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011)”.

Phương án 2: Bổ sung cụm từ “và bảo vệ”: “Cương lĩnh

xây dựng và bảo vệ đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011)".

2. Về đặc trưng kinh tế của xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng

Đa số ý kiến đồng tình thể hiện như trong Dự thảo: "Có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu". Một số ý kiến đề nghị thể hiện như Đại hội X: "Có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất phù hợp"; hoặc: "Có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất *tiến bộ* phù hợp".

Đoàn Chủ tịch xin có ý kiến như sau:

Trong quá trình chuẩn bị Đại hội XI, đặc trưng "có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu" trong Cương lĩnh năm 1991 đã được Trung ương thảo luận nhiều lần, và mới đây Hội nghị Trung ương 14 đã biểu quyết với 55,06% ý kiến nhất trí giữ như Cương lĩnh năm 1991 nhằm nói rõ mục tiêu phải đạt được khi kết thúc thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Thể hiện như Đại hội X tuy phù hợp với chính sách phát triển các thành phần kinh tế của Đảng ta trong giai đoạn hiện nay, tránh được cách hiểu coi nhẹ đối với khu vực kinh tế dựa trên chế độ sở hữu tư nhân, nhưng lại có phần trừu tượng, không rõ đến khi kết thúc thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, quan hệ sản xuất phù hợp lúc đó là như thế nào.

Đoàn Chủ tịch đề nghị Đại hội cho biểu quyết để lựa chọn một trong hai phương án:

Phương án 1: “Có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu” (như Dự thảo).

Phương án 2: “Có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại với quan hệ sản xuất *tiến bộ* phù hợp” (như tinh thần Đại hội X, có bổ sung thêm từ “tiến bộ”).

Liên quan đến chế độ sở hữu, có ý kiến cho rằng, vấn đề sở hữu đất đai thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước đại diện chủ sở hữu quản lý, nhưng thực tế còn nhiều vướng mắc, chế độ công hữu đất đai chỉ còn với đất quốc phòng, an ninh. Có ý kiến đề nghị nói rõ trong Cương lĩnh về sở hữu đất đai. ***Đoàn Chủ tịch đề nghị***, đây là một vấn đề cực kỳ hệ trọng không chỉ về kinh tế mà cả về chính trị, xã hội, đồng thời ý kiến còn rất khác nhau, chưa đủ cơ sở để kết luận, trong nhiệm kỳ tới cần tiếp tục nghiên cứu, tổng kết để sửa đổi Luật đất đai, chưa nên nêu cụ thể trong Cương lĩnh về vấn đề này.

3. Về phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

Đa số ý kiến đồng tình như Dự thảo. Có ý kiến đề nghị thể hiện rõ hơn về quan hệ giữa kinh tế thị trường và định hướng xã hội chủ nghĩa, nội hàm của định hướng xã hội chủ nghĩa trong phát triển nền kinh tế thị trường ở nước ta. Có ý kiến cho rằng, vừa xác định các thành phần kinh tế bình đẳng, cùng phát triển lâu dài, vừa xác định kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo là mâu thuẫn.

Đoàn Chủ tịch xin có ý kiến như sau:

Vấn đề quan hệ giữa kinh tế thị trường và định hướng xã hội chủ nghĩa, nội hàm của định hướng xã hội chủ nghĩa trong phát triển nền kinh tế thị trường ở nước ta đã được các nhiệm kỳ đại hội, nhất là các khoá VIII, IX và X không

ngừng bổ sung, phát triển, làm rõ dần. Đây là một quá trình vừa làm, vừa tìm tòi, đổi mới, hoàn thiện. Trong Báo cáo chính trị và Chiến lược trình Đại hội XI cũng đã từ tổng kết lý luận - thực tiễn, bổ sung làm rõ thêm vấn đề này. Trong Dự thảo Cương lĩnh (bổ sung, phát triển) chỉ nêu những định hướng khái quát nhất. Đoàn Chủ tịch đề nghị Đại hội cho giữ như Dự thảo.

Về chính sách chung đối với các thành phần kinh tế, các nhiệm kỳ đại hội từ Đại hội VI đã không ngừng đổi mới, đặc biệt là Đại hội X đã khẳng định rõ: *“Các thành phần kinh tế hoạt động theo pháp luật đều là bộ phận hợp thành quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, bình đẳng trước pháp luật, cùng phát triển lâu dài, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh”*. Những chủ trương đó đã được nhân dân đồng tình, hưởng ứng, tạo động lực mạnh mẽ thúc đẩy phát triển kinh tế và cải thiện đời sống, giữ vững ổn định chính trị - xã hội. Đó là một thành tựu to lớn của quá trình đổi mới. Vì vậy, Đoàn Chủ tịch đề nghị Đại hội cho giữ nội dung này như Dự thảo.

Về vai trò của kinh tế nhà nước, từ Đại hội VIII, Đảng ta đã sử dụng khái niệm *“kinh tế nhà nước”* (không đồng nghĩa với khái niệm *“doanh nghiệp nhà nước”*), bao gồm: ngân sách nhà nước, các quỹ của Nhà nước và doanh nghiệp nhà nước. Nội hàm “chủ đạo” qua nhiều năm đổi mới cũng có sự đổi mới khá cơ bản. Hội nghị Trung ương 3 khoá IX đã xác định: *Kinh tế nhà nước* có vai trò chủ đạo theo nghĩa: “có vai trò quyết định trong việc giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa, ổn định và phát triển kinh tế, chính trị, xã hội của đất nước”; đồng thời cũng xác định *doanh nghiệp nhà nước* “giữ vị trí then chốt trong nền kinh tế, làm công cụ vật chất quan trọng để Nhà nước định hướng và điều tiết vĩ mô, làm

lực lượng nòng cốt, góp phần chủ yếu để kinh tế nhà nước thực hiện vai trò chủ đạo trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa”. Thực tế phát triển kinh tế những năm qua, nhất là trong điều kiện khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu, càng cho thấy phải khẳng định vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước và vai trò quan trọng, làm nòng cốt của doanh nghiệp nhà nước, gắn với vai trò quản lý và điều tiết nền kinh tế của Nhà nước. Như vậy, vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước không mâu thuẫn, hạn chế sự phát triển bình đẳng, lâu dài các thành phần kinh tế, mà chính là mở đường, thúc đẩy, tạo điều kiện, tạo động lực cho phát triển mạnh các thành phần kinh tế khác. Đoàn Chủ tịch đề nghị Đại hội cho giữ cụm từ “*Kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo*” như Dự thảo.

III- VỀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 2011 - 2020

Đoàn Chủ tịch xin báo cáo Đại hội nội dung tiếp thu và giải trình như sau:

1. Tình hình đất nước và bối cảnh quốc tế

1.1. Về tình hình đất nước

Có ý kiến đề nghị làm rõ hơn bối cảnh, tình hình đất nước, nhất là phần dự báo để có cơ sở đề ra các mục tiêu chiến lược phù hợp hơn; cần đánh giá cụ thể từng vùng, từng ngành, từng lĩnh vực để làm cơ sở cho đầu tư sắp tới. Có ý kiến đề nghị nhấn mạnh thành tựu về các vấn đề xã hội. Có ý kiến đề nghị làm rõ hơn một số khuyết điểm, yếu kém về ổn định kinh tế vĩ mô, về đầu tư, nợ công, thiếu điện, chính sách đất đai, văn hoá, xã hội... Cũng có một số ý kiến đề nghị nhấn mạnh

thêm một số nội dung trong phần nguyên nhân và bài học kinh nghiệm.

Đoàn Chủ tịch xin báo cáo Đại hội như sau:

Trong quá trình hơn hai năm xây dựng Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá X đã chỉ đạo tổng kết việc thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001 - 2010, trong đó đã làm rõ những thành tựu, những yếu kém, khuyết điểm chung của toàn bộ nền kinh tế và trong từng ngành, lĩnh vực, vùng; phân tích nguyên nhân và bài học kinh nghiệm... Báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Chiến lược đã phản ánh khá đầy đủ các nội dung cụ thể mà các đại biểu đã nêu ra. Dự thảo Chiến lược 2011 - 2020 chỉ trình bày khái quát và cô đọng nhất về những vấn đề chủ yếu.

Tiếp thu ý kiến của các đại biểu, Đoàn Chủ tịch xin đề nghị bổ sung, chỉnh sửa các nội dung sau: Cập nhật kết quả tăng trưởng GDP bình quân giai đoạn 2001 - 2010 là 7,26% thay cho 7,2%; nhấn mạnh thành tích về xóa đói, giảm nghèo trong đánh giá thành tựu về văn hoá - xã hội; đề cập thêm yếu kém về đầu tư dân trải, về chính sách đất đai chưa phù hợp, tình trạng thiếu điện còn nghiêm trọng khi đánh giá về các hạn chế, yếu kém; nhấn mạnh nguyên nhân hệ thống pháp luật còn nhiều bất cập, thực thi pháp luật chưa nghiêm.

1.2. Về bối cảnh quốc tế

Một số ý kiến đề nghị bổ sung, nhấn mạnh các vấn đề như: Thời cơ nhiều hơn thách thức, cần tính toán thêm phần dự báo về tác động kinh tế và yếu tố quốc tế đến thực hiện chiến lược.

Đoàn Chủ tịch thấy rằng, trong bối cảnh quốc tế của thời kỳ chiến lược tới, cả thời cơ và thách thức đều lớn và

đan xen nhau, có nhiều biến động phức tạp, cần thường xuyên theo dõi, dự báo để có chính sách phản ứng thích hợp nhằm tận dụng tốt thời cơ và đối phó có hiệu quả với những thách thức.

2. Quan điểm phát triển

Một số ý kiến đề nghị bổ sung thêm các quan điểm như ổn định chính trị, tăng cường quốc phòng, an ninh, tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng và quản lý nhà nước, phát triển kinh tế biển... Có ý kiến đề nghị làm rõ hơn một số nội dung cụ thể trong từng quan điểm, góp ý về cách diễn đạt, ghép quan điểm 4 với quan điểm 2...

Đoàn Chủ tịch xin báo cáo với Đại hội: Quan điểm phát triển là những tư tưởng chỉ đạo có tính bao trùm, xuyên suốt trong Chiến lược. Vấn đề ổn định chính trị, tăng cường quốc phòng, an ninh, giữ vững trật tự, an toàn xã hội là rất quan trọng và đã được thể hiện rõ trong quan điểm 1: *“Phải đặc biệt quan tâm giữ vững ổn định chính trị - xã hội, tăng cường quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ để bảo đảm cho đất nước phát triển nhanh và bền vững”*. Tiếp thu ý kiến của các đại biểu, Đoàn Chủ tịch xin đề nghị thay cụm từ *“quan tâm”* bằng cụm từ *“coi trọng”* trong câu trên.

Về vai trò lãnh đạo của Đảng và quản lý nhà nước đã được thể hiện tại mục V của Dự thảo Chiến lược. Những nội dung khác đã được thể hiện hợp lý trong các mục III - Mục tiêu chiến lược và khâu đột phá và mục IV - Định hướng phát triển kinh tế - xã hội, đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế.

3. Mục tiêu chiến lược và các khâu đột phá

3.1. Về mục tiêu chiến lược

Có ý kiến đề nghị làm rõ các tiêu chí của mục tiêu đến năm 2020 nước ta *cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại*, xác định rõ nội dung của cụm từ “*nước công nghiệp*”. Có ý kiến đề nghị không nên ghi các chỉ tiêu định lượng vào mục tiêu của Nghị quyết Đại hội. Một số ý kiến cho rằng, nhiều chỉ tiêu cụ thể đề ra là cao quá, khó thực hiện trong điều kiện vừa phải phát triển nhanh gắn liền với phát triển bền vững, vừa phải nâng cao chất lượng tăng trưởng; ngược lại, cũng có một số ý kiến cho rằng, một số chỉ tiêu đề ra còn thấp, chưa tương xứng với mục tiêu tổng quát là “*phấn đấu cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại*”; đưa chỉ tiêu tăng trưởng GDP bình quân lên mức 8,2%/năm hoặc GDP bình quân đầu người lên 5.000USD, tỷ lệ che phủ rừng đạt 50% đến năm 2020...

Đoàn Chủ tịch xin báo cáo Đại hội như sau: Các tiêu chí để xác định *cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại* đã được thể hiện qua các mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể và các định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực và vùng như nêu trong Dự thảo Chiến lược. Trong quá trình soạn thảo Chiến lược, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá X đã chỉ đạo nghiên cứu, tính toán, cân nhắc kỹ để xác định các mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể về phát triển kinh tế - xã hội và môi trường, vừa thể hiện quyết tâm phấn đấu cao, vừa bảo đảm khả năng thực hiện. Đề nghị Đại hội cho giữ các mục tiêu, chỉ tiêu như trong Dự thảo Chiến lược.

Tiếp thu ý kiến góp ý của các đại biểu, xin đề nghị chuyển cụm từ “*đồng thuận*” xuống sau cụm từ “*dân chủ, kỷ cương*”

trong mục tiêu về văn hoá, xã hội để bảo đảm tính thống nhất về cách thể hiện mục tiêu này với mục tiêu tổng quát.

3.2. Về các đột phá chiến lược

Đoàn Chủ tịch xin báo cáo với Đại hội các đột phá chiến lược đã qua nhiều lần thảo luận, ý kiến đóng góp của đại hội đảng bộ các cấp, ý kiến của nhân dân đa số đồng tình với việc lựa chọn ba khâu đột phá như trong Dự thảo. Tại Đại hội này, cũng có một số ý kiến đề nghị bổ sung thêm một số khâu đột phá như: phòng, chống tham nhũng, lãng phí; tập trung xây dựng nông thôn mới; tinh giản bộ máy nhà nước; chính sách về đất đai; bảo vệ và cải thiện chất lượng môi trường... Tuy nhiên, hầu hết ý kiến thảo luận đồng tình với việc lựa chọn ba khâu đột phá như nêu trong Dự thảo và phân tích, làm rõ thêm một số nội dung trọng tâm của ba khâu đột phá để bảo đảm tập trung nguồn lực thực hiện có hiệu quả. Đoàn Chủ tịch đề nghị Đại hội cho giữ ba khâu đột phá như trong Dự thảo.

4. Định hướng phát triển kinh tế - xã hội, đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế

Hầu hết ý kiến góp ý đồng tình với 12 định hướng phát triển đã nêu trong Dự thảo Chiến lược. Nhiều ý kiến phân tích, làm rõ thêm và đề nghị bổ sung một số nội dung cụ thể trong các định hướng phát triển.

Tiếp thu ý kiến của các đại biểu, **Đoàn Chủ tịch xin báo cáo Đại hội** một số nội dung được tiếp thu, chỉnh sửa như sau:

- Tại mục 1- Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô; huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực:

Thay cụm từ “*phân phối các lợi ích ngày càng công bằng*” thành “*phân phối lợi ích công bằng*”.

Thêm cụm từ “*của người sử dụng đất*” vào sau cụm từ “*bảo đảm hài hoà các lợi ích của Nhà nước*”, đoạn nói về hoàn chỉnh hệ thống pháp luật, chính sách về đất đai.

Thay cụm từ “*tôn trọng*” bằng cụm từ “*bảo đảm*” và viết lại thành câu: “*Bảo đảm quyền tự do kinh doanh và bình đẳng giữa các thành phần kinh tế*”.

- Tại mục 2- Phát triển mạnh công nghiệp và xây dựng theo hướng hiện đại, nâng cao chất lượng và sức cạnh tranh:

Bổ sung cụm từ “*năng lượng tái tạo*” vào sau cụm từ “*năng lượng sạch*” và viết thành “*chú trọng phát triển công nghiệp phục vụ nông nghiệp, nông thôn, năng lượng sạch, năng lượng tái tạo và vật liệu mới đi đôi với áp dụng công nghệ tiết kiệm năng lượng, nguyên liệu*”.

Bổ sung cụm từ “*áp dụng công nghệ mới*” sau cụm từ “*chất lượng cao*” và viết thành “*phát triển mạnh công nghiệp vật liệu xây dựng, nhất là vật liệu chất lượng cao, áp dụng công nghệ mới*”.

- Tại mục 3- Phát triển nông nghiệp toàn diện theo hướng hiện đại, hiệu quả, bền vững:

Thay cụm từ “*hải sản*” bằng cụm từ “*thủy sản*” và viết thành: “*Khai thác bền vững, có hiệu quả nguồn lợi thủy sản; phát triển đánh bắt xa bờ*...”.

Chuyển nội dung về phát triển diêm nghiệp, ở mục 6- Phát triển hài hoà, bền vững các vùng, xây dựng đô thị và nông thôn mới, “*quy hoạch và phát triển có hiệu quả nghề muối, bảo đảm nhu cầu của đất nước và đời sống diêm dân*” lên cuối mục 3 để bảo đảm thể hiện đầy đủ tính toàn diện của các lĩnh vực phát triển nông nghiệp.

- Tại mục 7- Phát triển toàn diện các lĩnh vực văn hoá, xã hội hài hoà với phát triển kinh tế: Bổ sung cụm từ “*giáo dục*” vào sau cụm từ “*chăm sóc*” và viết thành “*chăm sóc, giáo dục và bảo vệ quyền trẻ em*”.

5. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, bảo đảm thực hiện thắng lợi Chiến lược

Tiếp thu ý kiến của các đại biểu, **Đoàn Chủ tịch xin báo cáo Đại hội** một số nội dung tiếp thu, chỉnh sửa như sau:

- Bổ sung câu: “*Xây dựng mô hình chính quyền đô thị và chính quyền nông thôn phù hợp*” vào cuối đoạn về xây dựng nền hành chính nhà nước trong sạch, vững mạnh.

- Bổ sung cụm từ “*quy định rõ ràng*” và viết thành “*Quy định rõ ràng và đề cao trách nhiệm của người đứng đầu*” (ở đoạn nói về xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức).

6. Tổ chức thực hiện Chiến lược

Một số ý kiến cho rằng, mặc dù chủ trương, đường lối đúng đắn nhưng tổ chức thực hiện đang là khâu yếu; do đó, cần có các giải pháp kiên quyết, mạnh mẽ, cụ thể, thiết thực và hiệu quả. Đoàn Chủ tịch nhất trí với các ý kiến này và đề nghị Đại hội giao cho Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XI lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện tốt yêu cầu này.

IV- VỀ BÁO CÁO CHÍNH TRỊ

1. Về đánh giá thực hiện Nghị quyết Đại hội X

Hầu hết các ý kiến nhất trí với đánh giá như trong Báo cáo. Có ý kiến đề nghị đánh giá rõ, cụ thể hơn thành tựu trong sắp xếp bộ máy của Đảng, Nhà nước. Có ý kiến đề nghị thay

tiêu đề của điểm 6 thành: “Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng được tăng cường, đạt những kết quả tích cực”.

Đoàn Chủ tịch xin báo cáo như sau:

Thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khoá X) về đổi mới, kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan đảng, nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội, đã tiến hành sắp xếp theo hướng tinh gọn, nâng cao hiệu quả. Việc đánh giá chính xác thành tựu cũng như hạn chế, khuyết điểm cần phải có thời gian. Vì thế, trong phần đánh giá chỉ nêu những nét tổng quát và trong Báo cáo chính trị đã nêu: “Sớm tổng kết việc thực hiện sáp nhập một số bộ, ban, ngành trung ương để có chủ trương phù hợp”. Với phương châm “nhìn thẳng sự thật, nói đúng sự thật, nói rõ sự thật”, căn cứ vào thực tiễn công tác xây dựng Đảng, Báo cáo đã đánh giá: Trong 5 năm qua, công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng được tăng cường, đạt được một số kết quả tích cực nhưng cũng còn nhiều hạn chế, yếu kém. Đoàn Chủ tịch đề nghị Đại hội cho giữ các nhận định trên như trong Báo cáo.

2. Về các “nguy cơ”

Một số ý kiến đề nghị trong mục dự báo tình hình cần tiếp tục nhấn mạnh “bốn nguy cơ” mà Đảng ta đã xác định từ Hội nghị giữa nhiệm kỳ khoá VII. Có ý kiến đề nghị bổ sung thêm “một nguy cơ” là khoảng cách giàu nghèo giữa các vùng, miền ngày càng lớn, từ đó đề ra các giải pháp quyết liệt để khắc phục. Có ý kiến cho rằng, những yếu kém trong xây dựng Đảng là nguy cơ, chứ không phải là thách thức đối với Đảng ta.

Đoàn Chủ tịch xin báo cáo như sau:

Kế thừa cách diễn đạt của Đại hội X, căn cứ vào thực tế

và dự báo tình hình những năm tới, Báo cáo chính trị đã xác định và nhấn mạnh cả hai khía cạnh về thách thức và nguy cơ, cụ thể là: “Nước ta vẫn đứng trước nhiều thách thức lớn, đan xen nhau, tác động tổng hợp và diễn biến phức tạp, không thể coi thường bất cứ thách thức nào. Nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế so với nhiều nước trong khu vực và trên thế giới vẫn tồn tại. Tình trạng suy thoái về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên gắn với tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí là nghiêm trọng. Các thế lực thù địch vẫn tiếp tục thực hiện âm mưu “diễn biến hoà bình”, gây bạo loạn lật đổ, sử dụng các chiêu bài “dân chủ”, “nhân quyền” hòng làm thay đổi chế độ chính trị ở nước ta. Trong nội bộ, những biểu hiện xa rời mục tiêu của chủ nghĩa xã hội, “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” có những diễn biến phức tạp”. Về khoảng cách giàu nghèo giữa các vùng, miền ngày càng lớn, những yếu kém trong công tác xây dựng Đảng đã được đề cập trong các thách thức trên.

Đoàn Chủ tịch đề nghị Đại hội cho giữ cách diễn đạt về các thách thức như trong Báo cáo chính trị.

3. Về chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế trong 5 năm 2011 - 2015

Đa số ý kiến đồng ý chỉ tiêu nêu trong Báo cáo chính trị, cho là phù hợp, có cơ sở khoa học và có tính khả thi. Một số ý kiến đề nghị nâng tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân trong 5 năm 2011 - 2015 từ 7,0 - 7,5%/năm lên 7,5 - 8%/năm.

Đoàn Chủ tịch xin báo cáo như sau:

Trong phần dự báo đã nêu: kinh tế thế giới mặc dù có dấu hiệu phục hồi sau khủng hoảng nhưng vẫn còn nhiều khó khăn, bất ổn; 5 năm tới là giai đoạn kinh tế nước ta sẽ phục hồi, lấy lại đà tăng trưởng sau thời kỳ suy giảm; đồng thời 5

năm tới chúng ta thực hiện chủ trương chuyển đổi mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng, hiệu quả của nền kinh tế, bảo đảm phát triển bền vững. Chỉ tiêu tăng trưởng GDP trong 5 năm tới nêu trong Báo cáo là chỉ tiêu định hướng và được tính toán, cân nhắc kỹ về các yếu tố, cân đối các nguồn lực, vừa với tinh thần tích cực phấn đấu cao, vừa bảo đảm tính khả thi, vững chắc; vừa đáp ứng được mục tiêu tăng trưởng kinh tế, vừa phải bảo đảm thực hiện các mục tiêu về phát triển văn hoá, xã hội, bảo vệ môi trường, phát triển bền vững; tạo điều kiện cho sự phát triển trong giai đoạn tiếp sau.

Đoàn Chủ tịch xin kiến nghị Đại hội cho giữ chỉ tiêu tăng trưởng GDP bình quân là 7,0 - 7,5%/năm như trong Báo cáo chính trị.

4. Về đổi mới, kiện toàn tổ chức, bộ máy của Đảng và hệ thống chính trị

Đa số ý kiến nhất trí với những nội dung nêu trong Báo cáo chính trị, một số ý kiến đề xuất thực hiện việc “nhất thể hoá” trong hệ thống chính trị từ dưới lên. Ngược lại, có ý kiến đề nghị cần nghiên cứu, xem xét thận trọng việc “nhất thể hoá” chức danh bí thư cấp uỷ, đồng thời là chủ tịch Ủy ban nhân dân. Có ý kiến đề nghị bỏ chủ trương thí điểm không tổ chức Hội đồng nhân dân huyện, quận, phường.

Đoàn Chủ tịch xin báo cáo như sau:

Trong nhiệm kỳ Đại hội X, chúng ta đã chỉ đạo làm thí điểm một số vấn đề như “nhất thể hoá” chức danh bí thư cấp uỷ, đồng thời là chủ tịch Ủy ban nhân dân ở cấp xã và cấp huyện; không tổ chức Hội đồng nhân dân huyện, quận, phường. Những thí điểm này mới được tiến hành. Cần có tổng kết, trên cơ sở đó mới có thể có quyết định phù hợp. Vì

vậy, Đoàn Chủ tịch đề nghị Đại hội cho giữ nội dung như trong Báo cáo chính trị: “Tổng kết việc thực hiện “nhất thể hoá” một số chức vụ lãnh đạo Đảng, Nhà nước để có chủ trương phù hợp”; “Tiếp tục thực hiện thí điểm chủ trương không tổ chức Hội đồng nhân dân huyện, quận, phường”.

V- VỀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ BỔ SUNG, SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ ĐẢNG

Đoàn Chủ tịch xin báo cáo, làm rõ một số vấn đề sau đây:

1. Về quá trình chỉ đạo tổng kết thực hiện Điều lệ Đảng khoá X và kiến nghị những nội dung bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng

Sau khi có Quyết định số 248-QĐ/TW, ngày 21-7-2009 của Ban Chấp hành Trung ương về việc thành lập Tiểu ban Tổng kết việc thực hiện Điều lệ Đảng và bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng, Bộ Chính trị đã chỉ đạo Tiểu ban xây dựng kế hoạch, hướng dẫn nội dung và đề nghị các tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương kiểm tra việc thi hành Điều lệ Đảng từ cấp cơ sở trở lên và xây dựng báo cáo tổng kết, đề xuất những nội dung cần nghiên cứu để bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng.

Trên cơ sở báo cáo của 67 tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương và kết quả kiểm tra thi hành Điều lệ Đảng của Tiểu ban tại 20 tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương; Tiểu ban Điều lệ Đảng đã xây dựng báo cáo tổng kết, đề xuất những nội dung bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng trình Bộ Chính trị để Bộ Chính trị trình Hội nghị lần thứ 12 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá X. Có 23 nội dung được

Hội nghị Trung ương 12 thảo luận, lựa chọn gửi lấy ý kiến đảng viên và đại biểu đại hội đảng bộ các cấp.

Tại Hội nghị Trung ương 14, sau khi nghe báo cáo tổng hợp ý kiến của đại biểu đảng bộ cấp huyện, cấp tỉnh và tương đương tham gia vào Báo cáo về một số vấn đề bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng và Dự thảo Điều lệ Đảng (bổ sung, sửa đổi), Ban Chấp hành Trung ương đã thảo luận và trình Đại hội những nội dung được đại biểu đại hội các đảng bộ trực thuộc Trung ương thống nhất cao; còn 8 vấn đề đã xin ý kiến nhưng Hội nghị Trung ương 14 thảo luận còn có ý kiến khác nhau nên Ban Chấp hành Trung ương đề nghị chưa bổ sung, sửa đổi trong Điều lệ Đảng lần này.

Như vậy, việc tổng kết thực hiện Điều lệ Đảng khoá X và những vấn đề kiến nghị bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng đã được triển khai một cách nghiêm túc, kỹ lưỡng, được tiếp thu, chất lọc từ cơ sở qua đại hội đảng các cấp trên tinh thần ba quan điểm chỉ đạo đã được Hội nghị lần thứ 12, lần thứ 14, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá X thống nhất cao.

2. Về giới thiệu người vào Đảng

Điều lệ Đảng hiện hành quy định “ở các cơ quan, doanh nghiệp nơi không có tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, người vào Đảng phải là đoàn viên công đoàn, được ban chấp hành công đoàn cơ sở và một đảng viên chính thức giới thiệu”. Trong quá trình nghiên cứu bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng và qua thảo luận tại đại hội đảng các cấp, tại Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng, có một số quan điểm được nêu lên, như: “Ở các cơ quan, doanh nghiệp nơi không có tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh mà có tổ chức công đoàn, người vào Đảng trong độ tuổi thanh niên là đoàn viên công đoàn, được ban chấp hành công đoàn cơ sở và một đảng

viên chính thức giới thiệu” hoặc thực hiện như quy định của Điều lệ Đảng từ Đại hội Đảng lần thứ IX trở về trước: “người vào Đảng phải... được hai đảng viên chính thức giới thiệu. Nơi có tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, người vào Đảng trong độ tuổi thanh niên phải là đoàn viên, được ban chấp hành đoàn cơ sở và một đảng viên chính thức giới thiệu”. Đảng đoàn Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam đề nghị “nơi có tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và có tổ chức công đoàn, người vào Đảng trong độ tuổi thanh niên phải là đoàn viên, được ban chấp hành đoàn cơ sở và một đảng viên chính thức giới thiệu. Nếu ngoài tuổi thanh niên, phải là đoàn viên công đoàn, được ban chấp hành công đoàn và một đảng viên chính thức giới thiệu. Nơi chỉ có tổ chức công đoàn, người vào Đảng phải là đoàn viên công đoàn, được ban chấp hành công đoàn cơ sở và một đảng viên chính thức giới thiệu”.

Đoàn Chủ tịch thấy rằng việc giới thiệu người vào Đảng là việc hệ trọng, nhưng ý kiến còn rất khác nhau. Do đó, Đoàn Chủ tịch đề nghị Đại hội cho giữ như Điều lệ Đảng hiện hành, trong hướng dẫn thi hành Điều lệ sẽ quy định theo hướng mở rộng độ tuổi người vào Đảng đối với người là đoàn viên công đoàn do ban chấp hành công đoàn cơ sở giới thiệu.

3. Về thẩm quyền kỷ luật đảng viên của cấp uỷ các cấp

Tại khoản 1, Điều 36 Điều lệ Đảng hiện hành quy định: “Chi bộ quyết định khiển trách, cảnh cáo đảng viên trong chi bộ (kể cả cấp uỷ viên các cấp, đảng viên thuộc diện cấp uỷ cấp trên quản lý) vi phạm phẩm chất chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, sinh hoạt đảng, thực hiện nhiệm vụ đảng viên (trừ nhiệm vụ do cấp trên giao)”. Nhưng tại khoản 2, khoản 3,

Điều 36 chưa thể hiện nội dung giao cho cấp uỷ từ cấp huyện và tương đương trở lên thẩm quyền quyết định kỷ luật khiển trách, cảnh cáo đảng viên (kể cả cấp uỷ viên các cấp, đảng viên thuộc diện cấp uỷ cấp trên quản lý) vi phạm phẩm chất chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, sinh hoạt đảng thực hiện nhiệm vụ đảng viên (trừ nhiệm vụ do cấp trên giao).

Trên cơ sở ý kiến của đại hội đảng các cấp, của Ban Chấp hành Trung ương khoá X và ý kiến thảo luận của các đại biểu tại Đại hội, Đoàn Chủ tịch trình Đại hội hai phương án:

Phương án 1: Bổ sung nội dung trên vào khoản 2, khoản 3, Điều 36 của Điều lệ Đảng hiện hành cho thống nhất với khoản 1.

Phương án 2: Giữ như quy định hiện hành nhưng cần xem xét sửa các khoản 5, Điều 36¹, khoản 2, Điều 38² cho phù hợp.

4. Về thẩm quyền kỷ luật đảng viên của uỷ ban kiểm tra từ cấp huyện, quận và tương đương trở lên

- Tại khoản 4, Điều 36 Điều lệ Đảng hiện hành quy định: “Ủy ban kiểm tra từ cấp huyện, quận và tương đương trở lên quyết định các hình thức kỷ luật đảng viên, nhưng không phải là cấp uỷ viên cùng cấp; quyết định khiển trách, cảnh cáo đảng viên là cán bộ thuộc diện cấp uỷ cùng cấp quản lý và cấp uỷ viên cấp dưới trực tiếp”. Trong thảo luận tại đại hội đảng các cấp và tại Đại hội XI của Đảng, có một số ý kiến đề

1. Khoản 5, Điều 36: “Cấp uỷ và uỷ ban kiểm tra cấp trên có quyền chuẩn y, thay đổi hoặc xoá bỏ hình thức kỷ luật do cấp dưới quyết định”.

2. Khoản 2, Điều 38: “Trường hợp tổ chức đảng cấp dưới không xử lý hoặc xử lý không đúng mức đối với tổ chức đảng và đảng viên vi phạm thì cấp uỷ hoặc uỷ ban kiểm tra cấp trên quyết định các hình thức kỷ luật theo thẩm quyền, đồng thời xem xét trách nhiệm của tổ chức đảng đó”.

ng nghị sửa đổi khoản này thành “Ủy ban kiểm tra từ cấp huyện, quận và tương đương trở lên quyết định các hình thức kỷ luật đảng viên, nhưng không phải là cấp uỷ viên cùng cấp và đảng viên là cán bộ thuộc diện cấp uỷ cùng cấp quản lý”.

Do vấn đề này ý kiến còn rất khác nhau, Ủy ban Kiểm tra Trung ương cũng đề nghị giữ như Điều lệ Đảng hiện hành để góp phần tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong Đảng. Đoàn Chủ tịch đề nghị Đại hội cho giữ như Điều lệ Đảng hiện hành về thẩm quyền kỷ luật đảng viên của uỷ ban kiểm tra cấp huyện, quận và tương đương trở lên.

5. Ngoài bốn vấn đề trên, các ý kiến khác phát biểu làm rõ thêm một số nội dung trong 15 vấn đề đã trình Đại hội. Đoàn Chủ tịch Đại hội đề nghị các đồng chí đại biểu phát huy tinh thần trách nhiệm, nghiên cứu kỹ các quan điểm, nội dung đã nêu trong Báo cáo về một số vấn đề bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng để thể hiện bằng phiếu chính kiến của mình vào 13 vấn đề như dự thảo phiếu biểu quyết.

VI- VỀ BÁO CÁO KIỂM ĐIỂM SỰ LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG KHOÁ X

Đoàn Chủ tịch xin báo cáo giải trình, tiếp thu một số ý kiến góp ý của các đại biểu như sau:

1. Có ý kiến cho rằng, phần kiểm điểm của tập thể Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư nêu nhiều khuyết điểm, ít ưu điểm, khuyết điểm nêu quá nặng, ảnh hưởng đến niềm tin của nhân dân; kiểm điểm của cá nhân các đồng chí Uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương, Uỷ viên Bộ Chính trị, Uỷ viên Ban Bí thư thì ưu điểm nhiều, khuyết điểm ít.

Về vấn đề này, Đoàn Chủ tịch xin báo cáo Đại hội như sau:

Tư tưởng chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư khoá X là kiểm điểm trước Đại hội đầy đủ cả ưu điểm và khuyết điểm, cả của tập thể và cá nhân với tinh thần thẳng thắn, khách quan, trung thực nhất. Theo tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, một Đảng sợ khuyết điểm, giấu giếm khuyết điểm của mình là một Đảng yếu; khi có khuyết điểm, dũng cảm nhận khuyết điểm để sửa chữa sẽ làm cho Đảng mạnh thêm; Đảng mạnh thì sẽ củng cố và làm tăng thêm niềm tin của nhân dân với Đảng. Phần cuối của Báo cáo kiểm điểm đã nêu rõ: “Ban Chấp hành Trung ương khoá X tin tưởng chắc chắn rằng, những ưu điểm, kinh nghiệm trong nhiệm kỳ qua sẽ được Ban Chấp hành Trung ương khoá XI kế thừa, phát triển, đồng thời khắc phục được những khuyết điểm, yếu kém để nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Ban Chấp hành Trung ương, tiếp tục lãnh đạo đưa sự nghiệp đổi mới đất nước vững bước tiến lên trong những năm tới”.

Vì vậy, Đoàn Chủ tịch đề nghị Đại hội cho thể hiện tư tưởng chỉ đạo xây dựng Báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành Trung ương như đã trình Đại hội.

2. Có ý kiến cho rằng, Báo cáo kiểm điểm chưa phân định rõ trách nhiệm của Ban Chấp hành Trung ương và của Bộ Chính trị; Báo cáo kiểm điểm là của Ban Chấp hành Trung ương nhưng phần kiểm điểm của Bộ Chính trị, Ban Bí thư chiếm tỷ lệ lớn trong Báo cáo; một số vấn đề nêu trong Báo cáo là khuyết điểm của Bộ Chính trị, không phải là khuyết điểm của Ban Chấp hành Trung ương.

Về vấn đề này, Đoàn Chủ tịch xin báo cáo Đại hội như sau:

Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư là các cơ quan lãnh đạo của Đảng ở cấp Trung ương, thẩm quyền, trách nhiệm của từng cơ quan được quy định rõ trong Điều lệ Đảng (Điều 16, 17) và Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư khoá X (Điều 1, 4, 5). Báo cáo đã bám sát các quy định của Điều lệ Đảng và Quy chế làm việc để kiểm điểm trách nhiệm, đánh giá ưu điểm, khuyết điểm của từng cơ quan. Bộ Chính trị, Ban Bí thư là các cơ quan do Ban Chấp hành Trung ương bầu, lập ra. Bộ Chính trị lãnh đạo và kiểm tra việc thực hiện nghị quyết Đại hội, nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương, quyết định những vấn đề về chủ trương, chính sách, tổ chức, cán bộ; quyết định triệu tập và chuẩn bị nội dung các kỳ họp Ban Chấp hành Trung ương. Ban Bí thư lãnh đạo công việc hằng ngày của Đảng, chỉ đạo công tác xây dựng Đảng và công tác quần chúng, kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng; chỉ đạo sự phối hợp hoạt động giữa các tổ chức trong hệ thống chính trị; quyết định một số vấn đề về tổ chức, cán bộ và một số vấn đề khác theo sự phân công của Ban Chấp hành Trung ương. Vì vậy, trong các nhiệm kỳ Đại hội, trong Báo cáo kiểm điểm sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương trình Đại hội, đều có phần kiểm điểm của Bộ Chính trị, Ban Bí thư trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Đảng và Quy chế làm việc.

Về một số ý trong phần khuyết điểm của Ban Chấp hành Trung ương, như: một số vấn đề lớn, quan trọng, gây bức xúc xã hội đã được nêu trong văn kiện Đại hội X nhưng chưa được Ban Chấp hành Trung ương tập trung lãnh đạo, chỉ đạo giải

quyết có hiệu quả; trách nhiệm trong việc quy hoạch, đào tạo cán bộ cấp cao; chưa thảo luận kỹ khi thông qua một số chủ trương..., những vấn đề này trách nhiệm chính là của Bộ Chính trị, nhưng Ban Chấp hành Trung ương với thẩm quyền và trách nhiệm của mình theo quy định của Điều lệ Đảng và Quy chế làm việc cũng có phần trách nhiệm. Vì vậy, trong Báo cáo kiểm điểm, những khuyết điểm này được thể hiện cả ở phần của Ban Chấp hành Trung ương và cả ở phần của Bộ Chính trị, phù hợp trách nhiệm của từng cơ quan lãnh đạo.

3. Có ý kiến cho rằng, Ban Chấp hành Trung ương chưa đầu tư thoả đáng vào lãnh đạo kinh tế, lãnh đạo kinh tế nhà nước đạt kết quả thấp, chưa quan tâm đúng mức đến kinh tế tập thể; một số vấn đề nhiều năm chưa giải quyết được như vấn đề đất đai, phân hoá giàu nghèo trong kinh tế thị trường...

Về vấn đề này, Đoàn Chủ tịch xin báo cáo Đại hội như sau:

Với quan điểm lãnh đạo, chỉ đạo phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm, Ban Chấp hành Trung ương đã tập trung vào việc triển khai, lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện những vấn đề mới, quan trọng, có tính chiến lược trong đường lối phát triển kinh tế của Đại hội X, chọn đúng vấn đề, đề ra chủ trương, giải pháp để giải quyết những vấn đề đặt ra, đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước, như: Nghị quyết “Một số chủ trương, chính sách lớn để nền kinh tế phát triển nhanh, bền vững khi Việt Nam là thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO)”; Nghị quyết “Về Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020”; Nghị quyết “Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa”; Nghị quyết về “Nông nghiệp, nông dân, nông thôn”. Các nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương về lĩnh vực kinh tế chiếm một tỷ lệ lớn trong những nghị quyết Ban Chấp hành

Trung ương đã ban hành trong nhiệm kỳ. Khi cuộc khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu tác động xấu đến kinh tế nước ta, Ban Chấp hành Trung ương đã bổ sung chương trình làm việc, tổ chức Hội nghị Trung ương 8 để xem xét kế hoạch phát triển kinh tế đất nước năm 2008, điều chỉnh chỉ tiêu, giải pháp để khắc phục khó khăn, duy trì ổn định kinh tế vĩ mô, ngăn ngừa suy giảm tốc độ tăng trưởng kinh tế. Ban Chấp hành Trung ương đã xem xét, cho ý kiến về chủ trương, định hướng triển khai một số dự án đầu tư lớn, quan trọng về kinh tế như các dự án xây dựng Nhà máy điện hạt nhân, Nhà máy thủy điện Lai Châu.

Sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương đã góp phần quan trọng vào những kết quả tích cực đạt được trên lĩnh vực kinh tế của đất nước ta trong 5 năm qua. Tuy nhiên, đúng như góp ý của một số đại biểu, kết quả đạt được trên một số lĩnh vực còn hạn chế như việc nâng cao chất lượng, hiệu quả của kinh tế nhà nước, phát triển kinh tế tập thể, quản lý đất đai, khắc phục phân hoá giàu nghèo... Những hạn chế, khuyết điểm này đã được thể hiện trong Báo cáo kiểm điểm. Tiếp thu ý kiến góp ý của các đại biểu, đề nghị Đại hội giao cho Ban Chấp hành Trung ương khoá XI sắp tới cần lưu ý để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, tạo chuyển biến rõ hơn đối với các lĩnh vực này.

4. Có ý kiến cho rằng, đánh giá về các tập đoàn kinh tế và tổng công ty nhà nước như trong Báo cáo là nặng, chưa công bằng, cần nêu rõ những đóng góp của các tập đoàn, tổng công ty nhà nước, không nên phủ định sạch trơn. Ý kiến khác lại đề nghị cần nói rõ hơn những khuyết điểm trong việc ưu tiên đầu tư cho các tập đoàn, tổng công ty nhà nước nên dẫn đến nợ công lớn...

Về vấn đề này, Đoàn Chủ tịch xin báo cáo Đại hội như sau:

Cần khẳng định rằng, việc củng cố, kiện toàn các tổng công ty nhà nước và thí điểm thành lập các tập đoàn kinh tế nhà nước là một chủ trương đúng đắn và thực hiện chủ trương này đã đạt được một số kết quả như đánh giá trong Báo cáo chính trị trình Đại hội. Trong Báo cáo chính trị và các văn kiện trình Đại hội XI đã khẳng định tập đoàn, tổng công ty nhà nước đã và đang có sự đóng góp quan trọng trong nền kinh tế, tham gia giải quyết nhiều vấn đề xã hội, xoá đói, giảm nghèo và là công cụ quan trọng để nhà nước quản lý, điều hành nền kinh tế, nhất là trong thời kỳ khó khăn do tác động của khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu vừa qua. Khuyết điểm được nêu trong Báo cáo kiểm điểm là ở công tác quản lý hoạt động của các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước để “kết quả hoạt động của một số tổng công ty, tập đoàn kinh tế nhà nước thấp, chưa tương xứng với tiềm năng, nguồn lực đầu tư của Nhà nước; có tập đoàn rơi vào tình trạng phá sản, gây tổn thất lớn về kinh tế, làm bức xúc xã hội”. Đánh giá như vậy là đúng mức, phù hợp với thực tế.

Tiếp thu ý kiến các đại biểu, Đoàn Chủ tịch đề nghị Đại hội cho thể hiện rõ hơn đánh giá: “Các tổng công ty, tập đoàn kinh tế nhà nước đã có những đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế đất nước và là công cụ quan trọng để Nhà nước điều tiết nền kinh tế” trước phần nêu khuyết điểm trong quản lý và những hạn chế, yếu kém của các tổng công ty, tập đoàn kinh tế nhà nước trong Báo cáo kiểm điểm.

5. Có một số ý kiến đề nghị xem lại đánh giá “Tình trạng nhập siêu, bội chi ngân sách lớn, kéo dài nhiều năm, nợ nước ngoài của Chính phủ và quốc gia tăng nhanh, ảnh hưởng đến ổn định kinh tế vĩ mô, nguy cơ lạm phát còn cao, chất lượng,

hiệu quả sức cạnh tranh của nền kinh tế thấp, đầu tư dàn trải, còn nhiều thất thoát, kém hiệu quả”. Đây không phải là khuyết điểm lãnh đạo, chỉ đạo của Bộ Chính trị.

Về vấn đề này, Đoàn Chủ tịch xin báo cáo Đại hội như sau:

Tình trạng nhập siêu, bội chi ngân sách còn lớn, kéo dài nhiều năm... như nêu trên có nhiều nguyên nhân, trong đó có nguyên nhân khách quan, nhưng chủ yếu là do nguyên nhân chủ quan mà trách nhiệm trực tiếp là của các cơ quan quản lý nhà nước, các cấp, các ngành. Nhưng Bộ Chính trị, với quyền hạn và trách nhiệm của mình theo quy định của Điều lệ Đảng và Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư khoá X thì Bộ Chính trị cũng có khuyết điểm. Vì vậy, Đoàn Chủ tịch đề nghị Đại hội cho giữ đánh giá này trong Báo cáo kiểm điểm.

*

* *

Trên đây là giải trình, tiếp thu của Đoàn Chủ tịch về những ý kiến góp ý của đại biểu Đại hội vào các văn kiện trình Đại hội XI. Đoàn Chủ tịch trình xin ý kiến Đại hội và đề nghị Đại hội ghi phiếu biểu quyết về một số vấn đề trong các văn kiện.

**TIẾP TỤC NÂNG CAO NĂNG LỰC LÃNH ĐẠO
VÀ SỨC CHIẾN ĐẤU CỦA ĐẢNG,
PHÁT HUY SỨC MẠNH TOÀN DÂN TỘC,
ĐẨY MẠNH TOÀN DIỆN CÔNG CUỘC
ĐỔI MỚI, TẠO NỀN TẢNG ĐỂ ĐẾN NĂM 2020
NƯỚC TA CƠ BẢN TRỞ THÀNH NƯỚC
CÔNG NGHIỆP THEO HƯỚNG HIỆN ĐẠI**

(Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành
Trung ương Đảng khoá X tại Đại hội đại biểu
toàn quốc lần thứ XI của Đảng)

Đại hội XI của Đảng họp vào lúc toàn Đảng, toàn dân ta kết thúc thập kỷ đầu của thế kỷ XXI, thực hiện thắng lợi nhiều chủ trương, nhiệm vụ của Nghị quyết Đại hội X và đã trải qua 25 năm đổi mới, 20 năm thực hiện *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, 10 năm thực hiện *Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001 - 2010*. Đại hội có nhiệm vụ kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết Đại hội X của Đảng, đề ra phương hướng, nhiệm vụ 5 năm 2011 - 2015; tổng kết thực hiện *Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2001 - 2010*, xác định *Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2011 - 2020*; tổng kết, bổ sung và phát triển *Cương lĩnh* năm 1991; kiểm điểm sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá X; bổ sung, sửa

đổi Điều lệ Đảng; bầu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XI (nhiệm kỳ 2011 - 2015).

Đại hội có ý nghĩa trọng đại, định hướng cho toàn Đảng, toàn dân ta tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại; đến giữa thế kỷ XXI nước ta trở thành một nước công nghiệp hiện đại, theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

I- KIỂM ĐIỂM 5 NĂM THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI X;
NHÌN LẠI 10 NĂM THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN
KINH TẾ - XÃ HỘI 2001 - 2010, 20 NĂM THỰC HIỆN
CƯƠNG LĨNH NĂM 1991

Năm năm qua, tình hình thế giới diễn biến phức tạp, khó lường. Tuy hoà bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn, nhưng chiến tranh cục bộ, xung đột vũ trang, khủng bố, bất ổn chính trị - xã hội, tranh chấp chủ quyền, lãnh thổ vẫn diễn ra ở nhiều nơi, diễn biến phức tạp. Thiên tai, dịch bệnh, khủng hoảng năng lượng, ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu trở thành những vấn đề nghiêm trọng trên quy mô toàn thế giới. Cuộc khủng hoảng tài chính từ Mỹ lan rộng, trở thành cuộc khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu.

Thời gian đầu sau Đại hội X, đất nước phát triển thuận lợi, Việt Nam trở thành thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO). Nhưng từ cuối năm 2007, đầu năm 2008, kinh tế và đời sống gặp nhiều khó khăn. Các thế lực thù địch tiếp tục chống phá, kích động bạo loạn, đẩy mạnh hoạt động “diễn biến hoà bình”. Trong bối cảnh đó, toàn Đảng, toàn dân

ta đã nỗ lực phấn đấu vượt qua khó khăn, thách thức, *đạt được những thành tựu quan trọng trong việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ Đại hội X đề ra, nhưng cũng còn nhiều hạn chế, khuyết điểm cần được khắc phục.*

A- THÀNH TỰU

1. Nền kinh tế vượt qua nhiều khó khăn, thách thức, kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định, duy trì được tốc độ tăng trưởng khá, tiềm lực và quy mô nền kinh tế tăng lên, nước ta đã ra khỏi tình trạng kém phát triển

Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân 5 năm đạt 7%. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội gấp 2,5 lần so với giai đoạn 2001 - 2005, đạt 42,9% GDP. Mặc dù khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu, nhưng thu hút vốn đầu tư nước ngoài vào nước ta đạt cao¹. Quy mô tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2010 tính theo giá thực tế đạt 101,6 tỉ USD, gấp 3,26 lần so với năm 2000; GDP bình quân đầu người đạt 1.168 USD. Hầu hết các ngành, lĩnh vực của nền kinh tế đều có bước phát triển khá. Sự phát triển ổn định trong ngành nông nghiệp, nhất là sản xuất lương thực đã bảo đảm an ninh lương thực quốc gia. Kinh tế nông thôn và đời sống nông dân được cải thiện hơn trước. Việc tập trung đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn, đầu tư, phát triển giống mới có

1. Trong 5 năm 2006 - 2010, tổng vốn FDI thực hiện đạt gần 45 tỉ USD, vượt 77,8% so với kế hoạch đề ra. Tổng số vốn đăng ký mới và tăng thêm ước đạt 146,8 tỉ USD, gấp 2,7 lần kế hoạch đề ra và gấp hơn 7 lần so với giai đoạn 2001 - 2005. Tổng vốn ODA cam kết đạt trên 31 tỉ USD, gấp hơn 1,3 lần so với mục tiêu đề ra; giải ngân ước đạt khoảng 13,8 tỉ USD, vượt 17,5%.

năng suất, chất lượng cao, phát triển các cụm công nghiệp, làng nghề, tiểu thủ công nghiệp... đã có tác động tích cực đến việc sản xuất, tạo việc làm và xoá đói, giảm nghèo. Sản phẩm công nghiệp phát triển ngày càng đa dạng và phong phú về chủng loại, chất lượng được cải thiện, từng bước nâng cao khả năng cạnh tranh, đảm bảo cung cầu của nền kinh tế, giữ vững thị trường trong nước và mở rộng thị trường xuất khẩu. Đã đầu tư phát triển một số ngành công nghiệp mới, công nghệ cao. Khu vực dịch vụ có tốc độ tăng trưởng ổn định. Cơ cấu kinh tế tiếp tục được chuyển dịch theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Cơ cấu lao động cũng có sự chuyển dịch tích cực¹.

Thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa tiếp tục được xây dựng và hoàn thiện; chủ trương, đường lối đổi mới của Đảng tiếp tục được thể chế hoá thành luật pháp, cơ chế, chính sách ngày càng đầy đủ, đồng bộ hơn; môi trường đầu tư, kinh doanh được cải thiện; các yếu tố thị trường và các loại thị trường tiếp tục hình thành, phát triển; nền kinh tế nhiều thành phần có bước phát triển mạnh. Việc kiện toàn các tổng công ty, thí điểm thành lập các tập đoàn kinh tế nhà nước đạt một số kết quả. Giai đoạn 2006 - 2010, doanh nghiệp nước ta tăng hơn 2,3 lần về số doanh nghiệp và 7,3 lần về số vốn so với 5 năm trước. Doanh nghiệp cổ phần trở thành hình thức tổ chức sản xuất kinh doanh phổ biến.

1. Tỷ trọng khu vực công nghiệp trong cơ cấu GDP từ 41% (năm 2005) tăng lên 41,1% (năm 2010); khu vực dịch vụ từ 38% (năm 2005) tăng lên 38,3% (năm 2010); khu vực nông nghiệp từ 21% (năm 2005) giảm xuống 20,6% (năm 2010).

Cơ cấu lao động trong nông nghiệp từ 57,1% (năm 2005) giảm xuống 48,2% (năm 2010); trong công nghiệp và xây dựng từ 18,2% (năm 2005) tăng lên 22,4% (năm 2010); dịch vụ từ 24,7% (năm 2005) tăng lên 29,4% (năm 2010).

2. Giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, văn hoá và các lĩnh vực xã hội có tiến bộ, bảo vệ tài nguyên, môi trường được chú trọng hơn; đời sống các tầng lớp nhân dân được cải thiện

Đổi mới giáo dục đạt một số kết quả bước đầu. Chi ngân sách nhà nước cho giáo dục, đào tạo đạt trên 20% tổng chi ngân sách; việc huy động các nguồn lực xã hội cho giáo dục, đào tạo, phát triển giáo dục, đào tạo ở vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số được quan tâm. Quy mô giáo dục tiếp tục được phát triển. Đến năm 2010, tất cả các tỉnh, thành phố đã đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở. Tỷ lệ lao động qua đào tạo tăng, năm 2010 đạt 40% tổng số lao động đang làm việc. Hoạt động nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ được đẩy mạnh, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Quản lý khoa học, công nghệ có đổi mới, thực hiện cơ chế tự chủ cho các đơn vị sự nghiệp khoa học, công nghệ. Thị trường khoa học, công nghệ bước đầu hình thành. Đầu tư cho khoa học, công nghệ được nâng lên.

Giải quyết việc làm, xoá đói, giảm nghèo, thực hiện chính sách với người và gia đình có công, chính sách an sinh xã hội đạt kết quả tích cực. Trong 5 năm, đã giải quyết được việc làm cho trên 8 triệu lao động, tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị giảm còn dưới 4,5%, tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 9,5%. Công tác dân số, kế hoạch hoá gia đình, chăm sóc và bảo vệ sức khoẻ nhân dân, bình đẳng giới và tiến bộ của phụ nữ đạt được một số kết quả quan trọng; mức hưởng thụ các dịch vụ y tế của nhân dân tăng lên, đặc biệt với trẻ em, người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số. Chỉ số phát triển con người không

ngừng tăng lên; Việt Nam đã hoàn thành phần lớn các Mục tiêu Thiên niên kỷ¹.

Hoạt động văn hoá, văn nghệ, thông tin, thể dục, thể thao ngày càng mở rộng, từng bước đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hoá ngày càng cao của nhân dân. Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá” từng bước đi vào chiều sâu.

Nhận thức về bảo vệ môi trường được nâng lên. Việc phòng ngừa, khắc phục suy thoái, ô nhiễm môi trường được quan tâm và đạt một số kết quả tích cực. Công tác bảo tồn thiên nhiên, bảo vệ đa dạng sinh học có tiến bộ. Chương trình quốc gia về ứng phó với biến đổi khí hậu bước đầu được triển khai.

3. Quốc phòng, an ninh, đối ngoại được tăng cường

Độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, chế độ xã hội chủ nghĩa, an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội được giữ vững. Thế trận quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân được củng cố; tiềm lực quốc phòng, an ninh được tăng cường, nhất là trên các địa bàn chiến lược, xung yếu, phức tạp. Công tác giáo dục, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh được triển khai rộng rãi. Sự phối hợp quốc phòng, an ninh, đối ngoại được chú trọng hơn.

Quân đội nhân dân và Công an nhân dân tiếp tục được củng cố, xây dựng theo hướng cách mạng, chính quy, tinh nhuệ và từng bước hiện đại, thực sự là lực lượng tin cậy của

1. Chỉ số phát triển con người tăng từ mức 0,683 (năm 2000) lên 0,733 (năm 2008), xếp thứ 100/177 nước, thuộc nhóm trung bình cao; hoàn thành 6/8 nhóm Mục tiêu Thiên niên kỷ (MDG) do Liên hợp quốc đặt ra cho các nước đang phát triển đến năm 2015.

Đảng, Nhà nước và nhân dân; làm tốt vai trò tham mưu, góp phần chủ động phòng ngừa, làm thất bại âm mưu “diễn biến hoà bình”, hoạt động gây rối, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch; đấu tranh ngăn chặn và xử lý có hiệu quả các hoạt động cơ hội chính trị, các loại tội phạm hình sự, nhất là tội phạm nguy hiểm, có tổ chức, tội phạm ma tuý, tội phạm có yếu tố nước ngoài, tội phạm lợi dụng công nghệ cao, sử dụng vũ khí nóng, chống người thi hành công vụ; tham gia tích cực, có hiệu quả vào các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, hoạt động cứu hộ, cứu nạn, phòng, chống và khắc phục thiên tai.

Quan hệ đối ngoại được mở rộng và ngày càng đi vào chiều sâu, góp phần tạo ra thế và lực mới của đất nước. Phát triển quan hệ với các nước láng giềng; thiết lập và nâng cấp quan hệ với nhiều đối tác quan trọng. Hoàn thành phân giới cắm mốc trên đất liền với Trung Quốc; tăng dày hệ thống mốc biên giới với Lào; hoàn thành một bước phân giới cắm mốc trên đất liền với Campuchia; bước đầu đàm phán phân định vùng biển ngoài cửa Vịnh Bắc Bộ với Trung Quốc và thúc đẩy phân định biển phía Tây Nam với các nước liên quan. Tham gia tích cực và có trách nhiệm tại các diễn đàn khu vực và quốc tế; đảm nhiệm tốt vai trò Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc; đóng góp quan trọng vào việc xây dựng cộng đồng Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) và Hiến chương ASEAN, đảm nhiệm thành công vai trò Chủ tịch ASEAN, Chủ tịch Hội đồng liên nghị viện các nước Đông Nam Á (AIPA). Quan hệ với các đảng cộng sản và công nhân, đảng cánh tả, đảng cầm quyền và một số đảng khác; hoạt động đối ngoại nhân dân tiếp tục được mở rộng. Công tác về người Việt Nam ở nước ngoài đạt kết quả tích cực. Thực hiện đầy đủ các cam

kết quốc tế; đối thoại cởi mở, thẳng thắn về tự do, dân chủ, nhân quyền.

Nước ta đã gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), ký kết hiệp định thương mại tự do song phương và đa phương với một số đối tác quan trọng; mở rộng và tăng cường quan hệ hợp tác với các đối tác; góp phần quan trọng vào việc tạo dựng và mở rộng thị trường hàng hoá, dịch vụ và đầu tư của Việt Nam, thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài, tranh thủ vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và các nguồn tài trợ quốc tế khác.

4. Dân chủ xã hội chủ nghĩa có tiến bộ, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc được củng cố

Đảng và Nhà nước tiếp tục đề ra nhiều chủ trương, chính sách nhằm phát huy hơn nữa quyền làm chủ, bảo đảm lợi ích của nhân dân, vai trò giám sát của nhân dân đối với hoạt động của các tổ chức đảng, cơ quan nhà nước, cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức. Công tác dân vận của hệ thống chính trị có nhiều đổi mới cả về nội dung và hình thức. Các cấp uỷ đảng, chính quyền lắng nghe, tăng cường đối thoại với các tầng lớp nhân dân, tôn trọng các loại ý kiến khác nhau. Dân chủ trong Đảng, trong các tổ chức và xã hội được mở rộng, nâng cao; quyền làm chủ của nhân dân được phát huy tốt hơn. Việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật được coi trọng.

Khối đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức dưới sự lãnh đạo của Đảng tiếp tục được mở rộng và tăng cường trên cơ sở thống nhất về mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân phát huy tốt hơn

vai trò tập hợp, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc; củng cố, mở rộng tổ chức, phát triển đoàn viên, hội viên, tổ chức nhiều phong trào thi đua, nhiều cuộc vận động có hiệu quả thiết thực...; cùng Nhà nước chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân, tham gia quản lý nhà nước, quản lý xã hội, góp phần tích cực vào những thành tựu của đất nước.

5. Việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa được đẩy mạnh, hiệu lực và hiệu quả hoạt động được nâng lên

Quốc hội tiếp tục được kiện toàn về tổ chức, có nhiều đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động. Hệ thống pháp luật được bổ sung. Hoạt động giám sát đã tập trung vào những vấn đề bức xúc, quan trọng nhất của đất nước. Việc thảo luận, quyết định kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước, các dự án, công trình trọng điểm quốc gia có chất lượng và thực chất hơn. Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các ủy ban của Quốc hội có nhiều cải tiến nội dung, phương pháp công tác; đề cao trách nhiệm của đại biểu Quốc hội.

Cơ cấu tổ chức, bộ máy của Chính phủ được sắp xếp, điều chỉnh, giảm đầu mối theo hướng tổ chức các bộ quản lý đa ngành, đa lĩnh vực¹. Quản lý, điều hành của Chính phủ, các bộ năng động, tập trung nhiều hơn vào quản lý vĩ mô và giải quyết những vấn đề lớn, quan trọng. Cải cách hành chính tiếp tục được chú trọng, đã rà soát, bước đầu tổng hợp thành bộ thủ tục hành chính thống nhất và công bố công khai. Việc thực hiện thí điểm đổi mới về tổ chức bộ máy chính quyền địa

1. Các bộ, cơ quan thuộc Chính phủ giảm từ 29 xuống còn 22.

phương (không tổ chức hội đồng nhân dân quận, huyện, phường) được tập trung chỉ đạo để rút kinh nghiệm.

Tổ chức và hoạt động của các cơ quan tư pháp có một số đổi mới. Việc tăng thẩm quyền cho toà án cấp huyện, nâng cao chất lượng tranh tụng tại phiên toà, đề cao vai trò của luật sư trong tố tụng được thực hiện bước đầu có kết quả. Việc thực hiện các thủ tục tố tụng ngày càng tốt hơn, hạn chế được tình trạng điều tra, truy tố, xét xử oan, sai hay bỏ lọt tội phạm. Chất lượng hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án được nâng lên.

Việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 (khoá X) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí và *Luật phòng, chống tham nhũng, Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí* được chỉ đạo tích cực, đạt một số kết quả. Nhiều vụ án tham nhũng được đưa ra xét xử. Trên một số lĩnh vực, lãng phí, tham nhũng từng bước được kiểm chế.

6. Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng được tăng cường, đạt một số kết quả tích cực

Công tác lý luận đã chủ động nghiên cứu nhiều vấn đề lý luận và thực tiễn của công cuộc đổi mới, diễn biến mới của tình hình thế giới; giá trị khoa học, cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; tập trung vào tổng kết và bổ sung, phát triển Cương lĩnh, xây dựng Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020 và các văn kiện khác trình Đại hội XI của Đảng.

Công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị tư tưởng có đổi mới. Coi trọng hơn nhiệm vụ xây dựng đạo đức trong cán bộ, đảng viên và nhân dân; tập trung chỉ đạo có kết quả bước

đầu cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”, gắn với nhiệm vụ xây dựng, chỉnh đốn Đảng; chủ động hơn trong đấu tranh chống “diễn biến hoà bình”, bác bỏ các quan điểm sai trái, luận điệu tuyên truyền của các thế lực thù địch. Các hoạt động thông tin, báo chí, xuất bản được quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo; chú trọng ngăn ngừa, khắc phục những lệch lạc, nhất là biểu hiện xa rời tôn chỉ, mục đích. Công tác thông tin đối ngoại được đẩy mạnh. Đa số cán bộ, đảng viên và nhân dân phấn khởi, tin tưởng vào Đảng, Nhà nước, vào công cuộc đổi mới và triển vọng phát triển của đất nước. Tư tưởng tích cực vẫn là xu hướng chủ đạo trong đời sống xã hội.

Công tác tổ chức, cán bộ được triển khai thực hiện tương đối đồng bộ. Tổ chức bộ máy các cơ quan đảng, nhà nước các cấp được sắp xếp, kiện toàn theo hướng tinh gọn, nâng cao hiệu quả. Đã xây dựng, bổ sung các quy định về chức năng, nhiệm vụ, phương thức hoạt động và lễ lối làm việc của mỗi tổ chức; ban hành nhiều quy chế phối hợp giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị. Tổng kết, rút kinh nghiệm, xác định rõ hơn tổ chức và hoạt động các đảng đoàn, ban cán sự đảng trong các cơ quan hành pháp và tư pháp ở trung ương và cấp tỉnh, ban cán sự đảng và mô hình tổ chức đảng ở các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Chính phủ.

Nhiều chủ trương, quan điểm, giải pháp lớn về công tác cán bộ được thể chế hoá, cụ thể hoá thành các quy chế, quy định. Đã triển khai tương đối đồng bộ các khâu: quản lý, đánh giá, tuyển chọn, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển, bố trí, sử dụng và thực hiện chính sách cán bộ, trong đó công tác quy hoạch, đào tạo và luân chuyển cán bộ có những chuyển biến tích cực. Tăng cường phân cấp trong công

tác cán bộ. Đội ngũ cán bộ được bổ sung về số lượng, chú trọng nâng cao về chất lượng.

Việc củng cố, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng, chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên đạt được một số kết quả; chú trọng hơn xây dựng, củng cố tổ chức cơ sở đảng ở những vùng, lĩnh vực trọng yếu, có nhiều khó khăn. Chức năng, nhiệm vụ các loại hình tổ chức cơ sở đảng được xác định phù hợp hơn. Công tác phát triển, quản lý, nâng cao chất lượng đảng viên được quan tâm chỉ đạo. Số lượng đảng viên mới kết nạp hằng năm đều tăng; tỉ lệ đảng viên mới kết nạp trong độ tuổi thanh niên, đảng viên nữ, người dân tộc thiểu số, trí thức tăng hơn khoá trước. Sau hơn hai năm triển khai thực hiện Quy định số 15-QĐ/TW ngày 28-8-2006 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X) về đảng viên làm kinh tế tư nhân, đã có nhiều đảng viên trước đây công tác ở các cơ quan đảng, nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, lực lượng vũ trang, doanh nghiệp nhà nước, tham gia phát triển kinh tế tư nhân để làm giàu chính đáng cho bản thân, đóng góp tích cực vào phát triển kinh tế - xã hội.

Công tác bảo vệ chính trị nội bộ được các cấp uỷ, tổ chức đảng quan tâm chỉ đạo; tiếp tục giải quyết những vấn đề lịch sử chính trị, đồng thời chú trọng nắm và giải quyết vấn đề chính trị hiện nay.

Công tác kiểm tra, giám sát của Đảng được coi trọng, chất lượng, hiệu quả được nâng lên. Cấp uỷ đảng các cấp đã chỉ đạo thực hiện có kết quả việc kiểm tra thực hiện nghị quyết, chỉ thị của Đảng; các chương trình, dự án; quản lý và sử dụng đất đai, đầu tư xây dựng cơ bản; chống tham nhũng, lãng phí, thực hành tiết kiệm và công tác cán bộ; xử lý nghiêm tổ chức đảng, đảng viên có sai phạm, góp phần phòng ngừa, ngăn chặn vi phạm, tăng cường kỷ luật, kỷ cương, thúc đẩy

thực hiện nhiệm vụ chính trị. Chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền, tổ chức bộ máy, điều kiện hoạt động của uỷ ban kiểm tra và cơ quan uỷ ban kiểm tra các cấp tiếp tục được làm rõ.

Phương thức lãnh đạo của Đảng tiếp tục được đổi mới, vừa bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, vừa phát huy tốt hơn tính chủ động, sáng tạo của các tổ chức trong hệ thống chính trị. Việc mở rộng, phát huy dân chủ trong Đảng được chú trọng; đã thí điểm chủ trương đại hội đảng bầu trực tiếp ban thường vụ, bí thư, phó bí thư. Phong cách, lề lối làm việc của các cơ quan lãnh đạo Đảng từ trung ương đến cơ sở tiếp tục được cải tiến theo hướng sâu sát cơ sở, gần gũi nhân dân, tăng cường đôn đốc, kiểm tra, giám sát.

B- HẠN CHẾ, KHUYẾT ĐIỂM

1. Kinh tế phát triển chưa bền vững; chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh thấp, chưa tương xứng với tiềm năng, cơ hội và yêu cầu phát triển của đất nước; một số chỉ tiêu không đạt kế hoạch

Tăng trưởng kinh tế chủ yếu theo chiều rộng dựa vào tăng đầu tư, khai thác tài nguyên; các cân đối vĩ mô chưa vững chắc. Công nghiệp chế tạo, chế biến phát triển chậm, gia công, lắp ráp còn chiếm tỉ trọng lớn. Cơ cấu kinh tế giữa các ngành, lĩnh vực chuyển dịch theo hướng tích cực nhưng còn chậm. Cơ cấu trong nội bộ từng ngành cũng chưa thật hợp lý. Năng suất lao động xã hội thấp hơn nhiều so với các nước trong khu vực. Năng lực cạnh tranh quốc gia chậm được cải thiện. Đầu tư vẫn dàn trải. Hiệu quả sử dụng các nguồn vốn đầu tư còn thấp, còn thất thoát, lãng phí, nhất là nguồn vốn đầu tư của Nhà nước. Hệ thống kết cấu hạ tầng phát triển chậm, thiếu đồng bộ, đặc biệt đối với khu vực đồng bào

dân tộc thiểu số. Chất lượng nhiều công trình xây dựng cơ bản còn thấp. Quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên hiệu quả chưa cao, còn lãng phí. Tình trạng khai thác rừng, khai thác khoáng sản bất hợp pháp vẫn còn xảy ra ở nhiều nơi, nhưng chưa có biện pháp hữu hiệu, ngăn chặn kịp thời. Trình độ phát triển giữa các vùng cách biệt lớn và có xu hướng mở rộng. Các chỉ tiêu tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP) và chuyển dịch cơ cấu kinh tế không đạt kế hoạch Đại hội X đề ra¹.

Những yếu tố bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế thị trường chưa được chú ý đúng mức. Một số tập đoàn kinh tế và doanh nghiệp nhà nước kinh doanh thua lỗ, gây bức xúc trong xã hội. Chỉ đạo đổi mới, phát triển kinh tế tập thể, các nông, lâm trường quốc doanh chậm, lúng túng. Chất lượng xây dựng và thực hiện quy hoạch, kế hoạch phát triển một số ngành, vùng, nhất là quy hoạch sử dụng đất đai, tài nguyên khoáng sản còn yếu, gây lãng phí, thất thoát lớn. Quản lý thị trường, nhất là thị trường bất động sản, thị trường tài chính, có lúc còn lúng túng, sơ hở, thiếu chặt chẽ dẫn đến tình trạng đầu cơ, làm giàu bất chính cho một số người; chính sách phân phối còn nhiều bất hợp lý.

2. Các lĩnh vực giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, văn hoá, xã hội, môi trường còn nhiều hạn chế, yếu kém, gây bức xúc xã hội

Chất lượng giáo dục và đào tạo chưa đáp ứng yêu cầu phát triển, nhất là đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao vẫn

1. Tốc độ tăng trưởng bình quân 5 năm đạt 7% (chỉ tiêu Đại hội X đề ra là 7,5 - 8%, phấn đấu đạt trên 8,0%/năm). Cơ cấu ngành trong GDP: khu vực công nghiệp, xây dựng 41,1% (chỉ tiêu 43 - 44%); dịch vụ 38,3% (chỉ tiêu 40 - 41%); nông nghiệp 20,6% (chỉ tiêu 15 - 16%).

còn hạn chế; chưa chuyển mạnh sang đào tạo theo nhu cầu của xã hội. Chưa giải quyết tốt mối quan hệ giữa tăng số lượng, quy mô với nâng cao chất lượng, giữa dạy chữ và dạy người. Chương trình, nội dung, phương pháp dạy và học lạc hậu, đổi mới chậm; cơ cấu giáo dục không hợp lý giữa các lĩnh vực, ngành nghề đào tạo; chất lượng giáo dục toàn diện giảm sút, chưa đáp ứng được yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Quản lý nhà nước về giáo dục còn bất cập. Xu hướng thương mại hoá và sa sút đạo đức trong giáo dục khắc phục còn chậm, hiệu quả thấp, đang trở thành nỗi bức xúc của xã hội.

Khoa học, công nghệ chưa thật sự trở thành động lực thúc đẩy, chưa gắn kết chặt chẽ với mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội. Thị trường khoa học, công nghệ còn sơ khai, chưa tạo sự gắn kết có hiệu quả giữa nghiên cứu với đào tạo và sản xuất kinh doanh. Đầu tư cho khoa học, công nghệ còn thấp, sử dụng chưa hiệu quả. Trình độ công nghệ nhìn chung còn lạc hậu, đổi mới chậm.

Tình trạng thiếu việc làm còn cao. Chính sách tiền lương, thu nhập chưa động viên được cán bộ, công chức, người lao động gắn bó, tận tâm với công việc. Đời sống của một bộ phận dân cư, nhất là ở miền núi, vùng sâu, vùng xa còn nhiều khó khăn. Xoá đói, giảm nghèo chưa bền vững, tình trạng tái nghèo cao. Khoảng cách chênh lệch giàu nghèo còn khá lớn và ngày càng doãng ra. Chất lượng công tác bảo vệ, chăm sóc sức khoẻ còn thấp, hệ thống y tế và chất lượng dịch vụ y tế chưa đáp ứng được yêu cầu khám, chữa bệnh của nhân dân, nhất là đối với người nghèo, đồng bào vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số. Vệ sinh, an toàn thực phẩm chưa được kiểm soát chặt chẽ.

Văn hoá phát triển chưa tương xứng với tăng trưởng kinh tế. Quản lý văn hoá, văn nghệ, báo chí, xuất bản còn thiếu chặt chẽ. Môi trường văn hoá bị xâm hại, lai căng, thiếu lành mạnh, trái với thuần phong mỹ tục, các tệ nạn xã hội, tội phạm và sự xâm nhập của các sản phẩm và dịch vụ độc hại làm suy đồi đạo đức, nhất là trong thanh, thiếu niên, rất đáng lo ngại.

Việc xây dựng pháp luật và chính sách bảo vệ môi trường còn chậm, thực hiện chưa nghiêm, hiệu lực, hiệu quả thấp. Môi trường ở nhiều nơi tiếp tục bị xuống cấp, một số nơi đã đến mức báo động. Chưa chủ động nghiên cứu, dự báo đánh giá tác động của biến đổi khí hậu; hậu quả của thiên tai còn nặng nề.

Việc thực hiện chính sách xã hội hoá chưa được đẩy mạnh, chưa huy động được nhiều nguồn lực ngoài ngân sách nhà nước cho phát triển giáo dục, đào tạo, khoa học, công nghệ, văn hoá, giải quyết các vấn đề xã hội, môi trường.

3. Các lĩnh vực quốc phòng, an ninh, đối ngoại còn một số mặt hạn chế

Một số quan điểm, tư tưởng chỉ đạo của Đại hội X về nhiệm vụ quốc phòng, an ninh chưa được triển khai thực hiện kịp thời. Nhận thức về quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân của một số cán bộ, đảng viên trong các ngành, các cấp chưa đầy đủ, sâu sắc, thiếu cảnh giác trước âm mưu “diễn biến hoà bình” của các thế lực thù địch và “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” trong nội bộ. Công tác bảo vệ an ninh trong một số lĩnh vực còn có những thiếu sót; xử lý tình hình phức tạp nảy sinh ở cơ sở có lúc, có nơi còn bị động, tội phạm hình sự, tệ nạn xã hội, an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội ở một số địa bàn còn diễn biến phức tạp. Việc gắn kết giữa phát

triển kinh tế với củng cố, tăng cường sức mạnh quốc phòng, an ninh, đặc biệt là tại các vùng chiến lược, biển, đảo còn chưa chặt chẽ. Công nghiệp quốc phòng, an ninh chưa đáp ứng yêu cầu trang bị cho các lực lượng vũ trang.

Công tác nghiên cứu, dự báo chiến lược về đối ngoại có mặt còn hạn chế. Sự phối hợp giữa đối ngoại của Đảng, ngoại giao Nhà nước và ngoại giao nhân dân, giữa các lĩnh vực chính trị, kinh tế và văn hoá đối ngoại chưa thật đồng bộ.

4. Dân chủ và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc chưa được phát huy đầy đủ

Quyền làm chủ của nhân dân ở một số nơi, trên một vài lĩnh vực còn bị vi phạm. Việc thực hành dân chủ còn mang tính hình thức; có tình trạng lợi dụng dân chủ gây chia rẽ, làm mất đoàn kết nội bộ, gây rối, ảnh hưởng đến trật tự, an toàn xã hội.

Chủ trương, quan điểm của Đảng về đại đoàn kết toàn dân tộc, về quyền và lợi ích của các giai cấp, tầng lớp nhân dân chưa được thể chế đầy đủ thành pháp luật; hoặc đã thể chế hoá nhưng chưa được thực hiện nghiêm túc; công tác kiểm tra, đôn đốc chưa thường xuyên; giữa chủ trương và tổ chức thực hiện còn cách biệt. Việc tuyên truyền, vận động, tập hợp, thu hút nhân dân tham gia các phong trào, cuộc vận động của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân còn hạn chế. Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân chưa sâu sát các tầng lớp nhân dân và cơ sở.

5. Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa chưa theo kịp yêu cầu phát triển kinh tế và quản lý đất nước

Năng lực xây dựng thể chế, quản lý, điều hành, tổ chức thực thi pháp luật còn yếu. Tổ chức bộ máy ở nhiều cơ quan

còn chưa hợp lý, biên chế cán bộ, công chức tăng thêm; chức năng, nhiệm vụ của một số cơ quan chưa đủ rõ, còn chồng chéo. Chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới của đất nước. Cải cách hành chính chưa đạt yêu cầu đề ra; thủ tục hành chính còn gây phiền hà cho tổ chức và công dân. Năng lực dự báo, hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước trên một số lĩnh vực yếu; phân cấp mạnh nhưng thiếu kiểm tra, kiểm soát; trật tự, kỷ cương xã hội không nghiêm. Cải cách tư pháp còn chậm, chưa đồng bộ. Công tác điều tra, giam giữ, truy tố, xét xử trong một số trường hợp chưa chính xác; án tồn đọng, án bị huỷ, bị cải sửa còn nhiều.

Công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí chưa đạt được yêu cầu đề ra. Quan liêu, tham nhũng, lãng phí vẫn còn nghiêm trọng, với những biểu hiện tinh vi, phức tạp, chưa được ngăn chặn, đẩy lùi, gây bức xúc xã hội.

6. Công tác xây dựng Đảng còn nhiều hạn chế, yếu kém, chậm được khắc phục

Công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn chưa làm sáng tỏ được một số vấn đề về đảng cầm quyền, về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Tính chiến đấu, tính thuyết phục, hiệu quả của công tác tư tưởng còn hạn chế; thiếu sắc bén trong đấu tranh chống âm mưu, thủ đoạn “diễn biến hoà bình”. Tình trạng suy thoái về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống trong một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên và tình trạng tham nhũng, lãng phí, quan liêu, những tiêu cực và tệ nạn xã hội chưa được ngăn chặn, đẩy lùi mà còn tiếp tục diễn biến phức tạp, cùng với sự phân hoá giàu nghèo và sự yếu kém trong quản lý, điều hành của nhiều cấp, nhiều ngành làm giảm lòng tin của

nhân dân đối với Đảng và Nhà nước, đe dọa sự ổn định, phát triển của đất nước. Cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” chưa thực sự đi vào chiều sâu, ở một số nơi còn mang tính hình thức, hiệu quả chưa cao, làm theo chưa đạt yêu cầu.

Tổ chức của một số cơ quan đảng, nhà nước và tổ chức chính trị - xã hội chưa thực sự tinh gọn, hiệu quả; chức năng, nhiệm vụ, mối quan hệ chưa rõ ràng. Việc đổi mới công tác cán bộ còn chậm; thiếu cơ chế, chính sách cụ thể để thực sự phát huy dân chủ trong công tác cán bộ, phát hiện và sử dụng người tài; chậm đổi mới cơ chế, phương pháp và quy trình đánh giá, bổ nhiệm, miễn nhiệm, từ chức đối với cán bộ; đánh giá cán bộ vẫn là khâu yếu. Tình trạng chạy chức, chạy quyền, chạy tội, chạy bằng cấp, huân chương chưa được khắc phục. Công tác cán bộ thiếu tầm nhìn xa. Chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ thấp. Môi trường làm việc, chính sách cán bộ chưa tạo được động lực để khuyến khích, thu hút, phát huy năng lực, sự cống hiến của cán bộ; chưa cổ vũ ý chí phấn đấu vươn lên, sự gắn bó, tận tụy của cán bộ đối với công việc.

Năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của không ít tổ chức đảng còn thấp; công tác quản lý đảng viên chưa chặt chẽ, sinh hoạt đảng chưa nền nếp, nội dung sinh hoạt nghèo nàn, tự phê bình và phê bình yếu. Việc xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài còn chậm, vai trò của tổ chức đảng ở đây mờ nhạt. Động cơ phấn đấu vào Đảng của một số người có biểu hiện lệch lạc, cơ hội.

Việc xử lý, sử dụng và quản lý cán bộ, đảng viên có vấn đề lịch sử chính trị còn phức tạp, thiếu chặt chẽ. Việc xem xét, giải quyết những vấn đề chính trị hiện nay của cán bộ,

đảng viên còn lúng túng. Nhiều cấp uỷ, tổ chức đảng chưa quan tâm chỉ đạo đúng mức công tác này.

Nhiều cấp uỷ, tổ chức đảng chưa làm tốt công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng, chất lượng và hiệu quả kiểm tra, giám sát chưa cao; chưa coi trọng việc kiểm tra, giám sát thực hiện đường lối, chủ trương, chỉ thị, nghị quyết, thi hành Điều lệ Đảng, kiểm tra, giám sát phòng ngừa tiêu cực và phát huy nhân tố tích cực. Nhiều khuyết điểm, sai lầm của đảng viên và tổ chức đảng chậm được phát hiện. Tình trạng thiếu trách nhiệm, cơ hội, suy thoái đạo đức, lối sống vẫn diễn ra khá phổ biến trong một bộ phận cán bộ, đảng viên. Kỷ luật, kỷ cương ở nhiều tổ chức đảng không nghiêm. Sự đoàn kết, nhất trí ở không ít cấp uỷ chưa tốt.

Một số tổ chức đảng, chính quyền, mặt trận và đoàn thể nhân dân chưa quan tâm đúng mức công tác dân vận. Nội dung, phương thức vận động, tập hợp quần chúng vẫn nặng tính hành chính.

Phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội trên một số nội dung chưa rõ, chậm đổi mới. Chức năng, nhiệm vụ của đảng đoàn, ban cán sự đảng chưa được xác định rõ ràng, cụ thể nên hoạt động còn lúng túng. Phong cách, lề lối làm việc đổi mới chậm; hội họp vẫn nhiều. Nguyên tắc tập trung dân chủ còn bị vi phạm, ảnh hưởng đến sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng.

Nhìn tổng quát, 5 năm qua, trong bối cảnh tình hình quốc tế và trong nước có rất nhiều khó khăn, thách thức, nhất là do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính, suy thoái kinh tế toàn cầu, toàn Đảng, toàn dân ta đã nỗ lực phấn đấu đạt được **những thành tựu quan trọng**.

Ứng phó có kết quả với những diễn biến phức tạp của kinh tế thế giới và trong nước. Cơ bản giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô. Duy trì được tốc độ tăng trưởng kinh tế khá, các ngành đều có bước phát triển, quy mô nền kinh tế tăng lên; đời sống của nhân dân tiếp tục được cải thiện; chính trị - xã hội ổn định; quốc phòng, an ninh được tăng cường; độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ được giữ vững; hoạt động đối ngoại, hội nhập quốc tế được mở rộng, vị thế, uy tín quốc tế của nước ta được nâng cao; phát huy dân chủ có tiến bộ, khối đại đoàn kết toàn dân tộc tiếp tục được củng cố; công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị đạt một số kết quả tích cực.

Kết quả đạt được trong 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội X đã góp phần quan trọng vào việc thực hiện thắng lợi *Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001 - 2010* và 20 năm thực hiện *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*.

Mười năm thực hiện *Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001 - 2010* là giai đoạn đất nước ta thực sự đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế, đã đạt được **những thành tựu to lớn và rất quan trọng**. Kinh tế tăng trưởng nhanh, đạt tốc độ bình quân 7,26%/năm. Tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2010 so với năm 2000 theo giá thực tế gấp 3,26 lần; thu ngân sách, kim ngạch xuất khẩu gấp 5 lần; tuổi thọ bình quân tăng từ 67 tuổi lên 72,8 tuổi.

Những thành tựu đạt được trong 20 năm thực hiện Cương lĩnh là **to lớn và có ý nghĩa lịch sử**. Đất nước bước đầu thực hiện thành công công cuộc đổi mới, ra khỏi tình

trạng kém phát triển, bộ mặt của đất nước và đời sống của nhân dân có nhiều thay đổi; sức mạnh về mọi mặt được tăng cường, độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ và chế độ xã hội chủ nghĩa được giữ vững, vị thế và uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế được nâng cao; tạo tiền đề để nước ta tiếp tục phát triển mạnh mẽ hơn trong giai đoạn mới.

Nguyên nhân của những thành tựu đạt được 5 năm qua là do sự lãnh đạo, chỉ đạo đúng đắn của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, các cấp uỷ đảng trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội X, giải quyết kịp thời, có kết quả những vấn đề mới phát sinh; sự đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động của Quốc hội và các cơ quan dân cử; sự điều hành năng động của Chính phủ, chính quyền các cấp; sự nỗ lực của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân, của cán bộ, đảng viên, các tầng lớp nhân dân, cộng đồng các doanh nghiệp. Bối cảnh hội nhập quốc tế đem lại nhiều cơ hội, điều kiện thuận lợi cho sự phát triển đất nước.

Tuy nhiên, một số chỉ tiêu, nhiệm vụ Đại hội X đề ra chưa đạt. Kinh tế phát triển chưa bền vững, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế thấp; chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá chậm; chế độ phân phối còn nhiều bất hợp lý, phân hoá xã hội tăng lên. Những hạn chế, yếu kém trong các lĩnh vực giáo dục, đào tạo, khoa học, công nghệ, văn hoá, xã hội, bảo vệ môi trường chậm được khắc phục; tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí, tội phạm, tệ nạn xã hội, suy thoái đạo đức, lối sống... chưa được ngăn chặn, đẩy lùi. Thể chế kinh tế thị trường, chất lượng nguồn nhân lực, kết cấu hạ tầng vẫn là những điểm yếu cản trở sự phát triển. Nền dân chủ xã hội chủ nghĩa và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc chưa được

phát huy đầy đủ. Công tác xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân chuyển biến chậm. Còn tiềm ẩn những yếu tố gây mất ổn định chính trị - xã hội.

Những hạn chế, yếu kém có nguyên nhân khách quan là do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính, suy thoái kinh tế toàn cầu; thiên tai, dịch bệnh; những yếu kém vốn có của nền kinh tế; sự chống phá của các thế lực thù địch; nhưng trực tiếp và quyết định nhất vẫn là nguyên nhân chủ quan: Công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn nhìn chung vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu. Nhận thức trên nhiều vấn đề cụ thể của công cuộc đổi mới còn hạn chế, thiếu thống nhất. Công tác dự báo trong nhiều lĩnh vực còn yếu. Sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng, quản lý, điều hành của Nhà nước trên một số lĩnh vực và một số vấn đề lớn chưa tập trung, kiên quyết, dứt điểm; kỷ luật, kỷ cương không nghiêm. Tổ chức thực hiện vẫn là khâu yếu. Năng lực, phẩm chất của một bộ phận cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức còn bất cập.

Ban Chấp hành Trung ương xin tự phê bình trước Đại hội và trước nhân dân về những khuyết điểm, yếu kém đã làm hạn chế những thành tựu lẽ ra có thể đạt được nhiều hơn.

Từ thực tiễn lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Nghị quyết Đại hội X, có thể rút ra **một số kinh nghiệm** sau đây:

Một là, trong bất kỳ điều kiện và tình huống nào, phải kiên trì thực hiện đường lối và mục tiêu đổi mới, kiên định và vận dụng sáng tạo, phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Đổi mới toàn diện, đồng bộ với những bước đi thích hợp. Tích cực, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế

phải gắn với chú trọng xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, giữ vững truyền thống và bản sắc văn hoá dân tộc. Mở rộng, phát huy dân chủ phải gắn với tăng cường kỷ luật, kỷ cương và ý thức trách nhiệm của mỗi công dân, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp và cả cộng đồng.

Hai là, phải thực sự coi trọng chất lượng, hiệu quả tăng trưởng và phát triển bền vững, nâng cao chất lượng và hiệu quả của nền kinh tế, đồng thời duy trì tốc độ tăng trưởng hợp lý, giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô. Tăng cường huy động các nguồn lực trong và ngoài nước, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả các nguồn lực để đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế. Phát triển lực lượng sản xuất phải đồng thời xây dựng, hoàn thiện quan hệ sản xuất phù hợp; củng cố và tăng cường các yếu tố bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế.

Ba là, phải coi trọng việc kết hợp chặt chẽ giữa tăng trưởng kinh tế với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; bảo đảm an sinh xã hội, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, nhất là đối với người nghèo, đồng bào ở vùng sâu, vùng xa, đặc biệt là trong tình hình kinh tế khó khăn, suy giảm; gắn phát triển kinh tế với phát triển văn hoá, củng cố quốc phòng, an ninh, tăng cường quan hệ đối ngoại, thực hiện tốt hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Bốn là, đặc biệt chăm lo củng cố, xây dựng Đảng cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Thật sự phát huy dân chủ, giữ vững nguyên tắc, kỷ luật, kỷ cương, đoàn kết thống nhất, gắn bó mật thiết với nhân dân, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng. Xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên vững vàng về chính trị, tư tưởng, trong sáng về đạo đức, lối sống, có sức chiến đấu cao, thành thạo về chuyên môn, nghiệp vụ; phát huy hiệu lực,

hiệu quả quản lý của Nhà nước, tính tích cực, chủ động, sáng tạo của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân.

Năm là, trong công tác lãnh đạo và chỉ đạo phải rất nhạy bén, kiên quyết, sáng tạo, bám sát thực tiễn đất nước; chú trọng công tác dự báo, kịp thời đề ra các giải pháp phù hợp với tình hình mới; tăng cường công tác tuyên truyền, tạo sự đồng thuận cao, phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị, của toàn xã hội.

II- TIẾP TỤC ĐẨY MẠNH TOÀN DIỆN CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI THEO CON ĐƯỜNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA; PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC 5 NĂM (2011 - 2015)

1. Dự báo tình hình thế giới và trong nước những năm sắp tới

Trên thế giới: Hoà bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn, nhưng sẽ có những diễn biến phức tạp mới, tiềm ẩn nhiều bất trắc khó lường. Những căng thẳng, xung đột tôn giáo, sắc tộc, ly khai, chiến tranh cục bộ, bạo loạn chính trị, can thiệp, lật đổ, khủng bố vẫn sẽ diễn ra gay gắt; các yếu tố đe dọa an ninh phi truyền thống, tội phạm công nghệ cao trong các lĩnh vực tài chính - tiền tệ, điện tử - viễn thông, sinh học, môi trường... còn tiếp tục gia tăng.

Cục diện thế giới đa cực ngày càng rõ hơn, xu thế dân chủ hoá trong quan hệ quốc tế tiếp tục phát triển nhưng các nước lớn vẫn sẽ chi phối các quan hệ quốc tế. Toàn cầu hoá và cách mạng khoa học - công nghệ phát triển mạnh mẽ, thúc đẩy quá trình hình thành xã hội thông tin và kinh tế tri thức. Kinh tế thế giới mặc dù có dấu hiệu phục hồi sau khủng

hoảng nhưng vẫn còn nhiều khó khăn, bất ổn; chủ nghĩa bảo hộ phát triển dưới nhiều hình thức; cơ cấu lại thể chế, các ngành, lĩnh vực kinh tế diễn ra mạnh mẽ ở các nước; tương quan sức mạnh kinh tế giữa các nước, nhất là giữa các nước lớn có quan hệ ảnh hưởng nhiều với nước ta, có nhiều thay đổi. Cạnh tranh về kinh tế - thương mại, tranh giành các nguồn tài nguyên, năng lượng, thị trường, công nghệ, nguồn vốn, nguồn nhân lực chất lượng cao... giữa các nước ngày càng gay gắt. Những vấn đề toàn cầu như an ninh tài chính, an ninh năng lượng, an ninh lương thực, biến đổi khí hậu, nước biển dâng cao, thiên tai, dịch bệnh... sẽ tiếp tục diễn biến phức tạp. Cuộc đấu tranh của nhân dân các nước trên thế giới vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân sinh, dân chủ và tiến bộ xã hội tiếp tục phát triển. Cuộc đấu tranh giai cấp và dân tộc vẫn diễn biến phức tạp.

Khu vực châu Á - Thái Bình Dương, trong đó có khu vực Đông Nam Á, vẫn sẽ là khu vực phát triển năng động nhưng còn tồn tại nhiều nhân tố gây mất ổn định; tranh chấp lãnh thổ, biển đảo ngày càng gay gắt. Xuất hiện các hình thức tập hợp lực lượng và đan xen lợi ích mới. ASEAN tuy còn nhiều khó khăn, thách thức nhưng tiếp tục giữ vai trò quan trọng trong khu vực.

Ở trong nước: Những thành tựu, kinh nghiệm của 25 năm đổi mới (1986 - 2011) đã tạo ra cho đất nước thế và lực, sức mạnh tổng hợp lớn hơn nhiều so với trước. Năm năm tới là giai đoạn kinh tế nước ta sẽ phục hồi, lấy lại đà tăng trưởng sau thời kỳ suy giảm; sẽ thực hiện nhiều hơn các hiệp định thương mại tự do song phương và đa phương; khắc phục những hạn chế, yếu kém trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị. Tuy nhiên, nước ta vẫn đứng trước nhiều thách thức lớn, đan xen nhau, tác động

tổng hợp và diễn biến phức tạp, không thể coi thường bất cứ thách thức nào. Nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế so với nhiều nước trong khu vực và trên thế giới vẫn tồn tại. Tình trạng suy thoái về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên gắn với tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí là nghiêm trọng. Các thế lực thù địch vẫn tiếp tục thực hiện âm mưu “diễn biến hoà bình”, gây bạo loạn lật đổ, sử dụng các chiêu bài “dân chủ”, “nhân quyền” hòng làm thay đổi chế độ chính trị ở nước ta. Trong nội bộ, những biểu hiện xa rời mục tiêu của chủ nghĩa xã hội, “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” có những diễn biến phức tạp.

Nhìn chung, những tình hình và xu hướng nêu trên sẽ tạo ra cả những thời cơ và thách thức đan xen đối với sự phát triển của đất nước trong 5 năm tới.

2. Tiếp tục đổi mới toàn diện, mạnh mẽ theo con đường xã hội chủ nghĩa

Thực tiễn phong phú và những thành tựu đạt được qua 25 năm đổi mới, 20 năm thực hiện *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* đã chứng tỏ đường lối đổi mới của Đảng ta là đúng đắn, sáng tạo; đi lên chủ nghĩa xã hội là sự lựa chọn phù hợp với quy luật khách quan và thực tiễn cách mạng Việt Nam. Chúng ta một lần nữa khẳng định: Chỉ có chủ nghĩa xã hội mới bảo đảm cho dân tộc ta có độc lập, tự do thực sự, đất nước phát triển phồn vinh, nhân dân có cuộc sống ấm no, hạnh phúc.

Qua tổng kết 20 năm thực hiện Cương lĩnh năm 1991, chúng ta càng thấy rõ ý nghĩa lịch sử và giá trị định hướng, chỉ đạo to lớn của Cương lĩnh đối với công cuộc đổi mới theo con đường xã hội chủ nghĩa ở nước ta; đồng thời cũng thấy rõ thêm những vấn đề mới đặt ra cần tiếp tục được giải đáp. Tại

Đại hội này, Đảng ta sẽ xem xét, quyết định bổ sung, phát triển Cương lĩnh năm 1991 để làm nền tảng chính trị, tư tưởng cho mọi hoạt động của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta trong quá trình đưa nước ta đi lên chủ nghĩa xã hội; phấn đấu đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại; và đến giữa thế kỷ XXI trở thành một nước công nghiệp hiện đại, theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Để xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, phải tiếp tục đổi mới toàn diện, mạnh mẽ với chất lượng và hiệu quả cao hơn; đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá gắn với phát triển kinh tế tri thức; phát triển kinh tế thị trường gắn với giải quyết hài hoà các vấn đề xã hội, môi trường; xây dựng nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc làm nền tảng tinh thần của xã hội; bảo đảm vững chắc quốc phòng và an ninh quốc gia; thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hoà bình, hợp tác và phát triển, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc, củng cố và mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất; xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức. Đặc biệt chú trọng xử lý và giải quyết tốt các mối quan hệ lớn: quan hệ giữa đổi mới, ổn định và phát triển; giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị; giữa kinh tế thị trường và định hướng xã hội chủ nghĩa; giữa phát triển lực lượng sản xuất và xây dựng, hoàn thiện từng bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa; giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hoá, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; giữa xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa; giữa độc

lập, tự chủ và hội nhập quốc tế; giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ.

3. Mục tiêu, nhiệm vụ phát triển đất nước 5 năm (2011 - 2015)

Mục tiêu tổng quát trong 5 năm tới là: Tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng; đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới; xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; phát huy dân chủ và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc; phát triển kinh tế nhanh, bền vững; nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân; giữ vững ổn định chính trị - xã hội; tăng cường hoạt động đối ngoại; bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ; tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

Nhiệm vụ chủ yếu:

- Ổn định kinh tế vĩ mô, đổi mới mô hình tăng trưởng và cơ cấu kinh tế, nâng cao chất lượng, hiệu quả, phát triển bền vững; huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực; từng bước xây dựng kết cấu hạ tầng hiện đại. Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Phát triển, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, chất lượng nguồn nhân lực; phát triển khoa học, công nghệ và kinh tế tri thức. Tập trung giải quyết vấn đề việc làm và thu nhập cho người lao động, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Tạo bước tiến rõ rệt về thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo đảm an sinh xã hội, giảm tỷ lệ hộ nghèo; cải thiện điều kiện chăm sóc sức khỏe cho nhân dân. Tiếp tục xây dựng nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá tốt đẹp của dân tộc, đồng thời tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân

loại. Bảo vệ môi trường, chủ động phòng tránh thiên tai, ứng phó có hiệu quả với tình trạng biến đổi khí hậu.

- Tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh; giữ vững ổn định chính trị - xã hội, độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, trật tự, an toàn xã hội; ngăn chặn, làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch; mở rộng, nâng cao hiệu quả các hoạt động đối ngoại, tích cực, chủ động hội nhập quốc tế.

- Tiếp tục phát huy dân chủ và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc; hoàn thiện, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; đổi mới, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của Quốc hội, Chính phủ, chính quyền địa phương; đẩy mạnh cải cách hành chính và cải cách tư pháp; thực hiện có hiệu quả cuộc đấu tranh phòng, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí. Đổi mới và nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân.

- Đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng về chính trị, tư tưởng và tổ chức; thường xuyên học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh; nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng; xây dựng Đảng thật sự trong sạch, vững mạnh, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên; tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng.

Phấn đấu đạt được các chỉ tiêu chủ yếu:

Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân 5 năm 2011 - 2015: 7,0 - 7,5%/năm. Năm 2015, GDP bình quân đầu người khoảng 2.000 USD; cơ cấu GDP: nông nghiệp 17 - 18%, công nghiệp và xây dựng 41 - 42%, dịch vụ 41 - 42%; sản phẩm công nghệ cao và sản phẩm ứng dụng công nghệ cao đạt 35% tổng GDP; tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 55%. Kim ngạch xuất khẩu tăng bình quân 12%/năm, giảm nhập siêu, phấn đấu đến

năm 2020 cân bằng được xuất nhập khẩu. Vốn đầu tư toàn xã hội bình quân 5 năm đạt 40% GDP. Tỷ lệ huy động vào ngân sách nhà nước đạt 23 - 24% GDP; giảm mức bội chi ngân sách xuống 4,5% GDP vào năm 2015. Giải quyết việc làm cho 8 triệu lao động. Tốc độ tăng dân số đến năm 2015 khoảng 1%. Tuổi thọ trung bình năm 2015 đạt 74 tuổi. Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân 2%/năm. Tỷ lệ che phủ rừng năm 2015 đạt 42 - 43%...

III- ĐỔI MỚI MÔ HÌNH TĂNG TRƯỞNG, CƠ CẤU LẠI NỀN KINH TẾ; ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HOÁ, HIỆN ĐẠI HOÁ, PHÁT TRIỂN NHANH, BỀN VỮNG

1. Đổi mới mô hình tăng trưởng và cơ cấu lại nền kinh tế, nâng cao chất lượng, hiệu quả, phát triển kinh tế nhanh, bền vững

Chuyển đổi mô hình tăng trưởng từ chủ yếu phát triển theo chiều rộng sang phát triển hợp lý giữa chiều rộng và chiều sâu, vừa mở rộng quy mô vừa chú trọng nâng cao chất lượng, hiệu quả, tính bền vững. Thực hiện cơ cấu lại nền kinh tế, trọng tâm là cơ cấu lại các ngành sản xuất, dịch vụ phù hợp với các vùng; thúc đẩy cơ cấu lại và điều chỉnh chiến lược phát triển doanh nghiệp; tăng nhanh giá trị nội địa, giá trị gia tăng và sức cạnh tranh của sản phẩm, doanh nghiệp và của cả nền kinh tế.

Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, áp dụng các hình thức thu hút đầu tư đa dạng, hấp dẫn để huy động và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực của các thành phần kinh tế trong nước và nước ngoài, phát huy nội lực, tranh thủ ngoại lực cho phát triển. Khuyến khích đầu tư vào các ngành công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ công nghệ cao và các giải pháp đổi

mới công nghệ, chế tạo sản phẩm mới... tham gia ngày càng nhiều và có hiệu quả vào những khâu, công đoạn có hàm lượng khoa học, giá trị gia tăng cao trong mạng sản xuất và phân phối toàn cầu.

Phát triển đa dạng các ngành, nghề để tạo nhiều việc làm và thu nhập; khuyến khích, tạo thuận lợi để người lao động học tập, nâng cao trình độ, tay nghề, đồng thời có cơ chế, chính sách phát hiện, trọng dụng nhân tài. Phát huy tiềm lực khoa học, công nghệ của đất nước, nâng cao nhanh năng suất lao động xã hội và chất lượng tăng trưởng của nền kinh tế. Tăng cường liên kết, khai thác, phát huy đúng tiềm năng, thế mạnh của từng vùng kinh tế; tạo điều kiện cho phát triển và phát huy vai trò đầu tàu của vùng kinh tế trọng điểm, tạo sức lan toả, lôi cuốn các vùng kinh tế khác.

2. Phát triển công nghiệp và xây dựng theo hướng hiện đại, tiếp tục tạo nền tảng cho một nước công nghiệp và nâng cao khả năng độc lập, tự chủ của nền kinh tế

Cơ cấu lại, xây dựng nền công nghiệp theo hướng phát triển mạnh những ngành có tính nền tảng, có lợi thế so sánh và có ý nghĩa chiến lược đối với sự phát triển nhanh, hiệu quả, bền vững, nâng cao tính độc lập, tự chủ của nền kinh tế, từng bước có khả năng tham gia sâu, có hiệu quả vào mạng sản xuất và phân phối toàn cầu. Ưu tiên phát triển và hoàn thành những công trình then chốt về cơ khí chế tạo, sản xuất máy móc, thiết bị thay thế nhập khẩu cho công nghiệp, nông nghiệp, xây dựng; công nghiệp công nghệ cao sản xuất linh kiện điện tử, máy tính, công nghiệp dầu khí, điện, than, khai khoáng, hoá chất, luyện thép, xi măng, phân đạm..., công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp quốc phòng, an ninh với trình độ

công nghệ ngày càng cao, sạch, tiêu tốn ít nguyên liệu, năng lượng, tăng sức cạnh tranh và giá trị gia tăng.

Ưu tiên phát triển công nghiệp phục vụ nông nghiệp và nông thôn, đặc biệt là công nghiệp sản xuất trang thiết bị, máy móc làm đất, thu hoạch, bảo quản, chế biến sản phẩm nông - lâm - thủy sản, sản phẩm xuất khẩu; sản xuất phân bón, thức ăn cho chăn nuôi và thuốc bảo vệ động, thực vật...

Phát triển mạnh công nghiệp xây dựng và phát triển hợp lý công nghiệp sử dụng nhiều lao động, góp phần chuyển dịch nhanh cơ cấu lao động. Tập trung phát triển thiết bị nâng đỡ, bốc xếp ở các cảng biển, sân bay, sản xuất ô tô, đầu máy, toa xe, các phương tiện vận tải nặng, các tàu vận tải biển và sông; máy móc thi công cầu, đường, sản xuất vật liệu xây dựng, nhất là vật liệu xây dựng chất lượng cao, thiết bị điện và thiết bị viễn thông. Từng bước nâng cao trình độ thiết kế, quy hoạch, chất lượng xây dựng; hiện đại hoá công nghiệp xây dựng đạt trình độ tiên tiến trong khu vực, đáp ứng yêu cầu xây dựng trong nước và đấu thầu quốc tế.

Phát triển năng lực nghiên cứu, thiết kế, chế tạo các sản phẩm công nghiệp có công nghệ tiên tiến, giá trị gia tăng cao, nhất là các máy điều khiển kỹ thuật số, hệ thống tự động hoá, có khả năng xuất khẩu, thay thế nhập khẩu, nâng cao tỷ lệ nội địa hoá sản phẩm...; nhanh chóng hình thành một số viện công nghệ công nghiệp, viện công nghệ thăm dò và khai thác khoáng sản nước ta có thế mạnh, viện công nghệ nông nghiệp, đủ sức nghiên cứu, phát minh, sáng chế kỹ thuật, công nghệ; gắn kết chặt chẽ các cơ sở nghiên cứu khoa học, cơ sở đào tạo với các đơn vị sản xuất kinh doanh.

Bố trí hợp lý công nghiệp trên các vùng; phát huy hiệu quả các khu, cụm công nghiệp hiện có và đẩy mạnh phát triển công nghiệp theo hình thức cụm, nhóm sản phẩm, tạo

thành các tổ hợp công nghiệp quy mô lớn, hiệu quả cao; đẩy mạnh việc xây dựng các khu công nghệ cao; hình thành và phát triển các khu kinh tế tổng hợp ven biển và các khu kinh tế cửa khẩu.

Phấn đấu giá trị gia tăng công nghiệp - xây dựng bình quân 5 năm tăng 7,8 - 8%/năm.

3. Phát triển nông - lâm - ngư nghiệp toàn diện theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá gắn với giải quyết tốt vấn đề nông dân, nông thôn

Phát triển nông nghiệp toàn diện theo hướng hiện đại, hiệu quả, bền vững, phát huy lợi thế của nền nông nghiệp nhiệt đới. Trên cơ sở tích tụ đất đai, đẩy mạnh cơ giới hoá, áp dụng công nghệ hiện đại (nhất là công nghệ sinh học); bố trí lại cơ cấu cây trồng, vật nuôi; phát triển kinh tế hộ, trang trại, tổ hợp tác, hợp tác xã nông nghiệp, vùng chuyên môn hoá, khu nông nghiệp công nghệ cao, các tổ hợp sản xuất lớn. Thực hiện tốt việc gắn kết chặt chẽ “bốn nhà” (nhà nông, nhà khoa học, nhà doanh nghiệp, nhà nước) và phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ ở khu vực nông thôn. Phát triển các hiệp hội nông dân và các tổ chức khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, tạo điều kiện để các tổ chức này hoạt động thiết thực, có hiệu quả.

Phát triển nông nghiệp sản xuất hàng hoá lớn, có năng suất, chất lượng, hiệu quả và khả năng cạnh tranh cao, thân thiện với môi trường, gắn sản xuất với chế biến và thị trường, mở rộng xuất khẩu. Giữ vững diện tích đất trồng lúa theo quy hoạch, bảo đảm vững chắc an ninh lương thực quốc gia và tăng giá trị xuất khẩu gạo. Mở rộng diện tích, áp dụng công nghệ cao để tăng năng suất, chất lượng các loại rau, màu, cây ăn quả, cây công nghiệp có lợi thế. Phát

triển nhanh ngành chăn nuôi theo phương thức công nghiệp, bán công nghiệp với công nghệ tiên tiến.

Phát triển lâm nghiệp toàn diện, bền vững, trong đó chú trọng cả rừng sản xuất, rừng phòng hộ và rừng đặc dụng; tăng diện tích trồng rừng và độ che phủ rừng trên cơ sở khuyến khích các thành phần kinh tế cùng tham gia đầu tư. Có cơ chế, chính sách hỗ trợ để người dân có thể sống, làm giàu từ trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng; hình thành các tổ hợp trồng rừng nguyên liệu gắn với công nghiệp chế biến lâm sản và phát triển các vùng rừng chuyên môn hoá bảo đảm đáp ứng ngày càng nhiều hơn nguyên liệu trong nước cho công nghiệp chế biến gỗ và các sản phẩm từ gỗ, giấy.

Phát triển mạnh nuôi trồng thủy sản đa dạng theo quy hoạch, phát huy lợi thế từng vùng gắn với thị trường; coi trọng hình thức nuôi công nghiệp, thâm canh là chủ yếu đối với thủy sản nước ngọt, nước lợ và nước mặn; gắn nuôi trồng với chế biến bảo đảm vệ sinh, an toàn thực phẩm. Đẩy mạnh việc đánh bắt hải sản xa bờ với ứng dụng công nghệ cao trong các khâu tìm kiếm ngư trường, đánh bắt và hiện đại hoá các cơ sở chế biến thủy sản. Xây dựng đồng bộ kết cấu hạ tầng, cơ sở dịch vụ phục vụ nuôi trồng, đánh bắt, chế biến, xuất khẩu thủy sản.

Xây dựng nông thôn mới: Quy hoạch phát triển nông thôn và phát triển đô thị và bố trí các điểm dân cư. Phát triển mạnh công nghiệp, dịch vụ và làng nghề gắn với bảo vệ môi trường. Triển khai chương trình xây dựng nông thôn mới phù hợp với đặc điểm từng vùng theo các bước đi cụ thể, vững chắc trong từng giai đoạn; giữ gìn và phát huy những truyền thống văn hoá tốt đẹp của nông thôn Việt Nam. Đẩy mạnh xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn. Tạo môi trường thuận lợi để khai thác mọi khả năng đầu tư vào nông nghiệp và nông thôn, nhất là đầu tư của các doanh nghiệp nhỏ và

vừa, thu hút nhiều lao động. Triển khai có hiệu quả chương trình đào tạo nghề cho 1 triệu lao động nông thôn mỗi năm.

Thực hiện tốt các chương trình hỗ trợ nhà ở cho người nghèo và các đối tượng chính sách, chương trình nhà ở cho đồng bào vùng bão, lũ; bố trí hợp lý dân cư, bảo đảm an toàn ở những vùng ngập lũ, sạt lở núi, ven sông, ven biển.

Phấn đấu giá trị gia tăng nông nghiệp bình quân 5 năm đạt 2,6 - 3%/năm. Tỷ trọng lao động nông nghiệp năm 2015 chiếm 40 - 41% lao động xã hội. Thu nhập của người dân nông thôn tăng 1,8 - 2 lần so với năm 2010.

4. Phát triển các ngành dịch vụ, nhất là dịch vụ tài chính, ngân hàng, thương mại, du lịch và các dịch vụ có giá trị gia tăng cao

Ưu tiên phát triển và hiện đại hoá các dịch vụ tài chính, ngân hàng, viễn thông, thương mại, du lịch, vận tải, dịch vụ chăm sóc sức khỏe, giáo dục, đào tạo, khoa học, công nghệ. Có cơ chế, chính sách khuyến khích sử dụng hàng hoá sản xuất trong nước, mở rộng thị trường nội địa, phát triển mạnh thương mại trong nước ở tất cả các vùng; hoàn thiện hệ thống phân phối để xác lập vị thế vững chắc của doanh nghiệp trong nước trên thị trường bán lẻ. Đẩy mạnh và khuyến khích xuất khẩu, đặc biệt là những mặt hàng mới, sản phẩm chế biến, chế tạo có hàm lượng khoa học công nghệ cao, giá trị gia tăng cao; giảm mạnh xuất khẩu nguyên liệu, khoáng sản, sản phẩm thô. Hình thành các trung tâm thương mại - dịch vụ lớn, vừa là trung tâm giao thương trong nước, vừa là cửa ngõ giao thương với nước ngoài tại Thủ đô Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Đà Nẵng và Cần Thơ. Xây dựng một số trung tâm du lịch lớn trong nước, gắn kết có

hiệu quả với các trung tâm du lịch lớn của các nước trong khu vực.

Phấn đấu khu vực dịch vụ có tốc độ tăng trưởng cao hơn tốc độ tăng GDP và gấp ít nhất 1,3 lần tốc độ tăng trưởng của các ngành sản xuất sản phẩm vật chất; tốc độ tăng trưởng dịch vụ bình quân 5 năm đạt 8 - 8,5%/năm.

5. Tập trung xây dựng, tạo bước đột phá về hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước

Hoàn thiện quy hoạch hệ thống kết cấu hạ tầng cả nước. Phát triển có trọng tâm, trọng điểm và đầu tư tập trung, dứt điểm, kiên quyết hoàn thành những *công trình kết cấu hạ tầng kinh tế then chốt* theo hướng hiện đại và tương đối đồng bộ ở các vùng động lực phát triển, các khu công nghệ cao, các khu công nghiệp, khu kinh tế. Hoàn thiện cơ bản mạng lưới giao thông thiết yếu, đường ven biển, đường vành đai biên giới. Hiện đại hoá một số sân bay, cảng biển quan trọng và một số tuyến đường bộ trọng yếu nối kết với Trung Quốc, Lào, Campuchia. Tiếp tục hoàn thiện theo hướng hiện đại hệ thống giao thông đô thị, tập trung giải quyết tình trạng ách tắc giao thông và ngập úng ở Thủ đô Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh. Đồng thời phát triển đồng bộ hệ thống vận tải địa phương, phấn đấu hầu hết xã, cụm xã có đường ô tô đến trung tâm (trừ các xã có địa hình, địa lý đặc biệt khó khăn).

Phát triển nhanh nguồn điện bảo đảm đủ điện cho công nghiệp hoá, hiện đại hoá và nhu cầu sinh hoạt của nhân dân; hoàn chỉnh hệ thống truyền tải điện gắn với bảo đảm vận hành an toàn, phấn đấu giảm 1/3 mức điện tổn thất so với hiện nay. Hiện đại hoá bưu chính - viễn thông và hạ tầng công nghệ thông tin đủ sức bảo đảm nhu cầu phát triển trong

điều kiện hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng. Xây dựng các công trình thuỷ lợi đa mục tiêu, nâng cao năng lực tưới tiêu chủ động cho các loại cây trồng; xây dựng thêm hồ chứa nước ở vùng thường xuyên bị khô hạn, hệ thống đê sông, đê biển. Phát triển hệ thống cung cấp đủ nước sạch cho đô thị, khu công nghiệp và dân cư nông thôn.

Xây dựng các công trình xử lý chất thải rắn, nước, khí thải và các công trình bảo vệ môi trường. Sớm hoàn chỉnh hệ thống dự báo khí hậu, thời tiết và cơ sở nghiên cứu về biến đổi khí hậu toàn cầu để nâng cao năng lực dự báo, phòng, chống, hạn chế tác hại của thiên tai.

6. Phát triển kinh tế - xã hội hài hoà giữa các vùng, đô thị và nông thôn

Phát huy tiềm năng, thế mạnh của từng vùng với tầm nhìn dài hạn, tăng cường liên kết giữa các địa phương trong vùng theo quy hoạch, khắc phục tình trạng đầu tư trùng lặp, thiếu liên kết giữa các địa phương trong vùng; đồng thời tăng cường sự liên kết, phối hợp giữa các vùng để các vùng đều phát triển, từng bước giảm bớt chênh lệch về trình độ phát triển và mức sống dân cư giữa các vùng. Tiếp tục đẩy mạnh phát triển các vùng kinh tế, lãnh thổ trọng điểm tạo động lực cho nền kinh tế. Tăng cường chính sách hỗ trợ phát triển các vùng còn nhiều khó khăn, nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Đối với vùng đồng bằng: Tập trung phát triển các ngành công nghiệp, dịch vụ công nghệ cao, hình thành và phát huy vai trò các trung tâm đô thị lớn và các khu công nghiệp, khu kinh tế. Sử dụng quỹ đất tiết kiệm, có hiệu quả cao trên cơ sở phát triển kinh tế theo chiều sâu, tận dụng chiều cao không gian. Tổ chức lại sản xuất nông nghiệp, phát triển

các vùng sản xuất hàng hoá tập trung, thâm canh, các khu nông nghiệp công nghệ cao, gắn với công nghiệp bảo quản, chế biến, thị trường trong nước và xuất khẩu. Giảm bớt sự tập trung quá mức về công nghiệp và đô thị ở vùng đồng bằng sông Hồng; có biện pháp cụ thể để chủ động hạn chế những tác hại do nước biển dâng đối với vùng đồng bằng sông Hồng và vùng đồng bằng sông Cửu Long.

Đối với vùng trung du, miền núi: Phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông, tận dụng cơ hội giao thương với Trung Quốc, Lào, Campuchia và các vùng đồng bằng, ven biển; khai thác hợp lý, có hiệu quả tiềm năng thuỷ điện, khoáng sản, phát triển thuỷ lợi kết hợp với thuỷ điện; sử dụng hiệu quả đất nông, lâm nghiệp, hình thành các vùng sản xuất lớn cây công nghiệp, cây ăn quả tập trung, rừng nguyên liệu giấy, gỗ và chăn nuôi đại gia súc. Tiếp tục giao đất, giao rừng, hỗ trợ lương thực để nhân dân trồng và bảo vệ rừng. Nâng cao dân trí, đẩy mạnh xoá đói, giảm nghèo, nâng cao đời sống nhân dân; có chế độ, chính sách hợp lý đối với cán bộ, bộ đội, công an, nhân dân thực hiện nhiệm vụ bảo vệ vùng biên cương của Tổ quốc, bảo vệ rừng và nguồn nước.

Đối với vùng ven biển, biển và hải đảo: Phát triển kinh tế ven biển, biển và hải đảo theo định hướng *Chiến lược biển đến năm 2020*. Xây dựng hợp lý hệ thống cảng biển, các khu công nghiệp, khu kinh tế, đô thị ven biển gắn với phát triển công nghiệp đóng và sửa chữa tàu, khai thác, chế biến dầu khí, vận tải biển, du lịch biển. Phát triển mạnh kinh tế đảo, khai thác hải sản xa bờ gắn với tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn và giữ vững chủ quyền vùng biển quốc gia. Đẩy mạnh việc điều tra cơ bản đối với một số loại tài nguyên biển quan trọng.

Phát triển hài hoà giữa thành thị và nông thôn. Phát triển đô thị phù hợp với quá trình phát triển kinh tế, theo

quy hoạch dài hạn, không khép kín theo ranh giới hành chính và xử lý đúng mối quan hệ giữa đô thị hoá và hiện đại hoá nông thôn. Đẩy mạnh việc đưa công nghiệp và dịch vụ về nông thôn để hạn chế tình trạng nông dân ra các thành phố, đồng thời không để một khu vực lãnh thổ rộng lớn nào trống vắng đô thị.

Nâng cao chất lượng quy hoạch đô thị và đẩy mạnh đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng ở các đô thị lớn, nhất là Thủ đô Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh. Hình thành hệ thống đô thị vừa và nhỏ theo hướng phân bố hợp lý trên các vùng, khắc phục tình trạng tự phát trong phát triển đô thị. Xây dựng đô thị ven biển cần tính đến nước biển dâng do biến đổi khí hậu. Hỗ trợ quy hoạch, xây dựng, tổ chức tốt hơn các điểm dân cư nông thôn theo hướng sạch, đẹp, văn minh.

IV- HOÀN THIỆN THỂ CHẾ KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

1. Giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế thị trường

Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta là nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản. Đây là một hình thái kinh tế thị trường vừa tuân theo những quy luật của kinh tế thị trường, vừa dựa trên cơ sở và được dẫn dắt, chi phối bởi các nguyên tắc và bản chất của chủ nghĩa xã hội.

Trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, cơ chế thị trường phải được vận dụng đầy đủ, linh hoạt để phát huy mạnh mẽ và có hiệu quả mọi nguồn lực nhằm phát triển nhanh và bền vững nền kinh tế, nâng cao

đời sống nhân dân, khuyến khích làm giàu hợp pháp đi đôi với xoá đói, giảm nghèo, tăng cường đồng thuận xã hội để thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Phát huy quyền tự do kinh doanh theo pháp luật của mọi công dân để làm giàu cho bản thân và đóng góp cho xã hội. Mọi thành phần kinh tế, các chủ thể tham gia thị trường đều được coi trọng, cùng phát triển lâu dài, hợp tác, cạnh tranh bình đẳng, lành mạnh và văn minh, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo.

Phát triển kinh tế thị trường, chủ động, tích cực hội nhập quốc tế, đồng thời giữ vững, tăng cường tính độc lập, tự chủ của nền kinh tế. Phát triển kinh tế đi đôi với phát triển văn hoá, xã hội, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách. Công bằng trong phân phối các yếu tố sản xuất, tiếp cận và sử dụng các cơ hội, điều kiện phát triển. Phân phối kết quả làm ra chủ yếu theo kết quả lao động, hiệu quả kinh tế, đồng thời theo mức đóng góp vốn cùng các nguồn lực khác và phân phối thông qua hệ thống an sinh xã hội, phúc lợi xã hội.

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý kinh tế của Nhà nước. Nhà nước quản lý nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa bằng luật pháp, cơ chế, chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và các nguồn lực kinh tế, giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, tạo lập, phát triển đầy đủ, đồng bộ các yếu tố thị trường và các loại thị trường, cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế, định hướng phát triển, phát huy mặt tích cực, hạn chế, khắc phục mặt trái, tiêu cực của cơ chế thị trường; phát huy dân chủ, quyền làm chủ của nhân dân trong lĩnh vực kinh tế.

2. Phát triển các hình thức sở hữu, các thành phần kinh tế, các loại hình doanh nghiệp

Tiếp tục thể chế hoá quan điểm của Đảng về phát triển đa dạng các hình thức sở hữu, các thành phần kinh tế, các loại hình doanh nghiệp; bảo hộ các quyền và lợi ích hợp pháp của chủ sở hữu tài sản thuộc các hình thức sở hữu, các loại hình doanh nghiệp trong nền kinh tế; xây dựng, hoàn thiện luật pháp về sở hữu đối với các loại tài sản mới như sở hữu trí tuệ, cổ phiếu, trái phiếu, tài nguyên nước..., quy định rõ quyền, trách nhiệm của các chủ sở hữu đối với xã hội.

Đổi mới, hoàn thiện luật pháp, cơ chế, chính sách về sở hữu đối với đất đai, tài nguyên, vốn và các loại tài sản công khác để tài nguyên, vốn và các tài sản công được quản lý, sử dụng có hiệu quả, khắc phục tình trạng thất thoát, lãng phí. Đất đai, tài nguyên, vốn, tài sản do Nhà nước đại diện chủ sở hữu được giao cho các chủ thể thuộc mọi thành phần kinh tế sử dụng theo nguyên tắc hiệu quả. Các chủ thể có quyền và nghĩa vụ như nhau trong sử dụng có hiệu quả các nguồn lực của Nhà nước. Tổng kết hoạt động của Tổng công ty Đầu tư, kinh doanh vốn nhà nước; nghiên cứu hình thành các tổ chức quản lý đầu tư, kinh doanh có hiệu quả các nguồn vốn, tài sản của Nhà nước; khắc phục tình trạng bộ máy quản lý hành chính tham gia trực tiếp vào các hoạt động kinh doanh thông qua mệnh lệnh hành chính.

Đẩy mạnh đổi mới, sắp xếp và nâng cao hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước. Khẩn trương cơ cấu lại ngành nghề kinh doanh của các tập đoàn kinh tế và các tổng công ty nhà nước, tập trung vào một số ngành, lĩnh vực then chốt của nền kinh tế. Từng bước xây dựng các doanh nghiệp mang tầm khu vực và toàn cầu. Xác định đúng đắn, cụ thể

hơn quyền hạn, trách nhiệm của hội đồng quản trị và giám đốc doanh nghiệp đối với vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp, vừa bảo đảm quyền chủ động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, vừa bảo toàn, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn và tài sản nhà nước.

Đẩy mạnh đổi mới tổ chức, cơ chế hoạt động của các đơn vị dịch vụ công phù hợp với kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Các đơn vị này có quyền chủ động và được khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi để tham gia thị trường, cung cấp ngày càng nhiều và tốt hơn dịch vụ công cho xã hội, nhất là dịch vụ y tế, giáo dục, đào tạo, khoa học, công nghệ...

Đẩy mạnh phát triển kinh tế tập thể với nhiều hình thức đa dạng, mà nòng cốt là hợp tác xã. Tổng kết tình hình phát triển các hợp tác xã và thực hiện *Luật hợp tác xã*. Khẩn trương hoàn thiện hệ thống luật pháp, cơ chế, chính sách hỗ trợ, tạo điều kiện cho việc ra đời, phát triển các hợp tác xã, các tổ hợp tác kiểu mới và các mô hình kinh tế tập thể khác theo nguyên tắc tự nguyện, cùng có lợi, có chức năng kinh tế và xã hội. Tạo điều kiện phát triển các trang trại ở nông thôn và hình thành hợp tác xã của các chủ trang trại.

Hoàn thiện cơ chế, chính sách để phát triển mạnh kinh tế tư nhân trở thành một trong những động lực của nền kinh tế. Phát triển mạnh các loại hình kinh tế tư nhân ở hầu hết các ngành, lĩnh vực kinh tế theo quy hoạch và quy định của pháp luật. Tạo điều kiện hình thành một số tập đoàn kinh tế tư nhân và tư nhân góp vốn vào các tập đoàn kinh tế nhà nước. Thu hút mạnh đầu tư trực tiếp của nước ngoài vào những ngành, lĩnh vực kinh tế phù hợp với quy hoạch và chiến lược phát triển của đất nước, nhất là các lĩnh vực công nghệ cao. Hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ, các trang trại, hộ sản

xuất kinh doanh, đặc biệt trong nông nghiệp và khu vực nông thôn, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế thị trường, hội nhập kinh tế quốc tế.

Khuyến khích phát triển các loại hình doanh nghiệp với hình thức sở hữu hỗn hợp như: công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn nhiều thành viên, công ty hợp danh, hợp tác xã cổ phần. Rà soát, bổ sung, hoàn thiện các quy định luật pháp về quyền và nghĩa vụ trước pháp luật của người sở hữu (hội đồng quản trị), quyền và trách nhiệm của người được chủ sở hữu giao quản lý sử dụng các tài sản để kinh doanh (ban giám đốc); phân phối lợi nhuận tạo ra cho người chủ sở hữu, người được giao quản lý sử dụng và người lao động.

3. Phát triển đồng bộ các yếu tố thị trường và các loại thị trường

Sớm hoàn thành việc rà soát, bổ sung, hoàn thiện các quy định pháp luật về kinh doanh phù hợp với điều kiện Việt Nam, bảo vệ thị trường nội địa, đồng thời tuân thủ những quy định của các tổ chức quốc tế và khu vực mà Việt Nam tham gia. Đổi mới, hoàn thiện thể chế về giá, cạnh tranh, kiểm soát độc quyền, về ký kết, thực hiện hợp đồng và giải quyết tranh chấp; không hình sự hoá các tranh chấp dân sự trong hoạt động kinh tế. Thực hiện nhất quán cơ chế giá thị trường có sự điều tiết của Nhà nước. Xây dựng và thực hiện nghiêm các quy định về trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp đối với người tiêu dùng và đối với môi trường. Nâng cao trình độ hiểu biết của doanh nghiệp về thị trường, pháp luật Việt Nam, pháp luật và thông lệ quốc tế; xây dựng các tổ chức tư vấn có trình độ cao để giúp doanh nghiệp giải quyết các tranh chấp trong kinh doanh ở trong và ngoài nước. Hình thành đồng bộ một số quỹ hỗ trợ

cho kinh doanh. Phát huy vai trò của các tổ chức xã hội, đoàn thể để bảo vệ quyền lợi chính đáng của cả người kinh doanh và người tiêu dùng.

Phát triển đa dạng, đồng bộ, ngày càng văn minh, hiện đại các loại thị trường hàng hoá, dịch vụ. Tiếp tục đẩy mạnh xuất khẩu, đồng thời chú trọng mở rộng và chiếm lĩnh thị trường trong nước, bảo vệ lợi ích của cả người sản xuất và người tiêu dùng, nhất là về giá cả, chất lượng hàng hoá, vệ sinh, an toàn thực phẩm.

Tiếp tục hoàn thiện thể chế về tiền tệ, tín dụng và ngoại hối. Từng bước mở cửa thị trường dịch vụ ngân hàng phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong nước và cam kết quốc tế; phát huy vai trò chủ động điều hành chính sách, quản lý thị trường tiền tệ, tín dụng, ngoại hối và thanh tra, giám sát của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam nhằm kiểm soát lạm phát, ổn định vĩ mô và góp phần tăng trưởng kinh tế; tiếp tục cổ phần hoá và cơ cấu lại các ngân hàng thương mại; áp dụng các thông lệ và chuẩn mực mới phù hợp với thông lệ quốc tế và điều kiện Việt Nam để nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển an toàn, bền vững của các ngân hàng trong nước. Hoàn thiện thể chế bảo đảm phát triển lành mạnh thị trường chứng khoán, tăng tính minh bạch của thị trường; chống các giao dịch phi pháp, các hành vi rửa tiền, nhiễu loạn thị trường, làm cho thị trường này ngày càng đóng vai trò quan trọng trong huy động vốn cho đầu tư phát triển. Phát triển đa dạng và nâng cao chất lượng các sản phẩm bảo hiểm; khuyến khích, tạo điều kiện phát triển các doanh nghiệp bảo hiểm thuộc mọi thành phần kinh tế trong nước; thực hiện lộ trình mở cửa thị trường bảo hiểm phù hợp với điều kiện đất nước và cam kết hội nhập kinh tế quốc tế; bảo vệ lợi ích của người mua bảo hiểm.

Khẩn trương nghiên cứu, hoàn thiện hệ thống pháp luật, chính sách đất đai, bảo đảm hài hoà các lợi ích của Nhà nước, của người giao lại quyền sử dụng đất và của nhà đầu tư; tạo điều kiện thuận lợi để sử dụng đất đai có hiệu quả; khắc phục tình trạng sử dụng lãng phí và tham nhũng đất đai. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân bị thu hồi đất tham gia góp vốn bằng giá trị quyền sử dụng đất vào các dự án đầu tư, kinh doanh. Nhà nước tạo lập, quản lý thị trường bất động sản và chủ động tham gia thị trường với tư cách là chủ sở hữu đất đai và nhiều tài sản trên đất để phát triển và điều tiết thị trường.

Phát triển mạnh thị trường khoa học và công nghệ gắn với việc bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ; có nhiều hình thức thông tin giới thiệu các hoạt động và sản phẩm khoa học, công nghệ; hoàn thiện các định chế về mua bán các sản phẩm khoa học, công nghệ trên thị trường.

Đẩy mạnh phát triển thị trường lao động. Tiền lương, tiền công phải được coi là giá cả sức lao động, được hình thành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước. Chế độ hợp đồng lao động được mở rộng, áp dụng phổ biến cho các đối tượng lao động. Đổi mới tổ chức và hoạt động của các trung tâm dịch vụ việc làm của Nhà nước; khuyến khích tổ chức các hội chợ việc làm; phát triển các tổ chức dịch vụ tư vấn, sàn giao dịch, giới thiệu việc làm đi đôi với tăng cường quản lý của Nhà nước; ngăn chặn các hành vi lừa đảo và các hiện tượng tiêu cực khác.

4. Nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng, hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước đối với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

Nghiên cứu, tổng kết để xác định rõ và đầy đủ hơn đường lối phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

phù hợp với thực tiễn nước ta, nhất là những nội dung định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế thị trường. Tiếp tục đổi mới tư duy kinh tế, nâng cao năng lực lãnh đạo kinh tế của các tổ chức đảng; tăng cường, sử dụng hợp lý các tổ chức, cán bộ nghiên cứu để tham mưu cho Đảng trong việc xây dựng, lãnh đạo và kiểm tra việc thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng về phát triển kinh tế - xã hội. Đảng và Nhà nước phải thật sự nâng cao vai trò lãnh đạo, quản lý kinh tế thị trường, chú trọng đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý có đủ phẩm chất, năng lực, trình độ công tác.

Đổi mới, nâng cao vai trò và hiệu lực quản lý kinh tế của Nhà nước phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, chủ động, tích cực hội nhập quốc tế trong giai đoạn mới trên cơ sở tôn trọng và vận dụng đầy đủ, đúng đắn các quy luật và cơ chế vận hành của kinh tế thị trường. Vận dụng và phát huy mặt tích cực; hạn chế, ngăn ngừa mặt trái của cơ chế thị trường; tạo ra những tiền đề để nền kinh tế phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Nhà nước tập trung duy trì ổn định kinh tế vĩ mô, định hướng phát triển, tạo điều kiện để nền kinh tế phát triển nhanh, bền vững. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống luật pháp, chính sách kinh tế; đổi mới công tác xây dựng, thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Phân định rõ hơn chức năng quản lý kinh tế của Nhà nước và chức năng của các tổ chức kinh doanh vốn và tài sản nhà nước.

Nâng cao vai trò của các cơ quan dân cử, tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội - nghề nghiệp và của nhân dân trong phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Nhà nước tiếp tục hoàn thiện luật pháp, cơ chế, chính sách tạo điều kiện để nhân dân và các tổ chức này tham gia

có hiệu quả vào quá trình hoạch định, thực thi và giám sát việc thực hiện luật pháp, chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội, ngăn ngừa, khắc phục những tác động tiêu cực của cơ chế thị trường.

V- PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO, KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ, KINH TẾ TRI THỨC; BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục, đào tạo

Thực hiện đồng bộ các giải pháp phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo. Đổi mới chương trình, nội dung, phương pháp dạy và học, phương pháp thi, kiểm tra theo hướng hiện đại; nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, đặc biệt coi trọng giáo dục lý tưởng, giáo dục truyền thống lịch sử cách mạng, đạo đức, lối sống, năng lực sáng tạo, kỹ năng thực hành, tác phong công nghiệp, ý thức trách nhiệm xã hội. Xây dựng đội ngũ giáo viên đủ về số lượng, đáp ứng yêu cầu về chất lượng. Đề cao trách nhiệm của gia đình và xã hội phối hợp chặt chẽ với nhà trường trong giáo dục thế hệ trẻ. Tiếp tục phát triển và nâng cấp cơ sở vật chất - kỹ thuật cho các cơ sở giáo dục, đào tạo. Đầu tư hợp lý, có hiệu quả xây dựng một số cơ sở giáo dục, đào tạo đạt trình độ quốc tế.

Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đặc biệt là đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý giỏi; đội ngũ cán bộ khoa học, công nghệ, văn hoá đầu đàn; đội ngũ doanh nhân và lao động lành nghề. Đẩy mạnh đào tạo nghề theo nhu cầu phát triển của xã hội; có cơ chế và chính sách thiết lập mối liên kết chặt chẽ giữa các doanh nghiệp với cơ sở đào tạo. Xây dựng và thực hiện các chương trình, đề án đào tạo nhân lực cho các ngành, lĩnh vực mũi nhọn, đồng thời chú trọng đào tạo nghề

cho nông dân, đặc biệt đối với người bị thu hồi đất; nâng cao tỷ lệ lao động qua đào tạo. Quan tâm hơn tới phát triển giáo dục, đào tạo ở vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn. Bảo đảm công bằng xã hội trong giáo dục; thực hiện tốt chính sách ưu đãi, hỗ trợ đối với người và gia đình có công, đồng bào dân tộc thiểu số, học sinh giỏi, học sinh nghèo, học sinh khuyết tật, giáo viên công tác ở vùng sâu, vùng xa, vùng có nhiều khó khăn.

Tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý giáo dục, đào tạo trên tinh thần tăng cường tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các cơ sở giáo dục, đào tạo. Thực hiện hợp lý cơ chế tự chủ đối với các cơ sở giáo dục, đào tạo gắn với đổi mới cơ chế tài chính. Làm tốt công tác xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển, quản lý mục tiêu, chất lượng giáo dục, đào tạo. Phát triển hệ thống kiểm định và công bố công khai kết quả kiểm định chất lượng giáo dục, đào tạo; tổ chức xếp hạng cơ sở giáo dục, đào tạo. Tăng cường công tác thanh tra; kiên quyết khắc phục các hiện tượng tiêu cực trong giáo dục, đào tạo. Hoàn thiện cơ chế, chính sách xã hội hoá giáo dục, đào tạo trên cả ba phương diện: động viên các nguồn lực trong xã hội; phát huy vai trò giám sát của cộng đồng; khuyến khích các hoạt động khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập, tạo điều kiện để người dân được học tập suốt đời. Nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế trong giáo dục, đào tạo.

2. Phát triển và nâng cao hiệu quả của khoa học, công nghệ; phát triển kinh tế tri thức

Phát triển mạnh khoa học, công nghệ làm động lực đẩy nhanh quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá, phát triển kinh tế tri thức; góp phần tăng nhanh năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế, sự phát triển

nhANH, BỀN VỮNG CỦA ĐẤT NƯỚC; NÂNG TỶ LỆ ĐÓNG GÓP CỦA YẾU TỐ NĂNG SUẤT TỔNG HỢP VÀO TĂNG TRƯỞNG. THỰC HIỆN ĐỒNG BỘ BA NHIỆM VỤ CHỦ YẾU: NÂNG CAO NĂNG LỰC KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ; ĐỔI MỚI CƠ CHẾ QUẢN LÝ; ĐẨY MẠNH NGHIÊN CỨU ỨNG DỤNG.

Phát triển năng lực khoa học, công nghệ có trọng tâm, trọng điểm, tập trung cho những ngành, lĩnh vực then chốt, mũi nhọn, đảm bảo đồng bộ về cơ sở vật chất, nguồn nhân lực. Nhà nước tăng mức đầu tư và ưu tiên đầu tư cho các nhiệm vụ, các sản phẩm khoa học, công nghệ trọng điểm quốc gia, đồng thời đẩy mạnh xã hội hoá, huy động mọi nguồn lực, đặc biệt là của các doanh nghiệp cho đầu tư phát triển khoa học, công nghệ.

Đổi mới mạnh mẽ cơ chế quản lý, tổ chức, hoạt động khoa học, công nghệ, xem đó là khâu đột phá để thúc đẩy phát triển và nâng cao hiệu quả của khoa học, công nghệ. Chuyển các cơ sở nghiên cứu, ứng dụng sang cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm; phát triển các doanh nghiệp khoa học và công nghệ, thị trường khoa học, công nghệ. Đổi mới căn bản cơ chế sử dụng kinh phí nhà nước; xây dựng hệ thống tiêu chí đánh giá kết quả các chương trình, đề tài khoa học và công nghệ theo hướng phục vụ thiết thực mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, lấy hiệu quả ứng dụng làm thước đo chủ yếu đánh giá chất lượng công trình. Thực hiện đồng bộ chính sách đào tạo, thu hút, trọng dụng, đãi ngộ xứng đáng nhân tài khoa học, công nghệ.

Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng; phát triển đồng bộ khoa học xã hội, khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật và công nghệ. Khoa học xã hội làm tốt nhiệm vụ tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận, dự báo xu hướng phát triển, cung cấp luận cứ cho việc xây dựng đường lối, chính sách phát

triển đất nước trong giai đoạn mới. Hướng mạnh nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ phục vụ các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội, đặc biệt là trong những ngành, những lĩnh vực then chốt, mũi nhọn. Ưu tiên phát triển công nghệ cao, đồng thời sử dụng hợp lý công nghệ sử dụng nhiều lao động. Nhanh chóng hình thành một số cơ sở nghiên cứu - ứng dụng mạnh, gắn với các doanh nghiệp chủ lực, đủ sức tiếp thu, cải tiến và sáng tạo công nghệ mới. Xây dựng và thực hiện chương trình đổi mới công nghệ quốc gia; có chính sách khuyến khích và hỗ trợ các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế đổi mới công nghệ. Kết hợp chặt chẽ nghiên cứu và phát triển trong nước với tiếp nhận công nghệ nước ngoài.

Phát triển kinh tế tri thức trên cơ sở phát triển giáo dục, đào tạo, khoa học, công nghệ; xây dựng đồng bộ cơ sở hạ tầng khoa học, công nghệ, trước hết là công nghệ thông tin, truyền thông, công nghệ tự động, nâng cao năng lực nghiên cứu - ứng dụng gắn với phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao. Phát triển mạnh các ngành và sản phẩm công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ công nghệ cao, có giá trị gia tăng cao, dựa nhiều vào tri thức. Phát huy và sử dụng có hiệu quả nhất nguồn tri thức của con người Việt Nam và khai thác nhiều nhất tri thức của nhân loại. Xây dựng và triển khai lộ trình phát triển kinh tế tri thức đến năm 2020.

3. Coi trọng bảo vệ môi trường, chủ động phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu

Nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm của toàn xã hội, trước hết là của cán bộ lãnh đạo các cấp về bảo vệ môi trường. Khẩn trương hoàn thiện hệ thống pháp luật về bảo

vệ môi trường; xây dựng chế tài đủ mạnh để ngăn ngừa, xử lý nghiêm các hành vi gây ô nhiễm môi trường. Ngăn chặn có hiệu quả nạn phá rừng, cháy rừng và tình trạng khai thác tài nguyên bừa bãi; xử lý nghiêm các cơ sở gây ô nhiễm, khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường.

Đưa nội dung bảo vệ môi trường vào chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, vùng và các chương trình, dự án đầu tư. Các dự án, công trình đầu tư xây dựng mới bắt buộc phải thực hiện nghiêm các quy định bảo vệ môi trường. Quản lý, khai thác hiệu quả, tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên, đảm bảo cân bằng sinh thái. Chú trọng phát triển kinh tế xanh, thân thiện với môi trường; từng bước phát triển năng lượng sạch, sản xuất sạch, tiêu dùng sạch. Chủ động nghiên cứu, đánh giá, dự báo tác động của biến đổi khí hậu đối với nước ta; thực hiện có hiệu quả chương trình mục tiêu quốc gia về ứng phó với biến đổi khí hậu; tích cực tham gia, phối hợp cùng cộng đồng quốc tế hạn chế tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu, bảo vệ hệ thống khí hậu trái đất. Tăng cường đầu tư, nâng cao chất lượng hệ thống dự báo, cảnh báo thiên tai. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền nâng cao ý thức phòng, chống thiên tai trong mỗi người dân, nhất là nhân dân vùng thường xảy ra thiên tai. Quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của các ngành, các địa phương phải chú ý đáp ứng yêu cầu phòng, chống thiên tai; tăng cường đầu tư cơ sở hạ tầng nơi neo đậu tàu thuyền tránh bão, hệ thống thoát lũ, phương tiện liên lạc, cứu hộ, cứu nạn ở vùng thường xuyên bị thiên tai, hạn chế thấp nhất thiệt hại do thiên tai gây ra.

Nhà nước tăng đầu tư, đồng thời có các cơ chế, chính sách ưu đãi để đẩy mạnh xã hội hoá, huy động các nguồn lực phòng, chống thiên tai, bảo vệ môi trường.

VI- CHĂM LO PHÁT TRIỂN VĂN HOÁ

1. Củng cố và tiếp tục xây dựng môi trường văn hoá lành mạnh, phong phú, đa dạng

Đưa phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá” đi vào chiều sâu, thiết thực, hiệu quả; xây dựng nếp sống văn hoá trong các gia đình, khu dân cư, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, làm cho các giá trị văn hoá thấm sâu vào mọi mặt đời sống, được thể hiện cụ thể trong sinh hoạt, công tác, quan hệ hàng ngày của cộng đồng và từng con người, tạo sức đề kháng đối với các sản phẩm độc hại. Tiếp tục đẩy mạnh việc giáo dục, bồi dưỡng đạo đức, lối sống có văn hóa; xây dựng nếp sống văn minh trong việc cưới, tang, lễ hội; ngăn chặn và đẩy lùi các hủ tục, bạo lực, gây rối trật tự công cộng, mại dâm, ma túy, cờ bạc... Sớm có chiến lược quốc gia về xây dựng gia đình Việt Nam, góp phần giữ gìn và phát triển những giá trị truyền thống của văn hoá, con người Việt Nam, nuôi dưỡng, giáo dục thế hệ trẻ. Đúc kết và xây dựng hệ giá trị chung của người Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế.

Tăng cường hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hoá ở các cấp, đồng thời có kế hoạch cải tạo, nâng cấp và đầu tư xây dựng mới một số công trình văn hoá, nghệ thuật, thể dục, thể thao hiện đại ở các trung tâm kinh tế - chính trị - văn hoá của đất nước. Xã hội hoá các hoạt động văn hoá, chú trọng nâng cao đời sống văn hoá ở nông thôn, vùng khó khăn, thu hẹp dần khoảng cách hưởng thụ văn hoá giữa các vùng, các nhóm xã hội, giữa đô thị và nông thôn.

2. Phát triển sự nghiệp văn học, nghệ thuật; bảo tồn, phát huy giá trị các di sản văn hoá truyền thống, cách mạng

Tiếp tục phát triển nền văn học, nghệ thuật Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, giàu chất nhân văn, dân chủ, vươn lên hiện đại, phản ánh chân thật, sâu sắc đời sống, lịch sử dân tộc và công cuộc đổi mới đất nước; cổ vũ, khẳng định cái đúng, cái đẹp, đồng thời lên án cái xấu, cái ác. Khuyến khích tìm tòi, thể nghiệm những phương thức thể hiện và phong cách nghệ thuật mới, đáp ứng nhu cầu tinh thần lành mạnh, đa dạng và bồi dưỡng lý tưởng, thị hiếu thẩm mỹ cho công chúng, đặc biệt là thế hệ trẻ. Bảo vệ sự trong sáng của tiếng Việt. Khắc phục yếu kém, nâng cao tính khoa học, sức thuyết phục của hoạt động lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật, góp phần hướng dẫn sự phát triển của sáng tạo văn học, nghệ thuật, từng bước xây dựng hệ thống lý luận văn nghệ Việt Nam.

Hoàn thiện và thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ, về bảo tồn, phát huy giá trị các di sản văn hoá vật thể và phi vật thể của dân tộc. Gắn kết chặt chẽ nhiệm vụ phát triển văn hoá, văn nghệ, bảo tồn, phát huy giá trị các di sản văn hoá với phát triển du lịch và hoạt động thông tin đối ngoại nhằm truyền bá sâu rộng các giá trị văn hoá trong công chúng, đặc biệt là thế hệ trẻ và người nước ngoài. Xây dựng và thực hiện các chính sách bảo tồn, phát huy giá trị văn hoá, ngôn ngữ, chữ viết các dân tộc thiểu số. Xây dựng và thực hiện các chính sách, chế độ đào tạo, bồi dưỡng, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần, tạo điều kiện để đội ngũ những người hoạt động văn hoá, văn học, nghệ thuật sáng tạo nhiều tác phẩm có giá trị cao về tư tưởng và nghệ thuật.

3. Phát triển hệ thống thông tin đại chúng

Chú trọng nâng cao tính tư tưởng, phát huy mạnh mẽ chức năng thông tin, giáo dục, tổ chức và phản biện xã hội của các phương tiện thông tin đại chúng vì lợi ích của nhân dân và đất nước; khắc phục xu hướng thương mại hoá, xa rời tôn chỉ, mục đích trong hoạt động báo chí, xuất bản. Tập trung đào tạo, bồi dưỡng, xây dựng đội ngũ hoạt động báo chí, xuất bản vững vàng về chính trị, tư tưởng, nghiệp vụ và có năng lực đáp ứng tốt yêu cầu của thời kỳ mới. Rà soát, sắp xếp hợp lý mạng lưới báo chí, xuất bản trong cả nước theo hướng tăng cường hiệu quả hoạt động, đồng thời đổi mới mô hình, cơ cấu tổ chức, cơ sở vật chất - kỹ thuật theo hướng hiện đại.

Phát triển và mở rộng việc sử dụng internet, đồng thời có biện pháp quản lý, hạn chế mặt tiêu cực, ngăn chặn có hiệu quả các hoạt động lợi dụng internet để truyền bá tư tưởng phản động, lối sống không lành mạnh.

4. Mở rộng và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế về văn hoá

Đổi mới, tăng cường việc giới thiệu, truyền bá văn hoá, văn học, nghệ thuật, đất nước, con người Việt Nam với thế giới. Mở rộng, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động thông tin đối ngoại, hợp tác quốc tế trong lĩnh vực văn hoá, báo chí, xuất bản. Xây dựng một số trung tâm văn hoá Việt Nam ở nước ngoài và trung tâm dịch thuật, quảng bá văn hoá Việt Nam ra nước ngoài.

Tiếp thu những kinh nghiệm tốt về phát triển văn hoá của các nước, giới thiệu các tác phẩm văn học, nghệ thuật đặc sắc của nước ngoài với công chúng Việt Nam. Thực hiện đầy đủ cam kết quốc tế về bảo đảm quyền sở hữu trí tuệ, quyền

tác giả các sản phẩm văn hoá. Xây dựng cơ chế, chế tài ngăn chặn, đẩy lùi, vô hiệu hoá sự xâm nhập và tác hại của các sản phẩm đồi trụy, phản động; bồi dưỡng và nâng cao sức đề kháng của công chúng, nhất là thế hệ trẻ.

VII- THỰC HIỆN CÓ HIỆU QUẢ TIẾN BỘ VÀ CÔNG BẰNG XÃ HỘI, BẢO ĐẢM AN SINH XÃ HỘI TRONG TỪNG BƯỚC VÀ TỪNG CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN

1. Tập trung giải quyết tốt chính sách lao động, việc làm và thu nhập

Trên cơ sở đầu tư phát triển kinh tế, phải hết sức quan tâm tới yêu cầu chuyển dịch cơ cấu lao động, giải quyết việc làm cho người lao động; tạo điều kiện giải quyết ngày càng nhiều việc làm, đặc biệt là cho nông dân. Hoàn thiện pháp luật về dạy nghề; ban hành chính sách ưu đãi về đất đai, thuế, đào tạo giáo viên, hỗ trợ cơ sở hạ tầng... nhằm khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đào tạo nghề. Đổi mới phương thức, nâng cao chất lượng dạy và học, gắn dạy nghề với nhu cầu thực tế. Đẩy mạnh và chấn chỉnh công tác quản lý, tổ chức xuất khẩu lao động.

Kiên quyết khắc phục những bất hợp lý về tiền lương, tiền công, trợ cấp xã hội phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của đất nước; gắn cải cách tiền lương với sắp xếp, kiện toàn, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức của hệ thống chính trị. Gắn tiền lương của người lao động với hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp. Chăm lo bảo hộ lao động; cải thiện điều kiện làm việc; hạn chế tai nạn lao động; tăng cường thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm các vi phạm pháp luật lao động, đưa việc thi hành pháp luật lao động vào nề nếp; xây dựng quan hệ lao động ổn định, hài hoà, tiến bộ.

2. Bảo đảm an sinh xã hội

Tiếp tục sửa đổi, hoàn thiện hệ thống bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, trợ giúp và cứu trợ xã hội đa dạng, linh hoạt, có khả năng bảo vệ, giúp đỡ mọi thành viên trong xã hội, nhất là các nhóm yếu thế, dễ bị tổn thương, vượt qua khó khăn hoặc các rủi ro trong đời sống. Tăng tỷ lệ người lao động tham gia các hình thức bảo hiểm. Đẩy mạnh xã hội hoá dịch vụ bảo hiểm xã hội, chuyển các loại hình trợ giúp, cứu trợ xã hội sang cung cấp dịch vụ bảo trợ xã hội dựa vào cộng đồng. Bảo đảm cho các đối tượng bảo trợ xã hội có cuộc sống ổn định, hoà nhập tốt hơn vào cộng đồng, có cơ hội tiếp cận nguồn lực kinh tế, dịch vụ công thiết yếu. Thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm các vi phạm pháp luật bảo hiểm xã hội, đảm bảo thực hiện đúng, đầy đủ chế độ quy định đối với mọi đối tượng.

Tập trung triển khai có hiệu quả các chương trình xoá đói, giảm nghèo ở vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn. Đa dạng hoá các nguồn lực và phương thức xoá đói, giảm nghèo gắn với phát triển nông nghiệp, nông thôn, phát triển giáo dục, dạy nghề và giải quyết việc làm để xoá đói, giảm nghèo bền vững; tạo điều kiện và khuyến khích người đã thoát nghèo vươn lên làm giàu và giúp đỡ người khác thoát nghèo.

Huy động mọi nguồn lực xã hội cùng với Nhà nước chăm lo tốt hơn nữa đời sống vật chất và tinh thần của những người và gia đình có công. Giải quyết dứt điểm các tồn đọng về chính sách người có công, đặc biệt là người tham gia hoạt động bí mật, lực lượng vũ trang, thanh niên xung phong trong các thời kỳ cách mạng và kháng chiến. Tạo điều kiện, khuyến khích người và gia đình có công tích cực tham gia phát triển kinh tế

để nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, có mức sống cao hơn mức sống trung bình của dân cư tại địa bàn.

3. Nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe nhân dân và công tác dân số, kế hoạch hoá gia đình, bảo vệ và chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em

Chú ý nhiều hơn công tác y tế dự phòng và chăm sóc sức khỏe nhân dân. củng cố và hoàn thiện mạng lưới y tế cơ sở, nâng cao năng lực của bệnh viện tuyến huyện và tuyến tỉnh, hiện đại hoá một số bệnh viện đầu ngành. Tăng đầu tư nhà nước đồng thời với đẩy mạnh xã hội hoá các hoạt động y tế. Nâng cao ý thức, đấu tranh đẩy lùi tiêu cực trong hoạt động khám, chữa bệnh. Phát triển mạnh công nghiệp dược; quản lý chặt chẽ thị trường thuốc chữa bệnh. Bảo đảm cho người có bảo hiểm y tế được khám, chữa bệnh thuận lợi; mọi công dân khi có nhu cầu và khả năng đều được đáp ứng dịch vụ y tế chất lượng cao. Tiếp tục kiểm chế và giảm mạnh lây nhiễm HIV. Làm tốt công tác phòng, chống dịch bệnh. Hoàn thiện hệ thống pháp luật về vệ sinh, an toàn thực phẩm, tăng cường thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm các vi phạm.

Thực hiện nghiêm chính sách và pháp luật về dân số, duy trì mức sinh hợp lý, quy mô gia đình ít con. Có chính sách cụ thể đảm bảo tỷ lệ cân bằng giới tính khi sinh. Tổ chức tuyên truyền nâng cao nhận thức và huy động sự tham gia của toàn xã hội vào công tác dân số, kế hoạch hoá gia đình. Làm tốt công tác chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe bà mẹ và trẻ em, giảm mạnh tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng, góp phần nâng cao chất lượng dân số. Bảo đảm các quyền cơ bản của trẻ em, tạo môi trường lành mạnh để trẻ em được phát triển toàn diện về thể chất và trí tuệ. Chú trọng bảo vệ và chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em gia đình nghèo, trẻ em vùng sâu,

vùng xa, vùng có nhiều khó khăn; ngăn chặn và đẩy lùi các nguy cơ xâm hại trẻ em. Nhân rộng các mô hình làm tốt việc bảo vệ, chăm sóc trẻ em dựa vào cộng đồng. Xây dựng và triển khai chiến lược quốc gia về bình đẳng giới và tiến bộ của phụ nữ, tập trung ở những vùng và khu vực có sự bất bình đẳng và nguy cơ bất bình đẳng cao; ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng buôn bán phụ nữ và bạo lực trong gia đình. Tạo điều kiện để phụ nữ tham gia học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ, đáp ứng yêu cầu công việc, nhiệm vụ.

Phát triển mạnh phong trào thể dục, thể thao đại chúng, tập trung đầu tư nâng cao chất lượng một số môn thể thao thành tích cao nước ta có ưu thế. Kiên quyết khắc phục những hiện tượng tiêu cực trong thể thao.

4. Đấu tranh phòng, chống có hiệu quả tệ nạn xã hội, tai nạn giao thông

Đa dạng hoá các hình thức tuyên truyền, giáo dục cộng đồng, đề cao vai trò giáo dục của gia đình đối với thanh, thiếu niên về tác hại của ma túy, mại dâm và các tệ nạn xã hội khác. Đấu tranh quyết liệt với việc buôn bán, sử dụng ma túy. Huy động nhiều nguồn vốn, tăng cường đầu tư xây dựng, quản lý các trung tâm cai nghiện có hiệu quả. Đề cao trách nhiệm của gia đình, đoàn thể và chính quyền cơ sở trong quản lý, tạo việc làm, tái hoà nhập cộng đồng cho các đối tượng sau cai nghiện. Có giải pháp kiểm soát và hạn chế tệ nạn mại dâm, giảm thiểu tác hại của các tệ nạn xã hội. Nhân rộng mô hình xã, phường, thôn, ấp, bản không có tệ nạn xã hội.

Huy động cả hệ thống chính trị, các cấp, các ngành triển khai tích cực, đồng bộ các giải pháp giảm thiểu tai nạn giao thông. Nâng cao hiểu biết, ý thức chấp hành pháp luật, đồng

thời xử lý nghiêm các vi phạm pháp luật giao thông. Tăng cường hạ tầng kỹ thuật, phương tiện giao thông công cộng, năng lực tổ chức giao thông; thực hiện phương án điều tiết hợp lý cơ cấu và quản lý chất lượng các phương tiện giao thông để giảm tới mức thấp nhất tai nạn giao thông.

VIII- TĂNG CƯỜNG QUỐC PHÒNG, AN NINH, BẢO VỆ VỮNG CHẮC TỔ QUỐC VIỆT NAM XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

Phát huy mạnh mẽ sức mạnh tổng hợp toàn dân tộc, của cả hệ thống chính trị, thực hiện tốt mục tiêu, nhiệm vụ quốc phòng, an ninh là bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ; giữ vững chủ quyền biển đảo, biên giới, vùng trời; bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa; giữ vững ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội; chủ động ngăn chặn, làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch và sẵn sàng ứng phó với các mối đe dọa an ninh phi truyền thống mang tính toàn cầu, không để bị động, bất ngờ trong mọi tình huống. Tiếp tục mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh.

Tăng cường tuyên truyền, giáo dục tinh thần yêu nước, ý thức dân tộc, trách nhiệm và nghĩa vụ bảo vệ chủ quyền, lợi ích quốc gia và kiến thức quốc phòng, an ninh, làm cho mọi người hiểu rõ những thách thức lớn tác động trực tiếp đến nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong điều kiện mới, như: chiến tranh bằng vũ khí công nghệ cao, tranh chấp chủ quyền biển đảo, vùng trời, “diễn biến hoà bình”, bạo loạn chính trị, khủng bố, tội phạm công nghệ cao, tội phạm xuyên quốc gia...

Tăng cường sức mạnh quốc phòng, an ninh cả về tiềm lực và thế trận; xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh, thành phố

vững mạnh; xây dựng thế trận lòng dân vững chắc trong thực hiện chiến lược bảo vệ Tổ quốc. Kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng, an ninh; quốc phòng, an ninh với kinh tế trong từng chiến lược quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; chú trọng vùng sâu, vùng xa, biên giới, biển đảo.

Xây dựng Quân đội nhân dân và Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, có số lượng hợp lý, với chất lượng tổng hợp và sức chiến đấu cao, đồng thời quan tâm xây dựng lực lượng dự bị động viên hùng hậu, dân quân tự vệ rộng khắp, sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc trong mọi tình huống. Đẩy mạnh phát triển công nghiệp quốc phòng, an ninh; tăng cường cơ sở vật chất - kỹ thuật, bảo đảm cho các lực lượng vũ trang từng bước được trang bị hiện đại, trước hết là cho lực lượng hải quân, phòng không, không quân, lực lượng an ninh, tình báo, cảnh sát cơ động. Đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học, nghệ thuật quân sự, an ninh, đánh thắng chiến tranh bằng vũ khí công nghệ cao của các lực lượng thù địch.

Bảo đảm sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng đối với Quân đội nhân dân và Công an nhân dân; nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về quốc phòng, an ninh. Hoàn thiện các chiến lược quốc phòng, an ninh và hệ thống cơ chế, chính sách về quốc phòng, an ninh trong điều kiện mới; tiếp tục bổ sung, hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật, các quy chế phối hợp quân đội, công an và các tổ chức chính trị - xã hội.

IX- TRIỂN KHAI ĐỒNG BỘ, TOÀN DIỆN HOẠT ĐỘNG ĐỐI NGOẠI; CHỦ ĐỘNG VÀ TÍCH CỰC HỘI NHẬP QUỐC TẾ

Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hoà bình, hợp tác và phát triển; đa phương hoá, đa dạng hoá

quan hệ, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; là bạn, đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế; vì lợi ích quốc gia, dân tộc, vì một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa giàu mạnh. Nhiệm vụ của công tác đối ngoại là giữ vững môi trường hoà bình, thuận lợi cho đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ; nâng cao vị thế của đất nước; góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới.

Nâng cao hiệu quả các hoạt động đối ngoại, tiếp tục đưa các mối quan hệ quốc tế vào chiều sâu trên cơ sở giữ vững độc lập, tự chủ, phát huy tối đa nội lực, giữ gìn và phát huy bản sắc dân tộc; chủ động ngăn ngừa và giảm thiểu tác động tiêu cực của quá trình hội nhập quốc tế. Xúc tiến mạnh thương mại và đầu tư, mở rộng thị trường, khai thác hiệu quả các cơ chế hợp tác quốc tế, các nguồn lực về vốn, khoa học - công nghệ, trình độ quản lý tiên tiến. Tham gia các cơ chế hợp tác chính trị, an ninh song phương và đa phương vì lợi ích quốc gia trên cơ sở tôn trọng các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế, Hiến chương Liên hợp quốc. Thực hiện tốt công việc tại các tổ chức quốc tế, đặc biệt là Liên hợp quốc. Tích cực hợp tác cùng các nước, các tổ chức khu vực và quốc tế trong việc đối phó với những thách thức an ninh phi truyền thống, và nhất là tình trạng biến đổi khí hậu; sẵn sàng đối thoại với các nước, các tổ chức quốc tế và khu vực có liên quan về vấn đề dân chủ, nhân quyền; chủ động, kiên quyết đấu tranh, làm thất bại mọi âm mưu, hành động can thiệp vào công việc nội bộ, xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, an ninh quốc gia và ổn định chính trị của Việt Nam.

Thúc đẩy giải quyết các vấn đề còn tồn tại về biên giới, lãnh thổ, ranh giới biển và thềm lục địa với các nước liên

quan trên cơ sở những nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế và nguyên tắc ứng xử của khu vực; làm tốt công tác quản lý biên giới, xây dựng đường biên giới hoà bình, hữu nghị, hợp tác cùng phát triển. củng cố, phát triển quan hệ hợp tác, hữu nghị truyền thống với các nước láng giềng có chung biên giới. Chủ động, tích cực và có trách nhiệm cùng các nước xây dựng Cộng đồng ASEAN vững mạnh, tăng cường quan hệ với các đối tác, tiếp tục giữ vai trò quan trọng trong các khuôn khổ hợp tác ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Phát triển quan hệ với các đảng cộng sản, công nhân, đảng cánh tả, các đảng cầm quyền và những đảng khác trên cơ sở bảo đảm lợi ích quốc gia, giữ vững độc lập, tự chủ, vì hoà bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; mở rộng tham gia các cơ chế, diễn đàn đa phương ở khu vực và thế giới. Coi trọng và nâng cao hiệu quả của công tác ngoại giao nhân dân. Tăng cường công tác nghiên cứu, dự báo chiến lược, tham mưu về đối ngoại; chăm lo đào tạo, rèn luyện đội ngũ cán bộ làm công tác đối ngoại; thường xuyên bồi dưỡng kiến thức đối ngoại cho cán bộ chủ chốt các cấp.

Bảo đảm sự lãnh đạo thống nhất của Đảng, sự quản lý tập trung của Nhà nước đối với các hoạt động đối ngoại. Phối hợp chặt chẽ hoạt động đối ngoại của Đảng, ngoại giao Nhà nước và ngoại giao nhân dân; giữa ngoại giao chính trị với ngoại giao kinh tế và ngoại giao văn hoá; giữa đối ngoại với quốc phòng, an ninh.

X- PHÁT HUY DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ SỨC MẠNH ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC

1. Phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa

Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân;

mọi đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đều vì lợi ích của nhân dân; cán bộ, công chức phải hoàn thành tốt chức trách, nhiệm vụ được giao, tôn trọng nhân dân, tận tụy phục vụ nhân dân. Nâng cao ý thức về quyền và nghĩa vụ công dân, năng lực làm chủ, tham gia quản lý xã hội của nhân dân. Có cơ chế cụ thể để nhân dân thực hiện trên thực tế quyền làm chủ trực tiếp. Thực hiện tốt hơn *Quy chế dân chủ ở cơ sở* và *Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn*. Phát huy dân chủ, đề cao trách nhiệm công dân, kỷ luật, kỷ cương xã hội; phê phán và nghiêm trị những hành vi vi phạm quyền làm chủ của nhân dân, những hành vi lợi dụng dân chủ để làm mất an ninh, trật tự, an toàn xã hội; chống tập trung quan liêu, khắc phục dân chủ hình thức. Quan tâm hơn nữa việc chăm lo hạnh phúc và sự phát triển tự do, toàn diện của con người, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của con người, tôn trọng và thực hiện các điều ước quốc tế về quyền con người mà Việt Nam ký kết.

2. Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc

Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của toàn Đảng, toàn dân về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong bối cảnh mới. Lấy mục tiêu xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, độc lập, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh làm điểm tương đồng; xoá bỏ mặc cảm, định kiến về quá khứ, thành phần giai cấp, chấp nhận những điểm khác nhau không trái với lợi ích chung của dân tộc; đề cao tinh thần dân tộc, truyền thống nhân nghĩa, khoan dung... để tập hợp, đoàn kết mọi người vào mặt trận chung, tăng cường đồng thuận xã hội. Đại đoàn kết toàn dân tộc phải dựa trên cơ sở giải quyết hài hoà quan hệ lợi ích giữa các thành viên trong xã hội. Đoàn kết trong

Đảng là hạt nhân, là cơ sở vững chắc để xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Các cấp uỷ đảng và chính quyền phải thường xuyên đối thoại, lắng nghe, học hỏi, tiếp thu ý kiến, giải quyết các khó khăn, vướng mắc của nhân dân; tin dân, tôn trọng những người có ý kiến khác; làm tốt công tác dân vận, có cơ chế, pháp luật để nhân dân bày tỏ chính kiến, nguyện vọng và thực hiện quyền làm chủ của mình.

Quan tâm giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng, phát triển giai cấp công nhân cả về số lượng và chất lượng; nâng cao bản lĩnh chính trị, trình độ học vấn, chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, tác phong công nghiệp, kỷ luật lao động, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế. Phát huy vai trò của giai cấp công nhân là giai cấp lãnh đạo cách mạng, thông qua đội tiên phong là Đảng Cộng sản Việt Nam; sửa đổi, bổ sung các chính sách, pháp luật về tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, cải thiện điều kiện nhà ở, làm việc... để bảo vệ quyền lợi, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của công nhân.

Xây dựng, phát huy vai trò của giai cấp nông dân, chủ thể của quá trình phát triển nông nghiệp, nông thôn. Nâng cao trình độ giác ngộ của giai cấp nông dân, tạo điều kiện để nông dân tham gia đóng góp và hưởng lợi nhiều hơn trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Hỗ trợ, khuyến khích nông dân học nghề, chuyển dịch cơ cấu lao động, tiếp nhận và áp dụng tiến bộ khoa học, công nghệ, tạo điều kiện thuận lợi để nông dân chuyển sang làm công nghiệp và dịch vụ. Nâng cao chất lượng cuộc sống của dân cư nông thôn; thực hiện có hiệu quả bền vững công cuộc xoá đói, giảm nghèo, làm giàu hợp pháp.

Xây dựng đội ngũ trí thức lớn mạnh, có chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước. Tôn trọng và phát huy tự do tư tưởng trong hoạt động nghiên cứu, sáng tạo. Trọng dụng trí thức trên cơ sở đánh giá đúng phẩm chất, năng lực và kết quả cống hiến. Bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, đãi ngộ xứng đáng những cống hiến của trí thức. Có chính sách đặc biệt đối với nhân tài của đất nước. Coi trọng vai trò tư vấn, phản biện, giám định xã hội của các cơ quan nghiên cứu khoa học trong việc hoạch định đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước và các dự án phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội. Gắn bó mật thiết giữa Đảng và Nhà nước với trí thức, giữa trí thức với Đảng và Nhà nước.

Tạo điều kiện xây dựng, phát triển đội ngũ doanh nhân lớn mạnh, có trình độ quản lý, kinh doanh giỏi, có đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội cao. Phát huy tiềm năng và vai trò tích cực của đội ngũ doanh nhân trong phát triển sản xuất kinh doanh; mở rộng đầu tư trong nước và nước ngoài; tạo việc làm, thu nhập cho người lao động, hàng hoá, dịch vụ cho đất nước và xuất khẩu; đóng góp cho ngân sách nhà nước; nâng cao chất lượng sản phẩm; tạo dựng và giữ gìn thương hiệu hàng hoá Việt Nam; đóng góp ngày càng nhiều cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Làm tốt công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, truyền thống, lý tưởng, đạo đức và lối sống; tạo điều kiện học tập, lao động, giải trí, phát triển thể lực, trí tuệ cho thế hệ trẻ. Khuyến khích, cổ vũ thanh niên nuôi dưỡng ước mơ, hoài bão lớn, xung kích, sáng tạo, làm chủ khoa học, công nghệ hiện đại. Hình thành lớp thanh niên ưu tú trên mọi lĩnh vực, kế tục trung thành và xuất sắc sự nghiệp cách mạng của Đảng, của dân tộc, góp phần quan trọng vào sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Thu hút rộng rãi thanh niên, thiếu niên và nhi đồng vào các tổ chức do Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh làm nòng cốt và phụ trách.

Nâng cao trình độ mọi mặt và đời sống vật chất, tinh thần của phụ nữ. Nghiên cứu, bổ sung và hoàn thiện các luật pháp, chính sách đối với lao động nữ, tạo điều kiện để phụ nữ thực hiện tốt vai trò của mình; tăng tỷ lệ phụ nữ tham gia vào cấp uỷ và bộ máy quản lý nhà nước. Kiên quyết đấu tranh chống các tệ nạn xã hội và các hành vi bạo lực, buôn bán, xâm hại và xúc phạm nhân phẩm phụ nữ.

Phát huy truyền thống Bộ đội Cụ Hồ, tích cực tham gia xây dựng và bảo vệ Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ nhân dân của cựu chiến binh. Động viên cựu chiến binh giúp nhau làm kinh tế, cải thiện đời sống, tích cực tham gia giáo dục lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa anh hùng cách mạng cho thế hệ trẻ; đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí và các tệ nạn xã hội; xây dựng và củng cố cơ sở chính trị, xây dựng Đảng, chính quyền trong sạch, vững mạnh.

Quan tâm chăm sóc sức khoẻ, tạo điều kiện để người cao tuổi hưởng thụ văn hoá, được tiếp cận thông tin, sống vui, sống khoẻ, sống hạnh phúc. Phát huy trí tuệ, kinh nghiệm sống, lao động, học tập của người cao tuổi trong xã hội và gia đình. Tiếp tục xây dựng gia đình “ông bà, cha mẹ mẫu mực, con cháu hiếu thảo”; giúp đỡ người cao tuổi cô đơn không nơi nương tựa.

Đoàn kết các dân tộc có vị trí chiến lược trong sự nghiệp cách mạng của nước ta. Các dân tộc trong đại gia đình Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, thương yêu, tôn trọng và giúp nhau cùng tiến bộ, thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc vì dân giàu,

nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Nghiên cứu xây dựng các cơ chế, chính sách, tạo chuyển biến rõ rệt trong phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội vùng dân tộc thiểu số. Tăng cường kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện các chủ trương, chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước ở các cấp. Chống kỳ thị dân tộc; nghiêm trị những âm mưu, hành động chia rẽ, phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc.

Tiếp tục hoàn thiện chính sách, pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo phù hợp với quan điểm của Đảng. Phát huy những giá trị văn hoá, đạo đức tốt đẹp của các tôn giáo; động viên các tổ chức tôn giáo, chức sắc, tín đồ sống tốt đời, đẹp đạo, tham gia đóng góp tích cực cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Quan tâm và tạo điều kiện cho các tổ chức tôn giáo sinh hoạt theo hiến chương, điều lệ của tổ chức tôn giáo đã được Nhà nước công nhận, đúng quy định của pháp luật. Đồng thời chủ động phòng ngừa, kiên quyết đấu tranh với những hành vi lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để mê hoặc, chia rẽ, phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc.

Đồng bào định cư ở nước ngoài là một bộ phận không tách rời của cộng đồng dân tộc Việt Nam. Nhà nước ban hành cơ chế, chính sách để hỗ trợ, giúp đỡ đồng bào ổn định cuộc sống, phát triển kinh tế, góp phần tăng cường hợp tác, hữu nghị giữa nhân dân ta với nhân dân các nước; tạo điều kiện để đồng bào giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc, hướng về Tổ quốc, đóng góp xây dựng đất nước.

Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân tiếp tục tăng cường tổ chức, đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, khắc phục tình trạng hành chính hoá, phát huy vai trò nòng cốt tập hợp, đoàn kết nhân dân xây dựng cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân; thực hiện dân chủ, giám sát và phản biện xã hội; tham gia xây dựng Đảng,

Nhà nước trong sạch, vững mạnh; tổ chức các phong trào thi đua yêu nước, vận động các tầng lớp nhân dân thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại.

XI- ĐẨY MẠNH XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

1. Nâng cao nhận thức về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa

Tiếp tục đẩy mạnh việc xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, bảo đảm Nhà nước ta thực sự là của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân, do Đảng lãnh đạo; thực hiện tốt chức năng quản lý kinh tế, quản lý xã hội; giải quyết đúng mối quan hệ giữa Nhà nước với các tổ chức khác trong hệ thống chính trị, với nhân dân, với thị trường. Nâng cao năng lực quản lý và điều hành của Nhà nước theo pháp luật, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa và kỷ luật, kỷ cương. Nhà nước chăm lo, phục vụ nhân dân, bảo đảm quyền, lợi ích chính đáng của mọi người dân. Nghiên cứu xây dựng, bổ sung các thể chế và cơ chế vận hành cụ thể để bảo đảm nguyên tắc tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân và nguyên tắc quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan trong việc thực hiện quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp. Nâng cao vai trò và hiệu lực quản lý kinh tế của Nhà nước phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách để vận hành có hiệu quả nền kinh tế và thực hiện tốt các cam kết quốc tế, bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc.

Khẩn trương nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung *Hiến pháp năm 1992* (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2001) phù hợp với tình hình mới. Tiếp tục xây dựng, từng bước hoàn thiện cơ chế kiểm tra, giám sát tính hợp hiến, hợp pháp trong các hoạt động và quyết định của các cơ quan công quyền.

2. Tiếp tục đổi mới tổ chức, hoạt động của bộ máy nhà nước

Đổi mới tổ chức và hoạt động của Quốc hội, bảo đảm Quốc hội thực sự là cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất. Hoàn thiện cơ chế bầu cử đại biểu Quốc hội để cử tri lựa chọn và bầu những người thực sự tiêu biểu vào Quốc hội. Nâng cao chất lượng đại biểu Quốc hội, tăng hợp lý số lượng đại biểu chuyên trách; có cơ chế để đại biểu Quốc hội gắn bó chặt chẽ và có trách nhiệm với cử tri. Cải tiến, nâng cao chất lượng hoạt động của Hội đồng Dân tộc và các uỷ ban của Quốc hội, chất lượng hoạt động của đại biểu Quốc hội và đoàn đại biểu Quốc hội. Nghiên cứu, giao quyền chất vấn cho Hội đồng Dân tộc và các uỷ ban của Quốc hội. Tiếp tục phát huy dân chủ, tính công khai, đối thoại trong thảo luận, hoạt động chất vấn tại diễn đàn Quốc hội.

Tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng công tác xây dựng pháp luật, trước hết là quy trình xây dựng luật, pháp lệnh; luật, pháp lệnh cần quy định cụ thể, tăng tính khả thi để đưa nhanh vào cuộc sống. Thực hiện tốt hơn nhiệm vụ quyết định và giám sát các vấn đề quan trọng của đất nước, nhất là các công trình trọng điểm của quốc gia, việc phân bổ và thực hiện ngân sách; giám sát hoạt động của các cơ quan tư pháp, công tác phòng, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí.

Nghiên cứu xác định rõ hơn quyền hạn và trách nhiệm của Chủ tịch nước để thực hiện đầy đủ chức năng nguyên thủ quốc gia, thay mặt Nhà nước về đối nội, đối ngoại và thống lĩnh các lực lượng vũ trang; quan hệ giữa Chủ tịch nước với các cơ quan thực hiện quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp.

Tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của Chính phủ theo hướng xây dựng nền hành chính thống nhất, thông suốt, trong sạch, vững mạnh, có hiệu lực, hiệu quả; tổ chức tinh gọn và hợp lý; tăng tính dân chủ và pháp quyền trong điều hành của Chính phủ; nâng cao năng lực dự báo, ứng phó và giải quyết kịp thời những vấn đề mới phát sinh. Xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm, tổ chức của các bộ, cơ quan ngang bộ; khắc phục tình trạng bỏ trống hoặc trùng lặp về chức năng, nhiệm vụ giữa các bộ, ngành. Tổng kết, đánh giá việc thực hiện chủ trương sắp xếp các bộ, sở, ban, ngành quản lý đa ngành, đa lĩnh vực để có chủ trương, giải pháp phù hợp. Thực hiện phân cấp hợp lý cho chính quyền địa phương đi đôi với nâng cao chất lượng quy hoạch và tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát của trung ương, gắn quyền hạn với trách nhiệm được giao.

Đẩy mạnh cải cách hành chính, nhất là thủ tục hành chính; giảm mạnh và bãi bỏ các loại thủ tục hành chính gây phiền hà cho tổ chức và công dân. Nâng cao năng lực, chất lượng xây dựng và tổ chức thực hiện các cơ chế, chính sách. Đẩy mạnh xã hội hoá các loại dịch vụ công phù hợp với cơ chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Đẩy mạnh việc thực hiện *Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*, xây dựng hệ thống tư pháp trong sạch, vững mạnh, bảo vệ công lý, tôn trọng và bảo vệ quyền con

người. Hoàn thiện chính sách, pháp luật về hình sự, dân sự, thủ tục tố tụng tư pháp và về tổ chức bộ máy các cơ quan tư pháp, bảo đảm tính khoa học, đồng bộ, đề cao tính độc lập, khách quan, tuân thủ pháp luật của từng cơ quan và chức danh tư pháp. Đổi mới hệ thống tổ chức toà án theo thẩm quyền xét xử, bảo đảm cải cách hoạt động xét xử là trọng tâm của cải cách hoạt động tư pháp; mở rộng thẩm quyền xét xử của toà án đối với các khiếu kiện hành chính. Viện kiểm sát được tổ chức phù hợp với hệ thống tổ chức toà án, bảo đảm tốt hơn các điều kiện để Viện kiểm sát nhân dân thực hiện hiệu quả chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp; tăng cường trách nhiệm công tố trong hoạt động điều tra, gắn công tố với hoạt động điều tra. Sắp xếp, kiện toàn tổ chức và hoạt động của cơ quan điều tra theo hướng thu gọn đầu mối; xác định rõ hoạt động điều tra theo tố tụng và hoạt động trinh sát trong đấu tranh phòng, chống tội phạm. Tiếp tục đổi mới và kiện toàn các tổ chức hỗ trợ tư pháp. Nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và đạo đức nghề nghiệp của đội ngũ cán bộ tư pháp và hỗ trợ tư pháp. Tăng cường các cơ chế giám sát, bảo đảm sự tham gia giám sát của nhân dân đối với hoạt động tư pháp.

Tiếp tục đổi mới tổ chức hoạt động của chính quyền địa phương. Nâng cao chất lượng hoạt động của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp, bảo đảm quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm trong việc quyết định và tổ chức thực hiện những chính sách trong phạm vi được phân cấp. Nghiên cứu tổ chức, thẩm quyền của chính quyền ở nông thôn, đô thị, hải đảo. Tiếp tục thực hiện thí điểm chủ trương không tổ chức hội đồng nhân dân huyện, quận, phường.

3. Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức trong sạch, có năng lực đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới

Rà soát, bổ sung, hoàn thiện quy chế quản lý cán bộ, công chức; phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, trách nhiệm và thẩm quyền của mỗi cán bộ, công chức; tăng cường tính công khai, minh bạch, trách nhiệm của hoạt động công vụ. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức cả về bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, năng lực lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, quản lý nhà nước. Có chính sách đãi ngộ, động viên, khuyến khích cán bộ, công chức hoàn thành nhiệm vụ và có cơ chế loại bỏ, bãi miễn những người không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm kỷ luật, mất uy tín với nhân dân. Tổng kết việc thực hiện “nhất thể hoá” một số chức vụ lãnh đạo Đảng, Nhà nước để có chủ trương phù hợp. Thực hiện bầu cử, bổ nhiệm lại chức vụ lãnh đạo theo hướng cấp trưởng giới thiệu cấp phó để cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

4. Tích cực thực hành tiết kiệm, phòng ngừa và kiên quyết chống tham nhũng, lãng phí

Phòng và chống tham nhũng, lãng phí, thực hành tiết kiệm là nhiệm vụ vừa cấp bách, vừa lâu dài. Mọi cán bộ lãnh đạo của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân từ trung ương đến cơ sở và từng đảng viên, trước hết là người đứng đầu phải gương mẫu thực hiện và trực tiếp tham gia đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

Tiếp tục hoàn thiện thể chế và đẩy mạnh cải cách hành chính phục vụ phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tập trung vào các lĩnh vực dễ xảy ra tham nhũng, lãng phí. Nghiên cứu phân cấp, quy định rõ chức năng cho các ngành, các cấp trong phòng, chống tham nhũng. Chú trọng các biện pháp

phòng ngừa tham nhũng, lãng phí. Thực hiện chế độ công khai, minh bạch về kinh tế, tài chính trong các cơ quan hành chính, đơn vị cung ứng dịch vụ công, doanh nghiệp nhà nước. Công khai, minh bạch về cơ chế, chính sách, các dự án đầu tư, xây dựng cơ bản, mua sắm từ ngân sách nhà nước, huy động đóng góp của nhân dân, quản lý và sử dụng đất đai, tài sản công, công tác tiếp nhận, bổ nhiệm cán bộ. Thực hiện có hiệu quả việc kê khai và công khai tài sản, thu nhập của cán bộ, công chức theo quy định. Cải cách chính sách tiền lương, thu nhập, chính sách nhà ở bảo đảm cuộc sống cho cán bộ, công chức để góp phần phòng, chống tham nhũng. Hoàn thiện các quy định trách nhiệm của người đứng đầu khi để cơ quan, tổ chức, đơn vị xảy ra tham nhũng, lãng phí. Xử lý đúng pháp luật, kịp thời, công khai cán bộ tham nhũng; tịch thu, sung công tài sản tham nhũng, tài sản có nguồn gốc từ tham nhũng. Xây dựng chế tài xử lý những tổ chức, cá nhân gây thất thoát, lãng phí lớn tài sản của Nhà nước và nhân dân. Tăng cường công tác kiểm toán, thanh tra, kiểm tra, giám sát của các cơ quan chức năng. Có cơ chế khuyến khích và bảo vệ những người đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; đồng thời kỷ luật nghiêm những người bao che, cố tình ngăn cản việc chống tham nhũng, lãng phí hoặc lợi dụng việc tố cáo tham nhũng để vu khống, làm hại người khác, gây mất đoàn kết nội bộ. Tôn vinh những tấm gương liêm chính. Tổng kết, đánh giá cơ chế và mô hình tổ chức cơ quan phòng, chống tham nhũng để có chủ trương, giải pháp phù hợp.

Coi trọng và nâng cao vai trò của các cơ quan dân cử, của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân, các phương tiện thông tin đại chúng và của nhân dân trong việc giám sát cán bộ, công chức, phát hiện, đấu tranh chống tham nhũng, lãng

phí; cố vũ, động viên phong trào tiết kiệm trong sản xuất và tiêu dùng.

XII- XÂY DỰNG ĐẢNG TRONG SẠCH, VỮNG MẠNH, NÂNG CAO NĂNG LỰC LÃNH ĐẠO VÀ SỨC CHIẾN ĐẤU CỦA ĐẢNG

1. Tăng cường xây dựng Đảng về chính trị

Kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, vận dụng sáng tạo và phát triển phù hợp với thực tiễn Việt Nam, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Nâng cao bản lĩnh chính trị, trình độ trí tuệ của toàn Đảng và của mỗi cán bộ, đảng viên, trước hết của cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp; không dao động trong bất cứ tình huống nào. Kiên định đường lối đổi mới, chống giáo điều, bảo thủ, trì trệ hoặc chủ quan, nóng vội, đổi mới vô nguyên tắc.

Khẩn trương triển khai cụ thể hoá, thể chế hoá và tổ chức thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Đại hội XI. Gắn kết chặt chẽ và đồng bộ hơn các nhiệm vụ phát triển kinh tế là trung tâm, xây dựng Đảng là then chốt và phát triển văn hoá - nền tảng tinh thần của xã hội.

2. Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác tư tưởng, lý luận

Tăng cường nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn, làm sáng tỏ một số vấn đề về đảng cầm quyền, về chủ nghĩa xã hội, con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta và những vấn đề mới nảy sinh trong quá trình đổi mới, không ngừng phát triển lý luận, đề ra đường lối và chủ trương đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước; khắc phục một số mặt lạc hậu, yếu kém của công tác nghiên cứu lý luận. Tạo môi trường dân

chủ thảo luận, tranh luận khoa học, khuyến khích tìm tòi, sáng tạo, phát huy trí tuệ của cá nhân và tập thể trong nghiên cứu lý luận. Khẩn trương ban hành quy chế dân chủ trong nghiên cứu lý luận chính trị. Nâng cao chất lượng hoạt động của các cơ quan nghiên cứu lý luận, cải tiến tổ chức nghiên cứu lý luận phù hợp hơn với nhu cầu thực tiễn. Tổng kết 30 năm đổi mới đất nước.

Tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức, nâng cao hơn nữa tính chiến đấu, tính thuyết phục, hiệu quả của công tác tư tưởng, tuyên truyền, học tập chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; tuyên truyền, cổ vũ động viên các nhân tố mới, điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt, giáo dục truyền thống yêu nước, cách mạng. Đổi mới, nâng cao chất lượng công tác giáo dục lý luận chính trị, giáo dục công dân trong hệ thống các trường chính trị, các trường thuộc hệ thống giáo dục quốc dân. Mỗi cán bộ, đảng viên đều phải học tập, nâng cao trình độ lý luận chính trị. Xây dựng và thực hiện quy định mọi đảng viên có trách nhiệm trực tiếp làm công tác tư tưởng. Cán bộ chủ chốt cấp uỷ đảng phải thường xuyên tiếp xúc, đối thoại trực tiếp với nhân dân, chủ động nắm bắt, đánh giá, dự báo diễn biến tư tưởng của cán bộ, đảng viên và có biện pháp giải quyết kịp thời. Kiên quyết đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu và hoạt động “diễn biến hoà bình” của các thế lực thù địch. Chủ động phòng ngừa, đấu tranh, phê phán những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” trong nội bộ ta; khắc phục sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên. Giữ gìn sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng, sự đồng thuận xã hội. Đổi mới hoạt động kỷ niệm các ngày lễ lớn theo hướng thiết thực, hiệu quả.

3. Rèn luyện phẩm chất đạo đức cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân

Việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh là nhiệm vụ quan trọng thường xuyên, lâu dài của cán bộ, đảng viên, của các chi bộ, tổ chức đảng và các tầng lớp nhân dân. Mỗi cán bộ, đảng viên không ngừng tu dưỡng, rèn luyện đạo đức cách mạng, thực sự là một tấm gương về phẩm chất đạo đức, lối sống. Cán bộ cấp trên phải gương mẫu trước cán bộ cấp dưới, đảng viên và nhân dân.

Cán bộ, đảng viên phải nêu cao tinh thần trách nhiệm trước Tổ quốc, trước Đảng và nhân dân, hết lòng, hết sức phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân. Các tổ chức đảng tạo điều kiện để đảng viên công tác, lao động có năng suất, chất lượng, hiệu quả, đóng góp vào sự phát triển chung của đất nước. Đẩy mạnh tự phê bình và phê bình trong sinh hoạt đảng.

Triển khai thực hiện tốt *Quy chế dân vận* trong hệ thống chính trị; đổi mới và nâng cao chất lượng công tác vận động nhân dân. Định kỳ lấy ý kiến nhận xét của nhân dân về tư cách, đạo đức của cán bộ, đảng viên. Xử lý nghiêm mọi cán bộ, đảng viên vi phạm về trách nhiệm, phẩm chất đạo đức, lối sống.

4. Tiếp tục đổi mới, kiện toàn tổ chức, bộ máy của Đảng và hệ thống chính trị

Tiếp tục xác định rõ chức năng, nhiệm vụ và mô hình tổ chức của các tổ chức trong hệ thống chính trị. Sớm tổng kết việc thực hiện sáp nhập một số ban, bộ, ngành trung ương để có chủ trương phù hợp. Kiện toàn, nâng cao chất lượng các cơ quan tham mưu, đội ngũ cán bộ làm công tác tham mưu, nhất là ở cấp chiến lược.

Tổng kết, đánh giá đúng thực trạng, đề ra các giải pháp củng cố và đổi mới mô hình tổ chức, phương thức hoạt động của các tổ chức đảng, nhất là của đảng đoàn, ban cán sự đảng. Tập trung chỉ đạo, củng cố những tổ chức đảng yếu kém; kịp thời kiện toàn cấp uỷ và tăng cường cán bộ ở nơi có nhiều khó khăn, nội bộ mất đoàn kết. Coi trọng đổi mới và nâng cao chất lượng sinh hoạt cấp uỷ, tổ chức đảng, chất lượng tự phê bình, phê bình trong sinh hoạt đảng.

Thật sự phát huy dân chủ trong sinh hoạt đảng, từ sinh hoạt chi bộ, sinh hoạt cấp uỷ ở cơ sở đến sinh hoạt Ban Bí thư, Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương; đồng thời giữ nghiêm kỷ luật trong Đảng. Thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ. Chống quan liêu, bè phái, cục bộ, địa phương, lối làm việc vô nguyên tắc, vi phạm kỷ luật, vi phạm dân chủ.

5. Kiện toàn tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đảng viên

Tập trung củng cố, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng, tạo chuyển biến rõ rệt về chất lượng hoạt động của các loại hình cơ sở đảng, nhất là tổ chức đảng trong các đơn vị sự nghiệp và doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế. Kiện toàn tổ chức của hệ thống chính trị, bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện của Đảng ở cơ sở. Quan tâm đào tạo, bồi dưỡng và xây dựng đội ngũ cấp uỷ viên, trước hết là bí thư cấp uỷ. Thực hiện trẻ hoá, tiêu chuẩn hoá, tăng cường bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ theo chức danh cán bộ cơ sở.

Đổi mới, tăng cường công tác quản lý, phát triển đảng viên, bảo đảm chất lượng đảng viên theo yêu cầu của Điều lệ Đảng. Xây dựng các tiêu chí, yêu cầu cụ thể về tư tưởng chính trị, trình độ năng lực, phẩm chất đạo đức, lối sống của

đảng viên đáp ứng yêu cầu giai đoạn cách mạng mới; phát huy tính tiên phong gương mẫu, chủ động, sáng tạo của đội ngũ đảng viên trong thực hiện nhiệm vụ được giao. Kiên quyết đưa ra khỏi Đảng những người không đủ tư cách đảng viên. Tổng kết, đánh giá kết quả và rút kinh nghiệm để tiếp tục thực hiện Quy định số 15-QĐ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá X) về đảng viên làm kinh tế tư nhân. Thực hiện thí điểm việc kết nạp những người là chủ doanh nghiệp tư nhân đủ tiêu chuẩn vào Đảng.

6. Đổi mới công tác cán bộ, coi trọng công tác bảo vệ chính trị nội bộ

Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ, đồng bộ công tác cán bộ. Thực hiện tốt *Chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá*; đổi mới tư duy, cách làm, khắc phục những yếu kém trong từng khâu của công tác cán bộ. Xây dựng và thực hiện nghiêm các cơ chế, chính sách phát hiện, tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ; trọng dụng những người có đức, có tài. Nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ; khắc phục tình trạng chạy theo bằng cấp. Làm tốt công tác quy hoạch và tạo nguồn cán bộ, chú ý cán bộ trẻ, nữ, dân tộc thiểu số, chuyên gia trên các lĩnh vực; xây dựng quy hoạch cán bộ cấp chiến lược. Đánh giá và sử dụng đúng cán bộ trên cơ sở những tiêu chuẩn, quy trình đã được bổ sung, hoàn thiện, lấy hiệu quả công tác thực tế và sự tín nhiệm của nhân dân làm thước đo chủ yếu. Không bổ nhiệm cán bộ không đủ đức, đủ tài, cơ hội chủ nghĩa. Thực hiện nghiêm quy chế thôi chức, miễn nhiệm, từ chức đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý. Kịp thời thay thế cán bộ yếu kém về phẩm chất, năng lực, không hoàn thành nhiệm vụ, uy tín giảm sút. Có chế tài xử lý nghiêm những trường hợp chạy chức, chạy

quyền, chạy chỗ, chạy tội, chạy tuổi, chạy bằng cấp, chạy huân chương. Thực hiện luân chuyển cán bộ lãnh đạo và quản lý theo quy hoạch ở các ngành, các cấp; khắc phục tư tưởng cục bộ, khép kín. Tăng cường công tác giáo dục, quản lý cán bộ. Chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo và quản lý các cấp, đội ngũ chuyên gia đầu ngành. Đổi mới, trẻ hoá đội ngũ cán bộ lãnh đạo và quản lý, kết hợp các độ tuổi, bảo đảm tính liên tục, kế thừa và phát triển.

Nghiên cứu ban hành và thực hiện tốt chính sách sử dụng và quản lý cán bộ, đảng viên có vấn đề về lịch sử chính trị. Chú trọng nắm và giải quyết vấn đề chính trị hiện nay.

7. Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát

Các cấp uỷ, tổ chức đảng phải nâng cao tinh thần trách nhiệm, thực hiện tốt hơn nhiệm vụ kiểm tra, giám sát theo Điều lệ Đảng. Tập trung kiểm tra, giám sát việc chấp hành Điều lệ, nghị quyết, chỉ thị, quy định của Đảng, luật pháp, chính sách của Nhà nước; việc chấp hành nguyên tắc tập trung dân chủ, quy chế làm việc, chế độ công tác, thực hiện dân chủ trong Đảng, giữ gìn đoàn kết nội bộ; việc thực hành tiết kiệm, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, rèn luyện phẩm chất đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên; việc chỉ đạo và tổ chức thực hiện cải cách hành chính, cải cách tư pháp; việc điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án, nhất là những vụ án nghiêm trọng, gây bức xúc trong dư luận xã hội; kiểm tra, giám sát việc tuyển dụng, quy hoạch, luân chuyển, đào tạo, đề bạt, bố trí, sử dụng cán bộ. Chú trọng kiểm tra, giám sát người đứng đầu tổ chức đảng, nhà nước, mặt trận và các đoàn thể nhân dân các cấp trong việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao. Công tác kiểm tra, giám sát của

Đảng phải phối hợp chặt chẽ với công tác thanh tra của Chính phủ, công tác giám sát của Quốc hội và các cơ quan hành pháp, tư pháp, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân theo đúng chức năng và thẩm quyền của mỗi cơ quan.

Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ và hoạt động của hệ thống uỷ ban kiểm tra các cấp. Hoàn thiện quy chế phối hợp giữa uỷ ban kiểm tra đảng với các tổ chức đảng và các cơ quan bảo vệ pháp luật trong việc xem xét khiếu nại, tố cáo và xử lý kỷ luật cán bộ, đảng viên.

8. Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng

Tập trung rà soát, bổ sung, điều chỉnh, ban hành mới, xây dựng đồng bộ hệ thống các quy chế, quy định, quy trình công tác để tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của hệ thống chính trị. Khắc phục tình trạng Đảng bao biện, làm thay hoặc buông lỏng lãnh đạo các cơ quan quản lý nhà nước. Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân, tôn trọng nguyên tắc hiệp thương dân chủ trong tổ chức và hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Đổi mới phong cách, lề lối làm việc của các cơ quan lãnh đạo của Đảng từ trung ương đến địa phương, cơ sở. Thực hiện tốt chế độ lãnh đạo tập thể đi đôi với phát huy tinh thần chủ động, sáng tạo và trách nhiệm cá nhân, nhất là trách nhiệm của người đứng đầu. Phát huy vai trò, trách nhiệm của các tổ chức đảng, đảng viên, cấp uỷ viên hoạt động trong các cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân. Đổi mới cách ra nghị quyết, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện, kiểm tra, sơ kết, tổng kết việc thực hiện nghị quyết của Đảng. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính trong Đảng, khắc phục tình trạng rườm rà,

bất hợp lý về thủ tục, giảm bớt giấy tờ, hội họp; sâu sát thực tế, cơ sở; nói đi đôi với làm.

*

* *

Trong nhiệm kỳ Đại hội XI, cần tập trung lãnh đạo, chỉ đạo tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong thực hiện những nhiệm vụ trọng tâm sau:

- Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng.
- Cải cách hành chính, nhất là thủ tục hành chính liên quan đến tổ chức và hoạt động của doanh nghiệp, sinh hoạt của nhân dân.
- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá, hội nhập quốc tế của đất nước.
- Xây dựng đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế, nhất là hệ thống giao thông, yếu tố đang gây ách tắc, cản trở sự phát triển kinh tế, gây bức xúc trong nhân dân.
- Đổi mới quan hệ phân phối, chính sách tiền lương, thu nhập của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động; khắc phục tình trạng bất hợp lý và tác động tiêu cực của quan hệ phân phối, chính sách tiền lương, thu nhập hiện nay.
- Tập trung giải quyết một số vấn đề xã hội bức xúc (suy thoái đạo đức, lối sống, tệ nạn xã hội, trật tự, kỷ cương xã hội).
- Đẩy mạnh, nâng cao hiệu quả cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí để thực sự ngăn chặn, đẩy lùi được tệ nạn này.

*

* *

Đất nước ta đã vượt qua những khó khăn, thách thức to lớn và đang vững bước đi lên. Tình hình thế giới thay đổi

nhANH chóng, tạo cho nước ta nhiều thời cơ nhưng cũng đặt ra nhiều thách thức. Đại hội XI của Đảng khẳng định quyết tâm của toàn Đảng, toàn dân ta tận dụng tốt thời cơ, vượt qua thách thức, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, phát triển đất nước nhanh, bền vững, thực hiện thắng lợi mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 2011 - 2020

I- TÌNH HÌNH ĐẤT NƯỚC VÀ BỐI CẢNH QUỐC TẾ

1. Tình hình đất nước

Trong 10 năm thực hiện *Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001 - 2010*, chúng ta đã tranh thủ thời cơ, thuận lợi, vượt qua nhiều khó khăn, thách thức, nhất là những tác động tiêu cực của hai cuộc khủng hoảng tài chính - kinh tế khu vực và toàn cầu, đạt được những thành tựu to lớn và rất quan trọng, đất nước đã ra khỏi tình trạng kém phát triển, bước vào nhóm nước đang phát triển có thu nhập trung bình.

Nhiều mục tiêu chủ yếu của Chiến lược 2001 - 2010 đã được thực hiện, đạt bước phát triển mới cả về lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất. Kinh tế tăng trưởng nhanh, đạt tốc độ bình quân 7,26%/năm. Năm 2010, tổng sản phẩm trong nước bình quân đầu người đạt 1.168 USD. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực. Thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa tiếp tục được xây dựng và hoàn thiện. Các lĩnh vực văn hoá, xã hội đạt thành tựu quan trọng trên nhiều mặt, nhất là xóa đói, giảm nghèo. Đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được cải thiện rõ rệt; dân chủ trong xã hội tiếp tục được mở rộng. Chính trị - xã hội ổn định; quốc phòng, an ninh được giữ vững. Công tác

đối ngoại, hội nhập quốc tế được triển khai sâu rộng và hiệu quả, góp phần tạo môi trường hòa bình, ổn định và tăng thêm nguồn lực cho phát triển đất nước.

Diện mạo của đất nước có nhiều thay đổi. Thế và lực của nước ta vững mạnh thêm nhiều; vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế được nâng lên, tạo ra những tiền đề quan trọng để đẩy nhanh công nghiệp hoá, hiện đại hóa và nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân.

Đạt được những thành tựu nêu trên là nhờ phát huy được sức mạnh của toàn dân tộc, sự nỗ lực phấn đấu vượt bậc, năng động, sáng tạo của toàn dân, toàn quân, cộng đồng doanh nghiệp và của cả hệ thống chính trị, sự quản lý điều hành có hiệu quả của Nhà nước dưới sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng.

Tuy nhiên, những thành tựu đạt được chưa tương xứng với tiềm năng. Kinh tế phát triển chưa bền vững. Chất lượng tăng trưởng, năng suất, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế thấp, các cân đối kinh tế vĩ mô chưa vững chắc, cung ứng điện chưa đáp ứng yêu cầu. Công tác quy hoạch, kế hoạch và việc huy động, sử dụng các nguồn lực còn hạn chế, kém hiệu quả, đầu tư còn dàn trải; quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp nói chung còn nhiều yếu kém, việc thực hiện chức năng chủ sở hữu đối với doanh nghiệp nhà nước còn bất cập. Tăng trưởng kinh tế vẫn dựa nhiều vào các yếu tố phát triển theo chiều rộng, chậm chuyển sang phát triển theo chiều sâu. Các lĩnh vực văn hoá, xã hội có một số mặt yếu kém chậm được khắc phục, nhất là về giáo dục, đào tạo và y tế; đạo đức, lối sống trong một bộ phận xã hội xuống cấp. Môi trường ở nhiều nơi đang bị ô nhiễm nặng; tài nguyên, đất đai chưa được quản lý tốt, khai thác và sử dụng kém hiệu quả, chính sách đất đai có mặt chưa phù hợp. Thể chế kinh tế thị

trường, chất lượng nguồn nhân lực, kết cấu hạ tầng vẫn là những điểm nghẽn cản trở sự phát triển. Nền tảng để Việt Nam trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại chưa được hình thành đầy đủ. Vẫn đang tiềm ẩn những yếu tố gây mất ổn định chính trị - xã hội và đe dọa chủ quyền quốc gia.

Những hạn chế, yếu kém trên đây có phần do nguyên nhân khách quan, trong đó có những vấn đề mới chưa có tiền lệ trong quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, nhưng nguyên nhân chủ quan là chủ yếu: Tư duy phát triển kinh tế - xã hội và phương thức lãnh đạo của Đảng chậm đổi mới, chưa đáp ứng kịp yêu cầu phát triển đất nước; bệnh thành tích còn nặng; hệ thống pháp luật còn nhiều bất cập, việc thực thi chưa nghiêm; quản lý nhà nước còn nhiều yếu kém; tổ chức bộ máy công kênh, một bộ phận cán bộ, công chức yếu cả về năng lực và phẩm chất; tổ chức thực hiện kém hiệu quả, nhiều việc nói chưa đi đôi với làm; chưa tạo được chuyển biến mạnh trong việc giải quyết những khâu đột phá, then chốt và những vấn đề xã hội bức xúc; quyền làm chủ của nhân dân chưa được phát huy đầy đủ; kỷ luật, kỷ cương chưa nghiêm; tham nhũng, lãng phí còn nghiêm trọng, chưa được đẩy lùi.

Từ thực tiễn phát triển đất nước và kết quả thực hiện Chiến lược 10 năm qua, có thể rút ra các bài học chủ yếu:

Một là, phát huy dân chủ, khơi dậy sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, huy động và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực cho phát triển đất nước.

Hai là, đặc biệt coi trọng chất lượng, hiệu quả và tính bền vững của sự phát triển, bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô, giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa tốc độ và chất lượng tăng trưởng.

Ba là, bảo đảm độc lập, tự chủ và chủ quyền quốc gia, giữ vững ổn định chính trị - xã hội, chủ động, tích cực hội nhập quốc tế, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển đất nước.

Bốn là, bảo đảm gắn kết chặt chẽ, hiệu quả giữa tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu lực quản lý của Nhà nước, phát huy đầy đủ quyền làm chủ của nhân dân.

2. Bối cảnh quốc tế

Nước ta bước vào thời kỳ chiến lược mới trong bối cảnh thế giới đang thay đổi rất nhanh, phức tạp và khó lường. Trong thập niên tới, hòa bình, hợp tác và phát triển tiếp tục là xu thế lớn, nhưng xung đột sắc tộc và tôn giáo, tranh giành tài nguyên và lãnh thổ, nạn khủng bố và tội phạm xuyên quốc gia có thể gia tăng cùng với những vấn đề toàn cầu khác như đói nghèo, dịch bệnh, biến đổi khí hậu, các thảm họa thiên nhiên... buộc các quốc gia phải có chính sách đối phó và phối hợp hành động.

Các nước Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) bước vào thời kỳ hợp tác mới theo Hiến chương ASEAN và xây dựng Cộng đồng dựa trên ba trụ cột: chính trị - an ninh, kinh tế, văn hóa - xã hội; hợp tác với các đối tác tiếp tục phát triển và đi vào chiều sâu. ASEAN đang ngày càng khẳng định vai trò trung tâm trong một cấu trúc khu vực đang định hình nhưng cũng phải đối phó với những thách thức mới.

Khu vực châu Á - Thái Bình Dương tiếp tục phát triển năng động và đang hình thành nhiều hình thức liên kết, hợp tác đa dạng hơn. Tuy vậy, vẫn tiềm ẩn những nhân tố gây mất ổn định, nhất là tranh giành ảnh hưởng, tranh chấp chủ quyền biển, đảo, tài nguyên...

Toàn cầu hóa kinh tế tiếp tục phát triển về quy mô, mức độ và hình thức biểu hiện với những tác động tích cực và tiêu cực, cơ hội và thách thức đan xen rất phức tạp. Các công ty

xuyên quốc gia có vai trò ngày càng lớn. Quá trình quốc tế hoá sản xuất và phân công lao động diễn ra ngày càng sâu rộng. Việc tham gia vào mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu đã trở thành yêu cầu đối với các nền kinh tế. Sự tùy thuộc lẫn nhau, hội nhập, cạnh tranh và hợp tác giữa các nước ngày càng trở thành phổ biến. Kinh tế tri thức phát triển mạnh, do đó con người và tri thức càng trở thành nhân tố quyết định sự phát triển của mỗi quốc gia.

Sau khủng hoảng tài chính - kinh tế toàn cầu, thế giới sẽ bước vào một giai đoạn phát triển mới. Tương quan sức mạnh của các nền kinh tế và cục diện phát triển toàn cầu thay đổi với sự xuất hiện những liên kết mới. Vị thế của châu Á trong nền kinh tế thế giới đang tăng lên; sự phát triển mạnh mẽ của một số nước khu vực trong điều kiện hội nhập Đông Á và việc thực hiện các hiệp định mậu dịch tự do ngày càng sâu rộng, mở ra thị trường rộng lớn nhưng cũng tạo ra sự cạnh tranh quyết liệt. Quá trình tái cấu trúc các nền kinh tế và điều chỉnh các thể chế tài chính toàn cầu sẽ diễn ra mạnh mẽ, gắn với những bước tiến mới về khoa học, công nghệ và sử dụng tiết kiệm năng lượng, tài nguyên. Mặt khác, khủng hoảng còn để lại hậu quả nặng nề, chủ nghĩa bảo hộ trở lại trở thành rào cản lớn cho thương mại quốc tế. Kinh tế thế giới tuy đã bắt đầu phục hồi nhưng còn nhiều khó khăn, bất ổn; sự điều chỉnh chính sách của các nước, nhất là những nước lớn sẽ có tác động đến nước ta.

Tình hình đất nước và bối cảnh quốc tế nêu trên tạo cho nước ta vị thế mới với những thuận lợi và cơ hội to lớn cùng những khó khăn và thách thức gay gắt trong việc thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ trong thời kỳ chiến lược tới.

II- QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

1. Phát triển nhanh gắn liền với phát triển bền vững, phát triển bền vững là yêu cầu xuyên suốt trong Chiến lược

Phải phát triển bền vững về kinh tế, giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an ninh kinh tế. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng, coi chất lượng, năng suất, hiệu quả, sức cạnh tranh là ưu tiên hàng đầu, chú trọng phát triển theo chiều sâu, phát triển kinh tế tri thức. Tăng trưởng kinh tế phải kết hợp hài hoà với phát triển văn hoá, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, không ngừng nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân. Phát triển kinh tế - xã hội phải luôn coi trọng bảo vệ và cải thiện môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu. Nước ta có điều kiện phát triển nhanh và yêu cầu phát triển nhanh cũng đang đặt ra hết sức cấp thiết. Phát triển bền vững là cơ sở để phát triển nhanh, phát triển nhanh để tạo nguồn lực cho phát triển bền vững. Phát triển nhanh và bền vững phải luôn gắn chặt với nhau trong quy hoạch, kế hoạch và chính sách phát triển kinh tế - xã hội.

Phải đặc biệt coi trọng giữ vững ổn định chính trị - xã hội, tăng cường quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ để bảo đảm cho đất nước phát triển nhanh và bền vững.

2. Đổi mới đồng bộ, phù hợp về kinh tế và chính trị vì mục tiêu xây dựng nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh

Kiên trì và quyết liệt thực hiện đổi mới. Đổi mới chính trị phải đồng bộ với đổi mới kinh tế theo lộ trình thích hợp,

trọng tâm là hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, mở rộng dân chủ trong Đảng và trong xã hội gắn với tăng cường kỷ luật, kỷ cương để thúc đẩy đổi mới toàn diện và phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc vì mục tiêu xây dựng nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Lấy việc thực hiện mục tiêu này làm tiêu chuẩn cao nhất để đánh giá hiệu quả của quá trình đổi mới và phát triển.

3. Mở rộng dân chủ, phát huy tối đa nhân tố con người; coi con người là chủ thể, nguồn lực chủ yếu và là mục tiêu của sự phát triển

Phải bảo đảm quyền con người, quyền công dân và các điều kiện để mọi người được phát triển toàn diện. Nâng cao năng lực và tạo cơ chế để nhân dân thực hiện đầy đủ quyền làm chủ, nhất là dân chủ trực tiếp để phát huy mạnh mẽ mọi khả năng sáng tạo và bảo đảm đồng thuận cao trong xã hội, tạo động lực phát triển đất nước. Phát huy lợi thế dân số và con người Việt Nam, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, trọng dụng nhân tài, chăm lo lợi ích chính đáng và không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của mọi người dân, thực hiện công bằng xã hội.

4. Phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất với trình độ khoa học, công nghệ ngày càng cao; đồng thời hoàn thiện quan hệ sản xuất trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

Hoàn thiện thể chế để tháo gỡ mọi cản trở, tạo điều kiện thuận lợi để giải phóng và phát triển mạnh mẽ lực lượng sản

xuất, đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ; huy động và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực cho phát triển. Phát triển nhanh, hài hoà các thành phần kinh tế và các loại hình doanh nghiệp. Phải tăng cường tiềm lực và nâng cao hiệu quả của kinh tế nhà nước. Kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, là lực lượng vật chất quan trọng để Nhà nước định hướng và điều tiết nền kinh tế, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô. Phát triển kinh tế tập thể với nhiều hình thức hợp tác đa dạng mà nòng cốt là hợp tác xã. Khuyến khích phát triển các hình thức tổ chức sản xuất kinh doanh với sở hữu hỗn hợp mà chủ yếu là các doanh nghiệp cổ phần để loại hình kinh tế này trở thành phổ biến trong nền kinh tế, thúc đẩy xã hội hoá sản xuất kinh doanh và sở hữu. Hoàn thiện cơ chế, chính sách để phát triển mạnh kinh tế tư nhân trở thành một trong những động lực của nền kinh tế. Khuyến khích kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài phát triển theo quy hoạch.

Tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng, minh bạch. Phát triển đồng bộ, hoàn chỉnh và ngày càng hiện đại các loại thị trường. Tiếp tục hoàn thiện cơ chế quản lý và phân phối, bảo đảm công bằng lợi ích, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

5. Xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ ngày càng cao trong điều kiện hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng

Phát huy nội lực và sức mạnh dân tộc là yếu tố quyết định, đồng thời tranh thủ ngoại lực và sức mạnh thời đại là yếu tố quan trọng để phát triển nhanh, bền vững và xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ. Phải không ngừng tăng cường tiềm lực kinh tế và sức mạnh tổng hợp của đất nước để chủ động, tích cực hội nhập quốc tế sâu rộng và có hiệu quả.

Phát triển lực lượng doanh nghiệp trong nước với nhiều thương hiệu mạnh, có sức cạnh tranh cao để làm chủ thị trường trong nước, mở rộng thị trường ngoài nước, góp phần bảo đảm độc lập, tự chủ của nền kinh tế. Trong hội nhập quốc tế, phải luôn chủ động thích ứng với những thay đổi của tình hình, bảo đảm hiệu quả và lợi ích quốc gia.

III- MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC VÀ KHÂU ĐỘT PHÁ

1. Mục tiêu tổng quát

Phấn đấu đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại; chính trị - xã hội ổn định, dân chủ, kỷ cương, đồng thuận; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng lên rõ rệt; độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ được giữ vững; vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế tiếp tục được nâng lên; tạo tiền đề vững chắc để phát triển cao hơn trong giai đoạn sau.

2. Mục tiêu chủ yếu về phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội và môi trường

a) Về kinh tế

Phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trong nước (GDP) bình quân 7 - 8%/năm. GDP năm 2020 theo giá so sánh bằng khoảng 2,2 lần so với năm 2010; GDP bình quân đầu người theo giá thực tế đạt khoảng 3.000 USD.

Bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô. Xây dựng cơ cấu kinh tế công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ hiện đại, hiệu quả. Tỷ trọng các ngành công nghiệp và dịch vụ chiếm khoảng 85% trong GDP. Giá trị sản phẩm công nghệ cao và sản phẩm ứng dụng công nghệ cao đạt khoảng 45% trong tổng GDP. Giá trị sản phẩm công nghiệp chế tạo chiếm khoảng 40%

trong tổng giá trị sản xuất công nghiệp. Nông nghiệp có bước phát triển theo hướng hiện đại, hiệu quả, bền vững, nhiều sản phẩm có giá trị gia tăng cao. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế gắn với chuyển dịch cơ cấu lao động; tỷ lệ lao động nông nghiệp khoảng 30 - 35% lao động xã hội.

Yếu tố năng suất tổng hợp đóng góp vào tăng trưởng đạt khoảng 35%; giảm tiêu hao năng lượng tính trên GDP 2,5 - 3%/năm. Thực hành tiết kiệm trong sử dụng mọi nguồn lực.

Kết cấu hạ tầng tương đối đồng bộ, với một số công trình hiện đại. Tỷ lệ đô thị hoá đạt trên 45%. Số xã đạt tiêu chuẩn nông thôn mới khoảng 50%.

b) Về văn hóa, xã hội

Xây dựng xã hội dân chủ, kỷ cương, đồng thuận, công bằng, văn minh. Đến năm 2020, chỉ số phát triển con người (HDI) đạt nhóm trung bình cao của thế giới; tốc độ tăng dân số ổn định ở mức khoảng 1%; tuổi thọ bình quân đạt 75 tuổi; đạt 9 bác sĩ và 26 giường bệnh trên một vạn dân¹, thực hiện bảo hiểm y tế toàn dân; lao động qua đào tạo đạt trên 70%, đào tạo nghề chiếm 55% tổng lao động xã hội; tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân 1,5 - 2%/năm; phúc lợi xã hội, an sinh xã hội và chăm sóc sức khỏe cộng đồng được bảo đảm. Thu nhập thực tế của dân cư gấp khoảng 3,5 lần so với năm 2010; thu hẹp khoảng cách thu nhập giữa các vùng và nhóm dân cư. Xóa nhà ở đơn sơ, tỷ lệ nhà ở kiên cố đạt 70%, bình quân 25m² sàn xây dựng nhà ở tính trên một người dân.

Giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Đến năm 2020, có một số lĩnh vực khoa học và công nghệ, giáo dục,

1. Không kể số giường bệnh của các trạm y tế cấp xã.

y tế đạt trình độ tiên tiến, hiện đại. Số sinh viên đạt 450 trên một vạn dân.

Xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc; con người phát triển toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất, năng lực sáng tạo, ý thức công dân, tuân thủ pháp luật.

c) Về môi trường

Cải thiện chất lượng môi trường. Đến năm 2020, tỷ lệ che phủ rừng đạt 45%¹. Hầu hết dân cư thành thị và nông thôn được sử dụng nước sạch và hợp vệ sinh. Các cơ sở sản xuất kinh doanh mới thành lập phải áp dụng công nghệ sạch hoặc trang bị các thiết bị giảm ô nhiễm, xử lý chất thải; trên 80% các cơ sở sản xuất kinh doanh hiện có đạt tiêu chuẩn về môi trường. Các đô thị loại 4 trở lên và tất cả các cụm, khu công nghiệp, khu chế xuất có hệ thống xử lý nước thải tập trung. 95% chất thải rắn thông thường, 85% chất thải nguy hại và 100% chất thải y tế được xử lý đạt tiêu chuẩn. Cải thiện và phục hồi môi trường các khu vực bị ô nhiễm nặng. Hạn chế tác hại của thiên tai; chủ động ứng phó có hiệu quả với biến đổi khí hậu, nhất là nước biển dâng.

3. Các đột phá chiến lược

(1) Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, trọng tâm là tạo lập môi trường cạnh tranh bình đẳng và cải cách hành chính.

(2) Phát triển nhanh nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, tập trung vào việc đổi mới căn bản và toàn diện nền giáo dục quốc dân; gắn kết chặt chẽ phát triển nguồn nhân lực với phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ.

1. Kể cả diện tích cây công nghiệp lâu năm.

(3) Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, với một số công trình hiện đại, tập trung vào hệ thống giao thông và hạ tầng đô thị lớn.

IV- ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, ĐỔI MỚI MÔ HÌNH TĂNG TRƯỞNG, CƠ CẤU LẠI NỀN KINH TẾ

Phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất, xây dựng quan hệ sản xuất phù hợp, hình thành đồng bộ thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Chuyển đổi mô hình tăng trưởng từ chủ yếu phát triển theo chiều rộng sang phát triển hợp lý giữa chiều rộng và chiều sâu, vừa mở rộng quy mô vừa chú trọng nâng cao chất lượng, hiệu quả, tính bền vững. Thực hiện cơ cấu lại nền kinh tế, trọng tâm là cơ cấu lại các ngành sản xuất, dịch vụ phù hợp với các vùng; thúc đẩy cơ cấu lại doanh nghiệp và điều chỉnh chiến lược thị trường; tăng nhanh giá trị nội địa, giá trị gia tăng và sức cạnh tranh của sản phẩm, doanh nghiệp và của cả nền kinh tế; phát triển kinh tế tri thức. Gắn phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường, phát triển kinh tế xanh.

1. Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô; huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực

Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường đồng bộ và hiện đại là tiền đề quan trọng thúc đẩy quá trình cơ cấu lại nền kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng, ổn định kinh tế vĩ mô.

Tiếp tục đổi mới việc xây dựng và thực thi luật pháp bảo đảm cạnh tranh bình đẳng, minh bạch giữa các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế. Đổi mới công tác quy hoạch,

kế hoạch và điều hành phát triển kinh tế theo cơ chế thị trường, đồng thời thực hiện tốt chính sách xã hội. Thực hiện hệ thống cơ chế và chính sách phù hợp, đặc biệt là cơ chế, chính sách tài chính, tiền tệ nhằm nâng cao chất lượng tăng trưởng, bảo đảm sự phát triển an toàn, lành mạnh của nền kinh tế.

Chính sách tài chính quốc gia phải động viên hợp lý, phân phối và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội; phân phối lợi ích công bằng. Tiếp tục hoàn thiện chính sách và hệ thống thuế, cơ chế quản lý giá, pháp luật về cạnh tranh và kiểm soát độc quyền trong kinh doanh, bảo vệ người tiêu dùng, các chính sách về thu nhập, tiền lương, tiền công. Thực hiện cân đối ngân sách tích cực, bảo đảm tỷ lệ tích lũy hợp lý cho đầu tư phát triển; phấn đấu giảm dần bội chi ngân sách. Tiếp tục đổi mới cơ chế, chính sách tài chính đối với doanh nghiệp nhà nước, nhất là các tập đoàn kinh tế và các tổng công ty. Quản lý chặt chẽ việc vay và trả nợ nước ngoài; giữ mức nợ chính phủ, nợ quốc gia và nợ công trong giới hạn an toàn. Tăng cường vai trò giám sát ngân sách của Quốc hội và hội đồng nhân dân các cấp.

Chính sách tiền tệ phải chủ động và linh hoạt thúc đẩy tăng trưởng bền vững, kiểm soát lạm phát, ổn định giá trị đồng tiền. Hình thành đồng bộ khuôn khổ pháp lý về hoạt động ngân hàng. Mở rộng các hình thức thanh toán qua ngân hàng và thanh toán không dùng tiền mặt. Điều hành chính sách lãi suất, tỷ giá linh hoạt theo nguyên tắc thị trường. Đổi mới chính sách quản lý ngoại hối và vàng; từng bước mở rộng phạm vi các giao dịch vốn; tăng cường kiểm tra, kiểm soát tiến tới xóa bỏ tình trạng sử dụng ngoại tệ làm phương tiện thanh toán trên lãnh thổ Việt Nam. Tăng cường vai trò của Ngân hàng Nhà nước trong việc hoạch định và thực thi chính

sách tiền tệ. Kết hợp chặt chẽ chính sách tiền tệ với chính sách tài khoá. Kiện toàn công tác thanh tra, giám sát hoạt động tài chính, tiền tệ.

Hoàn chỉnh hệ thống pháp luật, chính sách về đất đai bảo đảm hài hoà các lợi ích của Nhà nước, của người sử dụng đất, của người giao lại quyền sử dụng đất và của nhà đầu tư, tạo điều kiện thuận lợi để sử dụng có hiệu quả nguồn lực đất đai cho sự phát triển; khắc phục tình trạng lãng phí và tham nhũng đất đai.

Bảo đảm quyền tự do kinh doanh và bình đẳng giữa các thành phần kinh tế. Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ và nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước, nhất là các tập đoàn kinh tế và các tổng công ty. Sớm hoàn thiện thể chế quản lý hoạt động của các tập đoàn, các tổng công ty nhà nước. Đẩy mạnh cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước; xây dựng một số tập đoàn kinh tế mạnh, đa sở hữu, trong đó sở hữu nhà nước giữ vai trò chi phối. Phân định rõ quyền sở hữu của Nhà nước và quyền kinh doanh của doanh nghiệp, hoàn thiện cơ chế quản lý vốn nhà nước trong các doanh nghiệp. Tạo điều kiện thuận lợi để kinh tế tập thể phát triển đa dạng, mở rộng quy mô; có cơ chế, chính sách hợp lý trợ giúp các tổ chức kinh tế hợp tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, mở rộng thị trường, ứng dụng công nghệ mới, tiếp cận vốn. Khuyến khích phát triển các loại hình doanh nghiệp, các hình thức tổ chức sản xuất kinh doanh với sở hữu hỗn hợp, nhất là các doanh nghiệp cổ phần. Hoàn thiện cơ chế, chính sách để phát triển mạnh kinh tế tư nhân theo quy hoạch và quy định của pháp luật, thúc đẩy hình thành các tập đoàn kinh tế tư nhân, khuyến khích tư nhân góp vốn vào các tập đoàn kinh tế nhà nước. Thu hút đầu tư nước ngoài có công nghệ hiện đại, thân thiện môi trường và tăng cường sự liên

kết với các doanh nghiệp trong nước. Thực hiện Chương trình quốc gia về phát triển doanh nghiệp gắn với quá trình cơ cấu lại doanh nghiệp. Hỗ trợ phát triển mạnh các doanh nghiệp nhỏ và vừa. Tạo điều kiện để hình thành các doanh nghiệp lớn, có sức cạnh tranh trên thị trường. Phát triển doanh nhân về số lượng và năng lực quản lý, đề cao đạo đức và trách nhiệm xã hội. Hoàn thiện khuôn khổ pháp luật để tăng cường sự gắn bó giữa người sử dụng lao động và người lao động.

Tạo lập đồng bộ và vận hành thông suốt các loại thị trường. Phát triển thị trường hàng hoá, dịch vụ theo hướng tự do hoá thương mại và đầu tư. Phát triển thị trường tài chính với cơ cấu hoàn chỉnh, quy mô tăng nhanh, phạm vi hoạt động mở rộng, vận hành an toàn, được quản lý và giám sát hiệu quả. Phát triển và kiểm soát có hiệu quả thị trường chứng khoán. Phát triển lành mạnh, bền vững thị trường bất động sản, ngăn chặn tình trạng đầu cơ; hoàn thiện cơ chế vận hành sàn giao dịch bất động sản. Phát triển thị trường lao động, khuyến khích các hình thức giao dịch việc làm. Phát triển nhanh thị trường khoa học và công nghệ; khuyến khích, hỗ trợ các hoạt động khoa học và công nghệ theo cơ chế thị trường.

2. Phát triển mạnh công nghiệp và xây dựng theo hướng hiện đại, nâng cao chất lượng và sức cạnh tranh

Cơ cấu lại sản xuất công nghiệp cả về ngành kinh tế - kỹ thuật, vùng và giá trị mới. Tăng hàm lượng khoa học công nghệ và tỷ trọng giá trị nội địa trong sản phẩm. Phát triển có chọn lọc công nghiệp chế biến, chế tác, công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp năng lượng, khai khoáng, luyện kim, hoá chất, công nghiệp quốc phòng. Ưu tiên phát triển các sản

phẩm có lợi thế cạnh tranh, sản phẩm có khả năng tham gia mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu thuộc các ngành công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp cơ khí, công nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông, công nghiệp dược... Phát triển mạnh công nghiệp hỗ trợ. Chú trọng phát triển công nghiệp phục vụ nông nghiệp, nông thôn, năng lượng sạch, năng lượng tái tạo và vật liệu mới đi đôi với áp dụng công nghệ tiết kiệm năng lượng, nguyên liệu. Từng bước phát triển công nghiệp sinh học và công nghiệp môi trường. Tiếp tục phát triển phù hợp các ngành công nghiệp sử dụng nhiều lao động.

Phát huy hiệu quả các khu, cụm công nghiệp và đẩy mạnh phát triển công nghiệp theo hình thức cụm, nhóm sản phẩm tạo thành các tổ hợp công nghiệp quy mô lớn và hiệu quả cao; hoàn thành việc xây dựng các khu công nghệ cao và triển khai xây dựng một số khu nghiên cứu cải tiến kỹ thuật và đổi mới công nghệ. Thực hiện phân bố công nghiệp hợp lý trên toàn lãnh thổ, bảo đảm phát triển cân đối và hiệu quả giữa các vùng.

Phát triển ngành xây dựng đạt trình độ tiên tiến trong khu vực. Nhanh chóng tiếp cận và làm chủ các công nghệ hiện đại, nâng cao năng lực công nghiệp xây lắp đáp ứng yêu cầu xây dựng trong nước và có khả năng cạnh tranh trong đấu thầu quốc tế. Phát triển mạnh công nghiệp vật liệu xây dựng, nhất là vật liệu chất lượng cao, áp dụng công nghệ mới.

3. Phát triển nông nghiệp toàn diện theo hướng hiện đại, hiệu quả, bền vững

Khai thác lợi thế của nền nông nghiệp nhiệt đới để phát triển sản xuất hàng hóa lớn với năng suất, chất lượng, hiệu

quả và khả năng cạnh tranh cao. Tăng nhanh sản lượng và kim ngạch xuất khẩu nông sản, nâng cao thu nhập và đời sống nông dân, bảo đảm vững chắc an ninh lương thực quốc gia. Xây dựng mô hình sản xuất kinh doanh phù hợp với từng loại cây, con. Khuyến khích tập trung ruộng đất; phát triển trang trại, doanh nghiệp nông nghiệp phù hợp về quy mô và điều kiện của từng vùng. Gắn kết chặt chẽ, hài hoà lợi ích giữa người sản xuất, người chế biến và người tiêu thụ, giữa việc áp dụng kỹ thuật và công nghệ với tổ chức sản xuất, giữa phát triển nông nghiệp với xây dựng nông thôn mới. Đổi mới cơ bản phương thức tổ chức kinh doanh nông sản, trước hết là kinh doanh lúa gạo; bảo đảm phân phối lợi ích hợp lý trong từng công đoạn từ sản xuất đến tiêu dùng. Phát triển hệ thống kho chứa nông sản, góp phần điều tiết cung cầu. Tiếp tục đổi mới, xây dựng mô hình tổ chức để phát triển kinh tế hợp tác phù hợp với cơ chế thị trường. Kiểm soát chặt chẽ việc chuyển đất nông nghiệp, nhất là đất trồng lúa sang sử dụng vào mục đích khác đi đôi với việc bảo đảm lợi ích của người trồng lúa và địa phương trồng lúa. Trên cơ sở quy hoạch vùng, bố trí cơ cấu cây trồng, vật nuôi, mùa vụ và giống phù hợp với nhu cầu thị trường và giảm thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh. Phát triển các hình thức bảo hiểm phù hợp trong nông nghiệp. Đẩy nhanh áp dụng tiến bộ khoa học và công nghệ hiện đại trong sản xuất, chế biến, bảo quản; ưu tiên ứng dụng công nghệ sinh học để tạo nhiều giống cây trồng, vật nuôi và quy trình sản xuất đạt năng suất, chất lượng và hiệu quả cao, tăng nhanh giá trị gia tăng trên một đơn vị đất canh tác. Hỗ trợ phát triển các khu nông nghiệp công nghệ cao. Đẩy mạnh chăn nuôi theo phương thức công nghiệp, bán công nghiệp, bảo đảm chất lượng và an toàn dịch bệnh.

Phát triển lâm nghiệp bền vững. Quy hoạch và có chính sách phát triển phù hợp các loại rừng sản xuất, rừng phòng hộ và rừng đặc dụng với chất lượng được nâng cao. Nhà nước đầu tư và có chính sách đồng bộ để quản lý và phát triển rừng phòng hộ và rừng đặc dụng, đồng thời bảo đảm cho người nhận khoán chăm sóc, bảo vệ rừng có cuộc sống ổn định. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế đầu tư trồng rừng sản xuất; gắn trồng rừng nguyên liệu với công nghiệp chế biến ngay từ trong quy hoạch và dự án đầu tư; lấy nguồn thu từ rừng để phát triển rừng và làm giàu từ rừng.

Khai thác bền vững, có hiệu quả nguồn lợi thủy sản, phát triển đánh bắt xa bờ, gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh và bảo vệ môi trường biển. Phát triển nuôi trồng thủy sản theo quy hoạch, tập trung vào những sản phẩm có thế mạnh, có giá trị cao; xây dựng đồng bộ kết cấu hạ tầng vùng nuôi; đẩy mạnh áp dụng tiến bộ khoa học và công nghệ vào sản xuất và chế biến, nâng cao năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh và đáp ứng yêu cầu vệ sinh, an toàn thực phẩm. Xây dựng ngành thủy sản Việt Nam đạt trình độ tiên tiến trong khu vực.

Quy hoạch và phát triển có hiệu quả nghề muối, bảo đảm nhu cầu của đất nước và đời sống diêm dân.

4. Phát triển mạnh các ngành dịch vụ, nhất là các dịch vụ có giá trị cao, tiềm năng lớn và có sức cạnh tranh

Phát triển khu vực dịch vụ đạt tốc độ tăng trưởng cao hơn các khu vực sản xuất và cao hơn tốc độ tăng GDP là một hướng quan trọng chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

Tập trung phát triển một số ngành dịch vụ có lợi thế, có hàm lượng tri thức và công nghệ cao như du lịch, hàng hải,

hàng không, viễn thông, công nghệ thông tin, y tế. Hình thành một số trung tâm dịch vụ, du lịch có tầm cỡ khu vực và quốc tế. Mở rộng thị trường nội địa, phát triển mạnh thương mại trong nước; đa dạng hoá thị trường ngoài nước, khai thác có hiệu quả các thị trường có hiệp định mậu dịch tự do và thị trường tiềm năng, tăng nhanh xuất khẩu, giảm nhập siêu cả quy mô và tỷ trọng, phấn đấu cân bằng xuất nhập khẩu. Chủ động tham gia vào mạng phân phối toàn cầu, phát triển nhanh hệ thống phân phối các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh ở cả trong và ngoài nước, xây dựng thương hiệu hàng hoá Việt Nam. Đa dạng hóa sản phẩm và các loại hình du lịch, nâng cao chất lượng để đạt tiêu chuẩn quốc tế. Hiện đại hóa và mở rộng các dịch vụ có giá trị gia tăng cao như tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán, lô-gi-stíc và các dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác. Phát triển mạnh dịch vụ khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo, văn hóa, thông tin, thể thao, dịch vụ việc làm và an sinh xã hội.

5. Phát triển nhanh kết cấu hạ tầng, nhất là hạ tầng giao thông

Hình thành cơ bản hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, với một số công trình hiện đại là một đột phá chiến lược, là yếu tố quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và cơ cấu lại nền kinh tế. Tập trung rà soát và hoàn chỉnh quy hoạch xây dựng kết cấu hạ tầng trong cả nước và trong từng vùng, nhất là giao thông, thủy điện, thủy lợi, bảo đảm sử dụng tiết kiệm các nguồn lực và hiệu quả kinh tế, xã hội, bảo vệ môi trường.

Đa dạng hoá hình thức đầu tư, khuyến khích và tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế, kể cả đầu tư nước ngoài tham gia phát triển kết cấu hạ tầng.

Tập trung các nguồn lực đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Bắc - Nam, nâng cấp đường sắt hiện có, xây dựng hệ thống đường sắt đô thị ở các thành phố lớn. Trên cơ sở quy hoạch, chuẩn bị các điều kiện để từng bước xây dựng đường sắt cao tốc Bắc - Nam với lộ trình phù hợp; xây dựng một số cảng biển và cảng hàng không hiện đại; cải tạo và nâng cấp hạ tầng đô thị tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh. Từng bước hình thành đồng bộ trục giao thông Bắc - Nam, các trục hành lang Đông - Tây bảo đảm liên kết các phương thức vận tải; xây dựng các tuyến đường bộ đối ngoại đạt tiêu chuẩn kỹ thuật quốc tế.

Phát triển đồng bộ và từng bước hiện đại hóa hệ thống thủy lợi, chú trọng xây dựng và củng cố hệ thống đê biển, đê sông, các trạm bơm, các công trình ngăn mặn và xả lũ. Xây dựng các công trình phòng tránh thiên tai, các khu neo đậu tàu thuyền để giảm nhẹ thiệt hại cho nhân dân. Phát triển nhanh và bền vững nguồn điện, hoàn chỉnh hệ thống lưới điện, đi đôi với sử dụng công nghệ tiết kiệm năng lượng, bảo đảm cung cấp đủ điện cho nhu cầu phát triển. Hiện đại hoá ngành thông tin - truyền thông và hạ tầng công nghệ thông tin. Phát triển hệ thống cung cấp nước sạch và hợp vệ sinh cho đô thị, khu công nghiệp và dân cư nông thôn. Giải quyết cơ bản vấn đề thoát nước và xử lý nước thải ở các đô thị.

6. Phát triển hài hoà, bền vững các vùng, xây dựng đô thị và nông thôn mới

Rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch và có cơ chế, chính sách phù hợp để các vùng trong cả nước cùng phát triển, phát huy lợi thế của từng vùng, tạo sự liên kết giữa các vùng. Thúc đẩy phát triển các vùng kinh tế trọng điểm, tạo động lực và tác động lan toả đến các vùng khác; đồng thời,

tạo điều kiện phát triển nhanh hơn các khu vực còn nhiều khó khăn, đặc biệt là các vùng biên giới, hải đảo, Tây Nam, Tây Nguyên, Tây Bắc và phía Tây các tỉnh miền Trung. Lựa chọn một số địa bàn có lợi thế vượt trội, nhất là ở ven biển để xây dựng một số khu kinh tế làm đầu tàu phát triển.

Việc thực hiện các định hướng phát triển vùng phải bảo đảm sử dụng đất có hiệu quả và tiết kiệm, gắn với các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu, nhất là nước biển dâng để bảo đảm phát triển bền vững.

Vùng đồng bằng: Phát triển nông nghiệp công nghệ cao. Hình thành các vùng sản xuất hàng hoá tập trung trên cơ sở tổ chức lại sản xuất nông nghiệp và áp dụng các tiến bộ kỹ thuật. Quy hoạch các vùng chuyên canh sản xuất lúa hàng hoá lớn, đẩy mạnh thâm canh sản xuất lúa. Hiện đại hoá công nghiệp bảo quản, chế biến. Phát triển các ngành công nghiệp, dịch vụ phục vụ phát triển sản xuất nông nghiệp. Phát triển các khu công nghiệp, các cụm, nhóm sản phẩm công nghiệp và dịch vụ công nghệ cao gắn với các đô thị lớn để hình thành các trung tâm kinh tế lớn của cả nước, có tầm cỡ khu vực, có vai trò dẫn dắt và tác động lan toả đến sự phát triển các vùng khác.

Vùng trung du, miền núi: Phát triển mạnh sản xuất lâm nghiệp, cây công nghiệp, cây ăn quả và chăn nuôi đại gia súc tạo thành các vùng sản xuất hàng hoá tập trung, trước hết là nguyên liệu cho công nghiệp chế biến và xuất khẩu. Bảo vệ và phát triển rừng. Khai thác hiệu quả tiềm năng đất đai, thủy điện và khoáng sản; xây dựng hồ chứa nước, phát triển thủy lợi nhỏ kết hợp thủy điện và ngăn lũ. Khuyến khích phát triển công nghiệp và dịch vụ có nhu cầu diện tích đất lớn. Phát triển giao thông nông thôn, bảo đảm đường ô tô tới các xã thông suốt bốn mùa và từng bước có đường ô tô đến

thôn, bản. Đẩy mạnh giảm nghèo bền vững, nâng cao thu nhập, không ngừng cải thiện đời sống và chất lượng dân số của đồng bào các dân tộc thiểu số. Đổi mới căn bản tổ chức quản lý nông, lâm trường quốc doanh. Chú trọng phát triển hạ tầng kinh tế, xã hội tại các khu vực biên giới, nhất là tại các cửa khẩu.

Vùng biển, ven biển và hải đảo: Phát triển mạnh kinh tế biển tương xứng với vị thế và tiềm năng biển của nước ta, gắn phát triển kinh tế biển với bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ chủ quyền vùng biển. Phát triển nhanh một số khu kinh tế, khu công nghiệp ven biển, ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp năng lượng, đóng tàu, xi măng, chế biến thủy sản chất lượng cao... Đẩy nhanh tốc độ đô thị hóa, tạo thành các trung tâm kinh tế biển mạnh, tạo thế tiến ra biển, gắn với phát triển đa dạng các ngành dịch vụ, nhất là các ngành có giá trị gia tăng cao như dịch vụ xuất, nhập khẩu, du lịch, dịch vụ nghề cá, dịch vụ dầu khí, vận tải... Phát triển cảng biển, dịch vụ cảng và vận tải biển, sông - biển; phát triển các đội tàu, công nghiệp đóng mới và sửa chữa tàu biển... Phát triển kinh tế đảo phù hợp với vị trí, tiềm năng và lợi thế của từng đảo.

Phát triển đô thị: Đổi mới cơ chế, chính sách, nâng cao chất lượng và quản lý chặt chẽ quy hoạch phát triển đô thị. Từng bước hình thành hệ thống đô thị có kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, thân thiện với môi trường gồm một số thành phố lớn, nhiều thành phố vừa và nhỏ liên kết và phân bố hợp lý trên các vùng; chú trọng phát triển đô thị miền núi, phát triển mạnh các đô thị ven biển.

Phát huy vai trò là trung tâm kinh tế, văn hóa, khoa học và công nghệ của Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh, vai trò của các trung tâm trên từng vùng và địa phương, nhất là về

phát triển nguồn nhân lực, phổ biến thông tin, truyền bá kiến thức, chuyển giao công nghệ, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Hình thành những cụm, nhóm sản phẩm, tạo hiệu ứng lan tỏa nhanh, hiệu quả cao trong sự gắn kết giữa sản xuất với thị trường từ trung tâm đến ngoại vi.

Có chính sách để phát triển mạnh nhà ở cho nhân dân, nhất là cho các đối tượng chính sách và người có thu nhập thấp.

Xây dựng nông thôn mới: Quy hoạch phát triển nông thôn gắn với phát triển đô thị và bố trí các điểm dân cư. Phát triển mạnh công nghiệp, dịch vụ và làng nghề gắn với bảo vệ môi trường. Triển khai chương trình xây dựng nông thôn mới phù hợp với đặc điểm từng vùng theo các bước đi cụ thể, vững chắc trong từng giai đoạn; giữ gìn và phát huy những nét văn hóa đặc sắc của nông thôn Việt Nam. Đẩy mạnh xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn. Tạo môi trường thuận lợi để khai thác mọi khả năng đầu tư vào nông nghiệp và nông thôn, nhất là đầu tư của các doanh nghiệp nhỏ và vừa, thu hút nhiều lao động. Triển khai có hiệu quả Chương trình đào tạo nghề cho 1 triệu lao động nông thôn mỗi năm.

Thực hiện tốt các chương trình hỗ trợ nhà ở cho người nghèo và các đối tượng chính sách, chương trình nhà ở cho đồng bào vùng bão, lũ; bố trí hợp lý dân cư, bảo đảm an toàn ở những vùng ngập lũ, sạt lở núi, ven sông, ven biển.

Hình thành và phát triển các hành lang, vành đai kinh tế và các cực tăng trưởng có ý nghĩa đối với cả nước và liên kết trong khu vực: Tạo sự kết nối đồng bộ về hệ thống kết cấu hạ tầng để hình thành trục kinh tế Bắc - Nam, các hành lang kinh tế Đông - Tây, các hành lang kinh tế xuyên Á. Hình thành các cụm, nhóm sản phẩm công nghiệp, dịch vụ, kết nối các đô thị trung tâm dọc tuyến hành lang kinh tế. Xây dựng

trung tâm hợp tác phát triển kinh tế lớn tại các cửa khẩu trên các hành lang kinh tế.

7. Phát triển toàn diện các lĩnh vực văn hóa, xã hội hài hoà với phát triển kinh tế

Tạo bước phát triển mạnh mẽ về văn hoá, xã hội. Tăng đầu tư của Nhà nước, đồng thời đẩy mạnh huy động các nguồn lực của xã hội để phát triển văn hoá, xã hội. Hoàn thiện hệ thống chính sách, kết hợp chặt chẽ các mục tiêu, chính sách kinh tế với các mục tiêu, chính sách xã hội; thực hiện tốt tiến bộ, công bằng xã hội trong từng bước, từng chính sách phát triển phù hợp với điều kiện cụ thể, bảo đảm phát triển nhanh, bền vững.

Nâng cao thu nhập và chất lượng cuộc sống của nhân dân. Tạo cơ hội bình đẳng tiếp cận các nguồn lực phát triển và hưởng thụ các dịch vụ cơ bản, các phúc lợi xã hội. Thực hiện có hiệu quả hơn chính sách giảm nghèo phù hợp với từng thời kỳ; đa dạng hóa các nguồn lực và phương thức để bảo đảm giảm nghèo bền vững, nhất là tại các huyện nghèo nhất và các vùng đặc biệt khó khăn. Khuyến khích làm giàu theo pháp luật, tăng nhanh số hộ có thu nhập trung bình khá trở lên. Có chính sách và các giải pháp phù hợp nhằm hạn chế phân hoá giàu nghèo, giảm chênh lệch mức sống giữa nông thôn và thành thị.

Hoàn thiện hệ thống chính sách và cơ chế cung ứng dịch vụ công cộng thích ứng với thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Nhà nước không ngừng nâng cao mức bảo đảm các dịch vụ công cộng thiết yếu cho nhân dân.

Thực hiện tốt các chính sách về lao động, việc làm, tiền lương, thu nhập nhằm khuyến khích và phát huy cao nhất năng lực của người lao động. Bảo đảm quan hệ lao động hài

hoà, cải thiện môi trường và điều kiện lao động. Đẩy mạnh dạy nghề và tạo việc làm. Nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài. Hỗ trợ học nghề và tạo việc làm cho các đối tượng chính sách, người nghèo, lao động nông thôn và vùng đô thị hoá. Phát triển hệ thống an sinh xã hội đa dạng, ngày càng mở rộng và hiệu quả. Phát triển mạnh hệ thống bảo hiểm như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp... Khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để người lao động tiếp cận và tham gia các loại hình bảo hiểm. Thực hiện tốt các chính sách ưu đãi và không ngừng nâng cao mức sống đối với người có công. Mở rộng các hình thức trợ giúp và cứu trợ xã hội, nhất là đối với các đối tượng khó khăn.

Phát triển toàn diện, đồng bộ các lĩnh vực văn hóa, vừa phát huy những giá trị tốt đẹp của dân tộc, vừa tiếp thu những tinh hoa văn hoá nhân loại, xử lý tốt mối quan hệ giữa kinh tế và văn hoá để văn hoá thực sự là nền tảng tinh thần của xã hội, là một động lực phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế. Tập trung xây dựng đời sống, lối sống và môi trường văn hóa lành mạnh; coi trọng văn hoá trong lãnh đạo, quản lý, văn hoá trong kinh doanh và văn hoá trong ứng xử. Chú trọng xây dựng nhân cách con người Việt Nam về lý tưởng, trí tuệ, đạo đức, lối sống, thể chất, lòng tự tôn dân tộc, trách nhiệm xã hội, ý thức chấp hành pháp luật, nhất là trong thế hệ trẻ. Phát huy giá trị truyền thống tốt đẹp, xây dựng gia đình Việt Nam ấm no, tiến bộ, hạnh phúc; thực hiện tốt bình đẳng giới, sự tiến bộ của phụ nữ; chăm sóc, giáo dục và bảo vệ quyền trẻ em. Bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của công dân theo quy định của pháp luật. Khuyến khích tự do sáng tạo trong hoạt động văn hoá, văn

học nghệ thuật để tạo ra nhiều sản phẩm có giá trị cao, có sức lan tỏa lớn, xứng đáng với tầm vóc của dân tộc. Xây dựng và nâng cấp đồng bộ hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao. Coi trọng bảo tồn và phát huy các di sản văn hoá dân tộc. Nâng cao mức hưởng thụ văn hoá của nhân dân.

Nâng cao chất lượng hệ thống thông tin, báo chí, internet, xuất bản. Bảo đảm quyền được thông tin và cơ hội tiếp cận thông tin của nhân dân, đặc biệt ở các vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc. Tiếp tục đổi mới cơ chế và nâng cao hiệu quả quản lý, đẩy mạnh xã hội hóa các lĩnh vực văn hóa, thông tin, hình thành thị trường văn hóa lành mạnh. Đấu tranh chống các biểu hiện phi văn hóa, suy thoái đạo đức, lối sống, tác động tiêu cực của các sản phẩm văn hóa thông tin đồi trụy, kích động bạo lực. Đẩy mạnh phòng, chống tội phạm và các tệ nạn xã hội; giảm tệ nạn ma túy, mại dâm; ngăn chặn có hiệu quả tai nạn giao thông. Nâng cao chất lượng phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa; xây dựng xã, phường, khu phố, thôn, bản đoàn kết, dân chủ, kỷ cương, văn minh, lành mạnh.

8. Phát triển mạnh sự nghiệp y tế, nâng cao chất lượng công tác chăm sóc sức khoẻ nhân dân

Tập trung phát triển mạnh hệ thống chăm sóc sức khoẻ và nâng cao chất lượng dịch vụ y tế. Nhà nước tiếp tục tăng đầu tư đồng thời đẩy mạnh xã hội hóa để phát triển nhanh hệ thống y tế công lập và ngoài công lập; hoàn chỉnh mô hình tổ chức và củng cố mạng lưới y tế cơ sở. Nâng cao năng lực của trạm y tế xã, hoàn thành xây dựng bệnh viện tuyến huyện, nâng cấp bệnh viện tuyến tỉnh và tuyến trung ương. Xây dựng thêm một số bệnh viện chuyên khoa có trình độ cao tại Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và một số vùng. Xây

dựng một số cơ sở khám, chữa bệnh có tầm cỡ khu vực. Khuyến khích các nhà đầu tư thuộc các thành phần kinh tế thành lập các cơ sở y tế chuyên khoa có chất lượng cao. Khắc phục tình trạng quá tải ở các bệnh viện, đặc biệt là bệnh viện tuyến trung ương và tuyến tỉnh. Đổi mới cơ chế hoạt động, nhất là cơ chế tài chính của các cơ sở y tế công lập theo hướng tự chủ, công khai, minh bạch. Chuẩn hoá chất lượng dịch vụ y tế, chất lượng bệnh viện, từng bước tiếp cận với tiêu chuẩn khu vực và quốc tế. Đổi mới và hoàn thiện đồng bộ các chính sách bảo hiểm y tế, khám, chữa bệnh và viện phí phù hợp; có lộ trình thực hiện bảo hiểm y tế toàn dân. Thực hiện tốt chính sách khám, chữa bệnh cho các đối tượng chính sách, người nghèo, trẻ em và người dân tộc thiểu số, chăm sóc sức khoẻ người cao tuổi. Tăng cường đào tạo và nâng cao chất lượng chuyên môn, y đức, tinh thần trách nhiệm của đội ngũ cán bộ y tế. Phấn đấu đến năm 2020 tất cả các xã, phường có bác sĩ. Phát triển mạnh y tế dự phòng, không để xảy ra dịch bệnh lớn. Tiếp tục kiểm chế và giảm mạnh lây nhiễm HIV. Tiếp tục giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng. Nâng cao chất lượng và bảo đảm vệ sinh, an toàn thực phẩm. Phát triển nhanh công nghiệp dược và thiết bị y tế. Phát triển mạnh y học dân tộc kết hợp với y học hiện đại. Quản lý chặt chẽ việc sản xuất và kinh doanh dược phẩm.

Xây dựng và thực hiện chiến lược quốc gia về nâng cao sức khỏe, tầm vóc con người Việt Nam. Đẩy mạnh phát triển thể dục thể thao quần chúng và thể thao thành tích cao. Thực hiện tốt các chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình, duy trì mức sinh thay thế, bảo đảm cân bằng giới tính hợp lý, nâng cao chất lượng dân số. Đẩy mạnh xã hội hoá trong các lĩnh vực y tế, dân số - kế hoạch hoá gia đình và thể dục thể thao.

9. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đổi mới toàn diện và phát triển nhanh giáo dục và đào tạo

Phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao là một đột phá chiến lược, là yếu tố quyết định đẩy mạnh phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ, cơ cấu lại nền kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng và là lợi thế cạnh tranh quan trọng nhất, bảo đảm cho phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững. Đặc biệt coi trọng phát triển đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý giỏi, đội ngũ chuyên gia, quản trị doanh nghiệp giỏi, lao động lành nghề và cán bộ khoa học, công nghệ đầu đàn. Đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu đa dạng, đa tầng của công nghệ và trình độ phát triển của các lĩnh vực, ngành nghề. Thực hiện liên kết chặt chẽ giữa các doanh nghiệp, cơ sở sử dụng lao động, cơ sở đào tạo và Nhà nước để phát triển nguồn nhân lực theo nhu cầu xã hội. Thực hiện các chương trình, đề án đào tạo nhân lực chất lượng cao đối với các ngành, lĩnh vực chủ yếu, mũi nhọn. Chú trọng phát hiện, bồi dưỡng, phát huy nhân tài; đào tạo nhân lực cho phát triển kinh tế tri thức.

Phát triển giáo dục là quốc sách hàng đầu. Đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục Việt Nam theo hướng chuẩn hoá, hiện đại hoá, xã hội hoá, dân chủ hóa và hội nhập quốc tế, trong đó, đổi mới cơ chế quản lý giáo dục, phát triển đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý là khâu then chốt. Tập trung nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo, coi trọng giáo dục đạo đức, lối sống, năng lực sáng tạo, kỹ năng thực hành, khả năng lập nghiệp. Đổi mới cơ chế tài chính giáo dục. Thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục, đào tạo ở tất cả các bậc học. Xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, kết hợp chặt chẽ giữa nhà trường với gia đình và xã hội.

Mở rộng giáo dục mầm non, hoàn thành phổ cập mầm non 5 tuổi. Thực hiện phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở với chất lượng ngày càng cao. Phát triển mạnh và nâng cao chất lượng dạy nghề và giáo dục chuyên nghiệp. Rà soát, hoàn thiện quy hoạch và thực hiện quy hoạch mạng lưới trường đại học, cao đẳng và dạy nghề trong cả nước. Thực hiện đồng bộ các giải pháp để nâng cao chất lượng giáo dục đại học, bảo đảm cơ chế tự chủ gắn với nâng cao trách nhiệm xã hội của các cơ sở giáo dục, đào tạo. Tập trung đầu tư xây dựng một số trường, khoa, chuyên ngành mũi nhọn, chất lượng cao.

Đổi mới mạnh mẽ nội dung, chương trình, phương pháp dạy và học ở tất cả các cấp, bậc học. Tích cực chuẩn bị để từ sau năm 2015 thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới. Mở rộng và nâng cao chất lượng đào tạo ngoại ngữ. Nhà nước tăng đầu tư, đồng thời đẩy mạnh xã hội hóa, huy động toàn xã hội chăm lo phát triển giáo dục. Phát triển nhanh và nâng cao chất lượng giáo dục ở vùng khó khăn, vùng núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Đẩy mạnh phong trào khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập; mở rộng các phương thức đào tạo từ xa và hệ thống các trung tâm học tập cộng đồng, trung tâm giáo dục thường xuyên. Thực hiện tốt bình đẳng về cơ hội học tập và các chính sách xã hội trong giáo dục.

10. Phát triển khoa học và công nghệ thực sự là động lực then chốt của quá trình phát triển nhanh và bền vững

Hướng trọng tâm hoạt động khoa học, công nghệ vào phục vụ công nghiệp hoá, hiện đại hoá, phát triển theo chiều sâu góp phần tăng nhanh năng suất, chất lượng, hiệu quả và

nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế. Thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ: nâng cao năng lực, đổi mới cơ chế quản lý, đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ, tăng cường hội nhập quốc tế về khoa học, công nghệ.

Tăng nhanh năng lực khoa học, công nghệ có trọng tâm, trọng điểm. Phát triển đồng bộ và sử dụng có hiệu quả cơ sở vật chất và nguồn nhân lực. Nhà nước tập trung đầu tư cho các nhiệm vụ trọng điểm quốc gia, các giải pháp khoa học, công nghệ cho các sản phẩm chủ lực, mũi nhọn, đồng thời đẩy mạnh xã hội hóa, huy động mọi nguồn lực xã hội, nhất là của các doanh nghiệp cho phát triển khoa học, công nghệ. Gắn các mục tiêu, nhiệm vụ khoa học, công nghệ với các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội ở từng cấp, ngành, địa phương và cơ sở.

Đổi mới mạnh mẽ, đồng bộ tổ chức, cơ chế quản lý, cơ chế hoạt động khoa học, công nghệ. Phát huy vai trò, hiệu quả của các tổ chức khoa học, công nghệ chủ lực trong việc thực hiện các nhiệm vụ khoa học, công nghệ trọng điểm. Phát triển mạnh thị trường khoa học và công nghệ. Đổi mới căn bản cơ chế sử dụng kinh phí nhà nước và cơ chế xây dựng, triển khai các nhiệm vụ khoa học, công nghệ theo hướng lấy mục tiêu và hiệu quả ứng dụng là tiêu chuẩn hàng đầu; chuyển các đơn vị sự nghiệp khoa học, công nghệ sang cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm. Phát triển các doanh nghiệp khoa học, công nghệ, các quỹ đổi mới công nghệ và quỹ đầu tư mạo hiểm. Xây dựng đồng bộ chính sách đào tạo, thu hút, trọng dụng, đãi ngộ xứng đáng nhân tài khoa học và công nghệ. Thực hành dân chủ, tôn trọng và phát huy tự do tư tưởng trong hoạt động nghiên cứu, sáng tạo của trí thức vì sự phát triển của đất nước.

Đẩy mạnh nghiên cứu - triển khai, ứng dụng công nghệ; phát triển hợp lý, đồng bộ khoa học xã hội, khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật và công nghệ. Khoa học xã hội làm tốt nhiệm vụ nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn, dự báo xu hướng phát triển, cung cấp luận cứ cho việc xây dựng đường lối, chính sách phát triển đất nước trong giai đoạn mới. Hướng mạnh nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ gắn với yêu cầu phát triển của từng ngành, từng lĩnh vực, từng sản phẩm, gắn với đào tạo và sản xuất kinh doanh. Xây dựng và thực hiện chương trình đổi mới công nghệ quốc gia, có chính sách khuyến khích doanh nghiệp nhập khẩu công nghệ hiện đại, trước hết là đối với những ngành, lĩnh vực chủ lực, mũi nhọn; ưu tiên phát triển công nghệ cao; ứng dụng nhanh khoa học và công nghệ vào lĩnh vực nông nghiệp và công nghiệp nông thôn; sử dụng hợp lý công nghệ dùng nhiều lao động. Nhanh chóng hình thành một số cơ sở nghiên cứu - ứng dụng mạnh, đủ sức tiếp thu, cải tiến công nghệ và sáng tạo công nghệ mới gắn với hoạt động sản xuất kinh doanh. Phát huy hiệu quả các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia. Có chính sách khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế đổi mới công nghệ, làm chủ các công nghệ then chốt, mũi nhọn và đẩy mạnh sản xuất các sản phẩm có hàm lượng công nghệ cao, trong đó ưu tiên các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Quan tâm đúng mức nghiên cứu cơ bản có trọng điểm, theo yêu cầu phát triển của đất nước.

Chú trọng phát triển các ngành, lĩnh vực khoa học, công nghệ làm nền tảng cho phát triển kinh tế tri thức như: công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới, công nghệ môi trường... Tập trung phát triển sản phẩm công nghệ cao, có giá trị gia tăng lớn trong một số ngành, lĩnh vực.

Hình thành hệ thống đánh giá kết quả, hiệu quả hoạt động khoa học và công nghệ. Thực hiện nghiêm túc các quy định về quyền sở hữu trí tuệ, tập trung phát triển và khai thác tài sản trí tuệ. Mở rộng và nâng cao hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn đạt chuẩn mực quốc tế.

11. Bảo vệ và cải thiện chất lượng môi trường, chủ động ứng phó có hiệu quả với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai

Nâng cao ý thức bảo vệ môi trường, gắn nhiệm vụ, mục tiêu bảo vệ môi trường với phát triển kinh tế - xã hội. Đổi mới cơ chế quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường. Đưa nội dung bảo vệ môi trường vào chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, vùng và các chương trình, dự án. Các dự án đầu tư xây dựng mới phải bảo đảm yêu cầu về môi trường. Thực hiện nghiêm ngặt lộ trình xử lý các cơ sở gây ô nhiễm môi trường. Hoàn thiện hệ thống luật pháp về bảo vệ môi trường; xây dựng chế tài đủ mạnh để ngăn ngừa, xử lý các hành vi vi phạm. Khắc phục suy thoái, bảo vệ môi trường và cân bằng sinh thái, nâng cao chất lượng môi trường. Thực hiện tốt chương trình trồng rừng, ngăn chặn có hiệu quả nạn phá rừng, cháy rừng; tăng diện tích các khu bảo tồn thiên nhiên. Quản lý, khai thác và sử dụng có hiệu quả tài nguyên đất, nước, khoáng sản và các nguồn tài nguyên thiên nhiên khác. Hạn chế và tiến tới không xuất khẩu tài nguyên chưa qua chế biến. Chú trọng phát triển kinh tế xanh, thân thiện với môi trường. Thực hiện sản xuất và tiêu dùng bền vững; từng bước phát triển năng lượng sạch, sản xuất sạch, tiêu dùng sạch. Đẩy mạnh xã hội hóa công tác bảo vệ môi trường, phát triển các dịch vụ môi trường, xử lý chất thải.

Đẩy mạnh công tác nghiên cứu, dự báo khí tượng thủy văn, biến đổi khí hậu và đánh giá tác động để chủ động triển khai thực hiện có hiệu quả các giải pháp phòng, chống thiên tai và Chương trình quốc gia về ứng phó với biến đổi khí hậu, nhất là nước biển dâng. Tăng cường hợp tác quốc tế để phối hợp hành động và tranh thủ sự giúp đỡ của cộng đồng quốc tế.

12. Giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, bảo đảm an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội; mở rộng quan hệ đối ngoại, chủ động hội nhập, nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế

Tăng cường tiềm lực quốc phòng, bảo đảm vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ quốc gia cả ở đất liền, vùng trời, vùng biển và hải đảo. Giữ vững hòa bình, ổn định để xây dựng và phát triển đất nước.

Bố trí thế trận quốc phòng, an ninh phù hợp với tình hình mới. Gắn kết quốc phòng với an ninh. Kết hợp chặt chẽ quốc phòng, an ninh với phát triển kinh tế - xã hội trên từng địa bàn lãnh thổ, trong công tác quy hoạch, kế hoạch và các chương trình, dự án. Bảo đảm an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội, quan tâm đặc biệt đến các vùng, địa bàn trọng điểm. Mở rộng phương thức huy động nguồn lực xây dựng công nghiệp quốc phòng và nâng cao khả năng bảo đảm của công nghiệp quốc phòng. Lồng ghép các chương trình để xây dựng các khu kinh tế - quốc phòng ở vùng biên giới, hải đảo. Xây dựng lực lượng Quân đội nhân dân và Công an nhân dân vững mạnh toàn diện, cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại; bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ Đảng, Nhà

nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa; giữ vững ổn định chính trị và trật tự, an toàn xã hội; làm thất bại mọi âm mưu chống phá của các thế lực thù địch và mọi ý đồ, hành động xâm phạm chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ; không để bị động, bất ngờ.

Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển; đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; Việt Nam là bạn, đối tác tin cậy và là thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế; tạo môi trường hòa bình, ổn định để xây dựng và phát triển đất nước.

Tăng cường quan hệ hữu nghị, hợp tác với các nước láng giềng; thúc đẩy giải quyết các vấn đề còn tồn tại về biên giới, lãnh thổ, ranh giới biển và thêm lực địa với các nước liên quan trên cơ sở luật pháp quốc tế và quy tắc ứng xử của khu vực. Xây dựng đường biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác cùng phát triển. Chủ động, tích cực và có trách nhiệm cùng các nước xây dựng cộng đồng ASEAN vững mạnh. Kết hợp chặt chẽ đối ngoại của Đảng với ngoại giao của Nhà nước và ngoại giao nhân dân, giữa ngoại giao chính trị với ngoại giao kinh tế và ngoại giao văn hoá, giữa đối ngoại với quốc phòng, an ninh. Nâng cao hiệu quả hội nhập quốc tế, góp phần xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ và phát triển nhanh, bền vững. Phát huy vai trò và nguồn lực của cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài vào phát triển đất nước.

Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, tạo điều kiện thuận lợi để thu hút mạnh các nguồn vốn quốc tế; thu hút các nhà đầu tư lớn, có công nghệ cao, công nghệ nguồn; mở rộng thị trường xuất khẩu.

V- NÂNG CAO HIỆU LỰC, HIỆU QUẢ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC BẢO ĐẢM THỰC HIỆN THẮNG LỢI CHIẾN LƯỢC

1. Thực hiện tốt chức năng của Nhà nước, giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa Nhà nước với thị trường

Xây dựng đồng bộ, nâng cao chất lượng và tổ chức thực hiện có hiệu quả hệ thống pháp luật, thể chế và các chính sách phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện ngày càng tốt hơn an sinh xã hội và phúc lợi xã hội, bảo vệ và trợ giúp các đối tượng dễ bị tổn thương trong nền kinh tế thị trường. Bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô và an ninh kinh tế.

Xây dựng và tổ chức thực hiện tốt chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và bằng các nguồn lực, các chính sách hướng các quá trình phát triển kinh tế - xã hội và hệ thống kinh doanh vào những lĩnh vực và địa bàn cần thiết, đáp ứng mục tiêu, yêu cầu của sự phát triển.

Quản lý và sử dụng hiệu quả tài sản quốc gia, thực hiện tốt chức năng chủ sở hữu đối với doanh nghiệp nhà nước. Tổ chức cung ứng các sản phẩm hàng hoá và dịch vụ thiết yếu mà khu vực kinh tế tư nhân chưa làm được hoặc không muốn làm; kiểm soát độc quyền và bảo vệ người tiêu dùng.

Phát triển mạnh nguồn nhân lực và hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội đáp ứng yêu cầu phát triển.

Bảo đảm quốc phòng, an ninh và thực hiện có hiệu quả đường lối đối ngoại của Đảng, giữ vững ổn định chính trị - xã hội, tạo lập môi trường ngày càng thuận lợi cho phát triển đất nước.

Nhà nước quản lý điều hành nền kinh tế bằng pháp luật, quy hoạch, kế hoạch và các công cụ điều tiết trên cơ sở tôn

trọng các quy luật thị trường. Tăng cường công tác giám sát, nhất là giám sát thị trường tài chính, chủ động điều tiết, giảm các tác động tiêu cực của thị trường, không phó mặc cho thị trường hoặc can thiệp làm sai lệch các quan hệ thị trường.

2. Hoàn thiện bộ máy nhà nước, tạo bước chuyển mạnh về cải cách hành chính

Đẩy mạnh cải cách lập pháp, hành pháp và tư pháp, đổi mới tư duy và quy trình xây dựng pháp luật, nâng cao chất lượng hệ thống pháp luật. Tiếp tục xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, thực hiện nguyên tắc quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp. Hoàn thiện cơ chế để tăng cường kiểm tra, giám sát hoạt động của các cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp.

Tập trung xây dựng nền hành chính nhà nước trong sạch, vững mạnh, bảo đảm quản lý thống nhất, thông suốt, hiệu lực, hiệu quả. Thực hiện chương trình tổng thể cải cách hành chính và hiện đại hoá nền hành chính quốc gia. Tiếp tục kiện toàn bộ máy Chính phủ, nâng cao hiệu quả quản lý vĩ mô, nhất là chất lượng xây dựng thể chế, quy hoạch, năng lực dự báo và khả năng phản ứng chính sách trong điều kiện kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế. Tổng kết, đánh giá mô hình tổ chức và chất lượng hoạt động của chính quyền địa phương nhằm xác lập mô hình tổ chức phù hợp, bảo đảm phân định đúng chức năng, trách nhiệm, thẩm quyền, sát thực tế, hiệu lực, hiệu quả. Xây dựng mô hình chính quyền đô thị và chính quyền nông thôn phù hợp.

Hoàn thiện cơ chế phân cấp, bảo đảm quản lý thống nhất về quy hoạch và những định hướng phát triển, tăng cường giám sát, kiểm tra, thanh tra; đồng thời đề cao vai trò chủ động, tinh thần trách nhiệm, nâng cao năng lực của từng cấp, từng ngành. Mở rộng dân chủ đi đôi với tăng cường kỷ luật, kỷ cương.

Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có phẩm chất đạo đức tốt, có bản lĩnh chính trị, có năng lực, có tính chuyên nghiệp cao, tận tụy phục vụ nhân dân. Quy định rõ và đề cao trách nhiệm của người đứng đầu.

Đặt yêu cầu cải cách thủ tục hành chính ngay trong quá trình xây dựng thể chế, tổng kết kinh nghiệm thực tiễn và tăng cường đối thoại giữa Nhà nước với doanh nghiệp và nhân dân; mở rộng dân chủ, phát huy vai trò của các tổ chức và chuyên gia tư vấn độc lập trong việc xây dựng thể chế, chuẩn mực quốc gia về thủ tục hành chính; giảm mạnh các thủ tục hiện hành. Công khai các chuẩn mực, các quy định hành chính để nhân dân giám sát việc thực hiện. Tăng cường tính minh bạch, trách nhiệm trong hoạt động công vụ. Đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và điều hành của hệ thống hành chính nhà nước các cấp.

3. Đẩy mạnh cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí

Thực hiện kiên trì, kiên quyết, có hiệu quả cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí là nhiệm vụ rất quan trọng, vừa cấp bách, vừa lâu dài của công tác xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước. Hoàn thiện thể chế, luật pháp. Nâng cao phẩm chất đạo đức của đội ngũ công chức; công khai, minh bạch tài sản của cán bộ, công chức. Tăng cường công tác giám sát, thực hiện dân chủ, tạo cơ chế để nhân dân

giám sát các công việc có liên quan đến ngân sách, tài sản của Nhà nước. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả của các cơ quan chức năng, khuyến khích phát hiện và xử lý nghiêm các hành vi tham nhũng, lãng phí. Cải cách cơ bản chế độ tiền lương của cán bộ, công chức, viên chức.

Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân và các cơ quan thông tin đại chúng trong việc phát hiện, đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

4. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong việc xây dựng bộ máy nhà nước

Trong điều kiện Đảng ta là đảng cầm quyền và có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân, phương thức lãnh đạo của Đảng phải chủ yếu bằng Nhà nước và thông qua Nhà nước.

Hoàn thiện nội dung và đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, gắn quyền hạn với trách nhiệm trong việc thực hiện chức năng lãnh đạo của các cấp ủy đảng; tăng cường dân chủ trong Đảng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân là nội dung quan trọng của đổi mới chính trị phải được tiến hành đồng bộ với đổi mới kinh tế. Coi trọng mở rộng dân chủ trực tiếp trong xây dựng Đảng và xây dựng chính quyền, khắc phục tình trạng Đảng buông lỏng sự lãnh đạo hoặc bao biện làm thay chức năng, nhiệm vụ quản lý điều hành của chính quyền.

Tổng kết việc thực hiện thí điểm không tổ chức Hội đồng nhân dân quận, huyện, phường; đại hội đảng các cấp trực tiếp bầu bí thư cấp ủy; nhân dân trực tiếp bầu người đứng đầu chính quyền cấp xã; nhất thể hoá hai chức danh bí thư cấp uỷ và chủ tịch Ủy ban nhân dân. Trên cơ sở đó, lựa chọn

phương án phù hợp, hiệu quả, góp phần đổi mới phương thức và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý điều hành của chính quyền và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, nhất là dân chủ trực tiếp.

Hoàn thiện cơ chế để nhân dân đóng góp ý kiến, phản biện xã hội và giám sát công việc của Đảng và Nhà nước, nhất là về các chính sách kinh tế, xã hội, về quy hoạch, kế hoạch, chương trình và dự án phát triển quan trọng. Quy định chế độ cung cấp thông tin và trách nhiệm giải trình của cơ quan nhà nước trước nhân dân. Hoàn thiện và thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở. Phát huy vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội và của mỗi người dân trong việc quản lý và tổ chức đời sống cộng đồng theo quy định của pháp luật.

VI- TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC

Thực hiện thắng lợi *Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020* là nhiệm vụ trọng tâm của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, của các cấp, các ngành từ trung ương đến cơ sở. Phải tập trung làm tốt các việc sau đây:

Các cấp uỷ đảng, các đảng đoàn, ban cán sự đảng chỉ đạo quán triệt sâu sắc nội dung Chiến lược trong toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, các cấp, các ngành và tăng cường sự lãnh đạo, tạo sự thống nhất cả về nhận thức và hành động trong việc triển khai thực hiện có hiệu quả Chiến lược.

Đảng đoàn Quốc hội chỉ đạo việc xây dựng, hoàn chỉnh hệ thống pháp luật và giám sát việc thực hiện Chiến lược.

Ban cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình hành động, các chiến lược, quy hoạch phát triển ngành, sản phẩm, vùng lãnh thổ bảo đảm phát

huy lợi thế và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực của đất nước. Chỉ đạo tổ chức thực hiện có hiệu quả ba khâu đột phá chiến lược, quá trình cơ cấu lại nền kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm, hàng năm, các chương trình quốc gia.

Xây dựng cơ chế và đưa vào nền nếp việc thường xuyên theo dõi, kiểm tra đánh giá tình hình thực hiện Chiến lược. Trong quá trình tổ chức thực hiện Chiến lược, khi xuất hiện những vấn đề cần đổi mới mà chưa có chủ trương, Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị quyết định việc thực hiện thí điểm.

Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân, các tổ chức xã hội; xây dựng cơ chế để phát huy vai trò của nhân dân trong việc thực hiện và giám sát thực hiện Chiến lược.

CƯƠNG LĨNH XÂY DỰNG ĐẤT NƯỚC TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

(Bổ sung, phát triển năm 2011)

I- QUÁ TRÌNH CÁCH MẠNG VÀ NHỮNG BÀI HỌC KINH NGHIỆM

1. Từ năm 1930 đến nay, Đảng Cộng sản Việt Nam do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập và rèn luyện, đã lãnh đạo nhân dân ta tiến hành cuộc đấu tranh cách mạng lâu dài, gian khổ, vượt qua muôn vàn khó khăn, thử thách và *giành được những thắng lợi vĩ đại*: Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945, đập tan ách thống trị của thực dân, phong kiến, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, đưa dân tộc ta tiến vào kỷ nguyên độc lập, tự do; thắng lợi của các cuộc kháng chiến chống xâm lược, mà đỉnh cao là chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ năm 1954, đại thắng mùa Xuân năm 1975, giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, bảo vệ Tổ quốc, làm tròn nghĩa vụ quốc tế; thắng lợi của công cuộc đổi mới, tiến hành công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế, tiếp tục đưa đất nước từng bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội với nhận thức và tư duy mới đúng đắn, phù hợp thực tiễn Việt Nam.

Với những thắng lợi đã giành được trong hơn 80 năm qua, nước ta từ một xứ thuộc địa nửa phong kiến đã trở thành một quốc gia độc lập, tự do, phát triển theo con đường xã hội chủ nghĩa; nhân dân ta từ thân phận nô lệ đã trở thành người làm chủ đất nước, làm chủ xã hội; đất nước ta đã ra khỏi tình trạng nước nghèo, kém phát triển, đang đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, có quan hệ quốc tế rộng rãi, có vị thế ngày càng quan trọng trong khu vực và trên thế giới. Tuy nhiên, khó khăn, thách thức còn nhiều.

Trong lãnh đạo, Đảng có lúc cũng phạm sai lầm, khuyết điểm, có những sai lầm, khuyết điểm nghiêm trọng do giáo điều, chủ quan, duy ý chí, vi phạm quy luật khách quan. Đảng đã nghiêm túc tự phê bình, sửa chữa khuyết điểm, tự đổi mới, chỉnh đốn để tiếp tục đưa sự nghiệp cách mạng tiến lên.

2. Từ thực tiễn phong phú của cách mạng, Đảng đã rút ra những bài học kinh nghiệm lớn:

Một là, nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội - ngọn cờ vinh quang mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trao lại cho thế hệ hôm nay và các thế hệ mai sau. Độc lập dân tộc là điều kiện tiên quyết để thực hiện chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa xã hội là cơ sở bảo đảm vững chắc cho độc lập dân tộc. Xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa là hai nhiệm vụ chiến lược có quan hệ chặt chẽ với nhau.

Hai là, sự nghiệp cách mạng là của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Chính nhân dân là người làm nên những thắng lợi lịch sử. Toàn bộ hoạt động của Đảng phải xuất phát từ lợi ích và nguyện vọng chính đáng của nhân dân. Sức mạnh của Đảng là ở sự gắn bó mật thiết với nhân dân. Quan liêu, tham nhũng, xa rời nhân dân sẽ dẫn đến những tổn thất khôn lường đối với vận mệnh của đất nước, của chế độ xã hội chủ nghĩa và của Đảng.

Ba là, không ngừng củng cố, tăng cường đoàn kết: đoàn kết toàn Đảng, đoàn kết toàn dân, đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế. Đó là truyền thống quý báu và là nguồn sức mạnh to lớn của cách mạng nước ta. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tổng kết: Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết - Thành công, thành công, đại thành công.

Bốn là, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước với sức mạnh quốc tế. Trong bất cứ hoàn cảnh nào cũng cần kiên định ý chí độc lập, tự chủ và nêu cao tinh thần hợp tác quốc tế, phát huy cao độ nội lực, đồng thời tranh thủ ngoại lực, kết hợp yếu tố truyền thống với yếu tố hiện đại.

Năm là, sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Đảng không có lợi ích nào khác ngoài việc phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân. Đảng phải nắm vững, vận dụng sáng tạo, góp phần phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, không ngừng làm giàu trí tuệ, nâng cao bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức và năng lực tổ chức để đủ sức giải quyết các vấn đề do thực tiễn cách mạng đặt ra. Mọi đường lối, chủ trương của Đảng phải xuất phát từ thực tế, tôn trọng quy luật khách quan. Phải phòng và chống những nguy cơ lớn: sai lầm về đường lối, bệnh quan liêu và sự thoái hoá, biến chất của cán bộ, đảng viên.

II- QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở NƯỚC TA

1. Nước ta quá độ lên chủ nghĩa xã hội trong *bối cảnh quốc tế có những biến đổi to lớn và sâu sắc.*

Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ, kinh tế tri thức và quá trình toàn cầu hoá diễn ra mạnh mẽ, tác động sâu

sắc đến sự phát triển của nhiều nước. Các mâu thuẫn cơ bản trên thế giới biểu hiện dưới những hình thức và mức độ khác nhau vẫn tồn tại và phát triển. Hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ, hợp tác và phát triển là xu thế lớn; nhưng đấu tranh dân tộc, đấu tranh giai cấp, chiến tranh cục bộ, xung đột vũ trang, xung đột sắc tộc, tôn giáo, chạy đua vũ trang, hoạt động can thiệp, lật đổ, khủng bố, tranh chấp lãnh thổ, biển, đảo, tài nguyên và cạnh tranh quyết liệt về lợi ích kinh tế tiếp tục diễn ra phức tạp. Khu vực châu Á - Thái Bình Dương và Đông Nam Á phát triển năng động, nhưng cũng tiềm ẩn những nhân tố mất ổn định. Tình hình đó tạo thời cơ phát triển, đồng thời đặt ra những thách thức gay gắt, nhất là đối với những nước đang và kém phát triển.

Trong quá trình hình thành và phát triển, Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác đã đạt những thành tựu to lớn về nhiều mặt, từng là chỗ dựa cho phong trào hoà bình và cách mạng thế giới, góp phần quan trọng vào cuộc đấu tranh vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội. Chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu sụp đổ là tổn thất lớn đối với phong trào cách mạng thế giới, nhưng một số nước theo con đường xã hội chủ nghĩa, trong đó có Việt Nam, vẫn kiên định mục tiêu, lý tưởng, tiến hành cải cách, đổi mới, giành được những thành tựu to lớn, tiếp tục phát triển; phong trào cộng sản và công nhân quốc tế có những bước hồi phục. Tuy nhiên, các nước theo con đường xã hội chủ nghĩa, phong trào cộng sản và cánh tả còn gặp nhiều khó khăn, các thế lực thù địch tiếp tục chống phá, tìm cách xoá bỏ chủ nghĩa xã hội.

Hiện tại, chủ nghĩa tư bản còn tiềm năng phát triển, nhưng về bản chất vẫn là một chế độ áp bức, bóc lột và bất công. Những mâu thuẫn cơ bản vốn có của chủ nghĩa tư bản,

nhất là mâu thuẫn giữa tính chất xã hội hoá ngày càng cao của lực lượng sản xuất với chế độ chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa, chẳng những không giải quyết được mà ngày càng trở nên sâu sắc. Khủng hoảng kinh tế, chính trị, xã hội vẫn tiếp tục xảy ra. Chính sự vận động của những mâu thuẫn nội tại đó và cuộc đấu tranh của nhân dân lao động sẽ quyết định vận mệnh của chủ nghĩa tư bản.

Các nước đang phát triển, kém phát triển phải tiến hành cuộc đấu tranh rất khó khăn, phức tạp chống nghèo nàn, lạc hậu, chống mọi sự can thiệp, áp đặt và xâm lược để bảo vệ độc lập, chủ quyền quốc gia, dân tộc.

Nhân dân thế giới đang đứng trước những vấn đề toàn cầu cấp bách có liên quan đến vận mệnh loài người. Đó là giữ gìn hoà bình, đẩy lùi nguy cơ chiến tranh, chống khủng bố, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu toàn cầu, hạn chế sự bùng nổ về dân số, phòng ngừa và đẩy lùi những dịch bệnh hiểm nghèo... Việc giải quyết những vấn đề đó đòi hỏi sự hợp tác và tinh thần trách nhiệm cao của tất cả các quốc gia, dân tộc.

Đặc điểm nổi bật trong giai đoạn hiện nay của thời đại là các nước với chế độ xã hội và trình độ phát triển khác nhau cùng tồn tại, vừa hợp tác vừa đấu tranh, cạnh tranh gay gắt vì lợi ích quốc gia, dân tộc. Cuộc đấu tranh của nhân dân các nước vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ, phát triển và tiến bộ xã hội dù gặp nhiều khó khăn, thách thức, nhưng sẽ có những bước tiến mới. *Theo quy luật tiến hoá của lịch sử, loài người nhất định sẽ tiến tới chủ nghĩa xã hội.*

2. Đi lên chủ nghĩa xã hội là khát vọng của nhân dân ta, là sự lựa chọn đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh, phù hợp với xu thế phát triển của lịch sử.

Xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là một xã hội: Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; do nhân dân làm chủ; có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp; có nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện; các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển; có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo; có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới.

Đây là một quá trình cách mạng sâu sắc, triệt để, đấu tranh phức tạp giữa cái cũ và cái mới nhằm tạo ra sự biến đổi về chất trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, nhất thiết phải trải qua một thời kỳ quá độ lâu dài với nhiều bước phát triển, nhiều hình thức tổ chức kinh tế, xã hội đan xen. Chúng ta có nhiều thuận lợi cơ bản: có sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập và rèn luyện, có bản lĩnh chính trị vững vàng và dày dặn kinh nghiệm lãnh đạo; dân tộc ta là một dân tộc anh hùng, có ý chí vươn lên mãnh liệt; nhân dân ta có lòng yêu nước nồng nàn, có truyền thống đoàn kết và nhân ái, cần cù lao động và sáng tạo, luôn ủng hộ và tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng; chúng ta đã từng bước xây dựng được những cơ sở vật chất - kỹ thuật rất quan trọng; cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại, sự hình thành và phát triển kinh tế tri thức cùng với quá trình toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế là một thời cơ để phát triển.

Mục tiêu tổng quát khi kết thúc thời kỳ quá độ ở nước ta là xây dựng được về cơ bản nền tảng kinh tế của chủ nghĩa xã hội với kiến trúc thượng tầng về chính trị, tư tưởng, văn

hoá phù hợp, tạo cơ sở để nước ta trở thành một nước xã hội chủ nghĩa ngày càng phồn vinh, hạnh phúc.

Từ nay đến giữa thế kỷ XXI, toàn Đảng, toàn dân ta phải ra sức phấn đấu xây dựng nước ta trở thành một nước công nghiệp hiện đại, theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Để thực hiện thành công các mục tiêu trên, toàn Đảng, toàn dân ta cần nêu cao tinh thần cách mạng tiến công, ý chí tự lực tự cường, phát huy mọi tiềm năng và trí tuệ, tận dụng thời cơ, vượt qua thách thức, quán triệt và thực hiện tốt *các phương hướng cơ bản* sau đây:

Một là, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên, môi trường.

Hai là, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Ba là, xây dựng nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; xây dựng con người, nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội.

Bốn là, bảo đảm vững chắc quốc phòng và an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội.

Năm là, thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hoà bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế.

Sáu là, xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc, tăng cường và mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất.

Bảy là, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.

Tám là, xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh.

Trong quá trình thực hiện các phương hướng cơ bản đó, phải đặc biệt chú trọng nắm vững và giải quyết tốt *các mối quan hệ lớn*: quan hệ giữa đổi mới, ổn định và phát triển;

giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị; giữa kinh tế thị trường và định hướng xã hội chủ nghĩa; giữa phát triển lực lượng sản xuất và xây dựng, hoàn thiện từng bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa; giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hoá, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; giữa xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa; giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế; giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ;... Không phiến diện, cực đoan, duy ý chí.

III- NHỮNG ĐỊNH HƯỚNG LỚN VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ, VĂN HÓA, XÃ HỘI, QUỐC PHÒNG, AN NINH, ĐỐI NGOẠI

1. Phát triển *nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa* với nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, hình thức tổ chức kinh doanh và hình thức phân phối. Các thành phần kinh tế hoạt động theo pháp luật đều là bộ phận hợp thành quan trọng của nền kinh tế, bình đẳng trước pháp luật, cùng phát triển lâu dài, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh. Kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo. Kinh tế tập thể không ngừng được củng cố và phát triển. Kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân. Kinh tế tư nhân là một trong những động lực của nền kinh tế. Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài được khuyến khích phát triển. Các hình thức sở hữu hỗn hợp và đan kết với nhau hình thành các tổ chức kinh tế đa dạng ngày càng phát triển. Các yếu tố thị trường được tạo lập đồng bộ, các loại thị trường từng bước được xây dựng, phát triển, vừa tuân theo quy luật của kinh tế thị trường, vừa bảo đảm tính định hướng xã hội chủ nghĩa. Phân định rõ quyền của người sở hữu, quyền của người sử

dụng tư liệu sản xuất và quyền quản lý của Nhà nước trong lĩnh vực kinh tế, bảo đảm mọi tư liệu sản xuất đều có người làm chủ, mọi đơn vị kinh tế đều tự chủ, tự chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh của mình. Quan hệ phân phối bảo đảm công bằng và tạo động lực cho phát triển; các nguồn lực được phân bổ theo chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; thực hiện chế độ phân phối chủ yếu theo kết quả lao động, hiệu quả kinh tế, đồng thời theo mức đóng góp vốn cùng các nguồn lực khác và phân phối thông qua hệ thống an sinh xã hội, phúc lợi xã hội. Nhà nước quản lý nền kinh tế, định hướng, điều tiết, thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội bằng pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách và lực lượng vật chất.

Phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm; *thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước* gắn với phát triển kinh tế tri thức và bảo vệ tài nguyên, môi trường; xây dựng cơ cấu kinh tế hợp lý, hiện đại, có hiệu quả và bền vững, gắn kết chặt chẽ công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ. Coi trọng phát triển các ngành công nghiệp nặng, công nghiệp chế tạo có tính nền tảng và các ngành công nghiệp có lợi thế; phát triển nông, lâm, ngư nghiệp ngày càng đạt trình độ công nghệ cao, chất lượng cao gắn với công nghiệp chế biến và xây dựng nông thôn mới. Bảo đảm phát triển hài hoà giữa các vùng, miền; thúc đẩy phát triển nhanh các vùng kinh tế trọng điểm, đồng thời tạo điều kiện phát triển các vùng có nhiều khó khăn. Xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, đồng thời chủ động, tích cực hội nhập kinh tế quốc tế.

2. Xây dựng nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, phát triển toàn diện, thống nhất trong đa dạng, thấm nhuần sâu sắc tinh thần nhân văn, dân chủ, tiến bộ;

làm cho văn hoá gắn kết chặt chẽ và thấm sâu vào toàn bộ đời sống xã hội, trở thành nền tảng tinh thần vững chắc, sức mạnh nội sinh quan trọng của phát triển. Kế thừa và phát huy những truyền thống văn hoá tốt đẹp của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, tiếp thu những tinh hoa văn hoá nhân loại, xây dựng một xã hội dân chủ, công bằng, văn minh, vì lợi ích chân chính và phẩm giá con người, với trình độ tri thức, đạo đức, thể lực và thẩm mỹ ngày càng cao. Phát triển, nâng cao chất lượng sáng tạo văn học, nghệ thuật; khẳng định và biểu dương các giá trị chân, thiện, mỹ, phê phán những cái lỗi thời, thấp kém, đấu tranh chống những biểu hiện phản văn hoá. Bảo đảm quyền được thông tin, quyền tự do sáng tạo của công dân. Phát triển các phương tiện thông tin đại chúng đồng bộ, hiện đại, thông tin chân thực, đa dạng, kịp thời, phục vụ có hiệu quả sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Con người là trung tâm của chiến lược phát triển, đồng thời là chủ thể phát triển. Tôn trọng và bảo vệ quyền con người, gắn quyền con người với quyền và lợi ích của dân tộc, đất nước và quyền làm chủ của nhân dân. Kết hợp và phát huy đầy đủ vai trò của xã hội, gia đình, nhà trường, từng tập thể lao động, các đoàn thể và cộng đồng dân cư trong việc chăm lo xây dựng con người Việt Nam giàu lòng yêu nước, có ý thức làm chủ, trách nhiệm công dân; có tri thức, sức khỏe, lao động giỏi; sống có văn hoá, nghĩa tình; có tinh thần quốc tế chân chính. Xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, thật sự là tế bào lành mạnh của xã hội, là môi trường quan trọng, trực tiếp giáo dục nếp sống và hình thành nhân cách. Đơn vị sản xuất, công tác, học tập, chiến đấu phải là môi trường rèn luyện phong cách làm việc có kỷ luật, có kỹ thuật,

có năng suất và hiệu quả cao, bồi đắp tình bạn, tình đồng chí, đồng đội, hình thành nhân cách con người và nền văn hoá Việt Nam.

Giáo dục và đào tạo có sứ mệnh nâng cao dân trí, phát triển nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, góp phần quan trọng phát triển đất nước, xây dựng nền văn hoá và con người Việt Nam. Phát triển giáo dục và đào tạo cùng với phát triển khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu; đầu tư cho giáo dục và đào tạo là đầu tư phát triển. Đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo theo nhu cầu phát triển của xã hội; nâng cao chất lượng theo yêu cầu chuẩn hoá, hiện đại hoá, xã hội hoá, dân chủ hoá và hội nhập quốc tế, phục vụ đắc lực sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đẩy mạnh xây dựng xã hội học tập, tạo cơ hội và điều kiện cho mọi công dân được học tập suốt đời.

Khoa học và công nghệ giữ vai trò then chốt trong việc phát triển lực lượng sản xuất hiện đại, bảo vệ tài nguyên và môi trường, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, tốc độ phát triển và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Phát triển khoa học và công nghệ nhằm mục tiêu đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, phát triển kinh tế tri thức, vươn lên trình độ tiên tiến của thế giới. Phát triển đồng bộ các lĩnh vực khoa học và công nghệ gắn với phát triển văn hoá và nâng cao dân trí. Tăng nhanh và sử dụng có hiệu quả tiềm lực khoa học và công nghệ của đất nước, nghiên cứu và ứng dụng có hiệu quả các thành tựu khoa học và công nghệ hiện đại trên thế giới. Hình thành đồng bộ cơ chế, chính sách khuyến khích sáng tạo, trọng dụng nhân tài và đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ.

Bảo vệ môi trường là trách nhiệm của cả hệ thống

chính trị, của toàn xã hội và nghĩa vụ của mọi công dân. Kết hợp chặt chẽ giữa kiểm soát, ngăn ngừa, khắc phục ô nhiễm với khôi phục và bảo vệ môi trường sinh thái. Phát triển năng lượng sạch, sản xuất sạch và tiêu dùng sạch. Coi trọng nghiên cứu, dự báo và thực hiện các giải pháp ứng phó với quá trình biến đổi khí hậu và thảm họa thiên nhiên. Quản lý, bảo vệ, tái tạo và sử dụng hợp lý, có hiệu quả tài nguyên quốc gia.

Chính sách xã hội đúng đắn, công bằng vì con người là động lực mạnh mẽ phát huy mọi năng lực sáng tạo của nhân dân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Bảo đảm công bằng, bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ công dân; kết hợp chặt chẽ, hợp lý phát triển kinh tế với phát triển văn hoá, xã hội, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách; phát triển hài hoà đời sống vật chất và đời sống tinh thần, không ngừng nâng cao đời sống của mọi thành viên trong xã hội về ăn, ở, đi lại, học tập, nghỉ ngơi, chữa bệnh và nâng cao thể chất, gắn nghĩa vụ với quyền lợi, cống hiến với hưởng thụ, lợi ích cá nhân với lợi ích tập thể và cộng đồng xã hội.

Tạo môi trường và điều kiện để mọi người lao động có việc làm và thu nhập tốt hơn. Có chính sách tiền lương và chế độ đãi ngộ tạo động lực để phát triển; điều tiết hợp lý thu nhập trong xã hội. Khuyến khích làm giàu hợp pháp đi đôi với xoá nghèo bền vững; giảm dần tình trạng chênh lệch giàu - nghèo giữa các vùng, miền, các tầng lớp dân cư. Hoàn thiện hệ thống an sinh xã hội. Thực hiện tốt chính sách đối với người và gia đình có công với nước. Chú trọng cải thiện điều kiện sống, lao động và học tập của thanh niên, thiếu niên, giáo dục và bảo vệ trẻ em. Chăm lo đời sống những người

cao tuổi, neo đơn, khuyết tật, mất sức lao động và trẻ mồ côi. Hạn chế, tiến tới đẩy lùi tội phạm và giảm tác hại của tệ nạn xã hội. Bảo đảm quy mô hợp lý, cân bằng giới tính và chất lượng dân số.

Xây dựng một cộng đồng xã hội văn minh, trong đó *các giai cấp, các tầng lớp dân cư* đoàn kết, bình đẳng về nghĩa vụ và quyền lợi. Xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh cả về số lượng và chất lượng; là giai cấp lãnh đạo cách mạng thông qua đội tiên phong là Đảng Cộng sản Việt Nam, giai cấp tiên phong trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Xây dựng, phát huy vai trò chủ thể của giai cấp nông dân trong quá trình phát triển nông nghiệp, nông thôn. Đào tạo, bồi dưỡng, phát huy mọi tiềm năng và sức sáng tạo của đội ngũ trí thức để tạo nguồn lực trí tuệ và nhân tài cho đất nước. Xây dựng đội ngũ những nhà kinh doanh có tài, những nhà quản lý giỏi, có trách nhiệm xã hội, tâm huyết với đất nước và dân tộc. Quan tâm đào tạo, bồi dưỡng thế hệ trẻ kế tục xứng đáng sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc. Thực hiện bình đẳng giới và hành động vì sự tiến bộ của phụ nữ. Quan tâm thích đáng lợi ích và phát huy khả năng của các tầng lớp dân cư khác. Hỗ trợ đồng bào định cư ở nước ngoài ổn định cuộc sống, giữ gìn bản sắc dân tộc, chấp hành tốt pháp luật nước sở tại, hướng về quê hương, tích cực góp phần xây dựng đất nước.

Thực hiện chính sách bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp đỡ nhau giữa *các dân tộc*, tạo mọi điều kiện để các dân tộc cùng phát triển, gắn bó mật thiết với sự phát triển chung của cộng đồng dân tộc Việt Nam. Giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá, ngôn ngữ, truyền thống tốt đẹp của các dân tộc. Chống tư tưởng kỳ thị và chia rẽ dân tộc. Các chính sách

kinh tế - xã hội phải phù hợp với đặc thù của các vùng và các dân tộc, nhất là các dân tộc thiểu số.

Tôn trọng và bảo đảm quyền tự do *tín ngưỡng, tôn giáo* và *không tín ngưỡng, tôn giáo* của nhân dân theo quy định của pháp luật. Đấu tranh và xử lý nghiêm đối với mọi hành động vi phạm tự do tín ngưỡng, tôn giáo và lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo làm tổn hại đến lợi ích của Tổ quốc và nhân dân.

3. Mục tiêu, nhiệm vụ của *quốc phòng, an ninh* là bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa, giữ vững hoà bình, ổn định chính trị, bảo đảm an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội; chủ động ngăn chặn, làm thất bại mọi âm mưu và hành động chống phá của các thế lực thù địch đối với sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta.

Tăng cường quốc phòng, giữ vững an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên của Đảng, Nhà nước và toàn dân, trong đó Quân đội nhân dân và Công an nhân dân là lực lượng nòng cốt. Xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, kết hợp chặt chẽ với thế trận an ninh nhân dân vững chắc. Phát triển đường lối, nghệ thuật quân sự chiến tranh nhân dân và lý luận, khoa học an ninh nhân dân. Chủ động, tăng cường hợp tác quốc tế về quốc phòng, an ninh.

Sự ổn định và phát triển bền vững mọi mặt đời sống kinh tế - xã hội là nền tảng vững chắc của quốc phòng - an ninh. Phát triển kinh tế - xã hội đi đôi với tăng cường sức mạnh quốc phòng - an ninh. Kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng - an ninh, quốc phòng - an ninh với kinh tế trong từng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách phát triển kinh tế - xã hội và trên từng địa bàn.

Xây dựng Quân đội nhân dân và Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, với Đảng, Nhà nước và nhân dân, được nhân dân tin yêu. Xây dựng Quân đội nhân dân với số quân thường trực hợp lý, có sức chiến đấu cao; lực lượng dự bị động viên hùng hậu, dân quân tự vệ rộng khắp. Xây dựng lực lượng Công an nhân dân vững mạnh toàn diện; kết hợp lực lượng chuyên trách, bán chuyên trách, các cơ quan bảo vệ pháp luật với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc. Chăm lo nâng cao phẩm chất cách mạng, trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, chiến sĩ các lực lượng vũ trang; bảo đảm đời sống vật chất, tinh thần phù hợp với tính chất hoạt động của Quân đội nhân dân và Công an nhân dân trong điều kiện mới. Xây dựng nền công nghiệp quốc phòng, an ninh, bảo đảm cho các lực lượng vũ trang được trang bị kỹ thuật từng bước hiện đại.

Tăng cường sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng, sự quản lý tập trung thống nhất của Nhà nước đối với Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và sự nghiệp quốc phòng - an ninh.

4. Thực hiện nhất quán đường lối *đối ngoại* độc lập, tự chủ, hoà bình, hợp tác và phát triển; đa phương hoá, đa dạng hoá quan hệ, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; nâng cao vị thế của đất nước; vì lợi ích quốc gia, dân tộc, vì một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa giàu mạnh; là bạn, đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế, góp phần vào sự nghiệp hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới.

Hợp tác bình đẳng, cùng có lợi với tất cả các nước trên cơ sở những nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế.

Trước sau như một ủng hộ các đảng cộng sản và công nhân, các phong trào tiến bộ xã hội trong cuộc đấu tranh vì những mục tiêu chung của thời đại; mở rộng quan hệ với các đảng cánh tả, đảng cầm quyền và những đảng khác trên cơ sở bảo đảm lợi ích quốc gia, giữ vững độc lập, tự chủ, vì hoà bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển.

Tăng cường hiểu biết, tình hữu nghị và hợp tác giữa nhân dân Việt Nam với nhân dân các nước trên thế giới.

Phấn đấu cùng các nước Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) xây dựng Đông Nam Á thành khu vực hoà bình, ổn định, hợp tác và phát triển phồn vinh.

IV- HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ VÀ VAI TRÒ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG

1. Dân chủ xã hội chủ nghĩa là bản chất của chế độ ta, vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển đất nước. Xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm dân chủ được thực hiện trong thực tế cuộc sống ở mỗi cấp, trên tất cả các lĩnh vực. Dân chủ gắn liền với kỷ luật, kỷ cương và phải được thể chế hoá bằng pháp luật, được pháp luật bảo đảm.

Nhà nước tôn trọng và bảo đảm các quyền con người, quyền công dân; chăm lo hạnh phúc, sự phát triển tự do của mỗi người. Quyền và nghĩa vụ công dân do Hiến pháp và pháp luật quy định. Quyền của công dân không tách rời nghĩa vụ công dân.

Nhân dân thực hiện quyền làm chủ thông qua hoạt động của Nhà nước, của cả hệ thống chính trị và các hình thức dân chủ trực tiếp, dân chủ đại diện.

2. Nhà nước ta là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa

của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Tất cả quyền lực Nhà nước thuộc về nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Quyền lực Nhà nước là thống nhất; có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp. Nhà nước ban hành pháp luật; tổ chức, quản lý xã hội bằng pháp luật và không ngừng tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa.

Nhà nước phục vụ nhân dân, gắn bó mật thiết với nhân dân, thực hiện đầy đủ quyền dân chủ của nhân dân, tôn trọng, lắng nghe ý kiến của nhân dân và chịu sự giám sát của nhân dân; có cơ chế và biện pháp kiểm soát, ngăn ngừa và trừng trị tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí, vô trách nhiệm, lạm quyền, xâm phạm quyền dân chủ của công dân; giữ nghiêm kỷ cương xã hội, nghiêm trị mọi hành động xâm phạm lợi ích của Tổ quốc và của nhân dân.

Tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước theo nguyên tắc tập trung dân chủ, có sự phân công, phân cấp, đồng thời bảo đảm sự chỉ đạo thống nhất của Trung ương.

3. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể nhân dân có vai trò rất quan trọng trong sự nghiệp đại đoàn kết toàn dân tộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân, chăm lo lợi ích của các đoàn viên, hội viên; thực hiện dân chủ và xây dựng xã hội lành mạnh; tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước; giáo dục lý tưởng và đạo đức cách mạng, quyền và nghĩa vụ công dân, tăng cường mối liên hệ giữa nhân dân với Đảng, Nhà nước.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là tổ chức liên minh chính trị, liên hiệp tự nguyện của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội và các cá nhân tiêu biểu trong các

giai cấp, tầng lớp xã hội, các dân tộc, tôn giáo và người Việt Nam định cư ở nước ngoài. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là một bộ phận của hệ thống chính trị, là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân. Đảng Cộng sản Việt Nam vừa là thành viên vừa là người lãnh đạo Mặt trận. Mặt trận hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, hiệp thương dân chủ, phối hợp và thống nhất hành động giữa các thành viên.

Các đoàn thể nhân dân tùy theo tính chất, tôn chỉ và mục đích đã được xác định, vận động, giáo dục đoàn viên, hội viên chấp hành luật pháp, chính sách; chăm lo, bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, hội viên; giúp đoàn viên, hội viên nâng cao trình độ về mọi mặt và xây dựng cuộc sống mới; tham gia quản lý nhà nước, quản lý xã hội.

Đảng tôn trọng tính tự chủ, ủng hộ mọi hoạt động tự nguyện, tích cực, sáng tạo và chân thành lắng nghe ý kiến đóng góp của Mặt trận và các đoàn thể. Đảng, Nhà nước có cơ chế, chính sách, tạo điều kiện để Mặt trận và các đoàn thể nhân dân hoạt động có hiệu quả, thực hiện vai trò giám sát và phản biện xã hội.

4. Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam; đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của dân tộc. Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động, lấy tập trung dân chủ làm nguyên tắc tổ chức cơ bản.

Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, kết quả của sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta, kế thừa

và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại; là tài sản tinh thần vô cùng to lớn và quý giá của Đảng và dân tộc ta, mãi mãi soi đường cho sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta giành thắng lợi.

Đảng Cộng sản Việt Nam là Đảng cầm quyền, lãnh đạo Nhà nước và xã hội. Đảng lãnh đạo bằng cương lĩnh, chiến lược, các định hướng về chính sách và chủ trương lớn; bằng công tác tuyên truyền, thuyết phục, vận động, tổ chức, kiểm tra, giám sát và bằng hành động gương mẫu của đảng viên. Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ, giới thiệu những đảng viên ưu tú có đủ năng lực và phẩm chất vào hoạt động trong các cơ quan lãnh đạo của hệ thống chính trị. Đảng lãnh đạo thông qua tổ chức đảng và đảng viên hoạt động trong các tổ chức của hệ thống chính trị, tăng cường chế độ trách nhiệm cá nhân, nhất là người đứng đầu. Đảng thường xuyên nâng cao năng lực cầm quyền và hiệu quả lãnh đạo, đồng thời phát huy mạnh mẽ vai trò, tính chủ động, sáng tạo và trách nhiệm của các tổ chức khác trong hệ thống chính trị.

Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị, đồng thời là bộ phận của hệ thống ấy. Đảng gắn bó mật thiết với nhân dân, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng, chịu sự giám sát của nhân dân, hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật.

Để đảm đương được vai trò lãnh đạo, Đảng phải vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức; thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn, ra sức nâng cao trình độ trí tuệ, bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức và năng lực lãnh đạo. Giữ vững truyền thống đoàn kết thống nhất trong Đảng, tăng cường dân chủ và kỷ luật trong hoạt động của Đảng. Thường xuyên

tự phê bình và phê bình, đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, chủ nghĩa cơ hội, tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí và mọi hành động chia rẽ, bè phái. Đảng chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên trong sạch, có phẩm chất, năng lực, có sức chiến đấu cao theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh; quan tâm bồi dưỡng, đào tạo lớp người kế tục sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc.

*

* *

Cương lĩnh của Đảng là ngọn cờ chiến đấu vì thắng lợi của sự nghiệp xây dựng đất nước Việt Nam từng bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, định hướng cho mọi hoạt động của Đảng, Nhà nước, của cả hệ thống chính trị và nhân dân ta trong những thập kỷ tới. Thực hiện thắng lợi Cương lĩnh này, nước nhà nhất định trở thành một nước xã hội chủ nghĩa phồn vinh, hạnh phúc.

Đảng kêu gọi tất cả đảng viên của Đảng, toàn thể đồng bào Việt Nam ở trong nước và ở nước ngoài mang hết tinh thần và nghị lực phấn đấu thực hiện thắng lợi Cương lĩnh, vững bước đi tới tương lai.

ĐIỀU LỆ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

(Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI thông qua
ngày 19 tháng 1 năm 2011)

Đảng và những vấn đề cơ bản về xây dựng Đảng

Đảng Cộng sản Việt Nam do đồng chí Hồ Chí Minh sáng lập và rèn luyện, đã lãnh đạo nhân dân tiến hành Cách mạng Tháng Tám thành công, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà (nay là nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam), đánh thắng các cuộc chiến tranh xâm lược, xoá bỏ chế độ thực dân, phong kiến, hoàn thành sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, tiến hành công cuộc đổi mới, xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc nền độc lập của Tổ quốc.

Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam; đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của dân tộc.

Mục đích của Đảng là xây dựng nước Việt Nam độc lập, dân chủ, giàu mạnh, xã hội công bằng, văn minh, không còn người bóc lột người, thực hiện thành công chủ nghĩa xã hội và cuối cùng là chủ nghĩa cộng sản.

Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động,

phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa trí tuệ của nhân loại, nắm vững quy luật khách quan, xu thế thời đại và thực tiễn của đất nước để đề ra Cương lĩnh chính trị, đường lối cách mạng đúng đắn, phù hợp với nguyện vọng của nhân dân.

Đảng là một tổ chức chặt chẽ, thống nhất ý chí và hành động, lấy tập trung dân chủ làm nguyên tắc tổ chức cơ bản, thực hiện tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, thương yêu đồng chí, kỷ luật nghiêm minh, đồng thời thực hiện các nguyên tắc: tự phê bình và phê bình, đoàn kết trên cơ sở Cương lĩnh chính trị và Điều lệ Đảng, gắn bó mật thiết với nhân dân, Đảng hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật.

Đảng Cộng sản Việt Nam là đảng cầm quyền, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, chịu sự giám sát của nhân dân; dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng; đoàn kết và lãnh đạo nhân dân tiến hành sự nghiệp cách mạng. Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị, đồng thời là một bộ phận của hệ thống ấy. Đảng lãnh đạo, tôn trọng và phát huy vai trò của Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội.

Đảng kết hợp chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế trong sáng của giai cấp công nhân, góp phần tích cực vào sự nghiệp hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội của nhân dân thế giới.

Đảng Cộng sản Việt Nam được xây dựng vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn, không ngừng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên, sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo cách mạng của Đảng.

Chương I
ĐẢNG VIÊN

Điều 1:

1. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam là chiến sĩ cách mạng trong đội tiên phong của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và dân tộc Việt Nam, suốt đời phấn đấu cho mục đích, lý tưởng của Đảng, đặt lợi ích của Tổ quốc, của giai cấp công nhân và nhân dân lao động lên trên lợi ích cá nhân; chấp hành nghiêm chỉnh Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, các nghị quyết của Đảng và pháp luật của Nhà nước; có lao động, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; có đạo đức và lối sống lành mạnh; gắn bó mật thiết với nhân dân; phục tùng tổ chức, kỷ luật của Đảng, giữ gìn đoàn kết thống nhất trong Đảng.

2. Công dân Việt Nam từ mười tám tuổi trở lên; thừa nhận và tự nguyện: thực hiện Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, tiêu chuẩn và nhiệm vụ đảng viên, hoạt động trong một tổ chức cơ sở đảng; qua thực tiễn chứng tỏ là người ưu tú, được nhân dân tín nhiệm, đều có thể được xét để kết nạp vào Đảng.

Điều 2:

Đảng viên có nhiệm vụ:

1. Tuyệt đối trung thành với mục đích lý tưởng cách mạng của Đảng, chấp hành nghiêm chỉnh Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, pháp luật của Nhà nước; hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; phục tùng tuyệt đối sự phân công và điều động của Đảng.

2. Không ngừng học tập, rèn luyện, nâng cao trình độ kiến thức, năng lực công tác, phẩm chất chính trị, đạo đức cách mạng, có lối sống lành mạnh; đấu tranh chống chủ

nghĩa cá nhân, cơ hội, cục bộ, quan liêu, tham nhũng, lãng phí và các biểu hiện tiêu cực khác. Chấp hành quy định của Ban Chấp hành Trung ương về những điều đảng viên không được làm.

3. Liên hệ chặt chẽ với nhân dân, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần và bảo vệ quyền lợi chính đáng của nhân dân; tích cực tham gia công tác quần chúng, công tác xã hội nơi làm việc và nơi ở; tuyên truyền vận động gia đình và nhân dân thực hiện đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

4. Tham gia xây dựng, bảo vệ đường lối, chính sách và tổ chức của Đảng; phục tùng kỷ luật, giữ gìn đoàn kết thống nhất trong Đảng; thường xuyên tự phê bình và phê bình, trung thực với Đảng; làm công tác phát triển đảng viên; sinh hoạt đảng và đóng đảng phí đúng quy định.

Điều 3:

Đảng viên có quyền:

1. Được thông tin và thảo luận các vấn đề về Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng; biểu quyết công việc của Đảng.

2. Ứng cử, đề cử và bầu cử cơ quan lãnh đạo các cấp của Đảng theo quy định của Ban Chấp hành Trung ương.

3. Phê bình, chất vấn về hoạt động của tổ chức đảng và đảng viên ở mọi cấp trong phạm vi tổ chức; báo cáo, kiến nghị với các cơ quan có trách nhiệm và yêu cầu được trả lời.

4. Trình bày ý kiến khi tổ chức đảng nhận xét, quyết định công tác hoặc thi hành kỷ luật đối với mình.

Đảng viên dự bị có các quyền trên đây, trừ quyền biểu quyết, ứng cử và bầu cử cơ quan lãnh đạo của Đảng.

Điều 4:

Thủ tục kết nạp đảng viên (kể cả kết nạp lại):

1. Người vào Đảng phải:

- Có đơn tự nguyện xin vào Đảng;
- Báo cáo trung thực lý lịch với chi bộ;
- Được hai đảng viên chính thức giới thiệu.

Nơi có tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, người vào Đảng trong độ tuổi thanh niên phải là đoàn viên, được ban chấp hành đoàn cơ sở và một đảng viên chính thức giới thiệu.

Ở các cơ quan, doanh nghiệp nơi không có tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, người vào Đảng phải là đoàn viên công đoàn, được ban chấp hành công đoàn cơ sở và một đảng viên chính thức giới thiệu.

2. Người giới thiệu phải:

- Là đảng viên chính thức và cùng công tác với người vào Đảng ít nhất một năm;

- Báo cáo với chi bộ về lý lịch, phẩm chất, năng lực của người vào Đảng và chịu trách nhiệm về sự giới thiệu của mình. Có điều gì chưa rõ thì báo cáo để chi bộ và cấp trên xem xét.

3. Trách nhiệm của chi bộ và cấp uỷ:

- Trước khi chi bộ xét và đề nghị kết nạp, chi uỷ kiểm tra lại điều kiện của người vào Đảng và lấy ý kiến nhận xét của tổ chức đoàn thể nơi người đó sinh hoạt.

Vấn đề lịch sử chính trị của người vào Đảng phải thực hiện theo quy định của Ban Chấp hành Trung ương.

- Chi bộ xét và đề nghị kết nạp từng người một, khi được ít nhất hai phần ba số đảng viên chính thức trong chi bộ tán thành thì đề nghị lên cấp uỷ cấp trên; khi có quyết định của cấp uỷ cấp trên, chi bộ tổ chức lễ kết nạp từng người một.

- Đảng uỷ cơ sở xét, nếu được ít nhất hai phần ba số cấp uỷ viên tán thành kết nạp thì đề nghị lên cấp uỷ cấp trên trực tiếp.

- Ban thường vụ cấp uỷ cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng hoặc cấp uỷ cơ sở được uỷ quyền xét, quyết định kết nạp từng người một.

4. Nơi chưa có đảng viên hoặc có đảng viên nhưng chưa đủ điều kiện giới thiệu thì cấp uỷ cấp trên trực tiếp cử đảng viên về làm công tác tuyên truyền, xem xét, giới thiệu kết nạp vào Đảng. Trường hợp đặc biệt do Ban Chấp hành Trung ương quy định.

Điều 5:

1. Người được kết nạp vào Đảng phải trải qua thời kỳ dự bị mười hai tháng, tính từ ngày chi bộ tổ chức lễ kết nạp. Trong thời kỳ dự bị, chi bộ tiếp tục giáo dục, rèn luyện và phân công đảng viên chính thức giúp đảng viên đó tiến bộ.

2. Khi hết thời kỳ dự bị, chi bộ xét công nhận đảng viên chính thức từng người một và biểu quyết như khi xét kết nạp; nếu không đủ tư cách đảng viên thì đề nghị lên cấp uỷ có thẩm quyền quyết định xoá tên trong danh sách đảng viên dự bị.

3. Nghị quyết của chi bộ về đề nghị công nhận đảng viên chính thức phải được cấp uỷ có thẩm quyền quyết định.

4. Đảng viên đã được công nhận chính thức thì tuổi đảng của đảng viên tính từ ngày ghi trong quyết định kết nạp.

Điều 6:

Việc phát và quản lý thẻ đảng viên, quản lý hồ sơ đảng viên và thủ tục chuyển sinh hoạt đảng do Ban Chấp hành Trung ương quy định.

Điều 7:

Đảng viên tuổi cao, sức yếu, tự nguyện xin giảm, miễn công tác và sinh hoạt đảng do chi bộ xem xét, quyết định.

Điều 8:

1. Đảng viên bỏ sinh hoạt chi bộ hoặc không đóng đảng phí ba tháng trong năm mà không có lý do chính đáng; đảng viên giảm sút ý chí phấn đấu, không làm nhiệm vụ đảng viên, đã được chi bộ giáo dục mà không tiến bộ thì chi bộ xem xét, đề nghị lên cấp có thẩm quyền xóa tên trong danh sách đảng viên.

2. Các trường hợp trên nếu đảng viên có khiếu nại thì chi bộ báo cáo cấp ủy có thẩm quyền xem xét.

3. Đảng viên xin ra khỏi Đảng do chi bộ xem xét, đề nghị cấp có thẩm quyền chuẩn y kết nạp quyết định.

Chương II

NGUYÊN TẮC TỔ CHỨC VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA ĐẢNG

Điều 9:

Đảng Cộng sản Việt Nam tổ chức theo nguyên tắc tập trung dân chủ. Nội dung cơ bản của nguyên tắc đó là:

1. Cơ quan lãnh đạo các cấp của Đảng do bầu cử lập ra, thực hiện tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách.

2. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Đảng là Đại hội đại biểu toàn quốc. Cơ quan lãnh đạo ở mỗi cấp là đại hội đại biểu hoặc đại hội đảng viên. Giữa hai kỳ đại hội, cơ quan lãnh đạo của Đảng là Ban Chấp hành Trung ương, ở mỗi cấp là ban chấp hành đảng bộ, chi bộ (gọi tắt là cấp ủy).

3. Cấp ủy các cấp báo cáo và chịu trách nhiệm về hoạt

động của mình trước đại hội cùng cấp, trước cấp uỷ cấp trên và cấp dưới; định kỳ thông báo tình hình hoạt động của mình đến các tổ chức đảng trực thuộc, thực hiện tự phê bình và phê bình.

4. Tổ chức đảng và đảng viên phải chấp hành nghị quyết của Đảng. Thiếu số phục tùng đa số, cấp dưới phục tùng cấp trên, cá nhân phục tùng tổ chức, các tổ chức trong toàn Đảng phục tùng Đại hội đại biểu toàn quốc và Ban Chấp hành Trung ương.

5. Nghị quyết của các cơ quan lãnh đạo của Đảng chỉ có giá trị thi hành khi có hơn một nửa số thành viên trong cơ quan đó tán thành. Trước khi biểu quyết, mỗi thành viên được phát biểu ý kiến của mình. Đảng viên có ý kiến thuộc về thiểu số được quyền bảo lưu và báo cáo lên cấp uỷ cấp trên cho đến Đại hội đại biểu toàn quốc, song phải chấp hành nghiêm chỉnh nghị quyết, không được truyền bá ý kiến trái với nghị quyết của Đảng. Cấp uỷ có thẩm quyền nghiên cứu xem xét ý kiến đó; không phân biệt đối xử với đảng viên có ý kiến thuộc về thiểu số.

6. Tổ chức đảng quyết định các vấn đề thuộc phạm vi quyền hạn của mình, song không được trái với nguyên tắc, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và nghị quyết của cấp trên.

Điều 10:

1. Hệ thống tổ chức của Đảng được lập tương ứng với hệ thống tổ chức hành chính của Nhà nước.

2. Tổ chức cơ sở đảng được lập tại đơn vị cơ sở hành chính, sự nghiệp, kinh tế hoặc công tác, đặt dưới sự lãnh đạo của cấp uỷ huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh. Tổ chức đảng trong Quân đội nhân dân Việt Nam và Công an

nhân dân Việt Nam theo quy định tại Chương VI. Việc lập tổ chức đảng ở những nơi có đặc điểm riêng theo quy định của Ban Chấp hành Trung ương.

3. Cấp uỷ cấp trên trực tiếp quyết định lập hoặc giải thể đảng bộ, chi bộ trực thuộc.

Điều 11:

1. Cấp uỷ triệu tập đại hội khi hết nhiệm kỳ, thông báo trước cho cấp dưới về thời gian và nội dung đại hội.

2. Cấp uỷ triệu tập đại hội quyết định số lượng đại biểu và phân bổ cho các đảng bộ trực thuộc căn cứ vào số lượng đảng viên, số lượng đảng bộ trực thuộc, vị trí quan trọng của từng đảng bộ, theo hướng dẫn của Ban Chấp hành Trung ương.

3. Đại biểu dự đại hội gồm các uỷ viên ban chấp hành cấp triệu tập đại hội và đại biểu do đại hội cấp dưới bầu.

4. Việc chỉ định đại biểu chỉ thực hiện đối với tổ chức đảng hoạt động trong điều kiện đặc biệt không thể mở đại hội để bầu cử được, theo quy định của Ban Chấp hành Trung ương.

5. Đại biểu dự đại hội phải được đại hội thẩm tra tư cách và biểu quyết công nhận. Cấp uỷ triệu tập đại hội không được bác bỏ tư cách đại biểu do đại hội cấp dưới bầu, trừ trường hợp đại biểu đang bị đình chỉ sinh hoạt đảng, đình chỉ sinh hoạt cấp uỷ, bị khởi tố, truy tố, tạm giam.

6. Đại hội chỉ hợp lệ khi có ít nhất hai phần ba số đại biểu hoặc đảng viên được triệu tập tham dự và có ít nhất hai phần ba số tổ chức đảng trực thuộc có đại biểu tham dự.

7. Đại hội bầu đoàn chủ tịch (chủ tịch) để điều hành công việc của đại hội.

Điều 12:

1. Cấp uỷ viên phải có đủ tiêu chuẩn về phẩm chất chính trị, đạo đức cách mạng, lối sống lành mạnh; chấp hành nghiêm chỉnh nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng, kỷ luật của Đảng và pháp luật của Nhà nước; có kiến thức và năng lực tham gia lãnh đạo tập thể, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; đoàn kết cán bộ, đảng viên, được quần chúng tín nhiệm.

2. Số lượng Uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương do Đại hội đại biểu toàn quốc quyết định; số lượng cấp uỷ viên cấp nào do đại hội cấp đó quyết định, theo hướng dẫn của Ban Chấp hành Trung ương. Cấp uỷ các cấp cần được đổi mới, bảo đảm tính kế thừa và phát triển qua mỗi lần đại hội.

3. Đoàn chủ tịch (chủ tịch) hướng dẫn bầu cử:

- Đại biểu có quyền nhận xét, chất vấn về người ứng cử và người được đề cử.

- Danh sách bầu cử do đại hội thảo luận và biểu quyết thông qua.

- Bầu cử bằng phiếu kín.

- Người trúng cử phải được số phiếu bầu quá một nửa so với tổng số đại biểu được triệu tập hoặc so với tổng số đảng viên chính thức của đảng bộ, chi bộ được triệu tập.

Trường hợp số người có số phiếu quá một nửa nhiều hơn số lượng cần bầu thì lấy số người có số phiếu cao hơn; nếu ở cuối danh sách trúng cử có nhiều người ngang phiếu nhau và nhiều hơn số lượng cần bầu thì bầu lại số người ngang phiếu đó để lấy người có số phiếu cao hơn, không cần phải quá một nửa. Trường hợp bầu lại mà số phiếu vẫn ngang nhau, có bầu nữa hay không do đại hội quyết định.

Nếu bầu một lần mà chưa đủ số lượng quy định, có bầu thêm nữa hay không do đại hội quyết định.

Điều 13:

1. Cấp uỷ khoá mới nhận sự bàn giao từ cấp uỷ khoá trước, điều hành công việc ngay sau khi được bầu và được công nhận chính thức khi có quyết định chuẩn y của cấp uỷ cấp trên trực tiếp.

2. Việc bổ sung cấp uỷ viên thiếu do cấp uỷ đề nghị, cấp uỷ cấp trên trực tiếp quyết định; số lượng cấp uỷ viên sau khi bổ sung không vượt quá tổng số cấp uỷ viên mà đại hội đã quyết định. Khi thật cần thiết, cấp uỷ cấp trên trực tiếp chỉ định tăng thêm một số cấp uỷ viên cấp dưới.

3. Khi thật cần thiết, cấp uỷ cấp trên có quyền điều động một số cấp uỷ viên cấp dưới, nhưng không quá một phần ba tổng số cấp uỷ viên do đại hội đã bầu.

4. Cấp uỷ viên xin rút khỏi cấp uỷ, do cấp uỷ xem xét đề nghị lên cấp uỷ cấp trên trực tiếp quyết định; đối với Uỷ viên Trung ương, do Ban Chấp hành Trung ương quyết định. Cấp uỷ viên đương nhiệm ở đảng bộ từ cấp tỉnh trở xuống, khi có quyết định nghỉ công tác để nghỉ hưu hoặc chuyển công tác đến đơn vị khác ngoài đảng bộ thì thôi tham gia các cấp uỷ đương nhiệm ở đảng bộ đó.

Đối với Uỷ viên Trung ương khi có quyết định thôi giữ chức vụ trong các cơ quan đảng, nhà nước, đoàn thể để nghỉ hưu thì thôi tham gia Ban Chấp hành Trung ương đương nhiệm.

5. Từ tổ chức cơ sở đảng đến đảng bộ trực thuộc Trung ương nếu được thành lập mới, chia tách, hợp nhất, sáp nhập trong nhiệm kỳ, thì cấp uỷ cấp trên trực tiếp chỉ định cấp uỷ chính thức; chỉ đạo xây dựng hoặc bổ sung nhiệm vụ cho phù hợp; nhiệm kỳ đầu tiên của các cấp uỷ này không nhất thiết là năm năm để nhiệm kỳ đại hội phù hợp với nhiệm kỳ đại hội của tổ chức đảng cấp trên.

6. Đối với tổ chức đảng không thể mở đại hội được, cấp uỷ cấp trên trực tiếp chỉ định cấp uỷ của tổ chức đảng đó.

Điều 14:

1. Cấp uỷ mỗi cấp lập các cơ quan tham mưu, giúp việc theo hướng dẫn của Ban Chấp hành Trung ương.

2. Khi cần, cấp uỷ lập tiểu ban, hội đồng, tổ công tác và giải thể khi hoàn thành nhiệm vụ.

Chương III

CƠ QUAN LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG Ở CẤP TRUNG ƯƠNG

Điều 15:

1. Đại hội đại biểu toàn quốc do Ban Chấp hành Trung ương triệu tập thường lệ năm năm một lần; có thể triệu tập sớm hoặc muộn hơn, nhưng không quá một năm.

2. Đại hội đánh giá kết quả thực hiện nghị quyết của nhiệm kỳ vừa qua; quyết định đường lối, chính sách của Đảng nhiệm kỳ tới; bổ sung, sửa đổi Cương lĩnh chính trị và Điều lệ Đảng khi cần; bầu Ban Chấp hành Trung ương. Số lượng Uỷ viên Trung ương chính thức và Uỷ viên Trung ương dự khuyết do Đại hội quyết định.

Ban Chấp hành Trung ương xem xét việc chuyển Uỷ viên Trung ương dự khuyết có đủ điều kiện để thay thế Uỷ viên Trung ương chính thức khi khuyết.

3. Khi Ban Chấp hành Trung ương xét thấy cần hoặc khi có hơn một nửa số cấp uỷ trực thuộc yêu cầu thì Ban Chấp hành Trung ương triệu tập Đại hội đại biểu toàn quốc bất thường. Đại biểu dự Đại hội bất thường là các Uỷ viên Trung

ương đương nhiệm, đại biểu đã dự Đại hội đại biểu toàn quốc đầu nhiệm kỳ, đủ tư cách.

Điều 16:

1. Ban Chấp hành Trung ương tổ chức chỉ đạo thực hiện Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, các nghị quyết của Đại hội; quyết định những chủ trương, chính sách về đối nội, đối ngoại, công tác quần chúng và công tác xây dựng Đảng; chuẩn bị Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng nhiệm kỳ tiếp theo, Đại hội đại biểu toàn quốc bất thường (nếu có).

2. Ban Chấp hành Trung ương căn cứ tình hình thực tế quyết định chỉ đạo thí điểm một số chủ trương mới.

3. Ban Chấp hành Trung ương họp thường lệ sáu tháng một lần; họp bất thường khi cần.

Điều 17:

1. Ban Chấp hành Trung ương bầu Bộ Chính trị; bầu Tổng Bí thư trong số Ủy viên Bộ Chính trị; thành lập Ban Bí thư gồm Tổng Bí thư, một số Ủy viên Bộ Chính trị do Bộ Chính trị phân công và một số Ủy viên Ban Bí thư do Ban Chấp hành Trung ương bầu trong số Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương; bầu Ủy ban Kiểm tra Trung ương; bầu Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương trong số Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

Số lượng Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư và Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương do Ban Chấp hành Trung ương quyết định.

Đồng chí Tổng Bí thư giữ chức vụ Tổng Bí thư không quá hai nhiệm kỳ liên tiếp.

2. Bộ Chính trị lãnh đạo và kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc, nghị quyết của

Ban Chấp hành Trung ương; quyết định những vấn đề về chủ trương, chính sách, tổ chức, cán bộ; quyết định triệu tập và chuẩn bị nội dung các kỳ họp của Ban Chấp hành Trung ương; báo cáo công việc đã làm trước hội nghị Ban Chấp hành Trung ương hoặc theo yêu cầu của Ban Chấp hành Trung ương.

3. Ban Bí thư lãnh đạo công việc hằng ngày của Đảng: chỉ đạo công tác xây dựng Đảng và công tác quần chúng; kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng về kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại; chỉ đạo sự phối hợp hoạt động giữa các tổ chức trong hệ thống chính trị; quyết định một số vấn đề về tổ chức, cán bộ và một số vấn đề khác theo sự phân công của Ban Chấp hành Trung ương; chỉ đạo hoặc kiểm tra việc chuẩn bị các vấn đề đưa ra Bộ Chính trị thảo luận và quyết định.

Chương IV

CƠ QUAN LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG Ở CÁC CẤP ĐỊA PHƯƠNG

Điều 18:

1. Đại hội đại biểu đảng bộ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, đảng bộ huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh do cấp uỷ cùng cấp triệu tập thường lệ năm năm một lần; có thể triệu tập sớm hoặc muộn hơn, nhưng không quá một năm.

2. Đại hội thảo luận văn kiện của cấp uỷ cấp trên; đánh giá kết quả thực hiện nghị quyết nhiệm kỳ vừa qua; quyết định nhiệm vụ nhiệm kỳ tới; bầu cấp uỷ; bầu đại biểu đi dự đại hội cấp trên.

3. Khi cấp uỷ xét thấy cần hoặc khi có trên một nửa số cấp uỷ trực thuộc yêu cầu và được cấp uỷ cấp trên trực tiếp đồng ý thì triệu tập đại hội đại biểu bất thường.

Đại biểu dự đại hội đại biểu bất thường là các cấp uỷ viên đương nhiệm, đại biểu đã dự đại hội đại biểu đảng bộ đầu nhiệm kỳ, đang sinh hoạt tại đảng bộ, đủ tư cách.

Điều 19:

1. Cấp uỷ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi tắt là tỉnh uỷ, thành uỷ), cấp uỷ huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh (gọi tắt là huyện uỷ, quận uỷ, thị uỷ, thành uỷ) lãnh đạo thực hiện nghị quyết đại hội đại biểu; nghị quyết, chỉ thị của cấp trên.

2. Hội nghị tỉnh uỷ, thành uỷ, huyện uỷ, quận uỷ, thị uỷ do ban thường vụ triệu tập thường lệ ba tháng một lần; họp bất thường khi cần.

Điều 20:

1. Hội nghị tỉnh uỷ, thành uỷ, huyện uỷ, quận uỷ, thị uỷ bầu ban thường vụ; bầu bí thư và phó bí thư trong số uỷ viên thường vụ; bầu uỷ ban kiểm tra; bầu chủ nhiệm uỷ ban kiểm tra trong số uỷ viên uỷ ban kiểm tra.

2. Số lượng uỷ viên ban thường vụ và uỷ viên uỷ ban kiểm tra do cấp uỷ quyết định theo hướng dẫn của Ban Chấp hành Trung ương.

3. Ban thường vụ lãnh đạo và kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghị quyết của đại hội đại biểu, nghị quyết, chỉ thị của cấp uỷ cùng cấp và cấp trên; quyết định những vấn đề về chủ trương, tổ chức, cán bộ; quyết định triệu tập và chuẩn bị nội dung các kỳ họp của cấp uỷ.

4. Thường trực cấp uỷ gồm bí thư, các phó bí thư, chỉ đạo kiểm tra thực hiện nghị quyết, chỉ thị của cấp uỷ, của ban thường vụ và cấp uỷ cấp trên; giải quyết công việc hằng ngày của đảng bộ; quyết định triệu tập và chuẩn bị nội dung các kỳ họp của ban thường vụ.

Chương V

TỔ CHỨC CƠ SỞ ĐẢNG

Điều 21:

1. Tổ chức cơ sở đảng (chi bộ cơ sở, đảng bộ cơ sở) là nền tảng của Đảng, là hạt nhân chính trị ở cơ sở.

2. Ở xã, phường, thị trấn có từ ba đảng viên chính thức trở lên, lập tổ chức cơ sở đảng (trực thuộc cấp uỷ cấp huyện). Ở cơ quan, doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp, đơn vị quân đội, công an và các đơn vị khác có từ ba đảng viên chính thức trở lên, lập tổ chức đảng (tổ chức cơ sở đảng hoặc chi bộ trực thuộc đảng uỷ cơ sở); cấp uỷ cấp trên trực tiếp xem xét, quyết định việc tổ chức đảng đó trực thuộc cấp uỷ cấp trên nào cho phù hợp; nếu chưa đủ ba đảng viên chính thức thì cấp uỷ cấp trên trực tiếp giới thiệu đảng viên sinh hoạt ở tổ chức cơ sở đảng thích hợp.

3. Tổ chức cơ sở đảng dưới ba mươi đảng viên, lập chi bộ cơ sở, có các tổ đảng trực thuộc.

4. Tổ chức cơ sở đảng có từ ba mươi đảng viên trở lên, lập đảng bộ cơ sở, có các chi bộ trực thuộc đảng uỷ.

5. Những trường hợp sau đây, cấp uỷ cấp dưới phải báo cáo và được cấp uỷ cấp trên trực tiếp đồng ý mới được thực hiện:

- Lập đảng bộ cơ sở trong đơn vị cơ sở chưa đủ ba mươi đảng viên.

- Lập chi bộ trực thuộc đảng uỷ cơ sở có hơn ba mươi đảng viên.
- Lập đảng bộ bộ phận trực thuộc đảng uỷ cơ sở.

Điều 22:

1. Đại hội đại biểu hoặc đại hội đảng viên của tổ chức cơ sở đảng do cấp uỷ cơ sở triệu tập năm năm một lần; có thể triệu tập sớm hoặc muộn hơn nhưng không quá một năm.

2. Đại hội thảo luận văn kiện của cấp trên; đánh giá kết quả thực hiện nghị quyết nhiệm kỳ vừa qua; quyết định nhiệm vụ nhiệm kỳ tới; bầu cấp uỷ; bầu đại biểu đi dự đại hội đảng bộ cấp trên.

3. Khi cấp uỷ xét thấy cần hoặc khi có trên một nửa số tổ chức đảng trực thuộc yêu cầu và được cấp uỷ cấp trên trực tiếp đồng ý thì triệu tập đại hội đại biểu hoặc đại hội đảng viên bất thường.

Đại biểu dự đại hội đại biểu bất thường là các cấp uỷ viên đương nhiệm, đại biểu đã dự đại hội đại biểu đảng bộ đầu nhiệm kỳ, đang sinh hoạt tại đảng bộ, đủ tư cách. Dự đại hội đảng viên bất thường là những đảng viên của đảng bộ đó.

4. Đảng uỷ, chi uỷ cơ sở họp thường lệ mỗi tháng một lần; họp bất thường khi cần.

5. Đảng uỷ cơ sở có từ chín uỷ viên trở lên bầu ban thường vụ; bầu bí thư, phó bí thư trong số uỷ viên thường vụ; dưới chín uỷ viên chỉ bầu bí thư, phó bí thư.

6. Đảng bộ cơ sở họp thường lệ mỗi năm hai lần; họp bất thường khi cần. Chi bộ cơ sở họp thường lệ mỗi tháng một lần; họp bất thường khi cần.

Điều 23:

Tổ chức cơ sở đảng có nhiệm vụ:

1. Chấp hành đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật

của Nhà nước; đề ra chủ trương, nhiệm vụ chính trị của đảng bộ, chi bộ và lãnh đạo thực hiện có hiệu quả.

2. Xây dựng đảng bộ, chi bộ trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức; thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ; nâng cao chất lượng sinh hoạt đảng, thực hiện tự phê bình và phê bình, giữ gìn kỷ luật và tăng cường đoàn kết thống nhất trong Đảng; thường xuyên giáo dục, rèn luyện và quản lý cán bộ, đảng viên, nâng cao phẩm chất đạo đức cách mạng, tính chiến đấu, trình độ kiến thức, năng lực công tác; làm công tác phát triển đảng viên.

3. Lãnh đạo xây dựng chính quyền, các tổ chức kinh tế, hành chính, sự nghiệp, quốc phòng, an ninh và các đoàn thể chính trị - xã hội trong sạch, vững mạnh; chấp hành đúng pháp luật và phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

4. Liên hệ mật thiết với nhân dân, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần và bảo vệ lợi ích chính đáng của nhân dân; lãnh đạo nhân dân tham gia xây dựng và thực hiện đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

5. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện, bảo đảm các nghị quyết, chỉ thị của Đảng và pháp luật của Nhà nước được chấp hành nghiêm chỉnh; kiểm tra, giám sát tổ chức đảng và đảng viên chấp hành Điều lệ Đảng.

Đảng uỷ cơ sở nếu được cấp uỷ cấp trên trực tiếp uỷ quyền thì được quyết định kết nạp và khai trừ đảng viên.

Điều 24:

1. Chi bộ trực thuộc đảng uỷ cơ sở được tổ chức theo nơi làm việc hoặc nơi ở của đảng viên; mỗi chi bộ ít nhất có ba đảng viên chính thức. Chi bộ đông đảng viên có thể chia thành nhiều tổ đảng; tổ đảng bầu tổ trưởng, nếu cần thì bầu tổ phó; tổ đảng hoạt động dưới sự chỉ đạo của chi uỷ.

2. Chi bộ lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị của đơn vị; giáo dục, quản lý và phân công công tác cho đảng viên; làm công tác vận động quần chúng và công tác phát triển đảng viên; kiểm tra, giám sát thi hành kỷ luật đảng viên; thu, nộp đảng phí. Chi bộ, chi uỷ họp thường lệ mỗi tháng một lần.

3. Đại hội chi bộ do chi uỷ triệu tập năm năm hai lần; nơi chưa có chi uỷ thì do bí thư chi bộ triệu tập. Khi được đảng uỷ cơ sở đồng ý có thể triệu tập sớm hoặc muộn hơn, nhưng không quá sáu tháng.

4. Chi bộ có dưới chín đảng viên chính thức, bầu bí thư chi bộ; nếu cần, bầu phó bí thư. Chi bộ có chín đảng viên chính thức trở lên, bầu chi uỷ, bầu bí thư và phó bí thư chi bộ trong số chi uỷ viên.

Chương VI

TỔ CHỨC ĐẢNG TRONG QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM VÀ CÔNG AN NHÂN DÂN VIỆT NAM

Điều 25:

1. Đảng lãnh đạo Quân đội nhân dân Việt Nam và Công an nhân dân Việt Nam tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt; sự lãnh đạo của Đảng được tập trung thống nhất vào Ban Chấp hành Trung ương mà trực tiếp, thường xuyên là Bộ Chính trị, Ban Bí thư; Đảng quyết định những vấn đề cơ bản xây dựng Quân đội nhân dân và Công an nhân dân trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, tuyệt đối trung thành với Đảng, với Tổ quốc, hết lòng, hết sức phục vụ nhân dân, là lực lượng nòng cốt cùng toàn dân bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, giữ gìn an ninh chính trị và

trật tự, an toàn xã hội, tham gia xây dựng đất nước. Nhà nước thống nhất quản lý đối với Quân đội, Công an và sự nghiệp quốc phòng, an ninh theo quy định của Hiến pháp và pháp luật.

2. Tổ chức đảng trong Quân đội nhân dân Việt Nam và Công an nhân dân Việt Nam hoạt động theo Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

3. Các ban của cấp uỷ đảng theo chức năng giúp cấp uỷ hướng dẫn, kiểm tra, giám sát công tác xây dựng Đảng và công tác quần chúng trong Quân đội nhân dân Việt Nam và Công an nhân dân Việt Nam.

Điều 26:

1. Quân uỷ Trung ương do Bộ Chính trị chỉ định, gồm một số Uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương công tác trong Quân đội và một số Uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương công tác ngoài Quân đội, đặt dưới sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Trung ương mà thường xuyên là Bộ Chính trị, Ban Bí thư. Đồng chí Tổng Bí thư là Bí thư Quân uỷ Trung ương.

2. Quân uỷ Trung ương nghiên cứu đề xuất để Ban Chấp hành Trung ương quyết định những vấn đề về đường lối, nhiệm vụ quân sự và quốc phòng; lãnh đạo mọi mặt trong Quân đội.

3. Tổng cục Chính trị đảm nhiệm công tác đảng, công tác chính trị trong toàn quân, hoạt động dưới sự lãnh đạo của Ban Bí thư và trực tiếp, thường xuyên của Quân uỷ Trung ương. Ở mỗi cấp có cơ quan chính trị và cán bộ chính trị đảm nhiệm công tác đảng, công tác chính trị dưới sự lãnh đạo của cấp uỷ đảng cùng cấp và sự chỉ đạo của cơ quan chính trị cấp trên.

Điều 27:

1. Cấp uỷ đảng trong bộ đội chủ lực và bộ đội biên phòng ở cấp nào do đại hội cấp đó bầu, lãnh đạo các đơn vị thuộc cấp mình về mọi mặt; trường hợp đặc biệt do cấp uỷ cấp trên chỉ định.

2. Đảng uỷ quân khu gồm các đồng chí công tác trong đảng bộ quân khu do đại hội cùng cấp bầu và các đồng chí bí thư tỉnh uỷ, thành uỷ trên địa bàn quân khu được chỉ định tham gia; lãnh đạo thực hiện nghị quyết của cấp trên, nhiệm vụ xây dựng nền quốc phòng toàn dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; phối hợp với cấp uỷ địa phương thực hiện đường lối, chính sách của Đảng trong quân khu.

3. Tổ chức đảng quân sự địa phương ở cấp nào đặt dưới sự lãnh đạo của cấp uỷ địa phương cấp đó về mọi mặt, đồng thời chấp hành nghị quyết của đảng uỷ quân sự cấp trên về nhiệm vụ quốc phòng toàn dân và công tác quân sự địa phương. Cơ quan chính trị cấp trên phối hợp với cấp uỷ địa phương chỉ đạo công tác đảng, công tác chính trị và công tác quần chúng trong lực lượng vũ trang địa phương.

4. Đảng uỷ quân sự tỉnh, thành, huyện, quận, thị xã gồm các đồng chí công tác trong đảng bộ quân sự địa phương do đại hội cùng cấp bầu, đồng chí bí thư cấp uỷ địa phương và một số đồng chí ngoài đảng bộ quân sự địa phương được cấp uỷ địa phương chỉ định tham gia. Đồng chí bí thư cấp uỷ địa phương trực tiếp làm bí thư đảng uỷ quân sự cùng cấp.

Điều 28:

1. Đảng uỷ Công an Trung ương do Bộ Chính trị chỉ định gồm một số Uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương công tác trong Công an nhân dân và một số Uỷ viên Ban Chấp hành

Trung ương công tác ngoài Công an nhân dân, một số đồng chí công tác thuộc Đảng bộ Công an Trung ương, đặt dưới sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Trung ương mà thường xuyên là Bộ Chính trị, Ban Bí thư. Đảng uỷ Công an Trung ương nghiên cứu đề xuất để Ban Chấp hành Trung ương quyết định những vấn đề về đường lối, chính sách, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội; lãnh đạo mọi mặt công tác trong công an.

2. Cấp uỷ công an cấp nào do đại hội cấp đó bầu, trường hợp thật cần thiết do cấp uỷ cấp trên chỉ định. Cấp uỷ lãnh đạo các đơn vị thuộc cấp mình về mọi mặt.

3. Tổng cục Xây dựng lực lượng Công an nhân dân đảm nhiệm công tác đảng, công tác chính trị và công tác quần chúng trong các đơn vị thuộc đảng bộ công an, hoạt động dưới sự lãnh đạo của Đảng uỷ Công an Trung ương; phối hợp với cấp uỷ địa phương chỉ đạo công tác đảng, công tác chính trị và công tác quần chúng trong lực lượng công an địa phương.

4. Cơ quan xây dựng lực lượng công an mỗi cấp đảm nhiệm công tác đảng, công tác chính trị, công tác quần chúng trong đảng bộ, hoạt động dưới sự lãnh đạo của cấp uỷ đảng cùng cấp và sự chỉ đạo của cơ quan xây dựng lực lượng cấp trên.

Điều 29:

1. Tổ chức đảng Công an nhân dân địa phương cấp nào đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp về mọi mặt của cấp uỷ cấp đó, đồng thời chấp hành nghị quyết của đảng uỷ công an cấp trên về giữ gìn an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội; lãnh đạo xây dựng lực lượng Công an nhân dân ở địa phương và xây dựng đảng bộ trong sạch, vững mạnh.

2. Đảng uỷ công an tỉnh, thành, huyện, quận, thị xã do đại hội đảng bộ cùng cấp bầu.

Chương VII

CÔNG TÁC KIỂM TRA, GIÁM SÁT CỦA ĐẢNG VÀ ỦY BAN KIỂM TRA CÁC CẤP

Điều 30:

1. Kiểm tra, giám sát là những chức năng lãnh đạo của Đảng. Tổ chức đảng phải tiến hành công tác kiểm tra, giám sát. Tổ chức đảng và đảng viên chịu sự kiểm tra, giám sát của Đảng.

2. Các cấp uỷ đảng lãnh đạo công tác kiểm tra, giám sát và tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát các tổ chức đảng và đảng viên chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị của Đảng.

Điều 31:

1. Ủy ban kiểm tra các cấp do cấp uỷ cùng cấp bầu, gồm một số đồng chí trong cấp uỷ và một số đồng chí ngoài cấp uỷ.

2. Các thành viên uỷ ban kiểm tra và chủ nhiệm, phó chủ nhiệm uỷ ban kiểm tra cấp dưới phải được cấp uỷ cấp trên trực tiếp chuẩn y, nếu điều động chủ nhiệm uỷ ban kiểm tra sang công tác khác phải được cấp uỷ cấp trên trực tiếp đồng ý.

3. Ủy ban kiểm tra làm việc theo chế độ tập thể, dưới sự lãnh đạo của cấp uỷ cùng cấp và sự chỉ đạo, kiểm tra của uỷ ban kiểm tra cấp trên.

Điều 32:

Ủy ban kiểm tra các cấp có nhiệm vụ:

1. Kiểm tra đảng viên, kể cả cấp uỷ viên cùng cấp khi có

dấu hiệu vi phạm tiêu chuẩn đảng viên, tiêu chuẩn cấp uỷ viên và trong việc thực hiện nhiệm vụ đảng viên.

2. Kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới khi có dấu hiệu vi phạm trong việc chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, các nguyên tắc tổ chức của Đảng; kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật trong Đảng.

3. Giám sát cấp uỷ viên cùng cấp, cán bộ diện cấp uỷ cùng cấp quản lý và tổ chức đảng cấp dưới về việc thực hiện chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, nghị quyết của cấp uỷ và đạo đức, lối sống theo quy định của Ban Chấp hành Trung ương.

4. Xem xét, kết luận những trường hợp vi phạm kỷ luật, quyết định hoặc đề nghị cấp uỷ thi hành kỷ luật.

5. Giải quyết tố cáo đối với tổ chức đảng và đảng viên; giải quyết khiếu nại về kỷ luật Đảng.

6. Kiểm tra tài chính của cấp uỷ cấp dưới và của cơ quan tài chính cấp uỷ cùng cấp.

Điều 33:

Ủy ban kiểm tra có quyền yêu cầu tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên báo cáo, cung cấp tài liệu về những vấn đề liên quan đến nội dung kiểm tra.

Chương VIII

KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT

Điều 34:

Tổ chức đảng và đảng viên có thành tích được khen thưởng theo quy định của Ban Chấp hành Trung ương.

Điều 35:

1. Tổ chức đảng và đảng viên vi phạm kỷ luật phải xử lý công minh, chính xác, kịp thời.

2. Hình thức kỷ luật:

- Đối với tổ chức đảng: khiển trách, cảnh cáo, giải tán;
- Đối với đảng viên chính thức: khiển trách, cảnh cáo, cách chức, khai trừ;
- Đối với đảng viên dự bị: khiển trách, cảnh cáo.

Điều 36:

Thẩm quyền thi hành kỷ luật đảng viên vi phạm:

1. Chi bộ quyết định khiển trách, cảnh cáo đảng viên trong chi bộ (kể cả cấp uỷ viên các cấp, đảng viên thuộc diện cấp uỷ cấp trên quản lý) vi phạm phẩm chất chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, sinh hoạt đảng, thực hiện nhiệm vụ đảng viên (trừ nhiệm vụ do cấp trên giao).

Đảng uỷ cơ sở quyết định khiển trách, cảnh cáo đảng viên trong đảng bộ, cách chức cấp uỷ viên cấp dưới.

Đảng uỷ cơ sở được uỷ quyền quyết định kết nạp đảng viên thì có quyền quyết định khai trừ đảng viên, nhưng không phải là cấp uỷ viên cùng cấp và đảng viên là cán bộ thuộc diện cấp uỷ cấp trên quản lý.

2. Cấp uỷ tỉnh, thành, huyện, quận và tương đương quyết định các hình thức kỷ luật đảng viên; quyết định khiển trách, cảnh cáo cấp uỷ viên các cấp, đảng viên thuộc diện cấp uỷ cấp trên quản lý vi phạm phẩm chất chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, sinh hoạt đảng, thực hiện nhiệm vụ đảng viên; quyết định khiển trách, cảnh cáo cấp uỷ viên cùng cấp vi phạm nhiệm vụ do cấp uỷ giao.

Ban thường vụ cấp uỷ quyết định các hình thức kỷ luật đảng viên; quyết định khiển trách, cảnh cáo cấp uỷ viên các

cấp, đảng viên thuộc diện cấp uỷ cấp trên quản lý vi phạm phẩm chất chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, sinh hoạt đảng, thực hiện nhiệm vụ đảng viên, cán bộ thuộc diện cấp uỷ cấp trên quản lý vi phạm nhiệm vụ chuyên môn được giao.

3. Ban Chấp hành Trung ương quyết định các hình thức kỷ luật đảng viên, kể cả Uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương, Uỷ viên Ban Bí thư, Uỷ viên Bộ Chính trị.

Bộ Chính trị, Ban Bí thư quyết định các hình thức kỷ luật đảng viên, kể cả đảng viên là cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý; khiển trách, cảnh cáo Uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương vi phạm phẩm chất chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, sinh hoạt đảng, thực hiện nhiệm vụ đảng viên.

4. Uỷ ban kiểm tra từ cấp huyện, quận và tương đương trở lên quyết định các hình thức kỷ luật đảng viên, nhưng không phải là cấp uỷ viên cùng cấp; quyết định khiển trách, cảnh cáo đảng viên là cán bộ thuộc diện cấp uỷ cùng cấp quản lý và cấp uỷ viên cấp dưới trực tiếp.

5. Cấp uỷ và uỷ ban kiểm tra cấp trên có quyền chuẩn y, thay đổi hoặc xoá bỏ hình thức kỷ luật do cấp dưới quyết định.

6. Đảng viên giữ nhiều chức vụ bị kỷ luật cách chức thì tuỳ mức độ, tính chất vi phạm mà cách một hay nhiều chức vụ.

Điều 37:

Thẩm quyền thi hành kỷ luật tổ chức đảng vi phạm:

1. Cấp uỷ cấp trên trực tiếp quyết định khiển trách, cảnh cáo tổ chức đảng cấp dưới.

2. Kỷ luật giải tán một tổ chức đảng do cấp uỷ cấp trên trực tiếp đề nghị, cấp uỷ cấp trên cách một cấp quyết định. Quyết định này phải báo cáo lên cấp uỷ cấp trên trực tiếp và Uỷ ban Kiểm tra Trung ương.

3. Chỉ giải tán một tổ chức đảng khi tổ chức đó phạm một trong các trường hợp: có hành động chống đường lối, chính sách của Đảng; vi phạm đặc biệt nghiêm trọng nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng hoặc pháp luật của Nhà nước.

Điều 38:

1. Tổ chức đảng và đảng viên vi phạm không thuộc thẩm quyền quyết định kỷ luật của cấp mình thì đề nghị lên cấp có thẩm quyền quyết định.

2. Trường hợp tổ chức đảng cấp dưới không xử lý hoặc xử lý không đúng mức đối với tổ chức đảng và đảng viên vi phạm thì cấp uỷ hoặc uỷ ban kiểm tra cấp trên quyết định các hình thức kỷ luật theo thẩm quyền, đồng thời xem xét trách nhiệm của tổ chức đảng đó.

3. Kỷ luật giải tán một tổ chức đảng và khai trừ đảng viên phải được ít nhất hai phần ba số thành viên của tổ chức đảng cấp dưới đề nghị và do tổ chức đảng có thẩm quyền quyết định.

Điều 39:

1. Đảng viên vi phạm phải kiểm điểm trước chi bộ, tự nhận hình thức kỷ luật; nếu từ chối kiểm điểm hoặc bị tạm giam, tổ chức đảng vẫn tiến hành xem xét kỷ luật. Trường hợp cần thiết, cấp uỷ và uỷ ban kiểm tra cấp có thẩm quyền trực tiếp xem xét kỷ luật.

2. Tổ chức đảng vi phạm phải kiểm điểm, tự nhận hình thức kỷ luật và báo cáo lên cấp uỷ cấp trên quyết định.

3. Trước khi quyết định kỷ luật, đại diện tổ chức đảng có thẩm quyền nghe đảng viên vi phạm hoặc đại diện tổ chức đảng vi phạm trình bày ý kiến.

4. Quyết định của cấp dưới về kỷ luật tổ chức đảng và đảng viên vi phạm phải báo cáo lên cấp uỷ, uỷ ban kiểm tra cấp trên trực tiếp; nếu đảng viên vi phạm tham gia nhiều cơ quan lãnh đạo của Đảng thì phải báo cáo đến các cơ quan lãnh đạo cấp trên mà đảng viên đó là thành viên.

5. Quyết định của cấp trên về kỷ luật tổ chức đảng và đảng viên vi phạm phải được thông báo đến cấp dưới, nơi có tổ chức đảng và đảng viên vi phạm; trường hợp cần thông báo rộng hơn thì do cấp uỷ có thẩm quyền quyết định.

6. Kỷ luật tổ chức đảng và đảng viên vi phạm có hiệu lực ngay sau khi công bố quyết định.

7. Tổ chức đảng, đảng viên không đồng ý với quyết định kỷ luật thì trong vòng một tháng, kể từ ngày nhận quyết định, có quyền khiếu nại với cấp uỷ hoặc uỷ ban kiểm tra cấp trên cho đến Ban Chấp hành Trung ương. Việc giải quyết khiếu nại kỷ luật, thực hiện theo quy định của Ban Chấp hành Trung ương.

8. Khi nhận khiếu nại kỷ luật, cấp uỷ hoặc uỷ ban kiểm tra thông báo cho tổ chức đảng hoặc đảng viên khiếu nại biết; chậm nhất ba tháng đối với cấp tỉnh, thành phố, huyện, quận và tương đương, sáu tháng đối với cấp Trung ương, kể từ ngày nhận được khiếu nại, phải xem xét, giải quyết, trả lời cho tổ chức đảng và đảng viên khiếu nại biết.

9. Trong khi chờ giải quyết khiếu nại, tổ chức đảng và đảng viên bị kỷ luật phải chấp hành nghiêm chỉnh quyết định kỷ luật.

Điều 40:

1. Đảng viên bị hình phạt tù cải tạo không giam giữ trở lên phải khai trừ ra khỏi Đảng.

2. Tổ chức đảng bị kỷ luật giải tán, cấp uỷ cấp trên trực

tiếp lập tổ chức đảng mới hoặc giới thiệu sinh hoạt đảng cho số đảng viên còn lại.

3. Đảng viên bị kỷ luật cách chức, trong vòng một năm, kể từ ngày có quyết định, không được bầu vào cấp uỷ, không được bổ nhiệm vào các chức vụ tương đương và cao hơn.

4. Việc đình chỉ sinh hoạt đảng của đảng viên, đình chỉ sinh hoạt cấp uỷ của cấp uỷ viên, đình chỉ hoạt động của tổ chức đảng phải được cấp uỷ hoặc uỷ ban kiểm tra có thẩm quyền quyết định theo quy định của Ban Chấp hành Trung ương.

Chương IX

ĐẢNG LÃNH ĐẠO NHÀ NƯỚC, MẶT TRẬN TỔ QUỐC VÀ ĐOÀN THỂ CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI

Điều 41:

1. Đảng lãnh đạo Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể chính trị - xã hội bằng Cương lĩnh chính trị, chiến lược, chính sách, chủ trương; bằng công tác tư tưởng, tổ chức, cán bộ và kiểm tra, giám sát việc thực hiện.

2. Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ, đi đôi với phát huy trách nhiệm của các tổ chức và người đứng đầu các tổ chức trong hệ thống chính trị về công tác cán bộ.

3. Đảng giới thiệu cán bộ đủ tiêu chuẩn để ứng cử hoặc bổ nhiệm vào cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể chính trị - xã hội.

4. Tổ chức đảng và đảng viên công tác trong cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể chính trị - xã hội phải chấp hành nghiêm chỉnh nghị quyết, chỉ thị của Đảng; tổ

chức đảng lãnh đạo việc cụ thể hoá thành các văn bản luật pháp của Nhà nước, chủ trương của đoàn thể; lãnh đạo thực hiện có hiệu quả.

Điều 42:

1. Trong cơ quan lãnh đạo của Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể chính trị - xã hội cấp Trung ương và cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, do bầu cử lập ra, cấp uỷ cùng cấp lập đảng đoàn gồm một số đảng viên công tác trong tổ chức đó. Nơi không lập đảng đoàn thì tổ chức cơ sở đảng trong cơ quan đó thực hiện chức năng lãnh đạo theo quy định của Ban Chấp hành Trung ương.

2. Đảng đoàn do cấp uỷ cùng cấp chỉ định; có bí thư, nếu cần, có phó bí thư. Đảng đoàn làm việc theo chế độ tập thể và chịu trách nhiệm trước cấp uỷ.

3. Đảng đoàn lãnh đạo, thuyết phục các thành viên trong tổ chức thực hiện đường lối, chính sách của Đảng; liên hệ mật thiết với nhân dân; đề xuất với cấp uỷ về phương hướng, nhiệm vụ, tổ chức, cán bộ và quyết định theo thẩm quyền; lãnh đạo công tác kiểm tra việc chấp hành đường lối, chính sách của Đảng.

4. Khi cần, đảng đoàn triệu tập các đảng viên trong tổ chức để thảo luận chủ trương của cấp uỷ và bàn biện pháp thực hiện.

Điều 43:

1. Trong cơ quan hành pháp, tư pháp cấp Trung ương và cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, cấp uỷ cùng cấp lập ban cán sự đảng gồm một số đảng viên công tác trong tổ chức đó. Nơi không lập ban cán sự đảng thì tổ chức cơ sở

đảng trong cơ quan đó thực hiện chức năng lãnh đạo theo quy định của Ban Chấp hành Trung ương.

2. Ban cán sự đảng do cấp uỷ cùng cấp chỉ định; có bí thư, nếu cần, có phó bí thư. Ban cán sự đảng làm việc theo chế độ tập thể và chịu trách nhiệm trước cấp uỷ.

3. Ban cán sự đảng lãnh đạo quán triệt và tổ chức thực hiện đường lối, chính sách của Đảng; đề xuất với cấp uỷ về phương hướng, nhiệm vụ, tổ chức, cán bộ và quyết định theo thẩm quyền; lãnh đạo công tác kiểm tra việc chấp hành đường lối, chính sách của Đảng.

Chương X

ĐẢNG LÃNH ĐẠO ĐOÀN THANH NIÊN CỘNG SẢN HỒ CHÍ MINH

Điều 44:

1. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh là đội dự bị tin cậy của Đảng, thường xuyên bổ sung lực lượng trẻ cho Đảng, kế tục sự nghiệp cách mạng vẻ vang của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh; là lực lượng nòng cốt trong phong trào thanh niên; là trường học xã hội chủ nghĩa; đại diện quyền lợi của thanh niên; phụ trách Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh.

2. Cấp uỷ đảng lãnh đạo trực tiếp tổ chức đoàn cùng cấp về phương hướng, nhiệm vụ, tư tưởng, tổ chức, cán bộ.

Điều 45:

Đảng viên còn trong độ tuổi đoàn phải sinh hoạt và công tác trong tổ chức đoàn.

Chương XI

TÀI CHÍNH CỦA ĐẢNG

Điều 46:

1. Tài chính của Đảng gồm đảng phí do đảng viên đóng, từ ngân sách nhà nước và các khoản thu khác.

2. Ban Chấp hành Trung ương quy định thống nhất nguyên tắc, chế độ quản lý tài chính, tài sản của Đảng, mức đóng đảng phí của đảng viên.

3. Hằng năm, cấp uỷ nghe báo cáo và quyết định nhiệm vụ tài chính của cấp mình.

Chương XII

CHẤP HÀNH ĐIỀU LỆ ĐẢNG

Điều 47:

Tổ chức đảng và đảng viên phải chấp hành nghiêm chỉnh Điều lệ Đảng.

Điều 48:

Chỉ Đại hội đại biểu toàn quốc mới có quyền sửa đổi Điều lệ Đảng.

NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ XI ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI Đảng Cộng sản Việt Nam họp từ ngày 12-1-2011 đến ngày 19-1-2011, tại Thủ đô Hà Nội, sau khi thảo luận các văn kiện do Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá X trình,

QUYẾT NGHỊ

I- Thông qua Dự thảo Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011).

Giao Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XI chỉ đạo Bộ Chính trị, căn cứ Báo cáo giải trình của Đoàn Chủ tịch Đại hội, kết quả biểu quyết, để hoàn chỉnh và chính thức ban hành.

II- Thông qua Dự thảo Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020.

Giao Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XI chỉ đạo Bộ Chính trị, căn cứ Báo cáo giải trình của Đoàn Chủ tịch Đại hội, kết quả biểu quyết, để hoàn chỉnh và chính thức ban hành.

III- Tán thành những nội dung cơ bản về đánh giá tình hình 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội X (2006 - 2010) và phương hướng, nhiệm vụ 5 năm 2011 - 2015 nêu trong Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá X trình Đại hội XI:

1. Về đánh giá tình hình 5 năm 2006 - 2010

Trong bối cảnh quốc tế và trong nước có rất nhiều khó khăn, thách thức, nhất là do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính, suy thoái kinh tế toàn cầu, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta đã nỗ lực phấn đấu đạt được **những thành tựu quan trọng** trong việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Đại hội X; ứng phó có kết quả trước những diễn biến phức tạp của kinh tế thế giới và trong nước; cơ bản giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô; duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế khá, các ngành đều có bước phát triển, quy mô nền kinh tế tăng lên. Đời sống của nhân dân tiếp tục được cải thiện; chính trị - xã hội ổn định; quốc phòng, an ninh được tăng cường; độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ được giữ vững; hoạt động đối ngoại, hội nhập quốc tế được mở rộng, vị thế, uy tín quốc tế của nước ta được nâng cao; phát huy dân chủ có tiến bộ, khối đại đoàn kết toàn dân tộc tiếp tục được tăng cường; công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị đạt một số kết quả tích cực.

Kết quả đạt được trong 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội X đã góp phần quan trọng vào việc thực hiện thắng lợi *Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001 - 2010* và 20 năm thực hiện *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*.

Tuy nhiên, cũng còn nhiều hạn chế, khuyết điểm cần quyết tâm khắc phục. Một số chỉ tiêu, nhiệm vụ Đại hội X

đề ra chưa đạt. Kinh tế phát triển chưa bền vững, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế thấp; chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá chậm; chế độ phân phối còn nhiều bất hợp lý, phân hoá giàu nghèo tăng lên. Những hạn chế, yếu kém trong các lĩnh vực giáo dục, đào tạo, khoa học, công nghệ, văn hoá, xã hội, bảo vệ môi trường chậm được khắc phục; tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí, tội phạm, tệ nạn xã hội, suy thoái đạo đức, lối sống chưa được ngăn chặn, đẩy lùi. Thể chế kinh tế, chất lượng nguồn nhân lực, kết cấu hạ tầng vẫn là những điểm yếu cản trở sự phát triển. Nền dân chủ xã hội chủ nghĩa và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc chưa được phát huy đầy đủ. Công tác xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân chuyển biến chậm. Còn tiềm ẩn những yếu tố gây mất ổn định chính trị - xã hội.

Những hạn chế, yếu kém nói trên có nguyên nhân khách quan là do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính, suy thoái kinh tế toàn cầu; thiên tai, dịch bệnh; sự chống phá của các thế lực thù địch; những yếu kém vốn có của nền kinh tế; nhưng trực tiếp và quyết định vẫn là nguyên nhân chủ quan: Công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn nhìn chung vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu. Nhận thức trên một số vấn đề cụ thể của công cuộc đổi mới còn hạn chế, thiếu thống nhất. Công tác dự báo trong nhiều lĩnh vực còn yếu. Sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng, quản lý, điều hành của Nhà nước trên một số lĩnh vực và một số vấn đề lớn chưa tập trung, kiên quyết, dứt điểm; kỷ luật, kỷ cương chưa nghiêm. Tổ chức thực hiện vẫn là khâu yếu. Năng lực, phẩm chất của một bộ phận cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

2. Từ thực tiễn lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Nghị quyết Đại hội X, có thể rút ra một số kinh nghiệm:

Một là, trong bất kỳ điều kiện và tình huống nào, phải kiên trì thực hiện đường lối và mục tiêu đổi mới, kiên định và vận dụng sáng tạo, phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Đổi mới toàn diện, đồng bộ với những bước đi thích hợp. Tích cực, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế phải gắn với chú trọng xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, giữ vững truyền thống và bản sắc văn hoá dân tộc. Mở rộng, phát huy dân chủ phải gắn với tăng cường kỷ luật, kỷ cương và ý thức trách nhiệm của mỗi công dân, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp và cả cộng đồng.

Hai là, phải thật sự coi trọng chất lượng, hiệu quả tăng trưởng và phát triển bền vững. Nâng cao chất lượng và hiệu quả của nền kinh tế với tốc độ tăng trưởng hợp lý, giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô. Tăng cường huy động các nguồn lực trong và ngoài nước, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả các nguồn lực để đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế. Phát triển lực lượng sản xuất phải đồng thời xây dựng, hoàn thiện quan hệ sản xuất phù hợp; củng cố và tăng cường các yếu tố bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế.

Ba là, phải coi trọng việc kết hợp chặt chẽ giữa tăng trưởng kinh tế với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; bảo đảm an sinh xã hội, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, nhất là đối với người nghèo, đồng bào ở vùng sâu, vùng xa, đặc biệt là trong tình hình kinh tế khó khăn, suy giảm; gắn phát triển kinh tế với phát triển văn hoá, củng cố quốc phòng, an ninh, tăng cường quan hệ đối ngoại, thực hiện tốt hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Bốn là, đặc biệt chăm lo củng cố, xây dựng Đảng vững mạnh cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Thắt sự phát huy dân chủ đi đôi với giữ gìn kỷ luật, kỷ cương; giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ, tăng cường đoàn kết thống nhất, gắn bó mật thiết với nhân dân, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng. Xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên vững vàng về chính trị, tư tưởng, trong sáng về đạo đức, lối sống, có sức chiến đấu cao, giỏi về chuyên môn, nghiệp vụ; phát huy hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước, tính tích cực, chủ động, sáng tạo của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân.

Năm là, trong công tác lãnh đạo và chỉ đạo phải rất nhạy bén, kiên quyết, sáng tạo, bám sát thực tiễn đất nước; chú trọng công tác dự báo, kịp thời đề ra các giải pháp phù hợp với tình hình mới; tăng cường công tác tuyên truyền, tạo sự đồng thuận cao, phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị, của toàn xã hội.

3. Dự báo tình hình thế giới và trong nước những năm sắp tới

Trên thế giới: Hoà bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn, nhưng sẽ có những diễn biến phức tạp mới, tiềm ẩn nhiều bất trắc khó lường. Những căng thẳng, xung đột tôn giáo, sắc tộc, ly khai, chiến tranh cục bộ, tranh chấp lãnh thổ, bạo loạn chính trị, can thiệp, lật đổ, khủng bố vẫn sẽ diễn ra gay gắt; các yếu tố đe dọa an ninh phi truyền thống, tội phạm công nghệ cao trong các lĩnh vực tài chính - tiền tệ, điện tử - viễn thông, sinh học, môi trường... còn tiếp tục gia tăng.

Cục diện thế giới đa cực ngày càng rõ hơn, xu thế dân chủ hoá trong quan hệ quốc tế tiếp tục phát triển nhưng các nước

lớn vẫn sẽ chi phối các quan hệ quốc tế. Toàn cầu hoá và cách mạng khoa học - công nghệ phát triển mạnh mẽ, thúc đẩy quá trình hình thành xã hội thông tin và kinh tế tri thức. Kinh tế thế giới mặc dù có dấu hiệu phục hồi sau khủng hoảng nhưng vẫn còn nhiều khó khăn, bất ổn; chủ nghĩa bảo hộ phát triển dưới nhiều hình thức; cơ cấu lại thể chế, các ngành, lĩnh vực kinh tế diễn ra mạnh mẽ ở các nước; tương quan sức mạnh kinh tế giữa các nước, nhất là giữa các nước lớn có nhiều thay đổi. Cạnh tranh về kinh tế - thương mại, tranh giành các nguồn tài nguyên, năng lượng, thị trường, công nghệ, nguồn vốn, nguồn nhân lực chất lượng cao... giữa các nước ngày càng gay gắt. Những vấn đề toàn cầu như: an ninh tài chính, an ninh năng lượng, an ninh lương thực, biến đổi khí hậu, nước biển dâng cao, thiên tai, dịch bệnh... sẽ tiếp tục diễn biến phức tạp. Cuộc đấu tranh của nhân dân các nước trên thế giới vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân sinh, dân chủ và tiến bộ xã hội tiếp tục phát triển. Cuộc đấu tranh dân tộc và giai cấp vẫn diễn biến phức tạp.

Khu vực châu Á - Thái Bình Dương, trong đó có khu vực Đông Nam Á, vẫn sẽ là khu vực phát triển năng động, nhưng còn tồn tại nhiều nhân tố gây mất ổn định; tranh chấp lãnh thổ, biển đảo ngày càng gay gắt. Xuất hiện các hình thức tập hợp lực lượng và đan xen lợi ích mới. ASEAN tiếp tục đẩy mạnh liên kết khu vực, xây dựng cộng đồng, có vai trò ngày càng quan trọng trong khu vực, song còn nhiều khó khăn, thách thức.

Ở trong nước: Những thành tựu, kinh nghiệm của 25 năm đổi mới (1986 - 2011) đã tạo ra cho đất nước lực và thế, sức mạnh tổng hợp lớn hơn nhiều so với trước. Năm năm tới là giai đoạn kinh tế nước ta tiếp tục phục hồi, lấy lại đà tăng

trường sau thời kỳ suy giảm; sẽ thực hiện nhiều hơn các hiệp định thương mại tự do song phương và đa phương; khắc phục những hạn chế, yếu kém trong các lĩnh vực kinh tế, văn hoá, xã hội, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị. Tuy nhiên, nước ta đứng trước nhiều thách thức lớn, đan xen nhau, tác động tổng hợp và diễn biến phức tạp, không thể coi thường thách thức nào. Nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế so với nhiều nước trong khu vực và trên thế giới vẫn tồn tại. Tình trạng suy thoái về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên gắn với tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí vẫn nghiêm trọng, làm giảm sút niềm tin của nhân dân vào Đảng và Nhà nước. Các thế lực thù địch tiếp tục thực hiện âm mưu “diễn biến hoà bình”, gây bạo loạn lật đổ, sử dụng các chiêu bài “dân chủ”, “nhân quyền” hòng làm thay đổi chế độ chính trị ở nước ta. Trong nội bộ, những biểu hiện xa rời mục tiêu của chủ nghĩa xã hội, “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” có những diễn biến phức tạp.

Nhìn chung, tình hình và xu hướng nêu trên sẽ tạo ra cả những thời cơ và thách thức đan xen đối với sự phát triển của đất nước trong 5 năm tới.

4. Mục tiêu, nhiệm vụ phát triển đất nước 5 năm 2011 - 2015

Mục tiêu tổng quát trong 5 năm tới là: *Tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng; đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới; xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; phát huy dân chủ và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc; phát triển kinh tế nhanh, bền vững; nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân; giữ vững ổn định chính trị - xã hội; tăng cường hoạt động đối ngoại; bảo*

vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ; tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

Nhiệm vụ chủ yếu:

- Ổn định kinh tế vĩ mô, đổi mới mô hình tăng trưởng và cơ cấu lại nền kinh tế theo hướng từ chủ yếu phát triển theo chiều rộng sang phát triển hợp lý giữa chiều rộng và chiều sâu, nâng cao chất lượng, hiệu quả của nền kinh tế, bảo đảm phát triển nhanh và bền vững, nâng cao tính độc lập, tự chủ của nền kinh tế; huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực; từng bước xây dựng kết cấu hạ tầng hiện đại. Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Phát triển, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, chất lượng nguồn nhân lực; phát triển khoa học, công nghệ và kinh tế tri thức. Tập trung giải quyết vấn đề việc làm và thu nhập cho người lao động, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Tạo bước tiến rõ rệt về thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo đảm an sinh xã hội, giảm tỉ lệ hộ nghèo; cải thiện điều kiện chăm sóc sức khỏe cho nhân dân. Tiếp tục xây dựng nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá tốt đẹp của dân tộc, đồng thời tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại. Bảo vệ môi trường, chủ động phòng tránh thiên tai, ứng phó có hiệu quả với biến đổi khí hậu.

- Tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh; giữ vững ổn định chính trị - xã hội, độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, trật tự, an toàn xã hội; ngăn chặn, làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực

thù địch; triển khai đồng bộ, toàn diện, hiệu quả các hoạt động đối ngoại, tích cực và chủ động hội nhập quốc tế.

- Tiếp tục phát huy dân chủ và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc; hoàn thiện, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; đổi mới, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của Quốc hội, Chính phủ, chính quyền địa phương; đẩy mạnh cải cách hành chính và cải cách tư pháp; thực hiện có hiệu quả cuộc đấu tranh phòng, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí. Đổi mới và nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân.

- Đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng về chính trị, tư tưởng và tổ chức; tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác cán bộ, kiểm tra, giám sát và tư tưởng; thường xuyên học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh; nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng; xây dựng Đảng thật sự trong sạch, vững mạnh, nâng cao chất lượng tổ chức cơ sở đảng và đội ngũ cán bộ, đảng viên; tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng.

Phấn đấu đạt được các chỉ tiêu chủ yếu:

Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân 5 năm 2011 - 2015: 7,0 - 7,5%/năm. Giá trị gia tăng công nghiệp - xây dựng bình quân 5 năm tăng 7,8 - 8%; giá trị gia tăng nông nghiệp bình quân 5 năm 2,6 - 3%/năm. Cơ cấu GDP: nông nghiệp 17 - 18%, công nghiệp và xây dựng 41 - 42%, dịch vụ 41 - 42%; sản phẩm công nghệ cao và sản phẩm ứng dụng công nghệ cao đạt 35% tổng GDP; tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 55%. Kim ngạch xuất khẩu tăng bình quân 12%/năm, giảm nhập siêu, phấn đấu đến năm 2020 cân bằng được xuất nhập khẩu. Vốn đầu tư toàn xã hội bình quân 5 năm đạt 40% GDP.

Tỷ lệ huy động vào ngân sách nhà nước đạt 23 - 24% GDP; giảm mức bội chi ngân sách xuống 4,5% GDP vào năm 2015. Giải quyết việc làm cho 8 triệu lao động. Tỷ trọng lao động nông - lâm - thuỷ sản năm 2015 chiếm 40 - 41% lao động xã hội. Thu nhập của người dân nông thôn tăng 1,8 - 2 lần so với năm 2010. Tốc độ tăng dân số đến năm 2015 khoảng 1%. Năm 2015, GDP bình quân đầu người khoảng 2.000 USD. Tuổi thọ trung bình năm 2015 đạt 74 tuổi. Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân 2%/năm. Tỷ lệ che phủ rừng năm 2015 đạt 42 - 43%.

Trong nhiệm kỳ khoá XI, trên cơ sở quán triệt và lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện việc thực hiện các quan điểm, nhiệm vụ trên tất cả các lĩnh vực đã nêu trong Báo cáo chính trị, cần tập trung lãnh đạo, chỉ đạo tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong thực hiện những nhiệm vụ trọng tâm sau:

- Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng;
- Đẩy mạnh cải cách hành chính, nhất là thủ tục hành chính liên quan đến tổ chức và hoạt động của doanh nghiệp, sinh hoạt của nhân dân;
- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá, hội nhập kinh tế quốc tế của đất nước;
- Xây dựng đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế, nhất là hệ thống giao thông, yếu tố đang gây ách tắc, cản trở sự tăng trưởng kinh tế, gây bức xúc trong nhân dân;
- Đổi mới quan hệ phân phối, chính sách tiền lương, thu nhập của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động; khắc phục tình trạng bất hợp lý và tác động tiêu cực của quan hệ phân phối, chính sách tiền lương, thu nhập hiện nay;

- Tập trung giải quyết một số vấn đề xã hội bức xúc (suy thoái đạo đức, lối sống, tệ nạn xã hội, trật tự, kỷ cương xã hội);
- Đẩy mạnh, nâng cao hiệu quả cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí để thực sự ngăn chặn, đẩy lùi được tệ nạn này.

IV- Thông qua Báo cáo kiểm điểm sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá X trình Đại hội XI. Giao Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XI tiếp thu ý kiến của Đại hội, phát huy ưu điểm, khắc phục khuyết điểm, nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo trong nhiệm kỳ tới.

V- Thông qua toàn văn Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam đã được bổ sung, sửa đổi.

VI- Thông qua kết quả bầu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XI gồm 200 đồng chí, trong đó 175 đồng chí Ủy viên Trung ương chính thức, 25 đồng chí Ủy viên Trung ương dự khuyết.

VII- Giao Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XI và các cấp uỷ, tổ chức đảng xây dựng chương trình hành động, các kế hoạch công tác để cụ thể hoá và tổ chức thực hiện thắng lợi đường lối và những chủ trương đã nêu trong các văn kiện Đại hội XI.

VIII- Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI Đảng Cộng sản Việt Nam kêu gọi toàn Đảng, toàn dân, toàn quân và đồng bào ta ở nước ngoài tiếp tục phát huy truyền thống vẻ vang của dân tộc, của Đảng, nêu cao tinh thần yêu nước, ý chí tự cường, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, năng động và sáng tạo, ra sức thi đua quyết tâm thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XI của Đảng, tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, phát huy

sức mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Hà Nội, ngày 19 tháng 1 năm 2011

**ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC
LẦN THỨ XI ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

DIỄN VĂN BẾ MẠC
ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ XI
ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

(Do đồng chí Nguyễn Phú Trọng,
Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XI
trình bày, ngày 19 tháng 1 năm 2011)

Thưa Đoàn Chủ tịch Đại hội,
Thưa các vị đại biểu khách quý,
Thưa toàn thể Đại hội,

Sau 9 ngày làm việc nghiêm túc, khẩn trương, trong không khí dân chủ, đoàn kết và với ý thức trách nhiệm cao trước Đảng và nhân dân, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng đã hoàn thành tốt đẹp toàn bộ chương trình đề ra.

Đại hội đã thảo luận sôi nổi, thẳng thắn, dân chủ và nhất trí thông qua các văn kiện rất quan trọng, có ý nghĩa chiến lược, lâu dài đối với sự phát triển của đất nước ta: Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011); Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020; phương hướng, nhiệm vụ chính trị 5 năm 2011 - 2015 và Điều lệ Đảng (bổ sung, sửa đổi).

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Trung ương gồm những đồng chí tiêu biểu cho trên 3,6 triệu đảng viên, có đủ tiêu chuẩn về phẩm chất, năng lực, trình độ và đạo đức

để gánh vác những trọng trách nặng nề do Đảng và nhân dân giao phó.

Thưa Đại hội,

Các văn kiện được thông qua tại Đại hội lần này là sự tổng kết sâu sắc lý luận và thực tiễn 20 năm thực hiện Cương lĩnh, 10 năm thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội (2001 - 2010) và 5 năm thực hiện phương hướng, nhiệm vụ kinh tế - xã hội (2006 - 2010), là sự kết tinh trí tuệ, ý chí, nguyện vọng của toàn Đảng, toàn dân ta; là sự tiếp tục khẳng định, hoàn thiện và phát triển quan điểm, đường lối đổi mới của Đảng ta theo tinh thần chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh; xác định mục tiêu, nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân tộc ta trong giai đoạn phát triển mới đầy triển vọng và không ít thách thức của cách mạng nước ta từ nay đến năm 2020 và những năm tiếp theo.

Sự thống nhất ý chí của Đại hội biểu thị quyết tâm sắt đá của Đảng ta, trong những năm tới, lãnh đạo toàn Đảng, toàn dân, toàn quân phấn đấu thực hiện bằng được mục tiêu “Tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, tạo nên tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại”.

Để thực hiện mục tiêu cao cả đó, Đại hội đã thảo luận và thông qua những quyết sách trên tất cả các lĩnh vực cơ bản và trọng yếu của sự nghiệp phát triển đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc những năm tới. Những quyết sách trên giữ vai trò vô cùng quan trọng, có giá trị định hướng và chỉ đạo sâu sắc trong toàn bộ quá trình triển khai và tổ chức thực hiện phương hướng, nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ đất nước 5 năm, 10 năm và 20 năm tới.

Đại hội đã tập trung thảo luận và thông qua những nhiệm vụ to lớn nhằm tiếp tục chỉnh đốn, xây dựng và tự đổi mới Đảng với mục tiêu nâng cao bản lĩnh chính trị, năng lực trí tuệ, phẩm chất và đạo đức cách mạng, làm cho Đảng ta thật sự trong sạch, vững mạnh, củng cố vững chắc niềm tin của nhân dân đối với Đảng. Đại hội nhấn mạnh đến sự đoàn kết, thống nhất ý chí và hành động của toàn Đảng trên cơ sở Cương lĩnh và đường lối, quan điểm, nguyên tắc của Đảng và với tình đồng chí thương yêu lẫn nhau, như Bác Hồ đã dạy; đến sự gắn bó mật thiết giữa Đảng với giai cấp, với nhân dân và dân tộc như là một phẩm chất cốt lõi nhất thể hiện bản chất và sức sống của Đảng. Để bảo đảm sự trong sạch và vững mạnh cũng như uy tín, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị, Đại hội nhận thức sâu sắc và thể hiện quyết tâm đầy mạnh và có những giải pháp nâng cao hiệu quả cuộc đấu tranh phòng và chống tham nhũng, quan liêu, lãng phí, sự thoái hoá, biến chất của cán bộ, đảng viên, công chức. Đại hội đặc biệt coi trọng và nhấn mạnh rằng, trong những năm tới, xây dựng Đảng là một nhiệm vụ trọng yếu, là nhân tố quyết định để giữ vững vai trò và nâng cao chất lượng lãnh đạo của Đảng, để Đảng thực sự xứng đáng là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc.

Với những kết quả trên, chúng ta vui mừng báo cáo với toàn Đảng, toàn dân: Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng Cộng sản Việt Nam đã thành công tốt đẹp.

Thưa Đại hội,

Tại Đại hội XI của Đảng, nhiều đồng chí trong Ban Chấp

hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư khoá X đã không ứng cử vào Ban Chấp hành Trung ương khoá XI, tạo điều kiện để trẻ hoá, bổ sung lực lượng mới vào cơ quan lãnh đạo của Đảng trong nhiệm kỳ mới. Đó là một nghĩa cử cao đẹp. Đại hội chân thành cảm ơn và đánh giá cao những cống hiến trong 5 năm qua của các đồng chí và xin chúc các đồng chí khoẻ mạnh, hạnh phúc, tiếp tục đóng góp tâm huyết, năng lực, kinh nghiệm của mình vào sự nghiệp vẻ vang của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta.

Đại hội đã tiến hành nghiêm túc, đúng Điều lệ Đảng, sáng suốt lựa chọn và bầu các đồng chí đủ tiêu chuẩn, xứng đáng vào Ban Chấp hành Trung ương khoá XI: 175 đồng chí Ủy viên Trung ương chính thức và 25 đồng chí Ủy viên Trung ương dự khuyết. Đại hội trao cho Ban Chấp hành Trung ương khoá mới trọng trách nặng nề trước Đảng, trước nhân dân, lãnh đạo toàn Đảng, toàn dân thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XI. Nhận rõ trách nhiệm to lớn đó trong giai đoạn mới với những thời cơ lớn và thách thức gay gắt, Ban Chấp hành Trung ương khoá XI nguyện đem hết sức mình, toàn tâm toàn ý phụng sự Tổ quốc và dân tộc, phục vụ nhân dân, phấn đấu không ngừng nâng cao năng lực, trình độ, bản lĩnh, phẩm chất đạo đức, cùng toàn Đảng, toàn dân, toàn quân quyết tâm thực hiện thắng lợi những mục tiêu, nhiệm vụ to lớn đã được Đại hội xác định.

Thưa các đồng chí,

Đại hội nhiệt liệt hoan nghênh và trân trọng cảm ơn các đồng chí lão thành cách mạng, tổ chức đảng các cấp, các tổ chức, đoàn thể chính trị - xã hội, các nhân sĩ, văn nghệ sĩ, trí thức, các vị chức sắc tôn giáo, đồng chí, đồng bào, chiến sĩ cả nước, cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài..., với ý thức

trách nhiệm cao và tình cảm sâu sắc trước đất nước và dân tộc, đã chân thành, thẳng thắn đóng góp trí tuệ, kinh nghiệm nhằm bổ sung, xây dựng các văn kiện Đại hội, góp phần vào thành công của Đại hội.

Đại hội xin gửi lời cảm ơn chân thành và sâu sắc các đảng cộng sản và công nhân, các đảng cầm quyền, các tổ chức chính trị, xã hội và bạn bè quốc tế... đã gửi điện chúc mừng Đại hội, biểu thị những tình cảm tốt đẹp, hữu nghị và đoàn kết đối với Đảng ta và nhân dân ta.

Đại hội đã nhận được rất nhiều thư, điện chúc mừng đến từ mọi miền đất nước và của kiều bào ta ở nước ngoài. Xin chân thành cảm ơn những tình cảm tốt đẹp của đồng bào cả nước.

Đại hội nhiệt liệt hoan nghênh và chân thành cảm ơn các cơ quan thông tấn, báo chí trong và ngoài nước đã đến dự và kịp thời đưa tin về Đại hội.

Đại hội biểu dương và cảm ơn Tiểu ban Tổ chức phục vụ Đại hội XI của Đảng, toàn thể cán bộ, chiến sĩ, công nhân, viên chức đã tận tụy làm tốt công tác phục vụ Đại hội, góp phần thiết thực vào thành công của Đại hội.

Thư Đại hội,

Thành công của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng tạo nên sức mạnh cổ vũ to lớn toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta vượt lên mọi khó khăn, thách thức, tranh thủ cơ hội mới, phấn đấu vì mục tiêu đến năm 2020 đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Ngay sau Đại hội, tất cả các tổ chức đảng cần tổ chức tốt việc nghiên cứu, quán triệt sâu sắc Nghị quyết, các văn kiện Đại hội, tuyên truyền sâu rộng trong toàn Đảng, toàn dân về kết quả Đại hội; khẩn trương xây dựng, triển khai chương trình,

kế hoạch hành động, đưa Nghị quyết vào cuộc sống, khơi dậy phong trào thi đua yêu nước sâu rộng của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta.

Đại hội kêu gọi toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, đồng bào ta ở nước ngoài, phát huy cao độ tinh thần yêu nước, ý chí tự lực tự cường, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, ra sức thi đua thực hiện thắng lợi Nghị quyết của Đại hội, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, phát triển đất nước nhanh, bền vững, quyết tâm thực hiện thắng lợi mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Với niềm tin tưởng sâu sắc vào sức mạnh, ý chí của toàn Đảng, toàn dân tộc, vào tương lai tươi sáng của đất nước, tôi xin long trọng tuyên bố bề mặt Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Vinh quang đời đời thuộc về dân tộc Việt Nam văn hiến và anh hùng!

Đảng Cộng sản Việt Nam quang vinh muôn năm!

Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam muôn năm!

Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại sống mãi trong sự nghiệp của chúng ta!

Xin trân trọng cảm ơn.

VĂN KIẾN
ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC
LẦN THỨ XII

DIỄN VĂN KHAI MẠC
ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ XII
ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

(Do đồng chí Trương Tấn Sang, Ủy viên Bộ Chính trị
Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI,
Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
trình bày, ngày 21 tháng 1 năm 2016)

Thưa Đoàn Chủ tịch Đại hội,
Thưa các vị khách quý,
Thưa các đồng chí đại biểu Đại hội,

Hôm nay, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng Cộng sản Việt Nam khai mạc trọng thể tại Thủ đô Hà Nội.

Thay mặt Đoàn Chủ tịch Đại hội và Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI, tôi nhiệt liệt chào mừng 1.510 đại biểu, những đảng viên ưu tú, tiêu biểu cho trí tuệ, sự thống nhất ý chí và hành động, sức mạnh đoàn kết của toàn Đảng, đại diện cho hơn 4,5 triệu đảng viên về dự Đại hội.

Đại hội chúng ta nồng nhiệt chào mừng các đồng chí nguyên lãnh đạo Đảng, Nhà nước và Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đồng chí lão thành cách mạng, các đồng chí nguyên Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng từ khóa VI trở về trước, các Mẹ Việt Nam Anh hùng, các nhân sĩ, trí thức, văn nghệ sĩ, chức sắc tôn giáo và đại diện thế hệ trẻ đã đến dự Đại hội.

Đại hội chúng ta nhiệt liệt hoan nghênh, chào mừng các vị đại sứ, đại biện, trưởng đại diện các tổ chức quốc tế tại Việt Nam đã đến dự phiên khai mạc trọng thể này.

Đại hội nhiệt liệt hoan nghênh, đánh giá cao và trân trọng biểu dương các phong trào thi đua yêu nước của các tầng lớp nhân dân, các cấp, các ngành, các địa phương, cơ quan, đơn vị đã lập nhiều thành tích xuất sắc chào mừng Đại hội XII và góp phần hoàn thành thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ năm 2015 và kế hoạch 5 năm 2011 - 2015, đóng góp quan trọng và trực tiếp vào thành công của Đại hội.

Đại hội trân trọng, nhiệt liệt hoan nghênh và chân thành cảm ơn sự tham gia nhiệt tình, trách nhiệm và những đóng góp quý báu của các cấp ủy, tổ chức đảng, của toàn thể cán bộ, đảng viên, của đại biểu Quốc hội, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân, các vị lão thành cách mạng, các nhân sĩ, trí thức, cùng đông đảo nhân dân và chiến sĩ cả nước, đồng bào ta ở nước ngoài vào dự thảo các văn kiện Đại hội và các công việc chuẩn bị Đại hội.

Thưa các đồng chí,

Trong giờ phút lịch sử này, với lòng biết ơn vô hạn, Đại hội chúng ta thành kính tưởng nhớ Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, lãnh tụ thiên tài của Đảng và nhân dân ta, Người thầy vĩ đại của cách mạng Việt Nam, Người sáng lập, lãnh đạo và rèn luyện Đảng ta, Anh hùng giải phóng dân tộc, Danh nhân văn hóa thế giới, Người đã làm rạng rỡ dân tộc ta, non sông đất nước ta, Người chiến sĩ cộng sản quốc tế mẫu mực, Người bạn thân thiết của các dân tộc đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên toàn thế giới. Tư tưởng của Người, cùng với chủ nghĩa Mác - Lênin là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động của Đảng và cách

mạng Việt Nam, là tài sản tinh thần vô cùng to lớn và quý giá của Đảng và dân tộc ta, mãi mãi soi đường cho sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân ta. Trong thời điểm trọng đại này, mỗi đảng viên của Đảng khắc ghi lời căn dặn của Người: *“Đảng ta là một đảng cầm quyền, mỗi đảng viên và cán bộ phải thực sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thực sự cần kiệm, liêm chính, chí công, vô tư, phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân”*.

Đại hội chúng ta tưởng nhớ, bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc các thế hệ cách mạng tiền bối, các anh hùng liệt sĩ, đồng bào, đồng chí đã cống hiến, lao động, chiến đấu ngoan cường và hy sinh anh dũng trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Thưa các đồng chí,

Đại hội XII của Đảng tiến hành vào thời điểm có ý nghĩa rất quan trọng. Toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta thực hiện thắng lợi nhiều chủ trương, mục tiêu và nhiệm vụ được xác định trong Nghị quyết Đại hội XI của Đảng. Chúng ta đã trải qua 30 năm tiến hành công cuộc đổi mới, 5 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020, 2 năm thực hiện Hiến pháp năm 2013.

Đại hội XII sẽ đi sâu kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết Đại hội XI, nhìn lại 30 năm đổi mới, rút ra những bài học; xác định phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân trong 5 năm tới. Đại hội XII cũng sẽ kiểm điểm sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI; đánh giá việc thi hành Điều lệ Đảng khóa XI;

bầu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII gồm các đồng chí tiêu biểu về phẩm chất chính trị, đạo đức cách mạng, năng lực lãnh đạo, bản lĩnh và trí tuệ, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

Đại hội XII của Đảng có ý nghĩa rất trọng đại, định hướng, cổ vũ và động viên toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta *“Tăng cường xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh; phát huy sức mạnh toàn dân tộc, dân chủ xã hội chủ nghĩa; đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới; bảo vệ vững chắc Tổ quốc, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định; phấn đấu sớm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại”*.

Thưa các đồng chí,

Đại hội XII của Đảng là Đại hội “Đoàn kết - Dân chủ - Kỷ cương - Đổi mới”, thể hiện bản lĩnh, ý chí kiên cường và quyết tâm đi tới của cả dân tộc vì một nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Với tinh thần tiếp tục đổi mới mạnh mẽ, toàn diện, đồng bộ và niềm tin tưởng sâu sắc, thay mặt Đoàn Chủ tịch Đại hội, tôi xin long trọng tuyên bố khai mạc Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Kính chúc các đồng chí đại biểu và các vị khách quý sức khỏe, hạnh phúc.

Chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

**TĂNG CƯỜNG XÂY DỰNG ĐẢNG TRONG SẠCH,
VỮNG MẠNH; PHÁT HUY SỨC MẠNH
TOÀN DÂN TỘC, DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA;
ĐẨY MẠNH TOÀN DIỆN, ĐỒNG BỘ CÔNG CUỘC
ĐỔI MỚI; BẢO VỆ VỮNG CHẮC TỔ QUỐC,
GIỮ VỮNG MÔI TRƯỜNG HÒA BÌNH, ỔN ĐỊNH;
PHẤN ĐẤU SỚM ĐƯA NƯỚC TA CƠ BẢN
TRỞ THÀNH NƯỚC CÔNG NGHIỆP
THEO HƯỚNG HIỆN ĐẠI**

(Báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng
khóa XI về các Văn kiện Đại hội XII của Đảng
do đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng trình bày,
ngày 21 tháng 01 năm 2016)

Thưa Đoàn Chủ tịch Đại hội,

Thưa các vị khách quý,

Thưa các đồng chí đại biểu Đại hội,

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng có nhiệm vụ kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết Đại hội XI; nhìn lại 30 năm đổi mới; quyết định phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ 5 năm 2016 - 2020; kiểm điểm sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI; đánh giá việc thi hành Điều lệ Đảng khóa XI; bầu Ban Chấp hành Trung ương khóa XII. Ban Chấp hành Trung ương đã gửi các đồng chí đại biểu Đại hội

dự thảo các văn kiện. Các dự thảo Báo cáo chính trị và Báo cáo kinh tế - xã hội đã được thảo luận, góp ý nghiêm túc tại đại hội đảng bộ các cấp và đã được công bố rộng rãi để lấy ý kiến của đại biểu Quốc hội, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân, các đồng chí lão thành cách mạng, nhân sĩ, trí thức, lực lượng vũ trang cùng đông đảo các tầng lớp nhân dân trong nước, đồng bào ta ở nước ngoài. Các ý kiến đóng góp rất phong phú, quý báu, tâm huyết, thể hiện tinh thần trách nhiệm cao với Đảng, với nhân dân, với đất nước. Ban Chấp hành Trung ương đã tiếp thu tối đa những ý kiến hợp lý, xác đáng, bổ sung, hoàn thiện để các văn kiện trình Đại hội thật sự là kết tinh ý chí, trí tuệ của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân; và giúp Ban Chấp hành Trung ương khoá XII nghiên cứu, lãnh đạo, chỉ đạo sau Đại hội. Từ diễn đàn trọng thể này, Đại hội chúng ta bày tỏ sự trân trọng, nhiệt liệt hoan nghênh và chân thành cảm ơn sự đóng góp tâm huyết, quý báu của đồng chí, đồng bào.

Các Báo cáo trình Đại hội đã trình bày toàn diện, đầy đủ, cụ thể các vấn đề. Thay mặt Ban Chấp hành Trung ương khoá XI, tôi xin trình bày những tư tưởng và nội dung cốt lõi trong các văn kiện trình Đại hội.

I- VỮNG BƯỚC TRÊN CON ĐƯỜNG ĐỔI MỚI

Năm năm qua, bên cạnh những thời cơ, thuận lợi, tình hình thế giới, khu vực có nhiều diễn biến rất phức tạp; kinh tế thế giới phục hồi chậm; khủng hoảng chính trị ở nhiều nơi, nhiều nước; cạnh tranh về nhiều mặt ngày càng quyết liệt giữa các nước lớn tại khu vực; diễn biến phức tạp trên Biển Đông,... đã tác động bất lợi đến nước ta. Trong nước, ngay từ đầu nhiệm kỳ, cùng với những ảnh hưởng của khủng hoảng

tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu, những hạn chế, khiếm khuyết vốn có của nền kinh tế chưa được giải quyết, những hạn chế, yếu kém trong lãnh đạo, quản lý và những vấn đề mới phát sinh đã làm cho lạm phát tăng cao, ảnh hưởng nghiêm trọng đến ổn định kinh tế vĩ mô, tốc độ tăng trưởng và đời sống nhân dân. Thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu gây thiệt hại nặng nề. Nhu cầu bảo đảm an sinh xã hội, phúc lợi xã hội ngày càng cao. Đồng thời, chúng ta phải dành nhiều nguồn lực để bảo đảm quốc phòng, an ninh và bảo vệ chủ quyền đất nước trước những động thái mới của tình hình khu vực và quốc tế. Trong bối cảnh đó, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta đã nỗ lực phấn đấu thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XI của Đảng, đạt được ***những thành quả quan trọng***.

Nền kinh tế vượt qua nhiều khó khăn, thách thức, quy mô và tiềm lực được nâng lên; kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định, lạm phát được kiểm soát; tăng trưởng kinh tế được duy trì ở mức hợp lý, từ năm 2013 dần phục hồi, năm sau cao hơn năm trước. Đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế và thực hiện ba đột phá chiến lược được tập trung thực hiện bước đầu đạt kết quả tích cực. Giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, văn hoá, xã hội, y tế có bước phát triển. An sinh xã hội được quan tâm nhiều hơn và cơ bản được bảo đảm, đời sống của nhân dân tiếp tục được cải thiện. Chính trị - xã hội ổn định; quốc phòng, an ninh được tăng cường; kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, giữ vững hoà bình, ổn định. Quan hệ đối ngoại, hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, hiệu quả. Vị thế, uy tín quốc tế của nước ta tiếp tục được nâng cao. Dân chủ xã hội chủ nghĩa và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc tiếp tục được phát huy. Công

tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị được chú trọng và đạt kết quả quan trọng.

Tuy nhiên, đổi mới chưa đồng bộ và toàn diện. Một số chỉ tiêu kinh tế - xã hội chưa đạt kế hoạch; nhiều chỉ tiêu, tiêu chí trong mục tiêu phấn đấu để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại không đạt được. Nhiều hạn chế, yếu kém trong các lĩnh vực giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, văn hoá, xã hội, y tế chậm được khắc phục. Đời sống của một bộ phận nhân dân, nhất là ở vùng sâu, vùng xa còn nhiều khó khăn. Bốn nguy cơ mà Đảng chỉ ra vẫn còn tồn tại, có mặt diễn biến phức tạp. Tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên và tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí chưa bị đẩy lùi. Một số mặt công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị chuyển biến chậm.

Thưa các đồng chí,

Ba mươi năm đổi mới là một giai đoạn lịch sử quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước, đánh dấu sự trưởng thành về mọi mặt của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta. Đổi mới mang tầm vóc và ý nghĩa cách mạng, là quá trình cải biến sâu sắc, toàn diện, triệt để, là sự nghiệp cách mạng to lớn của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân vì mục tiêu “*dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh*”.

Nhìn tổng thể, qua 30 năm đổi mới, đất nước ta đã đạt được ***những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử***; đồng thời cũng còn nhiều vấn đề lớn, phức tạp, ***nhiều hạn chế, yếu kém*** cần phải tập trung giải quyết, khắc phục để tiếp tục đưa đất nước phát triển nhanh và bền vững hơn.

Những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử qua 30 năm đổi mới khẳng định đường lối đổi mới của Đảng ta là đúng đắn, sáng tạo; con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của nước ta là phù hợp với thực tiễn của Việt Nam và xu thế phát triển của lịch sử. Thành tựu và những kinh nghiệm, bài học đúc kết từ thực tiễn tạo tiền đề, nền tảng quan trọng để đất nước ta tiếp tục đổi mới và phát triển mạnh mẽ trong những năm tới.

Thời kỳ mới đòi hỏi phải phát triển đất nước toàn diện, đồng bộ hơn về chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, trong đó phát triển kinh tế - xã hội là trung tâm; xây dựng Đảng là then chốt; xây dựng văn hoá, con người làm nền tảng tinh thần; tăng cường quốc phòng, an ninh là trọng yếu, thường xuyên.

Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ tư duy, vận dụng sáng tạo, phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; tăng cường tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận, dự báo chính xác và kịp thời có chủ trương, chính sách xử lý hiệu quả những vấn đề mới nảy sinh trong thực tiễn, giải quyết tốt các mối quan hệ lớn phản ánh quy luật đổi mới và phát triển ở nước ta. Đó là quan hệ giữa đổi mới, ổn định và phát triển; giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị; giữa tuân theo các quy luật thị trường và bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa; giữa phát triển lực lượng sản xuất và xây dựng, hoàn thiện từng bước quan hệ sản xuất; giữa nhà nước và thị trường; giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hoá, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; giữa xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa; giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế; giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ,...

Thư các đồng chí,

Năm năm tới, tình hình thế giới và khu vực sẽ còn nhiều diễn biến rất phức tạp, tác động trực tiếp đến nước ta, tạo ra cả thời cơ và thách thức. Hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn. Toàn cầu hoá, hội nhập quốc tế, cách mạng khoa học - công nghệ, kinh tế tri thức tiếp tục được đẩy mạnh. Châu Á - Thái Bình Dương, trong đó có khu vực Đông Nam Á đã trở thành một Cộng đồng, tiếp tục là trung tâm phát triển năng động, có vị trí địa - kinh tế - chính trị chiến lược ngày càng quan trọng; đồng thời, đây cũng là khu vực cạnh tranh chiến lược giữa một số nước lớn, có nhiều nhân tố bất ổn; tranh chấp lãnh thổ, chủ quyền biển, đảo trong khu vực và trên Biển Đông còn diễn ra gay gắt.

Ở trong nước, thế và lực, sức mạnh tổng hợp của đất nước tăng lên, uy tín quốc tế của đất nước ngày càng được nâng cao. Nước ta sẽ thực hiện đầy đủ các cam kết trong Cộng đồng ASEAN và WTO, tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới, hội nhập quốc tế với tầm mức sâu rộng hơn nhiều so với giai đoạn trước. Thời cơ, vận hội phát triển mở ra rộng lớn. Tuy nhiên vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức. Bốn nguy cơ mà Đảng ta đã chỉ ra vẫn tồn tại, nhất là nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế so với các nước trong khu vực và trên thế giới; nguy cơ “*diễn biến hoà bình*” của thế lực thù địch nhằm chống phá nước ta; tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “*tự diễn biến*”, “*tự chuyển hoá*” trong một bộ phận cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức; sự tồn tại và những diễn biến phức tạp của tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí,...

Để tận dụng, phát huy tốt nhất thời cơ, thuận lợi, vượt qua khó khăn, thách thức, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta

cần đoàn kết một lòng, quyết tâm: *Tăng cường xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh. Phát huy sức mạnh toàn dân tộc và dân chủ xã hội chủ nghĩa. Đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới; phát triển kinh tế nhanh, bền vững, phấn đấu sớm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa. Giữ gìn hoà bình, ổn định, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế, nâng cao vị thế và uy tín của Việt Nam trong khu vực và trên thế giới.*

Trong quá trình phấn đấu để đạt các chỉ tiêu chủ yếu về kinh tế, xã hội, môi trường như được nêu trong Báo cáo kinh tế - xã hội, chúng ta cần: Tiếp tục đổi mới và sáng tạo trong lãnh đạo, quản lý. Tập trung hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, vận hành đầy đủ, đồng bộ, hiệu quả theo quy luật kinh tế thị trường. Nhà nước sử dụng thể chế, luật pháp, các nguồn lực, công cụ điều tiết, chính sách phân phối và phân phối lại để phát triển văn hoá, thực hiện dân chủ, tiến bộ và công bằng xã hội. Bảo đảm phát triển nhanh, bền vững trên cơ sở ổn định kinh tế vĩ mô, không ngừng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh; gắn kết chặt chẽ phát triển kinh tế với phát triển văn hoá, xã hội, bảo vệ môi trường. Hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và định hướng phát triển của Nhà nước; tạo môi trường thuận lợi cho sáng tạo, phát huy dân chủ, bảo vệ quyền con người, quyền công dân. Phát huy cao nhất các nguồn lực trong

nước, đồng thời chủ động hội nhập quốc tế, huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực bên ngoài.

II- PHÁT TRIỂN NHANH, BỀN VỮNG, PHẤN ĐẤU SỚM ĐƯA NƯỚC TA CƠ BẢN TRỞ THÀNH NƯỚC CÔNG NGHIỆP THEO HƯỚNG HIỆN ĐẠI

Thưa các đồng chí,

Mục tiêu đến năm 2020 đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại đã được xác định từ Đại hội VIII của Đảng và trên thực tế, 20 năm qua, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta đã nỗ lực phấn đấu thực hiện mục tiêu này. Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân khách quan, chủ quan nên nhiều chỉ tiêu, tiêu chí trong mục tiêu trên không đạt được. Trong 5 năm tới, phải phấn đấu quyết liệt hơn, phát triển kinh tế nhanh, bền vững để sớm đạt được mục tiêu này. Đặc biệt cần nhận thức và thực hiện hiệu quả những định hướng lớn sau đây:

Tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế; đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá gắn với phát triển kinh tế tri thức; hoàn thiện thể chế, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

Đây là một chủ trương lớn, quan trọng, được nêu ra từ Đại hội XI của Đảng. Trong thời gian tới cần tiếp tục đẩy mạnh quá trình này theo hướng kết hợp có hiệu quả phát triển chiều rộng với chiều sâu, chú trọng phát triển chiều sâu, nâng cao chất lượng tăng trưởng và sức cạnh tranh trên cơ sở nâng cao năng suất lao động, ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ, đổi mới và sáng tạo, nâng cao chất lượng nguồn

nhân lực, phát huy lợi thế so sánh và chủ động hội nhập quốc tế; giải quyết hài hoà giữa mục tiêu trước mắt và lâu dài, giữa phát triển kinh tế với bảo đảm quốc phòng, an ninh; giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hoá, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Động lực quan trọng nhất và cũng là điều kiện để đổi mới mô hình tăng trưởng là đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện cơ cấu lại đồng bộ, tổng thể nền kinh tế và các ngành, các lĩnh vực gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, tập trung vào các lĩnh vực quan trọng: cơ cấu lại đầu tư với trọng tâm là đầu tư công; cơ cấu lại thị trường tài chính với trọng tâm là hệ thống ngân hàng thương mại và các tổ chức tài chính, từng bước cơ cấu lại ngân sách nhà nước; cơ cấu lại và giải quyết có kết quả vấn đề nợ xấu, bảo đảm an toàn nợ công; cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước với trọng tâm là các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước; cơ cấu lại nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, gắn với phát triển kinh tế nông thôn và xây dựng nông thôn mới. Đẩy mạnh thực hiện ba đột phá chiến lược, nhất là đột phá về thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, nhằm giải phóng mạnh mẽ sức sản xuất, huy động, phân bổ, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực.

Tập trung xây dựng nền công nghiệp và thương hiệu công nghiệp quốc gia với tầm nhìn trung, dài hạn, có lộ trình cho từng giai đoạn; phát triển có chọn lọc một số ngành công nghiệp chế tạo, chế biến, công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp sạch, công nghiệp năng lượng, cơ khí, điện tử, hoá chất, công nghiệp xây dựng, xây lắp, công nghiệp quốc phòng, an ninh. Phát triển nông nghiệp và kinh tế nông thôn

gắn với xây dựng nông thôn mới; xây dựng nền nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hoá lớn, ứng dụng công nghệ cao, nâng cao chất lượng sản phẩm, bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm; nâng cao giá trị gia tăng, đẩy mạnh xuất khẩu; có chính sách phù hợp để tích tụ, tập trung ruộng đất. Đẩy mạnh phát triển khu vực dịch vụ theo hướng hiện đại, đạt tốc độ tăng trưởng cao hơn các khu vực sản xuất và cao hơn tốc độ tăng trưởng của cả nền kinh tế. Tập trung phát triển một số ngành dịch vụ có lợi thế, có hàm lượng tri thức và công nghệ cao. Phát triển mạnh kinh tế biển nhằm tăng cường tiềm lực kinh tế quốc gia và bảo vệ chủ quyền biển, đảo. Phát huy tiềm năng, thế mạnh của từng vùng, đồng thời ưu tiên phát triển các vùng kinh tế động lực; có chính sách hỗ trợ phát triển các vùng còn nhiều khó khăn, nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi và hải đảo; xây dựng một số đặc khu kinh tế. Từng bước hình thành hệ thống đô thị có kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, thân thiện với môi trường. Đẩy mạnh huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực xã hội để tiếp tục tập trung đầu tư hình thành hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội tương đối đồng bộ với một số công trình hiện đại.

Thống nhất nhận thức nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nền kinh tế vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật của kinh tế thị trường, đồng thời bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa phù hợp với từng giai đoạn phát triển của đất nước. Đó là nền kinh tế thị trường hiện đại và hội nhập quốc tế; có sự quản lý của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, nhằm mục tiêu “*dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh*”; có quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất; có nhiều hình

thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng của nền kinh tế; các chủ thể thuộc các thành phần kinh tế bình đẳng, hợp tác và cạnh tranh theo pháp luật; thị trường đóng vai trò chủ yếu trong huy động và phân bổ có hiệu quả các nguồn lực phát triển, là động lực chủ yếu để giải phóng sức sản xuất; các nguồn lực nhà nước được phân bổ theo chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phù hợp với cơ chế thị trường. Nhà nước đóng vai trò định hướng, xây dựng và hoàn thiện thể chế kinh tế, tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng, minh bạch và lành mạnh; sử dụng các công cụ, chính sách và các nguồn lực của Nhà nước để định hướng và điều tiết nền kinh tế, thúc đẩy sản xuất kinh doanh và bảo vệ môi trường; thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội trong từng bước, từng chính sách phát triển. Phát huy vai trò làm chủ của nhân dân trong phát triển kinh tế - xã hội.

Những nhận thức trên đây cần được tiếp tục cụ thể hoá, thể chế hoá phù hợp với từng giai đoạn phát triển trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục, đào tạo; phát triển, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; tăng cường tiềm lực và đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ

Giáo dục là quốc sách hàng đầu. Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ, đồng bộ các yếu tố cơ bản của giáo dục, đào tạo theo hướng coi trọng phát triển phẩm chất, năng lực của người học. Chuyển mạnh quá trình giáo dục từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học: yêu gia đình, yêu Tổ quốc, yêu đồng bào, sống tốt và làm việc hiệu quả. Từng bước hoàn thiện hệ thống giáo dục quốc dân theo hướng hệ thống giáo dục mở, học tập suốt

đời và xây dựng xã hội học tập. Quy hoạch lại mạng lưới cơ sở giáo dục, đào tạo gắn với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, yêu cầu phát triển nguồn nhân lực và thị trường lao động. Đổi mới căn bản công tác quản lý giáo dục, đào tạo, bảo đảm dân chủ, thống nhất, chất lượng; tăng quyền tự chủ và trách nhiệm xã hội của các cơ sở giáo dục, đào tạo. Phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; đổi mới chính sách, cơ chế tài chính, huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực đầu tư để phát triển giáo dục và đào tạo. Phấn đấu đến năm 2030, nền giáo dục Việt Nam đạt trình độ tiên tiến trong khu vực.

Phát triển mạnh mẽ khoa học, công nghệ, làm cho khoa học, công nghệ thực sự là quốc sách hàng đầu, là động lực quan trọng nhất để phát triển lực lượng sản xuất hiện đại, kinh tế tri thức, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế; bảo vệ môi trường, bảo đảm quốc phòng, an ninh. Phát triển, ứng dụng khoa học - công nghệ cần được ưu tiên tập trung đầu tư trước một bước trong hoạt động của các ngành, các cấp. Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ, đồng bộ cơ chế quản lý, tổ chức, hoạt động khoa học và công nghệ, nhất là cơ chế quản lý, phương thức đầu tư, cơ chế tài chính để giải phóng năng lực sáng tạo, đưa nhanh tiến bộ khoa học - công nghệ vào hoạt động thực tiễn. Tăng cường liên kết giữa các tổ chức khoa học và công nghệ với doanh nghiệp; mở rộng hình thức liên kết giữa Nhà nước, nhà khoa học, nhà doanh nghiệp và nhà nông. Tăng cường hợp tác về khoa học, công nghệ, nhất là công nghệ cao, phải là hướng ưu tiên trong hội nhập quốc tế. Phấn đấu đến năm 2020, khoa học và công nghệ Việt Nam đạt trình độ phát triển của nhóm các nước dẫn đầu ASEAN; đến năm 2030, có một số lĩnh vực đạt trình độ tiên tiến trên thế giới.

Xây dựng, phát triển văn hoá, con người

Các cấp, các ngành phải nhận thức đầy đủ, sâu sắc tầm quan trọng đặc biệt của văn hoá, con người; phải thực hiện có kết quả mục tiêu xây dựng nền văn hoá và con người Việt Nam phát triển toàn diện, hướng đến chân - thiện - mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học; xây dựng văn hoá thực sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội; xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện.

Đúc kết và xây dựng hệ giá trị văn hoá và hệ giá trị chuẩn mực của con người Việt Nam thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế. Làm cho giá trị văn hoá thấm sâu vào mọi lĩnh vực, mọi mặt hoạt động, mọi quan hệ xã hội, thành sức mạnh nội sinh quan trọng của phát triển bền vững. Xây dựng môi trường văn hoá lành mạnh, tạo điều kiện để xây dựng con người Việt Nam đẹp về nhân cách, đạo đức, tâm hồn; cao về trí tuệ, năng lực, kỹ năng sáng tạo; khoẻ về thể chất; nâng cao trách nhiệm xã hội, nghĩa vụ công dân, ý thức tôn trọng, tuân thủ pháp luật; phát huy tốt vai trò chủ thể sáng tạo trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc. Trong mọi hoạt động kinh tế, chính trị, xã hội đều phải đề cao nhân tố văn hoá, con người. Mọi hoạt động văn hoá, từ bảo tồn, phát huy các di sản lịch sử, văn hoá; phát triển văn học, nghệ thuật, báo chí, xuất bản đến bảo tồn, phát huy văn hoá các dân tộc thiểu số, văn hoá tôn giáo, xây dựng thiết chế văn hoá,... đều phải phục vụ thiết thực sự nghiệp xây dựng, phát triển văn hoá, con người.

Quản lý phát triển xã hội; thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội

Nhận thức sâu sắc vị trí, tầm quan trọng của phát triển

xã hội bền vững và quản lý phát triển xã hội đối với sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc. Xây dựng, thực hiện các chính sách phù hợp với các giai tầng xã hội; giải quyết có hiệu quả những vấn đề xã hội bức xúc; khắc phục từng bước sự mất cân đối về phát triển giữa các lĩnh vực, các vùng, miền; bảo đảm sự hài hoà về lợi ích, về quan hệ xã hội, quan tâm thích đáng đến các tầng lớp, bộ phận yếu thế trong xã hội, đồng bào các dân tộc thiểu số ở vùng cao, vùng sâu, vùng xa, khắc phục xu hướng gia tăng phân hoá giàu - nghèo. Kịp thời kiểm soát và xử lý các rủi ro, mâu thuẫn, xung đột xã hội. Đẩy mạnh các giải pháp đấu tranh phòng, chống tội phạm và tệ nạn xã hội; giảm thiểu tai nạn giao thông.

Gắn kết chặt chẽ chính sách kinh tế với chính sách xã hội, phát triển kinh tế với nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân, bảo đảm để nhân dân được hưởng thụ ngày một tốt hơn thành quả của công cuộc đổi mới, xây dựng và phát triển đất nước. Mọi người dân đều có cơ hội và điều kiện phát triển toàn diện. Thực hiện tốt chính sách chăm sóc người có công; giải quyết tốt lao động, việc làm và thu nhập của người lao động; bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao phúc lợi xã hội; coi trọng chăm sóc sức khoẻ nhân dân, công tác dân số - kế hoạch hoá gia đình, bảo vệ, chăm sóc sức khoẻ bà mẹ, trẻ em; thực hiện tiến bộ và bình đẳng giới; xây dựng gia đình hạnh phúc. Huy động các nguồn lực phát triển sự nghiệp y tế; đổi mới cơ chế tài chính gắn với nâng cao chất lượng dịch vụ y tế.

Quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó biến đổi khí hậu

Tài nguyên là tài sản quốc gia, nguồn lực quan trọng của đất nước, phải được đánh giá đầy đủ, hạch toán trong nền

kinh tế, được quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tiết kiệm, hợp lý, có hiệu quả và bền vững, gắn với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh. Chú trọng sử dụng năng lượng mới, năng lượng tái tạo, vật liệu mới.

Ngăn chặn và từng bước khắc phục sự xuống cấp của môi trường tự nhiên do con người, nhất là do các dự án phát triển kinh tế gây ra. Hạn chế, tiến tới khắc phục căn bản tình trạng huỷ hoại, làm cạn kiệt tài nguyên, ô nhiễm môi trường của các cơ sở sản xuất, các khu công nghiệp, khu đô thị. Hoàn thiện hệ thống pháp luật, ban hành các chế tài đủ mạnh để bảo vệ môi trường, ngăn chặn, xử lý theo pháp luật nhằm chấm dứt tình trạng gây ô nhiễm môi trường, tăng cường phòng ngừa và kiểm soát các nguồn gây ô nhiễm môi trường.

Chủ động xây dựng, triển khai và kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chương trình, kế hoạch ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai cho từng giai đoạn. Trước mắt, tập trung xử lý hiệu quả tình trạng lũ lụt, hạn hán, sạt lở bãi sông, bãi biển, xâm nhập mặn và triều cường,... đang tác động trực tiếp đến đời sống, sản xuất của nhân dân.

III- BẢO VỆ VỮNG CHẮC TỔ QUỐC; GIỮ VỮNG MÔI TRƯỜNG HOÀ BÌNH, ỔN ĐỊNH; NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐỐI NGOẠI, CHỦ ĐỘNG VÀ TÍCH CỰC HỘI NHẬP QUỐC TẾ

Thưa các đồng chí,

Bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân, chế độ xã hội chủ nghĩa luôn gắn bó chặt chẽ, mật thiết với nhau; giữ vững môi trường hoà bình, ổn định để phát triển đất nước là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên của Đảng,

Nhà nước, của cả hệ thống chính trị và toàn dân, trong đó Quân đội nhân dân, Công an nhân dân là nòng cốt.

Mục tiêu trọng yếu của quốc phòng, an ninh là: Phát huy mạnh mẽ sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc, của cả hệ thống chính trị, tranh thủ tối đa sự đồng tình, ủng hộ của cộng đồng quốc tế, kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa; bảo vệ công cuộc đổi mới, sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, bảo vệ lợi ích quốc gia - dân tộc; bảo vệ nền văn hoá dân tộc; giữ vững môi trường hoà bình, ổn định chính trị, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội.

Tăng cường tiềm lực quốc phòng và an ninh; xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân vững chắc. Chủ động đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch; ngăn chặn, phản bác những thông tin và luận điệu sai trái, đẩy lùi các loại tội phạm và tệ nạn xã hội; sẵn sàng ứng phó với các mối đe dọa an ninh truyền thống và phi truyền thống; bảo đảm an ninh, an toàn thông tin, an ninh mạng.

Kết hợp chặt chẽ kinh tế, văn hoá, xã hội với quốc phòng, an ninh và quốc phòng, an ninh với kinh tế, văn hoá, xã hội trong từng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, chú trọng vùng sâu, vùng xa, biên giới, biển, đảo. Kết hợp chặt chẽ giữa quốc phòng, an ninh và đối ngoại; tăng cường hợp tác quốc tế về quốc phòng, an ninh. Xây dựng “thế trận lòng dân”, tạo nền tảng vững chắc xây dựng nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân,... Xây dựng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, ưu tiên hiện đại hoá một số quân chủng, binh chủng, lực lượng; vững mạnh về chính trị, nâng

cao chất lượng tổng hợp sức mạnh chiến đấu, tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, với Đảng, Nhà nước và nhân dân.

Thực hiện thắng lợi đường lối đối ngoại và hội nhập quốc tế. Bảo đảm lợi ích tối cao của quốc gia - dân tộc, trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế, bình đẳng và cùng có lợi, thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hoà bình, hợp tác và phát triển; đa dạng hoá, đa phương hoá trong quan hệ đối ngoại; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; là bạn, là đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế,... nhằm phục vụ mục tiêu giữ vững môi trường hoà bình, ổn định, tranh thủ tối đa các nguồn lực bên ngoài để phát triển đất nước, nâng cao đời sống nhân dân; nâng cao vị thế, uy tín của đất nước và góp phần vào sự nghiệp hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới.

Nâng cao hiệu quả các hoạt động đối ngoại, tiếp tục đưa các mối quan hệ hợp tác đi vào chiều sâu. Nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế, thực hiện đầy đủ các cam kết quốc tế, các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới trong một kế hoạch tổng thể với lộ trình hợp lý; phù hợp với lợi ích của đất nước. Đẩy mạnh và làm sâu sắc hơn quan hệ với các đối tác, nhất là các đối tác chiến lược và các nước lớn có vai trò quan trọng đối với phát triển và an ninh của đất nước, đưa khuôn khổ quan hệ đã xác lập vào thực chất. Chủ động tham gia và phát huy vai trò tại các cơ chế đa phương, đặc biệt là ASEAN và Liên hợp quốc. Chủ động, tích cực tham gia các cơ chế đa phương về quốc phòng, an ninh, trong đó có việc tham gia các hoạt động hợp tác ở mức cao hơn như hoạt động gìn giữ hoà bình của Liên hợp quốc, diễn tập về an ninh phi truyền thống và các hoạt động khác. Đẩy mạnh

hội nhập quốc tế trong lĩnh vực văn hoá, xã hội, khoa học - công nghệ, giáo dục - đào tạo và các lĩnh vực khác.

IV- PHÁT HUY SỨC MẠNH ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC,
DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA; XÂY DỰNG
VÀ HOÀN THIỆN NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN
XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

Thưa các đồng chí,

Đại đoàn kết toàn dân tộc là đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam, là động lực và nguồn lực to lớn trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Phát huy mạnh mẽ mọi nguồn lực, mọi tiềm năng sáng tạo của nhân dân để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; lấy mục tiêu xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, độc lập, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, “*dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh*” làm điểm tương đồng; tôn trọng những điểm khác biệt không trái với lợi ích chung của quốc gia - dân tộc; đề cao tinh thần dân tộc, truyền thống yêu nước, nhân nghĩa, khoan dung để tập hợp, đoàn kết mọi người Việt Nam ở trong và ngoài nước, tăng cường quan hệ mật thiết giữa nhân dân với Đảng, Nhà nước, tạo sinh lực mới của khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Đại đoàn kết toàn dân tộc phải dựa trên cơ sở giải quyết hài hoà quan hệ lợi ích giữa các thành viên trong xã hội; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân; không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Mọi chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách,

pháp luật của Nhà nước đều vì lợi ích của nhân dân. Đoàn kết trong Đảng là hạt nhân, là cơ sở vững chắc để xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Các cấp uỷ đảng và chính quyền phải thường xuyên đối thoại, lắng nghe, học hỏi, tiếp thu ý kiến, giải quyết các khó khăn, vướng mắc và yêu cầu chính đáng của nhân dân; có hình thức, cơ chế, biện pháp cụ thể, thích hợp để nhân dân bày tỏ chính kiến, nguyện vọng và thực hiện quyền làm chủ. Chú trọng xây dựng, phát huy vai trò của giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, đội ngũ trí thức, đội ngũ doanh nhân đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong thời kỳ mới. Chăm lo bồi dưỡng, phát huy vai trò thế hệ trẻ, phụ nữ, cựu chiến binh, người cao tuổi. Thực hiện tốt pháp luật, chính sách dân tộc, tôn giáo, chính sách đối với đồng bào định cư ở nước ngoài. Đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân để tập hợp, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, thực hiện tốt dân chủ, giám sát, phản biện xã hội, tăng cường đồng thuận xã hội, tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước, hoạt động đối ngoại nhân dân, góp phần tích cực vào sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc.

Tiếp tục phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân. Dân chủ phải được thực hiện đầy đủ, nghiêm túc trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Bảo đảm để nhân dân tham gia ở tất cả các khâu của quá trình đưa ra những quyết định liên quan đến lợi ích, cuộc sống của nhân dân.

Thể chế hoá và nâng cao chất lượng các hình thức thực hiện dân chủ trực tiếp và dân chủ đại diện. Hoàn thiện hệ thống pháp luật, tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền và nghĩa vụ công dân theo tinh thần của Hiến pháp

năm 2013. Tiếp tục thực hiện tốt dân chủ ở cơ sở; thể chế hoá và thực hiện tốt phương châm “*Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra*”.

Phát huy dân chủ phải đi liền với tăng cường pháp chế, đề cao trách nhiệm công dân, giữ vững kỷ luật, kỷ cương và đề cao đạo đức xã hội. Phê phán những biểu hiện dân chủ cực đoan, dân chủ hình thức. Xử lý nghiêm những hành vi lợi dụng dân chủ làm mất an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội và những hành vi vi phạm quyền dân chủ và quyền làm chủ của nhân dân.

Xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa phải tiến hành đồng bộ cả lập pháp, hành pháp, tư pháp và được tiến hành đồng bộ với đổi mới hệ thống chính trị theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; gắn với đổi mới kinh tế, văn hoá, xã hội. Hoàn thiện thể chế, chức năng, nhiệm vụ, phương thức và cơ chế vận hành, nâng cao hiệu lực, hiệu quả của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Đẩy mạnh việc hoàn thiện và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước.

Xác định rõ cơ chế phân công, phối hợp thực thi quyền lực nhà nước, nhất là cơ chế kiểm soát quyền lực giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp trên cơ sở quyền lực nhà nước là thống nhất; xác định rõ hơn quyền hạn và trách nhiệm của mỗi quyền.

Tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của Quốc hội, bảo đảm Quốc hội thực sự là cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất. Quốc hội thực hiện tốt chức năng lập pháp, quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước và giám sát tối cao, nhất là đối với việc quản lý, sử dụng các nguồn lực của đất nước. Hoàn thiện cơ

cấu tổ chức Chính phủ, xác định rõ hơn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất, thực hiện quyền hành pháp, là cơ quan chấp hành của Quốc hội. Tiếp tục thực hiện chiến lược cải cách tư pháp, xây dựng nền tư pháp trong sạch, vững mạnh, dân chủ, nghiêm minh, bảo vệ pháp luật, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ lợi ích nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa. Trên cơ sở bảo đảm tính thống nhất, thông suốt, hiệu lực, hiệu quả của nền hành chính quốc gia, xác định rõ thẩm quyền, trách nhiệm quản lý nhà nước của mỗi cấp chính quyền địa phương theo quy định của Hiến pháp và pháp luật. Hoàn thiện mô hình tổ chức chính quyền địa phương phù hợp với đặc điểm ở nông thôn, đô thị, hải đảo, đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt theo luật định.

V- XÂY DỰNG ĐẢNG TRONG SẠCH, VỮNG MẠNH, NÂNG CAO NĂNG LỰC LÃNH ĐẠO VÀ SỨC CHIẾN ĐẤU CỦA ĐẢNG

Thưa các đồng chí,

Năm năm qua, thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XI, Đảng ta đã kiên trì, nghiêm túc thực hiện nhiệm vụ then chốt về xây dựng Đảng trên cả ba mặt chính trị, tư tưởng, tổ chức, đạt được những kết quả quan trọng.

Nhìn chung, các cấp uỷ, tổ chức đảng từ Trung ương đến cơ sở đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện bài bản, quyết liệt Nghị quyết Trung ương 4 “*Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay*” và đã đạt được những kết quả bước đầu quan trọng, tạo chuyển biến tích cực trong hệ thống chính trị, góp phần cảnh tỉnh, cảnh báo, răn đe, từng bước ngăn chặn và đẩy lùi tiêu cực, suy thoái trong Đảng.

Quá trình kiểm điểm tự phê bình và phê bình theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 4 và việc khắc phục, sửa chữa những hạn chế, khuyết điểm đã góp phần siết lại kỷ luật, kỷ cương trong Đảng, tạo được chuyển biến tích cực bước đầu trong việc ngăn chặn trên một số mặt tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong Đảng, khắc phục một số hạn chế, khuyết điểm trong công tác cán bộ và trong thực hiện các nguyên tắc tổ chức sinh hoạt Đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách. Nhiều cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp đã chú trọng nâng cao tinh thần trách nhiệm, năng lực lãnh đạo, chỉ đạo thực tiễn, đổi mới phong cách và lề lối làm việc; nghiêm khắc với mình hơn, giữ gìn đạo đức, lối sống; bước đầu tự sửa chữa khuyết điểm, tự điều chỉnh hành vi và các hoạt động trong công tác và trong cuộc sống của mình, của gia đình và người thân. Bước đầu kiểm chế, ngăn chặn tình trạng tham nhũng, lãng phí. Nhiều vụ việc, vụ án tham nhũng đặc biệt nghiêm trọng, phức tạp đã được phát hiện và tập trung chỉ đạo điều tra, xét xử nghiêm minh theo đúng quy định của pháp luật, được cán bộ, đảng viên và nhân dân, đồng tình, ủng hộ. Nhiều chủ trương, nguyên tắc, quan điểm, giải pháp lớn về công tác cán bộ được thể chế, cụ thể hoá bằng các quy chế, quy định, quy trình, bảo đảm dân chủ, chặt chẽ hơn. Công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển cán bộ được đẩy mạnh hơn. Quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 đã có tác động thúc đẩy đất nước vượt qua khó khăn, giữ vững ổn định chính trị, phát triển kinh tế - xã hội, củng cố niềm tin trong Đảng và nhân dân.

Trong thực hiện Nghị quyết Trung ương 4, một số việc chưa đạt mục tiêu Nghị quyết đề ra. Trong tự phê bình và phê bình, tình trạng nể nang, né tránh, ngại va chạm vẫn

còn khá phổ biến, một số cán bộ, đảng viên chưa tự giác nhìn nhận đúng mức khuyết điểm và trách nhiệm của mình trước những hạn chế, khuyết điểm trong công việc được giao. Trên một số vấn đề, qua kiểm điểm của cấp uỷ, tổ chức đảng các cấp từ Trung ương đến cơ sở vẫn chưa làm rõ thực chất, mức độ nghiêm trọng của tình hình, xảy ra ở đâu, ai chịu trách nhiệm. Việc sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các quy định của Đảng và Nhà nước theo hướng đề cao hơn trách nhiệm và quyền hạn của người đứng đầu trong mối quan hệ giữa tập thể và cá nhân chưa thực hiện được. Tình trạng tham nhũng, lãng phí vẫn còn nghiêm trọng với biểu hiện ngày càng tinh vi, phức tạp, gây bức xúc trong dư luận, ảnh hưởng đến niềm tin của nhân dân với Đảng và Nhà nước. Tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên chưa bị đẩy lùi; có mặt, có bộ phận còn diễn biến phức tạp hơn.

Đánh giá chung, công tác xây dựng Đảng 5 năm qua đã đạt được những kết quả quan trọng. Đảng ta giữ vững được bản lĩnh chính trị, bản chất cách mạng và khoa học, kiên định mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, kiên định đường lối đổi mới; xứng đáng là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội. Đạt được những kết quả đó là do Đảng ta luôn xác định nhiệm vụ xây dựng Đảng là then chốt; đa số cán bộ, đảng viên có quan điểm, lập trường tư tưởng vững vàng, giữ vững phẩm chất đạo đức, vai trò tiên phong, gương mẫu trong thực hiện chức trách, nhiệm vụ; thu hút sự tham gia của hệ thống chính trị và nhân dân vào việc chỉnh đốn, xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh.

Tuy nhiên, công tác xây dựng Đảng nói chung cũng bộc lộ nhiều hạn chế, khuyết điểm thể hiện trên các mặt, các nội dung, các khâu công tác, nổi bật là: Việc dự báo, hoạch định,

lãnh đạo tổ chức thực hiện các nghị quyết, chính sách của Đảng, Nhà nước chưa kịp thời, đồng bộ, hiệu quả; năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của không ít tổ chức đảng còn thấp, có nơi mất sức chiến đấu; công tác quản lý, giáo dục, rèn luyện đảng viên ở một số nơi chưa được quan tâm thường xuyên; chất lượng sinh hoạt đảng, tính chiến đấu trong tự phê bình, phê bình còn yếu; tổ chức bộ máy của Đảng và hệ thống chính trị còn công kênh, nhiều tầng nấc, hiệu quả hoạt động chưa cao. Những hạn chế, khuyết điểm nêu trên của công tác xây dựng Đảng làm giảm lòng tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân đối với Đảng, Nhà nước và chế độ.

Trong những năm tới, yêu cầu, nhiệm vụ nặng nề của thời kỳ phát triển mới đòi hỏi phải đẩy mạnh hơn nữa công tác xây dựng Đảng, trọng tâm là kiên quyết, kiên trì tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khoá XI. Các cấp uỷ, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị và cá nhân cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp từ Trung ương đến cơ sở phải nghiêm túc, tự giác và có kế hoạch, biện pháp phù hợp để khắc phục, sửa chữa những yếu kém, khuyết điểm.

Trước hết, phải chú trọng xây dựng Đảng về chính trị. Kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, vận dụng sáng tạo và phát triển phù hợp với thực tiễn Việt Nam; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; kiên định đường lối đổi mới. Nâng cao bản lĩnh chính trị, trí tuệ, tính chiến đấu của toàn Đảng và của mỗi cán bộ, đảng viên, trước hết là cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt các cấp; không dao động trong bất cứ tình huống nào. Giữ vững bản chất giai cấp công nhân của Đảng, vai trò tiên phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên.

Đổi mới công tác tư tưởng, lý luận, nâng cao hơn nữa tính chiến đấu, tính thuyết phục, hiệu quả của công tác tư tưởng

phục vụ yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chính trị, phù hợp với từng giai đoạn, tạo sự thống nhất cao trong Đảng, đồng thuận trong xã hội; đẩy mạnh tuyên truyền, học tập chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước phù hợp với từng đối tượng theo hướng cụ thể, thiết thực, hiệu quả. Tiếp tục đổi mới tư duy lý luận; đẩy mạnh công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận, cung cấp các luận cứ khoa học, lý luận cho việc hoạch định, phát triển đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Tăng cường rèn luyện phẩm chất đạo đức cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân, cơ hội, thực dụng. Tập trung thực hiện mục tiêu: *“Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức”*. Tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh gắn với chống suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và những biểu hiện *“tự diễn biến”, “tự chuyển hoá”*, tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí, bè phái, *“lợi ích nhóm”*, nói không đi đôi với làm.

Tiếp tục đổi mới, kiện toàn tổ chức bộ máy của Đảng và hệ thống chính trị theo hướng tinh gọn, nâng cao hiệu lực, hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức; xác định rõ quan hệ giữa tập thể lãnh đạo với cá nhân phụ trách; quyền hạn đi đôi với trách nhiệm và đề cao trách nhiệm của người đứng đầu. Hoàn thiện và thực hiện nghiêm cơ chế kiểm soát quyền lực, ngăn ngừa sự lạm quyền, vi phạm kỷ luật, kỷ cương.

Kiến toàn tổ chức, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đảng viên. Tập trung củng cố, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức

chiến đấu, đổi mới nội dung, hình thức, phương pháp, tạo chuyển biến về chất lượng hoạt động của các loại hình tổ chức cơ sở đảng, nhất là tổ chức đảng trong các cơ quan, đơn vị sự nghiệp và doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế. Kiện toàn tổ chức, bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện của Đảng ở cơ sở. Xây dựng đội ngũ đảng viên thật sự tiên phong, gương mẫu, trọng dân, gần dân, hiểu dân, học dân,... vững vàng trước mọi khó khăn, thách thức, phấn đấu cho mục tiêu, lý tưởng cao đẹp của Đảng.

Đổi mới mạnh mẽ công tác cán bộ, coi trọng công tác bảo vệ chính trị nội bộ. Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện *“Chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước”*. Thể chế hoá, cụ thể hoá các nguyên tắc về xây dựng Đảng. Tiếp tục ban hành và thực hiện các quy định, quy chế, cơ chế trong công tác cán bộ, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ và chặt chẽ giữa các khâu, liên thông giữa các cấp; trong đó có quy chế về việc đánh giá đúng đắn, khách quan đối với cán bộ, để có cơ sở sử dụng, bố trí cán bộ, ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng chạy chức, chạy quyền, chạy tuổi, chạy bằng cấp,... Đổi mới công tác bầu cử trong Đảng, phương thức tuyển chọn, bổ nhiệm cán bộ,... để lựa chọn những người thực sự có đức, có tài giữ các vị trí lãnh đạo, đặc biệt là người đứng đầu. Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là đội ngũ cán bộ cấp chiến lược, đủ năng lực và phẩm chất, ngang tầm nhiệm vụ. Có cơ chế, chính sách phát hiện, thu hút, trọng dụng nhân tài. Tăng cường trách nhiệm của cấp uỷ, nhất là cấp uỷ cơ sở trong công tác bảo vệ chính trị nội bộ.

Đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng. Xử lý kịp thời, nghiêm minh tổ chức đảng, đảng viên vi phạm Cương lĩnh chính trị, Điều lệ

Đảng, nghị quyết, chỉ thị, quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước, những hành vi dung túng, bao che cho khuyết điểm, vi phạm của tổ chức đảng và đảng viên, công khai kết quả xử lý.

Tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác dân vận trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. củng cố vững chắc niềm tin của nhân dân đối với Đảng, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc và mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân. Tập hợp, vận động nhân dân thực hiện tốt các chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước; giải quyết kịp thời, hiệu quả những bức xúc, những kiến nghị chính đáng của nhân dân và khiếu nại, tố cáo của công dân. Phát huy sức mạnh to lớn của nhân dân, tạo thành phong trào cách mạng rộng lớn xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí là nhiệm vụ thường xuyên, quan trọng, đồng thời là nhiệm vụ khó khăn, phức tạp, lâu dài. Các cấp uỷ đảng, trước hết là người đứng đầu cấp uỷ, chính quyền, và toàn bộ hệ thống chính trị phải kiên quyết phòng, chống tham nhũng, lãng phí; chủ động phòng ngừa, không để xảy ra tham nhũng, lãng phí; xử lý kịp thời, nghiêm minh các hành vi tham nhũng, lãng phí, bao che, dung túng, tiếp tay cho các hành vi tham nhũng, lãng phí, can thiệp, ngăn cản việc chống tham nhũng, lãng phí.

Đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị, đặc biệt là với Nhà nước. Tiếp tục cụ thể hoá phương thức lãnh đạo của Đảng đã được xác định trong Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) ở tất cả các cấp bằng những quy chế, quy định, quy trình cụ thể. Coi trọng

xây dựng văn hoá trong các tổ chức đảng, cơ quan nhà nước, trong hệ thống chính trị. Đổi mới phương pháp, phong cách, lề lối làm việc của các cơ quan lãnh đạo của Đảng từ Trung ương tới cơ sở, xây dựng phong cách làm việc khoa học, tập thể, dân chủ, gần dân, trọng dân, vì dân, bám sát thực tiễn, nói đi đôi với làm.

VI- NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM TRONG NHIỆM KỲ ĐẠI HỘI XII

Thưa các đồng chí,

Trong nhiệm kỳ Đại hội XII, trong khi triển khai thực hiện toàn diện, đồng bộ Nghị quyết của Đại hội trên các lĩnh vực, cần tập trung thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm sau đây:

Một là, tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” trong nội bộ. Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là đội ngũ cán bộ cấp chiến lược, đủ năng lực, phẩm chất và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ.

Hai là, xây dựng tổ chức bộ máy của toàn hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu.

Ba là, tập trung nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả ba đột phá chiến lược; cơ cấu lại tổng thể và đồng bộ nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng; đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, chú trọng công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông

thôn gắn với xây dựng nông thôn mới. Chú trọng giải quyết tốt vấn đề cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước, cơ cấu lại ngân sách nhà nước, xử lý nợ xấu và bảo đảm an toàn nợ công.

Bốn là, kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; giữ vững môi trường hoà bình, ổn định để phát triển đất nước. Mở rộng và đưa vào chiều sâu các quan hệ đối ngoại; thực hiện hiệu quả hội nhập quốc tế trong điều kiện mới, tiếp tục nâng cao vị thế và uy tín của đất nước trên trường quốc tế.

Năm là, thu hút, phát huy mạnh mẽ mọi nguồn lực và sức sáng tạo của nhân dân. Chăm lo nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, giải quyết tốt những vấn đề bức thiết; tăng cường quản lý phát triển xã hội, bảo đảm an ninh xã hội, an ninh con người; bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao phúc lợi xã hội và giảm nghèo bền vững. Phát huy quyền làm chủ của nhân dân, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc.

Sáu là, phát huy nhân tố con người trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội; tập trung xây dựng con người về đạo đức, nhân cách, lối sống, trí tuệ và năng lực làm việc; xây dựng môi trường văn hoá lành mạnh.

Thưa các đồng chí,

Đại hội lần thứ XII của Đảng là Đại hội *đoàn kết - dân chủ - kỷ cương - đổi mới*, khẳng định quyết tâm tiếp tục đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, đưa đất nước phát triển nhanh, bền vững. Thực tiễn sinh động, phong phú và những thành tựu to lớn cùng những bài học sâu sắc qua 30 năm đổi mới, 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội XI là cơ sở vững chắc để Đảng ta đưa ra những quyết sách sáng

suốt, đúng đắn, mở ra thời kỳ phát triển mới, vẻ vang, tốt đẹp của đất nước, dân tộc. Sự đồng lòng, nhất trí và tâm huyết, trí tuệ của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta là nguồn sức mạnh vô tận. Chúng ta nhất định thành công trên con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, xây dựng đất nước phồn vinh, hạnh phúc.

Xin trân trọng cảm ơn!

**BÁO CÁO TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
CỦA ĐOÀN CHỦ TỊCH ĐẠI HỘI VỀ Ý KIẾN
THẢO LUẬN CỦA CÁC ĐẠI BIỂU ĐỐI VỚI
CÁC VĂN KIỆN TRÌNH ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU
TOÀN QUỐC LẦN THỨ XII CỦA ĐẢNG**

(Do đồng chí Đinh Thế Huynh, Ủy viên Bộ Chính trị,
Bí thư Trung ương Đảng khóa XI, Trưởng Ban Tuyên giáo
Trung ương trình bày, ngày 26 tháng 01 năm 2016)

Kính thưa Đoàn Chủ tịch,

Kính thưa đại biểu Đại hội,

Chiều ngày 21, ngày 22 và sáng ngày 23-01-2016, Đại hội thảo luận về các văn kiện của Ban Chấp hành Trung ương khoá XI trình Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng. Có 686 ý kiến phát biểu tại đoàn và 34 tham luận tại Hội trường. Đoàn Thư ký của Đại hội đã có báo cáo tổng hợp các ý kiến của đại biểu. Các ý kiến đại biểu đề cập hầu hết những nội dung quan trọng của các văn kiện; không khí thảo luận sôi nổi, thẳng thắn, có trao đổi, tranh luận, đã phân tích làm sáng tỏ, sâu sắc thêm và bổ sung nhiều nội dung quan trọng.

Hầu hết các ý kiến của đại biểu nhất trí cao với kết cấu, nội dung của các văn kiện và cho rằng, các văn kiện đã được chuẩn bị công phu, kỹ lưỡng, nghiêm túc; kết cấu chặt chẽ,

khoa học, có sự đổi mới; nội dung ngắn gọn, súc tích, có tính tổng kết và khái quát cao. Các văn kiện đã tiếp thu nghiêm túc, có chọn lọc ý kiến của đại hội đảng bộ các cấp, góp ý của các tổ chức và nhân dân, chất lượng được nâng lên; đã đạt được sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn. Đồng thời có nhiều ý kiến đại biểu đề nghị bổ sung, hoàn thiện, làm rõ, sâu sắc thêm một số nội dung về đánh giá, nhận định, dự báo, mục tiêu, quan điểm, nhiệm vụ, giải pháp. Một số ý kiến góp ý cụ thể về câu chữ trong các văn kiện.

Đoàn Chủ tịch trân trọng ý kiến của các đại biểu; nhiều vấn đề lớn các đại biểu nêu ra đã làm sâu sắc thêm nội dung của các văn kiện.

Đoàn Chủ tịch báo cáo tiếp thu, giải trình với Đại hội về một số vấn đề quan trọng các đại biểu đã nêu như sau:

I- VỀ BÁO CÁO CHÍNH TRỊ

1. Về chủ đề Đại hội XII (cũng là tiêu đề của Báo cáo chính trị)

Hầu hết ý kiến của đại biểu nhất trí với chủ đề Đại hội (cũng là tiêu đề của Báo cáo chính trị). Có ý kiến đề nghị bỏ từ “sớm”. Có ý kiến đề nghị thay cụm từ “sớm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại” bằng cụm từ “để nước ta đạt mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

Đoàn Chủ tịch xin báo cáo Đại hội: Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) xác định mục tiêu phấn đấu lâu dài của đất nước ta là “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh” và mục tiêu đến giữa thế kỷ XXI đưa nước ta trở thành “nước công nghiệp hiện đại”. Báo cáo chính trị

nhận định: *“nhiều chỉ tiêu, tiêu chí trong mục tiêu phấn đấu đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại không đạt được”*. Do vậy, Đoàn Chủ tịch đề nghị Đại hội cho giữ mục tiêu nêu trong chủ đề Đại hội: *“Phấn đấu sớm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại”*, với nghĩa là *“sớm nhất”* sau năm 2020; đồng thời giao Ban Chấp hành Trung ương khoá XII tiếp tục xác định rõ những tiêu chí, chỉ tiêu cần đạt được để nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

2. Về đánh giá tổng quát kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội XI (2011 - 2015) và nhìn lại 30 năm đổi mới

- Về đánh giá tổng quát kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội XI, có một số ý kiến đề nghị thay nhận định *“những thành quả quan trọng”* bằng *“những thành quả rất quan trọng”*, hoặc *“thành tựu quan trọng”*, hoặc *“những kết quả nhất định”*.

- Về nhìn lại 30 năm đổi mới (1986 - 2016), có ý kiến đề nghị đánh giá 30 năm đổi mới cần chia ra các giai đoạn cụ thể để đánh giá sát và chính xác hơn. Có ý kiến đề nghị thay nhận định *“những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử”* bằng nhận định *“những thành tựu vĩ đại”*.

Đoàn Chủ tịch xin báo cáo Đại hội:

- Về đánh giá 5 năm, trên cơ sở nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật một cách toàn diện, Báo cáo nhận định: *“Nhìn tổng quát, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta đã nỗ lực phấn đấu đạt được những thành quả quan trọng”*. Đánh giá như vậy là phù hợp, đúng mức, phản ánh được cả những nỗ lực, cố gắng của chúng ta trong bối cảnh khó

khăn, phức tạp của tình hình thế giới và trong nước, cũng như cả những yếu kém, khuyết điểm cần được khắc phục.

- Về nhìn lại 30 năm đổi mới: Đổi mới là một quá trình liên tục, đánh giá 30 năm đổi mới cần có cách nhìn *tổng thể, xuyên suốt*, không thể chia cắt các giai đoạn. Báo cáo viết: “Nhìn tổng thể, qua 30 năm đổi mới, đất nước ta đã đạt được *những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử* trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Đồng thời cũng còn nhiều vấn đề lớn, phức tạp, *những hạn chế, yếu kém* cần phải tập trung giải quyết, khắc phục để đưa đất nước phát triển nhanh và bền vững”. Đánh giá như vậy là khách quan, toàn diện, khẳng định những thành tựu to lớn, đồng thời cũng chỉ ra những hạn chế, yếu kém để có phương hướng khắc phục, tiếp tục đưa sự nghiệp đổi mới tiến lên.

3. Về mối quan hệ giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị

Có ý kiến đại biểu cho rằng: Thực tế 30 năm qua, thành tựu lớn nhất, bao trùm nhất của công cuộc đổi mới là chúng ta đã chuyển được nền kinh tế kế hoạch hoá tập trung sang kinh tế thị trường, đã làm thay đổi căn bản cuộc sống và đưa đất nước phát triển, nhưng 70 năm qua cơ cấu tổ chức, phương thức hoạt động của bộ máy Đảng, Nhà nước, đoàn thể các cấp trong hệ thống chính trị gần như không thay đổi. Thực tế 5 năm qua chúng ta đã tích cực đổi mới thể chế về kinh tế và đạt được một số kết quả nhất định, nhưng đổi mới chính trị hầu như chưa làm gì, chính vì vậy công cuộc đổi mới 5 năm qua chưa thực sự đem lại hiệu quả như mong muốn.

Đoàn Chủ tịch xin báo cáo Đại hội như sau:

Đại hội VI đề ra đường lối đổi mới toàn diện đất nước, xác

định phải có bước đi, cách làm phù hợp và chú trọng giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị.

Đổi mới chính trị ở nước ta, trọng tâm là đổi mới hệ thống chính trị, trong 30 năm đổi mới vừa qua, được thể hiện trước hết qua việc chuyển từ hệ thống chuyên chính vô sản sang hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa, từ Nhà nước chuyên chính vô sản sang Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Hệ thống chính trị từng bước được đổi mới đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước, là nhân tố quyết định phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế, thúc đẩy kinh tế phát triển, giữ vững ổn định chính trị - xã hội, không ngừng nâng cao đời sống nhân dân. Trong 5 năm qua, Quốc hội đã kịp thời thể chế hoá Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011), xây dựng, ban hành, tích cực triển khai Hiến pháp năm 2013 và nhiều bộ luật, luật. Trung ương ban hành và lãnh đạo thực hiện Kết luận một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, hoàn thiện hệ thống chính trị từ Trung ương đến cơ sở. Vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ của các tổ chức trong hệ thống chính trị được xác định ngày càng rõ hơn. Từng bước đổi mới nội dung và phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị, bảo đảm vai trò lãnh đạo của Đảng, đồng thời phát huy vai trò chủ động, tích cực trong quản lý của Nhà nước, vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội. Công tác xây dựng Đảng, đổi mới hệ thống chính trị đạt kết quả quan trọng. Cơ cấu tổ chức, phương thức hoạt động của bộ máy đảng, nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể các cấp trong hệ thống chính trị có những đổi mới.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả, thành tựu đạt được, Báo cáo chính trị trình Đại hội cũng đã nêu rõ: Đổi mới chính

trị chưa đồng bộ với đổi mới kinh tế; năng lực và hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị chưa ngang tầm nhiệm vụ. Đồng thời Báo cáo cũng nhấn mạnh: Trong 5 năm tới cần đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới; xử lý tốt mối quan hệ giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị; bảo đảm tính đồng bộ giữa thể chế kinh tế và thể chế chính trị; đổi mới hệ thống chính trị theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

4. Về mục tiêu tổng quát phát triển đất nước trong 5 năm tới

Về mục tiêu “*phấn đấu sớm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại*”, một số ý kiến đề nghị xác định rõ “sớm” là khoảng thời gian nào; xác định rõ các tiêu chí “*nước công nghiệp theo hướng hiện đại*”; cân nhắc bỏ cụm từ “*cơ bản*”.

Đoàn Chủ tịch đề nghị Đại hội cho giữ mục tiêu: “*phấn đấu sớm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại*”, như Đoàn Chủ tịch đã giải trình về chủ đề Đại hội.

5. Về quốc phòng, an ninh

Có ý kiến cho rằng, đưa cụm từ “*kiên quyết, kiên trì*” vào phần đánh giá tình hình bảo vệ Tổ quốc là không phù hợp, chỉ nên sử dụng cụm từ này ở phần phương hướng, nhiệm vụ; hoặc trong đánh giá tình hình chỉ nên sử dụng từ “*kiên quyết*”.

Đoàn Chủ tịch xin báo cáo Đại hội: Cụm từ “*kiên quyết, kiên trì*” vừa thể hiện quyết tâm chiến lược, trước sau như một của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta, cả trong những năm qua và trong giai đoạn tới, vừa xác định rõ tính chất lâu dài, phức tạp của cuộc đấu tranh bảo vệ độc lập, chủ

quyền, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc. Do vậy, đề nghị Đại hội cho giữ cách trình bày cụm từ “*kiên quyết, kiên trì*” như trong Báo cáo.

6. Về vấn đề hợp nhất một số cơ quan của Đảng và cơ quan của Nhà nước

Về chủ trương thí điểm hợp nhất một số cơ quan của Đảng và cơ quan của Nhà nước tương đồng về chức năng, nhiệm vụ, có ý kiến đại biểu đề nghị cân nhắc kỹ hơn, vì chức năng các cơ quan của Đảng khác với chức năng các cơ quan của Nhà nước. Một số ý kiến khác đề nghị Trung ương có chủ trương cho các địa phương đủ điều kiện được áp dụng một số mô hình tổ chức mới; có ý kiến đề nghị Trung ương ra nghị quyết về vấn đề này để tổ chức thực hiện.

Đoàn Chủ tịch xin báo cáo Đại hội: Hội nghị Trung ương 9 khoá X đã nêu rõ: Nghiên cứu, xây dựng và thực hiện thí điểm một số đề án, trong đó có Đề án nhất thể hoá một số tổ chức và chức danh lãnh đạo của Đảng, chính quyền ở cấp xã, huyện, tỉnh. Vừa qua, nhiều ý kiến của đại hội đảng các cấp, của đại biểu Quốc hội, của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân và của nhân dân đề nghị thực hiện thí điểm việc hợp nhất trong nhiệm kỳ 2016 - 2020. Tuy nhiên cũng có nhiều ý kiến cho rằng, không thể hợp nhất cơ quan đảng, cơ quan nhà nước vì chức năng, nhiệm vụ khác nhau. Vì vậy, Đoàn Chủ tịch đề nghị Đại hội cho diễn đạt như trong Báo cáo là: “*Nghiên cứu thực hiện thí điểm hợp nhất một số cơ quan đảng và nhà nước tương đồng về chức năng, nhiệm vụ*”.

7. Về nhiệm vụ trọng tâm

Một số ý kiến đề nghị bổ sung nội dung “*bảo đảm an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội*” vào sau

cụm từ “*giữ vững môi trường hoà bình, ổn định*” trong nhiệm vụ trọng tâm.

Đoàn Chủ tịch đề nghị Đại hội cho tiếp thu, bổ sung nội dung “*bảo đảm an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội*” vào sau nội dung “*giữ vững môi trường hoà bình, ổn định*” và diễn đạt như sau: “*Kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; giữ vững môi trường hoà bình, ổn định và phát triển đất nước; bảo đảm an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội...*”.

II- VỀ BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM 2011 - 2015 VÀ PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM 2016 - 2020

1. Về đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội 5 năm 2011 - 2015

Một số ý kiến đại biểu đề nghị trình bày rõ hơn: Kết quả về đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế; vai trò của kinh tế nhà nước, doanh nghiệp nhà nước; thực hiện 3 đột phá chiến lược; bảo vệ tài nguyên, môi trường; chính sách đối với đồng bào dân tộc thiểu số.

Một số ý kiến đề nghị: Cần nêu rõ các chỉ tiêu không đạt; đánh giá rõ hơn về nợ xấu, nợ quốc gia, nợ công, nguy cơ thâm hụt quỹ bảo hiểm xã hội.

Một số ý kiến cho rằng: Kinh tế thị trường chưa vận hành đầy đủ; thực hiện cơ cấu lại kinh tế chưa được nhiều; đổi mới giáo dục, đào tạo còn nhiều hạn chế, hiệu quả thấp; chính sách an sinh xã hội còn chồng chéo, nguồn lực và thực thi còn

khó khăn, hiệu quả thấp; đạo đức xã hội có mặt xuống cấp nghiêm trọng; hội nhập quốc tế triển khai chưa thật đồng bộ, hiệu quả, doanh nghiệp còn thiếu chủ động.

Đoàn Chủ tịch đề nghị Đại hội cho tiếp thu các ý kiến để hoàn thiện Báo cáo.

2. Về bối cảnh quốc tế và trong nước tác động đến phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020

Một số ý kiến đại biểu đề nghị: Nhấn mạnh thêm yếu tố cạnh tranh trong hội nhập quốc tế; trình bày rõ hơn thực trạng năng lực các doanh nghiệp Việt Nam và đội ngũ cán bộ quản lý kinh tế; nguy cơ tụt hậu về kinh tế của nước ta so với các nước trong khu vực; tác động của biến đổi khí hậu; tác động của quan hệ với các nước lớn, các hiệp định song phương, đa phương (như Hiệp định TPP, Cộng đồng ASEAN, ...); diễn biến phức tạp trên Biển Đông,... để có đối sách phù hợp.

Đoàn Chủ tịch đề nghị Đại hội cho tiếp thu các ý kiến của đại biểu để thể hiện rõ hơn trong Báo cáo.

3. Về các chỉ tiêu chủ yếu giai đoạn 2016 - 2020

Một số ý kiến đại biểu đề nghị xem lại tính khả thi của chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế 6,5 - 7%, cho rằng như vậy là cao, khó thực hiện; một số ý kiến khác cho rằng cần xác định mục tiêu cao hơn. Một số ý kiến đề nghị cân nhắc điều chỉnh giảm hoặc tăng một số chỉ tiêu khác.

Đoàn Chủ tịch xin báo cáo Đại hội: Các chỉ tiêu chủ yếu đã được rà soát, tính toán kỹ, có cơ sở thực tiễn, đảm bảo cân đối chung và được đa số ý kiến đồng tình. Đoàn Chủ tịch đề nghị Đại hội cho giữ như Báo cáo.

4. Về nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu

Nhiều ý kiến đại biểu đóng góp đề xuất cụ thể về một số nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội 5 năm tới: Đổi mới mạnh mẽ thể chế về sở hữu, quyền sở hữu tài sản, sở hữu tư nhân, sở hữu đất, quản lý, sử dụng đất; đổi mới tư duy về nợ công, cơ cấu lại ngân sách nhà nước; đẩy mạnh cơ cấu lại nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới; tập trung phát triển các sản phẩm cơ khí đầu tàu; hỗ trợ doanh nghiệp trong nước cạnh tranh bình đẳng với các doanh nghiệp FDI và hội nhập hiệu quả; đầu tư hạ tầng giao thông cho các đảo, khuyến khích ngư dân bám biển, sinh sống tại các đảo; cần có cơ quan thống nhất tham mưu về phát triển kinh tế biển; quan tâm phát triển kinh tế vùng, thu hẹp khoảng cách phát triển; có cơ chế đặc thù cho các thành phố lớn, các vùng kinh tế trọng điểm.

Một số ý kiến đề nghị: Xác định vị thế của doanh nghiệp là vị thế của quốc gia; thúc đẩy hiện đại hoá nền kinh tế song hành với nâng cao năng lực cạnh tranh của khu vực tư nhân; mạnh dạn huy động các nguồn lực, cơ chế đặc thù để phát triển mạnh kết cấu hạ tầng, nhất là hạ tầng giao thông; thúc đẩy gia tăng mật độ kinh tế trong quá trình đô thị hoá và tăng cường tính kết nối giữa các đô thị và vùng lân cận; thu hẹp khoảng cách giàu - nghèo, bảo đảm mức tối thiểu về các dịch vụ xã hội cơ bản, đẩy mạnh giảm nghèo bền vững, hỗ trợ các vùng khó khăn, đồng bào dân tộc thiểu số, thúc đẩy phát triển tầng lớp trung lưu; phát triển bền vững về môi trường và tăng cường khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu.

Một số ý kiến đề nghị: Có quy định về trách nhiệm giải trình của cán bộ, công chức; kiểm soát chặt chẽ thu nhập; sớm có mô hình tổ chức cơ quan chống tham nhũng đủ mạnh

và hiệu quả; kiên quyết chỉ đạo, sắp xếp lại bộ máy trong hệ thống chính trị, nâng cao chất lượng, tính chuyên nghiệp của đội ngũ cán bộ, công chức; có giải pháp mạnh mẽ nhằm tinh giản biên chế và đãi ngộ, trọng dụng nhân tài; bảo đảm quyền tiếp cận thông tin chính xác, kịp thời của người dân.

Đoàn Chủ tịch xin báo cáo Đại hội: Nhiều ý kiến nêu trên là hợp lý, đề nghị Đại hội cho tiếp thu để bổ sung, hoàn thiện Báo cáo. Những góp ý chi tiết, cụ thể sẽ đưa vào Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 và lưu ý trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo điều hành.

III- VỀ BÁO CÁO TỔNG KẾT THI HÀNH ĐIỀU LỆ ĐẢNG VÀ ĐỀ XUẤT BỔ SUNG, SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ ĐẢNG KHOÁ XI (NẾU CÓ)

1. Về một số quy định trong Điều lệ Đảng

- Về Điều 3:

Có ý kiến đại biểu đề nghị xem xét, sửa đổi Điều 3 Điều lệ Đảng khoá XI theo hướng bảo đảm quyền ứng cử và đề cử của đại biểu đại hội.

Đoàn Chủ tịch xin báo cáo Đại hội: Điều 3 trong Điều lệ Đảng khoá XI đã quy định rõ về các quyền của đảng viên, trong đó có quyền ứng cử, đề cử và bầu cử. Về quyền ứng cử, đề cử của đại biểu đại hội được cụ thể hoá trong quy chế bầu cử tại Đại hội theo hướng bảo đảm quyền của đại biểu đại hội, đồng thời tuân thủ nguyên tắc tập trung dân chủ trong Đảng.

- Về Điều 12:

Có ý kiến đại biểu đề nghị quy định đã là bí thư cấp uỷ cấp dưới thì đương nhiên là cấp uỷ viên cấp trên; bí thư tỉnh uỷ, thành uỷ trực thuộc Trung ương đương nhiên là

Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương, Đại hội đại biểu toàn quốc chỉ phê chuẩn theo kết quả bầu cử ở đại hội đảng bộ tỉnh, thành phố.

Đoàn Chủ tịch xin báo cáo Đại hội: Theo nguyên tắc tổ chức của Đảng thì các cơ quan lãnh đạo, các chức danh lãnh đạo của Đảng đều do bầu cử lập ra. Một trong những nội dung rất quan trọng của Đại hội đại biểu toàn quốc là bầu Ban Chấp hành Trung ương; việc quy định bí thư cấp uỷ cấp dưới đương nhiên là cấp uỷ viên cấp trên là không phù hợp với nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng.

- Về Điều 31:

Có ý kiến đại biểu đề nghị quy định đại hội các cấp bầu uỷ ban kiểm tra.

Đoàn Chủ tịch xin báo cáo Đại hội: Vấn đề này trong quá trình thảo luận từ nhiều nhiệm kỳ vừa qua, còn nhiều ý kiến khác nhau, cần được tiếp tục nghiên cứu, tổng kết.

Qua thảo luận tại Đại hội, hầu hết các đại biểu nhất trí không bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng tại Đại hội này. Đoàn Chủ tịch xin Đại hội biểu quyết về vấn đề này.

2. Về hướng dẫn thi hành Điều lệ Đảng

Một số ý kiến đại biểu đề nghị: Thủ tục kết nạp đảng cần được hướng dẫn đơn giản hơn; hướng dẫn để thực hiện thống nhất về thời gian công nhận đảng viên chính thức và cách tính tuổi đảng. Một số ý kiến đề nghị: Quy định rõ hơn chức năng, nhiệm vụ của đảng uỷ khối cơ quan, đảng uỷ khối doanh nghiệp, đảng đoàn, ban cán sự đảng, Ban Kinh tế Trung ương, Ban Nội chính Trung ương, Ban Dân vận Trung ương; hướng dẫn đầy đủ hơn về hoạt động của chi bộ cơ quan ở xã, phường, thị trấn và nơi sinh hoạt của đảng viên là công

chức xã; sớm ban hành quy định về tổ chức đảng cấp trên cơ sở ở tập đoàn, tổng công ty, công ty cổ phần có vốn nhà nước.

Một số ý kiến đề nghị: Giao cho ban thường vụ cấp ủy quyết định kỷ luật cán bộ thay cho cấp uỷ; thu hẹp thẩm quyền kỷ luật của chi bộ; đơn giản hoá quy trình kiểm tra; xác định cấp giải quyết khiếu nại cuối cùng cho phù hợp.

Đoàn Chủ tịch đề nghị Đại hội cho tiếp thu những ý kiến nêu trên và giao Ban Chấp hành Trung ương khoá XII nghiên cứu đề quy định, hướng dẫn cụ thể nhằm giải quyết những vướng mắc trong thi hành Điều lệ Đảng khoá XI.

IV- VỀ BÁO CÁO TỔNG KẾT THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT TRUNG ƯƠNG 4 KHOÁ XI “MỘT SỐ VẤN ĐỀ CẤP BÁCH VỀ XÂY DỰNG ĐẢNG HIỆN NAY”

1. Một số ý kiến đại biểu cho rằng, việc triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 có biểu hiện chùng xuống ở cuối nhiệm kỳ khoá XI.

Đoàn Chủ tịch xin báo cáo Đại hội như sau:

Nghị quyết Trung ương 4 nêu 3 vấn đề cấp bách và 4 nhóm giải pháp để thực hiện, trong đó nhóm giải pháp về tự phê bình và phê bình, nêu cao tính tiên phong, gương mẫu của cấp trên là nhóm giải pháp thứ nhất đã được triển khai ngay sau khi Nghị quyết được ban hành (năm 2012); các nhóm giải pháp khác để giải quyết các vấn đề còn lại của Nghị quyết đòi hỏi phải có thời gian. Kết quả thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 về công tác cán bộ là bước quan trọng để chuẩn bị nhân sự cấp uỷ, nhân sự cán bộ chủ chốt nhiệm kỳ 2015 - 2020 của đảng bộ các cấp và nhân sự Ban Chấp hành Trung ương Đảng nhiệm kỳ 2016 - 2021; nhiều quy định, quy chế về công tác cán bộ được xây dựng mới

hoặc bổ sung, hoàn thiện, đặc biệt là Quy chế bầu cử trong Đảng do Ban Chấp hành Trung ương ban hành đã góp phần trực tiếp vào thành công của đại hội đảng bộ các cấp, tiến tới Đại hội XII của Đảng.

Tuy nhiên, từ cuối năm 2013 việc kiểm điểm theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 4 đã được đưa vào kiểm điểm thường xuyên hằng năm, cho nên ở nơi này, nơi khác cũng có biểu hiện chùng xuống. Trước yêu cầu, nhiệm vụ nặng nề của thời kỳ phát triển mới, toàn Đảng phải đẩy mạnh hơn nữa công tác xây dựng Đảng, trọng tâm là kiên quyết, kiên trì với quyết tâm chính trị cao tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khoá XI về xây dựng Đảng.

2. Một số ý kiến đại biểu đề nghị cân nhắc đánh giá chung về chỉ đạo và tổ chức triển khai Nghị quyết: “Bộ Chính trị, Ban Bí thư và cấp uỷ, tổ chức đảng các cấp đã tập trung chỉ đạo, tổ chức thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 bài bản, quyết liệt và đã đạt được kết quả bước đầu quan trọng, tạo chuyển biến tích cực trong hệ thống chính trị, góp phần cảnh tỉnh, cảnh báo, răn đe, từng bước ngăn chặn, đẩy lùi một số tiêu cực, suy thoái trong Đảng, giải quyết kịp thời một số vấn đề bức xúc trong xã hội, góp phần tăng cường niềm tin của nhân dân vào Đảng, song một số việc chưa đáp ứng yêu cầu, chưa đạt được mục tiêu Nghị quyết đề ra”. Đánh giá như vậy có lạc quan quá không, có phù hợp không?

Đoàn Chủ tịch xin báo cáo Đại hội như sau:

Nghị quyết Trung ương 4 nhìn chung đã được triển khai thực hiện nghiêm túc từ Trung ương đến địa phương, hằng năm Bộ Chính trị, Ban Bí thư và các cấp uỷ trực thuộc đều tổ chức các cuộc kiểm tra, giám sát việc lãnh đạo và tổ chức thực hiện Nghị quyết. Các năm 2012, 2013, 2014 trên cơ sở báo cáo của các cấp uỷ, tổ chức đảng trực thuộc, tập thể lãnh

đạo các cơ quan Trung ương, Bộ Chính trị đều có đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết và xác định nhiệm vụ trọng tâm năm tới để chỉ đạo thực hiện Nghị quyết. Năm 2015 các cấp uỷ trực thuộc đều có báo cáo tổng kết thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 trình đại hội đảng bộ cấp mình và báo cáo Trung ương. Trên cơ sở báo cáo của các cấp uỷ trực thuộc và tình hình thực tế, Bộ Chính trị đã chỉ đạo chuẩn bị Báo cáo tổng kết thực hiện Nghị quyết trong toàn Đảng với tinh thần nghiêm túc, thẳng thắn, đánh giá đúng kết quả đạt được, những hạn chế, khuyết điểm và nguyên nhân. Dự thảo Báo cáo tổng kết đã được xin ý kiến các cấp uỷ, tổ chức đảng trực thuộc tại các hội nghị ở 3 miền và tiếp thu, hoàn chỉnh trình Hội nghị Trung ương 13 xem xét. Tại Hội nghị, Ban Chấp hành Trung ương đã thảo luận nghiêm túc vấn đề này và thống nhất trình Đại hội. Do vậy, Đoàn Chủ tịch đề nghị Đại hội cho giữ đánh giá chung về tổ chức chỉ đạo và triển khai thực hiện Nghị quyết như đã thể hiện trong Báo cáo.

3. Một số ý kiến đề nghị cân nhắc thể hiện thống nhất đánh giá hạn chế, khuyết điểm trong thực hiện Nghị quyết giữa Báo cáo chính trị và Báo cáo tổng kết thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (trong Báo cáo chính trị diễn đạt “Tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên chưa bị đẩy lùi; có mặt, có bộ phận còn diễn biến phức tạp hơn”; trong Báo cáo tổng kết diễn đạt “Tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong một bộ phận cán bộ, đảng viên đã bước đầu được ngăn chặn song chưa được đẩy lùi”).

Đoàn Chủ tịch đề nghị Đại hội cho tiếp thu, thể hiện nhất quán về nội dung đánh giá giữa các văn kiện Đại hội.

V- VỀ BÁO CÁO KIỂM ĐIỂM SỰ LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG KHÓA XI

1. Về những ưu điểm nổi bật trong nhiệm kỳ Đại hội XI

Phần lớn các ý kiến nhất trí với những ưu điểm đã nêu trong Báo cáo. Đồng thời nhấn mạnh, trên cơ sở Cương lĩnh, nghị quyết của Đảng, Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã lãnh đạo, điều hành phù hợp, sát đúng. Trong bối cảnh khó khăn do tác động của suy thoái kinh tế toàn cầu, tình hình phức tạp trên Biển Đông, Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã thận trọng, sáng suốt, bản lĩnh, kịp thời đưa ra những quyết sách đúng đắn, phát huy cao độ tinh thần yêu nước và sức mạnh đại đoàn kết dân tộc, bảo đảm được sự ổn định chính trị - xã hội và môi trường hoà bình để phát triển đất nước. Công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 là điểm nhấn của nhiệm kỳ. Nhiều nghị quyết của Đảng đã đi vào cuộc sống, nhất là Nghị quyết về nông nghiệp, nông dân, nông thôn, phong trào xây dựng nông thôn mới tạo ra những động lực cho sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Nghị quyết của Đảng về hội nhập quốc tế trong tình hình mới được quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo; ngoại giao nhà nước, đối ngoại Đảng và đối ngoại nhân dân đi vào chiều sâu, phát huy được nhiều lợi thế, đem lại nhiều thành công, đoàn kết quốc tế với Việt Nam được tăng cường, tạo điều kiện thuận lợi cho xây dựng và bảo vệ đất nước, nâng cao vị thế, uy tín của Việt Nam trong khu vực và trên thế giới.

Đoàn Chủ tịch xin báo cáo Đại hội: Các nội dung trên đã được thể hiện ở những mức độ nhất định trong Báo cáo;

Đoàn Chủ tịch đề nghị Đại hội cho tiếp thu để bổ sung, làm rõ hơn những thành công nổi bật của nhiệm kỳ này trong Báo cáo.

2. Về công tác cán bộ

Một số ý kiến đại biểu cho rằng, công tác quy hoạch cán bộ chậm đổi mới, còn hẫng hụt, nhất là cấp Trung ương; luân chuyển cán bộ có trường hợp còn hình thức, chưa lựa chọn kỹ càng, chưa rõ mục tiêu đào tạo, rèn luyện cán bộ; việc sắp xếp, điều động cán bộ từ địa phương về Trung ương trước Đại hội là chưa hợp lý, hơi vội vàng.

Đoàn Chủ tịch xin báo cáo Đại hội:

Ban Chấp hành Trung ương nhận thức rõ công tác cán bộ luôn là vấn đề đặc biệt quan trọng của đất nước và nhân sự Trung ương lại càng quan trọng Quy trình nhân sự Đại hội XII được bắt đầu chuẩn bị từ giữa nhiệm kỳ khoá XI. Bộ Chính trị đã hướng dẫn các cấp uỷ đảng trực thuộc Trung ương, các ban đảng Trung ương, các đồng chí Uỷ viên Trung ương Đảng phát hiện, giới thiệu nhân sự. Trên cơ sở đó, Bộ Chính trị tập hợp, nghiên cứu, lựa chọn, đề xuất danh sách trình Trung ương thông qua. Nhìn chung, công tác quy hoạch được thực hiện từ sớm, đủ thời gian cân nhắc, dân chủ thảo luận và quyết định các phương án. Các đồng chí đi luân chuyển nói chung được lựa chọn kỹ, xác định mục tiêu đào tạo, rèn luyện cán bộ. Khi thực hiện công tác nhân sự, trên cơ sở quy hoạch và kết quả đại hội đảng bộ các cấp tính toán, cân nhắc kỹ phương án nhân sự đối với số cán bộ đã luân chuyển.

Về việc điều động cán bộ địa phương về Trung ương: Phương hướng công tác nhân sự Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XII (được thông qua tại Hội nghị lần thứ 11 khoá XI)

đã xác định, quá trình chuẩn bị nhân sự Ban Chấp hành Trung ương khoá XII cần tiến hành đồng thời với việc thẩm định, giới thiệu nhân sự lãnh đạo các tỉnh uỷ, thành uỷ nhiệm kỳ 2015 - 2020 và chuẩn bị nhân sự lãnh đạo các ban, bộ, ngành, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương.

Thực hiện phương hướng nêu trên, thời gian qua Bộ Chính trị đã quyết định điều động một số đồng chí Ủy viên Trung ương công tác ở địa phương về công tác ở các cơ quan Trung ương, chủ yếu là các ban đảng Trung ương. Trong số được điều động, một số đồng chí đã giữ chức vụ bí thư tỉnh uỷ 2 nhiệm kỳ; một số đồng chí tuy giữ chức vụ bí thư 1 nhiệm kỳ, nhưng đã quá tuổi tái cử cấp uỷ địa phương theo Chỉ thị 36, nhưng vẫn còn đủ tuổi tái cử Ban Chấp hành Trung ương. Bộ Chính trị căn cứ vào yêu cầu cụ thể của cơ quan Trung ương và nguyện vọng cá nhân đồng chí được điều động để xem xét, quyết định điều động.

Đoàn Chủ tịch đề nghị Đại hội cho tiếp thu các ý kiến; giao Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư khoá XII rút kinh nghiệm để làm tốt hơn công tác này.

- Một số ý kiến đại biểu cho rằng, công tác đánh giá cán bộ vẫn là điểm yếu; Bộ Chính trị, Ban Bí thư chưa đánh giá cán bộ theo phân cấp quản lý và theo Quy chế làm việc.

Đoàn Chủ tịch xin báo cáo Đại hội: Các ý kiến trên là xác đáng, trong Báo cáo cũng đã nhận khuyết điểm về vấn đề này. Để công tác đánh giá cán bộ đi vào nền nếp và từng bước nâng cao chất lượng công tác này, đề nghị Đại hội cho tiếp thu, nêu rõ hơn trong Báo cáo và đề nghị Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư khoá XII chỉ đạo Ban Tổ chức Trung ương chủ trì, phối hợp với các ban tham mưu có liên quan của Trung ương Đảng giúp Bộ Chính trị,

Ban Bí thư khoá mới khắc phục khuyết điểm, thực hiện công tác này đúng với Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương.

3. Về hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo

Một số ý kiến đại biểu cho rằng, trong hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo của Trung ương, có một số việc chưa phân cấp hợp lý; chủ trương lãnh đạo một số việc quá cụ thể, có việc còn ôm đồm, làm thay các cơ quan khác.

Đoàn Chủ tịch xin báo cáo Đại hội như sau:

Quy chế làm việc khoá XI tiếp tục phân định cụ thể hơn thẩm quyền, trách nhiệm của Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư cũng như các chức danh lãnh đạo, quy định rõ hơn trách nhiệm lãnh đạo và mối quan hệ với cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội. Trong hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo, Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư luôn bám sát Quy chế làm việc. Ban Chấp hành Trung ương xây dựng Chương trình làm việc toàn khoá, Bộ Chính trị, Ban Bí thư xây dựng Chương trình làm việc hằng năm. Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư lãnh đạo toàn diện các mặt của đời sống xã hội thông qua các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, đồng thời tôn trọng và phát huy vai trò của Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong quá trình tổ chức thực hiện.

Tiếp thu ý kiến các đại biểu, Đoàn Chủ tịch đề nghị Ban Chấp hành Trung ương khoá XII khi xây dựng Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư khoá XII, tiếp tục làm rõ hơn việc phân công, phân cấp, nhằm giảm bớt hội họp và nâng cao hiệu quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng.

**ĐOÀN CHỦ TỊCH ĐÃ XIN Ý KIẾN VÀ ĐƯỢC
TUYỆT ĐẠI ĐA SỐ ĐẠI BIỂU ĐẠI HỘI ĐỒNG Ý CHO
BIỂU QUYẾT MỘT SỐ VẤN ĐỀ TRONG CÁC VĂN
KIẾN TRÌNH ĐẠI HỘI:**

1. Về chủ đề Đại hội
2. Về mục tiêu tổng quát
3. Về một số chỉ tiêu chủ yếu: Tốc độ tăng trưởng; bình quân đầu người; bội chi ngân sách;...
4. Về vấn đề sửa đổi Điều lệ Đảng.

Đoàn Chủ tịch đề nghị Đại hội giao cho Ban Chấp hành Trung ương khoá XII cân nhắc kỹ, tiếp thu các ý kiến để hoàn chỉnh các văn kiện. Về nhiều nội dung cụ thể, đề nghị Đại hội giao cho Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư khoá XII nghiên cứu, lãnh đạo, chỉ đạo trong thời gian tới.

*

* *

Trên đây là Báo cáo tiếp thu và giải trình của Đoàn Chủ tịch về ý kiến của đại biểu tại Đại hội vào các văn kiện trình Đại hội XII. Đoàn Chủ tịch xin báo cáo Đại hội.

**TĂNG CƯỜNG XÂY DỰNG ĐẢNG TRONG SẠCH,
VỮNG MẠNH; PHÁT HUY SỨC MẠNH
TOÀN DÂN TỘC, DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA;
ĐẨY MẠNH TOÀN DIỆN, ĐỒNG BỘ CÔNG CUỘC
ĐỔI MỚI; BẢO VỆ VỮNG CHẮC TỔ QUỐC,
GIỮ VỮNG MÔI TRƯỜNG HÒA BÌNH, ỔN ĐỊNH;
PHẤN ĐẤU SỚM ĐƯA NƯỚC TA CƠ BẢN
TRỞ THÀNH NƯỚC CÔNG NGHIỆP
THEO HƯỚNG HIỆN ĐẠI**

(Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng
khóa XI tại Đại hội đại biểu toàn quốc
lần thứ XII của Đảng)

Đại hội lần thứ XII của Đảng họp vào thời điểm có ý nghĩa rất quan trọng: Toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta thực hiện thắng lợi nhiều chủ trương, mục tiêu và nhiệm vụ được xác định trong Nghị quyết Đại hội XI của Đảng; trải qua 5 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020, 2 năm thực hiện Hiến pháp năm 2013, 30 năm tiến hành công cuộc đổi mới. Đại hội có nhiệm vụ kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết Đại hội XI của Đảng (2011 - 2015); nhìn lại

30 năm đổi mới; quyết định phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ 5 năm 2016 - 2020; kiểm điểm sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI; đánh giá việc thi hành Điều lệ Đảng khóa XI; bầu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII.

Đại hội diễn ra trong bối cảnh tình hình thế giới, khu vực diễn biến nhanh, rất phức tạp, khó lường; đất nước đứng trước nhiều vấn đề mới, có cả những thuận lợi, thời cơ đan xen với những khó khăn, thách thức gay gắt. Cán bộ, đảng viên và nhân dân đặt nhiều kỳ vọng vào những quyết sách đúng đắn, mạnh mẽ, phù hợp của Đảng để phát huy thuận lợi, vượt qua mọi khó khăn, tiếp tục đưa đất nước ta phát triển nhanh, bền vững. Vì vậy, Đại hội XII có ý nghĩa rất quan trọng, định hướng cho toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta trong 5 năm tới: Tăng cường xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh và xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh; phát huy sức mạnh toàn dân tộc và dân chủ xã hội chủ nghĩa; đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới; bảo vệ vững chắc Tổ quốc, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định; phấn đấu sớm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

I- ĐÁNH GIÁ TỔNG QUÁT KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI XI (2011 - 2015) VÀ NHÌN LẠI 30 NĂM ĐỔI MỚI (1986 - 2016)

1. Đánh giá tổng quát kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội XI; nguyên nhân và kinh nghiệm

Năm năm qua, bên cạnh những thời cơ, thuận lợi, tình hình thế giới, khu vực có nhiều diễn biến rất phức tạp; kinh tế thế giới phục hồi chậm; khủng hoảng chính trị ở nhiều nơi,

nhiều nước; cạnh tranh về nhiều mặt ngày càng quyết liệt giữa các nước lớn tại khu vực; diễn biến phức tạp trên Biển Đông,... đã tác động bất lợi đến nước ta. Trong nước, ngay từ đầu nhiệm kỳ, cùng với những ảnh hưởng của khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu, những hạn chế, khiếm khuyết vốn có của nền kinh tế chưa được giải quyết, những hạn chế, yếu kém trong lãnh đạo, quản lý và những vấn đề mới phát sinh đã làm cho lạm phát tăng cao, ảnh hưởng nghiêm trọng đến ổn định kinh tế vĩ mô, tốc độ tăng trưởng và đời sống nhân dân. Thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu gây thiệt hại nặng nề. Nhu cầu bảo đảm an sinh xã hội, phúc lợi xã hội ngày càng cao. Đồng thời, chúng ta phải dành nhiều nguồn lực để bảo đảm quốc phòng, an ninh và bảo vệ chủ quyền đất nước trước những động thái mới của tình hình khu vực và quốc tế.

Trong bối cảnh đó, nhìn tổng quát, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta đã nỗ lực phấn đấu đạt được ***những thành quả quan trọng***.

Nền kinh tế vượt qua nhiều khó khăn, thách thức, quy mô và tiềm lực được nâng lên; kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định, lạm phát được kiểm soát; tăng trưởng kinh tế được duy trì ở mức hợp lý, từ năm 2013 dần phục hồi, năm sau cao hơn năm trước. Đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế và thực hiện ba đột phá chiến lược được tập trung thực hiện, bước đầu đạt kết quả tích cực; cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa; xây dựng nông thôn mới được đẩy mạnh. Giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, văn hóa, xã hội, y tế có bước phát triển. An sinh xã hội được quan tâm nhiều hơn và cơ bản được bảo đảm, đời sống của nhân dân tiếp tục được cải thiện. Bảo vệ tài nguyên, môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu có

những chuyển biến tích cực. Chính trị - xã hội ổn định; quốc phòng, an ninh được tăng cường; kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, giữ vững hòa bình, ổn định để phát triển đất nước. Quan hệ đối ngoại, hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, có hiệu quả. Vị thế, uy tín quốc tế của nước ta tiếp tục được nâng cao. Dân chủ xã hội chủ nghĩa và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc tiếp tục được phát huy. Công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị được chú trọng và đạt kết quả quan trọng. Quan điểm và thể chế về Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa tiếp tục được bổ sung, hoàn thiện, hiệu lực và hiệu quả được nâng lên. Đã thể chế hóa kịp thời Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011), xây dựng, ban hành Hiến pháp năm 2013 và nhiều bộ luật, luật trong nhiệm kỳ Quốc hội khóa XIII. Những thành quả nêu trên tạo tiền đề quan trọng để nước ta tiếp tục phát triển nhanh, bền vững hơn trong giai đoạn mới.

Những thành quả đạt được 5 năm qua có nhiều nguyên nhân, trong đó quan trọng nhất là sự lãnh đạo, chỉ đạo đúng đắn của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, các cấp ủy đảng trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội XI, giải quyết kịp thời, có kết quả nhiều vấn đề mới phát sinh; sự đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động của Quốc hội và các cơ quan dân cử; sự quản lý, điều hành năng động, quyết liệt trên nhiều lĩnh vực của Chính phủ, chính quyền các cấp; sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, sự nỗ lực phấn đấu, sáng tạo của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta; hội nhập quốc tế sâu rộng đã đem lại nhiều cơ hội, điều kiện thuận lợi cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Tuy nhiên, đổi mới chưa đồng bộ và toàn diện. Một số chỉ tiêu kinh tế - xã hội chưa đạt kế hoạch; nhiều chỉ tiêu, tiêu

chí trong mục tiêu phấn đấu để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại không đạt được. Kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định nhưng chưa vững chắc; nợ công tăng nhanh, nợ xấu đang giảm dần nhưng còn ở mức cao; sản xuất kinh doanh còn gặp rất nhiều khó khăn. Tăng trưởng kinh tế thấp hơn 5 năm trước, không đạt mục tiêu đề ra; năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế còn thấp. Thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa chậm được hoàn thiện, chưa có cơ chế đột phá để thúc đẩy phát triển; cơ cấu nguồn nhân lực mất cân đối, chất lượng nguồn nhân lực còn thấp; kết cấu hạ tầng thiếu đồng bộ tiếp tục là những yếu tố cản trở sự phát triển. Thực hiện cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng còn chậm. Nhiều hạn chế, yếu kém trong các lĩnh vực giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, văn hóa, xã hội, y tế chậm được khắc phục. Quản lý và sử dụng tài nguyên, môi trường còn bất cập. Đời sống của một bộ phận nhân dân, nhất là ở vùng sâu, vùng xa còn nhiều khó khăn. Tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên và tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí chưa bị đẩy lùi. Tội phạm và tệ nạn xã hội còn diễn biến phức tạp; đạo đức xã hội có mặt xuống cấp nghiêm trọng. Dân chủ xã hội chủ nghĩa và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc chưa được phát huy đầy đủ; kỷ cương, kỷ luật chưa nghiêm. Một số mặt công tác xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội chuyển biến chậm. Công tác dự báo, hoạch định và lãnh đạo tổ chức thực hiện chính sách của Đảng, Nhà nước, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, quản lý phát triển xã hội còn nhiều bất cập. Hội nhập quốc tế có mặt chưa chủ động, hiệu quả chưa cao.

Những hạn chế, khuyết điểm nêu trên có nguyên nhân khách quan là do tác động của cuộc khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu; thiên tai, dịch bệnh; những diễn biến mới rất phức tạp của tình hình thế giới và khu vực, tình hình căng thẳng do tranh chấp chủ quyền trên Biển Đông; sự chống phá của các thế lực thù địch. Song trực tiếp và quyết định nhất là *nguyên nhân chủ quan*: Cuối nhiệm kỳ khóa X, kinh tế vẫn trên đà tăng trưởng, song một số khó khăn, hạn chế và những yếu kém vốn có của nền kinh tế đã bộc lộ, nhưng do chưa đánh giá và dự báo đầy đủ, nên Đại hội XI đề ra một số chỉ tiêu, nhiệm vụ khá cao. Công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận chưa giải đáp được kịp thời một số vấn đề đặt ra trong quá trình đổi mới. Nhiều hạn chế, yếu kém trong công tác lãnh đạo, quản lý, điều hành của cấp ủy, chính quyền các cấp, của đội ngũ cán bộ, đảng viên ở một số nơi chậm được khắc phục; chưa chú trọng đúng mức tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ doanh nghiệp khi tập trung thực hiện chủ trương kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô; chưa quyết liệt trong việc chỉ đạo thực hiện một số chủ trương, quan điểm phát triển đã được nêu trong Nghị quyết Đại hội XI về cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng và các đột phá chiến lược, chưa tạo được cơ chế, chính sách có tính đột phá để huy động mọi nguồn lực cho phát triển. Năng lực dự báo còn hạn chế, cho nên một số chủ trương, chính sách, giải pháp đề ra chưa phù hợp.

Sau 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội XI của Đảng, rút ra *một số kinh nghiệm* sau:

Một, trước những khó khăn, thách thức trên con đường đổi mới, phải hết sức chú trọng công tác xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh; phải

phát huy dân chủ, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc; tạo sự nhất trí trong Đảng và đồng thuận xã hội; tăng cường mối quan hệ mật thiết với nhân dân; có quyết tâm chính trị cao với những biện pháp thiết thực, mạnh mẽ, đồng bộ, kiên quyết phòng, chống suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức; chú trọng đổi mới công tác tổ chức - cán bộ, công tác kiểm tra, giám sát, đẩy mạnh phòng, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí; phòng, chống “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ; đồng thời kiên quyết đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch.

Hai, nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật, bám sát thực tiễn của đất nước và thế giới; đồng thời nắm bắt, dự báo những diễn biến mới để kịp thời xác định, điều chỉnh một số chủ trương, nhiệm vụ, giải pháp cho phù hợp. Phải coi trọng tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận; chỉ đạo quyết liệt, kiên trì, sáng tạo để tổ chức thực hiện thắng lợi những chủ trương đúng đắn của Đảng và Nhà nước.

Ba, gắn kết chặt chẽ và triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, trong đó: Phát triển kinh tế - xã hội là trung tâm; xây dựng Đảng là then chốt; phát triển văn hóa - nền tảng tinh thần của xã hội; bảo đảm quốc phòng và an ninh là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên.

Bốn, kiên trì thực hiện các mục tiêu lâu dài, các nhiệm vụ cơ bản, đồng thời tập trung các nguồn lực thực hiện hiệu quả những nhiệm vụ cấp bách, trước mắt, giải quyết dứt điểm những yếu kém, ách tắc, tạo đột phá để giữ vững và đẩy nhanh nhịp độ phát triển; chú trọng ổn định kinh tế vĩ mô và cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao phúc lợi xã hội; phát huy mọi nguồn lực trong

và ngoài nước đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Năm, chủ động, tích cực hội nhập quốc tế trên cơ sở giữ vững độc lập, tự chủ, lấy lợi ích quốc gia - dân tộc làm mục tiêu cao nhất, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

2. Nhìn lại 30 năm đổi mới (1986 - 2016)

Ba mươi năm đổi mới là một giai đoạn lịch sử quan trọng trong sự nghiệp phát triển của nước ta, đánh dấu sự trưởng thành về mọi mặt của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta. Đổi mới mang tầm vóc và ý nghĩa cách mạng, là quá trình cải biến sâu sắc, toàn diện, triệt để, là sự nghiệp cách mạng to lớn của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

Nhìn tổng thể, qua 30 năm đổi mới, đất nước ta đã đạt được ***những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử*** trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Đồng thời cũng còn nhiều vấn đề lớn, phức tạp, ***những hạn chế, yếu kém*** cần phải tập trung giải quyết, khắc phục để đưa đất nước phát triển nhanh và bền vững.

Đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội và tình trạng kém phát triển, trở thành nước đang phát triển có thu nhập trung bình, đang đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Kinh tế tăng trưởng khá, nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa từng bước hình thành, phát triển. Chính trị - xã hội ổn định; quốc phòng, an ninh được tăng cường. Văn hóa - xã hội có bước phát triển; bộ mặt đất nước và đời sống của nhân dân có nhiều thay đổi. Dân chủ xã hội chủ nghĩa được phát huy và ngày càng mở rộng. Đại đoàn kết toàn dân tộc được củng cố và tăng cường.

Công tác xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước pháp quyền và cả hệ thống chính trị được đẩy mạnh. Sức mạnh về mọi mặt của đất nước được nâng lên; kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ và chế độ xã hội chủ nghĩa. Quan hệ đối ngoại ngày càng mở rộng và đi vào chiều sâu; vị thế và uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế được nâng cao.

Những thành tựu đó *tạo tiền đề, nền tảng quan trọng* để nước ta tiếp tục đổi mới và phát triển mạnh mẽ trong những năm tới; khẳng định đường lối đổi mới của Đảng là đúng đắn, sáng tạo; con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của nước ta là *phù hợp với thực tiễn của Việt Nam và xu thế phát triển của lịch sử*.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đạt được, chúng ta còn nhiều *hạn chế, khuyết điểm*:

Công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận còn bất cập, chưa làm rõ được một số vấn đề đặt ra trong quá trình đổi mới để định hướng trong thực tiễn, cung cấp cơ sở khoa học cho hoạch định đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước. Lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội còn một số vấn đề cần phải qua tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận để tiếp tục làm rõ.

Kinh tế phát triển chưa bền vững, chưa tương xứng với tiềm năng, yêu cầu và thực tế nguồn lực được huy động. Trong 10 năm gần đây, kinh tế vĩ mô có lúc thiếu ổn định, tốc độ tăng trưởng kinh tế suy giảm, phục hồi chậm. Chất lượng, hiệu quả, năng suất lao động xã hội và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế còn thấp. Phát triển thiếu bền vững cả về kinh tế, văn hóa, xã hội và môi trường. Nhiều vấn đề bức xúc nảy sinh, nhất là các vấn đề xã hội và quản lý xã hội chưa được nhận thức đầy đủ và giải quyết có hiệu quả; còn tiềm ẩn

những nhân tố và nguy cơ mất ổn định xã hội. Trên một số mặt, một số lĩnh vực, một bộ phận nhân dân chưa được thụ hưởng đầy đủ, công bằng thành quả của công cuộc đổi mới. Đổi mới chính trị chưa đồng bộ với đổi mới kinh tế; năng lực và hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị chưa ngang tầm nhiệm vụ.

Việc tạo nền tảng để cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại không đạt được mục tiêu đề ra.

Bốn nguy cơ mà Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII của Đảng (năm 1994) nêu lên vẫn tồn tại, có mặt diễn biến phức tạp, như tham nhũng, lãng phí, “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch với những thủ đoạn mới, nhất là triệt để sử dụng các phương tiện truyền thông trên mạng Internet để chống phá ta và những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ. Niềm tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân vào Đảng, chế độ có mặt bị giảm sút.

Những hạn chế, khuyết điểm trên đây đòi hỏi toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta phải nỗ lực phấn đấu không ngừng để khắc phục, tiếp tục đưa đất nước phát triển nhanh, bền vững theo con đường xã hội chủ nghĩa.

Nhìn lại 30 năm đổi mới, từ những thành tựu cũng như những hạn chế, khuyết điểm, rút ra **một số bài học** sau:

Một là, trong quá trình đổi mới phải chủ động, không ngừng sáng tạo trên cơ sở kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kế thừa và phát huy truyền thống dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, vận dụng kinh nghiệm quốc tế phù hợp với Việt Nam.

Hai là, đổi mới phải luôn luôn quán triệt quan điểm “dân là gốc”, vì lợi ích của nhân dân, dựa vào nhân dân, phát huy vai trò làm chủ, tinh thần trách nhiệm, sức sáng

tạo và mọi nguồn lực của nhân dân; phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc.

Ba là, đổi mới phải toàn diện, đồng bộ, có bước đi phù hợp; tôn trọng quy luật khách quan, xuất phát từ thực tiễn, bám sát thực tiễn, coi trọng tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận, tập trung giải quyết kịp thời, hiệu quả những vấn đề do thực tiễn đặt ra.

Bốn là, phải đặt lợi ích quốc gia - dân tộc lên trên hết; kiên định độc lập, tự chủ, đồng thời chủ động và tích cực hội nhập quốc tế trên cơ sở bình đẳng, cùng có lợi; kết hợp phát huy sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại để xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Năm là, phải thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng; xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là đội ngũ cán bộ cấp chiến lược, đủ năng lực và phẩm chất, ngang tầm nhiệm vụ; nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và của cả hệ thống chính trị; tăng cường mối quan hệ mật thiết với nhân dân.

II- MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ TỔNG QUÁT PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC 5 NĂM 2016 - 2020

1. Dự báo tình hình thế giới và đất nước những năm sắp tới

Trên thế giới, trong những năm tới tình hình sẽ còn nhiều diễn biến rất phức tạp, nhưng hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn. Quá trình toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế tiếp tục được đẩy mạnh. Hợp tác, cạnh tranh, đấu tranh và sự tùy thuộc lẫn nhau giữa các

nước, nhất là giữa các nước lớn ngày càng tăng. Cuộc cách mạng khoa học - công nghệ, đặc biệt là công nghệ thông tin tiếp tục phát triển mạnh mẽ, thúc đẩy sự phát triển nhảy vọt trên nhiều lĩnh vực, tạo ra cả thời cơ và thách thức đối với mọi quốc gia.

Tình hình chính trị - an ninh thế giới thay đổi nhanh chóng, diễn biến rất phức tạp, khó lường; tình trạng xâm phạm chủ quyền quốc gia, tranh chấp lãnh thổ và tài nguyên, xung đột sắc tộc, tôn giáo, can thiệp lật đổ, khủng bố, chiến tranh cục bộ, chiến tranh mạng,... tiếp tục diễn ra gay gắt ở nhiều khu vực.

Cục diện thế giới theo xu hướng đa cực, đa trung tâm diễn ra nhanh hơn. Các nước lớn điều chỉnh chiến lược, vừa hợp tác, thỏa hiệp, vừa cạnh tranh, đấu tranh, kiềm chế lẫn nhau, tác động mạnh đến cục diện thế giới và các khu vực. Những biểu hiện của chủ nghĩa dân tộc cực đoan, chủ nghĩa cường quyền áp đặt, chủ nghĩa thực dụng ngày càng nổi lên trong quan hệ quốc tế. Các thể chế đa phương đứng trước những thách thức lớn. Các nước đang phát triển, nhất là những nước vừa và nhỏ đang đứng trước những cơ hội và khó khăn, thách thức lớn trên con đường phát triển. Trong bối cảnh đó, tập hợp lực lượng, liên kết, cạnh tranh, đấu tranh giữa các nước trên thế giới và khu vực vì lợi ích của từng quốc gia tiếp tục diễn ra rất phức tạp.

Những vấn đề toàn cầu như an ninh tài chính, an ninh năng lượng, an ninh nguồn nước, an ninh lương thực, biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh có nhiều diễn biến phức tạp. Cộng đồng quốc tế phải đối phó ngày càng quyết liệt hơn với các thách thức an ninh truyền thống, phi truyền thống, đặc biệt là an ninh mạng và các hình thái chiến tranh kiểu mới.

Kinh tế thế giới phục hồi chậm, gặp nhiều khó khăn, thách thức và còn có nhiều biến động khó lường. Các quốc gia tham gia ngày càng sâu vào mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu. Biến động của giá cả thế giới, sự bất ổn về tài chính, tiền tệ và vấn đề nợ công tiếp tục gây ra những hiệu ứng bất lợi đối với nền kinh tế thế giới. Tương quan sức mạnh kinh tế giữa các quốc gia, khu vực đang có nhiều thay đổi. Hầu hết các nước trên thế giới đều điều chỉnh chiến lược, cơ cấu lại nền kinh tế, đổi mới thể chế kinh tế, ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ để phát triển. Cạnh tranh kinh tế, thương mại, tranh giành các nguồn tài nguyên, thị trường, công nghệ, nhân lực chất lượng cao giữa các nước ngày càng gay gắt. Xuất hiện nhiều hình thức liên kết kinh tế mới, các định chế tài chính quốc tế, khu vực, các hiệp định kinh tế song phương, đa phương thế hệ mới.

Châu Á - Thái Bình Dương, trong đó có khu vực Đông Nam Á, tiếp tục là trung tâm phát triển năng động, có vị trí địa kinh tế - chính trị chiến lược ngày càng quan trọng trên thế giới. Đồng thời, đây cũng là khu vực cạnh tranh chiến lược giữa một số nước lớn, có nhiều nhân tố bất ổn. Tranh chấp lãnh thổ, chủ quyền biển, đảo trong khu vực và trên Biển Đông tiếp tục diễn ra gay gắt, phức tạp. ASEAN trở thành Cộng đồng, tiếp tục phát huy vai trò quan trọng trong duy trì hòa bình, ổn định, thúc đẩy hợp tác, liên kết kinh tế trong khu vực, nhưng cũng đứng trước nhiều khó khăn, thách thức cả bên trong và bên ngoài.

Ở trong nước, thế và lực, sức mạnh tổng hợp của đất nước tăng lên, uy tín quốc tế của đất nước ngày càng được nâng cao, tạo ra những tiền đề quan trọng để thực hiện nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Năm năm tới là thời kỳ Việt Nam thực hiện đầy đủ các cam kết trong Cộng đồng ASEAN và WTO, tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới, hội nhập quốc tế với tầm mức sâu rộng hơn nhiều so với giai đoạn trước, đòi hỏi Đảng, Nhà nước và nhân dân ta phải nỗ lực rất cao để tận dụng thời cơ, vượt qua những thách thức lớn trong quá trình hội nhập.

Kinh tế từng bước ra khỏi tình trạng suy giảm, lấy lại đà tăng trưởng, nhưng vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức. Kinh tế vĩ mô ổn định chưa vững chắc; nợ công tăng nhanh, nợ xấu đang giảm dần nhưng còn ở mức cao, năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh kinh tế thấp.

Bốn nguy cơ mà Đảng ta đã chỉ ra vẫn tồn tại, nhất là nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế so với các nước trong khu vực và trên thế giới, nguy cơ “diễn biến hòa bình” của thế lực thù địch nhằm chống phá nước ta; tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong một bộ phận cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí diễn biến phức tạp; khoảng cách giàu - nghèo, phân hóa xã hội ngày càng tăng, đạo đức xã hội có mặt xuống cấp đáng lo ngại, làm giảm lòng tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân vào Đảng và Nhà nước. Bảo vệ chủ quyền biển, đảo đứng trước nhiều khó khăn, thách thức lớn. Tình hình chính trị - xã hội ở một số địa bàn còn tiềm ẩn nguy cơ mất ổn định.

Tình hình thế giới và trong nước có cả thuận lợi, thời cơ và khó khăn, thách thức đan xen; đặt ra nhiều vấn đề mới, yêu cầu mới to lớn, phức tạp hơn đối với sự nghiệp đổi mới, phát triển đất nước và bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, đòi hỏi Đảng, Nhà nước và nhân dân ta phải quyết tâm, nỗ lực phấn đấu mạnh mẽ hơn.

2. Mục tiêu và nhiệm vụ tổng quát phát triển đất nước trong 5 năm tới

Kế thừa và phát huy những thành tựu, bài học kinh nghiệm của 30 năm đổi mới, nhất là 5 năm gần đây, tiếp tục thực hiện có kết quả các phương hướng, nhiệm vụ đúng đắn đã được đề ra trong các nghị quyết của Đảng, đồng thời đổi mới mạnh mẽ, toàn diện và đồng bộ, có bước đi phù hợp trên các lĩnh vực, nhất là giữa kinh tế và chính trị. Tiếp tục đổi mới tư duy, hoàn thiện các cơ chế, chính sách, tháo gỡ kịp thời những khó khăn, vướng mắc nhằm khơi dậy mọi tiềm năng và nguồn lực của đất nước, tạo động lực mới cho sự phát triển nhanh và bền vững. Nhận thức đúng và xử lý tốt các nhân tố tạo thành *động lực tổng hợp để đổi mới và hội nhập*: kết hợp hài hòa các lợi ích; phát huy lòng yêu nước, tinh thần dân tộc; phát huy dân chủ, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc; phát huy nhân tố con người; vai trò của khoa học - công nghệ;...

Mục tiêu tổng quát:

Tăng cường xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh. Phát huy sức mạnh toàn dân tộc và dân chủ xã hội chủ nghĩa. Đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới; phát triển kinh tế nhanh, bền vững, *phấn đấu sớm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại*. Nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa. Giữ gìn hòa bình, ổn định, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế để phát triển đất nước. Nâng cao vị thế và uy tín của Việt Nam trong khu vực và trên thế giới.

Nhiệm vụ tổng quát:

(1) Phát triển kinh tế nhanh và bền vững; tăng trưởng kinh tế cao hơn 5 năm trước trên cơ sở giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế; đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, chú trọng công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới; phát triển kinh tế tri thức, nâng cao trình độ khoa học, công nghệ của các ngành, lĩnh vực; nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế; xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, tham gia có hiệu quả vào mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu.

(2) Tiếp tục hoàn thiện thể chế, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; nâng cao hiệu lực, hiệu quả, kỷ luật, kỷ cương, công khai, minh bạch trong quản lý kinh tế, năng lực quản lý của Nhà nước và năng lực quản trị doanh nghiệp.

(3) Đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục, đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; đẩy mạnh nghiên cứu, phát triển, ứng dụng khoa học, công nghệ; phát huy vai trò quốc sách hàng đầu của giáo dục, đào tạo và khoa học, công nghệ đối với sự nghiệp đổi mới và phát triển đất nước.

(4) Xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, con người Việt Nam phát triển toàn diện đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước và bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

(5) Quản lý tốt sự phát triển xã hội; bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao phúc lợi xã hội; thực hiện tốt chính sách với người có công; nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe nhân dân, chất lượng dân số, chất lượng cuộc sống của nhân dân; thực hiện tốt chính sách lao động, việc làm, thu nhập; xây dựng môi trường sống lành mạnh, văn minh, an toàn.

(6) Khai thác, sử dụng và quản lý hiệu quả tài nguyên thiên nhiên; bảo vệ môi trường; chủ động phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu.

(7) Kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa; giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội. củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh. Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, nền an ninh nhân dân vững chắc; xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, ưu tiên hiện đại hóa một số quân chủng, binh chủng, lực lượng.

(8) Thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, tạo điều kiện thuận lợi cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; nâng cao vị thế, uy tín của Việt Nam trong khu vực và trên thế giới.

(9) Hoàn thiện, phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa và quyền làm chủ của nhân dân; không ngừng củng cố, phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc; tăng cường sự đồng thuận xã hội; tiếp tục đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân.

(10) Tiếp tục hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, xây dựng bộ máy nhà nước tinh gọn, trong sạch, vững mạnh; hoàn thiện hệ thống pháp luật, đẩy mạnh cải cách hành chính, cải cách tư pháp, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có phẩm chất, năng lực đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ; phát huy dân chủ, tăng cường trách nhiệm, kỷ

luật, kỷ cương; đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu, tệ nạn xã hội và tội phạm.

(11) Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo, tăng cường bản chất giai cấp công nhân và tính tiên phong, sức chiến đấu, phát huy truyền thống đoàn kết, thống nhất của Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ. Đổi mới mạnh mẽ công tác cán bộ, coi trọng công tác bảo vệ Đảng, bảo vệ chính trị nội bộ; tăng cường và nâng cao chất lượng công tác tư tưởng, lý luận, công tác kiểm tra, giám sát và công tác dân vận của Đảng; tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng.

(12) Tiếp tục quán triệt và xử lý tốt các quan hệ lớn: quan hệ giữa đổi mới, ổn định và phát triển; giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị; giữa tuân theo các quy luật thị trường và bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa; giữa phát triển lực lượng sản xuất và xây dựng, hoàn thiện từng bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa; giữa Nhà nước và thị trường; giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; giữa xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa; giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế; giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ;...

Các chỉ tiêu chủ yếu:

a) Về kinh tế

Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân 5 năm đạt 6,5 - 7%/năm. Đến năm 2020, GDP bình quân đầu người khoảng 3.200 - 3.500USD; tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ trong GDP khoảng 85%; tổng vốn đầu tư toàn xã hội bình quân 5 năm

bằng khoảng 32 - 34% GDP; bội chi ngân sách nhà nước còn khoảng 4% GDP. Năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) đóng góp vào tăng trưởng khoảng 30 - 35%; năng suất lao động xã hội bình quân tăng khoảng 5%/năm; tiêu hao năng lượng tính trên GDP bình quân giảm 1 - 1,5%/năm. Tỷ lệ đô thị hóa đến năm 2020 đạt 38 - 40%.

b) Về xã hội

Đến năm 2020, tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội khoảng 40%; tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt khoảng 65 - 70%, trong đó có bằng cấp, chứng chỉ đạt 25%; tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị dưới 4%; có 9 - 10 bác sĩ và trên 26,5 giường bệnh trên 1 vạn dân; tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đạt trên 80% dân số; tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân khoảng 1,0 - 1,5%/năm.

c) Về môi trường

Đến năm 2020, 95% dân cư thành thị, 90% dân cư nông thôn được sử dụng nước sạch, hợp vệ sinh và 85% chất thải nguy hại, 95 - 100% chất thải y tế được xử lý; tỷ lệ che phủ rừng đạt 42%.

III- ĐỔI MỚI MÔ HÌNH TĂNG TRƯỞNG, CƠ CẤU LẠI NỀN KINH TẾ; ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA ĐẤT NƯỚC

1. Tình hình

Mô hình tăng trưởng từ chủ yếu theo chiều rộng đã bước đầu có sự chuyển biến sang kết hợp giữa chiều rộng và chiều sâu; đã hình thành những mô hình mới và cách làm mới, sáng tạo. Với việc cơ cấu lại nền kinh tế và thực hiện ba đột phá chiến lược, nhất là trên một số lĩnh vực

trọng tâm, năng suất, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế có bước cải thiện; bảo đảm hài hòa hơn giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ tài nguyên và môi trường.

Hiệu quả đầu tư xã hội, đầu tư công từng bước được cải thiện, tình trạng đầu tư dàn trải bước đầu được hạn chế. Hệ thống các tổ chức tài chính - tín dụng được cơ cấu lại một bước, không để xảy ra tình trạng đổ vỡ, mất an toàn hệ thống. Doanh nghiệp nhà nước đang được sắp xếp, đổi mới theo hướng tập trung vào ngành chính, đẩy mạnh cổ phần hóa, triển khai thực hiện mô hình quản trị doanh nghiệp hiện đại, nâng cao tính công khai, minh bạch và hiệu quả hoạt động.

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa tiếp tục được đẩy mạnh, đạt một số thành quả. Công nghệ sản xuất công nghiệp đã có bước thay đổi về trình độ theo hướng hiện đại. Tỷ trọng công nghiệp chế tạo, chế biến trong giá trị sản xuất công nghiệp tăng, tỷ trọng công nghiệp khai thác giảm dần. Khu vực thương mại, dịch vụ tăng trưởng khá; cơ cấu xuất khẩu chuyển dịch phù hợp với tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Công nghiệp hóa nông nghiệp, nông thôn có chuyển biến; nông nghiệp phát triển toàn diện hơn theo hướng khai thác những lợi thế của nền nông nghiệp nhiệt đới; ứng dụng khoa học - công nghệ và mức độ cơ giới hóa được nâng lên; xây dựng nông thôn mới có nhiều tiến bộ. Cơ cấu kinh tế vùng được quan tâm, có sự chuyển dịch theo hướng phát huy tiềm năng, lợi thế của từng vùng và thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các vùng, địa phương. Cơ cấu lao động có sự chuyển dịch tích cực; chất lượng nguồn nhân lực bước đầu được cải thiện. Đội ngũ doanh nhân tuy còn gặp nhiều khó khăn nhưng đã có những đóng góp quan trọng vào phát triển kinh tế - xã hội. Hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội có bước phát triển; quá trình đô

thị hóa diễn ra khá nhanh. Hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng trên nhiều cấp độ, góp phần thúc đẩy quá trình tham gia vào mạng sản xuất, chuỗi giá trị toàn cầu, nâng cao giá trị gia tăng của nền kinh tế.

Những kết quả đạt được nêu trên trước hết là do Nhà nước, hệ thống chính trị và toàn dân ta đã có nhiều cố gắng trong triển khai thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng về đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế; ban hành nhiều cơ chế, chính sách, giải pháp để thực hiện Nghị quyết Đại hội XI và các nghị quyết của Trung ương phù hợp với tình hình mới.

Tuy nhiên, nền kinh tế vẫn chủ yếu phát triển theo chiều rộng, tăng trưởng kinh tế còn phụ thuộc nhiều vào các yếu tố về vốn, tài nguyên, lao động trình độ thấp, chưa dựa nhiều vào tri thức, khoa học và công nghệ, lao động có kỹ năng. Năng suất lao động chậm được cải thiện, thấp hơn nhiều so với một số nước trong khu vực. Đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế còn thấp. Chưa phát huy được lợi thế so sánh và tận dụng các cam kết hội nhập quốc tế để nâng cao chất lượng tăng trưởng, phát triển bền vững.

Nợ xấu đang giảm dần nhưng còn ở mức cao, nợ công tăng nhanh. Tình trạng đầu tư công dàn trải, thất thoát, lãng phí chậm được khắc phục. Việc xây dựng và thực hiện đề án cơ cấu lại tổng thể nền kinh tế thiếu đồng bộ, chưa thật sự gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, kết quả còn hạn chế. Thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa còn chậm, chưa gắn với phát triển kinh tế tri thức. Quy hoạch phát triển các ngành công nghiệp nền tảng và công nghiệp hỗ trợ chưa có định hướng chiến lược rõ ràng, hiệu quả thấp. Hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội còn nhiều

hạn chế, yếu kém, lạc hậu và thiếu tính kết nối. Phát triển đô thị thiếu đồng bộ, chất lượng thấp. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới còn chậm. Các ngành dịch vụ chất lượng cao chậm phát triển. Kinh tế biển phát triển chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế của đất nước. Sự phát triển giữa các địa phương trong vùng và giữa các vùng còn thiếu liên kết và phối hợp; không gian kinh tế còn bị chia cắt bởi địa giới hành chính. Chất lượng nguồn nhân lực thấp, chuyển dịch cơ cấu lao động chưa tương ứng với chuyển dịch cơ cấu sản xuất.

Những hạn chế, yếu kém nêu trên chủ yếu là do nhận thức, nhất là nhận thức về đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế và công nghiệp hóa, hiện đại hóa chưa đầy đủ; thể chế hóa và tổ chức thực hiện còn chậm, thiếu hệ thống và đồng bộ. Chưa có đột phá về thể chế để huy động, phân bổ và sử dụng có hiệu quả nguồn lực phát triển theo cơ chế thị trường. Chưa xác định rõ những ngành, lĩnh vực trọng tâm, trọng điểm cần ưu tiên trong chính sách công nghiệp quốc gia cho từng giai đoạn; thiếu gắn kết chặt chẽ, đồng bộ giữa công nghiệp hóa, hiện đại hóa với đô thị hóa, giữa phát triển nông nghiệp và kinh tế nông thôn với xây dựng nông thôn mới. Chưa nhận thức đầy đủ và xử lý tốt quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, xây dựng con người, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ tài nguyên và môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu. Chưa chuẩn bị thật tốt các điều kiện cần thiết và tận dụng thời cơ để hội nhập quốc tế có hiệu quả; có lúc, có việc chưa gắn chặt với đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ.

2. Phương hướng, nhiệm vụ

Định hướng đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế

Mô hình tăng trưởng trong thời gian tới kết hợp có hiệu quả phát triển chiều rộng với chiều sâu, chú trọng phát triển chiều sâu, nâng cao chất lượng tăng trưởng và sức cạnh tranh trên cơ sở nâng cao năng suất lao động, ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ, đổi mới và sáng tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phát huy lợi thế so sánh và chủ động hội nhập quốc tế, phát triển nhanh và bền vững (hướng tới các mục tiêu phát triển bền vững đến năm 2030 của Liên hợp quốc); giải quyết hài hòa giữa mục tiêu trước mắt và lâu dài, giữa phát triển kinh tế với bảo đảm quốc phòng, an ninh, giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân.

Đổi mới mô hình tăng trưởng chuyển mạnh từ chủ yếu dựa vào xuất khẩu và vốn đầu tư sang phát triển đồng thời dựa cả vào vốn đầu tư, xuất khẩu và thị trường trong nước. Phát huy vai trò quyết định của nội lực, đồng thời thu hút, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực bên ngoài; phát huy đầy đủ, đúng đắn vai trò của doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp FDI và khu vực sản xuất nông nghiệp.

Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo để nâng cao năng suất lao động, thúc đẩy nghiên cứu và triển khai (R&D), nhập khẩu công nghệ mới; thực hiện phương thức quản lý, quản trị hiện đại; phát huy tiềm năng con người và khuyến khích tinh thần sản xuất kinh doanh của mọi người để chủ động khai thác triệt để lợi thế cạnh tranh, nâng cao giá trị gia tăng, tăng

nhANH GIÁ TRỊ QUỐC GIA và tham gia có hiệu quả vào chuỗi giá trị toàn cầu.

Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện cơ cấu lại đồng bộ, tổng thể nền kinh tế và các ngành, các lĩnh vực gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, tập trung vào các lĩnh vực quan trọng: cơ cấu lại đầu tư với trọng tâm là đầu tư công; cơ cấu lại thị trường tài chính với trọng tâm là hệ thống ngân hàng thương mại và các tổ chức tài chính, từng bước cơ cấu lại ngân sách nhà nước; cơ cấu lại và giải quyết có kết quả vấn đề nợ xấu, bảo đảm an toàn nợ công; cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước với trọng tâm là các tập đoàn, tổng công ty nhà nước; cơ cấu lại nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, gắn với phát triển kinh tế nông thôn và xây dựng nông thôn mới. Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện ba đột phá chiến lược, nhất là đột phá về thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, nhằm giải phóng mạnh mẽ sức sản xuất, huy động, phân bổ, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực.

Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phấn đấu sớm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại

Xác định *hệ tiêu chí nước công nghiệp* theo hướng hiện đại. Chú trọng những tiêu chí phản ánh trình độ phát triển của nền kinh tế (GDP bình quân đầu người, tỷ trọng giá trị gia tăng công nghiệp chế tạo, tỷ trọng nông nghiệp, tỷ lệ đô thị hóa, điện bình quân đầu người,...); những tiêu chí phản ánh trình độ phát triển về mặt xã hội (chỉ số phát triển con người, tuổi thọ bình quân, chỉ số bất bình đẳng trong phân phối thu nhập, số bác sĩ trên 1 vạn dân, tỷ lệ lao động qua đào tạo,...); và những tiêu chí phản ánh trình độ phát triển về môi trường

(tỷ lệ dân số sử dụng nước sạch, độ che phủ rừng, tỷ lệ giảm mức phát thải khí nhà kính,...).

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong giai đoạn tới là tiếp tục đẩy mạnh thực hiện mô hình công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế gắn với phát triển kinh tế tri thức, lấy khoa học, công nghệ, tri thức và nguồn nhân lực chất lượng cao làm động lực chủ yếu; huy động và phân bổ có hiệu quả mọi nguồn lực phát triển. Xây dựng cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động hợp lý, phát huy lợi thế so sánh, có năng suất lao động và năng lực cạnh tranh cao, tham gia sâu rộng vào mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu; có văn minh công nghiệp chiếm ưu thế trong sản xuất và đời sống xã hội; phát triển nhanh và bền vững phù hợp với điều kiện của từng giai đoạn.

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước tiến hành qua ba bước: tạo tiền đề, điều kiện để công nghiệp hóa, hiện đại hóa; đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa; và nâng cao chất lượng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Trong 5 năm tới, tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, chú trọng công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, phát triển nhanh, bền vững; phấn đấu sớm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

Phát triển công nghiệp

Xây dựng nền công nghiệp và thương hiệu công nghiệp quốc gia với tầm nhìn trung, dài hạn, có lộ trình cho từng giai đoạn phát triển.

Tiếp tục thực hiện tốt chủ trương và có chính sách phù hợp để xây dựng, phát triển các ngành công nghiệp theo hướng hiện đại, tăng hàm lượng khoa học - công nghệ và tỷ trọng giá trị nội địa trong sản phẩm, tập trung vào những

ngành có tính nền tảng, có lợi thế so sánh và có ý nghĩa chiến lược đối với sự phát triển nhanh, bền vững, nâng cao tính độc lập, tự chủ của nền kinh tế; có khả năng tham gia sâu, có hiệu quả vào mạng sản xuất và phân phối toàn cầu.

Phát triển có chọn lọc một số ngành công nghiệp chế tạo, chế biến, công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp sạch, công nghiệp năng lượng, cơ khí, điện tử, hóa chất, công nghiệp xây dựng, xây lắp, công nghiệp quốc phòng, an ninh. Chú trọng phát triển các ngành có lợi thế cạnh tranh; công nghiệp hỗ trợ; công nghiệp phục vụ nông nghiệp, nông thôn; năng lượng sạch, năng lượng tái tạo và sản xuất vật liệu mới; từng bước phát triển công nghệ sinh học, công nghiệp môi trường và công nghiệp văn hóa. Tiếp tục phát triển hợp lý một số ngành công nghiệp sử dụng nhiều lao động.

Phân bố công nghiệp hợp lý hơn trên toàn lãnh thổ; nâng cao hiệu quả các khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất; sớm đưa một số khu công nghiệp công nghệ cao vào hoạt động.

Phát triển nông nghiệp và kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới

Xây dựng nền nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa lớn, ứng dụng công nghệ cao, nâng cao chất lượng sản phẩm, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm; nâng cao giá trị gia tăng, đẩy mạnh xuất khẩu.

Đẩy nhanh cơ cấu lại ngành nông nghiệp, xây dựng nền nông nghiệp sinh thái phát triển toàn diện cả về nông, lâm, ngư nghiệp theo hướng hiện đại, bền vững, trên cơ sở phát huy lợi thế so sánh và tổ chức lại sản xuất, thúc đẩy ứng dụng sâu rộng khoa học - công nghệ, nhất là công nghệ sinh học, công nghệ thông tin vào sản xuất, quản lý nông nghiệp

và đẩy nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn để tăng năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh, bảo đảm vững chắc an ninh lương thực quốc gia cả trước mắt và lâu dài; nâng cao thu nhập và đời sống của nông dân. Chú trọng đầu tư vùng trọng điểm sản xuất nông nghiệp. Có chính sách phù hợp để tích tụ, tập trung ruộng đất, thu hút mạnh các nguồn lực đầu tư phát triển nông nghiệp; từng bước hình thành các tổ hợp nông nghiệp - công nghiệp - dịch vụ công nghệ cao. Chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới và quá trình đô thị hóa một cách hợp lý, nâng cao chất lượng dịch vụ và kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, thu hẹp khoảng cách về phát triển giữa đô thị và nông thôn, tăng cường kết nối nông thôn - đô thị, phối hợp các chương trình phát triển nông nghiệp, nông thôn với phát triển công nghiệp, dịch vụ và đô thị. Phát huy vai trò chủ thể của hộ nông dân và kinh tế hộ; xác định vai trò hạt nhân của doanh nghiệp trong nông nghiệp, đẩy mạnh sắp xếp, đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp nông, lâm, ngư nghiệp nhà nước; phát triển hợp tác xã kiểu mới và các hình thức hợp tác, liên kết đa dạng; hình thành các vùng nguyên liệu gắn với chế biến và tiêu thụ.

Phát triển khu vực dịch vụ

Đẩy mạnh phát triển khu vực dịch vụ theo hướng hiện đại, đạt tốc độ tăng trưởng cao hơn các khu vực sản xuất và cao hơn tốc độ tăng trưởng của cả nền kinh tế. Tập trung phát triển một số ngành dịch vụ có lợi thế, có hàm lượng tri thức và công nghệ cao như: du lịch, hàng hải, dịch vụ kỹ thuật dầu khí, hàng không, viễn thông, công nghệ thông tin. Hiện đại hóa và mở rộng các dịch vụ có giá trị gia tăng cao

như tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán, logistics và các dịch vụ hỗ trợ sản xuất kinh doanh khác. Đổi mới và hoàn thiện cơ chế, chính sách giá dịch vụ giáo dục - đào tạo, y tế; phát triển dịch vụ giáo dục - đào tạo, y tế chất lượng cao, dịch vụ khoa học và công nghệ, văn hóa, thông tin, thể thao, dịch vụ việc làm. Hình thành một số trung tâm dịch vụ, du lịch tầm cỡ khu vực và quốc tế. Chủ động phát triển mạnh hệ thống phân phối bán buôn, bán lẻ trong nước, tham gia vào mạng phân phối toàn cầu.

Phát triển kinh tế biển

Phát triển mạnh kinh tế biển nhằm tăng cường tiềm lực kinh tế quốc gia và bảo vệ chủ quyền biển, đảo. Chú trọng phát triển các ngành công nghiệp dầu khí, đánh bắt xa bờ và hậu cần nghề cá, kinh tế hàng hải (kinh doanh dịch vụ cảng biển, đóng và sửa chữa tàu, vận tải biển), du lịch biển, đảo. Có cơ chế tạo bước đột phá về tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế biển, thu hút mạnh hơn mọi nguồn lực đầu tư để phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, khai thác tài nguyên biển, đảo một cách bền vững. Tập trung đầu tư, nâng cao hiệu quả hoạt động các khu kinh tế ven biển.

Phát triển kinh tế vùng, liên vùng

Thống nhất quản lý tổng hợp chiến lược, quy hoạch phát triển trên quy mô toàn bộ nền kinh tế, vùng và liên vùng. Phát huy tiềm năng, thế mạnh của từng vùng, đồng thời ưu tiên phát triển các vùng kinh tế động lực, tạo sức lôi cuốn, lan tỏa phát triển đến các địa phương trong vùng và đến các vùng khác. Có chính sách hỗ trợ phát triển các vùng còn nhiều khó khăn, nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi và hải đảo; phát triển kinh tế

lâm nghiệp. Đổi mới cơ chế phân cấp, phân quyền, gắn với phân định và nâng cao trách nhiệm của trung ương và địa phương. Thực hiện quy hoạch vùng, chính sách vùng; sớm xây dựng và thể chế hóa cơ chế điều phối liên kết vùng theo hướng xác định rõ vai trò đầu tàu và phân công cụ thể trách nhiệm cho từng địa phương trong vùng. Khắc phục tình trạng nền kinh tế bị chia cắt bởi địa giới hành chính, hoặc đầu tư dàn trải, trùng lặp. Xây dựng một số đặc khu kinh tế để tạo cực tăng trưởng và thử nghiệm thể chế phát triển vùng có tính đột phá.

Phát triển đô thị

Đổi mới cơ chế, chính sách, kiểm soát chặt chẽ quá trình phát triển đô thị theo quy hoạch và kế hoạch. Từng bước hình thành hệ thống đô thị có kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, thân thiện với môi trường, gồm một số đô thị lớn, nhiều đô thị vừa và nhỏ liên kết và phân bố hợp lý trên các vùng; chú trọng phát triển đô thị miền núi, phát triển mạnh các đô thị ven biển. Nâng cao chất lượng, tính đồng bộ và năng lực cạnh tranh của các đô thị; chú trọng phát huy vai trò, giá trị đặc trưng của các đô thị động lực phát triển kinh tế cấp quốc gia và cấp vùng, đô thị di sản, đô thị sinh thái, đô thị du lịch, đô thị khoa học.

Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội

Đẩy mạnh huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực xã hội để tiếp tục tập trung đầu tư hình thành hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội tương đối đồng bộ với một số công trình hiện đại. Ưu tiên và đa dạng hóa hình thức đầu tư cho các lĩnh vực trọng tâm là: Hạ tầng giao thông đồng bộ, có trọng điểm, kết nối giữa các trung tâm kinh tế lớn và giữa các trục giao thông đầu mối; hạ tầng ngành điện bảo

đảm cung cấp đủ điện cho sản xuất và sinh hoạt, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội; hạ tầng thủy lợi đáp ứng yêu cầu phát triển nông nghiệp và ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng; hạ tầng đô thị lớn hiện đại, đồng bộ, từng bước đáp ứng chuẩn mực đô thị xanh của một nước công nghiệp.

IV- HOÀN THIỆN THỂ CHẾ, PHÁT TRIỂN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

1. Tình hình

Thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, nhất là hệ thống luật pháp, cơ chế, chính sách, tiếp tục được hoàn thiện. Vai trò, hiệu quả, sức cạnh tranh của các chủ thể kinh tế, các loại hình doanh nghiệp trong nền kinh tế được nâng lên. Môi trường đầu tư và kinh doanh được cải thiện, bình đẳng và thông thoáng hơn.

Các yếu tố thị trường và các loại thị trường được hình thành đồng bộ hơn, gắn kết với thị trường khu vực và quốc tế. Hầu hết các loại giá được xác lập theo nguyên tắc thị trường; thực hiện cơ chế giá thị trường có sự quản lý của Nhà nước đối với một số loại hàng hóa - dịch vụ thiết yếu.

Vai trò của Nhà nước được điều chỉnh phù hợp hơn với cơ chế thị trường, ngày càng phát huy dân chủ trong đời sống kinh tế - xã hội. Việc huy động và phân bổ các nguồn lực gắn với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội đã từng bước phù hợp với cơ chế thị trường; hạn chế và kiểm soát độc quyền kinh doanh.

Hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng trên nhiều cấp độ, đa dạng về hình thức, từng bước thích ứng với nguyên tắc và chuẩn mực của thị trường toàn cầu. Đã thiết lập được nhiều

quan hệ đối tác chiến lược về kinh tế. Tích cực đóng góp xây dựng Cộng đồng ASEAN; hoàn thiện thị trường trong nước đầy đủ hơn theo cam kết WTO; đàm phán, ký kết và thực hiện nhiều hiệp định thương mại tự do song phương và đa phương thế hệ mới.

Tuy nhiên, hoàn thiện thể chế kinh tế còn chậm, thiếu kiên quyết; hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách chưa hoàn chỉnh và đồng bộ, chất lượng không cao, chưa đáp ứng được yêu cầu đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, thực hiện ba đột phá chiến lược.

Kết quả triển khai, thực thi thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa còn hạn chế, chưa tạo được đột phá lớn trong huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực phát triển. Quyền tự do kinh doanh chưa được tôn trọng đầy đủ; môi trường đầu tư, kinh doanh không thật sự thông thoáng, bảo đảm cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng giữa các doanh nghiệp. Giá cả một số hàng hóa, dịch vụ thiết yếu chưa thật sự tuân theo nguyên tắc thị trường.

Doanh nghiệp nhà nước hoạt động kém hiệu quả, chưa thể hiện được vai trò là lực lượng nòng cốt của kinh tế nhà nước. Hầu hết doanh nghiệp tư nhân quy mô còn nhỏ, thiếu liên kết, khả năng ứng phó với các rủi ro yếu, nhiều doanh nghiệp phải giải thể hoặc ngừng hoạt động. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động chủ yếu trong các ngành sử dụng nhiều lao động, khai thác tài nguyên và còn hạn chế trong chuyển giao công nghệ và trình độ quản lý tiên tiến.

Trình độ phát triển của các loại thị trường thấp, vận hành chưa thật sự đồng bộ, thông suốt, trong đó, thị trường lao động và thị trường dịch vụ công cơ cấu chưa hợp lý; thị trường tài chính - tiền tệ và thị trường bất động sản

tiềm ẩn nhiều rủi ro; thị trường khoa học - công nghệ phát triển chậm.

Hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước chưa cao; kỷ luật, kỷ cương không nghiêm; Nhà nước còn can thiệp trực tiếp, quá lớn trong nền kinh tế. Vẫn còn tình trạng bao cấp, xin - cho trong xây dựng và thực hiện một số cơ chế, chính sách. Sự tham gia giám sát của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân trong hoạt động quản lý nhà nước còn hạn chế.

Hội nhập kinh tế quốc tế chưa kết hợp và phát huy tốt nguồn lực bên ngoài với nguồn lực trong nước để phát triển. Các nỗ lực đổi mới kinh tế trong nước chưa thật sự đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế. Nhiều bộ, ngành, địa phương, hiệp hội, doanh nghiệp thiếu chủ động xây dựng các chương trình, kế hoạch toàn diện, cụ thể, chuẩn bị các điều kiện và năng lực về mọi mặt để khắc phục khó khăn, thách thức, tận dụng cơ hội do hội nhập đem lại.

Việc tự do hóa thương mại, đầu tư trong một số thị trường, lĩnh vực chưa sát hợp với thực tế phát triển của nền kinh tế. Chậm xây dựng hàng rào kỹ thuật cần thiết và hệ thống quản lý thị trường đủ năng lực và hiệu quả để bảo vệ thị trường trong nước, duy trì môi trường cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng, ngăn chặn gian lận thương mại, hàng giả, hàng lậu và hàng độc hại.

Những hạn chế, yếu kém nêu trên chủ yếu là do nhận thức về nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa còn chưa đủ rõ, nhất là về kinh tế nhà nước, doanh nghiệp nhà nước, kinh tế tập thể; về cơ chế phân bổ nguồn lực, sở hữu đất đai, cơ chế giá một số hàng hóa, dịch vụ công thiết yếu. Chưa thật sự phát huy đầy đủ quyền tự do kinh doanh của người dân theo quy định của Hiến pháp, pháp luật. Cơ

chế thực thi và phối kết hợp giữa các bộ, ngành, địa phương trong quán triệt, tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách và pháp luật còn kém hiệu lực, hiệu quả. Cơ chế kiểm tra, giám sát, kiểm soát và xử lý vi phạm còn yếu; năng lực phân tích, dự báo và điều chỉnh chủ trương, cơ chế, chính sách còn hạn chế. Trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội XI, đất nước chịu nhiều tác động tiêu cực của khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu, trong khi đó, trình độ, năng lực nội tại của nền kinh tế và năng lực xây dựng, thực thi thể chế kinh tế còn nhiều bất cập.

2. Phương hướng, nhiệm vụ

Phương hướng, mục tiêu phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

Tiếp tục thống nhất nhận thức về nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nền kinh tế vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật của kinh tế thị trường, đồng thời bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa phù hợp với từng giai đoạn phát triển của đất nước. Đó là nền kinh tế thị trường hiện đại và hội nhập quốc tế; có sự quản lý của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, nhằm mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa Việt Nam có quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất; có nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng của

nền kinh tế; các chủ thể thuộc các thành phần kinh tế bình đẳng, hợp tác và cạnh tranh theo pháp luật; thị trường đóng vai trò chủ yếu trong huy động và phân bổ có hiệu quả các nguồn lực phát triển, là động lực chủ yếu để giải phóng sức sản xuất; các nguồn lực nhà nước được phân bổ theo chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phù hợp với cơ chế thị trường. Nhà nước đóng vai trò định hướng, xây dựng và hoàn thiện thể chế kinh tế, tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng, minh bạch và lành mạnh; sử dụng các công cụ, chính sách và các nguồn lực của Nhà nước để định hướng và điều tiết nền kinh tế, thúc đẩy sản xuất kinh doanh và bảo vệ môi trường; thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội trong từng bước, từng chính sách phát triển. Phát huy vai trò làm chủ của nhân dân trong phát triển kinh tế - xã hội.

Những nhận thức có giá trị định hướng trên đây cần được tiếp tục cụ thể hóa, thể chế hóa phù hợp với từng giai đoạn phát triển trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Đến năm 2020, phấn đấu cơ bản hoàn thiện đồng bộ hệ thống thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa theo các tiêu chuẩn phổ biến của nền kinh tế thị trường hiện đại và hội nhập quốc tế; bảo đảm tính đồng bộ giữa thể chế kinh tế và thể chế chính trị, giữa Nhà nước và thị trường; bảo đảm sự hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, phát triển con người, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, bảo đảm an sinh xã hội, bảo vệ môi trường, phát triển xã hội bền vững; chủ động, tích cực hội nhập kinh tế quốc tế gắn với xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ; bảo đảm tính công khai, minh bạch, tính dự báo được thể hiện trong xây dựng và thực thi thể chế kinh tế, tạo điều kiện ổn định, thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội.

Tiếp tục hoàn thiện thể chế về sở hữu, phát triển các thành phần kinh tế, các loại hình doanh nghiệp

Thể chế hóa quyền tài sản (bao gồm quyền sở hữu, quyền sử dụng, quyền định đoạt và hưởng lợi từ sử dụng tài sản) của Nhà nước, tổ chức và cá nhân đã được quy định trong Hiến pháp năm 2013. Bảo đảm công khai, minh bạch về nghĩa vụ và trách nhiệm trong thủ tục hành chính nhà nước và dịch vụ công để quyền tài sản được giao dịch thông suốt. Bảo đảm quyền quản lý, thu lợi của Nhà nước đối với tài sản công và quyền bình đẳng trong việc tiếp cận, sử dụng tài sản công của mọi chủ thể trong nền kinh tế. Nâng cao năng lực của các thiết chế và hoàn thiện cơ chế giải quyết tranh chấp dân sự, tranh chấp kinh tế trong bảo vệ quyền tài sản.

Mọi doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế đều phải hoạt động theo cơ chế thị trường, bình đẳng và cạnh tranh theo pháp luật. Khuyến khích đẩy mạnh quá trình khởi nghiệp kinh doanh. Có chính sách thúc đẩy phát triển các doanh nghiệp Việt Nam cả về số lượng và chất lượng, thật sự trở thành lực lượng nòng cốt, đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Bảo đảm quyền tự do kinh doanh các lĩnh vực mà luật pháp không cấm; xây dựng, thực thi đồng bộ, hiệu quả cơ chế hậu kiểm, tiếp tục hoàn thiện pháp luật về cạnh tranh, tăng cường tính minh bạch đối với độc quyền nhà nước và độc quyền doanh nghiệp, kiểm soát độc quyền kinh doanh. Hoàn thiện thể chế bảo vệ nhà đầu tư, quyền sở hữu và quyền tài sản. Hoàn thiện pháp luật phá sản doanh nghiệp theo cơ chế thị trường.

Tiếp tục đẩy mạnh cơ cấu lại *doanh nghiệp nhà nước* theo hướng: doanh nghiệp nhà nước tập trung vào những lĩnh vực then chốt, thiết yếu; những địa bàn quan trọng và quốc phòng, an ninh; những lĩnh vực mà doanh nghiệp thuộc các

thành phần kinh tế khác không đầu tư. Đẩy mạnh cổ phần hóa, bán vốn tại những doanh nghiệp mà Nhà nước không cần nắm hoặc không cần giữ cổ phần chi phối, kể cả những doanh nghiệp đang kinh doanh có hiệu quả. Hoàn thiện thể chế định giá đất đai, tài sản hữu hình và tài sản vô hình (tài sản trí tuệ, thương hiệu,...) trong cổ phần hóa theo nguyên tắc thị trường. Tách bạch nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và nhiệm vụ chính trị, công ích. Tách chức năng chủ sở hữu tài sản, vốn của Nhà nước và chức năng quản lý nhà nước, chức năng quản trị kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước; sớm xóa bỏ chức năng đại diện chủ sở hữu nhà nước của các bộ, Ủy ban nhân dân đối với vốn, tài sản nhà nước tại các doanh nghiệp. Thành lập một cơ quan chuyên trách làm đại diện chủ sở hữu đối với doanh nghiệp nhà nước. Kiện toàn đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý và nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp nhà nước phù hợp với chuẩn mực quốc tế. Tăng cường quản lý, giám sát, kiểm tra, kiểm soát bảo đảm công khai, minh bạch về đầu tư, tài chính và các hoạt động của doanh nghiệp nhà nước. Đổi mới tổ chức và cơ chế hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công theo hướng nâng cao chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tổ chức bộ máy, biên chế, nhân sự và tài chính; xã hội hóa lĩnh vực dịch vụ công, thu hút các thành phần kinh tế tham gia vào lĩnh vực này.

Tiếp tục đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của *kinh tế tập thể, kinh tế hợp tác xã*; đẩy mạnh liên kết và hợp tác dựa trên quan hệ lợi ích, áp dụng phương thức quản lý tiên tiến, phù hợp với cơ chế thị trường. Nhà nước có cơ chế, chính sách hỗ trợ về tiếp cận nguồn vốn, đào tạo nguồn nhân lực, chuyển giao kỹ thuật, công nghệ, hỗ trợ phát triển thị trường, tạo điều kiện phát triển kinh tế hợp tác xã trên cơ sở phát triển và phát huy vai trò của kinh tế hộ.

Khuyến khích phát triển các loại hình doanh nghiệp, các hình thức tổ chức sản xuất kinh doanh với *sở hữu hỗn hợp*, nhất là các doanh nghiệp cổ phần.

Hoàn thiện cơ chế, chính sách khuyến khích, tạo thuận lợi phát triển mạnh *kinh tế tư nhân* ở hầu hết các ngành và lĩnh vực kinh tế, trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế. Hoàn thiện chính sách hỗ trợ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp. Khuyến khích hình thành các tập đoàn kinh tế tư nhân đa sở hữu và tư nhân góp vốn vào các tập đoàn kinh tế nhà nước.

Nâng cao hiệu quả thu hút *đầu tư trực tiếp của nước ngoài*, chú trọng chuyển giao công nghệ, trình độ quản lý tiên tiến và thị trường tiêu thụ sản phẩm; chủ động lựa chọn và có chính sách ưu đãi đối với các dự án đầu tư nước ngoài có trình độ quản lý và công nghệ hiện đại, có vị trí hiệu quả trong chuỗi giá trị toàn cầu, có liên kết với doanh nghiệp trong nước. Tăng cường liên kết giữa doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài với doanh nghiệp trong nước nhằm phát triển công nghiệp hỗ trợ và công nghiệp quy mô lớn, chất lượng cao, gắn với các chuỗi giá trị khu vực và toàn cầu.

Trong quản lý và phát triển các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, cần phát huy mặt tích cực có lợi cho đất nước, đồng thời kiểm tra, giám sát, kiểm soát, thực hiện công khai, minh bạch, ngăn chặn, hạn chế mặt tiêu cực.

Phát triển đồng bộ các yếu tố thị trường và các loại thị trường

Thực hiện nhất quán cơ chế giá thị trường; bảo đảm tính đúng, tính đủ và công khai, minh bạch các yếu tố hình thành giá đối với hàng hoá, dịch vụ công thiết yếu; đồng thời có chính sách hỗ trợ phù hợp cho đối tượng chính sách, người

nghèo và đồng bào dân tộc thiểu số. Không lỏng ghép các chính sách xã hội trong giá. Hoàn thiện pháp luật về phí, lệ phí; rà soát, chuyển đổi chính sách phí, lệ phí đối với một số dịch vụ công sang áp dụng chế độ giá dịch vụ. Mở rộng cơ chế đấu thầu, đấu giá, thẩm định giá. Xây dựng và thực hiện nghiêm các quy định về trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp đối với người tiêu dùng và đối với môi trường. Đẩy mạnh hoàn thiện thể chế bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, kiên quyết đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại; phát huy đầy đủ, đúng đắn vai trò của người tiêu dùng, các hội bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong nền kinh tế.

Tiếp tục phát triển đồng bộ và vận hành thông suốt các loại thị trường. Thực hiện đa dạng hóa *thị trường hàng hóa, dịch vụ* theo hướng hiện đại, chú trọng hình thành khung pháp lý, phát triển hệ thống phân phối thông suốt và hiệu quả. Cơ cấu lại *thị trường tài chính*, bảo đảm lành mạnh hóa và ổn định vững chắc kinh tế vĩ mô, loại bỏ nguy cơ mất an toàn hệ thống, phục vụ có hiệu quả phát triển sản xuất kinh doanh; bảo đảm nguyên tắc thị trường đối với thị trường tài chính gắn với tăng cường quản lý, kiểm tra, kiểm soát của Nhà nước và giám sát của xã hội; phát triển thị trường mua bán nợ, thị trường các công cụ phái sinh, cho thuê tài sản. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách để *thị trường bất động sản* vận hành thông suốt, phù hợp quy luật cung - cầu nhằm khai thác, sử dụng tiết kiệm, có hiệu quả nguồn lực từ đất đai và tài sản, kết cấu hạ tầng trên đất; ngăn ngừa đầu cơ, lãng phí. Hoàn thiện cơ chế, chính sách để phát triển đồng bộ, liên thông *thị trường lao động* cả về quy mô, chất lượng lao động và cơ cấu ngành nghề. Tiếp tục đổi mới, phát triển mạnh mẽ và đồng bộ *thị trường khoa học - công nghệ*, thực hiện cơ chế thị trường và có chính sách hỗ trợ

để khuyến khích các tổ chức, cá nhân, nhất là doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu, phát triển, chuyển giao công nghệ, ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ vào sản xuất kinh doanh.

Đẩy mạnh, nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế

Tiếp tục nghiên cứu, đàm phán, ký kết, chuẩn bị kỹ các điều kiện thực hiện các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới, tham gia các điều ước quốc tế trong các lĩnh vực kinh tế, thương mại, đầu tư,... Chủ động, tích cực hội nhập kinh tế quốc tế; đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ kinh tế quốc tế, tránh lệ thuộc vào một thị trường, một đối tác cụ thể; kết hợp hiệu quả ngoại lực và nội lực, gắn hội nhập kinh tế quốc tế với xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ.

Rà soát, hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách nhằm thực thi có hiệu quả các hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam đã ký kết. Hoàn thiện thể chế để tận dụng cơ hội và phòng ngừa, giảm thiểu các thách thức do tranh chấp quốc tế, nhất là tranh chấp thương mại, đầu tư quốc tế. Hoàn thiện pháp luật về tương trợ tư pháp phù hợp với pháp luật quốc tế.

Nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước về kinh tế - xã hội và phát huy vai trò làm chủ của nhân dân trong phát triển kinh tế - xã hội

Nâng cao năng lực hoạch định đường lối, chủ trương phát triển kinh tế - xã hội của Đảng; tăng cường lãnh đạo việc thể chế hoá và việc tổ chức thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về kinh tế - xã hội; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết

thực hiện đường lối, chủ trương, nghị quyết của Đảng; lãnh đạo việc bố trí cán bộ và lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hiện của đội ngũ cán bộ hoạt động trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội. Nâng cao năng lực và hiệu quả công tác tham mưu về kinh tế - xã hội ở các cấp, các ngành.

Nhà nước thể chế hóa nghị quyết của Đảng, xây dựng, tổ chức thực hiện pháp luật, chính sách, bảo đảm các loại thị trường ngày càng hoàn thiện và vận hành thông suốt, cạnh tranh công bằng, bình đẳng và kiểm soát độc quyền kinh doanh; tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, cải cách tư pháp, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh.

Đổi mới, hoàn thiện cơ chế, chính sách để phát huy vai trò làm chủ của nhân dân; bảo đảm quyền tự do, dân chủ trong hoạt động kinh tế của người dân theo quy định của Hiến pháp, pháp luật và sự tham gia có hiệu quả của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng và giám sát việc thực hiện thể chế kinh tế và phát triển kinh tế - xã hội.

V- ĐỔI MỚI CĂN BẢN VÀ TOÀN DIỆN GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO; PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC

1. Tình hình

Các nghị quyết của Đảng về giáo dục, đào tạo được lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện, đạt được những thành quả nhất định. Quy mô, mạng lưới cơ sở giáo dục và đào tạo tiếp tục được mở rộng. Hệ thống giáo dục và đào tạo các cấp từ cơ sở đến đại học, dạy nghề được tổ chức lại một bước. Quan tâm đầu tư cho giáo dục, đào tạo. Chất lượng giáo dục và đào tạo có tiến bộ. Cơ sở vật chất, thiết bị giáo dục, đào tạo được cải thiện và có bước hiện đại hóa. Đội ngũ nhà giáo và cán bộ

quản lý giáo dục có bước phát triển cả về số lượng và chất lượng. Xã hội hóa giáo dục được đẩy mạnh. Công tác quản lý giáo dục và đào tạo có bước chuyển biến. Chủ trương đầu tư cho giáo dục là đầu tư cho con người đã được các cấp ủy, chính quyền quan tâm chỉ đạo thực hiện và nhận được sự ủng hộ của toàn xã hội.

Tuy nhiên, giáo dục và đào tạo chưa thực sự trở thành quốc sách hàng đầu, thành động lực phát triển. Chất lượng, hiệu quả giáo dục và đào tạo còn thấp so với yêu cầu, nhất là giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp. Hệ thống giáo dục và đào tạo thiếu liên thông giữa các trình độ và giữa các phương thức giáo dục, đào tạo; còn nặng lý thuyết, nhẹ thực hành. Đào tạo thiếu gắn kết với nghiên cứu khoa học, sản xuất kinh doanh và nhu cầu của thị trường lao động; chưa chú trọng đúng mức việc giáo dục đạo đức, lối sống và kỹ năng làm việc. Phương pháp giáo dục, việc thi, kiểm tra và đánh giá kết quả còn lạc hậu, thiếu thực chất. Quản lý giáo dục và đào tạo có mặt còn yếu kém. Đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục chưa đáp ứng yêu cầu. Đầu tư cho giáo dục và đào tạo chưa hiệu quả. Chính sách, cơ chế tài chính cho giáo dục và đào tạo chưa phù hợp. Cơ sở vật chất - kỹ thuật còn thiếu và lạc hậu, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn.

2. Phương hướng, nhiệm vụ

Giáo dục là quốc sách hàng đầu. Phát triển giáo dục và đào tạo nhằm nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài. Chuyển mạnh quá trình giáo dục chủ yếu từ trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học; học đi đôi với hành, lý luận gắn với thực tiễn. Phát triển giáo dục và đào tạo phải gắn với nhu cầu phát triển

kinh tế - xã hội, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, với tiến bộ khoa học - công nghệ, yêu cầu phát triển nguồn nhân lực và thị trường lao động.

Phấn đấu trong những năm tới, tạo chuyển biến căn bản, mạnh mẽ về chất lượng, hiệu quả giáo dục, đào tạo; đáp ứng ngày càng tốt hơn công cuộc xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và nhu cầu học tập của nhân dân. Giáo dục con người Việt Nam phát triển toàn diện và phát huy tốt nhất tiềm năng, khả năng sáng tạo của mỗi cá nhân; yêu gia đình, yêu Tổ quốc, yêu đồng bào, sống tốt và làm việc hiệu quả. Phấn đấu đến năm 2030, nền giáo dục Việt Nam đạt trình độ tiên tiến trong khu vực.

Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ và đồng bộ các yếu tố cơ bản của giáo dục, đào tạo theo hướng coi trọng phát triển phẩm chất, năng lực của người học. Đổi mới chương trình, nội dung giáo dục theo hướng tinh giản, hiện đại, thiết thực, phù hợp với lứa tuổi, trình độ và ngành nghề. Đa dạng hóa nội dung, tài liệu học tập, đáp ứng yêu cầu của các bậc học, các chương trình giáo dục, đào tạo và nhu cầu học tập suốt đời của mọi người. Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương pháp dạy và học, hình thức và phương pháp thi, kiểm tra và đánh giá kết quả giáo dục, đào tạo, bảo đảm trung thực, khách quan.

Hoàn thiện hệ thống giáo dục quốc dân theo hướng hệ thống giáo dục mở, học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập. Quy hoạch lại mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học gắn với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển nguồn nhân lực. Xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực cho đất nước, cho từng ngành, từng lĩnh vực, với những giải pháp đồng bộ, trong đó tập trung cho giải pháp đào tạo, đào tạo lại nguồn nhân lực trong nhà trường cũng như trong quá trình sản xuất kinh doanh, chú

trọng nâng cao tính chuyên nghiệp và kỹ năng thực hành. Phát triển hợp lý, hiệu quả các loại hình trường ngoài công lập đối với giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học.

Đổi mới căn bản công tác quản lý giáo dục, đào tạo, bảo đảm dân chủ, thống nhất; tăng quyền tự chủ và trách nhiệm xã hội của các cơ sở giáo dục, đào tạo; coi trọng quản lý chất lượng. Giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các cơ sở giáo dục, đào tạo; thực hiện giám sát của các chủ thể trong nhà trường và xã hội, tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra của cơ quan quản lý các cấp, bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch.

Phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và đào tạo. Thực hiện chuẩn hóa đội ngũ nhà giáo theo từng cấp học và trình độ đào tạo.

Đổi mới chính sách, cơ chế tài chính, huy động sự tham gia đóng góp của toàn xã hội; nâng cao hiệu quả đầu tư để phát triển giáo dục và đào tạo. Nhà nước giữ vai trò chủ đạo trong đầu tư phát triển giáo dục và đào tạo, ngân sách nhà nước chi cho giáo dục và đào tạo tối thiểu ở mức 20% tổng chi ngân sách; nâng cao hiệu quả sử dụng vốn ngân sách nhà nước. Đổi mới và hoàn thiện cơ chế, chính sách giá dịch vụ giáo dục - đào tạo. Đẩy mạnh xã hội hóa, trước hết đối với giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học. Tiếp tục thực hiện mục tiêu kiên cố hóa trường, lớp học; từng bước hiện đại hóa cơ sở vật chất - kỹ thuật, đặc biệt là hạ tầng công nghệ thông tin.

Nâng cao chất lượng, hiệu quả nghiên cứu và ứng dụng khoa học, công nghệ, đặc biệt là khoa học giáo dục và khoa học quản lý. Khuyến khích thành lập viện, trung tâm nghiên cứu và chuyển giao công nghệ, doanh nghiệp khoa học và công nghệ. Nghiên cứu sáp nhập một số tổ chức nghiên cứu khoa học và triển khai công nghệ với các trường đại học công lập.

VI- PHÁT TRIỂN VÀ ỨNG DỤNG KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ

1. Tình hình

Trong những năm qua, khoa học, công nghệ đã có đóng góp tích cực cho phát triển kinh tế - xã hội trên tất cả các lĩnh vực. Khoa học xã hội và nhân văn góp phần quan trọng trong việc cung cấp luận cứ khoa học cho việc hoạch định đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước; khẳng định lịch sử hình thành và phát triển dân tộc, bảo vệ chủ quyền quốc gia và toàn vẹn lãnh thổ, bảo tồn các giá trị và bản sắc văn hóa Việt Nam. Lĩnh vực khoa học tự nhiên, các ngành khoa học cơ bản, khoa học và công nghệ liên ngành, khoa học mới tiếp tục phát triển, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Một số ngành khoa học, công nghệ mũi nhọn đã có đóng góp tích cực phát triển kinh tế - xã hội và tăng cường quốc phòng, an ninh. Hiệu quả hoạt động khoa học, công nghệ có chuyển biến; tiềm lực khoa học, công nghệ được nâng lên. Quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ có đổi mới. Hợp tác quốc tế về khoa học, công nghệ có bước tiến bộ. Thị trường khoa học, công nghệ đã hình thành và bước đầu phát huy tác dụng.

Tuy nhiên, khoa học, công nghệ chưa thực sự gắn kết và trở thành động lực phát triển kinh tế - xã hội. Việc huy động nguồn lực của xã hội cho khoa học, công nghệ chưa được chú trọng. Không hoàn thành mục tiêu xây dựng các trung tâm khoa học lớn đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm, có tác động thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Đầu tư cho khoa học, công nghệ còn thấp, hiệu quả sử dụng chưa cao. Cơ chế quản

lý khoa học, công nghệ chậm đổi mới. Thị trường khoa học và công nghệ phát triển chậm. Công tác quy hoạch, phát triển khoa học, công nghệ chưa gắn kết chặt chẽ với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh. Hợp tác quốc tế về khoa học, công nghệ còn thiếu định hướng chiến lược, hiệu quả thấp.

2. Phương hướng, nhiệm vụ

Phát triển mạnh mẽ khoa học và công nghệ, làm cho khoa học và công nghệ thực sự là quốc sách hàng đầu, là động lực quan trọng nhất để phát triển lực lượng sản xuất hiện đại, kinh tế tri thức, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế; bảo vệ môi trường, bảo đảm quốc phòng, an ninh. Đến năm 2020, khoa học và công nghệ Việt Nam đạt trình độ phát triển của nhóm các nước dẫn đầu ASEAN; đến năm 2030, có một số lĩnh vực đạt trình độ tiên tiến thế giới.

Phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ là một nội dung cần được ưu tiên tập trung đầu tư trước một bước trong hoạt động của các ngành, các cấp. Các ngành khoa học và công nghệ có nhiệm vụ cung cấp cơ sở khoa học cho việc xây dựng và triển khai đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật. Các chương trình, kế hoạch, dự án phát triển kinh tế - xã hội đều phải xây dựng trên những cơ sở khoa học vững chắc. Xác định rõ các giải pháp công nghệ hiện đại phù hợp nhằm nâng cao năng suất lao động, hiệu quả kinh tế và phát triển bền vững. Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ và đồng bộ về tổ chức, cơ chế quản lý, cơ chế hoạt động, công tác xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển khoa học và công nghệ; phương thức đầu tư, cơ chế tài chính, chính sách cán bộ, cơ chế tự chủ của các tổ chức khoa học và công nghệ phù hợp

với kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Ưu tiên và tập trung mọi nguồn lực quốc gia cho phát triển khoa học và công nghệ. Xây dựng chiến lược phát triển công nghệ của đất nước, chiến lược thu hút công nghệ từ bên ngoài và chuyển giao công nghệ từ các doanh nghiệp FDI đang hoạt động trên đất nước ta. Tăng cường hợp tác về khoa học, công nghệ, nhất là công nghệ cao, phải là hướng ưu tiên trong hội nhập quốc tế.

Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ, đồng bộ cơ chế quản lý, tổ chức, hoạt động khoa học và công nghệ, nhất là cơ chế quản lý, phương thức đầu tư và cơ chế tài chính.

Có cơ chế thúc đẩy đổi mới công nghệ theo hướng ứng dụng công nghệ mới, công nghệ hiện đại. Huy động mạnh mẽ nguồn vốn xã hội và các nguồn vốn nước ngoài đầu tư cho phát triển khoa học và công nghệ.

Quy hoạch, sắp xếp lại hệ thống tổ chức khoa học và công nghệ; xây dựng một số trung tâm nghiên cứu hiện đại. Phát triển, nâng cao năng lực hệ thống các tổ chức dịch vụ khoa học và công nghệ, phát triển thị trường khoa học và công nghệ. Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức khoa học và công nghệ công lập.

Tăng cường liên kết giữa các tổ chức khoa học và công nghệ với doanh nghiệp; mở rộng hình thức liên kết giữa Nhà nước, nhà khoa học, nhà doanh nghiệp, nhà nông. Khuyến khích, tạo điều kiện để các doanh nghiệp tham gia nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật, đổi mới công nghệ.

Xây dựng và thực hiện chính sách đào tạo, bồi dưỡng, trọng dụng, đãi ngộ, tôn vinh đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ, nhất là các chuyên gia giỏi, có nhiều đóng góp. Tạo môi trường thuận lợi, điều kiện vật chất để cán bộ khoa

học và công nghệ phát triển bằng tài năng và hưởng lợi ích xứng đáng với giá trị lao động sáng tạo của mình. Thực hành dân chủ, tôn trọng và phát huy tự do tư tưởng trong hoạt động nghiên cứu, sáng tạo, tư vấn, phản biện của các nhà khoa học.

Kiến toàn, nâng cao năng lực bộ máy và đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ. Hoàn thiện pháp luật về sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ, tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, chất lượng sản phẩm, hàng hóa theo hướng hỗ trợ hiệu quả cho việc vận hành thị trường khoa học và công nghệ.

Phát huy và tăng cường tiềm lực khoa học và công nghệ quốc gia. Tập trung đầu tư phát triển một số viện khoa học và công nghệ, trường đại học cấp quốc gia và một số khu công nghệ cao, vùng kinh tế trọng điểm theo mô hình tiên tiến của thế giới.

VII- XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN VĂN HÓA, CON NGƯỜI

1. Tình hình

Sự nghiệp xây dựng, phát triển văn hóa, con người đã được Đảng, Nhà nước quan tâm trong các chính sách kinh tế - xã hội từ trung ương đến các địa phương. Thực hiện nhiệm vụ xây dựng con người đáp ứng yêu cầu của thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế có bước chuyển biến quan trọng: Gắn nhiệm vụ xây dựng văn hóa, con người với nhiệm vụ xây dựng và phát triển đất nước; gắn xây dựng môi trường văn hóa với xây dựng con người; bước đầu hình thành những giá trị mới về con người với các phẩm chất về trách nhiệm xã hội, ý thức công dân, dân chủ, chủ động, sáng tạo, khát vọng vươn lên. Hệ thống thể chế và thiết chế văn

hóa từng bước được tăng cường. Nhiều giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc và của từng vùng, miền được kế thừa; nhiều di sản văn hóa được bảo tồn, tôn tạo. Xã hội hóa hoạt động văn hóa ngày càng mở rộng. Văn học, nghệ thuật có bước phát triển. Truyền thông đại chúng phát triển nhanh cả về loại hình, quy mô, lực lượng, phương tiện kỹ thuật và ảnh hưởng xã hội. Đời sống văn hóa của nhân dân được cải thiện. Phong trào *“Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”* đã khơi dậy được nhiều giá trị nhân văn trong cộng đồng. Việc xây dựng môi trường văn hóa đã được chú trọng hơn. Công tác quản lý nhà nước về văn hóa được tăng cường. Giao lưu và hợp tác quốc tế về văn hóa có nhiều khởi sắc.

Chủ trương của Đảng gắn tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, phát triển, xây dựng con người và thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội đã trở thành tư tưởng chỉ đạo cho nhiều chương trình, kế hoạch phát triển. Sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị cùng với sự đầu tư của Nhà nước, sự tham gia của nhân dân là những nhân tố quyết định tạo ra những chuyển biến của sự nghiệp phát triển văn hóa, xây dựng con người.

Tuy nhiên, so với những thành quả trên lĩnh vực chính trị, kinh tế, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, thành quả trong lĩnh vực văn hóa chưa tương xứng; chưa đủ tầm mức để tác động có hiệu quả xây dựng con người và môi trường văn hóa lành mạnh. Đạo đức, lối sống có mặt xuống cấp đáng lo ngại. Đời sống văn hóa tinh thần ở nhiều nơi còn nghèo nàn, đơn điệu; khoảng cách hưởng thụ văn hóa giữa miền núi, vùng sâu, vùng xa với đô thị và trong các tầng lớp nhân dân chậm được rút ngắn. Môi trường văn hóa còn tồn tại những biểu hiện thiếu lành mạnh, ngoại lai, trái với thuần phong mỹ

tục; tệ nạn xã hội và một số loại tội phạm có chiều hướng gia tăng. Việc bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hoá đạt hiệu quả chưa cao. Hệ thống thông tin đại chúng phát triển thiếu quy hoạch khoa học, gây lãng phí nguồn lực và quản lý không theo kịp sự phát triển. Một số cơ quan truyền thông có biểu hiện thương mại hóa, xa rời tôn chỉ, mục đích, chưa làm tốt chức năng định hướng dư luận và xây dựng con người. Hệ thống thiết chế văn hóa và cơ sở vật chất - kỹ thuật cho hoạt động văn hóa còn thiếu và yếu, có nơi xuống cấp, thiếu đồng bộ, hiệu quả sử dụng thấp. Tình trạng nhập khẩu, quảng bá, tiếp thu dễ dãi, thiếu chọn lọc sản phẩm văn hóa nước ngoài đã tác động tiêu cực đến đời sống văn hóa của một bộ phận nhân dân, nhất là lớp trẻ.

Nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém trên đây chủ yếu là do nhiều cấp uỷ, chính quyền nhận thức chưa đúng tầm quan trọng và chưa quan tâm đầy đủ lĩnh vực này; lãnh đạo, chỉ đạo chưa thật quyết liệt. Việc cụ thể hóa, thể chế hóa nghị quyết của Đảng còn chậm, thiếu đồng bộ. Công tác quản lý nhà nước về văn hóa chậm được đổi mới, có lúc, có nơi bị xem nhẹ, thậm chí buông lỏng. Đầu tư cho lĩnh vực văn hóa chưa tương xứng và còn dàn trải.

2. Phương hướng, nhiệm vụ

Các cấp, các ngành phải nhận thức đầy đủ và thực hiện có kết quả mục tiêu: Xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam phát triển toàn diện, hướng đến chân - thiện - mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học. Văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội, là sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững và bảo vệ vững chắc Tổ quốc vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

Xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện phải trở thành một mục tiêu của chiến lược phát triển. Đúc kết và xây dựng hệ giá trị văn hóa và hệ giá trị chuẩn mực của con người Việt Nam thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế; tạo môi trường và điều kiện để phát triển về nhân cách, đạo đức, trí tuệ, năng lực sáng tạo, thể chất, tâm hồn, trách nhiệm xã hội, nghĩa vụ công dân, ý thức tuân thủ pháp luật. Tạo chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, ý thức tôn trọng pháp luật, mọi người Việt Nam đều hiểu biết sâu sắc, tự hào, tôn vinh lịch sử, văn hóa dân tộc. Khẳng định, tôn vinh cái đúng, cái tốt đẹp, tích cực, cao thượng; nhân rộng các giá trị cao đẹp, nhân văn. Đấu tranh phê phán, đẩy lùi cái xấu, cái ác, thấp hèn, lạc hậu; chống các quan điểm, hành vi sai trái, tiêu cực ảnh hưởng xấu đến xây dựng nền văn hóa, làm tha hóa con người. Có giải pháp ngăn chặn và đẩy lùi sự xuống cấp về đạo đức xã hội, khắc phục những mặt hạn chế của con người Việt Nam.

Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, phù hợp với bối cảnh phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Xây dựng môi trường văn hóa, đời sống văn hóa lành mạnh trong hệ thống chính trị, trong mỗi địa phương, trong từng cộng đồng làng, bản, khu phố, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, khu công nghiệp và mỗi gia đình, góp phần giáo dục, rèn luyện con người về nhân cách, đạo đức, lối sống. Thực hiện chiến lược phát triển gia đình Việt Nam. Phát huy giá trị truyền thống tốt đẹp, xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, văn minh. Xây dựng mỗi trường học thật sự là một trung tâm văn hóa giáo dục, rèn luyện con người. Xây dựng nếp sống văn hóa tiến bộ, văn minh, nhất là trong việc cưới, việc tang, lễ hội. Nâng cao chất lượng, hiệu quả các cuộc vận động văn hóa, phong

trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”. Từng bước thu hẹp khoảng cách về hưởng thụ văn hóa giữa thành thị và nông thôn, giữa các vùng, miền và các giai tầng xã hội. Phát huy các giá trị, nhân tố tích cực trong văn hóa tôn giáo, tín ngưỡng.

Xây dựng văn hóa trong chính trị và kinh tế. Chú trọng chăm lo xây dựng văn hóa trong Đảng, trong các cơ quan nhà nước và các đoàn thể; coi đây là nhân tố quan trọng để xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh. Thường xuyên quan tâm xây dựng văn hóa trong kinh tế. Xây dựng văn hóa doanh nghiệp, văn hóa doanh nhân với ý thức tôn trọng, chấp hành pháp luật, giữ chữ tín, cạnh tranh lành mạnh vì sự phát triển bền vững của đất nước, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động văn hóa. Huy động sức mạnh của toàn xã hội nhằm bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống dân tộc; khích lệ sáng tạo các giá trị văn hóa mới, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, làm giàu văn hóa dân tộc. Xây dựng cơ chế để giải quyết hợp lý, hài hòa giữa bảo tồn, phát huy di sản văn hóa với phát triển kinh tế - xã hội. Phát triển sự nghiệp văn học, nghệ thuật, chăm lo bồi dưỡng và tạo mọi điều kiện cho sự tìm tòi, sáng tạo của đội ngũ văn nghệ sĩ. Đổi mới phương thức hoạt động của các hội văn học, nghệ thuật.

Làm tốt công tác lãnh đạo, quản lý báo chí, xuất bản. Các cơ quan truyền thông phải thực hiện đúng tôn chỉ, mục đích, đối tượng phục vụ, nâng cao tính tư tưởng, nhân văn và khoa học, đề cao trách nhiệm xã hội, nghĩa vụ công dân, góp phần xây dựng văn hóa và con người Việt Nam. Quy hoạch, sắp xếp lại hệ thống báo chí đáp ứng yêu cầu phát triển, bảo đảm

thiết thực, hiệu quả. Chú trọng công tác quản lý các loại hình thông tin trên Internet để định hướng tư tưởng và thẩm mỹ cho nhân dân, nhất là cho thanh niên, thiếu niên.

Phát triển công nghiệp văn hóa đi đôi với xây dựng, hoàn thiện thị trường dịch vụ và sản phẩm văn hóa. Có cơ chế khuyến khích đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật và công nghệ tiên tiến để nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ văn hóa. Tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp văn hóa, văn nghệ, thể thao, du lịch thu hút các nguồn lực xã hội để phát triển. Đổi mới, hoàn thiện thể chế, tạo môi trường pháp lý thuận lợi để xây dựng, phát triển thị trường dịch vụ, sản phẩm văn hóa lành mạnh; đẩy mạnh phát triển công nghiệp văn hóa; tăng cường quảng bá văn hóa Việt Nam. Nâng cao ý thức thực thi các quy định pháp luật về quyền tác giả và các quyền liên quan trong toàn xã hội.

Chủ động hội nhập quốc tế về văn hóa, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại. Chủ động mở rộng hợp tác văn hóa với các nước, thực hiện đa dạng các hình thức văn hóa đối ngoại, đưa các quan hệ quốc tế về văn hóa đi vào chiều sâu, đạt hiệu quả thiết thực; tiếp nhận có chọn lọc tinh hoa văn hóa thế giới, làm phong phú thêm văn hóa dân tộc. Chủ động đón nhận cơ hội phát triển, vượt qua các thách thức để giữ gìn, hoàn thiện bản sắc văn hóa dân tộc; hạn chế, khắc phục những ảnh hưởng tiêu cực, mặt trái của toàn cầu hóa về văn hóa.

Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với lĩnh vực văn hóa. Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng theo hướng vừa bảo đảm để văn hóa, văn học - nghệ thuật, báo chí phát triển đúng định hướng chính trị, tư tưởng của Đảng, vừa bảo đảm quyền tự do, dân chủ cá nhân trong sáng tạo trên cơ sở phát

huy trách nhiệm xã hội, nghĩa vụ công dân với mục đích đúng đắn; khắc phục tình trạng buông lỏng sự lãnh đạo hoặc mất dân chủ, hạn chế tự do sáng tạo.

Tập trung đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về văn hóa đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững. Đẩy nhanh việc thể chế hóa, cụ thể hóa các quan điểm, đường lối của Đảng về văn hóa. Chấn chỉnh và quản lý tốt các hoạt động lễ hội. Rà soát, phát triển hợp lý các thiết chế văn hóa. Hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách về văn hóa, về quyền tác giả và các quyền liên quan, phù hợp với chuẩn mực quốc tế và thực tiễn Việt Nam.

Xây dựng chiến lược phát triển đội ngũ cán bộ văn hóa. Coi trọng quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí cán bộ lãnh đạo, quản lý văn hóa, cán bộ làm công tác khoa học, chuyên gia đầu ngành, cán bộ ở cơ sở.

Mức đầu tư của Nhà nước cho văn hóa phải tương ứng với mức tăng trưởng kinh tế. Đẩy mạnh xã hội hóa nhằm huy động các nguồn đầu tư, tài trợ, hiến tặng cho phát triển văn hóa, xây dựng con người.

VIII- QUẢN LÝ PHÁT TRIỂN XÃ HỘI; THỰC HIỆN TIẾN BỘ, CÔNG BẰNG XÃ HỘI

1. Tình hình

Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước luôn quan tâm xây dựng và tổ chức thực hiện các chính sách an sinh xã hội, phúc lợi xã hội, dân tộc, tôn giáo để giải quyết các vấn đề xã hội. Nhận thức của toàn xã hội về tăng trưởng kinh tế đi đôi với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội

được nâng lên. Hệ thống luật pháp và chính sách được bổ sung nhằm điều tiết các quan hệ xã hội. Ngân sách nhà nước dành cho các chương trình quốc gia nhằm thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội gia tăng hằng năm. Việt Nam đã hoàn thành hầu hết và cơ bản các mục tiêu Thiên niên kỷ. Đặc biệt là đã thực hiện tốt chỉ tiêu giảm nghèo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, thực hiện nhiều chính sách để ổn định, từng bước nâng cao đời sống nhân dân. Quan tâm thực hiện chính sách chăm sóc người có công. Đã thực hiện có hiệu quả nhiều chính sách đối với người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ em, phụ nữ, đồng bào dân tộc thiểu số ở vùng cao, vùng sâu, vùng xa, giảm nghèo bền vững, chăm sóc sức khoẻ cho người dân đồng thời tạo điều kiện để người dân chủ động phòng ngừa, giảm thiểu và khắc phục rủi ro trong đời sống, kinh tế, xã hội và môi trường. Đời sống và thu nhập của người dân không ngừng được nâng lên.

Mặc dù vậy, quản lý phát triển xã hội, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội còn nhiều hạn chế, khuyết điểm. Sự phát triển các lĩnh vực, các vùng, miền thiếu đồng bộ. Việc giải quyết một số vấn đề xã hội chưa hiệu quả; mục tiêu xây dựng quan hệ hài hòa giữa các lĩnh vực, ngành nghề, vùng, miền chưa đạt yêu cầu; giảm nghèo chưa bền vững, chênh lệch giàu - nghèo và bất bình đẳng có xu hướng gia tăng. Chưa nhận thức đầy đủ vai trò của phát triển xã hội hài hòa, chưa có chính sách, giải pháp kịp thời, hiệu quả đối với vấn đề biến đổi cơ cấu, phân hóa giàu - nghèo, phân tầng xã hội, kiểm soát rủi ro, giải quyết mâu thuẫn xã hội, bảo đảm an toàn xã hội, an ninh cho con người.

Nhiều lĩnh vực của phát triển bền vững chưa được nghiên cứu đầy đủ. Quản lý phát triển xã hội chưa xác định rõ định hướng và những nhiệm vụ mang tính tổng

thể, đồng bộ, liên vùng, liên ngành, liên lĩnh vực, còn bị chia cắt theo địa giới hành chính, lĩnh vực quản lý. Hệ thống chính sách, pháp luật chưa đồng bộ. Chưa thể chế hóa và chưa có sự quản lý thống nhất ở cấp vĩ mô về phát triển xã hội bền vững. Hệ thống văn bản pháp lý về phát triển của từng ngành, địa phương chưa đồng bộ, thiếu nhất quán; nhiều kế hoạch phát triển của từng lĩnh vực, địa phương chưa chú ý đúng mức đến phát triển xã hội bền vững của vùng, liên vùng và quốc gia.

2. Phương hướng, nhiệm vụ

Nhận thức sâu sắc vị trí, tầm quan trọng của phát triển xã hội bền vững và quản lý phát triển xã hội đối với sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc. Xây dựng, thực hiện các chính sách phù hợp với các giai tầng xã hội; có các giải pháp quản lý hiệu quả để giải quyết hài hòa các quan hệ xã hội, ngăn chặn, giải quyết có hiệu quả những vấn đề xã hội bức xúc, những mâu thuẫn có thể dẫn đến xung đột xã hội. Trong xây dựng và thực hiện các chính sách phát triển kinh tế - xã hội, quan tâm thích đáng đến các tầng lớp, bộ phận yếu thế trong xã hội, đồng bào các dân tộc thiểu số ở vùng cao, vùng sâu, vùng xa, khắc phục xu hướng gia tăng phân hóa giàu - nghèo, bảo đảm sự ổn định và phát triển xã hội bền vững. Thực hiện các giải pháp, chính sách và quản lý để khắc phục từng bước sự mất cân đối về phát triển đối với từng lĩnh vực, từng vùng, bảo đảm sự hài hòa cả trong phát triển, hưởng thụ; bảo đảm cơ cấu giai tầng xã hội, dân cư, ngành nghề hợp lý. Kịp thời kiểm soát và xử lý các rủi ro, mâu thuẫn, xung đột xã hội. Đẩy mạnh các giải pháp đấu tranh phòng, chống tội phạm và tệ nạn xã hội; giảm thiểu tai nạn giao thông; bảo đảm an toàn xã hội, an ninh con người.

Gắn kết chặt chẽ chính sách kinh tế với chính sách xã hội, phát triển kinh tế với nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân, bảo đảm để nhân dân được hưởng thụ ngày một tốt hơn thành quả của công cuộc đổi mới, xây dựng và phát triển đất nước. Mọi người dân đều có cơ hội và điều kiện phát triển toàn diện. Thực hiện tốt chính sách chăm sóc người có công trên cơ sở huy động mọi nguồn lực xã hội kết hợp với nguồn lực của Nhà nước; bảo đảm người có công có mức sống từ trung bình trở lên.

Giải quyết tốt lao động, việc làm và thu nhập cho người lao động, bảo đảm an sinh xã hội

Tạo cơ hội để mọi người có việc làm và cải thiện thu nhập. Bảo đảm tiền lương, thu nhập công bằng, đủ điều kiện sống và tái sản xuất sức lao động. Huy động tốt nhất nguồn lực lao động để phục vụ công cuộc xây dựng, phát triển đất nước. Chú trọng giải quyết việc làm cho lao động dôi dư từ khu vực nông nghiệp do việc tích tụ, tập trung ruộng đất hoặc thu hồi đất phát triển công nghiệp, đô thị và các công trình công cộng. Khuyến khích đầu tư xã hội tạo ra nhiều việc làm, nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp. Xây dựng và hoàn thiện hệ thống chính sách về tiền lương, tiền công, khắc phục cơ bản những bất hợp lý. Điều chỉnh chính sách dạy nghề, gắn đào tạo với sử dụng. Điều chỉnh chính sách xuất khẩu lao động hợp lý. Hoàn thiện và thực hiện chính sách bảo hộ lao động.

Tiếp tục hoàn thiện chính sách an sinh xã hội phù hợp với quá trình phát triển kinh tế - xã hội. Mở rộng đối tượng và nâng cao hiệu quả của hệ thống an sinh xã hội đến mọi người dân; tạo điều kiện để trợ giúp có hiệu quả cho tầng lớp

yếu thế, dễ tổn thương hoặc những người gặp rủi ro trong cuộc sống. Phát triển và thực hiện tốt các chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động,... Chuyển từ hỗ trợ nhân đạo sang bảo đảm quyền an sinh xã hội của công dân. Đổi mới chính sách giảm nghèo theo hướng tập trung, hiệu quả và tiếp cận phương pháp đo lường nghèo đa chiều nhằm bảo đảm an sinh xã hội cơ bản và tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản. Tổ chức tốt hơn việc cung cấp các dịch vụ xã hội cơ bản thiết yếu. Thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ nhà ở cho các đối tượng chính sách, người nghèo, nhân dân sống ở vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn; phát triển nhà ở xã hội cho người thu nhập thấp, công nhân khu công nghiệp, khu chế xuất và sinh viên,... Phát triển đa dạng các hình thức từ thiện, đẩy mạnh phong trào toàn dân tham gia giúp đỡ những người yếu thế.

Coi trọng chăm sóc sức khoẻ nhân dân, công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình, bảo vệ và chăm sóc sức khoẻ bà mẹ, trẻ em; xây dựng gia đình hạnh phúc

Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình, chế độ thai sản, nghỉ dưỡng, khám, chữa bệnh, bình đẳng giới. Thực hiện tốt chiến lược dân số, gia đình, chương trình hành động vì trẻ em..., đầu tư nâng cao chất lượng dân số, chỉ số phát triển con người, bảo đảm tổng tỉ suất sinh thay thế, giảm dần sự mất cân bằng tỉ lệ giới tính khi sinh và bảo đảm quyền trẻ em. Huy động các nguồn lực, tiếp tục xây dựng, phát triển hệ thống bệnh viện, trạm y tế, phòng khám bệnh, coi trọng chăm sóc sức khoẻ ban đầu. Phát triển hệ thống y tế dự phòng và các dịch vụ y tế hiện đại. Phát triển y học dân tộc; có chính sách khuyến khích thích đáng sản xuất và chữa bệnh bằng thuốc nam. Tiếp tục

bảo đảm công bằng, giảm chênh lệch mới trong tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khỏe nhân dân giữa các địa bàn, các nhóm đối tượng. Ngân sách nhà nước dành cho y tế phải được điều chỉnh theo hướng đầu tư tập trung cho các tỉnh miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng ven biển và hải đảo nhằm tăng cường cơ sở hạ tầng, trang thiết bị y tế, nhân lực, bảo đảm cơ hội tiếp cận bình đẳng về chăm sóc sức khỏe cho người dân. Có lộ trình khắc phục tình trạng quá tải tại các bệnh viện lớn ở Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và các thành phố lớn. Tiếp tục thực hiện tốt chính sách bảo hiểm y tế cho toàn dân, đổi mới cơ chế tài chính gắn với nâng cao chất lượng dịch vụ y tế.

Có chính sách hợp lý trong đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển và đãi ngộ thỏa đáng đối với đội ngũ cán bộ y tế. Tiếp tục thực hiện chiến lược phát triển con người, chính sách chăm sóc, bảo vệ sức khỏe bà mẹ, trẻ em. Phát triển thể dục, thể thao toàn dân để góp phần nâng cao sức khỏe cho nhân dân, đồng thời làm cơ sở để phát triển thể thao thành tích cao.

IX- TĂNG CƯỜNG QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN; BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG; CHỦ ĐỘNG PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI, ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

1. Tình hình

Nhận thức về tầm quan trọng của tài nguyên, khai thác, quản lý và sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu được nâng lên. Các hoạt động trong lĩnh vực này đã thu được một số kết quả bước đầu quan trọng. Nhà nước và các cơ

quan quản lý đã xây dựng và ban hành nhiều chính sách quản lý và tăng cường đầu tư cho các lĩnh vực này. Đã thành lập được các cơ quan nghiên cứu và dự báo, quản lý rủi ro. Hợp tác quốc tế về quản lý tài nguyên, ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai được đẩy mạnh; đã tham gia nhiều tổ chức của thế giới về các lĩnh vực này.

Tuy nhiên, tài nguyên chưa được quản lý, khai thác, sử dụng có hiệu quả và bền vững; một số loại tài nguyên bị khai thác quá mức dẫn tới suy thoái, cạn kiệt. Ô nhiễm môi trường tiếp tục gia tăng, có nơi nghiêm trọng; việc khắc phục hậu quả về môi trường do chiến tranh để lại còn chậm. Đa dạng sinh học suy giảm, nguy cơ mất cân bằng sinh thái đang diễn ra trên diện rộng, ảnh hưởng tiêu cực đến phát triển kinh tế - xã hội, sức khỏe và đời sống nhân dân. Chất lượng công tác dự báo và quy hoạch còn nhiều hạn chế, chưa theo kịp yêu cầu phát triển, chưa bảo đảm tính tổng thể, liên ngành, liên vùng; chưa rõ trọng tâm, trọng điểm và nguồn lực thực hiện. Việc ứng phó với biến đổi khí hậu còn bị động, lúng túng; thiên tai ngày càng bất thường, gây nhiều thiệt hại về người và tài sản.

2. Phương hướng, nhiệm vụ

Tăng cường công tác quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu phục vụ phát triển bền vững theo hướng bảo đảm tính tổng thể, liên ngành, liên vùng, đáp ứng nhiệm vụ trước mắt và lâu dài, trong đó lợi ích lâu dài là cơ bản, có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với từng giai đoạn. Tài nguyên là tài sản quốc gia, nguồn lực quan trọng của đất nước, phải được đánh giá đầy đủ, hạch toán trong nền kinh tế, được quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tiết kiệm, hợp lý, có hiệu quả và bền vững, gắn

với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh. Chú trọng sử dụng năng lượng mới, năng lượng tái tạo, vật liệu mới. Ngăn chặn và từng bước khắc phục sự xuống cấp của môi trường tự nhiên do chủ quan con người, nhất là do các dự án phát triển kinh tế gây ra. Bảo vệ môi trường tự nhiên vừa là nội dung, vừa là mục tiêu phát triển bền vững. Hạn chế, tiến tới khắc phục căn bản tình trạng hủy hoại, làm cạn kiệt tài nguyên, ô nhiễm môi trường của các cơ sở sản xuất, các khu công nghiệp, khu đô thị. Thực hiện nghiêm ngặt các biện pháp phục hồi môi trường sau khai thác khoáng sản. Đảm bảo sự hài hòa giữa môi trường tự nhiên với môi trường sống ở các khu công nghiệp, đô thị, dân cư. Phát triển kinh tế - xã hội đi đôi với bảo vệ môi trường, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả tài nguyên. Tăng cường phổ biến pháp luật và tuyên truyền trong xã hội về bảo vệ môi trường, bảo vệ tài nguyên và ứng phó với thiên tai, biến đổi khí hậu. Tích cực hợp tác quốc tế trong việc bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu.

Đến năm 2020, có bước chuyển biến cơ bản trong khai thác, sử dụng tài nguyên theo hướng hợp lý, hiệu quả và bền vững, kiểm chế mức độ gia tăng ô nhiễm môi trường, suy giảm đa dạng sinh học nhằm bảo đảm chất lượng môi trường sống, duy trì cân bằng sinh thái, hướng tới nền kinh tế xanh, thân thiện với môi trường; về cơ bản, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng, tránh thiên tai, giảm mức phát thải khí nhà kính.

Về quản lý tài nguyên

Nâng cao trách nhiệm, hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội. Đẩy mạnh điều tra, đánh giá tiềm năng, trữ lượng, giá trị

kinh tế, thực trạng và xu hướng diễn biến của các nguồn tài nguyên quốc gia, đặc biệt là tài nguyên khoáng sản, tài nguyên nước, tài nguyên biển. Từng bước xác định, đánh giá các giá trị, thiết lập tài khoản, hạch toán trong nền kinh tế đối với các loại tài nguyên quốc gia. Quy hoạch, quản lý và khai thác, sử dụng hợp lý, hiệu quả và bền vững các nguồn tài nguyên quốc gia. Hạn chế tối đa và tiến tới chấm dứt xuất khẩu khoáng sản thô và chỉ qua chế biến sơ, thúc đẩy chế biến sâu. Đối với loại khoáng sản chiến lược đặc thù như than, dầu khí,... cần có chính sách cụ thể, cân đối giữa nhập khẩu và xuất khẩu. Đổi mới công tác lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; xây dựng cơ sở dữ liệu về đất đai; thúc đẩy sử dụng đất tiết kiệm, hợp lý và có hiệu quả; kết hợp bảo vệ diện tích, độ phì nhiêu của đất canh tác nông nghiệp. Quy hoạch khai thác, bảo vệ nguồn nước, tăng cường quản lý nguồn nước theo lưu vực sông; chủ động hợp tác với các nước và các tổ chức quốc tế trong việc bảo vệ nguồn nước xuyên quốc gia. Kiểm soát các hoạt động khai thác; đấu tranh, ngăn chặn tình trạng đánh bắt mang tính hủy diệt nhằm bảo vệ nguồn lợi thủy sản, đặc biệt là vùng gần bờ. Thúc đẩy phát triển, sử dụng năng lượng mới, năng lượng tái tạo, các nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu mới thay thế các nguồn tài nguyên truyền thống.

Về bảo vệ môi trường

Hoàn thiện hệ thống pháp luật, ban hành các chế tài đủ mạnh để bảo vệ môi trường, ngăn chặn, xử lý theo pháp luật nhằm chấm dứt tình trạng gây ô nhiễm môi trường, tăng cường phòng ngừa và kiểm soát các nguồn gây ô nhiễm môi trường. Ngăn chặn và từng bước khắc phục sự xuống cấp của môi trường tự nhiên. Hạn chế, tiến tới khắc phục căn bản

tình trạng ô nhiễm môi trường ở nông thôn, các cơ sở sản xuất, khu công nghiệp, khu đô thị, làng nghề, các lưu vực sông, không để phát sinh thêm những cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng. Đẩy mạnh xã hội hóa cùng với việc bố trí nguồn lực từ ngân sách nhà nước đầu tư cho các công trình trọng điểm phục hồi môi trường dân sinh.

Về phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu

Chủ động xây dựng, triển khai và kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chương trình, kế hoạch ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai cho từng giai đoạn. Nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo và ứng phó với thiên tai, giám sát biến đổi khí hậu và tìm kiếm, cứu nạn, cứu hộ. Đầu tư thích đáng và sử dụng có hiệu quả sự giúp đỡ quốc tế cho các công trình trọng điểm quốc gia, các chương trình ứng phó với biến đổi khí hậu. Thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm chủ động phòng, chống, hạn chế tác động của lũ lụt, hạn hán, sạt lở bãi sông, bãi biển, triều cường, xâm nhập mặn do nước biển dâng đối với vùng ven biển, vùng đồng bằng sông Cửu Long, đồng bằng sông Hồng, duyên hải miền Trung, trước hết là khu vực Thành phố Hồ Chí Minh, Cần Thơ, Cà Mau và các thành phố ven biển khác. Sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả, giảm mức phát thải khí nhà kính.

X- TĂNG CƯỜNG QUỐC PHÒNG, AN NINH,
BẢO VỆ VỮNG CHẮC TỔ QUỐC VIỆT NAM
XÃ HỘI CHỦ NGHĨA TRONG TÌNH HÌNH MỚI

1. Tình hình

Trong bối cảnh quốc tế và khu vực có nhiều phức tạp,

chúng ta kiên quyết, kiên trì đấu tranh giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; bảo đảm quốc phòng, an ninh và trật tự, an toàn xã hội. Nhận thức về mục tiêu, yêu cầu bảo vệ Tổ quốc; về vị trí, vai trò của quốc phòng, an ninh trong tình hình mới; về quan hệ đối tác, đối tượng có bước phát triển. Chủ động, kiên quyết, kiên trì đấu tranh bằng các biện pháp phù hợp, bảo vệ được chủ quyền, biển, đảo, vùng trời và giữ được hòa bình, ổn định để phát triển đất nước. Chủ trương, giải pháp trong chiến lược quốc phòng, quân sự, chiến lược an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội tiếp tục được bổ sung, hoàn thiện. Thế trận quốc phòng toàn dân gắn kết chặt chẽ với thế trận an ninh nhân dân tiếp tục được tăng cường, củng cố, nhất là trên các địa bàn chiến lược quan trọng; sức mạnh về mọi mặt của Quân đội nhân dân và Công an nhân dân được tăng cường. Kết hợp có hiệu quả giữa nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; giữa kinh tế với quốc phòng, an ninh, đối ngoại. Đấu tranh làm thất bại âm mưu “diễn biến hòa bình”, hoạt động phá hoại, gây rối, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch; bước đầu đối phó có hiệu quả với mối đe dọa an ninh phi truyền thống, kiềm chế được tốc độ gia tăng tội phạm.

Tuy nhiên, nhận thức của một số cán bộ các cấp, các ngành về nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới chưa thật đầy đủ, sâu sắc. Kết hợp giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh trên một số lĩnh vực, địa bàn có lúc, có nơi chưa chặt chẽ. Việc quán triệt và triển khai thực hiện nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, các nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước về quốc phòng, an ninh của một số cấp ủy, chính quyền có nơi, có lúc chưa kiên quyết, triệt để; còn thiếu những giải pháp mang tính chiến lược,

tổng thể. Cơ chế, chính sách, pháp luật về quốc phòng, an ninh chưa hoàn thiện.

2. Phương hướng, nhiệm vụ

Mục tiêu trọng yếu của quốc phòng, an ninh là: Phát huy mạnh mẽ sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc, của cả hệ thống chính trị, tranh thủ tối đa sự đồng tình, ủng hộ của cộng đồng quốc tế, kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa; bảo vệ công cuộc đổi mới, sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, bảo vệ lợi ích quốc gia - dân tộc; bảo vệ nền văn hóa dân tộc; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định chính trị, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội.

Củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh quốc gia, ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên của Đảng, Nhà nước, của cả hệ thống chính trị và toàn dân, trong đó Quân đội nhân dân và Công an nhân dân là nòng cốt. Tăng cường tiềm lực quốc phòng và an ninh; xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân vững chắc. Chủ động đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch; ngăn chặn, phản bác những thông tin và luận điệu sai trái, đẩy lùi các loại tội phạm và tệ nạn xã hội; sẵn sàng ứng phó với các mối đe dọa an ninh truyền thống và phi truyền thống; bảo đảm an ninh, an toàn thông tin, an ninh mạng. Kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, bảo vệ vững chắc biên giới và chủ quyền biển, đảo, vùng trời của Tổ quốc; đồng thời giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển bền vững đất nước.

Giải quyết những bất đồng, tranh chấp bằng giải pháp hòa bình trên cơ sở tôn trọng luật pháp quốc tế.

Kết hợp chặt chẽ kinh tế, văn hóa, xã hội với quốc phòng, an ninh và quốc phòng, an ninh với kinh tế, văn hóa, xã hội trong từng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, chú trọng vùng sâu, vùng xa, biên giới, biển, đảo. Khắc phục triệt để những sơ hở, thiếu sót trong việc kết hợp kinh tế và quốc phòng, an ninh tại các địa bàn, nhất là địa bàn chiến lược. Kết hợp chặt chẽ giữa quốc phòng, an ninh và đối ngoại; tăng cường hợp tác quốc tế về quốc phòng, an ninh. Xây dựng “thế trận lòng dân”, tạo nền tảng vững chắc xây dựng nền quốc phòng toàn dân và nền an ninh nhân dân. Có kế sách ngăn ngừa các nguy cơ chiến tranh, xung đột từ sớm, từ xa; chủ động phòng ngừa, phát hiện sớm và triệt tiêu các nhân tố bất lợi, nhất là các nhân tố bên trong có thể gây ra đột biến. Xây dựng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, ưu tiên hiện đại hóa một số quân chủng, binh chủng, lực lượng; vững mạnh về chính trị, nâng cao chất lượng tổng hợp sức mạnh chiến đấu, tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, với Đảng, Nhà nước và nhân dân. Để đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, cần tăng cường nguồn lực cho quốc phòng, an ninh. Đẩy mạnh phát triển công nghiệp quốc phòng, an ninh theo hướng lưỡng dụng; tăng cường nguồn lực, tạo cơ sở vật chất - kỹ thuật hiện đại cho lực lượng Quân đội nhân dân và Công an nhân dân đáp ứng yêu cầu bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Tích cực, chủ động chuẩn bị lực lượng đủ mạnh và các kế hoạch, phương án tác chiến cụ thể, khoa học, sẵn sàng bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ và an ninh của Tổ quốc trong mọi tình huống. Nâng cao chất lượng công tác dự báo tình

hình. Kiên quyết giữ vững ổn định chính trị, ổn định kinh tế - xã hội trong mọi tình huống. Xây dựng, củng cố đường biên giới trên bộ hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; nâng cao năng lực thực thi pháp luật của các lực lượng làm nhiệm vụ ở biên giới, biển, đảo.

Để thực hiện thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, phải tiếp tục giữ vững, tăng cường sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng, sự quản lý tập trung, thống nhất của Nhà nước đối với Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc. Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, giáo dục nâng cao ý thức trách nhiệm của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, của các cấp, các ngành, của mỗi cán bộ, đảng viên và từng người dân đối với nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc. Phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, của cả hệ thống chính trị do Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, lực lượng vũ trang làm nòng cốt trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc. Hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách về quốc phòng, an ninh; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh.

XI- NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐỐI NGOẠI, CHỦ ĐỘNG VÀ TÍCH CỰC HỘI NHẬP QUỐC TẾ

1. Tình hình

Thực hiện đường lối đối ngoại đúng đắn của Đảng, trong thời gian qua, hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế của nước ta đã đạt được nhiều kết quả quan trọng. Môi trường hòa bình thuận lợi cho phát triển, độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ tiếp tục được giữ vững. Quan hệ đối ngoại được mở rộng và ngày càng đi vào chiều sâu. Quan

hệ với các nước láng giềng và các nước trong ASEAN được củng cố. Đã thiết lập quan hệ đối tác chiến lược, đối tác toàn diện với nhiều đối tác quan trọng. Hội nhập quốc tế được đẩy mạnh, góp phần quan trọng vào việc tăng cường nguồn lực cho phát triển, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Chủ động, tích cực tham gia các công việc chung của cộng đồng quốc tế, các diễn đàn, tổ chức khu vực và quốc tế, nâng cao vị thế của đất nước. Đối ngoại của Đảng, ngoại giao nhà nước và đối ngoại nhân dân được triển khai đồng bộ, hiệu quả, có bước phát triển mới.

Nhận thức đúng về xu thế của thời đại và cục diện thế giới, khu vực, Đảng, Nhà nước đã có định hướng chỉ đạo và các chính sách đúng đắn, kịp thời trên cơ sở lợi ích quốc gia - dân tộc. Nhiều chủ trương, giải pháp xử lý các vấn đề phức tạp, trong đó có vấn đề Biển Đông, đã tạo được sự đồng thuận cao trong toàn Đảng, toàn dân và được dư luận quốc tế ủng hộ.

Tuy nhiên, công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế có mặt chưa chủ động và hiệu quả chưa cao. Chưa có giải pháp đồng bộ, hữu hiệu để hạn chế các tác động tiêu cực trong quá trình đẩy mạnh hội nhập quốc tế. Trong nhận thức và chỉ đạo thực tiễn có lúc chưa theo kịp những chuyển biến mau lẹ, phức tạp của tình hình thế giới và khu vực. Sự phối hợp, kết hợp giữa các ngành, các địa phương còn thiếu chặt chẽ. Công tác nghiên cứu chiến lược, dự báo tình hình còn hạn chế.

2. Phương hướng, nhiệm vụ

Bảo đảm lợi ích tối cao của quốc gia - dân tộc, trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế, bình đẳng và cùng có lợi, thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển; đa dạng hóa, đa

phương hóa trong quan hệ đối ngoại; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; là bạn, là đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế. Trên cơ sở vừa hợp tác, vừa đấu tranh, hoạt động đối ngoại nhằm phục vụ mục tiêu giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, tranh thủ tối đa các nguồn lực bên ngoài để phát triển đất nước, nâng cao đời sống nhân dân; kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa; nâng cao vị thế, uy tín của đất nước và góp phần vào sự nghiệp hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới.

Nâng cao hiệu quả các hoạt động đối ngoại, tiếp tục đưa các mối quan hệ hợp tác đi vào chiều sâu, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác đối ngoại đa phương, chủ động và tích cực đóng góp xây dựng, định hình các thể chế đa phương. Kiên quyết đấu tranh, làm thất bại mọi âm mưu, hành động can thiệp vào công việc nội bộ, xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, an ninh quốc gia và ổn định chính trị của đất nước. Tiếp tục hoàn thành việc phân định biên giới trên bộ, thúc đẩy giải quyết các vấn đề trên biển trên cơ sở những nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế, Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển 1982 và quy tắc ứng xử của khu vực. Chú trọng phát triển quan hệ hợp tác, hữu nghị, truyền thống với các nước láng giềng, thúc đẩy quan hệ với các đối tác lớn, đối tác quan trọng. Chủ động, tích cực và có trách nhiệm cùng các nước ASEAN xây dựng Cộng đồng vững mạnh. Mở rộng, làm sâu sắc hơn và nâng cao hiệu quả quan hệ đối ngoại của Đảng, ngoại giao nhà nước và đối ngoại nhân dân.

Triển khai mạnh mẽ định hướng chiến lược chủ động và tích cực hội nhập quốc tế. Bảo đảm hội nhập quốc tế là sự nghiệp của toàn dân và cả hệ thống chính trị, đẩy mạnh hội nhập trên cơ sở phát huy tối đa nội lực, gắn kết chặt chẽ và thúc đẩy quá trình nâng cao sức mạnh tổng hợp, năng lực cạnh tranh của đất nước; hội nhập kinh tế là trọng tâm, hội nhập trong các lĩnh vực khác phải tạo thuận lợi cho hội nhập kinh tế; hội nhập là quá trình vừa hợp tác vừa đấu tranh, chủ động dự báo, xử lý linh hoạt mọi tình huống, không để rơi vào thế bị động, đối đầu, bất lợi.

Nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế, thực hiện đầy đủ các cam kết quốc tế, xây dựng và triển khai chiến lược tham gia các khu vực mậu dịch tự do với các đối tác kinh tế, thương mại quan trọng, ký kết và thực hiện hiệu quả các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới trong một kế hoạch tổng thể với lộ trình hợp lý, phù hợp với lợi ích của đất nước. Đẩy mạnh và làm sâu sắc hơn quan hệ với các đối tác, nhất là các đối tác chiến lược và các nước lớn có vai trò quan trọng đối với phát triển và an ninh của đất nước, đưa khuôn khổ quan hệ đã xác lập vào thực chất. Chủ động tham gia và phát huy vai trò tại các cơ chế đa phương, đặc biệt là ASEAN và Liên hợp quốc. Chủ động, tích cực tham gia các cơ chế đa phương về quốc phòng, an ninh, trong đó có việc tham gia các hoạt động hợp tác ở mức cao hơn như hoạt động gìn giữ hoà bình của Liên hợp quốc, diễn tập về an ninh phi truyền thống và các hoạt động khác. Đẩy mạnh hội nhập quốc tế trong lĩnh vực văn hóa, xã hội, khoa học - công nghệ, giáo dục - đào tạo và các lĩnh vực khác.

Tăng cường công tác nghiên cứu, dự báo chiến lược, tham mưu về đối ngoại; đổi mới nội dung, phương pháp, nâng cao

hiệu quả công tác tuyên truyền đối ngoại; chăm lo đào tạo, rèn luyện đội ngũ cán bộ làm công tác đối ngoại; bồi dưỡng kiến thức đối ngoại cho cán bộ chủ chốt các cấp.

Bảo đảm sự lãnh đạo thống nhất của Đảng, sự quản lý tập trung của Nhà nước đối với các hoạt động đối ngoại. Phối hợp chặt chẽ hoạt động đối ngoại của Đảng, ngoại giao nhà nước và đối ngoại nhân dân; giữa ngoại giao chính trị với ngoại giao kinh tế và ngoại giao văn hóa; giữa đối ngoại với quốc phòng, an ninh.

XII- PHÁT HUY SỨC MẠNH ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC

1. Tình hình

Khối đại đoàn kết toàn dân tộc tiếp tục được mở rộng, củng cố và tăng cường trong bối cảnh đất nước có nhiều khó khăn, thách thức. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân có đổi mới cả về nội dung và phương thức hoạt động; phát huy ngày càng tốt hơn vai trò tập hợp, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc; cùng Đảng, Nhà nước chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân; tham gia xây dựng Đảng, quản lý nhà nước, quản lý xã hội; thường xuyên tổ chức các cuộc vận động, phong trào thi đua yêu nước, góp phần tích cực vào những thành tựu chung của đất nước. Đạt được kết quả trên là do Đảng và Nhà nước luôn chủ trương nhất quán, phát huy cao độ sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc.

Tuy nhiên, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc chưa được phát huy đầy đủ, có lúc, có nơi chưa phát huy được vai trò, sức mạnh của nhân dân. Chưa đánh giá và dự báo chính xác

những diễn biến, thay đổi cơ cấu xã hội, tâm tư, nguyện vọng của các tầng lớp nhân dân để có chủ trương phù hợp. Chủ trương, quan điểm của Đảng về đại đoàn kết toàn dân tộc, về quyền và lợi ích hợp pháp của các giai cấp, tầng lớp nhân dân chưa được kịp thời thể chế hóa, hoặc đã thể chế hóa nhưng chưa được thực hiện nghiêm túc. Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân các cấp có lúc, có nơi chưa sâu sát các tầng lớp nhân dân và cơ sở, còn có biểu hiện hành chính hóa, chưa thiết thực, hiệu quả. Những hạn chế, khuyết điểm đó là do: Chậm đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân. Một bộ phận cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức chưa thật sự tôn trọng, lắng nghe ý kiến để giải quyết kịp thời, có hiệu quả những yêu cầu, nguyện vọng chính đáng của nhân dân. Hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách để thể chế hóa đường lối, chủ trương, quan điểm của Đảng về Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân còn thiếu và chưa đồng bộ.

2. Phương hướng, nhiệm vụ

Đại đoàn kết toàn dân tộc là đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam, là động lực và nguồn lực to lớn trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức do Đảng lãnh đạo. Phát huy mạnh mẽ mọi nguồn lực, mọi tiềm năng sáng tạo của nhân dân để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; lấy mục tiêu xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, độc lập, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh” làm điểm tương đồng; tôn trọng những điểm khác biệt không trái với lợi ích chung của quốc gia - dân tộc; đề cao tinh thần dân tộc, truyền thống yêu nước, nhân nghĩa, khoan

dung để tập hợp, đoàn kết mọi người Việt Nam ở trong và ngoài nước, tăng cường quan hệ mật thiết giữa nhân dân với Đảng, Nhà nước, tạo sinh lực mới của khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Tiếp tục thể chế hóa và cụ thể hóa các quan điểm, đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng về đại đoàn kết toàn dân tộc; hoàn thiện và thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách phát huy vai trò của nhân dân trong việc quyết định những vấn đề lớn của đất nước; bảo đảm tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân; khắc phục những hạn chế, bảo đảm tác dụng, hiệu quả thực chất hoạt động giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; tạo sự đồng thuận xã hội.

Đại đoàn kết toàn dân tộc phải dựa trên cơ sở giải quyết hài hòa quan hệ lợi ích giữa các thành viên trong xã hội; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân; không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, bảo đảm mỗi người dân đều được thụ hưởng những thành quả của công cuộc đổi mới. Mọi chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đều vì lợi ích của nhân dân. Đoàn kết trong Đảng là hạt nhân, là cơ sở vững chắc để xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Các cấp ủy đảng và chính quyền phải thường xuyên đối thoại, lắng nghe, học hỏi, tiếp thu ý kiến, giải quyết các khó khăn, vướng mắc và yêu cầu chính đáng của nhân dân; tin dân, tôn trọng, lắng nghe những ý kiến khác; có hình thức, cơ chế, biện pháp cụ thể, thích hợp để nhân dân bày tỏ chính kiến, nguyện vọng và thực hiện quyền làm chủ của mình thông qua Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân; trân trọng, tôn vinh những đóng góp, cống hiến của nhân dân.

Quan tâm giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng, phát triển *giai cấp công nhân* cả về số lượng và chất lượng; nâng cao bản lĩnh chính trị, trình độ học vấn, chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, tác phong công nghiệp, kỷ luật lao động của công nhân; bảo đảm việc làm, nâng cao thu nhập, cải thiện điều kiện làm việc, nhà ở, các công trình phúc lợi phục vụ cho công nhân; sửa đổi, bổ sung các chính sách, pháp luật về tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp,... để bảo vệ quyền lợi, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của công nhân.

Xây dựng, phát huy vai trò của *giai cấp nông dân*, chủ thể của quá trình phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới. Hỗ trợ, khuyến khích nông dân học nghề, chuyển dịch cơ cấu lao động, tiếp nhận và ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ, tạo điều kiện thuận lợi để nông dân chuyển sang làm công nghiệp và dịch vụ. Nâng cao năng suất lao động trong nông nghiệp, mở rộng và nâng cao chất lượng cung ứng các dịch vụ cơ bản về điện, nước sạch, y tế, giáo dục, thông tin..., cải thiện chất lượng cuộc sống của dân cư nông thôn; thực hiện có hiệu quả, bền vững công cuộc xóa đói, giảm nghèo, khuyến khích làm giàu hợp pháp.

Xây dựng *đội ngũ trí thức* ngày càng lớn mạnh, có chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước. Tôn trọng và phát huy tự do tư tưởng trong hoạt động nghiên cứu, sáng tạo. Trọng dụng trí thức trên cơ sở đánh giá đúng phẩm chất, năng lực và kết quả cống hiến. Bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, đãi ngộ và tôn vinh xứng đáng những cống hiến của trí thức. Có cơ chế, chính sách đặc biệt để thu hút nhân tài của đất nước. Coi trọng vai trò tư vấn, phản biện, giám định xã hội của các cơ quan nghiên cứu khoa học trong việc hoạch định

đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các dự án phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội.

Xây dựng, phát triển *đội ngũ doanh nhân* lớn mạnh cả về số lượng và chất lượng, có trình độ quản lý, kinh doanh giỏi, có đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội cao. Phát huy tiềm năng và vai trò tích cực, sáng tạo của *đội ngũ doanh nhân*. Có cơ chế, chính sách bảo đảm quyền lợi của *đội ngũ doanh nhân*. Tôn vinh những *doanh nhân* có nhiều đóng góp cho sự nghiệp phát triển đất nước.

Đổi mới nội dung, phương thức giáo dục chính trị, tư tưởng, lý tưởng, truyền thống, bồi dưỡng lý tưởng cách mạng, lòng yêu nước, xây dựng đạo đức, lối sống lành mạnh, ý thức tôn trọng và nghiêm chỉnh chấp hành Hiến pháp và pháp luật cho *thế hệ trẻ*. Có cơ chế, chính sách phù hợp tạo môi trường, điều kiện thuận lợi cho *thế hệ trẻ* học tập, nghiên cứu, lao động, giải trí, phát triển trí tuệ, kỹ năng, thể lực. Khuyến khích, cổ vũ thanh niên nuôi dưỡng ước mơ, hoài bão, xung kích, sáng tạo, làm chủ khoa học, công nghệ hiện đại. Phát huy vai trò của *thế hệ trẻ* trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Thu hút rộng rãi thanh niên, thiếu niên và nhi đồng tham gia các tổ chức do Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh làm nòng cốt và phụ trách.

Nâng cao trình độ mọi mặt và đời sống vật chất, tinh thần của *phụ nữ*; thực hiện tốt bình đẳng giới, tạo điều kiện cho *phụ nữ* phát triển tài năng. Nghiên cứu, bổ sung và hoàn thiện luật pháp và chính sách đối với lao động nữ, tạo điều kiện và cơ hội để *phụ nữ* thực hiện tốt vai trò và trách nhiệm của mình trong gia đình và xã hội. Kiên quyết đấu tranh chống các tệ nạn xã hội và xử lý nghiêm minh theo pháp luật các hành vi bạo lực, buôn bán, xâm hại nhân phẩm *phụ nữ*.

Đảng, Nhà nước có cơ chế, chính sách tạo điều kiện, đồng thời động viên *cựu chiến binh* tích cực tham gia xây dựng và bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa; giúp nhau làm kinh tế, cải thiện đời sống; tích cực tham gia giáo dục lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa anh hùng cách mạng cho thế hệ trẻ; tích cực tham gia đấu tranh phòng, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, tội phạm và các tệ nạn xã hội; góp phần xây dựng và củng cố cơ sở chính trị, xây dựng Đảng, chính quyền trong sạch, vững mạnh.

Quan tâm chăm sóc sức khỏe, tạo điều kiện để *người cao tuổi* hưởng thụ văn hóa, tiếp cận thông tin, sống vui, sống khỏe, sống hạnh phúc. Phát huy trí tuệ, kinh nghiệm sống, lao động, học tập của người cao tuổi trong xã hội và gia đình. Tiếp tục xây dựng gia đình “ông bà, cha mẹ mẫu mực, con cháu thảo hiền, vợ chồng hòa thuận, anh chị em đoàn kết, thương yêu nhau”; giúp đỡ người cao tuổi cô đơn không nơi nương tựa.

Đoàn kết *các dân tộc* có vị trí chiến lược trong sự nghiệp cách mạng của nước ta. Tiếp tục hoàn thiện các cơ chế, chính sách, bảo đảm các dân tộc bình đẳng, tôn trọng, đoàn kết, giải quyết hài hòa quan hệ giữa các dân tộc, giúp nhau cùng phát triển, tạo chuyển biến rõ rệt trong phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số, nhất là các vùng Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ, tây duyên hải miền Trung. Nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo, chất lượng nguồn nhân lực và chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số, người tiêu biểu có uy tín trong cộng đồng các dân tộc. Tăng cường kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện các chủ trương, chính sách dân tộc của

Đảng và Nhà nước ở các cấp. Chống kỳ thị dân tộc; nghiêm trị những âm mưu, hành động chia rẽ, phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc.

Tiếp tục hoàn thiện chính sách, pháp luật về *tín ngưỡng, tôn giáo*, phát huy những giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp của các tôn giáo. Quan tâm và tạo điều kiện cho các tổ chức tôn giáo sinh hoạt theo hiến chương, điều lệ của tổ chức tôn giáo đã được Nhà nước công nhận, theo quy định của pháp luật, đóng góp tích cực vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước. Đồng thời chủ động phòng ngừa, kiên quyết đấu tranh với những hành vi lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để chia rẽ, phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc hoặc những hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo trái quy định của pháp luật.

Nhà nước hoàn thiện cơ chế, chính sách để hỗ trợ, giúp đỡ *đồng bào định cư ở nước ngoài* ổn định cuộc sống, phát triển kinh tế, góp phần tăng cường hợp tác, hữu nghị giữa nhân dân ta với nhân dân các nước; được bảo hộ tính mạng, tài sản và các quyền, lợi ích chính đáng; tạo điều kiện để đồng bào giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc; có cơ chế, chính sách thu hút đồng bào hướng về Tổ quốc, đóng góp xây dựng và bảo vệ đất nước.

Tiếp tục tăng cường củng cố tổ chức, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của *Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân*. Mặt trận Tổ quốc đóng vai trò nòng cốt trong tập hợp, vận động nhân dân, đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, thực hiện dân chủ, tăng cường đồng thuận xã hội; giám sát và phản biện xã hội; tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước, hoạt động đối ngoại nhân dân góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

XIII- PHÁT HUY DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA, BẢO ĐẢM THỰC HIỆN QUYỀN LÀM CHỦ CỦA NHÂN DÂN

1. Tình hình

Đảng và Nhà nước tiếp tục ban hành nhiều chủ trương, chính sách, pháp luật nhằm phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm thực hiện quyền làm chủ của nhân dân. Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân được xác định đầy đủ hơn trong Hiến pháp năm 2013 và trong hệ thống pháp luật mới được ban hành và sửa đổi. Khẳng định rõ các quyền con người, quyền công dân về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội được công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm theo Hiến pháp và pháp luật; gắn quyền công dân với nghĩa vụ và trách nhiệm đối với xã hội. Ý thức về quyền và nghĩa vụ công dân, năng lực làm chủ, tham gia quản lý xã hội của nhân dân, ý thức về dân chủ trong xã hội được nâng lên. Việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở và Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn có tiến bộ.

Quyền làm chủ của nhân dân được phát huy tốt hơn trong các lĩnh vực của đời sống xã hội bằng dân chủ trực tiếp và dân chủ đại diện, nhất là trong lĩnh vực chính trị và kinh tế. Nhiều cấp ủy đảng, chính quyền đã lắng nghe, tăng cường tiếp xúc, đối thoại với nhân dân, tôn trọng các loại ý kiến khác nhau.

Coi trọng chăm lo hạnh phúc và sự phát triển toàn diện của con người, bảo vệ và bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của con người, tôn trọng và thực hiện các điều ước quốc tế về quyền con người mà nước ta ký kết.

Đạt được kết quả trên là do Đảng và Nhà nước coi trọng việc đề ra và tổ chức chỉ đạo thực hiện nhiều chủ trương, chính sách, pháp luật, quy chế, quy định mới nhằm phát huy

hơn nữa dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân. Hiến pháp năm 2013 quy định rõ: Nhà nước bảo đảm và phát huy quyền làm chủ của nhân dân; công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền con người, quyền công dân.

Tuy nhiên, nhận thức về dân chủ trong một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân còn hạn chế. Tình trạng tách rời, thậm chí đối lập giữa dân chủ và kỷ cương, pháp luật còn tồn tại ở nhiều nơi. Quyền làm chủ của nhân dân ở nhiều nơi, nhiều lĩnh vực còn bị vi phạm. Có lúc, có nơi, việc thực hiện dân chủ còn hạn chế hoặc mang tính hình thức; có tình trạng lợi dụng dân chủ gây chia rẽ, làm mất đoàn kết nội bộ, gây rối, ảnh hưởng đến an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội.

Những hạn chế, khuyết điểm nêu trên do nhiều nguyên nhân: Hệ thống pháp luật, cơ chế, quy chế, tổ chức và các điều kiện để thực thi dân chủ, quyền làm chủ của nhân dân còn thiếu và chưa đồng bộ. Không ít cấp ủy đảng, cơ quan nhà nước, cán bộ, đảng viên chưa là tấm gương về phát huy dân chủ trong xã hội.

2. Phương hướng, nhiệm vụ

Tiếp tục phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân. Mọi đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước phải xuất phát từ nguyện vọng, quyền và lợi ích chính đáng của nhân dân, được nhân dân tham gia ý kiến. Dân chủ phải được thực hiện đầy đủ, nghiêm túc trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Bảo đảm để nhân dân tham gia ở tất cả các khâu của quá trình đưa ra những quyết định liên quan đến lợi ích, cuộc sống của nhân dân, từ nêu sáng kiến, tham gia thảo

luận, tranh luận đến giám sát quá trình thực hiện. Tập trung xây dựng những văn bản pháp luật liên quan trực tiếp đến quyền làm chủ của nhân dân.

Thể chế hóa và nâng cao chất lượng các hình thức thực hiện dân chủ trực tiếp và dân chủ đại diện. Thực hiện quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, theo tinh thần của Hiến pháp năm 2013; gắn quyền với trách nhiệm, nghĩa vụ, đề cao đạo đức xã hội. Tiếp tục thực hiện tốt dân chủ ở cơ sở; hoàn thiện hệ thống pháp luật, tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền và nghĩa vụ của công dân.

Thể chế hóa và thực hiện tốt phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”.

Để thực hiện dân chủ trong xã hội, trước hết phải bảo đảm phát huy dân chủ trong Đảng là hạt nhân để phát huy đầy đủ dân chủ trong xã hội. Đẩy mạnh dân chủ hóa xã hội để phát huy quyền làm chủ của nhân dân, vai trò chủ động, sáng tạo của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân. Tổ chức thực hiện tốt Quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; Quy định về việc Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền; Quy định về giám sát đảng viên là cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý và các quy định, quy chế khác.

Phát huy dân chủ phải đi liền với tăng cường pháp chế, đề cao trách nhiệm công dân, giữ vững kỷ luật, kỷ cương và đề cao đạo đức xã hội. Phê phán những biểu hiện dân chủ cực đoan, dân chủ hình thức. Xử lý nghiêm những hành vi lợi dụng dân chủ để làm mất an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội và những hành vi vi phạm quyền dân chủ và quyền làm chủ của nhân dân.

XIV- XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIỆN NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

1. Tình hình

Quan điểm và thể chế về Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa được bổ sung, hoàn thiện một bước quan trọng và cơ bản. Nhận thức của các cấp, các ngành, của cán bộ, đảng viên và nhân dân về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân có bước phát triển. Hiến pháp năm 2013 đã khẳng định: Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam do nhân dân làm chủ; tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân mà nền tảng là liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức.

Nguyên tắc tổ chức quyền lực nhà nước được quy định đầy đủ hơn trong Hiến pháp năm 2013: Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp. Chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy và cơ chế hoạt động của tổ chức bộ máy nhà nước được xác định rõ hơn và có những bước tiến trong hoạt động. Vai trò của pháp luật trong tổ chức và hoạt động của Nhà nước, trong quản lý xã hội ngày càng được đề cao. Cơ chế phân công, phối hợp và kiểm soát quyền lực trong tổ chức và hoạt động của Nhà nước được xác định rõ hơn và trong tổ chức thực hiện đã có những bước tiến nhất định.

Quốc hội có nhiều đổi mới, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động. Hệ thống pháp luật tiếp tục được hoàn thiện. Hoạt động giám sát của Quốc hội đã tập trung vào những vấn đề bức thiết, quan trọng của đất nước. Việc thảo luận,

quyết định kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách nhà nước, các dự án, công trình trọng điểm quốc gia có chất lượng và thực chất hơn. Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các ủy ban của Quốc hội có nhiều đổi mới về tổ chức, nội dung, phương pháp hoạt động; trách nhiệm các đại biểu Quốc hội được nâng cao hơn.

Chính phủ và các bộ tập trung hơn vào quản lý, điều hành vĩ mô và năng động giải quyết những vấn đề lớn, quan trọng. Cải cách hành chính tiếp tục được chú trọng và bước đầu đạt kết quả tích cực. Tổ chức thí điểm đổi mới về tổ chức chính quyền địa phương được tập trung chỉ đạo và tổng kết, rút kinh nghiệm.

Nhiều chủ trương, đường lối của Đảng về cải cách tư pháp được thể chế trong Hiến pháp, pháp luật và được triển khai thực hiện nghiêm túc, đạt kết quả quan trọng. Tổ chức bộ máy của Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, cơ quan hỗ trợ tư pháp tiếp tục được kiện toàn; chất lượng hoạt động có tiến bộ, bảo vệ tốt hơn lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân; hạn chế tình trạng oan, sai.

Tuy nhiên, chưa chế định rõ, đồng bộ, hiệu quả cơ chế phân công, phối hợp và kiểm soát quyền lực nhà nước ở các cấp. Tổ chức bộ máy và cơ chế hoạt động của các thiết chế cơ bản trong bộ máy nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa như Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ, hệ thống tư pháp còn những điểm chưa thực sự hợp lý, hiệu lực, hiệu quả. Chưa khắc phục được sự chồng chéo, vướng mắc về chức năng, nhiệm vụ giữa các thiết chế, làm ảnh hưởng tới sự thống nhất quyền lực nhà nước và hiệu quả hoạt động của Nhà nước. Hệ thống pháp luật thiếu đồng bộ, nhiều nội dung chưa

đáp ứng yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền, còn chồng chéo; tính công khai, minh bạch, khả thi, ổn định còn hạn chế. Kỷ cương, kỷ luật trong quản lý nhà nước, thực thi công vụ còn nhiều yếu kém. Cải cách hành chính còn chậm, thiếu đồng bộ, chưa đáp ứng yêu cầu; thủ tục hành chính còn phức tạp, phiền hà, đang là rào cản lớn đối với việc tạo lập môi trường xã hội, môi trường kinh doanh lành mạnh, minh bạch, hiệu quả cho sự phát triển. Tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương chậm đổi mới; hiệu lực, hiệu quả ở nhiều nơi chưa cao. Trách nhiệm giải trình của các cấp chính quyền chưa được quy định rõ ràng. Việc triển khai một số nhiệm vụ cải cách tư pháp còn chậm; vẫn còn tình trạng những nhiễu, tiêu cực, oan, sai, bỏ lọt tội phạm. Công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí chưa đạt yêu cầu đề ra; tham nhũng, lãng phí vẫn còn nghiêm trọng.

Những hạn chế, khuyết điểm nêu trên do nhiều nguyên nhân, trong đó nổi bật là: Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa là vấn đề mới đối với nước ta. Sự phân định giữa vai trò lãnh đạo của Đảng và vai trò quản lý, điều hành của Nhà nước còn những nội dung chưa rõ; phương thức và cơ chế lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước ở các cấp còn nhiều điểm chưa được chế định rõ và phù hợp với nguyên tắc của Nhà nước pháp quyền. Tổ chức thực hiện pháp luật và pháp chế xã hội chủ nghĩa chưa nghiêm.

2. Phương hướng, nhiệm vụ

Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa do Đảng lãnh đạo là nhiệm vụ trọng tâm của đổi mới hệ thống chính trị

Trong tổ chức và hoạt động của Nhà nước, phải thực hiện dân chủ, tuân thủ các nguyên tắc pháp quyền và phải tạo ra

sự chuyển biến tích cực, đạt kết quả cao hơn. Xây dựng Nhà nước pháp quyền phải tiến hành đồng bộ cả lập pháp, hành pháp, tư pháp và được tiến hành đồng bộ với đổi mới hệ thống chính trị theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; gắn với đổi mới kinh tế, văn hóa, xã hội. Tiếp tục hoàn thiện cơ chế bảo vệ Hiến pháp và pháp luật.

Hoàn thiện thể chế, chức năng, nhiệm vụ, phương thức và cơ chế vận hành, nâng cao hiệu lực, hiệu quả của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa

Tiếp tục hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức của Nhà nước theo quy định của Hiến pháp năm 2013, đáp ứng các đòi hỏi của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Nhà nước được tổ chức và hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật, quản lý xã hội bằng Hiến pháp và pháp luật, thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ. Phân định rõ hơn vai trò và hoàn thiện cơ chế giải quyết tốt mối quan hệ giữa Nhà nước và thị trường.

Trong những năm tới, đẩy mạnh việc hoàn thiện pháp luật gắn với tổ chức thi hành pháp luật nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Bảo đảm pháp luật vừa là công cụ để Nhà nước quản lý xã hội, vừa là công cụ để nhân dân làm chủ, kiểm tra, giám sát quyền lực nhà nước. Quản lý đất nước theo pháp luật, đồng thời coi trọng xây dựng nền tảng đạo đức xã hội.

Xác định rõ cơ chế phân công, phối hợp thực thi quyền lực nhà nước, nhất là cơ chế kiểm soát quyền lực giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp trên cơ sở quyền lực nhà nước là thống

nhất; xác định rõ hơn quyền hạn và trách nhiệm của mỗi quyền. Đồng thời, quy định rõ hơn cơ chế phối hợp trong việc thực hiện và kiểm soát các quyền ở các cấp chính quyền. Tiếp tục phân định rõ thẩm quyền và trách nhiệm giữa các cơ quan nhà nước ở Trung ương và địa phương và của mỗi cấp chính quyền địa phương.

Hoàn thiện tổ chức và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước

Tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của Quốc hội, bảo đảm Quốc hội thực sự là cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất. Quốc hội thực hiện tốt chức năng lập pháp, quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước và giám sát tối cao, nhất là đối với việc quản lý, sử dụng các nguồn lực của đất nước.

Tổ chức thành công cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp, bảo đảm cơ cấu và tiêu chuẩn, nâng cao chất lượng đại biểu, tăng số lượng đại biểu hoạt động chuyên trách một cách hợp lý.

Hoàn thiện cơ chế để nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của cơ quan dân cử, nhất là hoạt động lập pháp của Quốc hội, đại biểu Quốc hội, cơ chế giám sát, đánh giá đối với người giữ chức vụ do Quốc hội, Hội đồng nhân dân bầu hoặc phê chuẩn. Tăng cường hơn nữa sự gắn kết giữa giám sát của Quốc hội với kiểm tra, giám sát của Đảng, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và giám sát của nhân dân.

Hoàn thiện cơ cấu tổ chức Chính phủ, xác định rõ hơn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất, thực hiện quyền hành pháp, là cơ quan chấp hành của Quốc hội.

Đẩy mạnh thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước theo hướng xây dựng nền hành chính dân chủ, hiện đại, chuyên nghiệp, năng động, phục vụ nhân dân, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả. Hoàn thiện thể chế hành chính dân chủ - pháp quyền, quy định trách nhiệm và cơ chế giải trình của các cơ quan nhà nước; giảm mạnh, bãi bỏ những thủ tục hành chính gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp. Đề cao đạo đức công vụ, trách nhiệm xã hội, siết chặt kỷ luật, kỷ cương trong chỉ đạo và thực thi công vụ của cán bộ, công chức; đẩy nhanh việc áp dụng chính phủ điện tử.

Tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện Chiến lược cải cách tư pháp, xây dựng nền tư pháp trong sạch, vững mạnh, dân chủ, nghiêm minh, từng bước hiện đại; bảo vệ pháp luật, công lý, quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức và cá nhân. Phân định rành mạch thẩm quyền quản lý hành chính với trách nhiệm, quyền hạn tư pháp trong tổ chức, hoạt động của các cơ quan tư pháp. Cụ thể hóa đầy đủ các nguyên tắc hiến định về chức năng, nhiệm vụ của Tòa án nhân dân và hoạt động xét xử.

Tổ chức tòa án theo thẩm quyền xét xử; bảo đảm nguyên tắc độc lập, nguyên tắc tranh tụng trong xét xử, bảo đảm quyền bào chữa của bị can, bị cáo, của đương sự. Tiếp tục xã hội hóa một số hoạt động tư pháp và hỗ trợ tư pháp có đủ điều kiện.

Viện kiểm sát nhân dân thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp; được tổ chức phù hợp với hệ thống tổ chức của Tòa án; tăng cường trách nhiệm công tố trong hoạt động điều tra.

Kiện toàn tổ chức cơ quan điều tra, xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của cơ quan điều tra.

Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của luật sư, hỗ trợ tư pháp.

Về chính quyền địa phương: Trên cơ sở bảo đảm tính thống nhất, thông suốt, hiệu lực, hiệu quả của nền hành chính quốc gia, xác định rõ thẩm quyền, trách nhiệm quản lý nhà nước của mỗi cấp chính quyền địa phương theo quy định của Hiến pháp và pháp luật. Việc hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của chính quyền địa phương gắn kết hữu cơ với đổi mới tổ chức và cơ chế hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội ở các cấp. Hoàn thiện mô hình tổ chức chính quyền địa phương phù hợp với đặc điểm ở nông thôn, đô thị, hải đảo, đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt theo luật định.

Chú trọng công tác xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức

Đảng tập trung lãnh đạo về đường lối, chủ trương, xây dựng tiêu chí, tiêu chuẩn, cơ chế, chính sách về cán bộ, công chức. Đẩy mạnh dân chủ hóa công tác cán bộ, quy định rõ trách nhiệm, thẩm quyền của mỗi tổ chức, mỗi cấp trong xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức trong sáng, có trình độ, năng lực chuyên môn phù hợp, đáp ứng yêu cầu của giai đoạn mới. Thực hiện thí điểm dân trực tiếp bầu một số chức danh ở cơ sở và ở cấp huyện; mở rộng đối tượng thi tuyển chức danh cán bộ quản lý. Hoàn thiện tiêu chí đánh giá và cơ chế kiểm tra, giám sát, kiểm soát việc thực thi công vụ; xác định

rõ quyền hạn, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính.

Rà soát, sửa đổi, bổ sung chính sách đối với cán bộ, công chức theo hướng khuyến khích cán bộ, công chức nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đạo đức công vụ, hoàn thành tốt nhiệm vụ; lấy bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, năng lực, hiệu quả thực thi nhiệm vụ để đánh giá, đề bạt, bổ nhiệm cán bộ. Xây dựng cơ chế, chính sách đãi ngộ, thu hút, trọng dụng nhân tài.

Đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu, hách dịch, cửa quyền; thực hành tiết kiệm trong các cơ quan nhà nước và trong đội ngũ cán bộ, công chức.

XV- XÂY DỰNG ĐẢNG TRONG SẠCH, VỮNG MẠNH, NÂNG CAO NĂNG LỰC LÃNH ĐẠO VÀ SỨC CHIẾN ĐẤU CỦA ĐẢNG

1. Tình hình

Cụ thể hóa thực hiện Nghị quyết Đại hội XI của Đảng về công tác xây dựng Đảng, ***Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XI đã thảo luận và thống nhất rất cao việc ban hành Nghị quyết “Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay”*** (có báo cáo chuyên đề việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khoá XI gửi đại biểu Đại hội XII).

Nhìn chung, các cấp uỷ, tổ chức đảng từ Trung ương đến cơ sở đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 một cách bài bản, quyết liệt và đã đạt được những kết quả bước đầu quan trọng, tạo chuyển

biến tích cực trong hệ thống chính trị, góp phần cảnh tỉnh, cảnh báo, răn đe, từng bước ngăn chặn và đẩy lùi tiêu cực, suy thoái trong Đảng.

Quá trình kiểm điểm tự phê bình và phê bình theo Nghị quyết Trung ương 4 và việc khắc phục, sửa chữa những hạn chế, khuyết điểm đã góp phần siết lại kỷ luật, kỷ cương trong Đảng, tạo được chuyển biến tích cực bước đầu trong việc ngăn chặn trên một số mặt tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong Đảng, khắc phục một số hạn chế, khuyết điểm trong công tác cán bộ và trong việc thực hiện các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách. Nhiều cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp đã chú trọng nâng cao tinh thần trách nhiệm, năng lực lãnh đạo, chỉ đạo thực tiễn, đổi mới lề lối làm việc; nghiêm khắc với mình hơn, giữ gìn đạo đức, lối sống; bước đầu tự sửa chữa khuyết điểm, tự điều chỉnh hành vi và các hoạt động trong công tác và trong cuộc sống của mình, của gia đình, vợ, chồng, con và người thân. Bước đầu kiểm chế, ngăn chặn tình trạng tham nhũng, lãng phí. Nhiều vụ việc, vụ án tham nhũng đặc biệt nghiêm trọng, phức tạp đã được phát hiện và tập trung chỉ đạo điều tra, xét xử nghiêm minh theo đúng quy định của pháp luật, được cán bộ, đảng viên và nhân dân hoan nghênh, đồng tình, ủng hộ. Nhiều chủ trương, nguyên tắc, quan điểm, giải pháp lớn về công tác cán bộ được thể chế, cụ thể hóa bằng các quy chế, quy định, quy trình bảo đảm dân chủ, chặt chẽ hơn. Công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển cán bộ được đẩy mạnh hơn. Quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 đã có tác động thúc đẩy đất nước vượt qua khó khăn, giữ vững ổn định chính trị, phát triển kinh tế - xã hội, củng cố niềm tin trong Đảng và nhân dân.

Đạt được kết quả nói trên là do Nghị quyết Trung ương 4 khoá XI là chủ trương đúng đắn và kịp thời, đáp ứng yêu cầu của thực tiễn; đã được Bộ Chính trị, Ban Bí thư và cấp uỷ, tổ chức đảng các cấp tập trung chỉ đạo thực hiện với quyết tâm chính trị cao, chặt chẽ, cán bộ, đảng viên đồng tình, thống nhất cao và thực hiện nghiêm túc.

Tuy nhiên, trong thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 một số việc chưa đạt mục tiêu Nghị quyết đề ra. Trong tự phê bình và phê bình, tình trạng nể nang, né tránh, ngại va chạm vẫn còn khá phổ biến, một số cán bộ, đảng viên chưa tự giác nhìn nhận đúng mức khuyết điểm và trách nhiệm của mình trong công việc được giao phụ trách. Trên một số vấn đề, qua kiểm điểm của cấp uỷ, tổ chức đảng các cấp từ Trung ương đến cơ sở vẫn chưa làm rõ thực chất, mức độ nghiêm trọng của tình hình, xảy ra ở đâu, ai chịu trách nhiệm, như tình trạng suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống; tình trạng chạy chức, chạy tội, tham nhũng, lợi ích nhóm,... Việc sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các quy định của Đảng và Nhà nước theo hướng đề cao hơn trách nhiệm và quyền hạn của người đứng đầu trong mối quan hệ giữa tập thể và cá nhân chưa thực hiện được. Tình trạng tham nhũng, lãng phí vẫn còn nghiêm trọng với biểu hiện ngày càng tinh vi, phức tạp, gây bức xúc trong dư luận, ảnh hưởng đến niềm tin của nhân dân với Đảng và Nhà nước. Tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên chưa bị đẩy lùi; có mặt, có bộ phận còn diễn biến phức tạp hơn; một số rất ít cán bộ, đảng viên bị phân tử xấu lợi dụng lôi kéo, kích động, xúi giục, mua chuộc đã có tư tưởng, việc làm chống đối Đảng, Nhà nước.

Những hạn chế, khuyết điểm nêu trên chủ yếu do các vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay là những vấn đề

quan trọng, khó và đã kéo dài qua nhiều nhiệm kỳ, chưa có những giải pháp đủ mạnh để khắc phục, giải quyết. Công tác thông tin, tuyên truyền về thực hiện Nghị quyết có lúc, có nơi chưa đầy đủ, kịp thời, chưa định hướng được dư luận; một số địa phương, đơn vị còn buông lỏng khâu kiểm tra, giám sát việc thực hiện và khắc phục, sửa chữa khuyết điểm.

Đánh giá chung, công tác xây dựng Đảng 5 năm qua đã đạt được những kết quả quan trọng:

Công tác xây dựng Đảng về chính trị trước tình hình mới tiếp tục được coi trọng. Kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; kiên định đường lối đổi mới; chống giáo điều, bảo thủ, trì trệ hoặc chủ quan, nóng vội. Coi trọng giữ vững bản chất giai cấp công nhân và các nguyên tắc hoạt động của Đảng. Năng lực hoạch định đường lối, chính sách có bước tiến bộ.

Chất lượng và hiệu quả công tác tư tưởng, lý luận có bước được nâng lên. Công tác tư tưởng được coi trọng và tăng cường, góp phần tạo sự thống nhất trong Đảng, sự đồng thuận trong xã hội. Tích cực đấu tranh phòng, chống “diễn biến hoà bình” của các thế lực thù địch; chủ động phòng ngừa, đấu tranh phê phán, ngăn chặn những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ. Công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận được đẩy mạnh hơn. Trong nhiệm kỳ đã tiến hành tổng kết 20 năm thực hiện Hiến pháp năm 1992; tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn qua 30 năm đổi mới và tổng kết 20 năm thực hiện Nghị quyết số 01-NQ/TW của Bộ Chính trị khoá VII về công tác lý luận,...

Coi trọng rèn luyện phẩm chất đạo đức cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân trong cán bộ, đảng viên. Việc thực hiện Chỉ

thị số 03-CT/TW của Bộ Chính trị về học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh đạt kết quả bước đầu quan trọng.

Tổ chức bộ máy các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tiếp tục được sắp xếp, kiện toàn theo yêu cầu, nhiệm vụ mới. Chúc năng, nhiệm vụ, mối quan hệ công tác của các tổ chức trong hệ thống chính trị được phân định, điều chỉnh phù hợp hơn. Chỉ đạo việc thực hiện thí điểm một số mô hình đổi mới về tổ chức bộ máy chính quyền địa phương. Chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị từng bước được nâng lên, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới.

Công tác xây dựng, củng cố, kiện toàn tổ chức cơ sở đảng, việc phát triển và nâng cao chất lượng đảng viên đã được các cấp uỷ, tổ chức đảng tập trung chỉ đạo thực hiện, nhất là đối với những tổ chức cơ sở đảng yếu kém, có nhiều khó khăn, những địa bàn trọng yếu, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới; thu hẹp đáng kể tình trạng chi bộ sinh hoạt ghép hoặc chưa có chi bộ ở các thôn, ấp, bản, làng. Số đảng viên mới kết nạp là đoàn viên thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, nữ, trí thức, học sinh, sinh viên, dân tộc thiểu số, người theo tôn giáo, người lao động trong các thành phần kinh tế và chủ doanh nghiệp tư nhân tăng hơn so với khóa trước. Tuổi bình quân kết nạp đảng trong nhiệm kỳ này trẻ hơn so với trước.

Nhiều chủ trương, nguyên tắc, quan điểm, giải pháp lớn về công tác cán bộ được thể chế, cụ thể hóa bằng quy chế, quy định, quy trình bảo đảm dân chủ, chặt chẽ hơn. Thực hiện việc lấy phiếu tín nhiệm cán bộ, trọng tâm là đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, được dư luận đồng tình, có tác dụng, hiệu quả. Công tác đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển, bố trí, sử dụng cán bộ về cơ bản đã thực hiện theo quy hoạch.

Tiến hành xây dựng quy hoạch Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và các chức danh chủ chốt của Đảng, Nhà nước. Quy định và thực hiện chế độ bồi dưỡng, cập nhật kiến thức mới đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp và đào tạo, bồi dưỡng cán bộ theo chức danh có tác dụng tốt. Việc thực hiện chính sách cán bộ trong hệ thống chính trị tiếp tục được quan tâm.

Công tác bảo vệ chính trị nội bộ được các cấp ủy, tổ chức đảng quan tâm chỉ đạo, tổ chức thực hiện và đạt nhiều kết quả, góp phần xây dựng, bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ, bảo đảm an ninh chính trị.

Công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng được tăng cường, có hiệu lực, hiệu quả hơn, góp phần thực hiện nhiệm vụ chính trị và công tác xây dựng Đảng; tham mưu, đề xuất, sửa đổi, bổ sung và ban hành mới các văn bản của Đảng đồng bộ, phù hợp. Tiếp tục quan tâm củng cố, kiện toàn ủy ban kiểm tra, cơ quan ủy ban kiểm tra và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ kiểm tra các cấp.

Đảng và Nhà nước đã thể hiện quyết tâm chính trị trong công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Nhận thức về đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí được nâng lên trong các cấp ủy, các ngành, các cấp, các tổ chức trong hệ thống chính trị, trong cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và nhân dân. Tiếp tục ban hành các quy định của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; tăng cường hoạt động của Ban Chỉ đạo và các đơn vị chuyên trách phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Nhiều vụ án tham nhũng đặc biệt nghiêm trọng, phức tạp được phát hiện, điều tra, xử lý nghiêm minh, được dư luận đồng tình, ủng hộ, tạo sức mạnh răn đe, phòng ngừa tham nhũng.

Công tác dân vận được quan tâm và có bước đổi mới cùng với việc ban hành, thực hiện nhiều chủ trương, chính sách phát triển kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội, xóa đói, giảm nghèo; nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân. Áp dụng nhiều hình thức vận động, tập hợp nhân dân thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và tích cực tham gia xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước trong sạch, vững mạnh; đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước, các hoạt động đối ngoại nhân dân và công tác vận động người Việt Nam ở nước ngoài.

Phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị tiếp tục được đổi mới. Đã ban hành nhiều quy chế, quy định, quy trình công tác để thực hiện, bảo đảm giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng, đồng thời phát huy vai trò, tính chủ động, sáng tạo và trách nhiệm của các tổ chức trong hệ thống chính trị, nhất là vai trò của Nhà nước và Mặt trận Tổ quốc. Việc đổi mới phong cách, lề lối làm việc của các cơ quan lãnh đạo của Đảng từ Trung ương tới cơ sở có bước tiến bộ. Thực hiện chế độ tập thể lãnh đạo đi đôi với phát huy tính chủ động, sáng tạo và trách nhiệm của cá nhân, nhất là trách nhiệm của người đứng đầu. Coi trọng việc phát huy vai trò, trách nhiệm của các tổ chức đảng, đảng viên, cấp ủy viên hoạt động trong các cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; nói đi đôi với làm. Có những đổi mới trong việc ra nghị quyết, coi trọng việc lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết việc thực hiện nghị quyết, chỉ thị của Đảng. Tiếp tục cải cách thủ tục hành chính trong Đảng theo hướng giảm bớt thủ tục, giấy tờ, hội họp.

Với những kết quả quan trọng nêu trên, Đảng ta giữ vững được bản lĩnh chính trị, bản chất cách mạng và khoa

học, kiên định mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, kiên định đường lối đổi mới. Đảng ta xứng đáng là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội.

Đạt được những kết quả đó là do Đảng ta luôn xác định nhiệm vụ xây dựng Đảng là then chốt; đa số cán bộ, đảng viên có quan điểm, lập trường tư tưởng vững vàng, giữ vững phẩm chất đạo đức, vai trò tiên phong, gương mẫu trong thực hiện chức trách, nhiệm vụ; thu hút sự tham gia của hệ thống chính trị và nhân dân vào việc chỉnh đốn, xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh.

Tuy nhiên, công tác xây dựng Đảng trong 5 năm qua còn nhiều hạn chế, khuyết điểm:

Dự báo, hoạch định, lãnh đạo tổ chức thực hiện chính sách của Đảng, Nhà nước còn nhiều hạn chế. Việc thể chế hoá, xây dựng chương trình hành động và tổ chức thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, quy định, kết luận của Đảng chưa kịp thời, đồng bộ, cụ thể và hiệu quả chưa cao. Năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của không ít tổ chức đảng còn thấp, thậm chí có nơi mất sức chiến đấu; công tác quản lý, giáo dục, rèn luyện đảng viên ở một số nơi chưa được quan tâm thường xuyên; chất lượng sinh hoạt đảng chưa cao và tính chiến đấu trong tự phê bình và phê bình còn yếu.

Chất lượng và hiệu quả công tác tư tưởng, lý luận chưa cao. Chậm khắc phục có hiệu quả những hạn chế của công tác tư tưởng như thiếu sắc bén, chưa thuyết phục. Đấu tranh chống âm mưu, hoạt động “diễn biến hoà bình” của các thế lực thù địch, phòng, chống “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” còn bị động, hiệu quả chưa cao. Công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận chưa đáp ứng yêu cầu của công cuộc đổi

mới. Hệ thống, chương trình đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị còn nhiều bất hợp lý. Phương pháp giảng dạy, học tập lý luận chính trị còn lạc hậu.

Việc triển khai thực hiện nội dung các nghị quyết, chỉ thị, chủ trương, chính sách của Đảng về rèn luyện phẩm chất đạo đức, lối sống, nâng cao năng lực, trình độ của cán bộ, đảng viên chưa thực sự tích cực, đồng bộ, thường xuyên, một số nơi thực hiện chưa nghiêm túc. Việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh chưa đều, chưa đi vào chiều sâu ở nhiều ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị; một số nơi thực hiện còn mang tính hình thức.

Tổ chức bộ máy của Đảng và toàn hệ thống chính trị còn công kênh, nhiều tầng nấc; chức năng, nhiệm vụ ở một số tổ chức còn chồng chéo; hiệu lực, hiệu quả hoạt động của nhiều tổ chức trong hệ thống chính trị chưa đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ; thẩm quyền, trách nhiệm của cán bộ, công chức, nhất là trách nhiệm của người đứng đầu chưa rõ. Mô hình tổ chức đảng ở một số lĩnh vực chưa thật hợp lý, nhất là ở các tập đoàn, tổng công ty,...

Việc kiện toàn tổ chức, bộ máy các cơ quan, tổ chức nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội gắn với tinh giản biên chế, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức kết quả còn thấp. Số lượng cán bộ, công chức không những không giảm mà lại tăng, nhất là ở các đơn vị sự nghiệp công lập và công chức, cán bộ chuyên trách, không chuyên trách xã, phường, thị trấn. Việc đổi mới công tác cán bộ chưa có đột phá lớn. Đánh giá cán bộ vẫn là khâu yếu nhất qua nhiều nhiệm kỳ nhưng chưa có những tiêu chí cụ thể và giải pháp khoa học để khắc phục. Tình trạng chạy chức, chạy quyền, chạy tuổi, chạy bằng cấp,... chưa được ngăn chặn, đẩy lùi. Đội ngũ cán bộ cấp Trung ương, cấp chiến lược chưa được

tập trung xây dựng. Chưa quan tâm đúng mức đến việc xây dựng đội ngũ cán bộ tham mưu, tư vấn cấp chiến lược. Công tác quy hoạch ở một số nơi còn khép kín, chưa bảo đảm sự liên thông, gắn kết. Tỷ lệ cán bộ lãnh đạo và cấp ủy là người dân tộc thiểu số, cán bộ nữ, cán bộ trẻ, việc luân chuyển bố trí một số chức danh cán bộ lãnh đạo không là người địa phương thực hiện chưa đạt yêu cầu. Những hạn chế, khuyết điểm trong công tác cán bộ là một trong những điểm yếu, cản trở sự phát triển.

Công tác bảo vệ chính trị nội bộ có mặt còn hạn chế. Chưa nắm và giải quyết tốt vấn đề chính trị hiện nay, trong khi những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” có xu hướng diễn biến phức tạp trong Đảng, trong hệ thống chính trị và trong xã hội. Không ít cán bộ, đảng viên có những biểu hiện dao động, mất phương hướng, hoài nghi về vai trò lãnh đạo của Đảng, về mục tiêu, lý tưởng và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Đã xuất hiện những việc làm và phát ngôn vô nguyên tắc, trái với Cương lĩnh, đường lối, Điều lệ Đảng ở một số cán bộ, đảng viên.

Chất lượng, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát và xử lý tổ chức đảng và đảng viên vi phạm chưa cao, chưa đủ sức góp phần ngăn chặn, đẩy lùi tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong nội bộ Đảng. Nhiều khuyết điểm, sai phạm của tổ chức đảng, đảng viên chậm được phát hiện, kiểm tra, xử lý, hoặc xử lý kéo dài, nên kỷ cương, kỷ luật ở một số nơi chưa nghiêm; chưa phát huy đầy đủ vai trò, trách nhiệm của các tổ chức trong hệ thống chính trị và của nhân dân trong công tác kiểm tra, giám sát.

Công tác dân vận còn nhiều mặt hạn chế. Việc xây dựng, nhất là triển khai thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng về công tác dân vận còn chưa kịp thời, kém hiệu quả; chưa

đánh giá và dự báo chính xác những diễn biến, thay đổi cơ cấu xã hội, thành phần dân cư, tâm tư, nguyện vọng của các tầng lớp nhân dân,... để có chủ trương, chính sách và biện pháp phù hợp.

Nhiều cấp ủy đảng, chính quyền các cấp chưa thực hiện tốt vai trò lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí; chưa phát huy được sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, của nhân dân trong phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí chưa đạt mục tiêu, yêu cầu. Tham nhũng, lãng phí vẫn còn nghiêm trọng, với những biểu hiện ngày càng tinh vi, phức tạp, xảy ra trên nhiều lĩnh vực, ở nhiều cấp, nhiều ngành, làm cản trở sự phát triển kinh tế - xã hội, gây bức xúc trong dư luận, là thách thức nghiêm trọng đối với vai trò lãnh đạo của Đảng và hiệu lực quản lý của Nhà nước, đe dọa sự tồn vong của chế độ.

Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội còn chậm, nhất là việc cụ thể hóa phương thức lãnh đạo của Đảng đã được xác định trong Cương lĩnh bổ sung, phát triển năm 2011; phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước có những nội dung còn lúng túng. Chưa xác định rõ nội dung và phương thức cầm quyền. Chưa thật sự phát huy vai trò của các tổ chức đảng, đảng viên, cấp ủy viên hoạt động trong các cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; một bộ phận cán bộ, đảng viên chưa gương mẫu trước nhân dân. Chưa khắc phục được tình trạng ban hành nhiều nghị quyết; một số nghị quyết nội dung thiếu tính khả thi, chưa tính kỹ nguồn lực và điều kiện thực hiện. Chưa thật tập trung lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết việc thực hiện nghị quyết; một số

ng nghị quyết chậm đi vào cuộc sống. Còn có biểu hiện quan liêu, cửa quyền, chưa thật sự sâu sát thực tế, cơ sở. Tình trạng nói không đi đôi với làm, nói nhiều làm ít chậm được khắc phục.

Những hạn chế, khuyết điểm trên đây làm cho Đảng ta chưa thật sự trong sạch, vững mạnh, làm giảm lòng tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân đối với Đảng, Nhà nước và chế độ.

Nguyên nhân của những hạn chế, khuyết điểm là do xây dựng Đảng cầm quyền trong điều kiện phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế là vấn đề mới và khó, phải vừa làm, vừa tìm tòi, tổng kết rút kinh nghiệm để đổi mới, hoàn thiện. Chậm đổi mới tư duy về công tác xây dựng Đảng trong điều kiện mới. Nhận thức chưa đầy đủ và sâu sắc, có mặt chưa rõ, chưa thống nhất một số vấn đề quan trọng ở tầm quan điểm, chủ trương. Chưa thật sự phát huy dân chủ trong Đảng, phát huy vai trò giám sát, tham gia của nhân dân vào công tác xây dựng Đảng. Việc tổ chức thực hiện nghị quyết, chủ trương về xây dựng Đảng chưa nghiêm, còn thiếu các biện pháp cụ thể, khả thi. Nhiều cấp ủy đảng và bí thư cấp ủy chưa đầu tư đúng mức thời gian, công sức cho công tác xây dựng Đảng. Lãnh đạo, chỉ đạo, kiện toàn tổ chức, đổi mới công tác cán bộ thiếu đồng bộ, kiên quyết, hiệu quả thấp.

2. Phương hướng, nhiệm vụ

Trong những năm tới, yêu cầu, nhiệm vụ nặng nề của thời kỳ phát triển mới đòi hỏi phải đẩy mạnh hơn nữa công tác xây dựng Đảng, trọng tâm là kiên quyết, kiên trì tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khoá XI. Các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị và cá nhân cán bộ lãnh đạo, quản lý

các cấp từ Trung ương đến cơ sở nghiêm túc, tự giác và có kế hoạch, biện pháp phù hợp để khắc phục, sửa chữa những yếu kém, khuyết điểm.

Chú trọng xây dựng Đảng về chính trị

Kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, vận dụng sáng tạo và phát triển phù hợp với thực tiễn Việt Nam; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; kiên định đường lối đổi mới. Nâng cao bản lĩnh chính trị, trình độ trí tuệ, tính chiến đấu của toàn Đảng và của mỗi cán bộ, đảng viên, trước hết là cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt các cấp; không dao động trong bất cứ tình huống nào. Giữ vững bản chất giai cấp công nhân của Đảng, vai trò tiên phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên.

Kiên định những vấn đề có tính nguyên tắc trong công tác xây dựng Đảng. Nâng cao năng lực cầm quyền của Đảng và bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng có hiệu lực, hiệu quả; giữ vững bản lĩnh chính trị của Đảng, của các tổ chức đảng, của cán bộ, đảng viên.

Nâng cao năng lực hoạch định đường lối, chính sách phù hợp với quy luật khách quan và đặc điểm của Việt Nam, tạo bước đột phá để phát triển.

Hoàn thiện cơ chế, quy chế và tổ chức thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả việc tự phê bình, phê bình, chất vấn trong các kỳ họp của Ban Chấp hành Trung ương, cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy các cấp. Xây dựng và tổ chức thực hiện có hiệu quả cơ chế phát huy vai trò của nhân dân tham gia xây dựng Đảng.

Đổi mới công tác tư tưởng, lý luận

Tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức, nâng cao hơn nữa tính chiến đấu, tính thuyết phục, hiệu quả của công tác

tư tưởng phục vụ yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chính trị, phù hợp với từng giai đoạn, tạo sự thống nhất trong Đảng, đồng thuận trong xã hội; đẩy mạnh tuyên truyền, học tập chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước phù hợp với từng đối tượng theo hướng cụ thể, thiết thực, hiệu quả.

Đổi mới công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống cho cán bộ, đảng viên. Đấu tranh, ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống; ngăn chặn, đẩy lùi những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”. Tăng cường đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch; chủ động ngăn chặn, phản bác các thông tin, quan điểm xuyên tạc, sai trái, thù địch.

Tiếp tục đổi mới tư duy lý luận, làm rõ cơ sở lý luận, thực tiễn, hoàn thiện hệ thống các quan điểm về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, đẩy mạnh công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận, cung cấp các luận cứ khoa học, lý luận cho việc hoạch định, phát triển đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Đổi mới mô hình tổ chức, phương thức hoạt động, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của cơ quan nghiên cứu lý luận của Đảng; đầu tư thích đáng cho việc xây dựng, phát triển đội ngũ cán bộ lý luận, nhất là những chuyên gia đầu ngành; nâng cao chất lượng tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận, đáp ứng yêu cầu mới.

Đổi mới mạnh mẽ công tác giáo dục lý luận chính trị, học tập nghị quyết của Đảng. Thực hiện nền nếp việc bồi dưỡng lý luận, cập nhật kiến thức mới cho cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, đặc biệt là cấp Trung ương. Tiếp tục đổi mới hệ thống chương trình đào tạo, bồi

đưỡng lý luận chính trị theo hướng nâng cao chất lượng, chú trọng tính hiệu quả và phù hợp với từng đối tượng.

Tăng cường rèn luyện phẩm chất đạo đức cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân, cơ hội, thực dụng

Tập trung thực hiện mục tiêu: “*Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức*”.

Tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; coi đó là công việc thường xuyên của các tổ chức đảng, các cấp chính quyền, các tổ chức chính trị - xã hội, địa phương, đơn vị gắn với chống suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ. Kiên quyết đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, chủ nghĩa cá nhân, lối sống cơ hội, thực dụng, bè phái, “lợi ích nhóm”, nói không đi đôi với làm.

Xây dựng và thực hiện tốt các quy định để phát huy vai trò gương mẫu trong rèn luyện phẩm chất đạo đức, lối sống, phong cách, tác phong, lề lối công tác của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo các cấp, người đứng đầu các cơ quan, đơn vị. Thực hiện nghiêm cơ chế kiểm tra, giám sát, kiểm soát của tổ chức đảng, giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và của nhân dân về phẩm chất, đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên.

Tiếp tục đổi mới, kiện toàn tổ chức bộ máy của Đảng và hệ thống chính trị

Tiếp tục đổi mới bộ máy của Đảng và hệ thống chính trị theo hướng tinh gọn, nâng cao hiệu lực, hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành. Đổi mới, kiện toàn tổ chức bộ máy phải gắn với hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, nâng cao chất lượng

đội ngũ cán bộ, công chức; xác định rõ quan hệ giữa tập thể lãnh đạo với cá nhân phụ trách; quyền hạn đi đôi với trách nhiệm và đề cao trách nhiệm của người đứng đầu. Hoàn thiện và thực hiện nghiêm cơ chế kiểm soát quyền lực, ngăn ngừa sự lạm quyền, vi phạm kỷ luật, kỷ cương. Nghiên cứu thực hiện thí điểm hợp nhất một số cơ quan đảng và nhà nước tương đồng về chức năng, nhiệm vụ.

Thực hiện chủ trương quản lý biên chế thống nhất trong toàn bộ hệ thống chính trị. Tinh giản tổ chức, bộ máy gắn với tiếp tục phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, phương thức hoạt động của các tổ chức; thực hiện kiêm nhiệm một số chức danh và tinh giản biên chế trong toàn hệ thống chính trị. Cơ bản thực hiện mô hình bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch Hội đồng nhân dân các cấp. Sớm tổng kết mô hình bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, cấp huyện ở những nơi có đủ điều kiện. Điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp phù hợp với tình hình thực tiễn và yêu cầu, nhiệm vụ mới. Trên cơ sở đó, tinh giản số cán bộ được hưởng lương và phụ cấp ở cơ sở.

Kiện toàn tổ chức, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đảng viên

Tập trung củng cố, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng, đổi mới nội dung, hình thức, phương pháp, tạo chuyển biến về chất lượng hoạt động của các loại hình tổ chức cơ sở đảng, nhất là tổ chức đảng trong các cơ quan, đơn vị sự nghiệp và doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế. Kien toàn tổ chức, bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện của Đảng ở cơ sở. Xây dựng đội ngũ đảng viên thật sự tiên phong, gương mẫu, trọng dân, gần dân, hiểu dân, học

dân, có trách nhiệm cao trong công việc, có bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức cách mạng, ý thức tổ chức kỷ luật và năng lực hoàn thành nhiệm vụ, vững vàng trước mọi khó khăn, thách thức, phấn đấu cho mục tiêu, lý tưởng của Đảng. Tiếp tục đổi mới, tăng cường công tác quản lý, phát triển, sàng lọc đảng viên, bảo đảm chất lượng. Đẩy mạnh công tác phát triển đảng trong công nhân. Kiên quyết đưa ra khỏi Đảng những người vi phạm nghiêm trọng Điều lệ Đảng, pháp luật của Nhà nước. Tổng kết việc thực hiện Quy định của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về đảng viên làm kinh tế tư nhân và việc thí điểm kết nạp những người là chủ doanh nghiệp tư nhân đủ tiêu chuẩn vào Đảng.

Đổi mới mạnh mẽ công tác cán bộ, coi trọng công tác bảo vệ chính trị nội bộ

Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện *Chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*. Thể chế hóa, cụ thể hóa các nguyên tắc về: quan hệ giữa đường lối chính trị và đường lối cán bộ; quan điểm giai cấp và chính sách đại đoàn kết rộng rãi trong công tác cán bộ; quan hệ giữa tiêu chuẩn và cơ cấu; giữa đức và tài; giữa kế thừa và phát triển; giữa sự quản lý thống nhất của Đảng với phát huy đầy đủ trách nhiệm của các cơ quan trong hệ thống chính trị; giữa thẩm quyền, trách nhiệm cá nhân và tập thể; giữa phân cấp, phân quyền và kiểm tra, giám sát, kiểm soát để thực hiện thống nhất, đồng bộ trong Đảng và hệ thống chính trị. Quán triệt và nghiêm túc thực hiện quan điểm Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ, đi đôi với phát huy quyền và trách nhiệm của các tổ chức và người đứng đầu các tổ chức trong hệ thống chính trị về công tác cán bộ. Tiếp tục ban hành và thực hiện các quy

định, quy chế, cơ chế trong công tác cán bộ bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ và chặt chẽ giữa các khâu, liên thông giữa các cấp; trong đó có quy chế về việc đánh giá đúng đắn, khách quan đối với cán bộ, để có cơ sở sử dụng, bố trí cán bộ, ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng chạy chức, chạy tuổi, chạy bằng cấp,... Tăng tỷ lệ cán bộ lãnh đạo, cấp ủy là người dân tộc thiểu số, cán bộ nữ, cán bộ trẻ. Đổi mới bầu cử trong Đảng, phương thức tuyển chọn, bổ nhiệm cán bộ,... để lựa chọn những người có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức tốt, năng động, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm giữ các vị trí lãnh đạo, đặc biệt là người đứng đầu. Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là đội ngũ cán bộ cấp chiến lược, đủ năng lực và phẩm chất, ngang tầm nhiệm vụ. Có cơ chế, chính sách phát hiện, thu hút, trọng dụng nhân tài.

Tăng cường trách nhiệm của cấp ủy, nhất là cấp ủy cơ sở trong công tác bảo vệ chính trị nội bộ. Xác định rõ nhiệm vụ trọng tâm của công tác bảo vệ chính trị nội bộ trong giai đoạn hiện nay là bảo vệ Cương lĩnh, Điều lệ Đảng; bảo vệ nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng; bảo vệ Hiến pháp và pháp luật; bảo vệ cán bộ, đảng viên về mặt chính trị. Gắn công tác bảo vệ chính trị nội bộ với công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Kiên quyết đấu tranh, ngăn chặn những hiện tượng cục bộ, bè phái, “lợi ích nhóm”, gây mất đoàn kết trong Đảng. Xử lý nghiêm những cán bộ, đảng viên vi phạm quy định của Ban Chấp hành Trung ương về những điều đảng viên không được làm, nhất là phát ngôn, tuyên truyền, tán phát tài liệu trái Cương lĩnh, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị, quy định của Đảng, Hiến pháp và pháp luật của Nhà nước. Đấu tranh có hiệu quả với âm mưu, hoạt động “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch.

Đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng

Nâng cao nhận thức của các cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên, trước hết là người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng về công tác kiểm tra, giám sát, để lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm trong công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng. Tập trung chỉ đạo xây dựng, hoàn thiện các quy định của Đảng để nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng.

Đổi mới, tăng cường, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát của các cấp ủy, tổ chức đảng, ủy ban kiểm tra các cấp và chi bộ; xử lý kịp thời, nghiêm minh những tổ chức đảng, đảng viên vi phạm Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị, quy định của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, những hành vi dung túng, bao che cho khuyết điểm, vi phạm của tổ chức đảng và đảng viên, công khai kết quả xử lý. Chú trọng kiểm tra, giám sát người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng, tổ chức nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội trong việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn được giao và việc giữ gìn phẩm chất đạo đức, lối sống, không để người thân trong gia đình lợi dụng chức vụ, quyền hạn để trục lợi. Tăng cường kiểm tra, giám sát đối với các ban cán sự đảng, đảng đoàn, các tổ chức đảng ở các cơ quan nhà nước, các đơn vị kinh tế và các lĩnh vực dễ xảy ra sai phạm. Tiếp tục hoàn thiện cơ chế, phương pháp, quy trình kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật và giải quyết khiếu nại trong Đảng; hoàn thiện cơ chế và nâng cao chất lượng phối hợp thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng giữa ủy ban kiểm tra với các tổ chức đảng và cơ quan liên quan.

Nghiên cứu việc tăng thẩm quyền kiểm tra, thi hành kỷ luật đảng cho ủy ban kiểm tra các cấp. Kiện toàn ủy ban kiểm tra, tổ chức bộ máy và cán bộ cơ quan ủy ban kiểm tra tương xứng, ngang tầm với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao. Đổi mới và nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ kiểm tra các cấp. Có chế độ, chính sách hợp lý đối với cán bộ kiểm tra.

Tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác dân vận, tăng cường quan hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân

Củng cố vững chắc niềm tin của nhân dân đối với Đảng, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc và mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân; tập hợp, vận động nhân dân thực hiện tốt các chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước; phát huy sức mạnh to lớn của nhân dân, tạo thành phong trào cách mạng rộng lớn xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng về công tác dân vận trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Đội ngũ cán bộ, đảng viên phải thật sự tin dân, trọng dân, gần dân, hiểu dân, học dân, dựa vào dân, có trách nhiệm với dân. Giải quyết kịp thời, có hiệu quả những bức xúc, những kiến nghị chính đáng của nhân dân và khiếu nại, tố cáo của công dân.

Kịp thời thể chế hóa đường lối, chủ trương của Đảng thành chính sách, pháp luật phù hợp với thực tiễn và đáp ứng lợi ích, nguyện vọng chính đáng của nhân dân. Tiếp tục thể chế hóa, cụ thể hóa mối quan hệ “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ”, nhất là nội dung nhân dân

làm chủ và phương châm “*Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra*”.

Tăng cường và đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác dân vận của các cơ quan nhà nước. Thực hiện tốt Quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị. Quan tâm đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ chuyên trách làm công tác dân vận.

Đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí

Xác định đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí là nhiệm vụ thường xuyên, quan trọng đồng thời là nhiệm vụ khó khăn, phức tạp, lâu dài; là trách nhiệm của các cấp ủy đảng, trước hết là người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, và của toàn bộ hệ thống chính trị. Kiên quyết phòng, chống tham nhũng, lãng phí với yêu cầu chủ động phòng ngừa, không để xảy ra tham nhũng, lãng phí; xử lý nghiêm các hành vi tham nhũng, lãng phí, bao che, dung túng, tiếp tay cho các hành vi tham nhũng, lãng phí, can thiệp, ngăn cản việc chống tham nhũng, lãng phí.

Đẩy mạnh việc nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các quy định của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước để bảo đảm công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí có hiệu lực, hiệu quả, nhất là trong các lĩnh vực có nguy cơ tham nhũng cao như: quản lý và sử dụng đất đai, khai thác tài nguyên, khoáng sản; thu, chi ngân sách, mua sắm công, tài chính, ngân hàng, thực hiện các dự án đầu tư xây dựng cơ bản; công tác cán bộ; quản lý doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp cổ phần có vốn nhà nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; giáo dục, đào tạo và y tế. Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức, ý

thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành, của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và nhân dân về công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tạo sự thống nhất, tự giác, quyết tâm cao trong hành động. Kiên quyết xử lý và kịp thời thay thế những cán bộ lãnh đạo, quản lý tham nhũng, lãng phí; xử lý nghiêm minh trách nhiệm của người đứng đầu khi để xảy ra tham nhũng, lãng phí trong tổ chức, cơ quan, đơn vị, địa phương mình trực tiếp quản lý, các cán bộ, đảng viên, công chức vi phạm về kê khai và minh bạch tài sản, thu nhập; kiên quyết thu hồi tiền, tài sản bị tham nhũng,... Đồng thời, đẩy mạnh cải cách chính sách tiền lương, thu nhập, chính sách nhà ở bảo đảm cuộc sống cho cán bộ, đảng viên, công chức để góp phần phòng, chống tham nhũng. Kiên quyết, kiên trì xây dựng cơ chế phòng ngừa để không thể tham nhũng; cơ chế răn đe, trừng trị để không dám tham nhũng.

Tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan có chức năng đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án để nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Xây dựng cơ chế phòng ngừa, ngăn chặn quan hệ “lợi ích nhóm”; chống đặc quyền, đặc lợi, khắc phục “tư duy nhiệm kỳ”; đẩy mạnh cải cách hành chính, cải cách tư pháp. Phát huy vai trò của các cơ quan dân cử, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân, các phương tiện thông tin đại chúng và của nhân dân trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Xây dựng và thực hiện tốt cơ chế khuyến khích và bảo vệ tổ chức, cá nhân phát hiện, tố cáo tham nhũng, lãng phí.

Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng

Nâng cao hiệu quả thực hiện và tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị,

đặc biệt là với Nhà nước. Đảng lãnh đạo Nhà nước bằng các chủ trương, chính sách lớn, lãnh đạo thể chế hóa các quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng thành chính sách, pháp luật, lãnh đạo xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức đủ phẩm chất và năng lực, lãnh đạo tổ chức thực hiện có hiệu quả các chủ trương, chính sách và hệ thống pháp luật; chú trọng lãnh đạo đổi mới, nâng cao chất lượng lập pháp, cải cách hành chính và cải cách tư pháp; các tổ chức của Đảng và đảng viên phải gương mẫu tuân thủ Hiến pháp và pháp luật. Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, tôn trọng nguyên tắc hiệp thương dân chủ trong tổ chức và hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Phát huy mạnh mẽ vai trò, hiệu lực của Nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội, xây dựng hệ thống chính trị hoạt động năng động, có hiệu lực và hiệu quả.

Tiếp tục cụ thể hóa phương thức lãnh đạo của Đảng đã được xác định trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) ở tất cả các cấp bằng những quy chế, quy định, quy trình cụ thể. Quy định rõ hơn Đảng phục vụ nhân dân, chịu sự giám sát của nhân dân, chịu trách nhiệm trước nhân dân về những quyết định của mình; về quyền hạn, trách nhiệm của người đứng đầu và mối quan hệ giữa tập thể cấp ủy, tổ chức đảng với người đứng đầu, bảo đảm thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, đi đôi với phát huy vai trò, trách nhiệm, tính chủ động của người đứng đầu và cơ chế xử lý đối với người đứng đầu khi vi phạm. Quy định rõ hơn thẩm quyền và trách nhiệm của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, cấp ủy và ban thường vụ cấp ủy các cấp. Đẩy mạnh việc phân cấp, phân quyền; có cơ chế để các địa

phương phát huy quyền chủ động, sáng tạo, gắn với đề cao trách nhiệm, đồng thời bảo đảm sự lãnh đạo, quản lý thống nhất của Trung ương.

Coi trọng xây dựng văn hóa trong các tổ chức đảng, cơ quan nhà nước, trong hệ thống chính trị mà nội dung quan trọng là tiếp tục đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo trong hệ thống tổ chức của Đảng; đổi mới phương pháp, phong cách, lề lối làm việc của các cơ quan lãnh đạo của Đảng từ Trung ương tới cơ sở, xây dựng phong cách làm việc khoa học, tập thể, dân chủ, gần dân, trọng dân, vì dân, bám sát thực tiễn, nói đi đôi với làm.

Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng việc xây dựng, ban hành nghị quyết của Đảng, luật pháp, chính sách của Nhà nước. Nghị quyết phải thiết thực, ngắn gọn, khả thi; phải tính đến cân đối các nguồn lực và điều kiện bảo đảm triển khai thực hiện có hiệu quả; phân công rõ trách nhiệm tổ chức, cá nhân, thời hạn hoàn thành các nhiệm vụ, giải pháp được ghi trong nghị quyết. Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo kiên quyết, dứt điểm việc cụ thể hóa, thể chế hóa, tổ chức thực hiện nghị quyết; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc; đổi mới cách thức quán triệt, sơ kết, tổng kết việc thực hiện nghị quyết, chỉ thị của Đảng, bảo đảm tính hiệu quả. Đẩy mạnh cải cách hành chính trong Đảng, khắc phục những thủ tục rườm rà, bất hợp lý, giảm bớt giấy tờ, giảm mạnh hội họp.

Tiếp tục tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận về đảng cầm quyền, xác định rõ mục đích cầm quyền, phương thức cầm quyền, nội dung cầm quyền, điều kiện cầm quyền; vấn đề phát huy dân chủ trong điều kiện một đảng duy nhất cầm quyền; các nguy cơ cần phải phòng ngừa đối với đảng cầm quyền.

SÁU NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM
TRONG NHIỆM KỲ ĐẠI HỘI XII

Trong nhiệm kỳ Đại hội XII, cần đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, phát huy mọi nguồn lực và động lực để phát triển đất nước nhanh, bền vững; đặc biệt chú trọng tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện có kết quả sáu nhiệm vụ trọng tâm sau:

1. Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ. Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là đội ngũ cán bộ cấp chiến lược, đủ năng lực, phẩm chất và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ.

2. Xây dựng tổ chức bộ máy của toàn hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu.

3. Tập trung thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả ba đột phá chiến lược (hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao; xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ), cơ cấu lại tổng thể và đồng bộ nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng; đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, chú trọng công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới. Chú trọng giải quyết tốt vấn đề cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước, cơ cấu lại ngân sách nhà nước, xử lý nợ xấu và bảo đảm an toàn nợ công.

4. Kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc;

giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước; bảo đảm an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội. Mở rộng và đưa vào chiều sâu các quan hệ đối ngoại; tận dụng thời cơ, vượt qua thách thức, thực hiện hiệu quả hội nhập quốc tế trong điều kiện mới, tiếp tục nâng cao vị thế và uy tín của đất nước trên trường quốc tế.

5. Thu hút, phát huy mạnh mẽ mọi nguồn lực và sức sáng tạo của nhân dân. Chăm lo nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, giải quyết tốt những vấn đề bức thiết; tăng cường quản lý phát triển xã hội, bảo đảm an ninh xã hội, an ninh con người; bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao phúc lợi xã hội và giảm nghèo bền vững. Phát huy quyền làm chủ của nhân dân, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc.

6. Phát huy nhân tố con người trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội; tập trung xây dựng con người về đạo đức, nhân cách, lối sống, trí tuệ và năng lực làm việc; xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh.

*

* *

Đại hội lần thứ XII của Đảng khẳng định quyết tâm của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta tận dụng thời cơ, vượt qua khó khăn, thách thức, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước, phát huy sức mạnh toàn dân tộc và dân chủ xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh toàn diện và đồng bộ công cuộc đổi mới, phát triển đất nước nhanh và bền vững, thực hiện thắng lợi mục tiêu cao cả “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội.

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN
NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI
5 NĂM 2011 - 2015 VÀ PHƯƠNG HƯỚNG,
NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI
5 NĂM 2016 - 2020**

Phần thứ nhất

**ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ
PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM 2011 - 2015**

Trước Đại hội Đảng lần thứ XI, hầu hết các nước trên thế giới thực hiện chính sách hỗ trợ tăng trưởng nhằm đối phó với khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu. Nhiều dự báo cho rằng, khủng hoảng có thể sớm kết thúc và triển vọng kinh tế thế giới sẽ phục hồi sau năm 2010. Trong nước, chúng ta thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, trong đó có chính sách kích cầu, hỗ trợ tăng trưởng. Giai đoạn 2006 - 2010 tăng trưởng kinh tế đạt 7%/năm. Nước ta đã ra khỏi tình trạng kém phát triển, bước vào Nhóm các nước đang phát triển có thu nhập trung bình và hoàn thành nhiều mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ. Trên cơ sở kết quả đạt được của giai đoạn 2006 - 2010 và do chưa lường hết được những khó khăn, thách thức nên nhiều

chỉ tiêu chủ yếu về kinh tế - xã hội đề ra cho 5 năm 2011 - 2015 là khá cao.

Sau Đại hội Đảng, tình hình thế giới diễn biến nhanh và rất phức tạp. Kinh tế phục hồi chậm hơn dự báo¹. Nhiều nước tăng cường bảo hộ thương mại và sản xuất. Khủng hoảng nợ công diễn ra trầm trọng hơn ở nhiều quốc gia. Các nước lớn cạnh tranh quyết liệt giành ảnh hưởng trong khu vực. Đối với nước ta, tác động của khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu làm cho mặt trái của chính sách kích cầu và những yếu kém nội tại của nền kinh tế bộc lộ nặng nề hơn. Lạm phát tăng cao, kinh tế vĩ mô không ổn định, sản xuất kinh doanh và đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn. Trong khi đó, thiên tai, dịch bệnh gây thiệt hại lớn và yêu cầu bảo đảm an sinh xã hội, tăng cường quốc phòng, an ninh ngày càng cao.

Trước diễn biến mới của tình hình, Trung ương Đảng, Bộ Chính trị đã kịp thời điều chỉnh nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội: Tập trung ưu tiên kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô; bảo đảm an sinh xã hội, cải thiện đời sống nhân dân; duy trì tăng trưởng ở mức hợp lý gắn với đẩy mạnh thực hiện ba đột phá chiến lược, cơ cấu lại nền kinh tế và đổi mới mô hình tăng trưởng; bảo đảm quốc phòng, an ninh và ổn định chính trị - xã hội; tăng cường hoạt động đối ngoại và nâng cao hiệu quả hội nhập quốc tế; tạo tiền đề vững chắc để tăng trưởng cao hơn ở những năm cuối của kế hoạch 5 năm.

1. Tháng 10-2010, Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF) dự báo kinh tế thế giới năm 2011 tăng 4,2%, giai đoạn 2012 - 2015 tăng 4,6%/năm. Thực tế tăng trưởng kinh tế thế giới (theo Báo cáo triển vọng kinh tế thế giới của IMF vào tháng 10-2015) năm 2011 tăng 4,2%, năm 2012 tăng 3,4%, năm 2013 tăng 3,3%, năm 2014 tăng 3,4% và năm 2015 dự kiến tăng 3,1%.

Tình hình phức tạp, căng thẳng ở Biển Đông đe dọa nghiêm trọng hòa bình, ổn định và tác động tiêu cực đến phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Chúng ta kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và thực hiện các giải pháp phù hợp để giữ vững hòa bình và quan hệ hữu nghị với các nước. Đồng thời nỗ lực phấn đấu để đạt kết quả cao nhất các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội đã đề ra.

I- CÁC KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Lạm phát được kiểm soát, kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định

Thực hiện đồng bộ các giải pháp để kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô; điều hành chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt và phối hợp tốt hơn với chính sách tài khóa. Đã cơ bản bảo đảm được các cân đối lớn của nền kinh tế. Tốc độ tăng giá tiêu dùng giảm mạnh, từ 18,13% năm 2011 xuống còn 0,6% vào năm 2015. Mặt bằng lãi suất giảm, năm 2015 chỉ bằng 40% so với năm 2011. Tỷ giá, thị trường ngoại hối ổn định. Khắc phục được cơ bản tình trạng sử dụng đôla, vàng trong giao dịch thanh toán. Niềm tin vào đồng tiền Việt Nam tăng lên. Tổng kim ngạch xuất khẩu tăng khá cao, đạt bình quân 17,5%/năm; tỷ trọng sản phẩm chế biến trong cơ cấu hàng xuất khẩu tăng mạnh. Cán cân thương mại được cải thiện; cán cân thanh toán quốc tế thặng dư khá cao. Dự trữ ngoại hối tăng, đạt mức cao nhất từ trước đến nay.

Quản lý ngân sách nhà nước được tăng cường; chính sách thu được điều chỉnh linh hoạt, phù hợp, góp phần tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy sản xuất kinh doanh, đáp ứng

yêu cầu hội nhập; đẩy mạnh chống thất thu, chống chuyển giá, xử lý nợ đọng thuế, thu ngân sách tăng gần 2 lần so với giai đoạn 2006 - 2010. Chi ngân sách được quản lý chặt chẽ hơn, tiết kiệm và ưu tiên cho bảo đảm an sinh xã hội và phát triển con người. Huy động các nguồn lực cho đầu tư phát triển, tập trung vốn hoàn thành các công trình quan trọng, cấp bách và đầu tư phát triển nông nghiệp, nông thôn. Nợ công, nợ nước ngoài của quốc gia được cơ cấu lại một bước và trong giới hạn theo quy định của pháp luật¹. Tăng cường quản lý thị trường, giá cả, bảo đảm cân đối cung - cầu các mặt hàng thiết yếu và đẩy mạnh phòng, chống buôn lậu, gian lận thương mại.

2. Tăng trưởng kinh tế được duy trì ở mức hợp lý, từ năm 2013 dần phục hồi, năm sau cao hơn năm trước; chất lượng tăng trưởng được nâng lên

Tốc độ tăng Tổng sản phẩm trong nước (GDP) bình quân 5 năm đạt trên 5,9%/năm². Quy mô và tiềm lực của nền kinh

1. Đến cuối năm 2015, tỷ lệ nợ công/GDP khoảng 61,3%, nợ chính phủ là 48,9%, nợ nước ngoài của quốc gia là 41,5% (theo Nghị quyết số 10/2011/QH13, ngày 08-11-2011 về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011 - 2015 của Quốc hội, đến năm 2015 nợ công không quá 65% GDP, nợ Chính phủ không quá 50% GDP và nợ nước ngoài của quốc gia không quá 50% GDP).

2. Tăng trưởng GDP năm 2011 đạt 6,24%, năm 2012: 5,25%, năm 2013: 5,42%, năm 2014: 5,98% và năm 2015 đạt 6,68%. Theo báo cáo của Ngân hàng Thế giới tại Hội nghị đối tác phát triển Việt Nam (ngày 05-12-2014), trong giai đoạn khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu (2008 - 2013), tăng trưởng GDP bình quân đầu người của Trung Quốc đạt 8,5%, Việt Nam đạt 4,6%, Indônêxia đạt 4,5%, Philipppin đạt 3,3%, Thái Lan đạt 2,7%, Malaixia đạt 2,6%.

tế tiếp tục tăng lên; GDP năm 2015 đạt 193,4 tỉ USD, bình quân đầu người khoảng 2.109USD¹.

Sản xuất công nghiệp từng bước phục hồi; giá trị gia tăng ngành công nghiệp, xây dựng tăng bình quân 6,9%/năm²; tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong cơ cấu công nghiệp tăng. Khu vực nông nghiệp cơ bản phát triển ổn định, giá trị gia tăng tăng bình quân 3,0%/năm; độ che phủ rừng đạt khoảng 40,7% vào năm 2015. Giá trị gia tăng khu vực dịch vụ tăng khá, bình quân 6,3%/năm. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng bình quân 14,1%/năm (loại trừ yếu tố giá tăng khoảng 5,6%). Tổng doanh thu từ khách du lịch tăng bình quân 21%/năm; khách quốc tế đạt 7,9 triệu lượt vào năm 2015.

Chất lượng tăng trưởng nhiều mặt được nâng lên, đóng góp của khoa học, công nghệ tăng; năng suất lao động tăng bình quân 4,2%/năm, cao hơn giai đoạn trước³; vốn đầu tư được sử dụng hiệu quả hơn⁴; đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng giai đoạn 2011 - 2015 khoảng 29%.

1. Tính theo giá hiện hành. Tính theo sức mua tương đương khoảng 5.800USD. Theo điều tra mức sống dân cư, thu nhập bình quân đầu người năm 2014 của cả nước đạt 31,7 triệu đồng, trong đó khu vực thành thị là 47,6 triệu đồng, khu vực nông thôn là 24,5 triệu đồng.

2. Giá trị gia tăng ngành công nghiệp, xây dựng năm 2011 tăng 6,68%, năm 2012: 5,75%, năm 2013: 5,43%, năm 2014: 7,14%, năm 2015: 9,29%.

3. Bình quân giai đoạn 2006 - 2015 tăng 3,9%, trong đó giai đoạn 2006 - 2010 là 3,4%.

4. Tiêu hao điện năng trên một đơn vị GDP giảm từ 0,8kWh năm 2010 xuống còn 0,71 - 0,72kWh năm 2015. Chỉ số ICOR giai đoạn 2011 - 2015 khoảng 6,92 (giai đoạn 2006 - 2010 là 6,96).

3. Ba đột phá chiến lược được tập trung thực hiện và đạt kết quả tích cực

3.1. Thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa tiếp tục được hoàn thiện; môi trường đầu tư, kinh doanh và năng lực cạnh tranh có bước được cải thiện

Hệ thống pháp luật ngày càng được hoàn thiện, đáp ứng tốt hơn quá trình phát triển và hội nhập quốc tế. Đã ban hành và triển khai thực hiện Hiến pháp năm 2013. Thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được xác định cụ thể hơn, từng bước thực thi có hiệu quả và tạo được sự đồng thuận trong xã hội. Các yếu tố thị trường và các loại thị trường được hình thành và vận hành khá đồng bộ, gần kết hiệu quả hơn với thị trường ngoài nước. Giá hàng hóa, dịch vụ đã cơ bản theo nguyên tắc thị trường. Thực hiện giá thị trường theo lộ trình đối với xăng dầu, than, điện, nước, dịch vụ giáo dục, y tế,... gắn với hỗ trợ các đối tượng chính sách, hộ nghèo, vùng khó khăn.

Môi trường đầu tư, kinh doanh được cải thiện, cạnh tranh minh bạch, bình đẳng hơn giữa các thành phần kinh tế, các loại hình doanh nghiệp, góp phần huy động, phân bổ và sử dụng ngày càng hiệu quả các nguồn lực trong, ngoài nước cho phát triển kinh tế - xã hội. Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhà nước được tăng cường. Năng lực cạnh tranh có bước được nâng lên. Vai trò kinh tế ngoài nhà nước (không kể đầu tư nước ngoài) ngày càng được phát huy, đóng góp 38,5% tổng đầu tư toàn xã hội và 48,3% GDP.

3.2. Phát triển nguồn nhân lực và khoa học, công nghệ đạt được những kết quả tích cực

Hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách phát triển nguồn nhân lực và khoa học, công nghệ tiếp tục được hoàn thiện.

Mạng lưới giáo dục, đào tạo được mở rộng, quy mô và chất lượng được nâng lên, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của xã hội. Nội dung, phương pháp giáo dục, đào tạo, thi cử và kiểm định chất lượng có đổi mới. Cơ cấu đào tạo hợp lý hơn. Tập trung đầu tư cơ sở vật chất và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục, đào tạo. Chú trọng giáo dục, đào tạo vùng khó khăn và đồng bào dân tộc thiểu số. Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý có bước phát triển. Xã hội hóa giáo dục, đào tạo được đẩy mạnh. Tỷ lệ nhập học mầm non, tiểu học, trung học cơ sở đạt mức cao. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt khoảng 51,6% vào năm 2015. Dạy nghề cho lao động nông thôn được quan tâm¹.

Tiềm lực khoa học, công nghệ được tăng cường. Đầu tư từ ngân sách nhà nước cho khoa học, công nghệ tăng bình quân 16,5%/năm, đạt khoảng 2% tổng chi ngân sách nhà nước. Đầu tư xã hội cho khoa học, công nghệ tăng nhanh, ước đạt 1,3% GDP vào năm 2015. Khoa học cơ bản đã có bước phát triển². Ứng dụng khoa học và đổi mới công nghệ có bước tiến bộ, nhất là trong các lĩnh vực nông nghiệp, xây dựng, y tế, thông tin và truyền thông,... Các quỹ về khoa học và công nghệ được thành lập, bước đầu đi vào hoạt động và phát huy hiệu quả. Phát triển thị trường khoa học, công nghệ, tăng cường hoạt động kết nối cung - cầu, giá trị giao dịch công nghệ tăng bình quân 13,5%/năm. Hình thành một số mô

1. Trong giai đoạn 2010 - 2015, đã có trên 4,1 triệu lao động nông thôn được đào tạo nghề theo Đề án 1956 về đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

2. Có hai trung tâm xuất sắc là Trung tâm Toán học quốc tế và Trung tâm Vật lý quốc tế được UNESCO công nhận và bảo trợ.

hình gắn kết hiệu quả giữa viện, trường với doanh nghiệp trong hoạt động khoa học, công nghệ.

3.3. Huy động các nguồn lực đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đạt kết quả quan trọng

Đã rà soát, bổ sung quy hoạch phát triển kết cấu hạ tầng với tầm nhìn tổng thể, dài hạn. Đa dạng hóa phương thức và nguồn vốn đầu tư. Hệ thống kết cấu hạ tầng được tập trung đầu tư xây dựng; nhiều công trình quan trọng, thiết yếu được đưa vào sử dụng, tạo diện mạo mới cho đất nước và đã góp phần tích cực phát triển kinh tế - xã hội, hội nhập kinh tế quốc tế và bảo đảm quốc phòng, an ninh.

Hạ tầng giao thông cả đường bộ, đường sắt, đường hàng không, hàng hải, đường thủy được quan tâm đầu tư, bảo đảm tốt hơn sự kết nối trên phạm vi cả nước và giao thương quốc tế¹. Hạ tầng năng lượng cơ bản đáp ứng được yêu cầu phát

1. Bước đầu thiết lập mạng đường bộ cao tốc với các tuyến Hà Nội - Lào Cai; Thành phố Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu Giây; Bến Lức - Long Thành; Đà Nẵng - Quảng Ngãi; Hà Nội - Thái Nguyên; Hà Nội - Hải Phòng; Cầu Giẽ - Ninh Bình. Hoàn thành các công trình giao thông quan trọng: Nhà ga T2 Cảng hàng không quốc tế Nội Bài, cầu Nhật Tân, đường cao tốc cầu Nhật Tân - Nội Bài, cảng Cái Mép - Thị Vải, cảng hàng không Phú Quốc mới, sân bay Thọ Xuân, cải tạo Cảng hàng không quốc tế Đà Nẵng, Cảng hàng không Vinh,... Hoàn thành các dự án cải tạo mở rộng Quốc lộ 1, đường Hồ Chí Minh đoạn qua Tây Nguyên vượt so với tiến độ dự kiến 1 năm. Đang xây dựng các tuyến tàu điện ngầm, đường sắt trên cao tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh, cảng cửa ngõ quốc tế Lạch Huyện, cầu Cao Lãnh, cầu Vàm Cống, đường bộ cao tốc Hà Nội - Lạng Sơn, Trung Lương - Mỹ Thuận, Mỹ Thuận - Cần Thơ,... Theo đánh giá 2 năm một lần của Diễn đàn kinh tế thế giới (WEF), năm 2014, WEF xếp hạng năng lực và chất lượng hạ tầng giao thông Việt Nam đứng vị trí 74, tăng 16 bậc so với năm 2012 và tăng 29 bậc so với năm 2010.

triển và bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia¹. Hạ tầng thủy lợi được đầu tư, nâng cấp và khai thác hiệu quả hơn. Hạ tầng đô thị có bước được cải thiện, nhất là ở các thành phố lớn²; hạ tầng nông thôn được quan tâm đầu tư. Hạ tầng thương mại với hệ thống siêu thị, chợ phát triển khá nhanh. Hạ tầng thông tin truyền thông phát triển mạnh, đã phóng thành công và đưa vào sử dụng Vệ tinh Vinasat-2. Hạ tầng giáo dục, đào tạo, khoa học, công nghệ, y tế, văn hóa, thể thao, du lịch,... được quan tâm đầu tư.

4. Cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng đạt được kết quả bước đầu

Đã triển khai thực hiện đề án cơ cấu lại tổng thể nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng kết hợp giữa chiều rộng và chiều sâu, chú trọng chiều sâu, nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực, tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ trong GDP tăng từ 79,9% năm 2011 lên 82,6% vào năm 2015; tỷ trọng nông nghiệp giảm từ 20,1% xuống còn 17,4%. Tỷ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội giảm, còn 44,3%. Tập trung thực hiện cơ cấu lại về đầu tư công, hệ thống các tổ chức tín dụng, doanh nghiệp nhà nước và cơ cấu lại ngành

1. Trong 5 năm 2011 - 2015, đã tăng thêm 18,1 nghìn MW công suất nguồn; khoảng 7,6 nghìn km truyền tải 500 kV, 220 kV và 37,4 nghìn MVA công suất các trạm biến áp. Nhiều công trình lớn đã hoàn thành và đang được xây dựng như: Thủy điện Sơn La, Lai Châu; Nhiệt điện Duyên Hải, Vĩnh Tân; đưa điện lưới ra các đảo Phú Quốc, Lý Sơn, Cô Tô, Vân Đồn,...

2. Đến năm 2015 bảo đảm tưới trực tiếp cho 3,5 triệu ha đất canh tác, tạo nguồn tưới cho hơn 1 triệu ha, tiêu cho 1,7 triệu ha; tỷ lệ đô thị hóa dự báo đạt khoảng 35%.

nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới. Triển khai đề án cơ cấu lại ngành công thương, xây dựng.

4.1. Cơ cấu lại đầu tư, trọng tâm là đầu tư công

Thực hiện Luật đầu tư công, đổi mới cơ chế phân bổ vốn theo kế hoạch đầu tư trung hạn. Tăng cường quản lý, chủ động rà soát, tập trung vốn đầu tư cho các công trình, dự án quan trọng, cấp thiết và vốn đối ứng các dự án ODA, khắc phục một bước tình trạng đầu tư dàn trải, lãng phí, kém hiệu quả. Tập trung xử lý nợ xây dựng cơ bản. Hoàn thiện cơ chế phân cấp quản lý đầu tư, nâng cao hơn trách nhiệm của địa phương và chủ đầu tư. Hiệu quả đầu tư có bước được cải thiện; tổng đầu tư toàn xã hội so với GDP giảm mạnh (còn khoảng 32,6% GDP vào năm 2015) nhưng vẫn duy trì được tốc độ tăng trưởng hợp lý.

Hoàn thiện cơ chế, chính sách thu hút vốn đầu tư ngoài nhà nước. Tỷ trọng đầu tư công giảm dần, đầu tư ngoài nhà nước tăng lên. Đầu tư trực tiếp nước ngoài phục hồi, vốn đăng ký giai đoạn 2011 - 2015 đạt 99 tỉ USD, thực hiện đạt 60,5 tỉ USD. Vốn ODA ký kết khoảng 27,8 tỉ USD, giải ngân khoảng 22,3 tỉ USD, đóng góp quan trọng vào phát triển kết cấu hạ tầng. Đầu tư tư nhân trong nước tiếp tục tăng, chiếm khoảng 38,5% tổng đầu tư toàn xã hội.

4.2. Cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tài chính, tín dụng

Đã tích cực, chủ động cơ cấu lại các tổ chức tín dụng; giám sát chặt chẽ và sắp xếp lại các ngân hàng thương mại cổ phần yếu kém, có nguy cơ đổ vỡ; tăng cường giám sát, kiểm tra, thanh tra, bảo đảm an toàn hệ thống. Các tổ chức tín dụng từng bước áp dụng chuẩn mực quản trị theo thông lệ quốc tế, hiệu quả hoạt động được nâng lên, chất lượng

tín dụng được cải thiện; dư nợ tín dụng đối với nền kinh tế giai đoạn 2011 - 2015 tăng 13,5%/năm, riêng năm 2015 tăng 18%. Triển khai thực hiện các giải pháp xử lý nợ xấu; phát huy vai trò của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng (VAMC). Tỷ lệ nợ xấu giảm dần, đến cuối năm 2015 về mức dưới 3%.

Các công ty tài chính, chứng khoán, bảo hiểm từng bước được cơ cấu lại; công tác kiểm tra, giám sát được tăng cường; thông tin ngày càng công khai, minh bạch; hiệu quả hoạt động được cải thiện. Quy mô thị trường ngày càng tăng, mức vốn hóa thị trường cổ phiếu đạt khoảng 33% GDP, thị trường trái phiếu đạt 23% GDP vào cuối năm 2015. Tổng doanh thu thị trường bảo hiểm giai đoạn 2011 - 2015 tăng bình quân 17%/năm, tính đến cuối năm 2015 bằng khoảng 2% GDP.

4.3. Cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước, trọng tâm là các tập đoàn kinh tế và tổng công ty

Cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước đạt được những kết quả tích cực. Doanh nghiệp nhà nước cơ bản thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao. Tập trung hơn vào những lĩnh vực then chốt, quốc phòng, an ninh, cung ứng hàng hóa và dịch vụ công thiết yếu. Quản lý nhà nước được tăng cường. Hệ thống pháp luật về doanh nghiệp nhà nước được hoàn thiện. Xác định rõ quyền, trách nhiệm của chủ sở hữu nhà nước tại doanh nghiệp và công khai, minh bạch hoạt động của doanh nghiệp nhà nước. Cổ phần hóa và thoái vốn đầu tư ngoài ngành theo cơ chế thị trường được đẩy mạnh. Năng lực quản trị, tiềm lực tài chính và hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước được nâng lên; vốn nhà nước được bảo toàn và phát triển; giá trị tài sản tăng; tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu trong giới hạn quy định.

Các doanh nghiệp sau cổ phần hóa đều đạt hiệu quả sản xuất kinh doanh tốt hơn.

4.4. Cơ cấu lại nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới

Cơ cấu lại nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới bước đầu đạt kết quả tích cực. Tập trung tổ chức lại sản xuất, đa dạng hóa cây trồng, vật nuôi theo nhu cầu thị trường và xây dựng các vùng sản xuất hàng hóa quy mô lớn, liên kết sản xuất, chế biến, bảo quản, tiêu thụ sản phẩm gắn với bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm; nhân rộng mô hình sản xuất hiệu quả cao. Tăng cường ứng dụng khoa học, công nghệ. Sản lượng lương thực tăng ổn định, sản lượng lúa năm 2015 đạt 45,2 triệu tấn. Phát triển mạnh khai thác, nuôi trồng, chế biến thủy sản với chất lượng và hiệu quả cao hơn. Công tác bảo vệ và phát triển rừng được chú trọng. Xuất khẩu của khu vực nông nghiệp năm 2015 đạt 30 tỉ USD, tăng 5,6% so với năm 2010; một số mặt hàng nông sản xuất khẩu đạt thứ hạng cao trên thế giới như gạo, cà phê, cao su, hồ tiêu, hạt điều, cá tra, tôm, sản phẩm gỗ chế biến,...

Chương trình xây dựng nông thôn mới được cả nước đồng tình, ủng hộ. Đã rà soát, điều chỉnh các chính sách, tiêu chí phù hợp hơn với đặc thù từng vùng, thu hút được nhiều nguồn lực và sự tham gia đông đảo của người dân. Đến hết năm 2015 có 1.566 xã đạt chuẩn nông thôn mới, chiếm 17,5% tổng số xã.

4.5. Cơ cấu lại công nghiệp, dịch vụ và điều chỉnh quy hoạch phát triển vùng

Cơ cấu công nghiệp chuyển dịch tích cực; tỷ trọng công nghiệp khai khoáng giảm; tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế

tạo so với toàn ngành công nghiệp tăng từ 49,8% năm 2010 lên 50,5% vào năm 2015. Tập trung cơ cấu lại ngành, lĩnh vực và sản phẩm theo hướng nâng cao giá trị quốc gia, giá trị gia tăng, chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm. Tích cực mở rộng thị trường ở các nước, các khu vực, không phụ thuộc quá lớn vào một thị trường. Từng bước tham gia vào mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu. Năng lực và trình độ công nghệ ngành xây dựng được nâng lên.

Đóng góp của ngành dịch vụ vào tăng trưởng ngày càng tăng; tỷ trọng dịch vụ trong GDP tăng từ 42,0% năm 2011 lên 44,1% vào năm 2015. Đã tập trung phát triển các ngành dịch vụ có tiềm năng, lợi thế, có hàm lượng khoa học, công nghệ cao như công nghệ thông tin, truyền thông, logistics¹, hàng không, tài chính, ngân hàng, du lịch, thương mại điện tử,... Mạng lưới thương mại và dịch vụ phát triển mạnh trên phạm vi cả nước, đáp ứng tốt hơn yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Ngành du lịch tiếp tục được cơ cấu lại theo hướng nâng cao chất lượng dịch vụ, tập trung đầu tư cơ sở vật chất và phát triển đa dạng các sản phẩm, nhất là tại các vùng du lịch trọng điểm.

Quy hoạch phát triển ngành, vùng, sản phẩm được rà soát, điều chỉnh phù hợp hơn với kinh tế thị trường. Điều chỉnh, bổ sung quy hoạch 6 vùng kinh tế - xã hội, 4 vùng kinh tế trọng điểm. Hỗ trợ phát triển vùng khó khăn, nhất

1. Luật thương mại năm 2005 (Điều 233) ghi : “Dịch vụ logistics là hoạt động thương mại, theo đó thương nhân tổ chức thực hiện một hoặc nhiều công việc bao gồm nhận hàng, vận chuyển, lưu kho, lưu bãi, làm thủ tục hải quan, các thủ tục giấy tờ khác, tư vấn khách hàng, đóng gói bao bì, ghi ký mã hiệu, giao hàng hoặc các dịch vụ khác có liên quan đến hàng hóa theo thỏa thuận với khách hàng để hưởng thù lao”.

là Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ và phía tây các tỉnh miền Trung. Phát triển hạ tầng và thu hút đầu tư vào các khu kinh tế ven biển, khu kinh tế cửa khẩu.

Tập trung thực hiện Chiến lược biển. Đầu tư phát triển các ngành kinh tế biển, nhất là khai thác dầu khí, vận tải biển, cảng biển, đóng và sửa chữa tàu biển, du lịch biển, nuôi trồng thủy sản; phát triển dịch vụ hậu cần nghề cá và đẩy mạnh khai thác xa bờ. Gắn phát triển kinh tế biển với bảo vệ chủ quyền biển, đảo.

5. Văn hóa, xã hội có bước phát triển, an sinh xã hội cơ bản được bảo đảm, đời sống nhân dân tiếp tục được cải thiện

Phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội đạt được những kết quả tích cực. Chính sách an sinh xã hội được tiếp tục bổ sung, hoàn thiện trên các lĩnh vực lao động, việc làm, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, người có công và bảo trợ xã hội. An sinh xã hội cơ bản được bảo đảm, phúc lợi xã hội và đời sống nhân dân tiếp tục được cải thiện. Nhận thức của người dân về tự bảo đảm an sinh xã hội có tiến bộ, huy động nguồn lực xã hội cho chính sách xã hội tốt hơn. Đã hoàn thành trước thời hạn nhiều mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ.

Trong bối cảnh kinh tế có nhiều khó khăn, đã tăng thêm ngân sách nhà nước và huy động các nguồn lực để thực hiện tốt hơn các chính sách xã hội, ưu tiên vùng sâu, vùng xa, vùng bị thiên tai và đồng bào dân tộc thiểu số.

Mở rộng đối tượng thụ hưởng, nâng mức hỗ trợ và thực hiện đồng bộ nhiều chính sách đối với người có công, giảm nghèo, trợ giúp xã hội, hỗ trợ nhà ở, tạo việc làm, đào tạo nghề, hỗ trợ sản xuất, hỗ trợ tín dụng cho học sinh, sinh viên

nghèo. Nhìn chung, gia đình người có công có mức sống bằng hoặc cao hơn mức trung bình trên địa bàn nơi cư trú. Thị trường lao động có bước phát triển. Trong 5 năm đã tạo việc làm cho khoảng 7,8 triệu người, trong đó đi lao động ở nước ngoài khoảng 469 nghìn người. Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân khoảng 2%/năm, từ 14,2% cuối năm 2010 xuống dưới 4,5% năm 2015; riêng các huyện nghèo giảm khoảng 6%/năm, từ 58,3% xuống còn 28%. Tỷ lệ thất nghiệp của lao động trong độ tuổi năm 2015 là 2,3%. Tỷ lệ tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp tăng¹. Diện tích nhà ở bình quân đầu người tăng từ 17,5 m² năm 2010 lên 22m² năm 2015. Nhà ở xã hội được quan tâm đầu tư, hỗ trợ.

Công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân được chú trọng. Tuổi thọ trung bình tăng, đạt 73,3 tuổi vào năm 2015. Làm tốt công tác y tế dự phòng, không để dịch bệnh lớn xảy ra. Chất lượng khám, chữa bệnh được nâng lên, ứng dụng nhiều thành tựu khoa học - công nghệ kỹ thuật cao. Đã tích cực triển khai nhiều giải pháp giảm quá tải bệnh viện và đạt kết quả bước đầu. Tập trung đầu tư xây dựng hệ thống các bệnh viện tuyến huyện, tuyến tỉnh và tuyến cuối. Đội ngũ cán bộ y tế phát triển cả về số lượng và chất lượng. Đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao y đức và đổi mới cơ chế tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp y tế công lập, bước đầu thực hiện lộ trình tính đúng, tính đủ giá dịch vụ y tế cùng với thực hiện hỗ trợ cho đối tượng chính sách, người nghèo. Các cơ sở y tế tư nhân, y học cổ truyền và công nghiệp dược được khuyến khích phát triển. Tăng cường quản lý chất

1. Đến cuối năm 2015, đã có trên 12 triệu người tham gia bảo hiểm xã hội, khoảng 10 triệu người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và 75% dân số tham gia bảo hiểm y tế.

lượng và giá thuốc chữa bệnh. Chú trọng quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm.

Công tác chăm sóc và phát huy vai trò người cao tuổi; bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em; công tác gia đình, bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ đạt kết quả tích cực. Các giá trị văn hóa dân tộc, di tích lịch sử được quan tâm bảo tồn, phát huy. Nhiều di sản văn hóa vật thể, phi vật thể được công nhận là di sản văn hóa quốc gia và thế giới. Sản phẩm văn hóa, văn học - nghệ thuật ngày càng phong phú. Các phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa; thể dục, thể thao được đẩy mạnh.

Chính sách dân tộc được quan tâm; tự do tín ngưỡng, tôn giáo được bảo đảm. Công tác dân vận được chú trọng, vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể nhân dân được củng cố, phát huy. Các cơ quan báo chí, xuất bản làm tốt hơn nhiệm vụ thông tin, tuyên truyền.

6. Quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu được tăng cường

Hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách về quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu tiếp tục được hoàn thiện. Công tác kiểm tra, thanh tra việc thực thi và xử lý vi phạm được chú trọng.

Việc quản lý, sử dụng đất đai, nguồn nước, khoáng sản chặt chẽ và hiệu quả hơn. Công tác điều tra cơ bản, đánh giá tiềm năng, trữ lượng, định giá tài nguyên có bước tiến bộ; khai thác, sử dụng phù hợp hơn theo cơ chế thị trường và được giám sát chặt chẽ hơn. Quan tâm khai thác và sử dụng hiệu quả các nguồn năng lượng tái tạo và vật liệu thay thế, thân thiện với môi trường.

Các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa và xử lý cơ sở gây ô nhiễm nghiêm trọng được tích cực thực hiện. Tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải nguy hại đạt khoảng 75%; chất thải rắn y tế đạt 80%; tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý đạt 90% vào năm 2015. Quan tâm bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học, bảo vệ và phát triển rừng; tỷ lệ che phủ rừng tăng, đạt khoảng 40,7% vào năm 2015. Tỷ lệ dân số thành thị sử dụng nước sạch đạt 82%, tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 86% vào năm 2015.

Phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai được chú trọng, đạt nhiều kết quả. Năng lực cảnh báo, dự báo thiên tai được tăng cường, chất lượng có bước được nâng lên. Nhiều dự án ứng phó với biến đổi khí hậu kết hợp phòng, chống thiên tai được triển khai, tranh thủ được sự hợp tác, hỗ trợ của nhiều đối tác.

7. Hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước được nâng lên; cải cách hành chính đạt những kết quả tích cực; công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí được chú trọng

Cải cách hành chính được đẩy mạnh. Hệ thống luật pháp, cơ chế, chính sách tiếp tục được hoàn thiện. Chất lượng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch có bước được nâng lên. Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và trợ giúp pháp lý cho người dân được chú trọng. Hiệu quả thực thi pháp luật được nâng lên.

Kiến toàn tổ chức bộ máy, đề cao trách nhiệm của người đứng đầu và cán bộ, công chức. Tập trung cải cách thủ tục hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin, từng bước đổi mới hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước, công khai, đơn giản hóa thủ tục hành chính, rút ngắn thời gian

thực hiện, tạo điều kiện thuận lợi, giảm chi phí, tiết kiệm thời gian cho người dân, doanh nghiệp, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước. Thực hiện công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình. Tiếp tục hoàn thiện phương thức hoạt động và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong các cơ quan hành chính nhà nước. Chế tài xử lý vi phạm được hoàn thiện hơn.

Thế chế, tổ chức bộ máy phòng, chống tham nhũng, lãng phí tiếp tục được hoàn thiện. Tập trung chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra, thanh tra, xử lý nghiêm và công khai kết quả xử lý các vụ việc tham nhũng. Các vụ án tham nhũng được chỉ đạo điều tra, truy tố, xét xử theo đúng quy định của pháp luật. Nhiều giải pháp tiết kiệm, chống lãng phí được triển khai thực hiện. Nâng cao hiệu quả công tác tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo. Hạn chế phát sinh mới các khiếu nại vượt cấp và tập trung xử lý nhiều vụ việc tồn đọng kéo dài.

8. Quốc phòng, an ninh được tăng cường, chủ quyền quốc gia được giữ vững

Tiềm lực quốc phòng, an ninh được tăng lên. Kiên quyết, kiên trì đấu tranh bằng các giải pháp phù hợp để bảo vệ chủ quyền quốc gia và giữ vững môi trường hòa bình, ổn định cho phát triển kinh tế - xã hội. Thế trận quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân được củng cố và gắn kết chặt chẽ hơn. Sức mạnh tổng hợp và khả năng sẵn sàng chiến đấu của Quân đội nhân dân, Công an nhân dân được nâng lên. Công tác nghiên cứu khoa học về lĩnh vực quốc phòng đạt được một số kết quả, đáp ứng tốt hơn yêu cầu phát triển kỹ thuật quốc phòng. Kết hợp hiệu quả hơn giữa phát triển kinh tế với bảo đảm quốc phòng, an ninh. Chính trị, xã hội ổn định; an ninh

quốc gia và trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm, không dễ bị động, bất ngờ. Ứng phó kịp thời với các mối đe dọa an ninh phi truyền thống. Công tác phòng, chống tội phạm và bảo đảm trật tự, an toàn giao thông¹, phòng, chống cháy nổ và an toàn lao động được tập trung chỉ đạo, đạt được một số kết quả tích cực.

9. Công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế được chủ động đẩy mạnh và đạt nhiều kết quả tích cực

Các hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế đạt được nhiều kết quả, góp phần quan trọng tạo môi trường, điều kiện thuận lợi và sự ủng hộ của cộng đồng quốc tế trong phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ Tổ quốc. Kiên định trong đấu tranh bảo vệ chủ quyền và lợi ích chính đáng của quốc gia, dân tộc. Quản lý và xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác phát triển với các nước láng giềng. Làm tốt công tác bảo hộ công dân.

Tăng cường hợp tác và đối thoại chiến lược với nhiều đối tác; nâng cấp quan hệ song phương với một số quốc gia thành đối tác chiến lược và đối tác hợp tác toàn diện; đưa quan hệ hợp tác với các đối tác đi vào chiều sâu, thực chất và hiệu quả hơn. Đã chủ động tham gia tích cực, có trách nhiệm trong các tổ chức, diễn đàn khu vực và quốc tế, nhất là Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN), Liên hợp quốc. Kiên trì cùng ASEAN thúc đẩy thực hiện đầy đủ Tuyên bố về ứng xử của các bên trên Biển Đông (DOC) và tiến tới xây dựng Bộ quy tắc ứng xử trên Biển Đông (COC). Tích cực triển khai các hiệp định, thỏa thuận thương mại đã có và đàm phán, tham

1. Trong điều kiện phương tiện giao thông tăng nhanh, số người chết do tai nạn giao thông giảm từ 11.395 người năm 2011 xuống còn 7.971 người tính đến ngày 15-11-2015.

gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới để mở rộng, đa dạng hóa thị trường, thúc đẩy phát triển và nâng cao tính tự chủ của nền kinh tế. Vị thế của nước ta trên trường quốc tế tiếp tục được nâng lên.

II- CÁC HẠN CHẾ, YẾU KÉM

1. Kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định nhưng chưa vững chắc

Việc kiểm soát lạm phát và bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế chưa thực sự bền vững. Cân đối ngân sách nhà nước còn khó khăn; cơ cấu chi ngân sách chưa phù hợp; còn thất thu ngân sách; một số khoản chi chưa được quản lý chặt chẽ, chi thường xuyên tăng nhanh; bội chi ngân sách còn cao, chưa đạt mục tiêu giảm xuống còn 4,5% GDP. Tuy vẫn bảo đảm trong giới hạn quy định nhưng nợ công tăng nhanh, áp lực trả nợ lớn; sử dụng vốn vay ở một số dự án kém hiệu quả và còn thất thoát, lãng phí. Đóng góp của khu vực kinh tế trong nước vào tăng trưởng xuất khẩu thấp¹. Chất lượng tín dụng chưa cao, xử lý nợ xấu còn gặp nhiều khó khăn. Thị trường vốn, chứng khoán, bất động sản phát triển chưa đồng bộ, thiếu bền vững và còn tiềm ẩn rủi ro. Tình hình buôn lậu, gian lận thương mại diễn biến phức tạp.

2. Kinh tế phục hồi còn chậm, tăng trưởng chưa đạt chỉ tiêu đề ra; chất lượng tăng trưởng một số mặt còn thấp

Tăng trưởng GDP bình quân đạt 5,9%/năm, thấp hơn 5 năm trước và chưa đạt chỉ tiêu đề ra. Khoảng cách phát triển

1. Năm 2015, tỷ lệ xuất khẩu của khu vực trong nước chiếm 31,8% tổng kim ngạch xuất khẩu.

so với các nước trong khu vực còn lớn. Sản xuất nông nghiệp hiệu quả chưa cao; công nghiệp và dịch vụ tăng thấp hơn giai đoạn trước. Tổng cầu tăng chậm, sản xuất kinh doanh và tiêu thụ sản phẩm còn nhiều khó khăn, nhất là nông sản. Số lượng doanh nghiệp trong nền kinh tế tăng chậm. Doanh nghiệp quy mô lớn còn ít. Số doanh nghiệp ngừng hoạt động, giải thể còn lớn. Nhiều doanh nghiệp khó tiếp cận vốn tín dụng, hiệu quả hoạt động chưa cao. Chưa huy động được cao nhất các nguồn lực của khu vực tư nhân vào đầu tư phát triển. Việc sử dụng tài nguyên còn lãng phí, kém hiệu quả.

Chất lượng tăng trưởng một số mặt còn thấp, cải thiện còn chậm; năng suất nhiều ngành, lĩnh vực còn thấp; công nghệ sản xuất phần lớn còn lạc hậu. Đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng còn hạn chế, hệ số sử dụng vốn (ICOR) còn cao. Năng lực cạnh tranh quốc gia chưa được cải thiện nhiều, nhất là về thể chế kinh tế, kết cấu hạ tầng và đổi mới công nghệ.

3. Thực hiện các đột phá chiến lược và tạo nền tảng để đến năm 2020 đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại chưa đạt mục tiêu đề ra

3.1. Thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa còn nhiều vướng mắc, chưa tạo được đột phá thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội

Thể chế kinh tế thị trường chưa thật đồng bộ, thông suốt; chưa thực sự là động lực tạo đột phá để huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho đầu tư phát triển, nâng cao năng lực cạnh tranh và cải thiện môi trường kinh doanh. Nhiều quy định trong hệ thống luật pháp, cơ chế, chính sách và quản lý, điều hành chưa tuân thủ đầy đủ quy luật của

kinh tế thị trường, nhất là trong phân bổ nguồn lực, quản lý giá hàng hóa, dịch vụ công thiết yếu và chưa bảo đảm cạnh tranh bình đẳng. Các loại thị trường vận hành còn nhiều vướng mắc và hiệu quả chưa cao.

Quản lý nhà nước chưa đáp ứng kịp yêu cầu phát triển của kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế. Cải cách hành chính và năng lực tạo dựng thể chế để bảo đảm cho doanh nghiệp, người dân tự do kinh doanh và cạnh tranh bình đẳng trong kinh tế thị trường còn nhiều hạn chế.

3.2. Phát triển nguồn nhân lực và ứng dụng khoa học, công nghệ còn chậm

Chất lượng giáo dục, đào tạo, nhất là giáo dục đại học và đào tạo nghề cải thiện còn chậm; thiếu lao động chất lượng cao. Hệ thống giáo dục còn thiếu tính liên thông, chưa thật hợp lý và thiếu đồng bộ. Công tác phân luồng và hướng nghiệp còn hạn chế. Đổi mới giáo dục, đào tạo có mặt còn lúng túng¹. Tình trạng mất cân đối trong cơ cấu ngành nghề và trình độ đào tạo khắc phục còn chậm, công tác đào tạo chưa gắn chặt chẽ với nhu cầu xã hội. Cơ chế, chính sách có mặt chưa phù hợp; xã hội hóa còn chậm và gặp nhiều khó khăn, chưa thu hút được nhiều nguồn lực ngoài nhà nước cho phát triển giáo dục, đào tạo. Cơ sở vật chất vẫn còn thiếu và lạc hậu. Chất lượng dạy và học ở vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số còn thấp. Đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý chưa đáp ứng yêu cầu.

Khoa học, công nghệ chưa thật sự trở thành động lực để nâng cao năng suất lao động, năng lực cạnh tranh, thúc đẩy

1. Chương trình, nội dung, phương pháp dạy và học, kiểm tra, thi cử, đánh giá chất lượng lạc hậu, đổi mới chậm, lúng túng.

phát triển kinh tế - xã hội. Chưa có giải pháp đủ mạnh để khuyến khích doanh nghiệp và thu hút đầu tư tư nhân cho nghiên cứu, đổi mới và ứng dụng khoa học, công nghệ. Đầu tư cho khoa học, công nghệ hiệu quả chưa cao. Việc xã hội hóa các đơn vị sự nghiệp khoa học, công nghệ công lập còn chậm. Tiềm lực khoa học, công nghệ chưa đáp ứng yêu cầu. Hiệu quả sử dụng các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia và kết quả hoạt động của các khu công nghệ cao còn thấp. Thị trường khoa học, công nghệ phát triển còn chậm, nhất là việc chuyển giao công nghệ. Cơ chế quản lý khoa học, công nghệ chậm được đổi mới, nhất là về tài chính, tự chủ, tự chịu trách nhiệm, trọng dụng, đãi ngộ nhân tài. Việc sử dụng ngân sách nhà nước cho khoa học, công nghệ còn dàn trải, hiệu quả chưa cao. Năng lực đội ngũ khoa học, công nghệ còn hạn chế, thiếu các nhà khoa học đầu ngành. Số lượng sáng chế, công trình khoa học công bố trên các tạp chí quốc tế có uy tín còn ít.

3.3. Hệ thống kết cấu hạ tầng chưa đáp ứng kịp yêu cầu phát triển

Hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội còn nhiều mặt hạn chế, chưa đồng bộ, hiệu quả kết nối và chất lượng chưa cao. Quy hoạch kết cấu hạ tầng, nhất là ở các đô thị lớn chưa đáp ứng yêu cầu. Phát triển đường cao tốc và đầu tư nâng cấp một số tuyến quốc lộ quan trọng còn chậm; mạng lưới đường sắt khổ hẹp, lạc hậu; một số cảng biển, sân bay đã quá tải. Hiệu quả hoạt động của ngành điện còn thấp; chất lượng điện chưa ổn định. Nhiều hệ thống thủy lợi chưa đồng bộ, xuống cấp nghiêm trọng. Chất lượng hạ tầng công nghệ thông tin chưa đáp ứng yêu cầu phát triển. Công tác đảm bảo an ninh, an toàn mạng còn nhiều khó

khăn. Quản lý đô thị còn nhiều mặt yếu kém, hạ tầng chưa đồng bộ, kém chất lượng và quá tải tại các thành phố lớn. Hệ thống cấp, thoát nước còn bất cập; tình trạng ngập úng tại các thành phố lớn chậm được xử lý. Công nghệ xử lý chất thải rắn còn lạc hậu. Chưa có đột phá trong cơ chế, chính sách thu hút nguồn lực ngoài nhà nước tham gia đầu tư kết cấu hạ tầng.

Nhiều tiêu chí để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại dự kiến không đạt như GDP bình quân đầu người, tỷ trọng công nghiệp chế tạo và tỷ trọng nông nghiệp trong GDP, tỷ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội, tỷ lệ đô thị hóa, điện sản xuất bình quân đầu người, chỉ số phát triển con người, chỉ số bất bình đẳng thu nhập, tỷ lệ lao động qua đào tạo, tỷ lệ dân số sử dụng nước sạch¹.

4. Thực hiện cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng còn chậm, chưa đồng bộ

Mô hình tăng trưởng chưa chuyển đổi kịp theo yêu cầu

1. Đến năm 2020, dự kiến có 10/15 chỉ tiêu không đạt tiêu chí các nước công nghiệp: GDP bình quân đầu người đạt 3.200 - 3.500USD theo giá thực tế (theo tiêu chí nước công nghiệp là trên 5.000USD, giá năm 2010); tỷ trọng công nghiệp chế tạo trong GDP đạt 15% (theo tiêu chí: trên 20%); tỷ trọng nông nghiệp trong GDP dự kiến đạt 15% (theo tiêu chí: dưới 10%); tỷ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội đạt 40% (theo tiêu chí: 20 - 30%); tỷ lệ đô thị hoá đạt 38 - 40% (theo tiêu chí: trên 50%); điện sản xuất bình quân đầu người đạt 2.800kWh/người (theo tiêu chí: trên 3.000kWh/người); chỉ số phát triển con người (HDI) đạt 0,67 (theo tiêu chí: trên 0,7); chỉ số bất bình đẳng thu nhập (Gini) khoảng 0,38 - 0,4 (theo tiêu chí: 0,32 - 0,38); tỷ lệ lao động qua đào tạo (có bằng cấp, chứng chỉ) trong tổng lao động xã hội đạt 25% (theo tiêu chí: trên 55%); tỷ lệ dân số sử dụng nước sạch dưới 92% (theo tiêu chí: 100%).

phát triển, còn phụ thuộc nhiều vào vốn, tài nguyên, lao động trình độ thấp. Cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động chuyển dịch chưa đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Đầu vào sản xuất của một số ngành còn lệ thuộc nhiều vào nhập khẩu. Sản xuất kinh doanh chưa gắn được nhiều với mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu. Xuất khẩu thô, xuất khẩu dưới hình thức gia công còn lớn; hàm lượng giá trị quốc gia và giá trị gia tăng còn thấp.

Đổi mới công nghệ và phát triển công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp công nghệ cao còn chậm; tỷ lệ nội địa hóa của doanh nghiệp đầu tư trực tiếp nước ngoài còn thấp. Năng suất lao động còn thấp. Tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo chỉ đạt khoảng 18% GDP vào năm 2015, thấp hơn nhiều so với các nước trong khu vực¹. Chưa phát triển được nhiều sản phẩm có giá trị công nghệ cao, có khả năng cạnh tranh trên thị trường khu vực và quốc tế.

Cơ cấu lại nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới còn chậm và kết quả đạt được chưa đồng đều, chưa đạt mục tiêu đề ra; nguồn lực đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn chưa đáp ứng yêu cầu. Ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ, cơ giới hóa, công nghiệp chế biến nông sản và dịch vụ phục vụ sản xuất nông nghiệp chưa đáp ứng yêu cầu. Hợp tác, liên kết trong sản xuất nông nghiệp phát triển còn chậm, kinh tế tập thể hoạt động còn lúng túng. Sản xuất nông nghiệp còn manh mún, thiếu bền vững, hiệu quả chưa cao; chất lượng sản phẩm, năng suất lao động và thu nhập của người nông dân còn thấp. Tỷ trọng lao động trong nông nghiệp còn lớn.

1. Năm 2014, tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo của Malaixia 24,5% GDP; Thái Lan 29% GDP; Ấn độ 25,5% GDP.

Nhiều ngành dịch vụ phát triển chậm, chưa đáp ứng yêu cầu, nhất là các dịch vụ có giá trị gia tăng và hàm lượng khoa học, công nghệ cao. Hệ thống phân phối còn nhiều bất cập, chi phí trung gian lớn, chưa kết nối thông suốt, hiệu quả và chưa bảo đảm hài hòa lợi ích giữa các khâu từ sản xuất đến tiêu thụ. Phát triển du lịch còn chậm, chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế; chất lượng dịch vụ còn thấp, tính chuyên nghiệp chưa cao.

Một số vùng kinh tế trọng điểm, khu kinh tế chưa phát huy được vai trò đầu tàu cho tăng trưởng kinh tế. Không gian phát triển nhiều mặt còn bị chia cắt theo địa giới hành chính. Thiếu thể chế tạo liên kết giữa các địa phương trong vùng và giữa các vùng để phát huy cao nhất tiềm năng, lợi thế.

Cơ cấu lại đầu tư công ở một số ngành, địa phương chưa đáp ứng yêu cầu; đầu tư dàn trải, hiệu quả thấp, thất thoát, lãng phí ở một số dự án còn lớn; xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản chậm. Cơ chế, chính sách chưa đủ sức hấp dẫn để huy động nguồn lực tư nhân trong và ngoài nước vào đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng; chậm hoàn thiện cơ sở pháp lý đối với hình thức hợp tác công - tư (PPP). Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài chưa quan tâm nhiều đến công nghệ, tỷ lệ nội địa hoá và bảo vệ môi trường.

Cơ cấu lại các tổ chức tín dụng mới thực hiện được giai đoạn đầu. Chất lượng tín dụng và dịch vụ ngân hàng cải thiện còn chậm. Cơ cấu tín dụng chưa thật phù hợp với yêu cầu phát triển. Năng lực tài chính, quản trị, kiểm tra, giám sát nội bộ của một số tổ chức tín dụng còn yếu, nợ xấu còn cao. Sở hữu và hoạt động của một số ngân hàng thương mại cổ phần thiếu minh bạch, có mặt chưa phù hợp với thông lệ quốc tế.

Cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước, cổ phần hoá, thoái vốn ở một số doanh nghiệp chưa đạt tiến độ. Tỷ lệ vốn được cổ phần hóa còn thấp. Quản trị doanh nghiệp đổi mới còn chậm; kiểm tra, giám sát nội bộ còn hạn chế. Việc cơ cấu lại, sắp xếp, đổi mới và phát triển nông, lâm trường chậm, chưa đạt mục tiêu đề ra. Hiệu quả sản xuất kinh doanh của nhiều doanh nghiệp nhà nước thấp, chưa tương xứng với tài sản và nguồn lực, thất thoát, lãng phí còn lớn. Doanh nghiệp nhà nước chưa thể hiện được vai trò là lực lượng nòng cốt của kinh tế nhà nước.

5. Các lĩnh vực văn hóa, xã hội còn nhiều mặt yếu kém, khắc phục còn chậm

Phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và chăm lo đời sống nhân dân nhiều mặt còn hạn chế. Xã hội hóa còn chậm và chưa có cơ chế, chính sách đủ mạnh để huy động được nhiều nguồn lực cho đầu tư phát triển các lĩnh vực văn hóa, xã hội.

Thị trường lao động chưa thật thông suốt, dịch chuyển lao động còn khó khăn, thông tin về cung - cầu lao động còn hạn chế. Chuyển dịch cơ cấu lao động chậm; tỷ trọng lao động trong khu vực nông nghiệp còn lớn. Số người thiếu việc làm và việc làm không ổn định còn nhiều, nhất là ở khu vực nông thôn; một bộ phận sinh viên sau tốt nghiệp khó tìm được việc làm; chính sách tiền lương chậm được cải cách; tiền lương của đại bộ phận cán bộ, công chức, viên chức, người lao động còn thấp, lương tối thiểu chưa đảm bảo đủ mức sống tối thiểu. Tỷ lệ lao động khu vực phi chính thức còn cao (khoảng 56%)¹,

1. Trong đó, tỷ lệ lao động khu vực phi chính thức ở khu vực thành thị là 47,1%, ở khu vực nông thôn là 63,4%.

thiếu chế tài để bảo vệ quyền lợi chính đáng của người lao động khu vực này. Chưa có cơ chế, chính sách phù hợp để tuyển chọn lao động có năng lực và đưa người không đáp ứng yêu cầu ra khỏi khu vực nhà nước.

Đời sống của một bộ phận nhân dân còn nhiều khó khăn, nhất là trong đồng bào dân tộc thiểu số, vùng đặc biệt khó khăn. Kết quả giảm nghèo chưa bền vững, nguy cơ tái nghèo còn cao; khoảng cách giàu - nghèo giữa các vùng, nhóm dân cư còn lớn. Tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo ở vùng sâu, vùng xa, nhất là trong đồng bào dân tộc thiểu số còn cao (một số huyện, xã lên đến 50%). Một số chính sách về an sinh xã hội, giảm nghèo còn chồng chéo, chưa đồng bộ, hiệu quả chưa cao và chưa khuyến khích người nghèo vươn lên thoát nghèo. Tỷ lệ bao phủ và chất lượng dịch vụ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp còn thấp. Quỹ bảo hiểm xã hội chưa bền vững.

Công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân nhiều mặt còn hạn chế. Chất lượng khám, chữa bệnh chưa đáp ứng yêu cầu, nhất là tuyến cơ sở. Ý thức của một bộ phận cán bộ y tế chưa tốt. Việc khắc phục tình trạng quá tải bệnh viện còn chậm, nhất là tuyến cuối. Công tác y tế dự phòng có mặt còn bất cập. Việc thực hiện lộ trình giá thị trường đối với dịch vụ y tế và cơ chế tự chủ trong các đơn vị sự nghiệp y tế công lập còn chậm. Thu hút nguồn lực đầu tư ngoài nhà nước và xã hội hóa y tế còn khó khăn, chính sách chưa đủ hấp dẫn. Quản lý nhà nước về hoạt động y tế tư nhân, thuốc chữa bệnh, vệ sinh an toàn thực phẩm còn nhiều yếu kém. Công nghiệp được phát triển chậm. Tuổi thọ bình quân tăng nhưng chất lượng cuộc sống chưa cao.

Xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc chưa đạt yêu cầu. Nhiều biểu hiện xuống cấp về đạo đức, lối sống gây bức xúc trong xã hội. Tệ nạn xã hội còn diễn biến

phức tạp. Quản lý văn hóa, nghệ thuật, lễ hội, các di tích lịch sử còn hạn chế. Xã hội hóa trong lĩnh vực văn hoá còn chậm, hiệu quả chưa cao. Nhiều sản phẩm văn hoá, nghệ thuật chất lượng thấp. Đời sống văn hóa, nhất là vùng sâu, vùng xa còn nhiều hạn chế. Thể thao thành tích cao phát triển còn chậm. Quản lý thông tin, báo chí, nhất là trên internet còn nhiều bất cập. Quản lý nhà nước về tôn giáo, tín ngưỡng có mặt còn hạn chế.

6. Ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường còn hạn chế

Quản lý nhà nước về tài nguyên, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu nhiều mặt còn hạn chế; pháp luật, chính sách thiếu đồng bộ; thanh tra, kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm chưa nghiêm.

Điều tra cơ bản và quy hoạch sử dụng tài nguyên chưa đáp ứng yêu cầu. Việc giao quyền quản lý, khai thác, sử dụng đất đai, khoáng sản, rừng, nguồn nước chưa phù hợp với kinh tế thị trường và hiệu quả chưa cao; vẫn còn tình trạng khai thác trái phép tài nguyên, khoáng sản.

Tình trạng ô nhiễm môi trường chậm được cải thiện; ô nhiễm môi trường ở nhiều nơi còn nghiêm trọng, nhất là tại một số làng nghề, lưu vực sông; xử lý vi phạm môi trường chưa nghiêm. Ý thức bảo vệ môi trường của một bộ phận người dân và doanh nghiệp chưa cao. Nhiều hệ sinh thái tự nhiên, nhất là hệ sinh thái rừng, đất ngập nước, thảm thực vật biển giảm cả về diện tích và chất lượng. Công tác bảo vệ rừng còn bất cập, tình trạng chặt phá và cháy rừng còn xảy ra. Nhiều loài sinh vật, nguồn gen quý đứng trước nguy cơ tuyệt chủng cao. Việc khắc phục hậu quả về ô nhiễm môi trường do chiến tranh để lại còn nhiều khó khăn. Chất lượng

dự báo, nguồn lực và năng lực phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu chưa đáp ứng yêu cầu. Tình trạng ngập úng ở một số thành phố lớn chậm được khắc phục. Sạt lở ven biển, ven sông và xâm nhập mặn diễn biến ngày càng phức tạp. Sử dụng năng lượng tái tạo (điện sinh khối, điện gió, điện mặt trời,...) còn ít.

7. Hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước nhiều mặt còn hạn chế

Cải cách hành chính một số mặt chưa đạt yêu cầu. Năng lực xây dựng và thực thi luật pháp, cơ chế, chính sách chưa cao; một số văn bản pháp luật ban hành còn chậm, chưa phù hợp với thực tiễn; nhiều chính sách còn chồng chéo, chậm khắc phục. Chất lượng xây dựng và quản lý chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển chưa đáp ứng yêu cầu. Cơ cấu tổ chức bộ máy nhà nước còn chồng chéo; chức năng, nhiệm vụ nhiều cơ quan, đơn vị vẫn còn chồng chéo và chưa đủ cụ thể, chưa rõ thẩm quyền, trách nhiệm cá nhân, nhất là người đứng đầu. Thực hiện tinh giản biên chế chưa đạt yêu cầu. Chi lương và phụ cấp chiếm phần lớn trong tổng kinh phí hoạt động của cơ quan, đơn vị. Tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương chậm đổi mới, chưa phù hợp với đặc điểm đô thị và hải đảo. Công tác thông tin truyền thông về chính sách, pháp luật, quản lý, điều hành và trách nhiệm giải trình của các cấp chính quyền còn nhiều hạn chế. Năng lực, phẩm chất, ý thức kỷ luật của một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức chưa đáp ứng yêu cầu. Thủ tục hành chính trong nhiều lĩnh vực vẫn còn phiền hà, gây bức xúc cho người dân, doanh nghiệp. Giám sát, phản biện xã hội đối với xây dựng và thực thi luật pháp, chính sách hiệu quả chưa cao.

Cơ chế phân cấp quản lý kinh tế, xã hội nhiều mặt chưa thật phù hợp, nhất là về ngân sách nhà nước, đầu tư, tổ chức, biên chế, quản lý tài nguyên, đô thị, tài sản công, doanh nghiệp nhà nước; sự phối hợp giữa các bộ, ngành, địa phương thiếu chặt chẽ; làm giảm hiệu lực, hiệu quả quản lý tập trung thống nhất của Trung ương và tính năng động, chịu trách nhiệm của địa phương.

Công tác phòng, chống tham nhũng chưa đạt yêu cầu đề ra là ngăn chặn, từng bước đẩy lùi; tham nhũng, lãng phí vẫn còn nghiêm trọng. Kê khai tài sản còn hình thức. Hoạt động giám sát, kiểm tra, thanh tra hiệu quả còn thấp. Ý thức tiết kiệm chưa được đề cao; lãng phí thời gian, nguồn lực xã hội còn lớn. Việc giải quyết khiếu nại, tố cáo hiệu quả chưa cao, một số trường hợp còn kéo dài, gây bức xúc trong dư luận.

8. Sự gắn kết giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh chưa thật chặt chẽ

Tiềm lực quốc phòng, an ninh chưa đáp ứng được yêu cầu. Bảo vệ chủ quyền quốc gia và toàn vẹn lãnh thổ còn nhiều khó khăn, thách thức. Phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh ở một số nơi gắn kết chưa thật chặt chẽ. Chưa có cơ chế, chính sách để phát triển mạnh mô hình công nghiệp lưỡng dụng. An ninh, trật tự và an toàn xã hội trên một số địa bàn còn phức tạp. Bảo vệ bí mật quốc gia còn nhiều yếu kém. Công tác bảo đảm an toàn, an ninh thông tin, an ninh mạng còn nhiều bất cập. Tình hình trật tự, an toàn giao thông còn diễn biến phức tạp, tai nạn giao thông vẫn còn nghiêm trọng.

9. Công tác đối ngoại và hội nhập kinh tế quốc tế có mặt chưa thật chủ động và hiệu quả chưa cao

Quan hệ đối ngoại có mặt còn hạn chế. Chưa tạo được

nhiều sự đan xen lợi ích kinh tế với các đối tác. Ngoại giao đa phương chưa phát huy hết các lợi thế. Khai thác những thuận lợi trong hội nhập hiệu quả chưa cao. Chưa chuẩn bị tốt các điều kiện để tận dụng cơ hội và vượt qua thách thức trong hội nhập. Cơ chế phòng ngừa, giải quyết tranh chấp đầu tư, thương mại quốc tế còn bất cập. Thông tin về hội nhập quốc tế chưa được phổ biến rộng rãi đến cộng đồng doanh nghiệp và người dân. Năng lực của một bộ phận cán bộ, công chức, doanh nhân chưa đáp ứng kịp yêu cầu. Sự gắn kết giữa hội nhập kinh tế quốc tế với quốc phòng, an ninh, văn hóa, xã hội, ngoại giao nhân dân có mặt còn hạn chế.

Những hạn chế, yếu kém trên đây do cả nguyên nhân khách quan và chủ quan. Nguyên nhân chủ quan chủ yếu là:

- Nhận thức về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, nhất là về vai trò của Nhà nước, kinh tế nhà nước, doanh nghiệp nhà nước, kinh tế hợp tác, kinh tế tư nhân, thị trường quyền sử dụng đất, quản lý giá cả, phân bổ nguồn lực, cơ chế cung ứng dịch vụ công, giá dịch vụ trong giáo dục, y tế,... chưa đủ rõ, còn khác nhau, chưa theo kịp yêu cầu đổi mới về phát triển kinh tế và hội nhập quốc tế. Vì vậy, việc xây dựng, hoàn thiện thể chế, pháp luật, chiến lược, quy hoạch, cơ chế, chính sách và trong chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế - xã hội nhiều mặt còn lúng túng, thiếu nhất quán, chưa thật phù hợp với kinh tế thị trường nên hiệu quả chưa cao, chưa tạo được động lực mạnh mẽ để huy động các nguồn lực cho đầu tư phát triển.

- Tổ chức thực hiện chủ trương, nghị quyết của Đảng và Nhà nước nhiều mặt còn hạn chế. Việc thể chế hóa thành luật pháp, cơ chế, chính sách trong nhiều trường hợp còn chậm, chất lượng thấp, tính khả thi chưa cao. Chưa làm tốt công tác kiểm tra, giám sát, đôn đốc thực hiện và sơ kết, tổng

kết thực tiễn. Chưa thay thế được kịp thời những cán bộ không đủ phẩm chất, năng lực, thiếu trách nhiệm, thực thi kém hiệu quả trong triển khai thực hiện nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

- Phương thức lãnh đạo quản lý kinh tế - xã hội chưa thật phù hợp, hiệu lực, hiệu quả chưa cao, chưa đáp ứng kịp yêu cầu phát triển trong kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế. Khả năng phân tích, dự báo còn bất cập. Phẩm chất, năng lực của đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và việc đào tạo, sử dụng cán bộ còn nhiều mặt hạn chế. Tính thượng tôn pháp luật, kỷ luật, kỷ cương chưa nghiêm.

Nhìn tổng quát, trong 5 năm qua, mặc dù gặp nhiều khó khăn, thách thức rất lớn nhưng dưới sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, sự nỗ lực phấn đấu của cả hệ thống chính trị và toàn dân, toàn quân, kinh tế - xã hội nước ta đã đạt được những thành quả quan trọng trên các lĩnh vực. Lạm phát được kiểm soát, kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định. Tăng trưởng kinh tế được duy trì ở mức hợp lý. Các đột phá chiến lược và cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng đạt được kết quả bước đầu. Thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa tiếp tục được hoàn thiện. Nguồn nhân lực và khoa học, công nghệ có bước phát triển. Đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đạt kết quả quan trọng. Chất lượng tăng trưởng nhiều mặt được cải thiện. Tiềm lực, quy mô và sức cạnh tranh của nền kinh tế được nâng lên. Phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội đạt được những kết quả tích cực. An sinh xã hội cơ bản được bảo đảm. Phúc lợi xã hội và đời sống nhân dân tiếp tục được cải thiện. Cải cách hành chính có bước tiến bộ.

Quốc phòng, an ninh được tăng cường. Công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế được chủ động đẩy mạnh và đạt nhiều kết quả. Khối đại đoàn kết toàn dân được tăng cường. Kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ quốc gia. Chính trị - xã hội ổn định. Vị thế nước ta trên trường quốc tế được nâng lên. Tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội tốt hơn trong giai đoạn tới.

Tuy nhiên, kinh tế - xã hội phát triển vẫn chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế và còn nhiều khó khăn, hạn chế. Một số chỉ tiêu kinh tế - xã hội chưa đạt kế hoạch. Việc tạo nền tảng để đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại chưa đáp ứng yêu cầu. Kinh tế vĩ mô ổn định chưa vững chắc. Kinh tế phục hồi còn chậm. Năng suất, chất lượng tăng trưởng một số mặt còn thấp. Sức cạnh tranh của nền kinh tế chưa cao. Môi trường kinh doanh còn nhiều hạn chế. Thực hiện ba đột phá chiến lược và cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng còn chậm. Thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa chưa thực sự trở thành động lực mạnh mẽ cho phát triển kinh tế - xã hội. Chất lượng nguồn nhân lực còn thấp. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội vẫn chưa đáp ứng yêu cầu. Khoảng cách về trình độ phát triển kinh tế so với nhiều nước trong khu vực chậm được thu hẹp. Văn hóa, xã hội, bảo vệ môi trường nhiều mặt còn yếu kém, khắc phục còn chậm. Khoảng cách giàu - nghèo còn lớn. Bảo vệ chủ quyền quốc gia, toàn vẹn lãnh thổ và an ninh trật tự, an toàn xã hội còn nhiều khó khăn, thách thức. Chưa khai thác thật tốt những cơ hội và điều kiện thuận lợi trong hội nhập quốc tế. Hiệu lực, hiệu quả lãnh đạo, quản lý kinh tế - xã hội nhiều mặt còn hạn chế.

Phần thứ hai

**PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP
PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM 2016 - 2020**

**I- BỐI CẢNH QUỐC TẾ VÀ TRONG NƯỚC TÁC ĐỘNG
ĐẾN PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI**

Khoa học, công nghệ phát triển rất nhanh cùng với toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng tác động mạnh mẽ đến quá trình phát triển kinh tế - xã hội của các quốc gia. Kinh tế thị trường; tiến bộ, công bằng xã hội; dân chủ - pháp quyền; hợp tác và đấu tranh vì lợi ích quốc gia, vì hòa bình - phát triển và cùng giải quyết những thách thức toàn cầu là xu hướng chung của nhân loại.

Kinh tế thế giới phục hồi chậm, không đồng đều và còn nhiều khó khăn. Khu vực châu Á - Thái Bình Dương vẫn là trung tâm phát triển năng động của kinh tế thế giới. Vai trò trung tâm kết nối của ASEAN trong các thiết chế khu vực tiếp tục được khẳng định nhưng còn nhiều thách thức. Hòa bình và hợp tác phát triển là xu thế lớn nhưng chủ nghĩa dân tộc cực đoan, xung đột sắc tộc, tôn giáo, hoạt động khủng bố tiếp tục gia tăng. Các nước lớn tăng cường sức mạnh quân sự và cạnh tranh chiến lược trong khu vực ngày càng quyết liệt. Tranh chấp lãnh thổ, đặc biệt là tranh chấp trên Biển Đông diễn biến gay gắt, phức tạp.

Các quốc gia đều điều chỉnh chiến lược phát triển, tăng cường liên kết, vừa hợp tác, vừa cạnh tranh, nhất là trong thương mại, đầu tư, nhân lực, khoa học, công nghệ. Hội nhập

quốc tế của nước ta ngày càng sâu rộng, nhất là hội nhập kinh tế. Việc thực hiện các hiệp định thương mại tự do đã có và tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới, cùng với việc hình thành Cộng đồng ASEAN trong năm 2015 mở ra nhiều cơ hội thuận lợi cho phát triển nhưng cũng đặt ra không ít khó khăn, thách thức¹.

Sau 30 năm đổi mới, thế và lực của nước ta đã lớn mạnh hơn nhiều và có thêm kinh nghiệm trong lãnh đạo, quản lý, điều hành phát triển kinh tế - xã hội. Tuy 5 năm qua đã đạt được những thành quả quan trọng, nhưng vẫn còn nhiều hạn chế, yếu kém. Nhiệm vụ bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ chủ quyền quốc gia, toàn vẹn lãnh thổ còn rất nặng nề. Nhu cầu đầu tư cho phát triển, nhất là kết cấu hạ tầng, bảo đảm an sinh xã hội, quốc phòng, an ninh, phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu và thực hiện Chương trình nghị sự 2030

1. Danh mục các hiệp định thương mại tự do (FTAs) mà Việt Nam đã tham gia gồm: FTA Việt Nam - Chilê (CVFTA); Hiệp định đối tác kinh tế Việt - Nhật (VJEPA); cùng ASEAN tham gia 6 FTAs: Hiệp định thương mại tự do ASEAN (AFTA); FTA giữa ASEAN và Trung Quốc (ACFTA); FTA giữa ASEAN và Hàn Quốc (AKFTA); FTA giữa ASEAN và Nhật (AJFTA); FTA giữa ASEAN và Ấn Độ (AIFTA); FTA giữa ASEAN và Úc, Niu Dilân (AANZFTA); FTA giữa Việt Nam và Liên minh kinh tế Á - Âu (gồm Nga, Ácmênia, Bêlarút, Cadắcxtan và Kirogixtan); FTA giữa Việt Nam và Hàn Quốc (VKFTA). Đã kết thúc đàm phán Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP); FTA giữa Việt Nam và EU (EVFTA).

Danh mục FTAs đang đàm phán gồm: FTA giữa Việt Nam và Khối Thương mại tự do châu Âu, gồm Thụy Sĩ, Na Uy, Aixôlen, Líchtenxtanh (VN-EFTA); Hiệp định đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP).

của Liên hợp quốc¹ vì sự phát triển bền vững rất lớn, nhưng nguồn lực còn hạn hẹp.

Tình hình trên đây đòi hỏi phải tiếp tục đổi mới mạnh mẽ, hành động quyết liệt, năng động, sáng tạo, tranh thủ thời cơ, thuận lợi, vượt qua khó khăn, thách thức để đưa đất nước phát triển nhanh, bền vững.

II- QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

Trên cơ sở quan điểm phát triển đề ra trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020, qua thực tiễn 5 năm 2011 - 2015 và yêu cầu của bối cảnh tình hình mới, quan

1. Bao gồm 17 mục tiêu, đó là: (1) Xoá nghèo dưới mọi hình thức và ở mọi nơi; (2) Xoá đói, bảo đảm an ninh lương thực, cải thiện dinh dưỡng và thúc đẩy phát triển nông nghiệp bền vững; (3) Bảo đảm sức khoẻ và sống khoẻ mạnh cho mọi người; (4) Bảo đảm chất lượng giáo dục, công bằng, toàn diện và cơ hội học tập suốt đời cho mọi người; (5) Bảo đảm bình đẳng giới; (6) Bảo đảm nước sạch và vệ sinh cho mọi người; (7) Bảo đảm mọi người được sử dụng năng lượng sạch và phù hợp với khả năng chi trả; (8) Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững và việc làm phù hợp cho mọi người; (9) Xây dựng cơ sở hạ tầng, thúc đẩy phát triển công nghiệp bền vững và khuyến khích đổi mới sáng tạo; (10) Giảm bất bình đẳng trong mỗi quốc gia và giữa các quốc gia; (11) Xây dựng các đô thị và cộng đồng dân cư đồng bộ, an toàn, bền vững và thân thiện; (12) Sản xuất, tiêu dùng có trách nhiệm và bền vững; (13) Ứng phó và giảm nhẹ tác động của biến đổi khí hậu; (14) Bảo tồn và sử dụng bền vững đại dương, biển và tài nguyên biển; (15) Quản lý rừng bền vững, chống sa mạc hóa, ngăn chặn và đẩy lùi suy thoái tài nguyên đất, bảo tồn đa dạng sinh học; (16) Thúc đẩy hòa bình, công lý, tăng cường thể chế quốc gia và toàn cầu; (17) Đổi mới và nâng cao hiệu quả quan hệ đối tác toàn cầu vì sự phát triển bền vững. 17 mục tiêu trên được xác định cụ thể bằng 169 chỉ tiêu.

điểm phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2016 - 2020 được xác định là:

1. Tiếp tục đổi mới và sáng tạo trong lãnh đạo, quản lý phát triển kinh tế - xã hội. Tập trung hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Xây dựng nền kinh tế thị trường hiện đại, hội nhập quốc tế, có nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, vận hành đầy đủ, đồng bộ, hiệu quả theo quy luật kinh tế thị trường, cạnh tranh bình đẳng, minh bạch. Đồng thời, Nhà nước sử dụng thể chế, các nguồn lực, công cụ điều tiết, chính sách phân phối và phân phối lại để phát triển văn hóa, thực hiện dân chủ, tiến bộ và công bằng xã hội; bảo đảm an sinh xã hội, từng bước nâng cao phúc lợi xã hội, chăm lo cải thiện đời sống mọi mặt của nhân dân, thu hẹp khoảng cách giàu - nghèo.

2. Bảo đảm phát triển nhanh, bền vững trên cơ sở ổn định kinh tế vĩ mô và không ngừng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh. Phát triển hài hòa giữa chiều rộng và chiều sâu, chú trọng phát triển chiều sâu; phát triển kinh tế tri thức, kinh tế xanh. Phát triển kinh tế phải gắn kết chặt chẽ với phát triển văn hóa, xã hội, bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu. Bảo đảm quốc phòng, an ninh và giữ vững hòa bình, ổn định để xây dựng đất nước.

3. Hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và định hướng phát triển của Nhà nước. Tập trung tạo dựng thể chế, cơ chế, chính sách và môi trường, điều kiện ngày càng minh bạch, an toàn, thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp tự do sáng tạo, đầu tư, kinh doanh và cạnh tranh bình đẳng trong kinh tế thị trường. Phát huy mạnh mẽ quyền dân chủ của người dân

trong hoàn thiện và thực thi pháp luật, cơ chế, chính sách phát triển kinh tế - xã hội. Bảo đảm quyền con người, quyền công dân. Xây dựng nền hành chính hiện đại, chuyên nghiệp, năng động, trách nhiệm, lấy phục vụ nhân dân và lợi ích quốc gia là mục tiêu cao nhất.

4. Phát huy cao nhất các nguồn lực trong nước, đồng thời chủ động hội nhập quốc tế, huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực bên ngoài để phát triển nhanh, bền vững. Tạo mọi điều kiện thuận lợi để phát triển mạnh doanh nghiệp Việt Nam, nhất là doanh nghiệp tư nhân, làm động lực nâng cao sức cạnh tranh và tính tự chủ của nền kinh tế.

III- MỤC TIÊU VÀ CÁC CHỈ TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô, phấn đấu tăng trưởng kinh tế cao hơn 5 năm trước. Đẩy mạnh thực hiện các đột phá chiến lược, cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, hiệu quả và sức cạnh tranh. Phát triển văn hóa, thực hiện dân chủ, tiến bộ, công bằng xã hội, bảo đảm an sinh xã hội, tăng cường phúc lợi xã hội và cải thiện đời sống nhân dân. Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý hiệu quả tài nguyên và bảo vệ môi trường. Tăng cường quốc phòng, an ninh, kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ quốc gia và bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội. Nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại và chủ động hội nhập quốc tế. Giữ gìn hòa bình, ổn định, tạo môi trường, điều kiện thuận lợi để xây dựng và bảo vệ đất nước. Nâng cao vị thế của nước ta trên trường quốc tế. Phấn

đấu sớm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

2. Các chỉ tiêu chủ yếu

2.1. Về kinh tế

Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân 5 năm đạt 6,5 - 7%/năm. Đến năm 2020, GDP bình quân đầu người khoảng 3.200 - 3.500USD. Tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ trong GDP khoảng 85%. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội bình quân 5 năm bằng khoảng 32 - 34% GDP. Bội chi ngân sách nhà nước còn khoảng 4% GDP¹. Năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) đóng góp vào tăng trưởng khoảng 30 - 35%. Năng suất lao động xã hội bình quân tăng khoảng 5%/năm. Tiêu hao năng lượng tính trên GDP bình quân giảm 1 - 1,5%/năm. Tỷ lệ đô thị hóa đến năm 2020 đạt 38 - 40%.

2.2. Về xã hội

Đến năm 2020, tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội khoảng 40%. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt khoảng 65 - 70%, trong đó có bằng cấp, chứng chỉ đạt 25%. Tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị dưới 4%. Có 9 - 10 bác sĩ và trên 26,5 giường bệnh trên 1 vạn dân. Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đạt trên 80% dân số. Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân khoảng 1,0 - 1,5%/năm.

2.3. Về môi trường

Đến năm 2020, 95% dân cư thành thị, 90% dân cư nông thôn được sử dụng nước sạch, hợp vệ sinh và 85% chất thải

1. Tính theo quy định của Luật ngân sách nhà nước năm 2015.

nguy hại, 95 - 100% chất thải y tế được xử lý. Tỷ lệ che phủ rừng đạt 42%.

IV- NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, ổn định kinh tế vĩ mô, tạo môi trường và động lực cho phát triển kinh tế - xã hội

Tập trung hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường đồng bộ, hiện đại trên cơ sở tuân thủ đầy đủ các quy luật của kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng. Tiếp tục hoàn thiện khung pháp lý, cơ chế, chính sách, thực hiện đồng bộ các giải pháp để phát triển, vận hành thông suốt, hiệu quả, đồng bộ và khả thi các loại thị trường và bảo đảm cạnh tranh bình đẳng, minh bạch. Việc xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, phân bổ nguồn lực cho sản xuất kinh doanh và quản lý giá phải theo cơ chế thị trường. Đồng thời, Nhà nước sử dụng thể chế, các nguồn lực, công cụ điều tiết, cơ chế, chính sách phân phối, phân phối lại để phát triển văn hóa, thực hiện dân chủ, tiến bộ, công bằng xã hội, bảo đảm an sinh xã hội, giảm nghèo, từng bước nâng cao phúc lợi xã hội và đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân.

Nhà nước bảo vệ quyền sở hữu tài sản hợp pháp và quyền tự do kinh doanh của người dân, doanh nghiệp theo quy định của pháp luật; tạo môi trường đầu tư, kinh doanh bình đẳng, an toàn, thuận lợi; kiểm soát tốt độc quyền kinh doanh, thực thi hiệu lực, hiệu quả các chính sách cạnh tranh lành mạnh. Đặt doanh nghiệp nhà nước hoạt động theo cơ chế thị trường; phân định rõ nhiệm vụ sản xuất kinh doanh theo cơ chế thị trường và thực hiện nhiệm vụ do Nhà nước giao. Tập trung

phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, nguồn nhân lực và tiềm lực khoa học, công nghệ.

Nâng cao năng lực, hiệu quả giải quyết tranh chấp kinh tế, thương mại trong điều kiện đất nước phát triển và hội nhập quốc tế, chú trọng nâng cao năng lực trọng tài. Không hình sự hóa các mối quan hệ kinh tế, dân sự. Phát huy vai trò của người dân, doanh nghiệp, các tổ chức chính trị - xã hội và cộng đồng trong tham gia xây dựng, phản biện và giám sát thực hiện chính sách, pháp luật. Đề cao vai trò các đoàn thể nhân dân, các hiệp hội ngành, nghề, hiệp hội người tiêu dùng trong việc bảo vệ quyền lợi của người dân, doanh nghiệp.

Đa dạng hóa và nâng cao hiệu quả hoạt động của thị trường hàng hóa, dịch vụ, tài chính, tiền tệ, bất động sản, lao động, khoa học, công nghệ,... đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Khuyến khích sản xuất, tiêu dùng hàng trong nước và phát triển đồng bộ, hiệu quả hệ thống phân phối.

Phát triển thị trường tài chính, các thị trường mua bán nợ, công cụ tài chính phái sinh, cho thuê tài sản,... Nâng cao hiệu quả hoạt động của thị trường tiền tệ; mở cửa thị trường tín dụng và dịch vụ ngân hàng đáp ứng yêu cầu phát triển và phù hợp với các cam kết quốc tế. Đẩy mạnh hoạt động và nâng cao hiệu quả của thị trường chứng khoán, thị trường trái phiếu để trở thành kênh huy động vốn trung và dài hạn quan trọng cho nền kinh tế, từng bước giảm phụ thuộc vào ngân hàng. Phát triển thị trường bảo hiểm, mở cửa thị trường theo lộ trình cam kết; đa dạng và nâng cao chất lượng sản phẩm bảo hiểm.

Hoàn thiện pháp luật, cơ chế, chính sách và có giải pháp phù hợp tạo điều kiện thuận lợi phát triển bền vững thị

trường bất động sản, bảo đảm vận hành thông suốt, hiệu quả. Phát triển mạnh thị trường quyền sử dụng đất, bao gồm cả thị trường sơ cấp và thị trường thứ cấp, nhất là đối với đất nông nghiệp để khuyến khích tích tụ, tập trung ruộng đất.

Phát triển thị trường lao động, bảo đảm đồng bộ, liên thông, minh bạch và tạo thuận lợi cho việc tự do dịch chuyển lao động. Phát triển mạnh thị trường nhân lực chất lượng cao, nhất là lao động kỹ thuật và nhân lực quản trị kinh doanh. Tăng cường quản lý, mở rộng thị trường và nâng cao hiệu quả đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài.

Phát triển đồng bộ thị trường khoa học, công nghệ. Có cơ chế, chính sách phù hợp để đẩy mạnh thương mại hóa sản phẩm khoa học, công nghệ và phát triển sàn giao dịch. Tăng cường chuyển giao công nghệ, phát triển các tổ chức chuyển giao công nghệ, kết nối cung - cầu, kết nối thị trường trong nước với khu vực và thế giới gắn với bảo hộ sở hữu trí tuệ. Phát triển hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học, công nghệ, hình thành hệ thống các tổ chức dịch vụ khoa học, công nghệ.

Thực hiện cơ chế thị trường và đẩy mạnh xã hội hóa đối với cung cấp các dịch vụ công. Cơ cấu lại các đơn vị sự nghiệp công, giao quyền tự chủ phù hợp, nâng cao năng lực quản trị, hiệu quả hoạt động theo cơ chế doanh nghiệp. Chuyển từ cơ chế cấp phát sang đặt hàng và từ cấp kinh phí cho các đơn vị cung ứng sang hỗ trợ trực tiếp cho đối tượng thụ hưởng. Đối với những hàng hóa, dịch vụ công thiết yếu, bao gồm dịch vụ y tế, giáo dục mà Nhà nước đang kiểm soát giá, phải bảo đảm công khai, minh bạch các yếu tố hình thành giá; tính đúng, tính đủ chi phí và thực hiện giá thị trường theo lộ trình phù hợp. Đồng thời, hỗ trợ cho đối tượng chính sách, người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số. Khuyến khích doanh nghiệp thuộc

các thành phần kinh tế tham gia cung cấp dịch vụ công, nhất là các hình thức hợp tác công - tư. Bảo đảm bình đẳng giữa đơn vị sự nghiệp công lập và ngoài công lập. Đa dạng hình thức xã hội hóa các đơn vị sự nghiệp công như: thí điểm cổ phần hóa đơn vị sự nghiệp công; giao cộng đồng quản lý, cho thuê cơ sở vật chất, tài sản của Nhà nước để kinh doanh cung ứng dịch vụ công và thực hiện cơ chế đơn vị sự nghiệp công hoạt động như doanh nghiệp công ích.

Điều hành hiệu quả chính sách tiền tệ, chính sách tài khóa và các chính sách khác để bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô và các cân đối lớn của nền kinh tế. Thực hiện chính sách tiền tệ linh hoạt, kiểm soát tốt lạm phát, bảo đảm giá trị đồng tiền Việt Nam, tăng dự trữ ngoại hối; điều hành lãi suất, tỷ giá theo nguyên tắc thị trường. Tiếp tục cơ cấu lại các tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu, bảo đảm an toàn hệ thống; thực hiện công khai, minh bạch và áp dụng chuẩn mới về quản trị ngân hàng theo thông lệ quốc tế.

Tăng cường quản lý và từng bước cơ cấu lại chính sách thu, chi ngân sách nhà nước. Động viên hợp lý các nguồn lực, phấn đấu tỷ lệ huy động vào ngân sách nhà nước trên GDP bình quân khoảng 20 - 21%. Tăng tỷ trọng thu nội địa và xây dựng hệ thống thuế đồng bộ, hiện đại. Cơ cấu lại chi ngân sách nhà nước phù hợp, bảo đảm tỷ lệ hợp lý giữa chi thường xuyên, chi đầu tư và chi trả nợ. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong sử dụng ngân sách nhà nước. Kiểm soát chặt chẽ bội chi, phấn đấu giảm dần tỷ lệ bội chi ngân sách nhà nước. Tăng cường quản lý và sử dụng hiệu quả vốn vay của Nhà nước; kiểm soát chặt chẽ vốn vay do Chính phủ bảo lãnh, vay của chính quyền địa phương và của doanh nghiệp nhà nước; rà soát, hoàn chỉnh pháp luật về quản lý nợ công; bảo đảm an toàn tài chính quốc gia.

Tăng cường huy động các nguồn lực cho đầu tư phát triển. Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công, phân bổ vốn theo kế hoạch đầu tư trung hạn 5 năm phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, ưu tiên cho các công trình hạ tầng trọng điểm, cấp thiết. Bố trí nguồn lực tài chính nhà nước phù hợp để tham gia và thúc đẩy đầu tư của khu vực ngoài nhà nước. Điều chỉnh phân bổ vốn đầu tư nhà nước gắn với phân cấp phù hợp giữa Trung ương và địa phương.

Phát triển mạnh thị trường trong nước, thực hiện hiệu quả Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”. Khai thác tốt các cam kết quốc tế, mở rộng và đa dạng hóa thị trường ngoài nước, không để phụ thuộc quá lớn vào một thị trường. Đẩy mạnh xuất khẩu, kiểm soát nhập khẩu phù hợp, phấn đấu cân bằng thương mại bền vững. Tăng cường xúc tiến thương mại, nâng cao chất lượng sản phẩm, xây dựng thương hiệu hàng Việt Nam, nhất là các mặt hàng có lợi thế. Tận dụng tối đa các điều kiện thuận lợi của các hiệp định, thỏa thuận thương mại để thúc đẩy xuất khẩu; đồng thời có biện pháp phòng vệ thích hợp để bảo vệ sản xuất và lợi ích người tiêu dùng. Phấn đấu đạt tốc độ tăng kim ngạch xuất khẩu bình quân khoảng 10%/năm.

Thực hiện nhất quán cơ chế giá thị trường đối với tất cả các loại hàng hóa, dịch vụ trong nền kinh tế, đồng thời hỗ trợ phù hợp cho đối tượng chính sách, người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số. Tăng cường quản lý thị trường, giá cả. Bảo đảm cân đối cung - cầu, nhất là các hàng hóa, dịch vụ thiết yếu. Tập trung đẩy mạnh phòng, chống buôn lậu, gian lận thương mại.

2. Đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, hiệu quả và sức cạnh tranh

Đổi mới mô hình tăng trưởng, bảo đảm phát triển nhanh, bền vững trong điều kiện kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng. Kết hợp hiệu quả phát triển chiều rộng với chiều sâu, chú trọng phát triển chiều sâu, tăng cường ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực trong và ngoài nước, không ngừng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh. Gắn kết hài hòa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hoá, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, nâng cao đời sống nhân dân; bảo vệ, cải thiện môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo đảm quốc phòng, an ninh.

Tiếp tục thực hiện đồng bộ, hiệu quả Đề án tổng thể cơ cấu lại nền kinh tế và cơ cấu lại các ngành, lĩnh vực.

2.1. Cơ cấu lại nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới

Tập trung thực hiện đồng bộ, hiệu quả các giải pháp phát triển nông nghiệp bền vững, xây dựng nông thôn mới và cải thiện đời sống của nông dân.

Đẩy mạnh cơ cấu lại nông nghiệp theo hướng xây dựng nền nông nghiệp công nghệ cao, hàng hóa lớn; tăng cường ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ, nâng cao chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh; bảo đảm phát triển bền vững, an ninh lương thực quốc gia và vệ sinh an toàn thực phẩm. Phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng giá trị gia tăng khu vực nông nghiệp bình quân khoảng 2,5 - 3,0%/năm.

Khai thác lợi thế của nền nông nghiệp nhiệt đới, tập trung phát triển sản phẩm có lợi thế so sánh, giá trị gia tăng

cao, bảo đảm các tiêu chuẩn theo yêu cầu xuất khẩu, có khả năng tham gia hiệu quả vào chuỗi giá trị toàn cầu. Bảo vệ và sử dụng linh hoạt, hiệu quả đất trồng lúa. Khuyến khích tích tụ, tập trung ruộng đất, phát triển các vùng sản xuất quy mô lớn với hình thức đa dạng, phù hợp với quy hoạch và điều kiện của từng vùng, đặc điểm của từng sản phẩm. Coi bảo vệ và phát triển rừng là một giải pháp quan trọng tạo việc làm và nâng cao thu nhập.

Tổ chức lại sản xuất, tăng cường liên kết theo chuỗi giá trị. Gắn sản xuất với chế biến, tiêu thụ nông sản trên cơ sở phát triển các hình thức hợp tác, liên kết đa dạng giữa hộ gia đình với các tổ chức hợp tác và doanh nghiệp để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và bảo đảm hài hoà lợi ích của các chủ thể tham gia. Khuyến khích liên kết giữa hộ nông dân sản xuất với tổ chức tín dụng, tổ chức khoa học, công nghệ và doanh nghiệp. Tiếp tục sắp xếp, đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của các công ty và các nông, lâm trường quốc doanh¹, góp phần thúc đẩy phát triển nông, lâm nghiệp và hỗ trợ nông dân ở các vùng nghèo, vùng đặc biệt khó khăn. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, nhất là Hội Nông dân và các hiệp hội ngành hàng trong phát triển nông nghiệp, nông thôn.

Có cơ chế, chính sách khuyến khích nghiên cứu và ứng dụng khoa học, công nghệ, nhất là công nghệ sinh học, công

1. Triển khai Chương trình, kế hoạch theo Quyết định số 686/QĐ-TTg, ngày 11-5-2014 của Thủ tướng Chính phủ thực hiện Nghị quyết 30 của Bộ Chính trị. Trong năm 2015, tập trung lập phương án tổng thể sắp xếp, đổi mới công ty nông, lâm nghiệp; hoàn thành việc đo đạc, lập bản đồ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các công ty nông, lâm nghiệp theo quy định tại Nghị định số 118/2014/NĐ-CP, ngày 17-12-2014.

nghe thông tin vào sản xuất và quản lý. Áp dụng rộng rãi các loại giống mới và kỹ thuật nuôi trồng có năng suất, chất lượng, hiệu quả cao và thích ứng với biến đổi khí hậu. Hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng thương hiệu sản phẩm, nông dân ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp.

Tập trung thực hiện hiệu quả Chương trình xây dựng nông thôn mới. Phấn đấu đến năm 2020 khoảng 40 - 50% số xã đạt chuẩn nông thôn mới. Rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách và tiêu chí xây dựng nông thôn mới phù hợp với đặc thù từng vùng. Quy hoạch lại các điểm dân cư phân tán tại địa bàn miền núi, đồng bào dân tộc. Ưu tiên bố trí ngân sách nhà nước, tín dụng ưu đãi và huy động các nguồn lực ngoài nhà nước để đầu tư xây dựng hạ tầng kinh tế - xã hội. Có chính sách khuyến khích phát triển kinh tế hộ gia đình, kinh tế trang trại và thu hút mạnh doanh nghiệp đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ tại địa bàn nông thôn. Đồng thời đẩy mạnh đào tạo nghề với các hình thức đa dạng, phù hợp, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tạo việc làm, tăng thu nhập và chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động nông thôn. Tập trung giải quyết tình trạng du canh, du cư, di cư tự do.

Thực hiện tốt các chính sách phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và nâng cao đời sống của người dân trên địa bàn nông thôn. Tập trung làm tốt công tác nâng cao dân trí, chăm sóc sức khỏe, giải quyết việc làm, giảm nghèo bền vững, bảo đảm an sinh xã hội, an ninh, trật tự và bảo vệ môi trường. Xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Giữ gìn và phát huy truyền thống, tập quán tốt đẹp của làng quê Việt Nam.

2.2. Đẩy mạnh cơ cấu lại công nghiệp, tạo nền tảng cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa

Nghiên cứu hoàn thiện tiêu chí để xác định các chỉ tiêu thực hiện mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Rà soát, bổ sung chiến lược phát triển công nghiệp; phân bố công nghiệp hợp lý hơn trên toàn lãnh thổ. Phát huy hiệu quả các khu, cụm công nghiệp. Đẩy nhanh phát triển các ngành công nghiệp có hàm lượng khoa học, công nghệ, có tỷ trọng giá trị quốc gia và giá trị gia tăng cao; có lợi thế cạnh tranh, tham gia mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu. Phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng công nghiệp, xây dựng bình quân khoảng 8,0 - 8,5%/năm; đến năm 2020 tỷ trọng công nghiệp, xây dựng trong GDP khoảng 40%; tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GDP khoảng 25%, trong đó công nghiệp chế tạo khoảng 15%.

Phát triển các ngành công nghiệp nền tảng đáp ứng nhu cầu về tư liệu sản xuất cơ bản của nền kinh tế. Phát triển công nghiệp năng lượng, luyện kim, hóa dầu, hóa chất với công nghệ hiện đại, thân thiện với môi trường, tạo ra sản phẩm có khả năng cạnh tranh. Khuyến khích phát triển doanh nghiệp cơ khí chế tạo mạnh và sản phẩm cơ khí trọng điểm. Có chính sách phát triển công nghiệp điện tử, công nghiệp công nghệ thông tin, công nghiệp phần mềm. Ưu tiên phát triển công nghiệp phục vụ nông nghiệp, nhất là công nghiệp chế biến nông sản, sản xuất vật tư và máy nông nghiệp. Tập trung phát triển công nghiệp hỗ trợ, tăng cường liên kết giữa các tập đoàn đa quốc gia và doanh nghiệp trong nước, hình thành các khu công nghiệp hỗ trợ theo cụm liên kết ngành. Hỗ trợ phát triển các nguồn năng lượng tái tạo, nhất là năng lượng gió, mặt trời.

Phát triển vững chắc, hiệu quả công nghiệp quốc phòng, an ninh. Phát triển phù hợp doanh nghiệp có khả năng sản xuất sản phẩm lưỡng dụng. Từng bước hình thành tổ hợp công nghiệp quốc phòng với sự tham gia của nhiều loại hình doanh nghiệp.

Phát triển ngành xây dựng đạt trình độ tiên tiến. Tiếp cận và làm chủ các công nghệ hiện đại, nâng cao năng lực công nghiệp xây lắp, đáp ứng yêu cầu xây dựng trong nước và có khả năng cạnh tranh quốc tế. Phát triển mạnh công nghiệp vật liệu xây dựng, nhất là vật liệu mới, vật liệu chất lượng cao.

2.3. Phát triển các ngành dịch vụ

Đẩy mạnh phát triển các ngành dịch vụ, phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng bình quân 6,6 - 7,1%/năm. Tỷ trọng khu vực dịch vụ trong GDP khoảng 45% vào năm 2020. Ưu tiên phát triển những ngành dịch vụ có lợi thế, có hàm lượng tri thức, công nghệ và giá trị gia tăng cao.

Phát triển vận tải với cơ cấu hợp lý, hiệu quả. Tăng thị phần vận tải đường sắt, đường biển và đường thủy nội địa. Nâng cao chất lượng vận tải đường bộ và đường hàng không. Tăng cường kết nối giữa các phương thức vận tải, khuyến khích phát triển vận tải đa phương thức và logistics. Tạo môi trường cạnh tranh, nâng cao chất lượng dịch vụ và giảm chi phí vận tải.

Phát triển mạnh dịch vụ thông tin truyền thông đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh. Thực hiện cơ chế thuê dịch vụ công nghệ thông tin trong quản lý nhà nước và cung cấp dịch vụ công.

Phát triển đồng bộ hệ thống phân phối bán buôn, bán lẻ.

Chú trọng phát triển thương mại điện tử và xây dựng thương hiệu hàng hóa Việt Nam. Tăng cường kết nối giữa doanh nghiệp sản xuất, phân phối, các hiệp hội và cơ quan quản lý để phát triển mạnh thị trường trong và ngoài nước. Chủ động tham gia vào mạng phân phối toàn cầu.

Phát triển và nâng cao chất lượng các dịch vụ tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm và các dịch vụ hỗ trợ kinh doanh.

Có chính sách phát triển du lịch thành ngành kinh tế mũi nhọn. Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư phát triển du lịch với hệ thống hạ tầng đồng bộ, hiện đại, sản phẩm đa dạng và tính chuyên nghiệp cao. Tạo mọi thuận lợi về thủ tục xuất nhập cảnh, đi lại và bảo đảm an toàn, an ninh. Đẩy mạnh xúc tiến, quảng bá, xây dựng thương hiệu du lịch Việt Nam. Khai thác hiệu quả, bền vững các di sản văn hóa, thiên nhiên, di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh và giữ gìn vệ sinh môi trường. Phát triển các khu dịch vụ du lịch phức hợp, có quy mô lớn và chất lượng cao.

Khuyến khích các thành phần kinh tế phát triển mạnh các dịch vụ y tế, giáo dục, văn hóa, nghệ thuật, thể thao..., nhất là dịch vụ chất lượng cao về đào tạo nguồn nhân lực và chăm sóc sức khỏe.

2.4. Phát triển kinh tế biển

Phát triển mạnh các ngành kinh tế biển gắn với bảo vệ vững chắc chủ quyền quốc gia và nâng cao đời sống nhân dân vùng biển, đảo. Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư phát triển các ngành khai thác, chế biến dầu khí; cảng biển, đóng và sửa chữa tàu biển, vận tải biển; khai thác và chế biến hải sản, các dịch vụ hậu cần nghề cá; du lịch biển, đảo. Xây dựng các khu kinh tế, các khu công nghiệp tập trung và

khu chế xuất ven biển gắn với phát triển các khu đô thị ven biển. Xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội phục vụ sản xuất và đời sống vùng biển, đảo. Đẩy nhanh điều tra cơ bản về tài nguyên, môi trường biển, đảo. Tăng cường nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ, đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong việc khai thác hiệu quả, bền vững các nguồn tài nguyên biển. Xây dựng các cơ sở hậu cần nghề cá, tránh trú bão, hỗ trợ ngư dân khai thác hải sản xa bờ và hoạt động dài ngày trên biển. Tạo điều kiện thuận lợi và khuyến khích người dân định cư lâu dài trên các đảo. Tăng cường công tác cứu hộ, cứu nạn và bảo đảm an ninh, an toàn trên biển, đảo.

2.5. Phát triển các vùng và khu kinh tế

Hoàn thiện quy hoạch vùng, lấy quy hoạch làm cơ sở quản lý phát triển vùng. Nâng cao chất lượng lập và quản lý quy hoạch, nhất là quy hoạch kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, quy hoạch đô thị và quy hoạch sử dụng tài nguyên, bảo đảm công khai, minh bạch. Chú trọng phát triển các vùng kinh tế trọng điểm, vùng động lực, các khu kinh tế, các khu công nghiệp. Tăng cường liên kết giữa các địa phương trong vùng, giữa các vùng để phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế của từng vùng, từng địa phương và ứng phó hiệu quả với thiên tai, biến đổi khí hậu; tạo không gian phát triển thống nhất trong vùng và cả nước; khắc phục tình trạng phát triển trùng lặp, manh mún, kém hiệu quả. Khuyến khích doanh nghiệp đầu tư liên kết hình thành các vùng kinh tế chuyên ngành quy mô lớn với các nhóm sản phẩm có sức cạnh tranh cao. Nghiên cứu cơ chế quản lý liên kết, hợp tác phát triển vùng phù hợp. Tạo điều kiện phát triển các khu vực, địa bàn còn nhiều khó khăn, nhất là miền núi, biên giới, hải đảo, Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ và phía tây các tỉnh

miền Trung. Rà soát quy hoạch, hoàn thiện cơ chế, chính sách để phát huy hiệu quả các khu kinh tế hiện có. Lựa chọn một số khu có lợi thế đặc biệt để xây dựng đặc khu kinh tế với thể chế có tính đột phá, có khả năng cạnh tranh quốc tế. Phát triển các hành lang, vành đai kinh tế, kết nối hiệu quả với các nước trong khu vực. Phát triển các khu kinh tế cửa khẩu. Nghiên cứu việc hình thành một số khu kinh tế xuyên biên giới.

2.6. Tạo môi trường thuận lợi phát triển doanh nghiệp

Về doanh nghiệp nhà nước: Thực hiện đồng bộ các giải pháp cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước, nâng cao hiệu quả hoạt động theo cơ chế thị trường, bảo đảm thực hiện tốt nhiệm vụ được giao. Doanh nghiệp nhà nước tập trung vào những lĩnh vực quan trọng¹; xác định rõ danh mục và tăng cường tiềm lực, khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp mà Nhà nước cần nắm giữ 100% vốn và cần nắm giữ cổ phần chi phối. Đẩy mạnh thoái vốn đầu tư ngoài ngành, cổ phần hoá và bán hết phần vốn nhà nước trong các doanh nghiệp mà Nhà nước không cần nắm giữ theo cơ chế thị trường; sử dụng một phần số tiền thu được cho đầu tư phát triển. Tăng cường quản lý nhà nước và quản lý của chủ sở hữu đối với doanh nghiệp nhà nước. Bố trí đúng cán bộ lãnh đạo, nâng cao năng

1. Theo quy định tại Điều 10, Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp (năm 2014), doanh nghiệp nhà nước tập trung vào các lĩnh vực: cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích thiết yếu cho xã hội; lĩnh vực trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh; trong lĩnh vực độc quyền tự nhiên; ứng dụng công nghệ cao, đầu tư lớn, tạo động lực phát triển nhanh cho các ngành, lĩnh vực khác và nền kinh tế.

lực quản trị và hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Phân định rõ hoạt động sản xuất kinh doanh theo cơ chế thị trường với thực hiện nhiệm vụ do Nhà nước giao về đảm bảo hàng hóa, dịch vụ cần thiết, công ích, quốc phòng, an ninh bằng hình thức Nhà nước đặt hàng. Xây dựng hệ thống quản trị doanh nghiệp phù hợp với cơ chế thị trường và thông lệ quốc tế. Nghiên cứu mô hình quản lý phù hợp của chủ sở hữu nhà nước đối với doanh nghiệp nhà nước và vốn của Nhà nước tại doanh nghiệp.

Về doanh nghiệp tư nhân: Tạo mọi điều kiện thuận lợi phát triển mạnh doanh nghiệp tư nhân để tạo động lực nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế. Hoàn thiện pháp luật, cơ chế, chính sách để doanh nghiệp tư nhân tiếp cận bình đẳng mọi cơ hội, các nguồn lực, nhất là về vốn, đất đai, tài nguyên. Thúc đẩy xã hội hóa sở hữu và sản xuất kinh doanh, khuyến khích phát triển các hình thức doanh nghiệp cổ phần. Tăng cường trợ giúp để phát triển mạnh doanh nghiệp nhỏ và vừa, kinh tế hộ gia đình; hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp. Khuyến khích hình thành doanh nghiệp lớn, thương hiệu mạnh. Hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu phát triển, ứng dụng tiến bộ khoa học và đổi mới công nghệ, chú trọng ứng dụng công nghệ thông tin, nâng cao sức cạnh tranh và tham gia hiệu quả vào mạng sản xuất và chuỗi giá trị trong và ngoài nước.

Về doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài: Rà soát, sửa đổi pháp luật, chính sách để thu hút mạnh đầu tư nước ngoài, nhất là các dự án có công nghệ cao, thân thiện môi trường, sản phẩm có giá trị gia tăng và tỷ lệ nội địa hóa cao, tham gia mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu thúc đẩy cơ cấu lại nền kinh tế. Tăng cường thu hút đầu tư nước

ngoài có công nghệ cao, thân thiện môi trường, sử dụng nhiều lao động. Khuyến khích đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng và các ngành công nghiệp hỗ trợ, năng lượng tái tạo, vật liệu mới, điện tử, công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, giống cây trồng, vật nuôi, đào tạo nhân lực và chăm sóc sức khỏe chất lượng cao,... Có cơ chế ưu đãi linh hoạt đối với các dự án đặc thù. Khuyến khích thành lập các trung tâm nghiên cứu triển khai của doanh nghiệp đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

Về kinh tế hợp tác: Khuyến khích phát triển bền vững kinh tế hợp tác, nòng cốt là hợp tác xã với nhiều hình thức liên kết, hợp tác đa dạng; nhân rộng các mô hình kinh tế hợp tác hiệu quả; tạo điều kiện cho kinh tế hộ phát triển có hiệu quả trên các lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ; góp phần hình thành chuỗi giá trị từ sản xuất đến chế biến, tiêu thụ; bảo đảm hài hòa lợi ích của các chủ thể tham gia. Tạo điều kiện hình thành những tổ hợp nông - công nghiệp - dịch vụ công nghệ cao.

3. Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng và đô thị

Đẩy mạnh thực hiện đột phá chiến lược về xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ với một số công trình hiện đại. Nâng cao chất lượng quy hoạch xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, bảo đảm hiệu quả tổng hợp và tính hệ thống, nhất là mạng lưới giao thông, điện, nước, thủy lợi, giáo dục, y tế, hạ tầng viễn thông và công nghệ thông tin.

Tập trung nguồn lực đầu tư xây dựng các công trình lớn, quan trọng, thiết yếu, nhất là tại các khu vực có tiềm năng phát triển và giải quyết các ách tắc, quá tải. Bảo đảm kết nối thông suốt giữa các trung tâm kinh tế lớn, các đầu mối giao

thông cửa ngõ, các tuyến có nhu cầu vận tải lớn¹. Quan tâm đầu tư kết cấu hạ tầng giao thông tại các vùng khó khăn. Ưu tiên đầu tư các dự án hạ tầng đáp ứng yêu cầu ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng.

Từng bước hình thành hệ thống đô thị có kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, xanh, thân thiện với môi trường, nhất là các đô thị lớn. Nâng cao chất lượng và quản lý tốt quy hoạch đô thị, bảo đảm phát triển bền vững, có chính sách xây dựng khu đô thị mới ven các đô thị lớn, khai thác hiệu quả hạ tầng và tiết kiệm đất. Khuyến khích phát triển nhà ở cho người có thu nhập thấp và công nhân khu công nghiệp, chủ doanh nghiệp xây dựng nhà ở cho công nhân thuê.

Hoàn thiện pháp luật, cơ chế, chính sách để tạo điều kiện thuận lợi cho các thành phần kinh tế, kể cả đầu tư nước ngoài đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng bằng nhiều hình thức, nhất là hợp tác công - tư (PPP) phù hợp với thông lệ quốc tế. Tăng cường quản lý, bảo đảm tiến độ, hiệu quả và chất lượng công trình, chống thất thoát, lãng phí.

1. Tiếp tục triển khai xây dựng hệ thống đường bộ cao tốc, tập trung ưu tiên cho các đoạn đường bộ cao tốc Bắc - Nam, đường bộ cao tốc kết nối các trung tâm kinh tế lớn. Đầu tư nâng cấp các tuyến đường sắt hiện có; chuẩn bị các điều kiện cần thiết để từng bước triển khai xây dựng đường sắt tốc độ cao Bắc - Nam. Hoàn thành đầu tư xây dựng các cảng biển cửa ngõ quốc tế khu vực phía Bắc và phía Nam. Cải tạo, nâng cấp các cảng hàng không; phân kỳ đầu tư xây dựng Cảng hàng không quốc tế Long Thành. Hoàn thành các tuyến đường sắt đô thị tại Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và các công trình cấp, thoát nước tại các đô thị lớn. Hoàn thành xây dựng các bệnh viện tuyến cuối.

4. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và tăng cường tiềm lực khoa học, công nghệ

Thực hiện đồng bộ các cơ chế, chính sách, giải pháp phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục, đào tạo theo hướng mở, hội nhập, xây dựng xã hội học tập, phát triển toàn diện năng lực, thể chất, nhân cách, đạo đức, lối sống, ý thức tôn trọng pháp luật và trách nhiệm công dân.

Đổi mới khung chương trình, quan tâm hơn đến yêu cầu tăng cường kỹ năng sống, giảm tải nội dung trong các bậc học phổ thông; nâng cao kiến thức chuyên sâu và tác phong công nghiệp trong đào tạo nghề; phát huy tư duy sáng tạo, năng lực tự nghiên cứu ở bậc đại học. Đổi mới mục tiêu, nội dung, hình thức kiểm tra, thi và đánh giá kết quả giáo dục và đào tạo. Đẩy mạnh phân luồng, liên thông trong giáo dục, đào tạo. Phát triển giáo dục đại học theo hướng hình thành cơ sở giáo dục đại học định hướng nghiên cứu, cơ sở giáo dục đại học định hướng ứng dụng và cơ sở giáo dục đại học định hướng thực hành. Phát triển đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý đáp ứng yêu cầu đổi mới. Gắn đào tạo với nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và thu hút các nhà khoa học tham gia giảng dạy.

Phát triển hợp lý và bảo đảm bình đẳng giữa giáo dục công lập và giáo dục ngoài công lập. Ngân sách nhà nước bảo đảm cho giáo dục phổ cập; tiếp tục kiên cố hóa trường, lớp học công lập. Khuyến khích xã hội hóa đầu tư phát triển các trường chất lượng cao ở tất cả các cấp học và trình độ đào tạo. Giao quyền tự chủ cho các cơ sở giáo dục, đào tạo, nhất là các trường đại học, trường dạy nghề. Thí điểm chuyển đổi

mô hình trường công lập sang cơ sở giáo dục do cộng đồng, doanh nghiệp quản lý và đầu tư phát triển. Đẩy mạnh dạy nghề và gắn kết đào tạo với doanh nghiệp. Phân cấp quản lý hợp lý trong đào tạo nghề. Quan tâm phát triển giáo dục, dạy nghề trong đồng bào dân tộc thiểu số và các vùng khó khăn. Hoàn thiện chính sách tín dụng ưu đãi cho học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn. Khuyến khích hình thành các quỹ học bổng giúp học sinh, sinh viên nghèo vượt khó, học giỏi. Có cơ chế đặc thù để tuyển chọn và trọng dụng nhân tài.

Tăng cường quản lý nhà nước về nguồn nhân lực, gắn kết cung - cầu. Thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động, tạo điều kiện hỗ trợ dịch chuyển lao động và phân bố lao động hợp lý, hiệu quả.

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ. Tăng cường tiềm lực khoa học, công nghệ và xây dựng hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia, phát huy năng lực sáng tạo của mọi cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức. Thực hành dân chủ, tôn trọng và phát huy tự do sáng tạo trong hoạt động nghiên cứu, tư vấn, phản biện của các nhà khoa học. Khuyến khích và tạo thuận lợi cho doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế nghiên cứu phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ. Tăng cường hoạt động nghiên cứu khoa học trong các trường đại học. Đổi mới cơ chế quản lý, nhất là cơ chế tự chủ về tài chính, tổ chức và hoạt động của tổ chức khoa học, công nghệ công lập. Hoàn thiện thể chế định giá tài sản trí tuệ, tăng cường bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, xử lý nghiêm các vi phạm. Hỗ trợ nhập khẩu công nghệ nguồn, công nghệ cao và kiểm soát chặt chẽ việc nhập khẩu công nghệ.

Có cơ chế đặc thù để phát triển các cơ sở nghiên cứu khoa học, công nghệ trọng điểm theo mô hình tiên tiến và triển

khai những dự án khoa học, công nghệ quan trọng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh. Thực hiện cơ chế đặt hàng, đấu thầu, khoán kinh phí theo kết quả đầu ra và công khai, minh bạch chi phí, kết quả nghiên cứu. Giao quyền sở hữu kết quả nghiên cứu khoa học, công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước cho tổ chức, cá nhân chủ trì nghiên cứu, đồng thời có cơ chế phân chia lợi ích hợp lý. Nâng cao hiệu quả hoạt động các quỹ về phát triển khoa học, công nghệ; khuyến khích các quỹ đầu tư mạo hiểm. Tăng cường kiểm tra, giám sát, đánh giá độc lập, tư vấn, phản biện, giám định xã hội đối với hoạt động khoa học, công nghệ.

Sử dụng hiệu quả nguồn vốn ngân sách nhà nước và có cơ chế, chính sách thu hút các nguồn lực ngoài nhà nước đầu tư nghiên cứu phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ. Xây dựng một số viện nghiên cứu ứng dụng khoa học, công nghệ hiện đại, phát triển các trung tâm đổi mới sáng tạo và vườn ươm công nghệ. Tạo thuận lợi thúc đẩy phát triển mạnh doanh nghiệp khoa học, công nghệ. Có chính sách đào tạo, phát triển, trọng dụng và tôn vinh đội ngũ khoa học, công nghệ. Khuyến khích các nhà khoa học là người Việt Nam ở nước ngoài và người nước ngoài tham gia hoạt động khoa học, công nghệ tại Việt Nam.

5. Phát triển văn hóa, xã hội, nâng cao đời sống nhân dân

Phát triển bền vững văn hóa, xã hội; gắn kết chặt chẽ, hài hòa giữa phát triển kinh tế với phát triển văn hóa và thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, nâng cao đời sống nhân dân. Thực hiện Chương trình nghị sự 2030 của Liên hợp quốc, lồng ghép hiệu quả các mục tiêu phát triển bền vững

vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, từng ngành, từng địa phương.

Tiếp tục hoàn thiện chính sách, nâng cao mức sống người có công. Rà soát, hoàn thiện pháp luật, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về an sinh xã hội. Đẩy mạnh giảm nghèo bền vững, nhất là các vùng đặc biệt khó khăn và có chính sách đặc thù để giảm nghèo nhanh hơn trong đồng bào dân tộc thiểu số. Chú trọng các giải pháp tạo điều kiện và khuyến khích hộ nghèo, cận nghèo phấn đấu tự vươn lên thoát nghèo bền vững. Khuyến khích nâng cao khả năng tự bảo đảm an sinh xã hội của người dân. Thực hiện tốt chính sách việc làm công, chính sách bảo hiểm thất nghiệp, hỗ trợ có thời hạn cho người lao động mất việc khu vực công. Hỗ trợ phát triển sản xuất, tạo việc làm, học nghề và đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài. Mở rộng đối tượng tham gia, nâng cao hiệu quả của hệ thống, đổi mới cơ chế tài chính, bảo đảm phát triển bền vững quỹ bảo hiểm xã hội. Tiếp tục hoàn thiện chính sách, khuyến khích tham gia của cộng đồng, nâng cao hiệu quả công tác trợ giúp xã hội. Thực hiện chuẩn nghèo theo phương pháp tiếp cận đa chiều, bảo đảm mức tối thiểu về thu nhập và các dịch vụ xã hội cơ bản cho người dân như giáo dục, y tế, nhà ở, nước sạch, thông tin.

Cải cách chính sách tiền lương, tiền công theo nguyên tắc thị trường, phù hợp với tăng năng suất lao động. Thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở, mức lương tối thiểu theo lộ trình phù hợp, bảo đảm mức sống tối thiểu của người lao động đang làm việc cũng như người đã nghỉ việc hưởng chế độ hưu trí. Nâng cao hiệu quả hoạt động của tổ chức công đoàn, thực sự đại diện quyền lợi cho người lao động, giải quyết kịp thời các tranh chấp. Thực hiện cơ chế đối thoại và thỏa thuận về tiền

lương giữa các bên, xây dựng quan hệ lao động hài hòa, tiến bộ. Có cơ chế để công đoàn, tổ chức đại diện cho người lao động và tổ chức đại diện người sử dụng lao động giám sát thực hiện thỏa ước lao động tập thể. Nghiên cứu điều chỉnh tuổi nghỉ hưu phù hợp. Tăng cường quản lý lao động nước ngoài tại Việt Nam. Tiếp tục hoàn thiện chính sách tiền lương đối với doanh nghiệp nhà nước. Xây dựng hệ thống tiêu chuẩn quản lý nhân lực và hệ thống chỉ tiêu đánh giá năng suất lao động. Thực hiện tốt chính sách bảo hộ lao động.

Nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh và phục hồi chức năng ở tất cả các tuyến. Quan tâm chăm sóc sức khỏe ban đầu, phát triển hệ thống y tế dự phòng, chủ động phòng bệnh, không để xảy ra dịch bệnh lớn. Thực hiện đồng bộ các giải pháp khắc phục nhanh tình trạng quá tải bệnh viện. Hoàn thiện mạng lưới cơ sở y tế, nhất là miền núi, biên giới, hải đảo; hoàn thành việc xây dựng một số bệnh viện tuyến cuối; nhân rộng mô hình bệnh viện vệ tinh và bác sĩ gia đình. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin, áp dụng tiêu chuẩn quản lý và kiểm tra chất lượng dịch vụ khám, chữa bệnh. Tăng cường đào tạo, phát triển nguồn nhân lực y tế cả về số lượng và chất lượng. Nâng cao trình độ chuyên môn, trách nhiệm và ý thức của đội ngũ cán bộ y tế. Chú trọng phát triển nhân lực y tế trình độ cao, tăng cường nhân lực y tế cho khu vực nông thôn, miền núi, biên giới, hải đảo.

Tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển y tế ngoài công lập, thí điểm hình thành cơ sở khám, chữa bệnh theo hình thức hợp tác công - tư và mô hình quản lý bệnh viện như doanh nghiệp công ích. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện bảo hiểm y tế toàn dân. Đổi mới cơ chế tài chính, điều chỉnh giá dịch vụ y

tế theo lộ trình, tính đúng, tính đủ và bảo đảm công khai, minh bạch; đồng thời hỗ trợ phù hợp cho các đối tượng chính sách, người nghèo, người yếu thế.

Khuyến khích phát triển công nghiệp dược và y học cổ truyền. Tăng cường quản lý thuốc chữa bệnh. Đẩy mạnh công tác bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm. Chú trọng công tác dân số, kế hoạch hóa gia đình, cải thiện tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh. Cùng với nâng cao chất lượng cuộc sống, phấn đấu tuổi thọ trung bình đến năm 2020 đạt 74 - 75 tuổi.

Tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về văn hóa. Phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, giữ gìn bản sắc tốt đẹp của dân tộc. Chủ động hợp tác và giao lưu quốc tế về văn hóa, quảng bá văn hoá Việt Nam, tiếp nhận có chọn lọc tinh hoa văn hóa thế giới, đáp ứng yêu cầu hội nhập và phát triển. Xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện và môi trường văn hoá lành mạnh, văn minh trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, khắc phục các biểu hiện xuống cấp về đạo đức xã hội. Nâng cao hiệu quả hoạt động của các thiết chế văn hóa. Xây dựng và nhân rộng các mô hình gia đình văn hóa tiêu biểu, tăng cường sự phối hợp giữa gia đình, nhà trường và xã hội.

Khuyến khích tự do sáng tạo trong hoạt động văn hóa, văn học - nghệ thuật đi đôi với đề cao trách nhiệm công dân, trách nhiệm xã hội của văn nghệ sĩ, các nhà văn hóa. Làm tốt công tác bảo vệ bản quyền tác giả. Thực hiện tốt các chính sách về dân tộc, tôn giáo và bảo đảm tự do tín ngưỡng, tôn giáo.

Phát triển hiệu quả, lành mạnh hệ thống báo chí, xuất bản, phát thanh, truyền hình đáp ứng yêu cầu xây dựng, bảo

vệ đất nước và nhu cầu thụ hưởng ngày càng cao của nhân dân. Phát triển thể dục, thể thao cho mọi người và thể thao thành tích cao, chuyên nghiệp. Quan tâm chăm sóc và bảo vệ sức khỏe bà mẹ, trẻ em. Chăm sóc và phát huy vai trò người cao tuổi. Thực hiện hiệu quả các giải pháp thúc đẩy bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ. Đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động văn hoá, xã hội.

6. Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường

Tăng cường quản lý nhà nước, hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách và thực hiện đồng bộ các giải pháp chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường. Chú trọng công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý nghiêm các vi phạm; đồng thời tăng cường thông tin truyền thông nhằm nâng cao nhận thức, ý thức, trách nhiệm của người dân.

Nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo thiên tai, giám sát biến đổi khí hậu. Đề cao trách nhiệm của các ngành, các cấp, các lực lượng vũ trang; phát huy vai trò của cộng đồng, của doanh nghiệp và tăng cường hợp tác quốc tế, thực hiện có hiệu quả công tác phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu và tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ. Nâng cao khả năng chống chịu; huy động nguồn lực đầu tư các công trình, dự án ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai; phòng, chống ngập úng đô thị. Kịp thời di dời đồng bào ra khỏi khu vực bị sạt lở.

Đẩy mạnh điều tra, đánh giá tiềm năng, trữ lượng, hoàn thiện quy hoạch và tăng cường quản lý, giám sát, sử dụng hợp lý, hiệu quả, tiết kiệm các nguồn tài nguyên.

Khai thác, sử dụng khoáng sản gắn với bảo vệ môi trường, hạn chế tối đa xuất khẩu nguyên liệu thô. Thực hiện việc đấu thầu quyền khai thác, hoạt động khai thác khoáng sản. Nâng cao chất lượng xây dựng quy hoạch, kế hoạch và quản lý chặt chẽ việc sử dụng đất. Khai thác và sử dụng bền vững nguồn nước; chủ động hợp tác quốc tế trong việc bảo vệ và sử dụng nguồn nước xuyên quốc gia.

Cải thiện chất lượng môi trường và điều kiện sống của người dân. Thực hiện xã hội hóa công tác bảo vệ và xử lý môi trường. Kiểm soát chặt chẽ các nguồn gây ô nhiễm. Khắc phục có hiệu quả ô nhiễm môi trường do chiến tranh để lại. Quy hoạch và xây dựng các công trình xử lý rác thải tập trung theo vùng, cụm xã. Hạn chế, tiến tới ngăn chặn căn bản tình trạng ô nhiễm môi trường tại các làng nghề, lưu vực sông, khu và cụm công nghiệp, khu đô thị và khu dân cư tập trung ở nông thôn. Tập trung xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm nghiêm trọng. Kiểm soát chất lượng không khí ở khu vực đô thị có mật độ dân cư cao. Thực hiện quy chuẩn, tiêu chuẩn phát thải và công nghệ theo lộ trình phù hợp. Tăng cường bảo vệ và phát triển rừng bền vững, nhất là rừng phòng hộ ven biển, rừng đầu nguồn, rừng đặc dụng; bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học, bảo vệ và tái tạo nguồn lợi thủy sản. Khuyến khích sử dụng năng lượng tái tạo và các nguyên liệu, vật liệu mới, thân thiện với môi trường.

7. Phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

Tiếp tục hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách, bảo đảm chặt chẽ, công khai, minh bạch và thực hiện đồng bộ các giải pháp về phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, tập trung vào các lĩnh vực dễ phát sinh tiêu

cực. Kiện toàn mô hình tổ chức, nâng cao hiệu quả hoạt động của bộ máy phòng, chống tham nhũng. Thực hiện nghiêm quy định về kê khai, kiểm soát kê khai tài sản, thu nhập của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý; hạn chế giao dịch bằng tiền mặt. Chú trọng giáo dục phẩm chất đạo đức và trách nhiệm công vụ. Đề cao, quy định rõ trách nhiệm của tổ chức đảng và người đứng đầu tổ chức, cơ quan, đơn vị trong phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử và xử lý nghiêm, đúng pháp luật các hành vi tham nhũng, lãng phí. Tăng cường giám sát và phòng, chống tham nhũng trong các cơ quan bảo vệ pháp luật.

Thiết lập cơ chế giám sát và kiểm soát quyền lực hiệu quả. Phát huy vai trò giám sát của cơ quan dân cử, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân trong phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Làm tốt công tác tiếp nhận thông tin và xử lý khiếu nại, tố cáo. Có cơ chế, chính sách hữu hiệu để khuyến khích, khen thưởng và bảo vệ an toàn cho người phát hiện, tố cáo tham nhũng. Đẩy mạnh tuyên truyền giáo dục, phát huy vai trò và trách nhiệm của cơ quan thông tin truyền thông trong phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Nghiêm trị những hành vi lợi dụng chống tham nhũng để vu khống, tố cáo sai sự thật. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong phòng, chống tham nhũng.

8. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và bảo đảm quyền tự do, dân chủ của người dân trong phát triển kinh tế - xã hội đi đôi với tuân thủ pháp luật

Xây dựng bộ máy nhà nước tinh gọn, trong sạch, vững mạnh. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và định hướng

phát triển kinh tế - xã hội. Tập trung tạo dựng thể chế, luật pháp, cơ chế, chính sách và môi trường, điều kiện thuận lợi, an toàn để kinh tế thị trường vận hành đầy đủ, thông suốt, hiệu quả và hội nhập quốc tế; phát huy mạnh mẽ quyền dân chủ, tự do sáng tạo của người dân trong phát triển kinh tế - xã hội.

Phân định rõ chức năng của Nhà nước và chức năng của thị trường. Nhà nước quản lý và định hướng phát triển kinh tế - xã hội bằng pháp luật, quy hoạch, kế hoạch và các công cụ điều tiết phù hợp với kinh tế thị trường, giảm thiểu can thiệp bằng mệnh lệnh hành chính.

Hoàn thiện hệ thống pháp luật, bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất, công khai, minh bạch, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế. Tạo chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức và xác định rõ chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan nhà nước nhằm phục vụ tốt nhất người dân và doanh nghiệp. Khuyến khích, hỗ trợ cho mọi ý tưởng sáng tạo, thúc đẩy đổi mới, phát triển, nhất là trong các lĩnh vực kinh tế, xã hội, khoa học - công nghệ, văn hóa, nghệ thuật,...

Xây dựng nền hành chính hiện đại, chuyên nghiệp, kỷ cương, năng động, hiệu lực, hiệu quả, lấy kết quả phục vụ và mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp là tiêu chí đánh giá. Tăng cường công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình. Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có phẩm chất đạo đức, năng lực công tác, tinh thần trách nhiệm và tính chuyên nghiệp cao. Thực hiện tinh giản biên chế gắn với cải cách tiền lương. Đổi mới công tác tuyển dụng, đề bạt cán bộ, công chức, bảo đảm cạnh tranh, công khai, minh bạch. Đánh giá cán bộ, công chức phải trên cơ sở kết quả thực hiện nhiệm vụ. Người đứng đầu cơ quan trong bộ máy nhà

nước phải chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao và phải được trao quyền quyết định tương ứng về tổ chức, cán bộ. Có chế tài xử lý thích đáng những cán bộ vi phạm pháp luật, nhất là cán bộ giữ vị trí lãnh đạo, quản lý.

Tập trung cải cách thủ tục hành chính theo hướng tinh giản, gắn với nâng cao chất lượng chính sách, pháp luật; quy định rõ cơ quan chịu trách nhiệm đối với từng thủ tục hành chính. Chỉ quy định những thủ tục hành chính thực sự cần thiết, hợp lý, đúng pháp luật và tạo thuận lợi nhất cho người dân, doanh nghiệp. Công khai, minh bạch các quy trình, thủ tục hành chính. Bảo đảm quyền tự do của người dân, doanh nghiệp trong hoạt động kinh tế đi đôi với tuân thủ pháp luật. Thiết lập hệ thống thông tin tiếp nhận, xử lý kiến nghị và kết quả giải quyết thủ tục hành chính. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước, cung cấp dịch vụ công và thực hiện chính phủ điện tử. Tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát, nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực thi chính sách, pháp luật.

Hoàn thiện cơ chế phân cấp, bảo đảm thống nhất, thông suốt trong lãnh đạo, quản lý, điều hành từ Trung ương đến cơ sở. Xây dựng không gian phát triển kinh tế thống nhất trên cả nước, trong từng vùng theo nguyên tắc kết hợp chặt chẽ giữa quản lý theo ngành với quản lý theo lãnh thổ. Phân định rõ quyền hạn và trách nhiệm trong quản lý kinh tế, xã hội giữa Trung ương và địa phương, bảo đảm sự tập trung thống nhất quản lý của Trung ương và phát huy tính chủ động, tự chịu trách nhiệm của các cấp chính quyền địa phương. Hoàn thiện cơ chế phân cấp đầu tư, ngân sách, bảo đảm quản lý thống nhất về quy hoạch phát triển và cân đối nguồn lực.

Hoàn thiện tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương bảo đảm phục vụ tốt nhất người dân, doanh nghiệp. Xác định rõ thẩm quyền, trách nhiệm quản lý nhà nước về kinh tế, xã hội đối với chính quyền các cấp. Tập trung vào cung cấp dịch vụ công, bảo đảm an sinh xã hội, an toàn xã hội, nâng cao phúc lợi xã hội và cải thiện đời sống cho người dân. Hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ và tổ chức bộ máy phù hợp đối với chính quyền đô thị, hải đảo.

9. Tăng cường quốc phòng, an ninh, kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ quốc gia và bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội

Thực hiện tốt Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Tăng cường quốc phòng, an ninh, kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ quốc gia, bảo đảm ổn định chính trị - xã hội và môi trường hòa bình để xây dựng, bảo vệ đất nước; không để bị động, bất ngờ trong mọi tình huống. Xây dựng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại; ưu tiên hiện đại hoá một số quân chủng, binh chủng, lực lượng; bảo đảm số lượng hợp lý, có sức chiến đấu cao, hoàn thành tốt nhiệm vụ. Tăng cường và nâng cao hiệu quả hoạt động của các lực lượng thực thi pháp luật trên biển. Chú trọng xây dựng lực lượng dân quân tự vệ và lực lượng dự bị động viên; phát triển công nghiệp quốc phòng, an ninh. Đẩy mạnh tuyên truyền trách nhiệm và nghĩa vụ của công dân về nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.

Kết hợp tốt nhiệm vụ quốc phòng, an ninh với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội; các dự án phát triển kinh tế, xã

hội trong các khu vực phòng thủ phải bảo đảm yêu cầu về quốc phòng, an ninh, nhất là ở những vị trí trọng yếu, chiến lược. Xây dựng đường tuần tra biên giới. Nâng cao hiệu quả hoạt động của các khu kinh tế - quốc phòng và phát triển bền vững kinh tế, xã hội khu vực dọc biên giới và biển, đảo. Có chính sách phù hợp để triển khai thực hiện một số nhiệm vụ đặc thù về quốc phòng, an ninh.

Đẩy mạnh hợp tác quốc tế về quốc phòng, an ninh, tranh thủ sự ủng hộ của cộng đồng quốc tế để duy trì môi trường hòa bình, củng cố quốc phòng, an ninh và bảo vệ chủ quyền quốc gia, khẩn trương hoàn thành phân định biên giới. Tham gia hoạt động giữ gìn hòa bình của Liên hợp quốc phù hợp với điều kiện của Việt Nam.

Thực hiện đồng bộ các giải pháp bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Xây dựng xã hội kỷ cương, an toàn. Đẩy mạnh phòng, chống, đẩy lùi tội phạm, tệ nạn xã hội. Tăng cường an ninh, an toàn thông tin mạng. Bảo đảm trật tự, an toàn và giảm tai nạn giao thông.

10. Nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại, chủ động hội nhập quốc tế, giữ vững môi trường hòa bình và tạo điều kiện thuận lợi để phát triển đất nước

Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ, chủ động và tích cực hội nhập, hợp tác quốc tế trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng, cùng có lợi. Đưa quan hệ với các đối tác đi vào chiều sâu, thiết thực, hiệu quả. Nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại đa phương, nhất là trong ASEAN, Liên hợp quốc. Tăng cường hợp tác quốc tế và khu vực trong bảo đảm

quốc phòng, an ninh, bảo vệ chủ quyền quốc gia. Kiên trì thúc đẩy giải quyết các tranh chấp trên biển bằng biện pháp hòa bình trên cơ sở luật pháp quốc tế và nguyên tắc ứng xử của khu vực.

Triển khai đồng bộ hoạt động đối ngoại, cả về chính trị, an ninh, quốc phòng, kinh tế, văn hóa, xã hội. Thực hiện hiệu quả các cam kết quốc tế và chủ động, tích cực đàm phán, ký kết các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới; khai thác tối đa các cơ hội thuận lợi, hạn chế thấp nhất các tác động tiêu cực để mở rộng thị trường, tranh thủ các nguồn lực bên ngoài cho phát triển. Nâng cao năng lực giải quyết các tranh chấp đầu tư, thương mại quốc tế.

Nâng cao chất lượng công tác tham mưu về đối ngoại và hội nhập quốc tế. Tăng cường công tác thông tin đối ngoại, hội nhập quốc tế, tạo đồng thuận trong nước và tranh thủ sự ủng hộ của bạn bè quốc tế đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ đất nước.

Đẩy mạnh công tác người Việt Nam ở nước ngoài. Khuyến khích và hỗ trợ đồng bào ta ở nước ngoài đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau để phát triển và hòa nhập tốt với cộng đồng nước sở tại, đóng góp vào tăng cường hữu nghị, hợp tác giữa Việt Nam với các nước. Tạo thuận lợi để kiều bào tham gia xây dựng và bảo vệ đất nước. Làm tốt công tác bảo hộ công dân ở nước ngoài.

Phần thứ ba

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp ủy đảng, các đảng đoàn, ban cán sự đảng chỉ đạo quán triệt phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 trong toàn Đảng, toàn dân, toàn

quân, các cấp, các ngành và tăng cường lãnh đạo, tạo sự thống nhất về nhận thức, hành động và chỉ đạo triển khai thực hiện.

2. Xây dựng cơ chế và đưa vào nền nếp việc thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020. Trong quá trình tổ chức thực hiện nhiệm vụ, khi xuất hiện những vấn đề cần đổi mới mà chưa có chủ trương, Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị quyết định việc thực hiện thí điểm.

3. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân, các tổ chức xã hội và nhân dân trong việc thực hiện và giám sát thực hiện phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020.

BÁO CÁO
CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
ĐẢNG KHÓA XI VỀ TỔNG KẾT VIỆC THI HÀNH
ĐIỀU LỆ ĐẢNG KHÓA XI VÀ ĐỀ XUẤT BỔ SUNG,
SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ ĐẢNG KHÓA XI (NẾU CÓ)

(Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng)

Phần thứ nhất

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THI HÀNH ĐIỀU LỆ ĐẢNG
KHÓA XI

I- TỔ CHỨC HỌC TẬP, NGHIÊN CỨU, QUẢN TRIỆT
ĐIỀU LỆ ĐẢNG VÀ CÁC QUY ĐỊNH, HƯỚNG DẪN
CỦA TRUNG ƯƠNG

1. Ưu điểm

Nhiệm kỳ Đại hội XI, với sự tham mưu của các ban đảng ở Trung ương, công tác tổ chức học tập, quán triệt Điều lệ Đảng đã được Bộ Chính trị, Ban Bí thư quan tâm chỉ đạo và có kế hoạch cụ thể để triển khai tới các đảng bộ trực thuộc.

Căn cứ kế hoạch và hướng dẫn của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, các cấp ủy đã xây dựng kế hoạch mở hội nghị học tập, quán triệt triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội XI của

Đảng và Điều lệ Đảng (bổ sung, sửa đổi) cho đội ngũ cán bộ chủ chốt, cán bộ các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp uỷ, giảng viên các trường chính trị cấp tỉnh, trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp huyện, cấp uỷ viên từ chi bộ trở lên. Các cơ quan tham mưu, giúp việc ở Trung ương chủ động biên soạn và cung cấp tài liệu, xây dựng đề cương, cử cán bộ có kinh nghiệm, hiểu biết công tác xây dựng Đảng, nắm vững Điều lệ Đảng giúp các cấp uỷ trong việc tổ chức học tập, quán triệt, xây dựng báo cáo tại các hội nghị cán bộ chủ chốt. Việc học tập, quán triệt Điều lệ Đảng được tổ chức theo đúng kế hoạch của Bộ Chính trị, Ban Bí thư đề ra; tỷ lệ cấp uỷ viên và đảng viên tham gia học tập ở các đảng bộ đều đạt trên 90%, cao hơn nhiệm kỳ trước (nhiệm kỳ trước là 88,6%)..., nhiều tổ chức cơ sở đảng đạt tỷ lệ 100%. Tỷ lệ đảng viên được cung cấp Điều lệ Đảng và Quy định, Hướng dẫn thi hành Điều lệ Đảng của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư để tự học tập, nghiên cứu cao hơn nhiệm kỳ trước ở nhiều tổ chức đảng.

Kết quả kiểm tra của Tiểu ban Điều lệ Đảng và tự kiểm tra từ cấp cơ sở trở lên ở 68 đảng bộ trực thuộc Trung ương cho thấy, những nội dung của Điều lệ Đảng, Quy định, Hướng dẫn thi hành Điều lệ Đảng, nhất là những điểm mới trong các văn bản này cơ bản đã được các cơ quan, tổ chức đảng, đảng viên, cán bộ, công chức làm chuyên trách công tác đảng nắm vững và thi hành, đáp ứng yêu cầu của công tác xây dựng Đảng; năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng và chất lượng đội ngũ đảng viên có chuyển biến rõ nét.

2. Hạn chế, thiếu sót

Ở một số nơi, đội ngũ báo cáo viên chuyên sâu về Điều lệ Đảng còn hạn chế, có nơi chưa đáp ứng được yêu cầu; do báo

cáo viên thiếu kiến thức, kinh nghiệm về xây dựng Đảng, chưa nắm vững những nội dung mới của Điều lệ Đảng, Quy định và Hướng dẫn của Ban Chấp hành Trung ương dẫn tới lúng túng khi truyền đạt, nhất là việc giải đáp vướng mắc trong thực tiễn cho cán bộ, đảng viên.

Một số cấp uỷ, tổ chức đảng chưa thực hiện nghiêm túc việc tổ chức học tập, quán triệt Điều lệ Đảng và Quy định, Hướng dẫn thi hành Điều lệ Đảng; việc quán triệt còn hình thức, chủ yếu là phổ biến theo văn bản, ít dành thời gian cho nghiên cứu, thảo luận để nắm vững những nội dung mới, quan trọng trong Điều lệ Đảng và các quy định, hướng dẫn của Trung ương. Việc kiểm tra nhận thức và tổ chức thi hành Điều lệ Đảng của cấp uỷ, tổ chức đảng, đảng viên chưa thường xuyên nên có một số trường hợp vi phạm Điều lệ Đảng phải xử lý kỷ luật hoặc vận dụng chưa đúng phải điều chỉnh, uốn nắn.

II- KẾT QUẢ THI HÀNH ĐIỀU LỆ ĐẢNG

1. Những kết quả đạt được

1.1. Việc cụ thể hoá Điều lệ Đảng của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư

Ngay sau Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI, Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã lãnh đạo, chỉ đạo việc xây dựng và ban hành các văn bản cụ thể hoá Điều lệ Đảng với quy trình chuẩn bị công phu, lấy ý kiến rộng rãi của tổ chức đảng, đảng viên; ban hành văn bản đúng thẩm quyền theo Quy chế làm việc được xây dựng ngay từ đầu nhiệm kỳ; nội dung của các quy định, quy chế, hướng dẫn đã cụ thể hoá và làm rõ hơn vai trò quyết định của tổ chức đảng và trách nhiệm cá nhân theo đúng Điều

lệ Đảng. Vì vậy, hiệu lực và chất lượng văn bản được nâng lên, thuận lợi trong thực hiện, phục vụ tốt công tác xây dựng Đảng.

Các cơ quan tham mưu, giúp việc của Trung ương đã chủ động tham mưu, nghiên cứu để cụ thể hoá những quy định của Điều lệ Đảng theo chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan; kịp thời đề xuất, tham mưu cho Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư ban hành đồng bộ các quy định, quy chế, hướng dẫn bảo đảm đúng thẩm quyền, đầy đủ về nội dung, toàn diện về tất cả các lĩnh vực xây dựng Đảng, góp phần làm cho việc thi hành Điều lệ Đảng được chính xác, thống nhất.

1.2. Về đảng viên và công tác đảng viên (Chương I)

Tính đến ngày 31-12-2014, tổng số đảng viên trong toàn Đảng có 4.480.707 đồng chí. Trong đó:

- Đảng viên ở xã là 1.888.352 đồng chí; ở phường là 646.276 đồng chí, ở thị trấn là 207.081 đồng chí (*chiếm tỷ lệ 61,18%*).

- Đảng viên ở các cơ quan hành chính là 422. 900 đồng chí; đơn vị sự nghiệp là 289.179 đồng chí (*chiếm tỷ lệ 15,85%*).

- Đảng viên trong Đảng bộ Quân đội là 343.546 đồng chí; Đảng bộ Công an là 207.352 đồng chí (*chiếm tỷ lệ 12,3%*).

- Đảng viên ở các tổ chức đảng ngoài nước là 9.495 đồng chí (*chiếm tỷ lệ 0,21%*).

- Đảng viên ở các doanh nghiệp nhà nước là 266.541 đồng chí; doanh nghiệp cổ phần vốn nhà nước là 113.568 đồng chí (*chiếm tỷ lệ 8,48%*).

- Đảng viên ở các loại hình doanh nghiệp còn lại và các tổ chức khác là 85.207 đồng chí (*chiếm tỷ lệ 1,9%*).

Trong nhiệm kỳ 2011 - 2015, công tác phát triển đảng viên tiếp tục được các cấp uỷ quan tâm lãnh đạo thực hiện. Ban Tổ chức Trung ương đã xây dựng và ban hành hướng dẫn với nhiều quy định cụ thể về phương châm, nguyên tắc, quy trình, thủ tục của công tác phát triển đảng viên, kết nạp và chuyển đảng viên dự bị thành đảng viên chính thức với tinh thần cải cách hành chính, giảm nhiều thủ tục không cần thiết trên cơ sở bảo đảm nguyên tắc của Điều lệ Đảng.

Từ đầu nhiệm kỳ đến cuối tháng 6-2015, toàn Đảng đã kết nạp được 945.135 đảng viên mới (*tăng hơn 2% so với số đảng viên mới kết nạp trong nhiệm kỳ 2006 - 2010*). Trong đó:

- Đảng viên là công nhân, lao động trong các thành phần kinh tế có 76.990 đồng chí (*chiếm tỷ lệ 8,14%*).

- Đảng viên là người dân tộc thiểu số có 127.660 đồng chí (*chiếm tỷ lệ 13,5%*).

- Đảng viên là học sinh, sinh viên có 40.394 đồng chí (*chiếm tỷ lệ 4,27%*).

Đến ngày 31-12-2014, toàn Đảng có 118.022 đảng viên có trình độ từ thạc sĩ trở lên (*tăng hơn 70% so với cùng kỳ năm 2011*); có 1.749.040 đảng viên có trình độ đại học và cao đẳng (*tăng hơn 27% so với cùng kỳ năm 2011*).

Tuy nhiên, đến ngày 31-12-2014, toàn Đảng vẫn còn 362 đảng viên chưa biết chữ quốc ngữ; 173.202 đảng viên có trình độ tiểu học (*chiếm tỷ lệ 0,03% so với tổng số đảng viên đến ngày 31-12-2014*).

Tổng hợp số liệu trong các năm từ 2011 – 2014, tỷ lệ đảng viên đủ tư cách hoàn thành nhiệm vụ trở lên bình quân đạt trên 85% (*năm 2014 là 88,4%*).

Điều lệ Đảng khoá XI đã bổ sung về tiêu chuẩn đảng viên, cách tính tuổi đảng của đảng viên. Qua thực tế thi hành, những điểm mới này cơ bản là phù hợp, tạo thêm động

lực phấn đấu cho đảng viên, góp phần nâng cao chất lượng công tác xây dựng Đảng. Các cấp uỷ, tổ chức đảng đã chú ý hơn trong việc bảo đảm thực hiện quyền của đảng viên theo quy định của Điều lệ Đảng trên cơ sở được cụ thể hoá qua quy chế làm việc, giúp cho đảng viên kịp thời nắm bắt những vấn đề về đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các vấn đề về kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại,... Đảng viên được thảo luận, tham gia ý kiến, biểu quyết các công việc của Đảng, kể cả nhân sự cấp uỷ, uỷ ban kiểm tra,... theo hướng ngày càng dân chủ và thực chất hơn.

1.3. Về nguyên tắc tổ chức và cơ cấu tổ chức (Chương II)

Việc xây dựng quy chế làm việc của các cấp uỷ, tổ chức đảng được chú ý đổi mới cả về hình thức và nội dung. Tính cụ thể hoá trong các quy định về nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ công tác; trách nhiệm của tập thể, cá nhân và người đứng đầu các cấp uỷ, tổ chức đảng bước đầu được xác định rõ. Trong quá trình hoạt động, đa số cấp uỷ, tổ chức đảng đã bám sát quy chế làm việc, thường xuyên điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế, thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ, phát huy được vai trò của tập thể và trách nhiệm cá nhân, giải quyết tốt mối quan hệ giữa cấp uỷ với chính quyền và các tổ chức chính trị - xã hội; tạo sự đồng thuận của xã hội. Quy chế bầu cử trong Đảng được Ban Chấp hành Trung ương ban hành với nhiều quy định cụ thể hoá nguyên tắc tập trung dân chủ trong hoạt động bầu cử được các tổ chức đảng, đảng viên chấp hành nghiêm túc. Nhiều ý kiến đề nghị cần đưa một số nội dung quan trọng của Quy chế bầu cử trong Đảng vào Điều lệ Đảng.

Thực hiện nguyên tắc tự phê bình, phê bình trong sinh hoạt đảng, nhất là đợt tự phê bình và phê bình theo Nghị

quyết Trung ương 4 khoá XI về xây dựng Đảng, đã có chuyển biến tích cực. Nội dung tự phê bình, phê bình ở các cấp uỷ, tổ chức đảng được thực hiện nghiêm túc, thẳng thắn, chân thành, qua đó đã phát huy được ưu điểm, khắc phục những hạn chế, thiếu sót, khuyết điểm của tập thể và của cán bộ, đảng viên, tạo sự đoàn kết, thống nhất trong nội bộ Đảng. Quy chế nêu gương của cấp uỷ viên do Ban Bí thư ban hành đã bước đầu phát huy tác dụng, đi vào cuộc sống.

1.4. Cơ quan lãnh đạo của Đảng ở Trung ương và địa phương (Chương III, IV)

Trong nhiệm kỳ khoá XI, công tác kiện toàn tổ chức, bộ máy các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp uỷ, tổ chức đảng và cả hệ thống chính trị được triển khai thực hiện tích cực, đồng bộ. Ban Chấp hành Trung ương đã ban hành các nghị quyết, kết luận; Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã ban hành nhiều quy định, hướng dẫn việc kiện toàn, sắp xếp hệ thống tổ chức đảng theo ngành và lãnh thổ theo hướng hợp lý về tổ chức, phù hợp với Điều lệ Đảng, giữ vững vai trò hạt nhân chính trị, nâng cao chất lượng hoạt động, bảo đảm vai trò lãnh đạo của các tổ chức đảng đối với hệ thống chính trị và toàn xã hội.

Điều lệ Đảng khoá XI đã bổ sung nội dung về chỉ định cấp uỷ cho các tổ chức đảng ở những nơi mới được thành lập, hợp nhất, sáp nhập giữa nhiệm kỳ và quy định việc xây dựng, bổ sung phương hướng, nhiệm vụ cho các tổ chức đảng này, tạo điều kiện rất thuận lợi cho các tổ chức đảng và cấp uỷ hoạt động liên tục. Qua đó bảo đảm vai trò lãnh đạo, không phải tổ chức đại hội nhiều lần, khắc phục tình trạng thiếu thống nhất về nhiệm kỳ trong hệ thống tổ chức đảng từ Trung ương đến cơ sở, được các cấp uỷ và tổ chức đảng đánh giá cao.

1.5. Về tổ chức cơ sở đảng và tổ chức đảng trong Quân đội nhân dân, Công an nhân dân (Chương V, VI)

Tính đến ngày 31-12-2014, toàn Đảng có 75.860 tổ chức cơ sở đảng (*tăng 5.732 tổ chức cơ sở đảng so với năm đầu nhiệm kỳ*), trong đó:

- Tổng số tổ chức cơ sở đảng xã, phường, thị trấn là 11.166; ở cơ quan hành chính là 18.714; đơn vị sự nghiệp là 8.746.

- Tổng số tổ chức cơ sở đảng trong Quân đội và Công an là: 9.695.

- Tổng số tổ chức cơ sở đảng ở ngoài nước là 11.

- Tổng số tổ chức cơ sở đảng trong các doanh nghiệp nhà nước là 8.735.

- Tổng số tổ chức cơ sở đảng ở các loại hình doanh nghiệp còn lại và các tổ chức khác là 18.793.

Tổng số có 262.894 chi bộ trực thuộc tổ chức cơ sở đảng (*xã, phường, thị trấn có 160.415; cơ quan hành chính có 26.202; đơn vị sự nghiệp có 14.654, lực lượng vũ trang có 32.710 và trong các loại hình doanh nghiệp, các tổ chức khác có 27.740,...*); có 2.118 đảng bộ bộ phận (*trong đó số đảng bộ bộ phận trong lực lượng vũ trang là 1.100, chiếm tỷ lệ 51,9%*).

Nhìn chung, hoạt động của tổ chức cơ sở đảng với các nội dung được Điều lệ Đảng quy định đã phát huy được vai trò là hạt nhân chính trị ở cơ sở, lãnh đạo cán bộ, đảng viên và nhân dân phấn đấu hoàn thành các nhiệm vụ chính trị. Nhiệm kỳ này, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã chú ý tới việc ban hành các quy định để cụ thể hoá chức năng, nhiệm vụ của các loại hình tổ chức cơ sở đảng, hướng dẫn nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ để nâng cao hiệu lực, hiệu quả, thuận lợi cho công tác xây dựng Đảng theo đúng quy định của Điều lệ Đảng, góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng. Việc đánh giá chất lượng tổ chức

cơ sở đảng hàng năm cũng có sự đổi mới, cải tiến, đã bước đầu khắc phục được tính hình thức, bảo đảm thực chất.

Công tác thi đua, khen thưởng trong Đảng thời gian qua có nhiều đổi mới, thông qua các chính sách, hình thức khen thưởng và việc tổ chức thực hiện. Chất lượng công tác thi đua, khen thưởng được chú trọng hơn trước, khắc phục một bước tình trạng khen thưởng nặng về hình thức,... Nhận thức của một số cấp uỷ, tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên về công tác thi đua, khen thưởng của Đảng ngày càng nâng cao, tuân thủ các quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước về thi đua, khen thưởng.

Tổ chức đảng trong Quân đội nhân dân và Công an nhân dân thực hiện theo các quy định của Điều lệ Đảng tại Chương VI, Điều lệ Đảng cơ bản thuận lợi, phù hợp với tính đặc thù của công tác xây dựng Đảng ở các đảng bộ này. Trong nhiệm kỳ này, Điều lệ Đảng đã đổi tên Đảng uỷ Quân sự Trung ương thành Quân uỷ Trung ương được toàn quân đồng tình cao; bổ sung một số nội dung về cơ chế lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước đối với Quân đội và Công an; Bộ Chính trị quy định nhiều nhiệm vụ và thẩm quyền cụ thể cho đảng bộ bộ phận trong Quân đội và Công an, bước đầu đã tháo gỡ những vướng mắc trong công tác đảng. Vị trí hạt nhân chính trị và vai trò lãnh đạo của tổ chức cơ sở đảng trong các lực lượng vũ trang được thể hiện rõ nét, bảo đảm cơ chế Đảng lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt đối với lực lượng vũ trang.

1.6. Về công tác kiểm tra, giám sát kỷ luật đảng của cấp uỷ và uỷ ban kiểm tra các cấp (Chương VII, Chương VIII)

Phần lớn các cấp uỷ, tổ chức đảng, uỷ ban kiểm tra các cấp và đảng viên đã chấp hành nghiêm túc các quy định của

Điều lệ Đảng. Công tác kiểm tra, giám sát có những chuyển biến tích cực, cơ bản đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng và đội ngũ đảng viên, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị, công tác xây dựng Đảng ở địa phương, đơn vị. Chất lượng các cuộc kiểm tra, giám sát được nâng lên, đã phát hiện, kiểm tra, làm rõ các dấu hiệu vi phạm Điều lệ Đảng, pháp luật của Nhà nước,... Việc xem xét, thi hành kỷ luật đảng, giải quyết tố cáo, khiếu nại kỷ luật được thực hiện kịp thời, đúng quy định. Ủy ban kiểm tra các cấp chấp hành sự lãnh đạo của cấp ủy cùng cấp và sự chỉ đạo, hướng dẫn của ủy ban kiểm tra cấp trên; chấp hành nghiêm chỉnh nguyên tắc tập trung dân chủ, các quy định của Điều lệ Đảng về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, thẩm quyền trong kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật. Hầu hết cấp ủy, tổ chức đảng, ủy ban kiểm tra các cấp thực hiện khá toàn diện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng; thực hiện tương đối tốt phương hướng, phương châm trong xem xét, thi hành kỷ luật đối với tổ chức đảng, đảng viên vi phạm, giải quyết khiếu nại kỷ luật của tổ chức đảng và đảng viên. Sự phối hợp giữa ủy ban kiểm tra với các tổ chức đảng, các cơ quan liên quan trong việc thực hiện quy chế làm việc, quy chế phối hợp, chức năng, nhiệm vụ được giao. Việc tham mưu, giúp Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư cấp ủy cùng cấp về công tác kiểm tra, giám sát, công tác xây dựng Đảng..., đã chủ động, hiệu quả hơn.

Thông qua công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật trong Đảng đã góp phần tích cực trong việc phòng ngừa, ngăn chặn suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, quan liêu, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong một số tổ chức đảng, một bộ phận cán bộ, đảng viên, nhất là qua thực

hiện Nghị quyết Trung ương 4 khoá XI về xây dựng Đảng; phát hiện những sơ hở, những nội dung không còn phù hợp trong các văn bản của Đảng và Nhà nước để kiến nghị và bổ sung, sửa hoặc ban hành văn bản mới cho phù hợp.

1.7. Đảng lãnh đạo Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội (Chương IX)

Phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội được thực hiện chủ yếu thông qua Cương lĩnh chính trị, chiến lược, chính sách, chủ trương, bằng công tác tư tưởng, tổ chức, cán bộ và kiểm tra, giám sát việc thực hiện,... Đảng giới thiệu cán bộ đủ tiêu chuẩn để ứng cử hoặc bổ nhiệm vào các cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội theo quy định của Điều lệ Đảng. Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội từng bước đổi mới cơ chế, nội dung, phương thức hoạt động, là nhân tố góp phần vào việc thi hành Điều lệ Đảng của các tổ chức đảng và đảng viên được thực hiện nghiêm túc.

Điều lệ Đảng khoá XI đã quy định về chức năng, nhiệm vụ của đảng đoàn, ban cán sự đảng chỉ lãnh đạo công tác kiểm tra, không trực tiếp làm nhiệm vụ kiểm tra nhằm phù hợp với thực tiễn hoạt động của đảng đoàn, ban cán sự đảng (không có cơ quan giúp việc). Theo hướng dẫn của Trung ương, các đảng đoàn, ban cán sự đảng đã cụ thể hoá chức năng, nhiệm vụ, phân định rõ trách nhiệm của từng thành viên thông qua việc xây dựng và ban hành quy chế làm việc nhằm xác định và bảo đảm vai trò và phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội; hoạt động của đảng đoàn, ban cán sự đảng đã có chuyển biến rõ nét. Nhìn chung, các đảng đoàn, ban

cán sự đảng đã thực hiện được chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Đảng và các quy định của Trung ương.

2. Những hạn chế, thiếu sót trong thi hành Điều lệ Đảng

Bên cạnh những kết quả đạt được, thực tế việc thi hành Điều lệ Đảng khoá XI đã bộc lộ những hạn chế, thiếu sót sau đây:

2.1. Việc phối hợp tham mưu giữa các ban tham mưu của Trung ương có lúc, có nơi còn chậm, vẫn có tình trạng khép kín trong xây dựng quy định, hướng dẫn. Văn bản tham mưu cá biệt có trường hợp nội dung quy định không thống nhất về cùng một vấn đề; thậm chí văn bản của Đảng có nội dung điều chỉnh lẫn sang các quy định của pháp luật,... Thời gian ban hành một số văn bản cụ thể hoá Điều lệ Đảng chưa bảo đảm tiến độ, thiếu đồng bộ, ảnh hưởng đến việc triển khai thi hành Điều lệ Đảng.

2.2. Về đảng viên và công tác đảng viên

Trong công tác phát triển đảng viên, một số cấp ủy còn chạy theo số lượng, chưa quan tâm đúng mức đến việc giáo dục quần chúng để nâng cao trình độ giác ngộ chính trị, động cơ, mục đích phấn đấu vào Đảng. Việc phân bổ chỉ tiêu kết nạp đảng của một số đảng bộ không được hướng dẫn, kiểm tra cụ thể nên có hiện tượng xuê xoa, dễ dãi, chạy theo thành tích. Số đảng viên được kết nạp ở địa bàn dân cư, là phóng viên, biên tập viên báo chí, xuất bản và nhất là trong khối doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài vẫn gặp khó khăn như các nhiệm kỳ trước.

Cách tính tuổi đảng của đảng viên theo quy định mới của Điều lệ Đảng được thực hiện nền nếp, đáp ứng được yêu cầu

thực tiễn, nhưng do chưa quy định thống nhất với thời điểm và cách tính thời gian dự bị của đảng viên, dẫn tới tình trạng lúng túng trong thực hiện nghiệp vụ và công tác đảng viên.

Đảng viên có quyền được chất vấn về hoạt động của tổ chức đảng và đảng viên ở mọi cấp trong phạm vi tổ chức; báo cáo, kiến nghị với các cơ quan có trách nhiệm và yêu cầu được trả lời, nhưng hoạt động chất vấn mới diễn ra trong phạm vi hẹp và việc thực hiện còn hạn chế...

2.3. Về nguyên tắc tổ chức và cơ cấu tổ chức

Ở một số tổ chức đảng, vẫn có tình trạng một số cấp uỷ viên chưa nhận thức đầy đủ tầm quan trọng của nguyên tắc tập trung dân chủ, chưa thật sự tôn trọng và thực hiện nghiêm túc quy chế làm việc. Còn tình trạng dân chủ hình thức, thống nhất một chiều, thiếu sự tranh luận, thảo luận thấu đáo hoặc hiểu không đúng nguyên tắc này, dẫn đến mất đoàn kết nội bộ ở một số nơi. Nguyên tắc tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách trên thực tế ở nhiều nơi còn hình thức do không xác định rõ cơ chế trách nhiệm, mối quan hệ giữa tập thể và cá nhân, khi có sai sót, khuyết điểm không ai chịu trách nhiệm. Do vậy, vừa có hiện tượng dựa dẫm vào tập thể, không rõ trách nhiệm cá nhân, vừa không khuyến khích người đứng đầu nhiệt tình, tâm huyết, dám nghĩ, dám làm; tạo kẽ hở cho cách làm việc tắc trách, vô trách nhiệm, trì trệ, lợi dụng cơ chế tập thể để thực hiện ý đồ cá nhân, hoặc lạm dụng quyền lực một cách tinh vi để mưu cầu lợi ích cá nhân như Nghị quyết Trung ương 4 khoá XI đã chỉ ra.

Việc thực hiện nguyên tắc tự phê bình và phê bình tuy đã có chuyển biến, nhưng chưa đáp ứng yêu cầu, vẫn là khâu yếu trong sinh hoạt đảng; chưa trở thành nhiệm vụ thường xuyên của các cấp uỷ, tổ chức đảng và đảng viên. Nguyên tắc

tự phê bình và phê bình ở một số nơi bị buông lỏng trong thực hiện, chưa được quy định cụ thể để làm cơ sở cho công tác kiểm tra, giám sát. Ở nhiều cấp uỷ, tổ chức đảng, tự phê bình và phê bình chủ yếu được thực hiện vào dịp kiểm điểm cuối năm, chưa trở thành việc làm thường xuyên, hằng ngày. Nhiều đảng viên, nhất là các đảng viên trẻ, đảng viên mới kết nạp ít thể hiện quan điểm, chính kiến. Nội dung, hình thức tự phê bình và phê bình nhiều khi chưa đúng thực chất, thường vòng vo, né tránh, thậm chí ở một số nơi còn có sự nể nang, hoặc “dĩ hoà vi quý”, làm cho uy tín, sức chiến đấu của tổ chức đảng bị giảm sút, vừa làm mất lòng tin của quần chúng nhân dân, vừa làm sai lệch trong nhận xét, đánh giá cán bộ, dẫn đến những hệ lụy, sai phạm khác trong công tác cán bộ và trong xây dựng tổ chức đảng. Cũng từ những hạn chế đó, một số cấp uỷ, tổ chức đảng chưa chủ động phát hiện, phòng ngừa và hạn chế các vụ việc tiêu cực, sai phạm của đảng viên.

Việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan đảng, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội về cơ bản mới thực hiện được bước giảm đầu mối chung, nhưng còn nhiều tầng nấc, chưa thật sự tinh gọn; hiệu lực, hiệu quả hoạt động còn thấp. Chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức ở một số cơ quan trong hệ thống chính trị còn có những hạn chế, bất cập, nhiều cấp phó, chưa tinh giản được biên chế.

Số lượng cấp uỷ viên, kể cả uỷ viên ban thường vụ cấp uỷ các cấp từ địa phương đến Trung ương còn bất hợp lý cả về cơ cấu và độ tuổi; tính chất dàn đều, bình quân là một trong những nguyên nhân chính làm ảnh hưởng tới chất lượng cấp uỷ viên.

Điều lệ Đảng quy định ở những tổ chức đảng thành lập mới, chia tách, hợp nhất, sáp nhập trong nhiệm kỳ thì cấp uỷ

cấp trên được chỉ định cấp uỷ cấp dưới chính thức, tuy nhiên, uỷ ban kiểm tra của cấp uỷ được chỉ định chính thức lại phải bầu. Vấn đề này đã gây vướng mắc, thêm thủ tục trong quá trình kiện toàn tổ chức đảng.

2.4. Về tổ chức cơ sở đảng

Quy định, hướng dẫn của Trung ương căn cứ vào Điều 23 Điều lệ Đảng khi quy định chức năng, nhiệm vụ của từng loại hình tổ chức cơ sở đảng có nội dung tương tự như nhau; trong khi tính chất hoạt động khác nhau dẫn tới việc gây khó khăn khi triển khai văn bản vào thực tiễn. Các văn bản quy định, hướng dẫn của Trung ương chưa có sự phân biệt thật rạch ròi, cụ thể đối với từng loại hình tổ chức cơ sở đảng có tính chất, đặc điểm khác nhau như: xã, phường, thị trấn, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp, cơ quan hành chính, đơn vị lực lượng vũ trang..., nhất là đối với các loại hình doanh nghiệp có quan hệ sở hữu khác nhau (doanh nghiệp thuộc sở hữu nhà nước, sở hữu tập thể, có vốn đầu tư nước ngoài, liên doanh, tư nhân,...), dẫn tới khó khăn khi thực hiện.

Việc sinh hoạt định kỳ 1 năm 2 lần của đảng bộ cơ sở theo quy định tại khoản 6, Điều 22 Điều lệ Đảng gặp nhiều khó khăn; nhất là các đảng bộ ở địa bàn miền núi, doanh nghiệp có phạm vi hoạt động rộng, những đảng bộ có đông đảng viên, đảng viên hoạt động phân tán,...

Một số chi bộ chưa thực hiện nghiêm túc chế độ sinh hoạt theo định kỳ 1 tháng 1 lần do khó khăn cả về khách quan và chủ quan. Tình trạng đảng viên ở nông thôn, tổ dân phố đi làm ăn xa nơi cư trú tăng lên, thường vắng mặt trong sinh hoạt chi bộ; việc sinh hoạt định kỳ ở các chi bộ thuộc địa bàn doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài có nơi, có lúc bị cản trở. Một số nơi đề nghị cần đổi mới

hình thức sinh hoạt chi bộ như: Sinh hoạt chi bộ định kỳ 2 tháng 1 lần, có nơi đề nghị 3 tháng 1 lần hoặc được sinh hoạt qua mạng (trừ khi cần bỏ phiếu). Việc sinh hoạt thường kỳ ở chi bộ khu dân cư gặp nhiều khó khăn do số lượng đảng viên đông, trụ sở chật hẹp, nhất là ở các đô thị lớn. Nhiều ý kiến đề nghị Điều lệ Đảng nên sửa đổi nội dung này cho phù hợp với thực tiễn mới trong công tác xây dựng Đảng.

2.5. Về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật đảng

Nhận thức của một số cấp uỷ, tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên về nhiệm vụ kiểm tra, giám sát chưa đầy đủ. Một số cấp uỷ, uỷ ban kiểm tra chưa xây dựng được phương hướng, nhiệm vụ, chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát trong toàn khoá; việc xây dựng chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát còn chậm, chưa xây dựng quy định, quy trình kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng của cấp mình. Chưa chủ động thực hiện nhiệm vụ kiểm tra tổ chức đảng, đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm; việc kiểm tra, giám sát cấp uỷ viên cùng cấp còn ít; nội dung kiểm tra về lĩnh vực tài chính, tài sản, công tác cán bộ, công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí chưa đáp ứng được yêu cầu. Việc xem xét, xử lý kỷ luật tổ chức đảng, đảng viên vi phạm còn kéo dài, bỏ sót nội dung vi phạm; việc kỷ luật đảng và kỷ luật hành chính chưa thực hiện đồng bộ, kịp thời. Nội dung, quy trình, phạm vi kiểm tra, giám sát của cấp uỷ, tổ chức đảng, uỷ ban kiểm tra các cấp chưa thật rõ.

Các tổ chức đảng, trước hết là các ban tham mưu, giúp việc của cấp uỷ các cấp chủ yếu thực hiện chức năng tham mưu cho cấp uỷ, còn ít thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát theo quy định của Điều lệ Đảng. Việc phối hợp giữa uỷ ban kiểm tra với các ban xây dựng Đảng, các cơ quan chức

năng có liên quan trong việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát chưa thường xuyên, thiếu chặt chẽ. Nhiều tổ chức cơ sở đảng, nhất là ở các đơn vị sản xuất kinh doanh thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát còn khó khăn, lúng túng, hiệu quả thấp.

Nhìn chung, chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát và xử lý kỷ luật đảng viên vi phạm chưa cao, chưa đủ sức góp phần ngăn chặn, đẩy lùi tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong nội bộ Đảng. Nhiều khuyết điểm, vi phạm của tổ chức đảng, đảng viên chậm được phát hiện để kiểm tra, xử lý nên kỷ cương, kỷ luật ở một số tổ chức đảng chưa nghiêm, một số cấp uỷ còn thiếu sự đoàn kết, nhất trí.

Điều lệ Đảng khoá XI tuy đã được bổ sung, sửa đổi, nhưng vẫn còn một số nội dung chưa đủ rõ như: Quy định về đối tượng, nội dung kiểm tra, giám sát; về khiếu nại và cấp giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng của đảng viên; về thẩm quyền thi hành kỷ luật của chi bộ theo nội dung vi phạm có nội dung còn quá rộng hoặc chưa phù hợp với thực tiễn. Một số quy định, hướng dẫn thi hành Điều lệ Đảng về công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng ban hành chậm, có nội dung chưa thể hướng dẫn được do Điều lệ Đảng chưa quy định.

2.6. Về Đảng lãnh đạo Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội

Trong thực tiễn hoạt động nhiệm kỳ vừa qua, vai trò lãnh đạo của đảng đoàn, ban cán sự đảng ở những nơi lập đảng đoàn, ban cán sự đảng và vai trò lãnh đạo của tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị có lúc còn trùng lặp; thực hiện nhiệm vụ lãnh đạo kiểm tra, giám sát của đảng đoàn, ban cán sự đảng gặp khó khăn do thiếu các quy định, hướng dẫn cụ thể. Thẩm

quyền, trách nhiệm, mối quan hệ công tác của đảng đoàn, ban cán sự đảng với đảng uỷ cơ quan, tập thể lãnh đạo và người đứng đầu cơ quan, đơn vị chưa thật rõ.

Nhiều ý kiến đề nghị Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư cần chỉ đạo việc tiến hành tổng kết mô hình hoạt động của đảng đoàn, ban cán sự đảng để rút kinh nghiệm thực tiễn, qua đó xác định rõ cơ quan, lĩnh vực nào cần có đảng đoàn, ban cán sự đảng; nghiên cứu để quy định rõ hơn về chức năng, nhiệm vụ và phân cấp cụ thể đối với đảng đoàn, ban cán sự đảng ở các văn bản cụ thể hoá Điều lệ Đảng để việc thực hiện được thuận lợi, tháo gỡ lúng túng, vướng mắc.

Qua tổng hợp cho thấy, Điều lệ Đảng khoá XI qua thực tiễn thi hành còn có những nội dung vướng mắc sau đây:

- Quy định về đối tượng, nội dung kiểm tra chưa cụ thể, chưa đủ rõ; quy định về thẩm quyền thi hành kỷ luật của chi bộ và nội dung, đối tượng đảng viên vi phạm có điểm còn quá rộng, nhất là thẩm quyền thi hành kỷ luật của chi bộ đối với đảng viên thuộc cấp trên quản lý..., quá trình thực hiện còn nhiều lúng túng, vướng mắc, cần nghiên cứu bổ sung, sửa đổi hoặc xem xét điều chỉnh bằng các quy chế, quy định của Trung ương.

- Việc quy định đảng bộ cơ sở sinh hoạt định kỳ 1 năm 2 lần, chi bộ sinh hoạt thường kỳ 1 tháng 1 lần, qua thực tiễn cho thấy ở nhiều nơi thực hiện khó khăn, nhất là ở địa bàn miền núi và những đảng bộ có nhiều đảng viên hoạt động phân tán..., cũng có một số cơ quan, đơn vị đề nghị cần nghiên cứu cụ thể hoá, nhất là ở một số nơi có tổ chức và hoạt động đặc thù (đảng viên hoạt động phân tán, khó khăn

về cơ sở vật chất,...) để có cơ sở vận dụng về hình thức sinh hoạt.

- Việc quy định về thời gian dự bị của đảng viên để tính tuổi đảng (khoản 1, khoản 4, Điều 5) vẫn gây lúng túng ở nhiều nơi, nhất là khi thể hiện trong thẻ đảng viên và hồ sơ đảng viên. Thiếu quy định về thời gian dự bị hoặc xử thách của đảng viên dự bị vi phạm kỷ luật nhưng chưa tới mức phải xoá tên..., dẫn đến tình trạng ở nhiều nơi vẫn tính thời gian dự bị của đảng viên dự bị vi phạm kỷ luật giống như đảng viên dự bị không vi phạm kỷ luật, gây tâm tư, thắc mắc, nhưng không có cơ sở để hướng dẫn.

- Việc không phân cấp cụ thể trong xem xét, giải quyết khiếu nại, tố cáo và việc quy định đảng viên có quyền khiếu nại đến Ban Chấp hành Trung ương (khoản 7, Điều 39), trên thực tế đã gây nhiều khó khăn, nhiều trường hợp vi phạm nhỏ, tính chất không nghiêm trọng, những đảng viên ở cơ sở vẫn khiếu nại đến Ban Chấp hành Trung ương, gây tốn kém, lãng phí thời gian, công sức và việc giải quyết khiếu nại kéo dài.

- Thiếu quy định về điều kiện chỉ định đảng viên ngoài đảng bộ tham gia cấp uỷ; về việc chỉ định uỷ ban kiểm tra chính thức cùng với việc chỉ định cấp uỷ chính thức ở những đảng bộ thành lập mới, chia tách, sáp nhập; về quyền khiếu nại của đảng viên về những vấn đề liên quan đến quyền và lợi ích của bản thân đảng viên, về kỷ luật đảng, quyền tố cáo của đảng viên đối với tổ chức đảng và đảng viên vi phạm Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước..., đã gây lúng túng trong tổ chức thực hiện Điều lệ Đảng.

- Về giới hạn số lượng đảng viên của chi bộ là 30 đảng viên (Điều 21) không phù hợp với thực tế ở nhiều nơi, nhất là

địa bàn hành chính, đơn vị sản xuất, khi mà số lượng đảng viên trong một địa bàn hành chính, dân cư, đơn vị sản xuất ngày càng tăng, vượt quá số lượng 30 đảng viên, thậm chí tăng gấp nhiều lần.

- Chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ bộ phận không được quy định cụ thể trong Điều lệ Đảng, dẫn tới tổ chức và hoạt động của loại hình này còn nhiều lúng túng, vướng mắc.

3. Nguyên nhân của những hạn chế, thiếu sót

3.1. Nguyên nhân khách quan

Những diễn biến nhanh chóng và phức tạp của tình hình thế giới, các thế lực thù địch không ngừng chống phá nhằm gây mất ổn định chính trị, kinh tế, xã hội nước ta, sử dụng mọi phương tiện xuyên tạc, chia rẽ nhằm làm giảm lòng tin của nhân dân đối với Đảng, chia rẽ nội bộ Đảng nhằm phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng, phủ nhận thành tựu công cuộc đổi mới đất nước và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Quá trình thực hiện kinh tế thị trường chúng ta chưa lường hết được những tác động mặt trái của nó. Việc hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, toàn diện nhưng việc bồi dưỡng, nâng cao cảnh giác, sức đề kháng cho cán bộ, đảng viên trước những tác động xấu còn hạn chế.

Nhiệm kỳ này có sự thay đổi theo hướng nâng thẩm quyền ban hành các quy định, hướng dẫn cụ thể hoá Điều lệ Đảng và Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư (trước do Bộ Chính trị ban hành, nay do Ban Chấp hành Trung ương ban hành), nên một số quy định ban hành chậm, việc tổ chức thực hiện Điều lệ Đảng và các quy định, hướng dẫn của Trung ương có những khó khăn, lúng túng.

3.2. Nguyên nhân chủ quan

- Một số đảng viên, cấp uỷ viên chưa tự giác nghiên cứu, học tập Điều lệ Đảng và các quy định, hướng dẫn của trung ương về thi hành Điều lệ Đảng, không nắm chắc nguyên tắc, nội dung quy định, hướng dẫn, dẫn đến việc thực hiện thiếu thống nhất hoặc thực hiện không đúng Điều lệ Đảng.

- Công tác tuyên truyền, giáo dục tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống theo tiêu chuẩn của người đảng viên ở nhiều đảng bộ chưa được coi trọng, chưa đủ sức phát huy đầy đủ ý thức trách nhiệm, động viên cán bộ, đảng viên thường xuyên tu dưỡng, rèn luyện, phấn đấu nâng cao ý chí, đạo đức cách mạng. Ý thức gương mẫu, nêu gương của cấp trên, của cấp uỷ viên và cán bộ trước đảng viên, quần chúng chưa được phát huy, có lúc, có nơi còn bị coi nhẹ, thi hành Điều lệ Đảng thiếu nghiêm túc, rơi vào hình thức.

- Công tác kiểm tra, giám sát của cấp uỷ, tổ chức đảng cấp trên đối với cấp dưới, việc giữ gìn kỷ luật, kỷ cương ở một số tổ chức đảng và đảng viên chưa thường xuyên; việc xử lý một số trường hợp vi phạm còn nể nang, thiếu kiên quyết.

- Thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ theo quy định của Điều lệ Đảng ở nhiều nơi còn mang tính hình thức hoặc thực hiện chưa phù hợp, do thiếu quy định cụ thể, chưa xác định rõ cơ chế trách nhiệm, mối quan hệ giữa tập thể và cá nhân,...

- Một số quy định của Điều lệ Đảng hoặc hướng dẫn thi hành Điều lệ Đảng còn có điểm chưa cụ thể hoặc chưa đầy đủ; việc giao thẩm quyền hướng dẫn thi hành Điều lệ Đảng cho Ban Chấp hành Trung ương thay vì Bộ Chính trị như các khoá trước là một chủ trương đúng, nhưng là lần đầu thực hiện nên triển khai hướng dẫn còn chậm, làm cho việc thi hành Điều lệ Đảng gặp khó khăn, lúng túng.

Một số cấp uỷ, tổ chức đảng chưa nhận thức đầy đủ về ý nghĩa quan trọng của việc tổ chức học tập, nghiên cứu, quán triệt Điều lệ Đảng, chưa đầu tư đúng mức về thời gian, công sức cho công tác này.

Một số cấp uỷ viên và đảng viên chưa gương mẫu trong thực hiện Điều lệ Đảng, thậm chí còn vi phạm các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng; thực hiện chưa đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức đảng, trách nhiệm, nghĩa vụ, quyền hạn của đảng viên. Việc thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, các nghị quyết, chỉ thị, quy định về xây dựng, chỉnh đốn Đảng ở một số nơi chưa đến nơi, đến chốn; kỷ cương, kỷ luật không nghiêm, nói không đi đôi với làm hoặc làm chiếu lệ.

Đội ngũ cán bộ làm công tác chuyên trách đảng còn chưa đào sâu suy nghĩ; dành ít thời gian, công sức tìm hiểu, nghiên cứu Điều lệ Đảng và các quy định, hướng dẫn của Trung ương về xây dựng Đảng để tham mưu giúp cấp uỷ ban hành và tổ chức thực hiện các quy định, hướng dẫn theo thẩm quyền, trách nhiệm hoặc để áp dụng vào công việc chuyên môn, nên lúng túng, vận dụng thiếu thống nhất, nhất là việc tính tuổi đảng cho đảng viên, ghi hồ sơ đảng viên.

Nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình ở nhiều nơi vừa bị buông lỏng hoặc vi phạm khi thực hiện, chưa được quy định cụ thể để làm cơ sở cho công tác lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, thậm chí rơi vào hình thức; việc thực hiện chất vấn, tranh luận, đối thoại trong các hội nghị cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ các cấp còn rất hạn chế. Do vậy, vừa có hiện tượng dựa dẫm vào tập thể, không rõ trách nhiệm cá nhân, vừa không khuyến khích người đứng đầu có nhiệt tình, tâm huyết, dám nghĩ, dám làm; tạo kẽ hở

cho cách làm việc tắc trách, trì trệ, hoặc lạm dụng quyền lực một cách tinh vi để mưu cầu lợi ích cá nhân...

Việc nghiên cứu, sửa đổi, ban hành quy định, hướng dẫn về công tác xây dựng Đảng thích ứng với quá trình vận hành của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế chưa kịp thời; văn bản quy định thiếu chế tài cụ thể. Việc đánh giá, sử dụng, bố trí cán bộ còn nể nang, cục bộ, chưa chú trọng phát hiện và có cơ chế thực sự trọng dụng người có đức, có tài; không kiên quyết thay thế người vi phạm, uy tín giảm sút, năng lực yếu kém.

Một số nơi có tình trạng những việc làm đúng, gương người tốt, việc tốt không được đề cao, bảo vệ; khuyết điểm, sai phạm chưa được phê phán, xử lý nghiêm minh. Công tác kiểm tra, giám sát, giữ gìn kỷ luật, kỷ cương ở nhiều nơi, nhiều cấp chưa thường xuyên, kiên quyết đấu tranh với những sai phạm trong thực hiện Điều lệ Đảng. Việc xử lý vi phạm còn nể nang, thiếu nghiêm túc và còn chậm; vai trò giám sát của nhân dân thông qua Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội chưa được phát huy, hiệu quả chưa cao.

Phần thứ hai

ĐỀ XUẤT BỔ SUNG, SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ ĐẢNG CỦA CÁC CẤP ỦY, TỔ CHỨC ĐẢNG

Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam do Đại hội XI của Đảng thông qua đã tiếp tục khẳng định những nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng, đáp ứng cơ bản yêu cầu, nhiệm vụ của công tác xây dựng Đảng, là cơ sở quan trọng tạo nên sự thống nhất ý chí và hành động, giữ vững và tăng cường vai trò lãnh đạo

của Đảng. Một số nội dung bổ sung, sửa đổi trong Điều lệ Đảng khoá XI đã phát huy tác dụng, đáp ứng được yêu cầu của công tác xây dựng Đảng trong tình hình hiện nay, phù hợp với các quan điểm, nội dung của Cương lĩnh xây dựng đất nước thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011).

Tuy vậy, thông qua tổng kết thực tiễn, đánh giá sâu sắc những kết quả đạt được, những hạn chế, vướng mắc trong thi hành Điều lệ Đảng; đồng thời có những vấn đề mới được tổng kết, đúc rút trong công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị đã được quy định trong Cương lĩnh xây dựng đất nước (năm 2011) và Hiến pháp (năm 2013), cũng đặt ra những vấn đề cần xem xét, cân nhắc, để có thể nghiên cứu bổ sung vào Điều lệ Đảng...

Ban Chấp hành Trung ương xin báo cáo Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng về quan điểm của Ban Chấp hành Trung ương khoá XI đối với việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng; đồng thời báo cáo về đề xuất của các cấp uỷ, tổ chức đảng đối với những vấn đề cần nghiên cứu, bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng khoá XI, để trên cơ sở đó, Đại hội thảo luận, cho định hướng cần bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng khoá XI hoặc không nhất thiết phải bổ sung, sửa đổi mà chỉ cần điều chỉnh bằng các quy định của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư khoá XII. Cụ thể như sau:

I- VỀ QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO

(1) Kiên định các nguyên tắc cơ bản về Đảng và xây dựng Đảng trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh; nghiên cứu bổ sung, phát triển, thể chế hoá những quan điểm mới có tính nguyên tắc về xây dựng Đảng, nhất là

những quan điểm mới thể hiện trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011); những nội dung mới về Đảng và hệ thống chính trị được quy định trong Hiến pháp năm 2013.

(2) Kế thừa cơ bản những nội dung của Điều lệ Đảng khoá XI, chỉ nghiên cứu sửa đổi những quy định không còn phù hợp hoặc còn thiếu; bổ sung vào Điều lệ Đảng những vấn đề có tính nguyên tắc hoặc những vấn đề đã được thực tiễn xây dựng Đảng thời gian qua khẳng định là đúng đắn, cần thiết, chín muồi, phổ biến, thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội Đảng toàn quốc.

(3) Phát huy dân chủ, trí tuệ trong thảo luận, phản ánh đầy đủ ý kiến đóng góp của cán bộ, đảng viên, của các cấp ủy, tổ chức đảng, các thành viên trong hệ thống chính trị, nhất là các ý kiến đã được tổng kết, đúc rút từ lý luận và thực tiễn công tác xây dựng Đảng, tạo sự thống nhất cao trong toàn Đảng về bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng.

Các cấp uỷ đảng, tổ chức đảng đề xuất, kiến nghị bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng hiện hành ở những nội dung sau:

1. Phần mở đầu của Điều lệ Đảng

Nhiều ý kiến cho rằng: Phần mở đầu của Điều lệ Đảng hiện hành đã thể hiện khái quát những vấn đề cơ bản về Đảng và nguyên tắc xây dựng Đảng. Quán triệt quan điểm chỉ đạo ở phần trên, Dự thảo Điều lệ Đảng bổ sung, sửa đổi phải tiếp tục giữ những nội dung và nguyên tắc cơ bản đó; nếu có nghiên cứu bổ sung, sửa đổi thì chỉ nên trình bày có tính hệ thống hơn và bổ sung một số nội dung mới có tính nguyên tắc về Đảng và hệ thống chính trị mà Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) và Hiến pháp năm 2013 đã thể hiện.

Về nội dung đề xuất cụ thể qua tổng kết có một số điểm đáng chú ý sau:

1.1. Về mục đích của Đảng (khổ 3), có 2 loại ý kiến:

Loại ý kiến thứ nhất: Giữ như Điều lệ Đảng hiện hành “Mục đích của Đảng là xây dựng nước Việt Nam độc lập, dân chủ, giàu mạnh, xã hội công bằng, văn minh, không còn người bóc lột người, thực hiện thành công chủ nghĩa xã hội và cuối cùng là chủ nghĩa cộng sản”.

Loại ý kiến thứ hai: Đề nghị bổ sung nội dung Đảng “không ngừng củng cố, tăng cường đoàn kết: đoàn kết toàn Đảng, đoàn kết toàn dân, đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế” để phù hợp với Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) và diễn đạt đầy đủ là: “Mục đích của Đảng là *không ngừng củng cố, tăng cường đoàn kết: đoàn kết toàn Đảng, đoàn kết toàn dân, đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế*; xây dựng nước Việt Nam độc lập, dân chủ, giàu mạnh, xã hội công bằng, văn minh, không còn người bóc lột người, thực hiện thành công chủ nghĩa xã hội và cuối cùng là chủ nghĩa cộng sản”.

Ngoài ra có ý kiến đề nghị chỉnh sửa cụm từ “và cuối cùng là chủ nghĩa cộng sản”; vì Cương lĩnh không có cụm từ này.

1.2. Khổ 5, đề xuất 2 phương án:

- Phương án 1: Giữ như Điều lệ Đảng hiện hành “Đảng là một tổ chức chặt chẽ, thống nhất ý chí và hành động, lấy tập trung dân chủ làm nguyên tắc tổ chức cơ bản, thực hiện tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, thương yêu đồng chí, kỷ luật nghiêm minh, đồng thời thực hiện các nguyên tắc: tự phê bình và phê bình, đoàn kết trên cơ sở Cương lĩnh chính

trị và Điều lệ Đảng, gắn bó mật thiết với nhân dân, Đảng hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật”.

- Phương án 2: Nghiên cứu, bổ sung quy định của Hiến pháp năm 2013 tại Điều 4 về Đảng chịu trách nhiệm trước nhân dân và chịu sự giám sát của nhân dân,... Các tổ chức đảng và đảng viên hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật và diễn đạt đầy đủ là:

“Đảng là một tổ chức chặt chẽ, thống nhất ý chí và hành động, lấy tập trung dân chủ làm nguyên tắc tổ chức cơ bản, thực hiện tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, thương yêu đồng chí, kỷ luật nghiêm minh, đồng thời thực hiện các nguyên tắc: tự phê bình và phê bình, đoàn kết trên cơ sở Cương lĩnh chính trị và Điều lệ Đảng, gắn bó mật thiết với nhân dân, chịu trách nhiệm trước nhân dân và chịu sự giám sát của nhân dân, các tổ chức đảng và đảng viên hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật”.

1.3. Về xây dựng Đảng vững mạnh (khổ cuối trong phần mở đầu Điều lệ Đảng), đề xuất 2 phương án:

- Phương án 1: Giữ như Điều lệ Đảng hiện hành “Đảng Cộng sản Việt Nam được xây dựng vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn, không ngừng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên, sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo cách mạng của Đảng”.

- Phương án 2: Ngoài việc xây dựng Đảng vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, cần bổ sung thêm ý nói về xây dựng Đảng trong sạch về đạo đức, nâng cao trình độ trí tuệ, như đã thể hiện trong Cương lĩnh chính trị và diễn đạt đầy đủ là:

“Đảng Cộng sản Việt Nam được xây dựng vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, trong sạch về đạo đức, nâng

cao trình độ trí tuệ, thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn, không ngừng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên, sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo cách mạng của Đảng”.

2. Những nội dung của Điều lệ Đảng về đảng viên và công tác đảng viên

2. 1. Tại Điều 1 có 2 loại ý kiến:

Một số ý kiến nêu: Điều 1 Điều lệ Đảng hiện hành có 2 nội dung khác nhau: Khoản 1 quy định về tiêu chuẩn chung của đảng viên, khoản 2 nêu những điều kiện để có thể xem xét kết nạp công dân ưu tú vào Đảng. Để phù hợp về mặt logic, đề nghị chuyển khoản 2 thành một nội dung của Điều 4 quy định về điều kiện và thủ tục xem xét kết nạp đảng.

Qua thảo luận có 2 loại ý kiến tương ứng với 2 phương án đề xuất:

- Phương án 1: Giữ như Điều lệ Đảng hiện hành:

“- Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam là chiến sĩ cách mạng trong đội tiên phong của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và dân tộc Việt Nam, suốt đời phấn đấu cho mục đích, lý tưởng của Đảng, đặt lợi ích của Tổ quốc, của giai cấp công nhân và nhân dân lao động lên trên lợi ích cá nhân; chấp hành nghiêm chỉnh Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, các nghị quyết của Đảng và pháp luật của Nhà nước; có lao động, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; có đạo đức và lối sống lành mạnh; gắn bó mật thiết với nhân dân; phục tùng tổ chức, kỷ luật của Đảng, giữ gìn đoàn kết thống nhất trong Đảng.

- Công dân Việt Nam từ mười tám tuổi trở lên; thừa nhận và tự nguyện: thực hiện Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, tiêu chuẩn và nhiệm vụ đảng viên, hoạt động trong một tổ chức

cơ sở đảng; qua thực tiễn chứng tỏ là người ưu tú, được nhân dân tín nhiệm, đều có thể được xét để kết nạp vào Đảng”.

- Phương án 2: Chuyển nội dung điều kiện để trở thành đảng viên thành một mục ở Điều 4.

2.2. Điều 3. Quyền hạn của đảng viên

Một số ý kiến nêu: Trong 4 quyền của đảng viên được Điều lệ Đảng quy định, chưa có quyền khiếu nại liên quan đến quyền lợi của đảng viên, quyền tố cáo của đảng viên đối với hành vi vi phạm Điều lệ Đảng của đảng viên, tổ chức đảng; đề nghị bổ sung quyền này vào Điều lệ Đảng để phù hợp với quy định chung của pháp luật. Một số ý kiến khác lại đề nghị giữ như quy định hiện hành vì cho rằng các quyền này thực hiện trong thời gian qua không có gì vướng mắc.

Qua thảo luận có 2 loại ý kiến tương ứng với đề xuất 2 phương án:

- Phương án 1: Giữ như Điều lệ Đảng hiện hành.

“Đảng viên có quyền:

- Được thông tin và thảo luận các vấn đề về Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng; biểu quyết công việc của Đảng.

- Ứng cử, đề cử và bầu cử cơ quan lãnh đạo các cấp của Đảng theo quy định của Ban Chấp hành Trung ương.

- Phê bình, chất vấn về hoạt động của tổ chức đảng và đảng viên ở mọi cấp trong phạm vi tổ chức; báo cáo, kiến nghị với các cơ quan có trách nhiệm và yêu cầu được trả lời.

- Trình bày ý kiến khi tổ chức đảng nhận xét, quyết định công tác hoặc thi hành kỷ luật đối với mình.

Đảng viên dự bị có các quyền trên đây, trừ quyền biểu quyết, ứng cử và bầu cử cơ quan lãnh đạo của Đảng”.

- Phương án 2: Bổ sung quyền khiếu nại liên quan đến quyền lợi của đảng viên, tố cáo của đảng viên đối với tổ chức đảng và đảng viên vi phạm Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, vào khoản 3 (theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 4 khoá XI):

“Đảng viên có quyền:

- Được thông tin và thảo luận các vấn đề về Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng; biểu quyết công việc của Đảng.

- Ứng cử, đề cử và bầu cử cơ quan lãnh đạo các cấp của Đảng theo quy định của Ban Chấp hành Trung ương.

- Phê bình, chất vấn về hoạt động của tổ chức đảng và đảng viên ở mọi cấp trong phạm vi tổ chức; tố cáo đối với tổ chức đảng và đảng viên vi phạm Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; báo cáo, kiến nghị với các cơ quan có trách nhiệm và yêu cầu được trả lời.

- Khiếu nại, trình bày ý kiến khi tổ chức đảng nhận xét, quyết định công tác hoặc thi hành kỷ luật đối với mình.

Đảng viên dự bị có các quyền trên đây, trừ quyền biểu quyết, ứng cử và bầu cử cơ quan lãnh đạo của Đảng”.

2.3. Khoản 1, khoản 4, Điều 5: Thời gian dự bị và tuổi đảng của đảng viên

Một số ý kiến nêu, Điều lệ Đảng quy định cách tính tuổi đảng của đảng viên được công nhận chính thức tính từ ngày ghi trong quyết định kết nạp; thời gian dự bị của đảng viên là mười hai tháng tính từ ngày chi bộ tổ chức lễ kết nạp. Việc này gây khó khăn, lúng túng cho các cấp uỷ khi vận dụng, nhất là ở đầu nhiệm kỳ khi chưa có hướng dẫn cụ thể.

Qua thảo luận, các ý kiến đề xuất giữ như quy định hiện hành:

“- Người được kết nạp vào Đảng phải trải qua thời kỳ dự bị mười hai tháng, tính từ ngày chi bộ tổ chức lễ kết nạp. Trong thời kỳ dự bị, chi bộ tiếp tục giáo dục, rèn luyện và phân công đảng viên chính thức giúp đảng viên đó tiến bộ.

- Đảng viên đã được công nhận chính thức thì tuổi đảng của đảng viên tính từ ngày ghi trong quyết định kết nạp”.

3. Về nguyên tắc tổ chức và hệ thống tổ chức của Đảng

Một số ý kiến đề nghị nghiên cứu, bổ sung vào Điều lệ Đảng một số quy định sau để bảo đảm tính toàn diện và tạo cơ sở cho các quy định cụ thể thi hành Điều lệ Đảng, đó là:

3.1. Nghiên cứu việc chỉ định cấp uỷ ở một số đảng bộ đặc thù thì có một số cấp uỷ viên không nhất thiết là đảng viên trong đảng bộ đó (như Đảng bộ Quân đội, Đảng bộ Công an, Đảng bộ Ngoài nước,...).

3.2. Tiếp thu những nội dung cơ bản của Quy chế bầu cử trong Đảng và đề xuất bổ sung vào Điều lệ Đảng một điều mới (*tạm gọi là Điều 11B, sau Điều 11*) với một số nội dung sau:

- Cấp uỷ triệu tập đại hội có trách nhiệm chuẩn bị nhân sự cấp uỷ khoá mới. Danh sách ứng cử viên do cấp uỷ triệu tập đại hội chuẩn bị là danh sách đề cử chính thức với đại hội.

- Cấp uỷ viên cấp triệu tập đại hội không được đề cử nhân sự ngoài danh sách do cấp uỷ đề cử; không được ứng cử và nhận đề cử nếu không có tên trong danh sách đề cử của cấp uỷ.

3.3. Khoản 5, Điều 13

Điều lệ Đảng hiện hành quy định: “Từ tổ chức cơ sở đảng đến đảng bộ trực thuộc Trung ương nếu được thành lập mới, chia tách, hợp nhất, sáp nhập trong nhiệm kỳ, thì cấp uỷ cấp trên chỉ định cấp uỷ chính thức; chỉ đạo xây dựng hoặc bổ

sung nhiệm vụ cho phù hợp; nhiệm kỳ đầu tiên của các cấp ủy này không nhất thiết là 5 năm để nhiệm kỳ đại hội phù hợp với nhiệm kỳ đại hội của tổ chức đảng cấp trên”.

Nhiều ý kiến đề xuất bổ sung cụm từ “ủy ban kiểm tra” sau cụm từ “chỉ định cấp ủy”, bỏ cụm từ “chính thức” ở nội dung này, để diễn đạt đầy đủ là:

“Từ tổ chức cơ sở đảng đến đảng bộ trực thuộc Trung ương nếu được thành lập mới, chia tách, hợp nhất, sáp nhập trong nhiệm kỳ, thì cấp ủy cấp trên chỉ định cấp ủy, ủy ban kiểm tra; chỉ đạo xây dựng hoặc bổ sung nhiệm vụ cho phù hợp; nhiệm kỳ đầu tiên của các cấp ủy này không nhất thiết là 5 năm để nhiệm kỳ đại hội phù hợp với nhiệm kỳ đại hội của tổ chức đảng cấp trên”.

Theo các ý kiến đề xuất, quy định như trên nhằm tháo gỡ những vướng mắc, bất hợp lý trong việc kiện toàn cấp ủy, ủy ban kiểm tra ở những tổ chức đảng này, cấp ủy là cơ quan lãnh đạo cao nhất giữa 2 kỳ đại hội thì chỉ định, ủy ban kiểm tra lại phải bầu.

4. Tổ chức cơ sở đảng

Một số ý kiến đề nghị nên nghiên cứu sửa đổi khoản 1, Điều 22: Về nhiệm kỳ của tổ chức cơ sở đảng, qua thảo luận có 2 loại ý kiến:

- Loại ý kiến thứ nhất đề nghị giữ như quy định hiện hành: “Đại hội đại biểu hoặc đại hội đảng viên của tổ chức cơ sở đảng do cấp ủy cơ sở triệu tập năm năm một lần; có thể triệu tập sớm hoặc muộn hơn nhưng không quá một năm”.

- Loại ý kiến thứ hai đề nghị bổ sung, sửa đổi như sau: “Đại hội đại biểu hoặc đại hội đảng viên của tổ chức cơ sở đảng do cấp ủy cơ sở triệu tập năm năm một lần; có thể triệu

tập sớm hoặc muộn hơn nhưng không quá một năm. Giữa nhiệm kỳ đảng bộ tổ chức hội nghị với các nội dung theo hướng dẫn của Ban Chấp hành Trung ương”.

5. Tổ chức đảng trong Quân đội nhân dân Việt Nam và Công an nhân dân Việt Nam

5.1. Về đảng bộ bộ phận, có 2 loại ý kiến:

- Quân uỷ Trung ương đề nghị quy định nhiệm vụ, quyền hạn của đảng bộ bộ phận mang tính đặc thù của lực lượng vũ trang trong Điều lệ Đảng, vì: Đảng bộ bộ phận được xác định là một cấp bộ đảng nhưng chưa được quy định nhiệm vụ, quyền hạn; mặt khác, từ thực tế của đảng bộ bộ phận trong Quân đội khẳng định là phù hợp và cần quy định trong Điều lệ Đảng để có cơ sở pháp lý cho đảng bộ bộ phận hoạt động.

- Một số ý kiến khác đề nghị: Giữ như Điều lệ Đảng hiện hành, không quy định nhiệm vụ của đảng bộ bộ phận, vì cho rằng: Đảng bộ bộ phận là tổ chức đảng đặc thù trong Quân đội và Công an, không mang tính phổ biến. Vì vậy, chỉ cần cụ thể hoá trong Quy định thi hành Điều lệ Đảng là đủ.

5.2. Về khoản 1, Điều 26

Quân uỷ Trung ương đề nghị quy định rõ trong Điều lệ Đảng đồng chí Tổng Bí thư trực tiếp làm Bí thư Quân uỷ Trung ương, vì đây là 2 chức danh có tính độc lập và có vị trí không ngang bằng nhau. Tổng Bí thư là người đứng đầu toàn Đảng, là cấp trên của bí thư cấp uỷ, tổ chức đảng, trong đó có chức danh Bí thư Quân uỷ Trung ương. Mặt khác, để thống nhất cách sử dụng từ ngữ trong Điều lệ Đảng, đề nghị sửa lại là: Đồng chí Tổng Bí thư trực tiếp làm Bí thư Quân uỷ Trung ương và diễn đạt lại như sau:

“Quân uỷ Trung ương do Bộ Chính trị chỉ định, gồm một số Uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương công tác trong quân đội và một số Uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương công tác ngoài Quân đội, đặt dưới sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Trung ương mà thường xuyên là Bộ Chính trị, Ban Bí thư. Đồng chí Tổng Bí thư trực tiếp làm Bí thư Quân uỷ Trung ương”.

- Một số ý kiến khác đề nghị giữ như quy định hiện hành.

5.3. Về khoản 2, Điều 26, có 2 loại ý kiến:

- Quân uỷ Trung ương đề nghị bổ sung cụm từ “đồng thời chịu trách nhiệm trước Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về công tác xây dựng Đảng, công tác chính trị và công tác cán bộ trong quân đội” để biên tập lại là:

“Quân uỷ Trung ương nghiên cứu, đề xuất để Ban Chấp hành Trung ương quyết định những vấn đề về đường lối, nhiệm vụ quân sự, quốc phòng, lãnh đạo toàn quân về mọi mặt; đồng thời chịu trách nhiệm trước Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về công tác xây dựng Đảng, công tác chính trị và công tác cán bộ trong Quân đội”.

Theo Quân uỷ Trung ương: Bổ sung như trên để quy định rõ trách nhiệm và quyền hạn của Quân uỷ Trung ương, nhất là về công tác cán bộ, vì: Theo quy định của Điều lệ Đảng và Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư thì thành phần của Quân uỷ Trung ương bao gồm cả các đồng chí lãnh đạo cao nhất của Đảng và Nhà nước, nhưng khi trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư những nội dung về công tác cán bộ thì đồng thời phải báo cáo các ban đảng Trung ương và Ban cán sự đảng Chính phủ thẩm định;

thời gian thẩm định của các cơ quan thường kéo dài nhiều khi chưa đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ của quân đội. Mặt khác, nếu ý kiến thẩm định của các cơ quan Trung ương không thống nhất với Quân uỷ Trung ương, thì vô hình trung các cơ quan Trung ương đã phủ quyết cả ý kiến các đồng chí lãnh đạo cao nhất; điều đó không phù hợp. Từ thực tiễn trên đề nghị quy trình thẩm định của các cơ quan Trung ương đối với công tác cán bộ trong Quân đội thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý được thực hiện như sau: theo kế hoạch của Quân uỷ Trung ương, Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam cùng với các ban đảng Trung ương chuẩn bị các nội dung về công tác cán bộ. Sau khi thống nhất với các ban đảng Trung ương, Tổng cục Chính trị trình Quân uỷ Trung ương quyết định.

- Một số ý kiến khác lại cho rằng nên giữ như quy định hiện hành: “Quân uỷ Trung ương nghiên cứu đề xuất để Ban Chấp hành Trung ương quyết định những vấn đề về đường lối, nhiệm vụ quân sự và quốc phòng; lãnh đạo mọi mặt trong quân đội”. Vì cơ chế trên là phù hợp, đã được thực hiện trong suốt quá trình cách mạng ở nước ta, bảo đảm sự lãnh đạo trực tiếp, toàn diện của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đối với Quân đội nhân dân Việt Nam; phù hợp với quy định về phân cấp quản lý cán bộ hiện nay, bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt đối với quân đội, kể cả công tác xây dựng Đảng và công tác cán bộ trong quân đội.

Một số ý kiến phân tích cho rằng, mặc dù tham gia Thường vụ Quân uỷ Trung ương có các đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, đồng chí Uỷ viên Bộ Chính trị, Ban Bí thư làm Bộ trưởng và Chủ nhiệm Tổng cục

Chính trị, nhưng tập thể Bộ Chính trị, Ban Bí thư mới là cơ quan quyết định theo nguyên tắc tập trung dân chủ, do vậy cần giữ như quy định hiện hành.

5.4. Về khoản 2, Điều 27

- Điều lệ Đảng hiện hành quy định:

“Đảng uỷ quân khu gồm các đồng chí công tác trong đảng bộ quân khu do đại hội cùng cấp bầu và các đồng chí bí thư tỉnh uỷ, thành uỷ trên địa bàn quân khu được chỉ định tham gia; lãnh đạo thực hiện nghị quyết của cấp trên, nhiệm vụ xây dựng nền quốc phòng toàn dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; phối hợp với cấp uỷ địa phương thực hiện đường lối, chính sách của Đảng trong quân khu”.

- Quân uỷ Trung ương đề nghị bỏ cụm từ “được chỉ định tham gia” để biên tập lại là:

“Đảng uỷ quân khu gồm các đồng chí công tác trong đảng bộ quân khu do đại hội cùng cấp bầu và *các đồng chí bí thư tỉnh uỷ, thành uỷ trực thuộc Trung ương trên địa bàn quân khu*; lãnh đạo thực hiện nghị quyết của cấp trên, nhiệm vụ xây dựng nền quốc phòng toàn dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; phối hợp với cấp uỷ địa phương thực hiện đường lối, chính sách của Đảng trong quân khu”.

Theo Quân uỷ Trung ương: Sửa đổi như trên nhằm quy định rõ các đồng chí bí thư tỉnh uỷ, thành uỷ trực thuộc Trung ương trên địa bàn quân khu là thành viên chính thức của đảng uỷ quân khu; cấp có thẩm quyền không phải ra quyết định chỉ định tham gia nữa, nhằm khắc phục tình trạng gián đoạn, lúng túng khi thực hiện quy trình chỉ định đồng chí bí thư tỉnh uỷ, thành uỷ tham gia đảng uỷ quân khu, nhất là khi có thay đổi về nhân sự bí thư tỉnh uỷ, thành uỷ trong nhiệm kỳ.

5.5. Về khoản 3, Điều 28

Đảng uỷ Công an Trung ương và nhiều ý kiến đề nghị: Đổi cụm từ *Tổng cục Xây dựng lực lượng Công an nhân dân* thành cụm từ *Tổng cục Chính trị* vì: Bộ Chính trị đã quyết định đổi tên như trên đối với lực lượng này; vì vậy, nội dung này phải diễn đạt đầy đủ là:

“Tổng cục Chính trị đảm nhiệm công tác đảng, công tác chính trị và công tác quần chúng trong các đơn vị thuộc đảng bộ công an, hoạt động dưới sự lãnh đạo của Đảng uỷ Công an Trung ương; phối hợp với cấp uỷ địa phương chỉ đạo công tác đảng, công tác chính trị và công tác quần chúng trong lực lượng công an địa phương”.

5.6. Về khoản 2, Điều 29

Điều lệ Đảng hiện hành quy định: “Đảng uỷ công an tỉnh, thành, huyện, quận, thị xã do đại hội đảng bộ cùng cấp bầu”.

Đảng uỷ Công an Trung ương đề nghị biên tập lại là: “Đảng uỷ công an, cảnh sát phòng cháy, chữa cháy tỉnh, thành, huyện, quận, thị xã do đại hội đảng bộ cùng cấp bầu và đồng chí phó bí thư thường trực hoặc chủ tịch uỷ ban nhân dân được cấp uỷ địa phương cùng cấp chỉ định tham gia”. Vì hiện nay, có nhiều địa phương đã thành lập sở cảnh sát phòng cháy, chữa cháy theo quy định của Luật mà lực lượng này cũng nằm trong lực lượng Công an nhân dân.

6. Công tác kiểm tra, giám sát, khen thưởng, kỷ luật đảng và uỷ ban kiểm tra các cấp

6.1. Về khoản 2, Điều 30, có 2 loại ý kiến:

- Loại ý kiến thứ nhất đề nghị bổ sung cụm từ “chính sách, pháp luật của Nhà nước” vào cuối khoản này, để biên tập lại là: “Các cấp uỷ đảng lãnh đạo công tác kiểm tra, giám

sát và tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát các tổ chức đảng và đảng viên chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước”.

Theo loại ý kiến này, bổ sung như vậy để phù hợp với quy định của Hiến pháp năm 2013 là: Tổ chức đảng và đảng viên phải hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật. Vì trong điều kiện đảng cầm quyền thì việc kiểm tra, giám sát cả việc chấp hành chính sách, pháp luật của Nhà nước đối với tổ chức đảng và đảng viên là phù hợp; nội dung trên cũng đã nêu trong các nghị quyết, quy định của Đảng và hướng dẫn của Ban Chấp hành Trung ương thực hiện các quy định về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng trong Chương VII và Chương VIII, Điều lệ Đảng khoá XI. Việc chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật của Nhà nước là một trong những nhiệm vụ của đảng viên được quy định tại Điều 11 Điều lệ Đảng. Mặt khác, thực tế những năm qua, cấp uỷ, tổ chức đảng, uỷ ban kiểm tra các cấp đã tiến hành có hiệu quả việc kiểm tra, giám sát đối với nhiều tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên về thực hiện chính sách, pháp luật của Nhà nước.

- Loại ý kiến khác cho rằng: Trong nội bộ đảng thì hoạt động kiểm tra, giám sát tổ chức đảng, đảng viên chỉ nên giới hạn trong phạm vi chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị, quy chế, quy định,... của Đảng; còn việc vi phạm chính sách, pháp luật của Nhà nước thì đã có hệ thống pháp luật và các cơ quan hành pháp, tư pháp thực hiện theo quy định của pháp luật chung mà đảng viên, tổ chức đảng và mọi tổ chức và công dân đều phải tuân theo; không nhất thiết phải bổ sung nội dung này vào Điều lệ Đảng.

6.2. Về khoản 1, Điều 31

Điều lệ Đảng hiện hành quy định: “Ủy ban kiểm tra các cấp do cấp uỷ cùng cấp bầu, gồm một số đồng chí trong cấp uỷ và một số đồng chí ngoài cấp uỷ”. Có 2 loại ý kiến:

- Loại ý kiến thứ nhất đề nghị bổ sung cụm từ “được lập từ đảng bộ cơ sở trở lên” sau cụm từ “ủy ban kiểm tra các cấp” và đề xuất 2 phương án:

+ Phương án 1: “Ủy ban kiểm tra các cấp *được lập từ đảng bộ cơ sở trở lên*, do cấp uỷ cùng cấp bầu, gồm một số đồng chí trong cấp uỷ và một số đồng chí ngoài cấp uỷ”.

+ Phương án 2: “Ủy ban kiểm tra các cấp *được lập từ đảng bộ cơ sở trở lên, do đại hội cùng cấp bầu*, gồm một số đồng chí trong cấp uỷ và một số đồng chí ngoài cấp uỷ”.

- Các ý kiến khác cho rằng: Vấn đề này đã được các cấp uỷ, tổ chức đảng và Ban Chấp hành Trung ương khoá X thảo luận, xem xét trong quá trình tổng kết thi hành Điều lệ Đảng khoá X để bổ sung, sửa đổi trong Điều lệ Đảng khoá XI; nhiều ý kiến khi đó đều cho rằng nên quy định uỷ ban kiểm tra do cấp uỷ cùng cấp bầu, nếu xét thấy cần thì Ban Chấp hành Trung ương có thể quy định tăng thêm thẩm quyền, trách nhiệm cho uỷ ban kiểm tra các cấp, vì vậy Đại hội XI đã không đặt ra việc bổ sung, sửa đổi đối với nội dung này.

- Nhiều ý kiến đề nghị: Đây là vấn đề lớn, liên quan đến tổ chức và hoạt động của Đảng, cần có thời gian nghiên cứu kỹ lưỡng hơn hoặc có thể cho thực hiện thí điểm ở một số cấp uỷ để tổng kết, rút kinh nghiệm, trước khi bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng và trước mắt nên giữ như quy định hiện hành.

6.3. Một số nội dung khác

a) Khoản 5, Điều 23: Về nhiệm vụ của tổ chức cơ sở đảng

Điều lệ Đảng hiện hành quy định: “Kiểm tra, giám sát

việc thực hiện, bảo đảm các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, pháp luật của Nhà nước được chấp hành nghiêm chỉnh; kiểm tra, giám sát tổ chức đảng và đảng viên chấp hành Điều lệ Đảng”.

Ủy ban Kiểm tra Trung ương và nhiều ý kiến đề nghị biên tập lại như sau: *“Kiểm tra, giám sát tổ chức đảng, đảng viên thuộc phạm vi quản lý trong việc thực hiện Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước”*.

b) Khoản 2, khoản 3, Điều 32 Điều lệ Đảng hiện hành quy định:

“Kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới khi có dấu hiệu vi phạm trong việc chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, các nguyên tắc tổ chức của Đảng, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật trong Đảng.

Giám sát đảng viên, kể cả cấp uỷ viên cùng cấp, cán bộ diện cấp uỷ cùng cấp quản lý và tổ chức đảng cấp dưới về việc thực hiện chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, nghị quyết của cấp uỷ và đạo đức, lối sống theo quy định của Ban Chấp hành Trung ương”.

Ủy ban Kiểm tra Trung ương và nhiều ý kiến đề nghị biên tập lại như sau:

“Kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới khi có dấu hiệu vi phạm trong việc chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, *chính sách, pháp luật của Nhà nước*, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật trong Đảng.

Giám sát đảng viên, kể cả cấp uỷ viên cùng cấp và tổ chức đảng cấp dưới *trong việc chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, chính sách,*

pháp luật của Nhà nước và đạo đức, lối sống theo quy định của Ban Chấp hành Trung ương”.

c) Ủy ban Kiểm tra Trung ương đề nghị thêm cụm từ “giám sát” để biên tập lại Điều 33 như sau:

“Ủy ban kiểm tra có quyền yêu cầu tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên báo cáo, cung cấp tài liệu về những vấn đề liên quan đến nội dung kiểm tra, *giám sát*”

6.4. Về khen thưởng, kỷ luật đảng (Chương VIII)

Điều 36 Điều lệ Đảng hiện hành quy định:

“- Chi bộ quyết định khiển trách, cảnh cáo đảng viên trong chi bộ (kể cả cấp ủy viên các cấp, đảng viên thuộc diện cấp ủy cấp trên quản lý) vi phạm phẩm chất đạo đức, lối sống, sinh hoạt đảng, thực hiện nhiệm vụ đảng viên (trừ nhiệm vụ do cấp trên giao).

Đảng ủy cơ sở quyết định khiển trách, cảnh cáo đảng viên trong đảng bộ, cách chức cấp ủy viên cấp dưới.

Đảng ủy cơ sở được ủy quyền quyết định kết nạp đảng viên thì có quyền khai trừ đảng viên nhưng không phải là cấp ủy viên cùng cấp và đảng viên thuộc diện cấp ủy cấp trên quản lý.

- Cấp ủy tỉnh, thành, huyện, quận và tương đương quyết định các hình thức kỷ luật đảng viên, quyết định khiển trách, cảnh cáo cấp ủy viên các cấp, đảng viên thuộc diện cấp ủy cấp trên quản lý.

Ban thường vụ cấp ủy quyết định các hình thức kỷ luật đảng viên, quyết định khiển trách, cảnh cáo cấp ủy viên các cấp, đảng viên thuộc diện cấp ủy cấp trên quản lý.

- Ban Chấp hành Trung ương quyết định các hình thức kỷ luật đảng viên, kể cả Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương, Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên Bộ Chính trị.

Bộ Chính trị, Ban Bí thư quyết định các hình thức kỷ luật đảng viên, kể cả đảng viên thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý; khiển trách, cảnh cáo Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương vi phạm phẩm chất chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, sinh hoạt đảng, thực hiện nhiệm vụ đảng viên”.

Đề nghị biên tập lại như sau:

“- Chi bộ quyết định khiển trách, cảnh cáo đảng viên trong chi bộ (kể cả cấp ủy viên các cấp, đảng viên thuộc diện cấp ủy cấp trên quản lý) vi phạm phẩm chất đạo đức, lối sống, sinh hoạt đảng, thực hiện nhiệm vụ *do chi bộ giao*.”

Đảng ủy cơ sở quyết định khiển trách, cảnh cáo đảng viên trong đảng bộ, cách chức cấp ủy viên cấp dưới.

Đảng ủy cơ sở được ủy quyền quyết định kết nạp đảng viên thì có quyền khai trừ đảng viên nhưng không phải là cấp ủy viên cùng cấp và đảng viên thuộc diện cấp ủy cấp trên quản lý.

- Cấp ủy tỉnh, thành, huyện, quận và tương đương quyết định các hình thức kỷ luật đảng viên, quyết định khiển trách, cảnh cáo cấp ủy viên *cùng cấp nhưng không phải là cán bộ thuộc diện cấp ủy cấp trên quản lý*.

Ban thường vụ cấp ủy quyết định các hình thức kỷ luật đảng viên, quyết định khiển trách, cảnh cáo đảng viên là cán bộ thuộc diện cấp trên quản lý *nhưng không phải là cấp ủy viên cùng cấp và cấp trên*.

- Ban Chấp hành Trung ương quyết định các hình thức kỷ luật đảng viên, kể cả Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương, Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên Bộ Chính trị.

Bộ Chính trị, Ban Bí thư quyết định các hình thức kỷ luật đảng viên, kể cả đảng viên thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý nhưng không phải là Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương”.

b) Khoản 1, Điều 37 Điều lệ Đảng hiện hành quy định:

“Cấp uỷ cấp trên trực tiếp quyết định khiển trách, cảnh cáo tổ chức đảng cấp dưới”.

Đề nghị biên tập lại như sau:

“Cấp uỷ cấp trên trực tiếp *hoặc ban thường vụ cấp uỷ cấp huyện và tương đương trở lên* quyết định khiển trách, cảnh cáo tổ chức đảng cấp dưới”.

c) Khoản 3, Điều 38 Điều lệ Đảng hiện hành quy định:

“Kỷ luật giải tán một tổ chức đảng và khai trừ đảng viên phải được ít nhất hai phần ba số thành viên của tổ chức đảng cấp dưới đề nghị và do tổ chức đảng có thẩm quyền quyết định”.

Đề nghị biên tập lại như sau:

“Kỷ luật giải tán một tổ chức đảng và khai trừ đảng viên phải được ít nhất hai phần ba số thành viên của tổ chức đảng cấp dưới đề nghị và *phải được ít nhất hai phần ba số thành viên của tổ chức đảng có thẩm quyền quyết định*”.

d) Các khoản 5, 7, 9, Điều 39 Điều lệ Đảng hiện hành quy định:

“Quyết định của cấp trên về kỷ luật tổ chức đảng và đảng viên vi phạm phải được thông báo đến cấp dưới, nơi có tổ chức đảng và đảng viên vi phạm; trường hợp cần thông báo rộng hơn thì do cấp uỷ có thẩm quyền quyết định.

Tổ chức đảng, đảng viên không đồng ý với quyết định kỷ luật thì trong vòng một tháng, kể từ ngày nhận quyết định, có quyền khiếu nại với cấp uỷ hoặc uỷ ban kiểm tra cấp trên cho đến Ban Chấp hành Trung ương. Việc giải quyết khiếu nại kỷ luật, thực hiện theo quy định của Ban Chấp hành Trung ương.

Trong khi chờ giải quyết khiếu nại, tổ chức đảng và

đảng viên bị kỷ luật phải chấp hành nghiêm chỉnh quyết định kỷ luật”.

Đề nghị biên tập lại như sau:

“Quyết định của cấp trên về kỷ luật tổ chức đảng và đảng viên vi phạm phải được thông báo đến cấp dưới, nơi có tổ chức đảng và đảng viên vi phạm; trường hợp cần thông báo rộng hơn thì do *tổ chức đảng quyết định kỷ luật* quyết định.

Tổ chức đảng, đảng viên không đồng ý với quyết định kỷ luật thì trong vòng 30 ngày làm việc, kể từ ngày công bố quyết định: *Tổ chức đảng bị kỷ luật bằng hình thức giải tán, đảng viên bị kỷ luật bằng hình thức khai trừ* có quyền khiếu nại với cấp uỷ hoặc uỷ ban kiểm tra cấp trên cho đến Ban Chấp hành Trung ương; *tổ chức đảng bị kỷ luật bằng hình thức khiển trách, cảnh cáo, đảng viên bị kỷ luật bằng các hình thức từ khiển trách đến cách chức có quyền khiếu nại đến cấp uỷ hoặc uỷ ban kiểm tra cấp trên các cấp đã giải quyết kỷ luật hai cấp; trường hợp đảng viên bị kỷ luật từ khiển trách đến khai trừ do Uỷ ban Kiểm tra Trung ương* trở lên quyết định thì có quyền khiếu nại đến Ban Chấp hành Trung ương. Việc giải quyết khiếu nại kỷ luật thực hiện theo quy định của Ban Chấp hành Trung ương.

Trong khi chờ giải quyết khiếu nại, tổ chức đảng và đảng viên bị kỷ luật phải chấp hành nghiêm chỉnh quyết định kỷ luật *hoặc quyết định giải quyết khiếu nại kỷ luật đối với mình*”.

d) Khoản 3, khoản 4, Điều 40 Điều lệ Đảng hiện hành quy định:

“Đảng viên bị kỷ luật cách chức, trong vòng một năm, kể từ ngày có quyết định, không được bầu vào cấp uỷ, không được bổ nhiệm vào các chức vụ tương đương và cao hơn.

Việc đình chỉ sinh hoạt đảng của đảng viên, đình chỉ sinh

hoạt cấp ủy của cấp ủy viên, đình chỉ hoạt động của tổ chức đảng phải được cấp ủy hoặc ủy ban kiểm tra có thẩm quyền quyết định theo quy định của Ban Chấp hành Trung ương”.

Đề nghị biên tập lại như sau:

“Đảng viên bị kỷ luật từ *khiến trách* đến cách chức, trong vòng 1 năm kể từ ngày công bố quyết định, không được bầu vào cấp ủy, không được bổ nhiệm vào các chức vụ tương đương và cao hơn.

Việc đình chỉ sinh hoạt đảng, *đình chỉ chức vụ* của đảng viên, đình chỉ sinh hoạt cấp ủy của cấp ủy viên, đình chỉ hoạt động của tổ chức đảng và *việc quyết định cho đảng viên trở lại sinh hoạt đảng, trở lại đảm nhiệm chức vụ, cấp ủy viên trở lại sinh hoạt cấp ủy và tổ chức đảng hoạt động* trở lại phải được cấp ủy hoặc ủy ban kiểm tra có thẩm quyền quyết định theo quy định của Ban Chấp hành Trung ương”.

Các ý kiến khác lại đề nghị nên giữ như quy định hiện hành.

6.5. Một số nội dung khác

- Đề nghị thay cụm từ “các ban của cấp ủy đảng” bằng cụm từ “các ban của Đảng ở Trung ương và địa phương” tại khoản 3, Điều 25 để biên tập lại là: “Các ban của Đảng ở Trung ương và địa phương theo chức năng giúp cấp ủy hướng dẫn, kiểm tra, giám sát công tác xây dựng Đảng và công tác quần chúng trong Quân đội nhân dân và Công an nhân dân Việt Nam”.

- Có ý kiến đề nghị bổ sung hình thức kỷ luật “lưu đảng” đối với đảng viên không giữ chức vụ.

- Có ý kiến đề nghị sửa lại khoản 3, Điều 40 theo hướng: Đảng viên bị kỷ luật khiến trách, cảnh cáo trong vòng một năm; bị kỷ luật cách chức trong vòng 3 năm, kể từ ngày có quyết định, không được quy hoạch, không được bầu vào

cấp uỷ, không được bổ nhiệm vào các chức vụ tương đương và cao hơn.

7. Về kiến nghị khác

Một số ý kiến của các cấp uỷ đảng cho rằng: Điều lệ Đảng chỉ nên quy định những nguyên tắc cơ bản nhất, bao quát nhất về bản chất, mục tiêu, lý tưởng của Đảng, về tiêu chuẩn đảng viên, về tổ chức và hoạt động của Đảng..., những vấn đề khác có thể thay đổi phụ thuộc vào đặc điểm tình hình của từng giai đoạn cách mạng, có thể điều chỉnh bằng quy chế, quy định, hướng dẫn của Trung ương thì không nhất thiết phải đưa thành quy định trong Điều lệ Đảng.

Theo tinh thần đó, các ý kiến này đề nghị: Nếu bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng khoá XI thì nên nghiên cứu, lược bỏ những quy định không mang tính nguyên tắc nêu trên.

Phần thứ ba

ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG KHOÁ XI

Từ báo cáo tổng kết thi hành Điều lệ Đảng khoá XI và đề xuất bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng khoá XI (nếu có) của các cấp uỷ, tổ chức đảng, báo cáo kiểm tra chuyên đề về thực hiện Điều lệ Đảng tại 28 đầu mối tổ chức đảng trực thuộc Trung ương và kết quả kiểm tra thi hành Điều lệ Đảng khoá XI của các đoàn công tác của Tổ Biên tập và của Tiểu ban Điều lệ Đảng, Ban Chấp hành Trung ương khoá XI nhận thấy:

Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam do Đại hội XI của Đảng thông qua đã tiếp tục khẳng định những nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về xây

dựng Đảng, đáp ứng cơ bản yêu cầu, nhiệm vụ của công tác xây dựng Đảng hiện nay, là cơ sở quan trọng tạo nên sự thống nhất ý chí và hành động trong toàn Đảng, giữ vững và tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng. Một số nội dung bổ sung, sửa đổi đã phát huy tác dụng, đáp ứng yêu cầu của thực tiễn xây dựng Đảng, phù hợp với những quan điểm, nội dung quan trọng của Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011).

Tuy vậy, thông qua việc tổng kết thực tiễn, Ban Chấp hành Trung ương khoá XI cho rằng: Bên cạnh những kết quả đạt được, việc thi hành Điều lệ Đảng khoá XI vẫn còn những hạn chế, thiếu sót do việc tổ chức thi hành Điều lệ Đảng và do một số quy định trong Điều lệ Đảng hiện hành chưa đủ rõ hoặc chưa đầy đủ. Ban Chấp hành Trung ương khoá XI đề nghị: Đối với những hạn chế, thiếu sót trong tổ chức thực hiện, chúng ta cần nghiêm túc rút kinh nghiệm, kịp thời đề ra các giải pháp để khắc phục; đối với những hạn chế, vướng mắc xuất phát từ quy định của Điều lệ Đảng cần được nghiên cứu một cách kỹ lưỡng và cân nhắc việc bổ sung, sửa đổi trong Điều lệ Đảng hoặc trong các văn bản quyết định, hướng dẫn thi hành Điều lệ Đảng của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư khoá XII.

Ban Chấp hành Trung ương khoá XI xin kiến nghị với Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng về việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng khoá XI (nếu có), như sau:

I- QUAN ĐIỂM, NGUYÊN TẮC CHỈ ĐẠO

Do tính chất đặc biệt quan trọng của Điều lệ Đảng, việc bổ sung, sửa đổi (nếu có) phải bám sát các quan điểm, nguyên tắc chỉ đạo sau đây:

1. Kiên định các nguyên tắc cơ bản về Đảng và xây dựng Đảng trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh; tiếp tục nghiên cứu bổ sung, phát triển, thể chế hoá những quan điểm mới có tính nguyên tắc về xây dựng Đảng, nhất là những quan điểm mới thể hiện trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011); những nội dung mới của Hiến pháp năm 2013 về Đảng và hệ thống chính trị.

2. Kế thừa cơ bản những nội dung của Điều lệ Đảng khoá XI, chỉ nghiên cứu bổ sung, sửa đổi những quy định không còn phù hợp, hoặc còn thiếu; bổ sung vào Điều lệ Đảng những vấn đề có tính nguyên tắc đã được thực tiễn xây dựng Đảng thời gian qua kiểm nghiệm khẳng định là đúng đắn, cần thiết, chín muồi, phổ biến, thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng. Những vấn đề không mang tính nguyên tắc, không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng thì có thể điều chỉnh bằng quy định, hướng dẫn của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

3. Phát huy dân chủ, trí tuệ trong thảo luận, tập hợp đầy đủ, trung thực ý kiến tham gia của cán bộ, đảng viên, của các cấp uỷ, tổ chức đảng, các thành viên trong hệ thống chính trị, nhất là các ý kiến đã được tổng kết, đúc rút từ lý luận và thực tiễn công tác xây dựng Đảng, tạo sự thống nhất cao trong toàn Đảng để bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng (nếu có).

II- VỀ BỔ SUNG, SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ ĐẢNG

Điều lệ Đảng rất hệ trọng, mới được Đại hội XI của Đảng thông qua. Thời gian từ sau khi có hướng dẫn thi hành Điều lệ Đảng khoá XI tới nay chưa dài, một số điểm mới được bổ

sung, sửa đổi trong Điều lệ Đảng khoá XI vẫn cần có thêm thời gian để kiểm chứng. Bên cạnh đó, qua tổng kết thực tiễn thi hành Điều lệ Đảng từ đầu nhiệm kỳ tới nay cho thấy:

1. Những vướng mắc, hạn chế, khuyết điểm trong thi hành Điều lệ Đảng khoá XI chủ yếu xuất phát từ nguyên nhân chủ quan trong khâu tổ chức thi hành Điều lệ Đảng chưa nghiêm.

2. Những vướng mắc xuất phát từ quy định của Điều lệ Đảng để từ đó đề xuất bổ sung, sửa đổi không nhiều, tập trung ở 3 loại vấn đề sau:

2.1. Phần lớn các nội dung đề xuất bổ sung, sửa đổi không phải là những nội dung cơ bản, quan trọng mà nếu không sửa đổi sẽ ảnh hưởng đến công tác xây dựng Đảng như: Phần mở đầu của Điều lệ Đảng, phần quy định về đảng viên, công tác đảng viên, nhiệm kỳ của đảng bộ cơ sở, câu, chữ hoặc thay đổi tên gọi của tổ chức...

2.2. Những nội dung như: Nhiệm vụ của đảng bộ bộ phận, đồng chí thay mặt cấp uỷ cùng cấp tham gia (hoặc làm bí thư) đảng uỷ công an, một số quy định về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng, thẩm quyền giải quyết khiếu nại kỷ luật..., không nhất thiết phải quy định trong Điều lệ Đảng, mà có thể điều chỉnh bằng quy định, hướng dẫn của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

2.3. Cũng có vấn đề lớn, quan trọng như: Uỷ ban kiểm tra do cấp uỷ hay đại hội cùng cấp bầu..., nhưng ý kiến còn khác nhau chưa thực sự chín muồi để có thể bổ sung, sửa đổi ngay tại Đại hội này.

Qua tổng hợp các báo cáo của các tổ chức đảng và kết quả kiểm tra thi hành Điều lệ Đảng khoá XI cho thấy: Đa số các đề xuất, kiến nghị bổ sung, sửa đổi tập trung vào các quy định, hướng dẫn thi hành Điều lệ Đảng của Trung ương.

Với lý do đó, Ban Chấp hành Trung ương khoá XI trình Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng cho giữ Điều lệ Đảng hiện hành (không bổ sung, sửa đổi); những vấn đề vướng mắc được các cấp uỷ, tổ chức đảng đề xuất bổ sung, sửa đổi, đề nghị Đại hội giao Bộ Chính trị, Ban Bí thư khoá XII nghiên cứu, điều chỉnh bằng quy định của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư khoá XII, không nhất thiết phải quy định trong Điều lệ Đảng.

*

* *

Trên đây là toàn bộ nội dung của Báo cáo tổng kết thi hành Điều lệ Đảng khoá XI và đề xuất bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng khoá XI (nếu có) tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng.

Ban Chấp hành Trung ương khoá XI xin báo cáo Đại hội xem xét, quyết định.

NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ XII ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII Đảng Cộng sản Việt Nam họp từ ngày 20-01-2016 đến ngày 28-01-2016, tại Thủ đô Hà Nội, sau khi thảo luận các văn kiện do Ban Chấp hành Trung ương khoá XI trình,

QUYẾT NGHỊ

I- Tán thành những nội dung cơ bản về đánh giá tình hình 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội XI (2011 - 2015) và phương hướng, nhiệm vụ 5 năm 2016 - 2020 nêu trong Báo cáo chính trị, Báo cáo kinh tế - xã hội của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XI trình Đại hội:

1. Đánh giá tổng quát kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội XI và nhìn lại 30 năm đổi mới

Năm năm qua (2011 - 2015), bên cạnh những thời cơ, thuận lợi, tình hình thế giới, khu vực có nhiều diễn biến rất phức tạp; kinh tế thế giới phục hồi chậm; khủng hoảng chính trị ở nhiều nơi, nhiều nước; cạnh tranh về nhiều mặt ngày càng quyết liệt giữa các nước lớn tại khu vực; diễn biến phức

tập trên Biển Đông,... đã tác động bất lợi đến nước ta. Trong nước, ngay từ đầu nhiệm kỳ, cùng với những ảnh hưởng của khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu, những hạn chế, khiếm khuyết vốn có của nền kinh tế, những hạn chế, yếu kém trong lãnh đạo, quản lý và những vấn đề mới phát sinh đã làm cho lạm phát tăng cao, ảnh hưởng nghiêm trọng đến ổn định kinh tế vĩ mô, tốc độ tăng trưởng và đời sống nhân dân. Thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu gây thiệt hại nặng nề. Nhu cầu bảo đảm an sinh xã hội, phúc lợi xã hội ngày càng cao. Đồng thời, chúng ta phải dành nhiều nguồn lực để bảo đảm quốc phòng, an ninh và bảo vệ chủ quyền đất nước trước những diễn biến mới, phức tạp của tình hình khu vực và quốc tế. Trong bối cảnh đó, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta đã nỗ lực phấn đấu thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XI của Đảng và đạt được ***những thành quả quan trọng***.

Nền kinh tế vượt qua nhiều khó khăn, thách thức, quy mô và tiềm lực được nâng lên; kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định, lạm phát được kiểm soát; tăng trưởng kinh tế được duy trì ở mức hợp lý, từ năm 2013 dần phục hồi, năm sau cao hơn năm trước. Đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế và thực hiện ba đột phá chiến lược được tập trung thực hiện, bước đầu đạt kết quả tích cực. Giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, văn hoá, xã hội, y tế có bước phát triển. An sinh xã hội được quan tâm nhiều hơn và cơ bản được bảo đảm, đời sống của nhân dân tiếp tục được cải thiện. Chính trị - xã hội ổn định; quốc phòng, an ninh được tăng cường; kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, giữ vững hoà bình, ổn định. Quan hệ đối ngoại, hội nhập quốc tế ngày

càng sâu rộng, hiệu quả. Vị thế, uy tín quốc tế của nước ta tiếp tục được nâng cao. Dân chủ xã hội chủ nghĩa và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc tiếp tục được phát huy. Công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị được chú trọng và đạt kết quả quan trọng.

Tuy nhiên, đổi mới chưa đồng bộ và toàn diện. Một số chỉ tiêu kinh tế - xã hội chưa đạt kế hoạch; nhiều chỉ tiêu, tiêu chí trong mục tiêu phấn đấu để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại chưa đạt được. Nhiều hạn chế, yếu kém trong các lĩnh vực giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, văn hoá, xã hội, y tế chậm được khắc phục. Đời sống của một bộ phận nhân dân, nhất là ở vùng sâu, vùng xa còn nhiều khó khăn. Bốn nguy cơ mà Đảng ta chỉ ra vẫn còn tồn tại, có mặt diễn biến phức tạp. Tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên và tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí chưa bị đẩy lùi. Một số mặt công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị chuyển biến chậm.

Ba mươi năm đổi mới là một giai đoạn lịch sử quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước, đánh dấu sự trưởng thành về mọi mặt của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta. Đổi mới mang tầm vóc và ý nghĩa cách mạng, là quá trình cải biến sâu sắc, toàn diện, triệt để, là sự nghiệp cách mạng to lớn của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân vì mục tiêu “*dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh*”.

Nhìn tổng thể, qua 30 năm đổi mới, đất nước ta đã đạt được ***những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử***; đồng thời cũng còn nhiều vấn đề lớn, phức tạp, ***nhiều hạn chế, yếu kém*** cần phải tập trung giải quyết, khắc phục để tiếp tục đưa đất nước phát triển nhanh và bền vững hơn.

Những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử qua 30 năm đổi mới khẳng định đường lối đổi mới của Đảng ta là đúng đắn, sáng tạo; con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của nước ta là phù hợp với thực tiễn của Việt Nam và xu thế phát triển của lịch sử. Thành tựu và những kinh nghiệm, bài học đúc kết từ thực tiễn đã tạo tiền đề, nền tảng quan trọng để đất nước ta tiếp tục đổi mới và phát triển mạnh mẽ trong những năm tới.

2. Mục tiêu tổng quát, các chỉ tiêu quan trọng và nhiệm vụ trọng tâm trong 5 năm 2016 - 2020

Năm năm tới, tình hình thế giới và khu vực sẽ còn nhiều diễn biến rất phức tạp, tác động trực tiếp đến nước ta, tạo ra cả thời cơ và thách thức. Hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn. Toàn cầu hoá, hội nhập quốc tế, cách mạng khoa học - công nghệ, kinh tế tri thức tiếp tục được đẩy mạnh. Châu Á - Thái Bình Dương, trong đó có khu vực Đông Nam Á đã trở thành một cộng đồng, tiếp tục là trung tâm phát triển năng động, có vị trí địa - kinh tế - chính trị chiến lược ngày càng quan trọng; đồng thời, đây cũng là khu vực cạnh tranh chiến lược giữa một số nước lớn, có nhiều nhân tố bất ổn; tranh chấp lãnh thổ, chủ quyền biển, đảo trong khu vực và trên Biển Đông còn diễn ra gay gắt.

Ở trong nước, thế và lực, sức mạnh tổng hợp của đất nước tăng lên, uy tín quốc tế của đất nước ngày càng được nâng cao. Nước ta sẽ thực hiện đầy đủ các cam kết trong Cộng đồng ASEAN và WTO, tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới, hội nhập quốc tế với tầm mức sâu rộng hơn nhiều so với giai đoạn trước. Thời cơ, vận hội phát triển mở ra rộng lớn. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức.

Bốn nguy cơ mà Đảng ta đã chỉ ra vẫn tồn tại, nhất là nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế so với các nước trong khu vực và trên thế giới; nguy cơ “*diễn biến hoà bình*” của thế lực thù địch nhằm chống phá nước ta; tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “*tự diễn biến*”, “*tự chuyển hoá*” trong một bộ phận cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức; sự tồn tại và những diễn biến phức tạp của tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí,...

Để tận dụng, phát huy tốt nhất thời cơ, thuận lợi, vượt qua khó khăn, thách thức, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta cần đoàn kết một lòng, quyết tâm thực hiện thắng lợi mục tiêu, các chỉ tiêu và nhiệm vụ sau:

Mục tiêu tổng quát:

Tăng cường xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh. Phát huy sức mạnh toàn dân tộc và dân chủ xã hội chủ nghĩa. Đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới; phát triển kinh tế nhanh, bền vững, phấn đấu sớm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa. Giữ gìn hoà bình, ổn định, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế để phát triển đất nước; nâng cao vị thế và uy tín của Việt Nam trong khu vực và trên thế giới.

Các chỉ tiêu quan trọng:

- Về kinh tế: Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân 5 năm đạt 6,5 - 7%/năm. Đến năm 2020, GDP bình quân đầu người

khoảng 3.200 - 3.500USD; tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ trong GDP khoảng 85%; tổng vốn đầu tư toàn xã hội bình quân 5 năm bằng khoảng 32 - 34% GDP; bội chi ngân sách nhà nước còn khoảng 4% GDP. Năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) đóng góp vào tăng trưởng khoảng 30 - 35%; năng suất lao động xã hội bình quân tăng khoảng 5%/năm; tiêu hao năng lượng tính trên GDP bình quân giảm 1 - 1,5%/năm. Tỷ lệ đô thị hoá đến năm 2020 đạt 38 - 40%.

- *Về xã hội* : Đến năm 2020, tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội khoảng 40%; tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt khoảng 65 - 70%, trong đó có bằng cấp, chứng chỉ đạt 25%; tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị dưới 4%; có 9 - 10 bác sĩ và trên 26,5 giường bệnh trên 1 vạn dân; tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đạt trên 80% dân số; tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân khoảng 1,0 - 1,5%/năm.

- *Về môi trường*: Đến năm 2020, 95% dân cư thành thị, 90% dân cư nông thôn được sử dụng nước sạch, hợp vệ sinh và 85% chất thải nguy hại, 95 - 100% chất thải y tế được xử lý; tỷ lệ che phủ rừng đạt 42%.

Các nhiệm vụ trọng tâm:

Trong nhiệm kỳ Đại hội XII, trên cơ sở quán triệt và lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện việc thực hiện các quan điểm, nhiệm vụ trên tất cả các lĩnh vực đã nêu trong Báo cáo chính trị và Báo cáo kinh tế - xã hội, cần đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, phát huy mọi nguồn lực và động lực để phát triển đất nước nhanh, bền vững; đặc biệt chú trọng tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện có kết quả các nhiệm vụ trọng tâm sau:

(1) Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống,

biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” trong nội bộ. Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là đội ngũ cán bộ cấp chiến lược, đủ năng lực, phẩm chất và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ.

(2) Xây dựng tổ chức bộ máy của toàn hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu.

(3) Tập trung thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả ba đột phá chiến lược (hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục, đào tạo; phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao; xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ), cơ cấu lại tổng thể và đồng bộ nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng; đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, chú trọng công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới. Chú trọng giải quyết tốt vấn đề cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước, cơ cấu lại ngân sách nhà nước, xử lý nợ xấu và bảo đảm an toàn nợ công.

(4) Kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; giữ vững môi trường hoà bình, ổn định để phát triển đất nước; bảo đảm an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội. Mở rộng và đưa vào chiều sâu các quan hệ đối ngoại; tận dụng thời cơ, vượt qua thách thức, thực hiện hiệu quả hội nhập quốc tế trong điều kiện mới, tiếp tục nâng cao vị thế và uy tín của đất nước trên trường quốc tế.

(5) Thu hút, phát huy mạnh mẽ mọi nguồn lực và sức sáng tạo của nhân dân. Chăm lo nâng cao đời sống vật chất,

tin thần, giải quyết tốt những vấn đề bức thiết; tăng cường quản lý phát triển xã hội, bảo đảm an ninh xã hội, an ninh con người; bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao phúc lợi xã hội và giảm nghèo bền vững. Phát huy quyền làm chủ của nhân dân, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc.

(6) Phát huy nhân tố con người trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội; tập trung xây dựng con người về đạo đức, nhân cách, lối sống, trí tuệ và năng lực làm việc; xây dựng môi trường văn hoá lành mạnh.

II- Thông qua Báo cáo kiểm điểm sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XI trình Đại hội XII.

Giao Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XII tiếp thu ý kiến của Đại hội, phát huy ưu điểm, khắc phục khuyết điểm, nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo trong nhiệm kỳ tới.

III- Thông qua Báo cáo tổng kết việc thi hành Điều lệ Đảng khoá XI; đồng ý không sửa đổi, bổ sung Điều lệ Đảng hiện hành.

Giao Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XII hướng dẫn, quy định cụ thể và tăng cường kiểm tra, giám sát, bảo đảm thi hành nghiêm, thống nhất Điều lệ trong toàn Đảng.

IV- Thông qua Báo cáo tổng kết thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khoá XI “Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay”. Giao Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XII kiên quyết, kiên trì với quyết tâm chính trị cao lãnh đạo, chỉ đạo tiếp tục thực hiện toàn diện Nghị quyết Trung ương 4 khoá XI “Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay” gắn với việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng.

V- Thông qua kết quả bầu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XII gồm 200 đồng chí, trong đó 180 đồng chí Ủy viên Trung ương chính thức, 20 đồng chí Ủy viên Trung ương dự khuyết.

VI- Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XII và các cấp uỷ, tổ chức đảng lãnh đạo, chỉ đạo cụ thể hoá và tổ chức thực hiện thắng lợi đường lối và những chủ trương nêu trong các văn kiện Đại hội XII.

Đại hội kêu gọi toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, đồng bào ta ở nước ngoài phát huy cao độ tinh thần yêu nước, ý chí tự lực tự cường, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, ra sức thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội, mở ra thời kỳ phát triển mới, vẻ vang, tốt đẹp của đất nước, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Hà Nội, ngày 28 tháng 01 năm 2016
ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC
LẦN THỨ XII ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

DIỄN VĂN BẾ MẠC
ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ XII
ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

(Do đồng chí Nguyễn Phú Trọng, Tổng Bí thư Ban Chấp hành
Trung ương Đảng khóa XII trình bày,
ngày 28 tháng 1 năm 2016)

Thưa Đoàn Chủ tịch Đại hội,
Thưa các vị đại biểu khách quý,
Thưa toàn thể Đại hội,

Sau hơn 8 ngày làm việc nghiêm túc, khẩn trương với tinh thần “*Đoàn kết - Dân chủ - Kỷ cương - Đổi mới*”, với ý thức trách nhiệm cao trước Đảng, nhân dân và đất nước, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng đã hoàn thành tốt đẹp toàn bộ nội dung, chương trình đề ra.

Đại hội đã thảo luận sôi nổi, thẳng thắn, dân chủ và nhất trí cao thông qua các văn kiện quan trọng: Báo cáo chính trị; Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011 - 2015 và phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020; Báo cáo kiểm điểm sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương khoá XI; Báo cáo tổng kết việc thi hành Điều lệ Đảng khoá XI và Báo cáo tổng kết việc thực hiện Nghị quyết

Trung ương 4 khoá XI “Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay”.

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Trung ương gồm các đồng chí tiêu biểu cho hơn 4,5 triệu đảng viên, có đủ tiêu chuẩn về phẩm chất, năng lực, trình độ và đạo đức để gánh vác trọng trách nặng nề do Đảng và nhân dân giao phó.

Thư Đại hội,

Các văn kiện được thông qua tại Đại hội lần này được xây dựng trên cơ sở tổng kết sâu sắc lý luận và thực tiễn 30 năm đổi mới, 5 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011), Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020 và 2 năm thực hiện Hiến pháp năm 2013; kết tinh trí tuệ, ý chí, nguyện vọng của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta. Các văn kiện tiếp tục khẳng định, hoàn thiện quan điểm, đường lối đổi mới của Đảng ta trên cơ sở vận dụng sáng tạo, phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và tiếp thu những kinh nghiệm quốc tế phù hợp với điều kiện nước ta; xác định mục tiêu, nhiệm vụ xây dựng, bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn phát triển mới đầy triển vọng và không ít khó khăn, thách thức.

Đại hội biểu thị sự thống nhất ý chí và quyết tâm sắt đá của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta trong những năm tới, thực hiện bằng được mục tiêu tổng quát: *“Tăng cường xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh. Phát huy sức mạnh toàn dân tộc và dân chủ xã hội chủ nghĩa. Đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới; phát triển kinh tế nhanh, bền vững, phấn đấu sớm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện*

đại. Nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa. Giữ gìn hoà bình, ổn định, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế để phát triển đất nước. Nâng cao vị thế và uy tín của Việt Nam trong khu vực và trên thế giới”.

Để thực hiện mục tiêu cao cả đó, Đại hội đã thảo luận và thông qua những chủ trương, quyết sách quan trọng, có giá trị định hướng và chỉ đạo sâu sắc toàn bộ quá trình triển khai tổ chức thực hiện phương hướng, nhiệm vụ phát triển đất nước nhanh, bền vững, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Nhận thức sâu sắc sứ mệnh và trọng trách trước đất nước, dân tộc, Đại hội khẳng định quyết tâm tiếp tục tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng, nâng cao bản lĩnh chính trị, năng lực trí tuệ, phẩm chất và đạo đức cách mạng, làm cho Đảng ta thật sự trong sạch, vững mạnh, củng cố vững chắc niềm tin của nhân dân đối với Đảng. Đại hội nhấn mạnh yêu cầu tăng cường sự đoàn kết, thống nhất ý chí và hành động của toàn Đảng trên cơ sở Cương lĩnh, đường lối, quan điểm, nguyên tắc của Đảng; thường xuyên bồi đắp sự gắn bó mật thiết giữa Đảng với nhân dân - những phẩm chất cao quý, tốt đẹp, cốt lõi thể hiện bản chất và sức sống của Đảng.

Chúng ta vui mừng báo cáo với toàn Đảng, toàn dân, toàn quân rằng: Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng Cộng sản Việt Nam đã thành công rất tốt đẹp.

Thưa Đại hội,

Tại Đại hội XII của Đảng, nhiều đồng chí trong Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư khoá XI còn sức khoẻ, đầy nhiệt huyết và kinh nghiệm công tác song đã

gương mẫu, không ứng cử vào Ban Chấp hành Trung ương khoá XII, tạo điều kiện để trẻ hoá, bổ sung lực lượng mới vào cơ quan lãnh đạo của Đảng trong nhiệm kỳ mới. Đó là một nghĩa cử cao đẹp, đầy trách nhiệm. Đại hội chân thành cảm ơn và đánh giá cao những cống hiến của các đồng chí và xin chúc các đồng chí khoẻ mạnh, hạnh phúc, tiếp tục đóng góp tâm huyết, năng lực, kinh nghiệm của mình vào sự nghiệp vẻ vang của Đảng và dân tộc ta.

Đại hội đã tiến hành nghiêm túc, đúng Điều lệ Đảng, sáng suốt lựa chọn và bầu các đồng chí đủ tiêu chuẩn, xứng đáng vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XII gồm: 180 đồng chí Ủy viên Trung ương chính thức và 20 đồng chí Ủy viên Trung ương dự khuyết. Đại hội trao cho Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XII trọng trách lãnh đạo toàn Đảng, toàn dân, toàn quân thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội. Nhận rõ trách nhiệm to lớn, nặng nề song hết sức vẻ vang trước Đảng, nhân dân và đất nước, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XII nguyện đoàn kết một lòng, toàn tâm toàn ý phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân, không ngừng rèn luyện, nâng cao năng lực, trình độ, bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức theo tấm gương Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, phát huy năng lực, đem hết sức mình cùng toàn Đảng, toàn dân, toàn quân thực hiện thắng lợi những mục tiêu, nhiệm vụ to lớn đã được Đại hội xác định.

Thưa các đồng chí,

Đại hội trân trọng, nhiệt liệt hoan nghênh và chân thành cảm ơn sự tham gia nhiệt tình, trách nhiệm và những đóng góp quý báu của các cấp uỷ, tổ chức đảng, của toàn thể cán bộ, đảng viên, các đại biểu Quốc hội, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân, các vị lão thành cách mạng, các nhân sĩ,

trí thức, cùng đông đảo nhân dân và chiến sĩ trên cả nước, đồng bào ta ở nước ngoài vào dự thảo các văn kiện Đại hội, góp phần quan trọng vào thành công của Đại hội.

Đại hội xin gửi lời cảm ơn chân thành và sâu sắc đến các chính đảng, tổ chức và bạn bè quốc tế đã gửi điện chúc mừng Đại hội, biểu thị những tình cảm hữu nghị và đoàn kết tốt đẹp đối với Đảng ta, nhân dân ta và đất nước ta.

Đại hội đã nhận được rất nhiều thư, điện chúc mừng đến từ mọi miền đất nước và của đồng bào ta ở nước ngoài. Xin chân thành cảm ơn những tình cảm tốt đẹp của đồng chí, đồng bào dành cho Đại hội.

Đại hội nhiệt liệt hoan nghênh và chân thành cảm ơn các cơ quan thông tấn, báo chí trong và ngoài nước đã đến dự và kịp thời đưa tin về Đại hội.

Đại hội biểu dương và cảm ơn các Tiểu ban chuẩn bị Đại hội và Tiểu ban Tổ chức phục vụ Đại hội XII của Đảng cùng toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, các sĩ quan và chiến sĩ các lực lượng vũ trang đã tận tụy làm tốt công tác phục vụ, góp phần thiết thực vào thành công của Đại hội.

Thư Đại hội,

Thành công tốt đẹp của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng cổ vũ mạnh mẽ toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta vượt qua khó khăn, thách thức, tranh thủ cơ hội mới, phấn đấu sớm đưa nước ta cơ bản thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Ngay sau Đại hội, tất cả các cấp uỷ, tổ chức đảng cần làm tốt việc phổ biến, tuyên truyền sâu rộng trong toàn Đảng, toàn dân, toàn quân về kết quả Đại hội; nghiên cứu, quán triệt sâu sắc Nghị quyết và các văn kiện Đại hội; khẩn trương xây dựng, triển khai chương trình, kế

hoạch hành động, khơi dậy phong trào thi đua yêu nước sâu rộng trong các tầng lớp nhân dân, đưa Nghị quyết Đại hội vào cuộc sống.

Đại hội kêu gọi toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, đồng bào ta ở nước ngoài hãy phát huy cao độ tinh thần yêu nước, ý chí tự lực tự cường, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, ra sức thi đua thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội, mở ra thời kỳ phát triển mới, vẻ vang, tốt đẹp của đất nước, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Thưa Đại hội,

Mùa Xuân Bính Thân đang về, mang theo những điều tốt lành. Chúng ta đang chuẩn bị kỷ niệm 86 năm Ngày thành lập Đảng quang vinh. Với quyết tâm mới, khí thế mới, sức sống mới, với niềm tin tưởng sâu sắc vào sức mạnh, ý chí của toàn Đảng, toàn dân tộc, vào tương lai tươi sáng của đất nước, tôi xin long trọng tuyên bố bế mạc Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Vinh quang đời đời thuộc về dân tộc Việt Nam văn hiến và anh hùng!

Đảng Cộng sản Việt Nam quang vinh muôn năm!

Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam muôn năm!

Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại sống mãi trong sự nghiệp của chúng ta!

Xin trân trọng cảm ơn.

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
<i>Chú dẫn của Nhà xuất bản</i>	5
VĂN KIẾN ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ X	7
- Diễn văn khai mạc Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X Đảng Cộng sản Việt Nam (Do đồng chí Trần Đức Lương, Ủy viên Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá IX, Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam trình bày, ngày 18 tháng 4 năm 2006)	9
- Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển (Báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá IX về các văn kiện Đại hội X của Đảng do đồng chí Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh trình bày, ngày 18 tháng 4 năm 2006)	14
- Bản trình bày của Đoàn Chủ tịch về ý kiến thảo luận của các đại biểu đối với các văn kiện đại hội X của Đảng (Do đồng chí Nguyễn Phú Trọng, Ủy viên Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX trình bày, ngày 24 tháng 4 năm 2006)	45
- Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển (Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá IX tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng)	83
- Báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá IX về phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006 - 2010 tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng	143
	871

- Báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác xây dựng Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng 225
- Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam (Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X thông qua ngày 25 tháng 4 năm 2006) 262
- Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X Đảng Cộng sản Việt Nam 293
- Diễn văn bế mạc Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X Đảng Cộng sản Việt Nam (Do đồng chí Nông Đức Mạnh, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X trình bày, ngày 25 tháng 4 năm 2006) 295

**VĂN KIẾN ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC
LẦN THỨ XI**

301

- Diễn văn khai mạc Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI Đảng Cộng sản Việt Nam (Do đồng chí Nguyễn Minh Triết, Ủy viên Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X, Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trình bày, ngày 12 tháng 1 năm 2011) 303
- Tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại (Báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về các Văn kiện Đại hội XI của Đảng do đồng chí Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh trình bày, ngày 12 tháng 1 năm 2011) 308
- Báo cáo tiếp thu giải trình của Đoàn Chủ tịch về ý kiến thảo luận của các đại biểu đối với các văn kiện đại hội XI của Đảng (Do đồng chí Trương Tấn Sang, Ủy viên Bộ Chính trị, Thường trực Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa X trình bày, ngày 18 tháng 1 năm 2011) 343
- Tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ

bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại (Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá X tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng)	374
- Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020	457
- Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Bổ sung, phát triển năm 2011)	497
- Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam (Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI thông qua ngày 19 tháng 1 năm 2011)	517
- Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI Đảng Cộng sản Việt Nam	549
- Diễn văn bế mạc Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI Đảng Cộng sản Việt Nam (Do đồng chí Nguyễn Phú Trọng, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI trình bày, ngày 19 tháng 1 năm 2011)	561

VĂN KIẾN ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ XII

- Diễn văn khai mạc Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII Đảng Cộng sản Việt Nam (Do đồng chí Trương Tấn Sang, Ủy viên Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI, Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trình bày, ngày 21 tháng 01 năm 2016)	569
- Tăng cường xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh; phát huy sức mạnh toàn dân tộc, dân chủ xã hội chủ nghĩa; đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới; bảo vệ vững chắc tổ quốc, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định; phấn đấu sớm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại (Báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về các văn kiện Đại hội XII của Đảng do đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng trình bày, ngày 21 tháng 01 năm 2016)	573
- Báo cáo tiếp thu, giải trình của Đoàn Chủ tịch Đại hội về ý kiến thảo luận của các đại biểu đối với các văn kiện trình đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng (Do đồng chí Đinh Thế Huynh, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng	

khóa XI, Trưởng Ban Tuyên giáo Trung ương trình bày, ngày 26 tháng 01 năm 2016)	603
- Tăng cường xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh; phát huy sức mạnh toàn dân tộc, dân chủ xã hội chủ nghĩa; đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới; bảo vệ vững chắc tổ quốc, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định; phấn đấu sớm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại (Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng)	623
- Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011 - 2015 và phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020	735
- Báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về tổng kết việc thi hành Điều lệ đảng khóa XI và đề xuất bổ sung, sửa đổi Điều lệ đảng khóa XI (nếu có) (Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng)	806
- Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII Đảng Cộng sản Việt Nam	856
- Diễn văn bế mạc Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII Đảng Cộng sản Việt Nam (Do đồng chí Nguyễn Phú Trọng, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII trình bày, ngày 28 tháng 1 năm 2016)	865

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT, Số 6/88 Duy Tân, Cầu Giấy, Hà Nội
ĐT: 080.49221, Fax: 080.49222, Email: suthat@nxbctqg.vn, Website: www.nxbctqg.vn

TÌM ĐỌC SÁCH CỦA NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

Đảng Cộng sản Việt Nam

* VĂN KIẾN ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ XII

* VĂN KIẾN ĐẠI HỘI ĐẢNG THỜI KỲ ĐỔI MỚI
PHẦN I (ĐẠI HỘI VI, VII, VIII, IX)



SÁCH NHÀ NƯỚC ĐẶT HÀNG